MILINDA VẤN ĐẠO (Milindapañha)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 5 (VNC PHVN, 2021)

MILINDAVẤNĐẠO (MILINDAPAÑHA)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Milindapañhapāli là một tác phẩm có giá trị trong nền văn học Phật giáo Theravãda. Milinda là tên của một vị vua, còn từ pañha có nghĩa là "câu h6i". Như vậy, tựa đề Milindapañha được dịch sát nghĩa sang tiếng Việt sẽ là "Những câu hỏi của Milindd'; chúng tôi chọn tựa đề tiếng Việt cho tác phẩm Milindapañhapāli là "Milinda vấn O." Tập kinh Mihndapañhapāli thuật lại cuộc đối thoại giữa đức Vua Milinda và vi Tỳ-khưu Nāgasena. Tập kinh này giải thích về một số điểm khúc mắc trong giáo pháp và còn là một tài liệu có giá tri về khía cạnh ngôn ngữ. Tuy nhiên, danh tánh của tác giả cũng như thời điểm thực hiện không thể xác đinh được, có tài liệu phỏng định rang tác phẩm này đã xuất hiện vào khoảng the kỷ I Tây lịch. Một cách xác định khác là căn cứ vào việc văn bản này có đề cập đến tu viện Asoka ở thành phố Pātaliputta để đưa đến kết luận rằng việc thực hiện tác phẩm này đã được tiến hành sau thời kỳ đức Vua Asoka, nghĩa là sau thế kỷ III TTL. Thêm vào đó, một điểm mốc khác được xác định chắc chắc là văn bản này đã được thực hiện trước thế kỷ v Tây lịch, là thời điểm vị Chú giải sư Buddhaghosa thực hiện các bộ Atthakathā (Chú giải), bởi vì các Chủ giải ấy đã có đề cập đến văn bản Milindapañhapāli. Căn cứ vào dòng chữ cuối của bản kinh, được biết rằng vị Đại Trưởng lão tên Doni sông ở thành phô Doni thuộc xứ Lanka đã nghe và viêt lại thành sách đúng theo sự sắp xếp của nó. Có sự nhận định rằng tập kinh này tuy đã được ghi lại ở xứ Tích Lan nhưng vẫn có xuất xứ từ Ấn Độ, bởi vì các địa danh được đề cập trong văn bản này hoàn toàn là các địa danh ở An Độ, và không có địa điểm nào của Tích Lan được nói đến. Tuy nhiên, cũng không thể truy nguyên được nguồn gốc là bằng cách nào và vào lúc nào tập kinh này đã được truyền đến hòn đảo Tích Lan. Một điểm khác nữa đáng được lim ý là bản dịch tiếng Trung Quốc tên Nāgasenabhiksusūtra, có thời điểm thực hiện được biết vào khoảng thế kỷ IV đã được tìm thấy. Bản dịch này ngắn gọn hơn và có một vài điểm khác biệt so với văn bản Pali, điều ấy đưa đến giả thuyết cho rằng văn bản đầu tiên của Milindapañha đã được thực hiện chỉ có bấy nhiêu, sau đó được truyền sang Trung Quốc rồi được dịch sang tiếng bản xứ, còn văn bản PãIi tồn tại ở Ấn Độ đã được tiêp tục phát triên thêm trong khoảng thời gian vê sau đê có được văn bản như ngày hôm nay; để khẳng định điều này, cần phải có thêm nhiều chứng cớ khác nữa. Ngoài ra, còn có tác phẩm Milindatīkā (Sớ giải Milinda)

đã được thực hiện ở Tích Lan bởi vị Trưởng lão Mahātipitaka Cūlābhayathero, nghĩa là vị Trưởng lão tên Cūjābhaya có danh hiệu là Mahātipitaka (Đại Tam tạng). Sớ giải này đã giải thích một số điểm khó hiểu ở trong văn bản chính và có tên gọi là Madhuratthappakāsiñī. Tập kinh này đã được dịch sang tiếng Việt từ tài liệu có nguồn gốc tiếng Hán, và gân đây từ những tài liệu tiêng Anh, nhưng những văn bản này rát

ngăn gọn. Đặc biệt có bản dịch của Hòa thượng Giới Nghiêm với tựa đê “Mi-tiên vân đáp)" là đầy đủ nhất, tuy nhiên chúng tôi thiển nghĩ rằng Hòa thượng đã chọn lối dịch giảng, thay vì bám sát nguyên bản. Bản dịch này đã được Thượng tọa Giới Đức hiệu đính lại cũng theo tinh thần trên. Nấu muốn tham khảo thêm tài liệu tiếng Anh thì nên xem bản dịch đày đủ của của Giáo sư L B. Homer đã được Hội Pali Text Society in vào năm 1969 gồm có hai tập. về nội dung, tập kinh Milindapañhapāli {Milinda vấn đạo) ghi lại những câu hỏi của đức Vua Milinda về giáo pháp của đức Phật Gotama và các câu trả lời của vị Tỳ-khưu Nāgasena. Theo văn bản, đức Vua tên Milinda ở thành Sāgala, thuộc xứ Jambudīpa (Ấn Độ) là người thông minh, có ý cầu học, đã thường tìm đên các nhà triet học, các giáo chủ đương thời đê học hỏi. Tuy nhiên, những câu trả lời của các vị này đã không làm cho đức Vua được thỏa mãn. Các vi A-la- hán trong Phật giáo cũng không ngoại lệ, và kết quả là các vị Tỳ-khưu, dẫu là bậc Thánh hoặc còn là phàm nhân, đều phải ẩn cư để khỏi phải đối diện với những câu hỏi hóc búa của vị vua này. Cuối cung, vi thiên tử Mahāsena đang cư ngụ ở cung điện Ketumatī đã được thỉnh cau hạ sanh vào the giới loài người để làm công việc tế độ đức Vua Milinda. Vi thiên tử đồng ý và đã được sanh ra trong gia đình người Bà-la-mồn tên Sonuttara, sau đó lớn lên là đứa bé trai Nāgasena. Vào lúc bảy tuôi, được cha thuê thây dạy học, và đứa bé đã học được \ Q. rành rẽ ba bộ Vệ-đà chỉ sau một lân nghe qua. Sau đó, đứa bé đã được Đại đức Rohana tế độ và cho xuất gia làm Sa-di, cho học tạng Vi diệu pháp. Và vị Sa-di Nāgasena chỉ với một lân đọc đã thông thạo tát cả tạng Vi diệu pháp áy. Vào năm hai mươi tuổi, Nāgasena đã được thọ giới trở thành vị Tỳ-khưu và được thây tê độ gởi đên tu viện Vattaniya đê học với Ngài Assagutta. Tại đây, Đại đức Nāgasena đã thành tựu Thánh quả Nhập lưu. Rồi sau đó, Đại đức Nāgasena đã được gởi đến tu viện Asoka ở Pātaliputta để học với Ngài Dhammarakkhita. Sau đó, trong sự chứng minh của Ngài Dhammarakkhita, Đại đức Nāgasena đã học Tam tạng, lời dạy của đức Phật, vê phân văn tự chỉ với một lân đọc trong ba tháng, roi thêm ba tháng nữa chú tâm ve phan ý nghĩa. Sau đó, nhờ vào sự sách tẩn của Ngài Dhammarakkhita, Đại đức Nāgasena đã đạt được phẩm vị A-la- hán cùng với các tuệ phân tích ngay trong đêm ấy. Sau đó, nhận lời thỉnh mời của các vị A-la-hán ở cao nguyên Rakkhita núi Hy-mã-lạp, Đại đức Nāgasena đã rời tu viện Asoka đi đến nơi ấy bằng thần thông và đã nhận lời việc đối đáp với đức Vua Milinda. Các câu hỏi của đức Vua Milinda đề cập đến nhiều lãnh

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU 771

Vực của Phật giáo, và các câu trả lời thông minh của vị Tỳ-khưu Nâgasena giúp cho người đọc có thể hiểu thêm về lời dạy của đức Phật. Vê hình thức sáp xép, phân Nigamanam (Đoạn két) ở cuôi tập kinh có ghi như sau: "Các câu hỏi của đức Vua Milinda được truyền đạt ở trong tập sách này gồm có 262 câu hỏi, được chia thành 22 phẩm, thuộc về 6 chương, như vậy là đây đủ. Tuy nhiên còn có 42 câu hỏi chưa được truyền đạt. Tông cộng tát cả các câu hỏi đã được truyền đạt và chưa được truyền đạt là 304 câu hỏi. Hết thảy tất cả được gọi tên là: "Các câu hỏi của đức Vua Milinda^ ở dây, 6 chương đã được nêu ra là: Sự liên hệ trong quả khứ. Câu hỏi của đức Vua Mỉlinda. Cảu hỏi vê hành tướng. Câu hỏi đôi chọi. Câu hỏi (giảng băng sự) suy luận, Câu hỏi giảng về các vỉ dụ; còn các con số 22 phẩm (yagga) và 304 câu hỏi vẫn là điều đang làm phân

vân các nhà nghiên cứu. về 42 câu hỏi chưa được truyền đạt, phân Mātikā (Các tiêu đê) ở chương Opammakathāpañhā (Câu hỏi giảng vê các vỉ dụ) giới thiệu 105 ví dụ, nhưng chỉ có 67 ví dụ được trình bày dưới dạng câu hỏi, và các câu hỏi chưa được trình bày là 38 chứ không phải 42. Nói tóm lại, đây là một sự kiện có thật đã xảy ra ở tu viện Sankheyya, thuộc kinh đô Sagala của nước Bactria. Các công trình nghiên cứu đã xác định rằng đức Vua Milinda chính là vi vua người gốc Hy Lạp (Greek) tên Menander đã cai tri xứ Bactria ở vùng Tây Bắc của Án Độ (India) vào khoảng thế kỷ II Tây lịch. Còn lai lịch của vi Tỳ-khưu Nâgasena không tìm ra được, có the vì các sử liệu chỉ tập trung ghi lại các sinh hoạt của triều đại vua chúa. Có hai điểm lưu ý cần được nêu lên ở đây là việc đức Vua Milinda đã từng đi đến tham vấn sáu vi Giáo chủ ngoại đạo Pūrana Kassapa, Makkhali Gosāla, Nigantha Nātaputta, Sañjaya Bellatthiputta, Ajita Kesakambalī, Kakudhā Kaccāyana. Điều này xét ra không được hợp lý vì những vi Giáo chủ này sống cùng thời với đức Phật. Như vậy, nếu các giáo phái này còn tồn tại đến thời kỳ của đức Vua Milinda thì cũng chỉ có thê là các hậu duệ của sáu vi này. Điêu khác nữa là có nhiều trích dẫn của Tỳ-khưu Nāgasena cho biết là lời dạy của đức Phật nhưng không the tìm ra được ở Tam tạng Pali đang sử dụng hiện nay; do đó chúng tôi chỉ ghi lại những phần trích dẫn mà chúng tôi có thể kiểm tra được dựa vào kết quả nghiên cứu của cố Giáo sư L B. Homer qua bản dịch tiếng Anh Milinda s Questions. 2 tập của người. về phương diện dịch thuật và trình bày văn bản tiếng Việt, chúng tôi đã ghi nghĩa Việt của các câu kệ ngôn bằng văn xuôi nhằm diễn tả trọn vẹn ý nghĩa của văn bản gốc, và được trình bày bằng dạng chữ nghiêng để làm nổi bật sự khác biệt. về văn phong của lời dịch, chúng tôi chủ trương ghi lại tiếng Việt sát theo văn bản gốc và cố gắng không bỏ sót từ nào không dịch. Lời văn tiếng Việt của chúng tôi có chứa đựng những mấu chốt giúp cho những ai có ý thích nghiên cứu PâỊi thấy ra được cấu trúc của loại ngôn ngữ này, đồng thời tạo sự thuận tiện cho công việc hiệu đính trong tương lai. Việc làm này của chúng tôi

không hẳn đã được hoàn hảo, dẫu sao cũng là bước khởi đầu nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu cổ ngữ Phật học của người Việt Nam. Tuy nhiên, một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chiu hoàn toàn trách nhiệm. Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tổ? song thân và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút, Ngày 12 thảng 6 năm 2011 Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)

PHÀN NGOẠI THUYẾT (BẢHIRẢkATHẦ)

1.6 vua ấy tên là Milinda ở kỉnh thành Sãgala đã đi đến gặp Nãgasena, VỈ như dòng sông Gañgā đi đên với biên cả. Sau khi đi đên gân vỉ có sự thuyết giảng tài hoa, vi đang câm ngọn đuôc xua tan bóng tối, đức Vua đã hỏi những câu hỏi khôn khéo, đa dạng, đưa đến sự xác quyết hay phủ nhận. Các câu hỏi và luôn cả các câu trả lời được gắn

liền với ỷ nghĩa thâm sâu. Chủng đi vào trải tim, làm thoải mái lỗ tai, là phỉ thường, khiến nổi da gà. Được thâm nhập vào Vi diệu pháp và Luật, được tồn tại ở mạng lưới của Kinh, các lời giảng giải của Ngài Nãgasena là đa dạng với các vỉ dụ và các cách suy luận. Xỉn quỷ vỉ hãy gom trí tuệ vào đây, hãy làm tâm ỷ được vui vẻ, và hãy lắng nghe những câu hỏi khôn khéo khơi dây những cho có sự nghi ngày

Việc ấy được nghe như thế này: Có thành phố tên Sãgala, trung tâm thương mãi của những người xứ Yonaka, được lộng lẫy với sông và núi, có lãnh thô và địa thê đáng yêu; được vẹn toàn với các khu vườn, công viên, rừng cây, hồ nước, đầm sen; đáng được say mê với những con sông, núi non, rừng thẳm; được tạo nên bởi những người có học thức; có các kẻ chống đối và thù nghịch đã bị tiêu diệt, không còn bị chướng ngại; tháp canh và cổng thành có nhiêu loại, đa dạng, vững chác; có vô sô mái vòm và vọng gác cao sang; nội thành được bao quanh với hào sâu và thành lũy màu trắng; đường lộ, đường băng ngang, ngã tư, bồn binh khéo được bố trí; bên trong cửa tiệm đầy ắp vô số loại hàng hóa quý giá khéo được trưng bày; được rạng rỡ với hàng trăm phước xá các loại; được điểm tô với hàng trăm ngàn ngôi nhà sang trọng tương tợ như đỉnh núi Tuyết; được đông đúc với những voi, ngựa, xe cộ và người bộ hành; được qua lại với những đám người nam nữ xinh đẹp, có dân chúng chen chúc, có thường dân, Sát-đế-ly, Bà-la-môn, thương nhân và nô lệ; được gắn liền với sự giao hảo của nhiều hạng Sa-môn và Bà-la-môn; được tới lui bởi nhiều hạng người thông thái, nam nhân và anh hùng; có đủ các hạng cửa hàng vải vóc của các xứ Kãsi, Kotumbara, VV... được tỏa ngát các hương thơm từ nhiều cửa hiệu bông hoa xinh đẹp, các loại khéo được bày biện; được tràn trề với nhiều loại

châu ngọc quyến rũ; được lai vãng bởi đám thương buôn lịch lãm ở các cửa tiệm được trưng bày khéo léo hướng ra các phương; được tràn đầy với các đồng tiền kahâpana, bạc, vàng, tiền kamsa và đá quý, là nơi chốn của tài sản lưu trữ đang lấp lánh; có bắp, lúa, của cải và vật sở hữu dự phòng dồi dào; có phòng chứa và kho hàng đây ăp; có nhiêu cơm nước; có vô sô các loại vật thực cứng, mem, đáng nêm, đáng uông, đáng thưởng thức, tương tợ như ở Uttarakurũ; có vụ thu hoạch sung mãn như ở Ãlakamandã, thành phố của chư thiên. 2. Nên dừng ở đây và nói đến nghiệp quá khứ của hai người họ. Và trong khi thuyết giảng, nên phân chia và thuyết giảng thành sáu phần, tức là: Sự liên hệ trong quá khứ, Câu hỏi của đức Vua Milinda, Câu hỏi ve hành tướng. Câu hỏi đoi chọi. Câu hỏi (giảng bang sự) suy luận, Câu hỏi giảng ve các ví dụ. ở đây, Câu hỏi của đức Vua Milinda gồm hai phần là Câu hỏi về hành tướng và Câu hỏi cắt đứt sự phân vân; Câu hỏi đoi chọi cũng gom có hai phan là Đại phàm và Câu hỏi giảng vê vi hành giả. Sự liên hệ trong quá khứ là nghiệp quá khứ của hai người ấy.

sự LIÊN HỆ TRONG QUÁ KHỨ (PUBBAYOGO)

ỉ. Nghe nói ở thời quá khứ, trong khi giáo pháp của đức Thế Tôn Kassapa đang vận hành, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo cư n^ụ tại một trú xứ cạnh dòng sông. Tại nơi ây, các vị Tỳ-khưu được thành tựu vê phận sự và giới hạnh, sau khi thức dậy vào lúc sáng

sớm, cầm lấy cây chổi dài cán, trong lúc suy tưởng về ân đức Phật, các vị quét sân và gom rác thành đống. Khi ấy, có một vị Tỳ-khiru đã nói với một vị Sa-di rằng: "Này Sa-di, hãy đến! Hãy đổ bỏ rác này!" Vị ấy vẫn bước đi như là không nghe. Trong khi được gọi đến lần thứ nhì, roi đến lần thứ ba, vị ấy vẫn bước đi như là không nghe. Do đó, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Sa-di này khó dạy", rồi nổi giận và đã ban cho cú đánh bằng cái cán chổi. Do đó, vị [Sa-di] ấy vừa khóc lóc vì sợ hãi vừa đổ bỏ rác, đã lập nên lời phát nguyện thứ nhất rằng: "Do nghiệp phước thiện của việc đổ bỏ rác này, cho đến khi tôi đạt được Niết-bn, trong khoảng thời gian ấy, tại mỗi nơi được lần lượt sanh ra, mong rằng tôi có đại quyền lực, có đại oai lực như là mặt trời lúc giữa trưa." Sau khi đổ bỏ rác, vị ấy đã đi đến bến sông để tắm. Sau khi nhìn thấy làn sóng của dòng sông đang rì rào, vị ấy cũng đã lập nên lời phát nguyện thứ nhì rằng: "Do nghiệp phước thiện của việc đổ bỏ rác này, cho đến khi tôi đạt được Niết-bàn, trong khoảng thời gian ấy, tại mỗi nơi được lần lượt sanh ra, mong rằng tôi có tài ứng đối được sanh lên đúng trường hợp, có tài ứng đối không bị ngập ngừng như là làn sóng này vay." Vị Tỳ-khiru ây, sau khi cát cây choi ở phòng đê choi, cũng đang đi đên bên sông để tắm. Sau khi nghe được lời phát nguyện của vị Sa-di, vị ấy đã suy nghĩ rằng: "Cũng vì bị tác động bởi ta nên người này phát nguyện như thế. Có phải là sẽ không ảnh hưởng đến ta?", và đã lập nên lời phát nguyện rằng: "Cho đến khi tôi đạt được Niết-bàn, trong khoảng thời gian ấy, tại mỗi nơi được lần lượt sanh ra, mong rằng tôi có tài ứng đối không bị ngáp ngừng như là làn sóng ở sông này vậy. Mong rằng tôi có khả năng đe gỡ rối5 đe tháo gỡ mọi sự ứng đối về câu hỏi được hỏi đi hỏi lại bởi người này.59 Cả hai người ấy, trong khi luân hồi giữa chư thiên và loài người, đã trải qua một khoảng thời gian giữa hai vị Phật. Và vị Trưởng lão Moggaliputtatissa đã được đức Phật của chúng ta nhìn thấy như thế nào thì hai người này cũng đã được nhìn thấy như thế: "Khi năm trăm năm đã trôi qua kể từ khi sự viên tịch Niết-bàn của Ta, những người này sẽ tái sanh." Và đã được xác định rằng: 'Tháp và Luật nào đã được thực hiện một cách vi tế và đã được thuyết giảng

bởi Ta, hai người này sẽ làm cho Pháp và Luật ấy được tháo gỡ5 được rõ ràng bàng phương thức hỏi đáp và sự đúng đắn về ví dụ so sánh, rồi sẽ hệ thống lại." 2. Trong hai người ấy, vi Sa-di đã trở thành đức vua tên Milinda ở thành Sâgala thuộc xứ Jambudīpa (Ấn B)là người sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, có năng lực trọng thời quá khứ, hiện tại và vị lai, là người hành động có suy xét trong lúc thực hiện mọi công việc rèn luyện và phô diễn. Và vị này có nhiều học thuật đã được học như là: Sự hiểu biết do lắng nghe, sách dạy về âm thanh, tính toán, ứng dụng, học thuật về hướng dẫn và phân biệt, thiên văn, âm nhạc, y khoa, bốn bộ Vệ-đà, cổ thư, sử học, chiêm tinh học, ảo thuật, chú thuật, lý luận, chiến đấu, âm luật, hải dương học và Phật ngôn là mười chín. Đức Vua là nhà tranh luận khó sánh bằng, khó khuất phục, được xem là hàng đầu trong số đông các vi giáo chủ. Trong toàn cõi xứ Jambudīpa, không có ai sánh bằng đức Vua Milinda về sức mạnh, nhanh nhẹn, dũng cảm và trí tuệ. Đức Vua là người giàu sang, có nhiều tài sản, nhiều của cải, vô số binh lực và xe cộ. 3. Vào một ngày nọ? đức Vua Milinda rời khỏi thành với ước muốn xem xét nơi đóng quân và dàn binh của bốn binh chủng gồm vô số binh lực và xe cộ. Sau khi cho kiểm điểm quân đội ở ngoại thành, đức

Vua ấy vốn là nẹười mở đau câu chuyện và hứng thú việc khơi mào cuộc mạn đàm với các triết gia và các nhà ngụy biện, đã nhìn mặt trời rồi nói với các quan đại thần rằng: Ngày hãy còn dài, chúng ta sẽ làm gì nếu đi vào thành ngay bây giờ? Có vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào là người sáng trí, có hội chúng, có đô chúng, là giáo thọ sư của tập thể, tự xưng là A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc? Khi được nói như vậy, năm trăm người xứ Yonaka1 đã nói với đức Vua rằng: -Tâu Đại vương, có sáu vị thầy là Pūrana Kassapa, Makkhali Gosāla, Nigantha Nātaputta, Sañjaya Bellatthiputta, Ajita Kesakambalī, Kakudhā Kaccāyana.2 Các vi ấy có hội chúng, có đồ chúng, là giáo thọ sư của tập thể, được biết tiếng, có danh vọng, là các giáo chủ, được nhiều người đánh giá cao. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy đi đến, hãy hỏi họ câu hỏi, hãy giải tỏa điều nghi hoặc. 4. Khi ấy, được tháp tùng bởi năm trăm người xứ Yonaka, đức Vua Milinda đã bước lên cỗ xe ngựa cao quý, loại phương tiện di chuyển tuyệt hảo, đi đến gặp Pūrana Kassapa; sau khi đen đã tỏ vẻ thân thiện với Pūrana Kassapa, sau khi trao đôi lời xã giao thân thiện roi đã ngôi xuông một bên. Ngôi xuồng một bên, đức Vua Milinda đã hỏi Pūrana Kassapa điêu này: Thưa thầy Kassapa, ai bảo hộ thế gian? Tâu Đại vương, trái đất bảo hộ thế gian.

Thưa thây Kassapa, nêu trái đát bảo hộ thê gian, thê thì vì sao chúng sanh

1 Nhiều học giả xác định Yonaka là một vùng thuộc nước Greece (Hy Lạp). 2 Sáu vị này đồng thời với đức Phật Gotama, nhiều học giả đã lưu ý và luận về điểm này.

đi đến địa ngục Vô Gián lại đi ngang qua trái đất trước rồi mới đi đến địa ngục Vô Gián? Được hỏi như vậy, Pūrana không những đã không thể nuốt trôi mà cũng không thê ói ra được, chỉ ngôi ủ rũ, im lặng, trâm ngâm. 5. Sau đó, đức Vua Milinda đã hỏi với Makkhali Gosāla điều này: Thưa thầy Gosāla, có các nghiệp thiện và bất thiện không? Có quả thành tựu của các nghiệp đã được làm tốt và đã được làm xấu không? -Tâu Đại vương, không có các nghiệp thiện và bất thiện, không có quả thành tựu của các nghiệp đã được làm tót và đã được làm xâu. Tâu Đại vương, những người nào ở đời này dòng dõi Sát-đế-lỵ5 những người ấy đi đến đời sau cũng sẽ là dòng dõi Sát-đế-lỵ. Những người nào dòng dõi Bà-la-môn, thương buôn, nông phu, hạ tiện, hot rác; những người ây đi đên đời sau cũng sẽ là dòng dõi Bà-la-môn, thương buôn, nông phu, hạ tiện, hốt rác; thì có điều gì là bởi các nghiệp thiện và bất thiện? Thưa thầy Gosāla, nếu những người ở đời này là dòng dõi Sát-đế-lỵ, Bà- la-môn, thương buôn, nông phu, hạ tiện, hốt rác; những người ấy đi đến đời sau cũng sẽ là dòng dõi Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, thương buôn, nông phu, hạ tiện, hot rác; không có điêu gì được tạo nên bởi các nghiệp thiện và bát thiện. Thưa thầy Gosāla, như thế thì những người nào ở đời này bị chặt tay thì đi đến đời sau cũng sẽ bi chặt tay, những người nào bị chặt chân thì cũng sẽ bị chặt chân, những người nào bị xẻo tai thì cũng sẽ bi xẻo tai phải không ạ? Được nói như vậy, Gosāla đã im lặng. Khi ấy, đức Vua Milinda đã khởi ý điều này: “Xứ Jambudīpa quả thật trống trơn! Xứ Jambudīpa quả thật vô nghĩa! Không có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải toa điều nghi hoặc?” 6. Sau đó9 đức Vua Milinda đã nói với các quan đại thân răng: Đêm trăng trong quả thật đáng yêu! Phải

chăng hôm nay chúng ta nên đi đến gặp vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn để hỏi câu hỏi? Vị nào có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc? Được nói như vậy, các quan đại thần đã im lặng, đứng yên, ngước nhìn khuôn mặt của đức Vua. 7. Vào lúc bấy giờ, thành Sâgala đã vắng bóng các Sa-môn, Bà-la-môn5 gia chủ sáng trí trong mười hai năm. Nghe tin "các Vị Sa-môn, Bà-la-môn, gia chủ sáng trí trú ngụ^ ở nơi nào, đức Vua đi đên nơi ây và hỏi các vị ây câu hỏi. Không có khả năng để làm hài lòng đức Vua với câu trả lời cho câu hỏi, tất cả các vị ấy ra đi đến nơi này hoặc nơi khác. Những người nào không ra đi đến phương trời khác, tất cả bọn họ ở lại. giữ thái độ im lặng. Còn các vị Tỳ-khưu, phân đông đi đên dãy Hy-mã-lạp sơn. Vào lúc bây giờ, có một trăm koti (một tỷ) vị A-la-hán cư ngụ tại cao nguyên Rakkhita, núi Hy-mã-lạp.

8. Lúc đó? Đại đức Assagutta với thiên nhĩ giới đã nghe được lời nói của đức Vua Milinda. Ngài đã cho triệu tập hội chúng Tỳ-khmi tại đỉnh núi Yugandhara và đã hỏi các vị Tỳ-khưu rang: -Này các Sư đệ9 có vị Tỳ-khưu nào có năng lực để chuyện trò với đức Vua Milinda để giải tỏa điều nghi hoặc? Được hỏi như vậy, một trăm koti vị A-la-hán đã im lặng. Các vi đã im lặng khi được hỏi đến lần thứ nhì, đến lần thứ ba. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với hội chúng Tỳ-khưu điêu này: Này các Sư đệ, ở cõi trời Đạo-lợi, về phía Đông của lâu đài Vejayanta, có cung điện tên là Ketumatī. Nơi ấy có vị thiên tử tên Mahâsena cư ngụ. Vi ấy có năng lực để chuyện trò với đức Vua Milinda để giải tỏa điều nghi hoặc. Khi ây, một trăm koti vi A-la-hán đã biên mát ở ngọn núi Yugandhara và hiện ra ở cõi trơi Đạo-lợi. Thiên chủ Sakkā đã nhìn thấy các vi Tỳ-khiru ấy từ đàng xa đang tiên đên, sau khi nhìn thấy đã đi đên gặp Đại đức Assagutta, sau khi đi đến đã đảnh lễ Đại đức Assagutta rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Thiên chủ Sakkā đã nói với Đại đức Assagutta điều này: -Bạch Ngài, đại chúng Tỳ-khiru đã ngự đến. Tôi là người của tu viện của hội chúng. Có nhu cầu về điều gì? Có việc gì tôi cần phải làm? Khi ây, Đại đức Assagutta đã nói với Thiên chủ Sakkā điêu này: -Tâu Đại vương, vi vua này tên Milinda tại thành Sãgala, xứ Jambudīpa, là nhà tranh luận khó sánh bằng, khó khuất phục, được xem là hàng đầu trong số đông các vị giáo chủ. Ông ta đi đến gặp hội chúng Tỳ-khmi hỏi câu hỏi theo học thuyết về tà kiến và đã gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khiru. Khi ấy, Thiên chủ Sakkā đã nói với Đại đức Assagutta điều này: Bạch Ngài, vị Vua Milinda này đã chết đi từ nơi này rồi tái sanh vào loài người. Bạch Ngài, có vị thiên tử này tên là Mahâsena cư ngụ ở cung điện Ketumatī. Vi ấy có năng lực để chuyện trò với đức Vua Milinda để giải tỏa điều nghi hoặc. Chúng ta sẽ thỉnh cầu vị thiên tử ấy về việc tái sanh vào thế giới loài người. 9. Khi ấy, Thiên chủ Sakkā đã dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đi vào cung điện Ketumatī, ôm chầm lấy thiên tử Mahâsena roi đã nói điều này: -Này thiên tử, hội chúng Tỳ-khưu thỉnh cầu thiên tử về việc tái sanh vào thế giới loài người. -Bạch Ngài, tôi không có mục đích gì ở thế giới loài người. Thế giới loài người là căng thẳng bởi nhiều công việc. Bạch Ngài, tôi sẽ là người lần lượt chứng đạt cao hơn rồi sẽ Niết-bàn ngay tại đây, nơi thiên giới. Trong khi Thiên chủ Sakkā thỉnh cầu đến lần thứ nhì, đến lần thứ ba, thiên tử Mahâsena cũng đã nói như vầy: Bạch Ngài, tôi không có mục ch gì ở thế giới loài người. Thế giới loài

người là căng thẳng bởi nhiều công việc. Bạch Ngài, tôi sẽ là người lần lượt chứng đạt cao hơn rồi sẽ Niết-bàn ngay tại đây, nơi thiên giới. 10. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với thiên tử Mahâsena điều này: Thưa thiên tử, trong lúc xem xét thế gian này gồm cả chư thiên, chúng tôi nhận thấy rằng không ai khác ngoại trừ Ngài có được khả năng đập đổ luận thuyết của đức Vua Milinda để nâng đỡ giáo pháp. Thưa thiên tử, hội chúng Tỳ- khiru thỉnh cầu Ngài. Lành thay, bậc Thiện nhân! Xin Ngài hãy hạ sanh vào thế giới loài người, xin Ngài hãy nâng đỡ và ban bố giáo pháp của đấng Thập Lực. Được nói như vậy, thiên tử Mahãsena [nghĩ răng]: "Nghe nói ta sẽ có khả năng để đập đổ luận thuyết của đức Vua Milinda để nâng đỡ giáo ph” đã trở nên mừng rỡ, phấn chấn, rất là phấn khởi và đã bày tỏ sự chấp thuận: Bạch Đại đức, thật tót đẹp thay! Tôi sẽ tái sanh vào thê giới loài người. 11. Sau đó? khi đã hoàn thành công việc cần làm ở thiên giới, các vị Tỳ- khưu ấy đã biến mất giữa chư thiên ở cõi trời Đạo-lợi và hiện ra ở cao nguyên Rakkhita, núi Hy-mã-lạp. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với hội chúng Tỳ-khiru điều này: Này các Sư đệ? trong hội chúng Tỳ-khưu có vị Tỳ-khưu nào đã không đi đến cuộc hội họp? Được hỏi như vậy, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với Đại đức Assagutta điều này: Bạch Ngài, có Đại đức Rohana cách đây bảy ngày đã đi vào núi Hy-mã- lạp và nhập thiền diệt, xin Ngài hãy phái sứ giả đi đến gặp vị ấy. Đúng vào giây phút ấy, Đại đức Rohana cũng vừa xuất khỏi thiền diệt [biết rằng]: "Hội chúng chờ đợi ta" nên đã biến mất ở núi Hy-mã-lạp và hiện ra ở cao nguyên Rakkhita, phía trước một trăm koti vị A-la-hán. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với Đại đức Rohana điều này: -Này Sư đệ Rohana, trong khi lời dạy của đức Phật đang suy tàn, không lẽ đệ không nhận thấy các việc cần phải làm của hội chúng? -Bạch Ngài, tôi đã thiếu sự quan tâm. Này Sư đệ Rohana, chính vì điều ấy đệ hãy thực hành hình phạt.

Bạch Ngài, tôi sẽ làm gì? Này Sư đệ Rohana, ở sườn núi Hy-mã-lạp có ngôi làng Bà-la-môn tên là Kajañgalā. Người Bà-la-môn tên Sonuttara cư ngụ tại nơi đó. Người con trai của ông sẽ được sanh ra; đứa bé trai tên là Nâgasena. Này Sư đệ Rohana, chính vì điều ấy, đệ hãy đi vào khất thực ở gia đình ấy trong thời gian bảy năm mười tháng. Sau khi đi vào khất thực, đệ hãy tiếp độ đứa bé trai Nâgasena rồi cho xuất gia. Và khi đứa bé trai đã xuất gia thì đệ sẽ được thoát khỏi hình phạt. r Vị ây đã nói như vậy. 12. Đại đức Rohana cũng đã chấp thuận rằng: Lành thay!

Còn về thiên tử Mahāsena sau khi từ thiên giới chết đi đã chấp nhận sự tiếp nối (tái sanh) trong bụng người vợ của Bà-la-môn Sonuttara. Có ba điều kỳ diệu phi thường đã xuất hiện cùng lúc với việc chấp nhận sự tiếp nối (tái sanh): Các vật dụng chiến đấu đã phát lên ngọn lửa, trái cây đau mùa chín tới, có đám mây lớn đã đổ mưa. Vê phân Đại đức Rohana, kê từ việc châp nhận sự tiêp nôi (tái sanh) của vi thiên tử, trong khi đi vào khất thực ở gia đình ấy trong thời gian bảy năm mười tháng, đã không nhận được một muỗng cơm, hay là một vá canh, hoặc là sự đảnh lễ, sự chắp tay, hay là hành động thích hợp, dầu là một ngày. Khi ấy, Đại đức đã nhận được chỉ là sự chửi rủa, chỉ là sự mắng nhiếc. Dầu là chút ít lời nói: “Nầy ông, ông hãy đi di”,3 cũng đã không có người

nói. Tuy nhiên, khi đã đến hạn kỳ bảy năm mười tháng, vào một ngày nọ, Đại đức đã nhận được chút ít lời nói: "Này ông, ông hãy đi di.” Đúng vào ngày hôm ấy, cũng chính người Bà-la-môn? trong khi đi trở về do công việc bên ngoài, đã gặp vị Trưởng lão ở lối ngược chiều và đã nói rằng: Này ông xuất gia, ông đã đi đến nhà của chúng tôi chưa? Này ông Bà-la-môn9 đúng vậy. Tôi đã đi đến.

-Vậy có phải ông đã nhận được cái gì đó? Này ông Bà-la-môn, đúng vậy. Tôi đã nhận được. 13. Người Bà-la-môn với tâm ý hoan hỷ34 đã đi về nhà và hỏi rằng: Mấy người đã cho vị xuất gia ấy vật gì đó phải không? Chúng tôi đã không cho bất cứ vật gì. Vào ngày kế, người Bà-la-môn đã ngồi ngay tại cửa nhà [nghĩ rằng]: "Hôm nay, ta sẽ bắt bẻ vị xuất gia về việc nói d6i." Vào ngày kế, vị Trưởng lão đã đến tại cửa nhà của người Bà-la-môn. Sau khi nhìn thấy vị Trưởng lão, người Bà- la-môn đã nói như vầy: Hôm qua, ông đã không nhận được bất cứ vật gì ở nhà chúng tôi mà lại nói là uđã nhận được.,, Chẳng lẽ nói dối là thích đáng đối với các ông hay sao? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Này ông Bà-la-môn, trong bảy năm mười tháng, chúng tôi đã không nhận được ở nhà của ông dầu là chút ít lời nói: "Này ông, ông hãy đi di”còn hôm qua tôi đã nhận được chút ít lời nói: “Này ông, ông hãy đi di." Vì có liên quan đến chút ít lời nói nhã nhặn này mà tôi đã nói như thế. Người Bà-la-môn đã suy nghĩ rằng: "Những người này sau khi nhận được dầu là chút ít lời nói nhã nhặn mà lại ca tụng ở giữa mọi người là: 'Chúng tôi đã nhận được\ vậy thì sau khi nhận được bất cứ loại vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào khác, vì lẽ gì mà họ lại không ca tụng?" Sau khi phát khởi niềm

3 Sự xưng hô ở đây và các câu đối thoại bên dưới đều dùng ngôi thứ nhất và thứ hai số nhiều. 4 Văn bản của Miến Điện và của Pali Text Society đã ghi là không hoan hỷ (anattamano).

tin, Ông ta đã bảo bố thí một muỗng cơm và thức ăn phù hợp từ bữa cơm được chuẩn bị sẵn cho việc sử dụng của bản thân, rồi đã nói rằng: Ngài sẽ nhận được vật thực này vào mọi lúc. Kể từ ngày kế, sau khi nhìn thấy sự trầm tĩnh của vị Trưởng lão trong khi đi đến, người Bà-la-môn càng phát khởi niềm tin nhiều hơn nữa và đã thỉnh cầu vị Trưởng lão việc thọ thực bữa ăn tại nhà của mình một cách thường xuyên. Vị Trưởng lão đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Mỗi một ngày, sau khi làm phận sự về thọ thực, trước khi từ giã, vi Trưởng lão đều thuyết giảng chút ít Phật ngôn rồi mới ra đi. 14. Quả nhiên, đến hạn kỳ mười tháng, người nữ Bà-la-môn ấy cũng đã sanh ra người con trai. Tên của đứa bé đã là "Nagasena". Đứa bé từ từ lớn lên và đã sanh được bảy năm. Khi ấy, người cha của Nâgasena đã nói với đứa bé trai Nâgasena điều này: Này Nâgasena thương, con cần phải học các môn học ở gia tộc Bà-la- môn này. Cha yêu quý, những điều gì gọi là các môn học ở gia tộc Bà-la-môn này?

Này Nâgasena thương, ba bộ Vệ-đà gọi là các môn học. Các học thuật còn lại gọi là học thuật. Cha yêu quý, như thế thì con sẽ học. 15. Sau đó, người Bà-la-môn Sonuttara đã trao một ngàn đồng là phần lương của vị thây cho người thây giáo Bà-la-môn, roi cho sáp xép cái giường nhỏ ở một bên tại một căn phòng bên trong tòa nhà dài, roi đã

nói với người thầy giáo Bà-la-môn điều này: Thưa vị Bà-la-môn? thầy hãy cho đứa bé trai này đọc tụng các chú thuật.

Này bé trai thương, như thê thì con hãy học các chú thuật. Roi người thây giáo Bà-la-môn đọc tụng. Đôi với đứa bé trai Nâgasena, chỉ với một lần đọc thì ba bộ Vệ-đà đã được đi vào tâm, đạt được giọng, khéo được năm băt5 khéo được xác định, khéo được tác ý. Chỉ cân một lân, kiên thức vê ba bộ Vệ-đà cùng các từ vựng và nghi thức, luôn cả âm từ với sự phân tích và truyền thống là thứ năm, đã sanh khởi đến đứa bé. Nó đã biết về cú pháp, về văn phạm, và đã không thiếu về phần triết học và các tướng trạng của bậc Đại nhân. 16. Khi ây, đứa bé trai Nâgasena đã nói với người cha điêu này: Cha yêu quý, ở gia tộc Bà-la-môn này còn có các môn cân phải học nào thù thắng hơn thế này hay là chỉ chừng này thôi? Này Nãgasena thương, ở gia tộc Bà-la-môn này không còn có các mồn cần phải học nào thù thắng hơn thế này. Chỉ chừng này là cần phải học thôi. Sau đó? khi đã trả lời cuộc kiêm tra của thây giáo, đứa bé trai Nâgasena đã từ tòa nhà dài bước xuống, tâm tự khiển trách ve cuộc sống trong thời gian qua, rồi đã đi đến nơi thanh vắng trầm tư. Trong khi xem xét phần đầu, phần giữa và

phần cuối đối với học thuật của mình, nó đã không nhìn thấy cốt lối, dầu là chút ít, ở phần đầu, phần giữa hay phần cuối. [Nghĩ rằng:] “Các bộ Vệ-đà này quả là rỗng không! Các bộ Vệ-đà này quả thật vô nghĩa, không có cốt lõi, thiếu đi cốt lõi!55, nó đã trở nên ân hận, không hoan hỷ. 17. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Rohana ngồi tại tru xứ Vattaniya đã dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đứa bé trai Nagasena% nên đã quấn y, trùm y, rồi cầm lấy bình bát và y biến mất ở trú xứ Vattaniya, rồi hiện ra ở phía trước ngôi làng Bà-la-môn Kajañgalā. Đứa bé trai Nâgasena đứng ở cánh công ra vào căn nhà của mình, đã nhìn thấy Đại đức Rohana từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã hoan hỷ5 phấn khởi, vui mừng, sanh tâm phỉ lạc [nghĩ răngI: “C6 lẽ vị xuất gia này có thể biết được cái gì đó là cốt 16i” nên đã đi đến gan Đại đức Rohana, sau khi đen gan đã nói với Đại đức Rohana điều này: Thưa ông, ông là ai mà cạo đầu mặc y ca-sa như vầy? Này cậu bé, ta được gọi là bậc xuất gia. Thưa ông, với việc gì mà ông được gọi là bậc xuất gia? Là bậc xuất gia để loại bỏ các điều ô nhiễm xấu xa. Này cậu bé, với điều ấy mà ta được gọi là bậc xuất gia. 18. - Thưa ông, vì lý do gì mà tóc của ông không giông như [tóc] của những người khác? Này cậu bé, sau khi nhìn thây mười sáu điêu vướng bận này, ta đã cạo bỏ râu tóc trở thành bậc xuất gia. Mười sáu điều ệì? Sự vướng bận về trang điểm; sự vướng bận về trau chuốt; sự vướng bận ve xức dầu; sự vướng bận về gội rửa; sự vướng bận về tranệ hoa; sự vướng bận về chất thơm; sự vướng bận về thuốc bôi; sự vướng bận ve thuốc harītaka; sự vướng bận về thuốc āmalaka; sự vướng bận về nhuộm tóc; sự vướng bận về buộc tóc; sự vướng bận về chải tóc; sự vướng bận về thợ hớt tóc; sự vướng bận về gỡ tóc rối; sự vướng bận về chấy rận; khi các sợi tóc bị rụng, nhiều người buồn rầu, than vãn, rên rí, đấm ngực khóc lóc, rơi vào mê muội. Này cậu bé, bị rối rắm trong mười sáu điều vướng bận này, loài người xao lãng tất cả các học thuật vô cùng tinh tế. 19. Thưa ông9 vì lý do gì mà ngay cả các vải quàng của ông cũng không giống như [các vải quàng] của những người khác? Này cậu bé, các vải

quàng xinh đẹp được nương tựa vào lòng ham muốn, là các biêu hiện của hàng tại gia. Những lo sợ nào đó được sanh lên từ vải vóc, những điều ấy không có ở việc mặc vải ca-sa. Vì điều ấy mà ngay cả các vải quàng của ta cũng không giông như [các vải quàng] của những người khác. Thưa ông, ông có biết cái gọi là các học thuật? Này cậu bé, có chứ. Ta biết các học thuật. Chú thuật hạng nhất ở thế gian, ta cũng biết. Thưa ông, có thể nào ban điều ấy cho tôi không? Này cậu bé, được chứ. Có thể.

Như thế thì ông hãy ban cho tôi đi.5 Này cậu bé, không phải lúc. Chúng ta hãy đi khất thực ở xóm nhà. 20. Khi ấy, đứa bé trai Nâgasena đà cầm lấy bình bát từ tay của Đại đức Rohana rồi hướng dẫn đi vào nhà, sau đó đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Rohana với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đen khi Đại đức Rohana đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, cậu bé đã nói điều này: Thưa ông, bây giờ ông hãy ban chú thuật cho tôi đi. Này cậu bé, khi nào con không còn sự vướng bận, và thuyết phục được mẹ cha cho phép, rồi khoác vào hình tướng xuất gia mà ta đã đạt được, đến khi ấy ta sẽ ban cho. Vị Trưởng lão đã đáp lại. Sau đó, đứa bé trai Nâgasena đã đi đến gặp mẹ cha và nói rằng: Thưa mẹ cha, vị xuất gia này nói rằng: "Ta biết chú thuật hạng nhất ở thế gian." Nhưng không ban cho kẻ không xuất gia trong sự chứng minh của mình. Con sẽ xuât gia trong sự chứng minh của vị này và sẽ học chú thuật ấy. 21. Khi ây, mẹ cha của đứa bé nghĩ răng: "Hãy đê cho con trai của chúng ta cũnẹ xuất gia rồi học chú thuật. Học xong rồi thì quay trở ”và đã cho phép răng: Này con, hãy học đi! Sau đó, Đại đức Rohana đã dẫn đứa bé trai Nãgasena đi đến trú xứ Vàttaniya, rồi Vijambhavatthu, sau khi đi đến trú xứ Vijambhavatthu đã ngụ lại một đêm rồi đi đến cao nguyên Rakkhita, sau khi đi đến đã cho đứa bé trai Nãgasena xuất gia giữa một trăm koti vị A-la-hán. Và khi đã được xuất gia, Nâgasena đã nói với Đại đức Rohana điều này: Bạch Ngài, hình tướng của Ngài, con đã đạt được. Bây giờ xin Ngài hãy ban chú thuật cho con. Khi ấy, Đại đức Rohana đã suy nghĩ rằng: “Ta nên hướng dẫn Nâgasena cái gì trước, Kinh hay Vi diệu pháp?", rồi đã hướng dẫn Vi diệu pháp trước [nghĩ rằng]: "Nãgasena này quả là sáng trí, có thể học Vi diệu pháp một cách thoải mái. Và Đại đức Nâgasena chỉ với một lân đọc đã rành rẽ tát cả tạng Vi diệu pháp ấy [tức là]: Bộ Dhammasañ^anī (Pháp tụ) gồm có nhóm ba, nhóm hai như là "các pháp thiện, các pháp bát thiện, các pháp vô ky”; bộ Vìbhanga (Phân tích) gôm có mười tám chương phân tích, khởi đâu là chương Phân tích vê uẩn; bộ Dhãtukathâ (Chất ngữ) được phân loại thành mười bốn phần, khởi đầu là phần “yếu hiệp bất yếu hiệp^; bộ Puggalapañ̃atti (Nhân chế đỉnh) được phân loại thành sáu phần, khởi đầu là phần “uẩn chế đinh, xứ chế định,5; bộ Kathãvatthu (Ngữ tông) được phân loại sau khi đã tông hợp một ngàn bài giảng "năm trăm

5 Cậu bé xưng hô với Đại đức Rohana bằng ngôi thứ hai số ít, trong khi ở phần trước người cha xưng hô bằng ngôi thứ hai số nhiều. (ND)

bài giảng về học thuyết của phái mình, năm trăm bài giảng về học thuyết của phái khác"; bộ Yamaka (Song đối) được phân loại thành mười phần, khởi đầu là phần "căn song, uẩn song"; bộ Patthāna (Vị trí) được phân loại thành hai mươi bón phần, khởi đầu là phần "nhân duyên, cảnh duyên.,, Đại đức Nãgasena đã nói rằng: Bạch Ngài, xin hãy dừng lại, chớ giảng thêm nữa. Con sẽ đọc chỉ với chừng này. Sau đó5 Đại đức Nãgasena đã đi đến gặp một trăm koti vị A-la-hán, sau khi đi đến đã nói với một trăm kotỉ vi A-la-hán điều này: Bạch các Ngài, sau khi xếp vào trong ba câu này là "các pháp thiện, các pháp bất thiện, các pháp vô ky", con sẽ giảng chi tiết toàn bộ tạng Vi diệu pháp. Nãgasena, lành thay! Con hãy giảng! 22. Khi ây, Đại đức Nãgasena đã giảng chi tiết bảy bộ sách trong bảy tháng. Quả đất đã gam lên. Chư thiên đã ban lời tán thưởng: "Lành thay!" Các Phạm thiên đã vỗ tay. Các bột trầm hương của cõi trời và các bông hoa Mạn-đà-la của cõi trời đã đo mưa. Sau đó, khi Đại đức Nâgasena được tròn đủ hai mươi tuổi, một trăm koti vị A-la-hán đã cho tu lên bậc trên ở cao nguyên Rakkhita. Và khi đã được tu lên bậc trên, Đại đức Nãgasena vào cuối đêm ấy lúc rạng đông, đã quấn y, trùm y rồi câm bình bát và y, trong khi cùng với thây tê độ đi vào làng đê khát thực, đã sanh khởi ý nghĩ suy tầm như vầy: "Thầy tế độ của ta quả là rỗng không! Thầy tế độ của ta quả là ngu dốt! Ông đã bỏ qua phần còn lại về lời dạy của đức Phật và đã hướng dẫn ta Vi diệu pháp trước.^, 23. Khi ấy, Đại đức Rohana sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Đại đức Nâgasena, đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Này Nâgasena, con đã suy tầm về ý nghĩ suy tầm không thích đáng. Này Nâgasena, hơn nữa điều này quả là không thích đáng đối với con. Khi ấy, Đại đức Nãgasena đã khởi ý điều này: "Thật là kỳ diệu! Thật là phi thường! Thầy tế độ của ta biết được ý nghĩ suy tam bằng tâm. Thầy tế độ của ta quả là sáng trí. Hay là ta nên xin Ngài thứ 16i?" Khi ây, Đại đức Nâgasena đã nói với Đại đức Rohana điêu này: Bạch Ngài, xin Ngài thứ lôi cho con. Con sẽ không suy tâm như thê nữa. Khi ây? Đại đức Rohana đã nói với Đại đức Nãgasena điêu này: Này Nãgasena, chỉ với chừng ây thì ta không thứ lôi cho con đâu. Này Năgasena, có thành phố tên là Sâgala. Tại nơi ấy, có đức vua tên Milinda cai tri vương quốc. Ông ta hỏi câu hỏi theo học thuyết về tà kiến và đã gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu. Nếu con đi đến nơi đó, cải hóa và tạo niềm tin cho đức Vua ấy; được vậy thì ta sẽ thứ lỗi cho con. 24. Đại đức Nâgasena đã nói rằng: "Bạch Ngài, xin hãy để yên một đức Vua

Milinda. Bạch Ngài, nếu tất cả các đức vua ở toàn cõi Jambudīpa đi đến để hỏi con câu hỏi, con sẽ trả lời và vạch rõ mọi điều ấy. Bạch Ngài, xin Ngài thứ lỗi cho con"; khi được trả lời: "Ta không thứ thì đã nói rằng: "Bạch Ngài, như thế thì ba tháng này con sẽ sống nương nhờ vào vị nao?^ Này Nãgasena, Đại đức Assagutta này cư ngụ tại trú xứ Vàttaniya. Này Nâgasena, con hãy đi đến gặp Đại đức Assagutta, sau khi đi đến hãy đê đầu đảnh lễ hai bàn chân của Đại đức Assa^utta với lời thăm hỏi của ta. Và con hãy nói với vị ấy như vầy: "Bạch Ngài, thay tế độ của con xin đê đầu đảnh lễ hai bàn chân của Ngài, và hỏi thăm về sự ít bênh, ít dàu, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái [của Ngài]. Thầy tế độ của con đã gởi con đến sống hầu cận Ngài trong ba tháng." 25. Và khi được hỏi: "Thầy tế độ của con là vị nào", thì con nên đáp rằng: "Bạch Ngài,

gpi là Đại đức Rohana/5 Khi được hỏi: "Ta đây tên gi?", thì con nên đáp rang: "Bạch Ngài, thầy tế độ của con biết tên của NgAi." Bạch Ngài, xin vâng. Và Đại đức Nâgasena, sau khi đảnh lễ Đại đức Rohana, đã hướng vai phải nhiễu quanh, rồi cầm lấy bình bát và y, trong khi tuần tự du hành đã đi đến trú xứ Vattaniya nơi Đại đức Assagutta, sau khi đi đến đã đảnh lễ Đại đức Assagutta rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên9 Đại đức Nâgasena đã nói với Đại đức Assagutta điều này: Bạch Ngài, thầy tế độ của con xin đê đầu đảnh lễ hai bàn chân của Ngài. Và người dặn dò như vầy. Người hỏi thăm về sự ít bệnh, ít đau, trang thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái [của Ngài]. Bạch Ngài, thầy tế độ của con đã gởi con đến sống hầu cận Ngài trong ba tháng. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: "Con tên gi?" "Bạch Ngài, con tên NāgasenaJ5 "Thầy tế độ của con tên gi?" "Bạch Ngài, thầy tế độ của con gọi là Đại đức Rohana?9 "Ta đây tên gi?" "Bạch Ngai, thầy tế độ của con biết tên của Ngài." "Này Nāgasena, tốt lắm! Hãy đem cất bình bát và y." "Bạch Ngài, lành thay!", rồi đã đem cất bình bát và y, rồi vào ngày kế tiếp, đã quét phòng, đã đem lại nước rửa mặt và tăm xỉa răng. Vị Trưởng lão đã quét lại chỗ đã được quét, đã đô đi nước ây roi đem lại nước khác, và đã dời đi gỗ chà răng ấy rồi lấy gỗ chà răng khác. Ngài đã không trao đổi chuyện trò. Sau khi đã làm như vậy bảy ngày, vào ngày thứ bảy Ngài đã hỏi lân nữa. Khi được Đại đức Nâgasena trả lời y như thế, Ngài đã cho phép việc cư trú mùa mưa. 26. Vào lúc bấy giờ, có môt đại tín nữ đã hộ trì Đại đức Assagutta thời gian ba mươi năm. Khi ấy, vào cuối thời điểm ba tháng, đại tín nữ ấy đã đi đến gặp Đại đức Assagutta, sau khi đến đã nói với Đại đức Assagutta điêu này: - Bạch Sư, có vị Tỳ-khưu nào khác hầu cận Sư không? Này đại tín nữ, có vị Tỳ-khưu tên Nâgasena hầu cận chúng tôi. Bạch Sư Assagutta, như thế thì xin Sư cùng với vi Nâgasena hãy nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai.

786 KINH TIỂU BÔ

Đại đức Assagutta đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Sau đó, vào cuối đêm ấy lúc rạng đông, Đại đức Assagutta đã quấn y, trùm y rồi cầm bình bát và y, cùng với Đại đức Nāgasena la vi Sa-môn hầu cận, đã đi đến tư gia của người đại tín nữ, sau khi đi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được xếp đặt. Khi ấy, người đại tín nữ ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Assagutta và Đại đức Nãgasena với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mem. Sau đó, khi Đại đức Nâgasena đã thọ thực xong bàn tay đã rời khỏi bình bát, Đại đức Assagutta đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: "Này Nãgasena, con hãy nói lời tùy hỷ cho người đại tín nữ", nói xong điêu ây đã rời chô ngôi đứng dậy và ra đi. 27. Sau đó, người đại tín nữ ấy đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Bạch Sư Nâgasena, tôi đã lớn tuổi. Hãy nói lời tùy hỷ cho tôi với bài giảng pháp thâm thúy. Khi ấy, Đại đức Nãgasena đã nói lời tùy hỷ cho người đại tín nữ ấy với bài giảng Vi diệu pháp thâm thúy, vượt trên thê gian, liên quan đên Không tánh. Khi ây, ngay tại chỗ ngôi ây? pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đên người đại tín nữ ây: "Điêu gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." Còn Đại đức Nãgasena, sau khi nói lời tùy hỷ cho người đại tín nữ ấy, trong khi quán xét lại pháp do mình thuyết giảng, đã khởi sự việc minh sát, và trong khi đang ngồi ngay tại chỗ ngồi ấy, đã thành tựu quả Nhập lưu. Khi ấy, Đại đức Assagutta ngồi ở ngôi nhà tròn, sau khi

biết được việc đạt thành pháp nhãn của cả hai người, đã thót lời tán thưởng rằng: "Lành thay, lành thay! Này Nãgasena, với một phát bắn mũi tên mà hai thân thể to lớn đã bị vỡ tung." Và nhiều ngàn chư thiên đã thốt lời tán thưởng: “Lành thay!" 28. Sau đó, Đại đức Nãgasena đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến gặp Đại đức Assagutta, sau khi đi đến đã đảnh lễ Đại đức Assagutta rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Nãgasena đã ngồi xuống một bên, Đại đức Assagutta đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Này Nâgasena, con hãy đi đến Pātaliputta. ở thành phố Pātaliputta, tại tu viện Asoka, có Đại đức Dhammarakkhita cư ngụ. Con hãy học lời dạy của đức Phật trong sự chứng minh của vị ấy. Bạch Ngài, từ đây đến thành phố Pātaliputta là bao xa?

-Này Nãgasena, một trăm do-tuân. Bạch Ngài, đường đi quả là xa. Trên đường di, vật thực khó kiếm. Con sẽ đi thể nào? Này Nãgasena, con hãy đi. Trên đường đi, con sẽ nhận được đồ ăn khất thực gôm có cơm gạo ngon không có hạt đen, nhiêu canh, nhiều thức ăn. Bạch Ngài, xin vâng. Sau khi đảnh lễ Đại đức Assagutta và hướng vai phải nhiễu quanh, Đại đức Nãgasena đã cầm lấy bình bát và y, rồi ra đi du hành về phía Pātaliputta.

Vào lúc bấy ệìờ, nhà triệu phú người Pātaliputta cùng với năm trăm cỗ xe đang di chuyên ở con đường dẫn đên Pātaliputta. Nhà triệu phú người Pātaliputta đã nhìn thây Đại đức Nâgasena từ đàng xa đang tiên đên, sau khi nhìn thấy đã quay năm trăm cỗ xe trở lại và tiến đến gần Đại đức Nâgasena, sau khi đến gần đã đảnh lễ Đại đức Nãgasena rồi nói rang: Bạch Sư, Sư đi đâu? Này gia chủ, Pātaliputta. -Tốt quá, thưa Sư! Chúng tôi cũng đi Pātaliputta. Sư hãy thoải mái đi cùng chúng tôi. Sau đó, nhà triệu phú người Pātaliputta có được niềm tin vào bốn oai nghi của Đại đức Nâgasena nên đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Nãgasena với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đên khi Đại đức Nãgasena đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, ông ta đã cầm lấy một chiếc ghế thấp rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nhà triệu phú người Pātaliputta đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Bạch Sư, Sư tên gì? Này gia chủ, tôi tên Nãgasena. Bạch Sư, vậy Sư có biết lời dạy của đức Phật không? Này gia chủ, tôi có biết các câu ve Vi diệu pháp.

Bạch Sư, thật là lợi ích cho chúng ta! Bạch Sư, thật khéo đạt được cho chúng ta! Bạch Sư, con cũng thích Vi diệu pháp, Sư cũng chuyên về Vi diệu pháp. Bạch Sư, thỉnh Sư nói về các câu Vi diệu pháp. 29. Khi ây, Đại đức Nâgasena đã thuyêt giảng Vi diệu pháp cho nhà triệu phú người Pātaliputta. Ngay trong khi đang lần lượt thuyết giảng, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến nhà triệu phú người Pātaliputta: "Diều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." Sau đó, nhà triệu phú người Pātaliputta đã cho năm trăm cỗ xe đi trước, còn bản thân đi phía sau. Ông ta đã dừng lại ở đường rẽ hai, không xa thành Pātaliputta, rồi nói với Đại đức Nâgasena điều này: Bạch Sư Nâgasena, đường này dẫn đến tu viện Asoka. Bạch Sư, còn đây là tấm mền len quý báu của tôi, bề dài mười sáu cánh tay, bề rộng tám cánh tay. Bạch Su, vì lòng thương tưởng xin Sư hãy thọ nhận tấm mền len quý báu này. Đại đức Nâgasena vì lòng thương tưởng đã thọ nhận tấm mền len quý báu ấy. Khi

ấy, nhà triệu phú người Pātaliputta được hoan hỷ, phấn khởi, vui mừng, sanh tâm phỉ lạc, đã đảnh lễ Đại đức Nâgasena, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. 30. Sau đó, Đại đức Nãgasena đã đi đến tu viện Asoka gặp Đại đức Dhammarakkhita, sau khi đi đến đã đảnh lễ Đại đức Dhammarakkhita, và nói về lý do đi đến của mình. Sau đó, trong sự chứng minh của Đại đức Dhammarakkhita, Đại đức Nāgasena đã học Tam tạng, lời dạy của đức Phật, về phần văn tự chỉ với một lần đọc trong ba tháng, rồi thêm ba tháng nữa chú

A \ e r e tâm vê phân ý nghĩa. Khi ây, Đại đức Dhammarakkhita đã nói với Đại đức Nāgasena điêu này: Này Nāgasena, cũng giống như ïiậười chăn bò bảo vệ con bò, còn những kẻ khác thưởng thức hương vị (sản phàm) của bò. Này Nāgasena, tương tợ y như thế, mặc dù đang thuộc lòng Tam tạng, lời dạy của đức Phật, con không hưởng được phần của bản thể Sa-môn. Bạch Ngài, hãy là vậy. Với chừng này là đủ rồi. Rồi ngay trong ngày ấy, đêm ấy, Đại đức Nāgasena đã đạt được phẩm vị A-la-hán cùng với các tuệ phân tích. Cùng với việc thâm nhập chân lý của Đại đức Nãgasena, tất cả chư thiên đã ban lời tán thưởng: "Lành thay!" Trái đất đã gầm lên. Các Phạm thiên đã vỗ tay. Các bột trầm hương của cõi trời và các bông hoa Mạn-đà-la của cõi trời đã đổ mưa. 31. Vào lúc bấy giờ, một trăm kotỉ vị A-la-hán đã tụ hội tại cao nguyên Rakkhita núi Hy-mã-lạp, và đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức Nâgasena [nói rằng]: Nāgasena hãy đến. Chúng tôi có ý muốn gặp Nâgasena. Khi ấy, sau khi nghe được lời nói của người sứ giả, Đại đức Nâgasena đã biến mất ở tu viện Asoka và đã hiện ra ở cao nguyên Rakkhita núi Hy-mã-lạp, phía trước một trăm kotỉ vi A-la-hán. Khi ấy, một trăm koti vi A-la-hán đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Này Nâgasena, đức Vua Milinda này gây khó khăn cho hội chúng Tỳ- khưu với việc hỏi câu hỏi theo học thuyết ve tà kiến. Này Nâgasena, thật tót đẹp thay! Con hãy đi và cải hóa Milinda. Bạch các Ngài, xin hãy đê yên một đức Vua Milinda. Bạch các Ngài, nêu tất cả các đức vua ở toàn cõi Jambudīpa đi đến để hỏi con câu hỏi, con sẽ trả lời và vạch rõ mọi điều ấy. Bạch các Ngài, các Ngài hãy đi đến thành phố sgala, không phải lo sợ. 32. Sau đó, các vi Tỳ-khưu Trưởng lão đã làm cho thành phố Sāgala trở thành quầng ánh sáng màu y ca-sa với sự di chuyển ngược xuôi của các vị ẩn sĩ. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Āyupāla trú ngụ tại tự viện Sañkheyya. Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với các quan đại thần rằng: Đêm trăng trong quả thật đáng yêu! Phải chăng hôm nay chúng ta nên đi đến gặp vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn để hỏi câu hỏi? Vị nào có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc? Được nói như vậy, năm trăm người xứ Yonaka đã nói với đức Vua rằng: -Tâu Đại vương, có vị Trưởng lão tên Āyupāla thông Tam tạng, là vi nghe nhiêu, kinh điên được truyên thừa. Hiện nay, vị ây trú ngụ tại tự viện Sañkheyya. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy đi đến Đại đức Āyupāla và hỏi câu hỏi. Này các khanh, như thế thì các khanh hãy thông báo đến Ngài Đại đức.

Sau đó, một nhà tiên tri đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức Āyupāla [nói rằng]: Thưa Ngài, đức Vua Milinda có ý muốn gặp Đại đức Âyupãla. Đại đức Āyupāla cũng đã nói

như vầy: Như thế thì Ngài hãy đến.

33. Sau đó, được tháp tùng bởi năm trăm người xứ Yonaka, đức Vua Milinda đã bước lên cỗ xe ngựa cao quý đi đến tự viện Sañkheyya gặp Đại đức Āyupāla, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với Đại đức Āyupāla, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Āyupāla điều này: Bạch Ngài Āyupāla, sự xuất gia của Ngài là với mục đích gì? Và mục đích tột cùng cua Ngài là gì? Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, sự xuất gia có mục đích thực hành giáo pháp và thực hành sự bình lặng. Bạch Ngài, có người tại gia nào cũng có sự thực hành giáo pháp [và sự thực hành pháp bình lặng]? -Tâu Đại vương, có chứ. Cũng có người tại gia có sự thực hành giáo pháp và có sự thực hành pháp bình lặng. Tâu Đại vương, trong khi đức Thê Tôn chuyển vận bánh xe pháp ở thành Bārānasī, Isipatana, nơi Vườn Nai, đã có sự lãnh hội giáo pháp của mười tám koỊỈ vi Phạm thiên. Còn sự lãnh hội giáo pháp của chư thiên thì vượt qua cách thức tính đếm. Tất cả những vị ấy đều là người tại gia, không phải bậc xuất gia. Tâu Đại vương, và hơn nữa, trong khi bài Kinh Mahãsamaỵa đang được thuyết giảng, trong khi bài Kinh Mahāmañgala đang được thuyết giảng, trong khi bài Kỉnh Samacittapariyâya đang được thuyết giảng, trong khi bài Kinh Rãhuỉovãda đang được thuyết giảng, trong khi bài Kinh Parãbhava đang được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn, đã có sự lãnh hội giáo pháp của chư thiên vượt lên trên cách thức tính đếm. Tất cả những vi ấy đều là người tại gia, không phải bậc xuất gia.6 34. Đức Vua Milinda đã nói rằng: Bạch Ngài Āyupāla, như thế thì sự xuất gia của Ngài là vô nghĩa; do kết

6Chú thích về các bài kinh đã được trích dẫn: -D. II. 253, (20) Mahāsamayasuttam (Kinh Đại hội). -Mahāmañgalasutta được tim thấy ở hai nơi là Tiểu tụng, phần v (Kh. 3) và Kinh tập, chương II, bài kinh số 4 (Sn. 46). , . -Samacittapariyāyasutta, xem Tăng chi bộ9 phẩm Tâm thăng bằng (Samacittavaggă), phần Hai pháp (41.62). , -Rāhulovādasutta, xem Thing bộ, có 3 bài kinh mang tựa Rāhulovāda làM 61, Ambalatthikarāhulovādasuttam {Kinh Giảo giới La-hâu-ỉa ở rừng Am-bâ-ỉa); M. 62, Mahārāhulovādasuttam (Đại kỉnh Giảo giới La- hầu-là)\ M. 147, Cūlarāhulovādasuttam (Tiểu kỉnh Giảo giới La-hầu-ỉa). , -Parabhavasutta'. Có 2 bài kinh mang cùng tên Parābhavasuttam ở Tăng chi bộ, phẩm III. Vajjī (Vajjisattakavaggā), phần Bảy pháp, Kinh Thối đọa (Parābhavasutta) (A. IV. 26) và ở Kinh tạp, chương I, bài lanh so 6 (Sn. 18).

quả của nghiệp ác đã làm trong quá khứ mà các Sa-môn Thích tử xuất gia và gìn giữ các pháp từ khước.7 Bạch Ngài Āyupāla, những vị Tỳ>khưu [hành pháp] một chỗ ngoi [khi thọ thực], có lẽ trong quá khứ họ là những kẻ đạo tặc đoạt lay tài sản của những người khác; sau khi cướp đoạt các tài sản của những người khác, mà nẹày nay do két quả của nghiệp ây, họ trở thành các vi [hành pháp] một chỗ ngoi [khi thọ thực], không chấp nhận thọ thực lúc này lúc khác, nhiều chỗ ngồi. Đối với những vị ấy thì chẳng có giới hạnh, chẳng có khổ hạnh, chẳng có Phạm hạnh. Bạch Ngài Āyupāla, những vị Tỳ-khưu [hành pháp] ngụ ở ngoài trời, có lẽ trong quá khứ họ là những kẻ đạo tặc tàn

phá xóm làng; sau khi tiêu hủy các căn nhà của những người khác, mà ngày nay do kết quả của nghiệp ấy, họ trở thành các vi [hành pháp] ngụ ở ngoài trời, không chấp nhận thọ dụng các chỗ trú ngụ. Đối với những vị ấy thì chẳng có giới hạnh, chẳng có khổ hạnh? chẳng có Phạm hạnh. Bạch Ngài Āyupāla, những vị Tỳ-khưu [hành pháp] về oai nghi ngồi (không nằm), có lẽ trong quá khứ họ là những kẻ đạo tặc cướp đường; sau khi bắt giữ các khách đi đường, trói lại, rồi bắt họ ngồi xuống, mà ngày nay do kết quả của nghiệp ấy, họ trở thành các vi [hành pháp] về oai nghi ngồi (không nằm), không chấp nhận được phép nằm. Đối với những vị ấy thì chăng có giới hạnh, chăng có khổ hạnh, chăng có Phạm hạnh. 35. Được nói như vậy, Đại đức Āyupāla đã im lặng, không đáp lại điều gì. Khi ấy, năm trăm người xứ Yonaka đã nói với đức Vua Milinda điều này: -Tâu Đại vương, vị Trưởng lão là bậc sáng trí, tuy nhiên Ngài không tự tin nên không đáp lại điều gì. Sau đó, khi nhìn thấy Đại đức Āyupāla có thái độ im lặng, đức Vua Milinda đã vỗ tay, reo lên, rồi nói với những người xứ Yonaka điều này: Xứ Jambudīpa quả thật trống trơn! Xứ Jambudīpa quả thật vô nghĩa! Không có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải toa điều nghi hoặc? 36. Sau đó, đức Vua Milinda, trong khi quan sát toàn thể hội chúng ấy, đã nhìn thấy những người Yonaka không bị sợ hãi, không có trạng thái bối rối, nên đã khởi ý điều này: "Ta nghĩ rằng chắc chắn là có vi Tỳ-khưu sáng trí nào khác có khả năng để chuyện trò với ta để giải tỏa điều nghi hoặc nên những người xứ Yonaka này không có trạng thái bối rối?9 Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với những người xứ Yonaka điều này: Này các khanh, có vi Tỳ-khưu sáng trí nào khác có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc? 37. Vào lúc bấy giờ? Đại đức Nāgasena được vây quanh bởi tập thể Sa-môn, là vi có hội chúng, có đồ chúng, là giáo thọ sư của tập thể, được biết tiếng, có danh vọng, được nhiều người đánh giá cao, là vi sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khôn khéo, hiểu biết, rành mạch, nghiêm chỉnh, tự tin, nghe nhiều, thông

7 Đã được dịch âm là thu đông, đầu-đà (dhutañga).

Tam tạng, hiểu biết sâu sắc, trí đã được khai mở, kinh điển được truyền thừa, tuệ phân tích đã được khai mở, rành rẽ pháp học về lời dạy của bậc Đạo sư gồm chín thể loại, đã đạt đến sự toàn hảo, thiện xảo trong việc thâm nhập lời thuyết giảng về ý nghĩa của giáo pháp trong lời dạy của đấng Chiến Thắng, có tài ứng đối linh hoạt không bị ngập ngừng, có sự thuyết giảng phong phú, có sự phát biểu khéo léo, là vị khó sánh bằng, khó khuất phục, khó trội hơn, khó chèn, khó ép, không lao chao ví như biển cả, không dao động ví như núi chúa, dứt bỏ dục vọng, xua đi tăm tối, phát ra ánh sáng, là diễn giả hùng hồn, gây xáo trộn tập thể của các vị có đồ chúng khác, khuất phục các giáo chủ tà giáo khác, đối với các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni, các cận sự nam, các cận sự nữ, các vua chúa, các quan đại thần của đức vua thì được trọng vọng, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, nhận được các vật dụng về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh, đã đạt được đỉnh cao về lợi lộc và đỉnh cao về danh vọng, đang trình bày sự quý báu về lời dạy của đấng Chiến Thắng gồm chín thể loại đến những bậc hiểu biết lớn tuổi đang tập trung lắng nghe, đang chỉ ra con đường giáo

pháp, đang nắm giữ ngọn đèn giáo pháp, đang nâng lên tòa lâu đài giáo pháp, đang hy sinh cống hiến cho giáo pháp, đang nâng đỡ biểu hiện của giáo pháp, đang nâng lên ngọn cờ giáo pháp, đang làm vang lên tiếng tù và của giáo pháp, đang vỗ trống giáo pháp, đang rống tiếng rống sư tử, đang gầm tiếng gầm của vị trời Inda (tiếng sấm), đang làm hài lòng toàn bộ thế gian với việc đã thốt lên giọng nói ngọt ngào, với việc đã trùm lên mạng lưới tia sét của trí tuệ, với việc đã mang nặng dòng nước thương yêu, với trận mưa lớn về sự bất tử của giáo pháp, trong khi tuần tự du hành qua làng mạc thị trấn kinh thành, đã ngự đến thành phố Sãgala. ở nơi ấy, Đại đức Nãgasena ngụ tại tự viện Sañkheyya cùng với tám chục ngàn vi Tỳ-khưu. Vì the, đã có lời rằng: "Là vỉ nghe nhiều, có sự thuyết giảng phong phú, khôn khẻo, tự tin, thiện xảo về thời điểm, có tài ứng đổi và thông thái. Và các Tỳ-khưu thông Tam tạng, cùng với các vi thông năm bộ kinh và luôn cả các vị thông bon bộ kỉnh, các vị ấy tôn vinh Nãgasena. Nãgasena là vị có tuệ thâm sâu, thông minh, biêt được đạo và không phải là đạof đã đạt đến mục đích tối thượng, có sự tự tin. Được các vi Tỳ-khưu khôn khẻo, có lời nói chân thật ấy tháp tùng, trong khi du hành qua làng mạc thị trẩn, đã đi đến Sãgala. Từ đó, Nãgasena đã ngụ tại tự viện Sañkheyya. Giông như con sư tử ở ngọn núi, vi ấy thuyết giảng cho nhiều ngườiy 38. Khi ấy, vị Devamantiya đã nói với đức Vua Milinda điều này: Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy chờ đợi! Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy chờ đợi! Tâu Đại vương, có vị Trưởng lão tên Nâgasena là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, nghiêm chỉnh, tự tin, nghe nhiều, có sự thuyết giảng phong phú, có tài ứng đoi khôn khéo, đã đạt đen sự toàn hảo trong các tuệ

phân tích vê ý nghĩa, vê các pháp, vê ngôn từ và vê phép biện giải. Hiện nay, vị ấy ngụ tại tự viện Sañkheyya. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy đi đến, hãy hỏi Đại đức Nãgasena câu hỏi. Vi ấy có khả năng để chuyện trò với Đại vương để giải tỏa điều nghi hoặc. 39. Khi áy, đức Vua Milinda, chợt nghe đên tên "Ngasena", đã có sự sợ hãi, đã có sự khiếp đảm, đã có nổi da gà. Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Devamantiya điều này: Này khanh, có phải Ngài Tỳ-khiru Nãgasena có khả năng để chuyện trò với trẫm? Tâu Đại vương, vi ấy có khả năng để chuyện trò với cả vi trời Inda, Yãmã, Varuna, Kuvera, Pajãpati, Suyâma, các vị hộ trì cõi trời Đẩu-suất, luôn cả Đại Phạm thiên là bậc cha ông thì có gì với loài người? 40. Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Devamantiya điều này: Này Devamantiya, như thế thì khanh hãy phái sứ giả đi đến gặp Ngài Đại đức. Tâu Bệ hạ, xin vâng. Roi Devamantiya đã phái sứ giả đi đên gặp Đại đức Nãgasena [nói răng]: Bạch Ngài, đức Vua Milinda có ý muôn gặp Đại đức Nâgasena. Đại đức Nâgasena cũng đã nói rằng: Như thế thì vị ấy hãy đến.

41. Sau đó? được tháp tùng bởi năm trăm người xứ Yonaka, đức Vua Milinda đã bước lên cỗ xe ngựa cao quý cùng với đội quân binh đi đến tự viện Sañkheyya gặp Đại đức Nâgasena. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Nâgasena đang ngồi ở ngôi nhà tròn cùng với tám mươi ngàn vi Tỳ-khưu, Đức Vua Milinda đã nhìn thấy hội chúng của Đại đức Nâgasena từ đàng xa, sau khi nhìn thấy đã nói với Devamantiya điều này: Này Devamantiya, hội chúng đông đảo này là của ai vậy? Tâu Đại vương, là hội chúng của Đại đức

Nâgasena. Lúc đó, sau khi nhìn thấy hội chúng của Đại đức Nâgasena từ đàng xa, đức Vua Milinda đã có sự khiếp đảm, đã có nổi da gà. Khi ấy, đức Vua Milinda, tợ như con voi bị bao vây bởi những con tê giác, tợ như con rồng bị bao vây bởi những con Kim Si điểu, tợ như con chó rừng bị bao vây bởi những con trăn, tợ như con gấu bi bao vây bởi nhữnệ con trâu rưng, tợ như con ếch bị đuổi theo bởi con rắn, tợ như con nai bi đuổi theo bởi con báo, tợ như con rắn bị chạm trán người bắt rắn, tợ như con chuột bi chạm trán con mèo, tợ như con yêu tinh bi chạm trán thầy trừ tà, tợ như mặt trăng đi vào miệng của Râhu (bị nguyệt thực), tợ như con rắn bị sa vào giỏ, tợ như con chim bi rơi vào lồng, tợ như con cá bị dính vào lưới, tợ như con người bị đi lạc vào rừng có thú dữ, tợ như loài dạ-xoa phạm lỗi đối với Thiên vương Vessavana, tợ như vị thiên tử có tuổi thọ

bị cạn kiệt, trở nên sợ hãi, kinh hoàng, dao dác, rúng động, lông dựng dưng lên, thất thần, lo âu, tâm bi tán loạn, nhụt ý, sau khi lấy lại sự can đảm [nghĩ rang]: "Chớ để người này xem thường ta", đức vua đã nói với Devamantiya điều này: Này Devamantiya, khanh chớ giới thiệu Đại đức Nāgasena cho trẫm, trẫm sẽ nhận biết Nāgasena dầu chưa được nói ra. Tâu Đại vương, lành thay! Xin Đại vương hãy tự nhận biết. 42. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Nāgasena ở nơi hội chúng Tỳ-khưu của Ngài gồm bốn mươi ngàn vị Tỳ-khưu kém thâm niên ở phía trước và bốn mươi ngàn vị Tỳ-khiru thâm niên hơn ở phía sau. Khi ấy, trong khi quan sát toàn thể hội chúng Tỳ-khưu ấy từ phía trước, từ phía sau và ở chính giữa, đức Vua Milinda đã nhìn thấy từ ở đàng xa Đại đức Nâgasena đang ngồi ở giữa hội chúng Tỳ-khưu tợ như sư tử có bờm, không chút sợ hãi khiếp đảm, không bị nổi da gà, không sợ hãi thẹn thùng; sau khi nhìn thấy, đã nhận ra nhờ vào sự biểu hiện: "Người này đây chính là Nāgasena?9 Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Devamantiya điều này: Này Devamantiya, có phải vi ấy chính là Đại đức Nâgasena? Tâu Đại vương, đúng vậy. Vi ấy chính là Đại đức Nãgasena. Tâu Đại vương, thật là tốt đẹp! Đại vương đã nhận ra vị Nâgasena. Vì thế, đức Vua đã trở nên hớn hở: -Dầu không được nói, trẫm đã nhận ra được Nâgasena. Lúc đó, sau khi đã nhìn thấy Đại đức Nãgasena, đức Vua Milinda đã có sự sợ hãi, đã có sự khiếp đảm, đã có nổi da gà. Vì thế, có lời nói rằng: "Sau khi nhìn thấy Nãgasena được thành tựu tánh hạnh, đang khẻo được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, đức Vua đã nói lời nói này: 'Ta đã gặp nhiêu nhà thuyêt giáo, đã tham dự nhiêu cuộc bàn luận, ta đã không có sự sợ hãi như the này, như là sự run sợ của ta ngày hôm nay. Sự thất bại chắc chắn sẽ xảy ra cho ta ngày hôm nay, khi tâm không được tập trung như vây, và chính phân thăng sẽ là của Nāgasenāya Dứt phần Ngoại thuyết.

L ĐẠI PHẨM (MAHĀVAGGO)

1. Khi ấy, đức Vua Milinda đã đi đến gặp Đại đức Nâgasena, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với Đại đức Nâgasena, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã nệồi xuống một bên. Đại đức Nãgasena cũng đã tỏ bày vẻ thân thiện, chính vì thế đã làm hài lòng

tâm ý của đức Vua Milinda. Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Ngài Đại đức được nhận biết bằng cách nào? Thưa Ngài, Ngài tên gì? Tâu Đại vương, tôi được nhận biết là "Ngasena". Tâu Đại vương, các vị đồng Phạm hạnh gọi tôi là "Ngasena". Hơn nữa, mẹ cha đặt tên là "N^gasena", hoặc là "Sũrasena"hoặc là "Vírasena", hoặc là "SThasena". Tâu Đại vương, vả lại "Nagasena" cũng chỉ là từ phân biệt, là tên thừa nhận, là tên quy định, là tên gọi thông thường, bởi vì không người nào được tìm thấy ở đây. Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với như vầy: -Xin quý vị năm trăm người xứ Yonaka và tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu hãy lăng nghe trẫm. Vị Nâgasena này đã nói như vầy: "Bởi vì không người nào được tìm thấy ở đây?9 Vậy có hợp lý để chấp nhận điều ấy không? Khi ây9 đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nâgasena điêu này: Thưa Ngài Nâgasena, nếu không người nào được tìm thấy, vậy thì ai bố thí y phục vật thực chỗ trú ngụ và thuôc men chữa bệnh cho Ngài? Ai thọ dụng vật ấy? Ai trì giới? Ai ệẳn bó với sự tu tập? Ai chứng ngộ Đạo, Quả và Niết- bàn? Ai sát hại mạng sống? Ai lấy vật không được cho? Ai tà hạnh trong các dục? Ai nói dối? Ai uống chất lên men? Ai gây nên năm nghiệp vô gián? Như thế thì không có thiện, không có bất thiện, không có người làm hoặc người sai bảo làm đối với các nghiệp thiện và bất thiện. Khônệ có sự thành tựu quả đối với các nghiệp đã được làm tốt hoặc đã được làm xấu. Thưa Ngài Nâgasena, nếu có người giết chết Ngài thì người ấy cũng không có tội giết hại mạng sống. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài cũng không có thầy dạy học, không có thầy tế độ? không có sự tu lên bậc trên, điều Ngài nói rằng: "Tâu Đại vương, các vị đồng Phạm hạnh gọi tôi là Ngasena"vậy ở đây cái gì là Nâgasena? Thưa Ngài, có phải các sợi tóc là Nâgasena? -Tâu Đại vương, không phải. Có phải các sợi lông là Nâgasena? -Tâu Đại vương, không phải.

CÓ phải các móng (tay chân)... (nt)... các răng, da, thịt, gân, xương, tủy xương, thận, tim, gan, cơ hoành, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, thực phẩm chưa tiêu, phân, mật, đàm, mủ5 máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mỡ (huyết tương), nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiêu, bộ não ở đầu là Nāgasena? -Tâu Đại vương, không phải.
Thưa Ngài, có phải sắc là Nāgasena?

-Tâu Đại vương, không phải.
Có phải thọ là Nāgasena?
Tâu Đại vương, không phải.
Có phải tưởng là Nāgasena?
-Tâu Đại vương, không phải.
Có phải các hành là Nāgasena?
-Tâu Đại vương, không phải.
Có phải thức là Nāgasena?
-Tâu Đại vương, không phải.
Thưa Ngài, vậy thì sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Nāgasena?

-Tâu Đại vương, không phải. Thưa Ngài, vậy thì trừ ra sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Nāgasena?

Tâu Đại vương, không phải. Thưa Ngài, trong khi lần lượt hỏi về điều ấy mà trẫm vẫn không thấy ra được Nāgasena. Thưa Ngài, chăng lẽ âm thanh lại là Nāgasena? Vậy thì ở đây5 người nào là Nāgasena? Thưa Ngài, Ngài nói không có Nāgasena là điều không thật, là lời dối tra. Khi ấy, Đại đức Nāgasena đã nói với đức Vua Milinda điều này: -Tâu Đại vương, Đại vương quả là có sự thanh lịch của dòng dõi Sát-đế-lỵ5 có sự thanh lịch tột bực. Tâu Đại vương, đối với Bệ hạ đây trong lúc dẫm đạp lên các miêng chai, đá, cát sần sùi ở lớp cát nóng của mặt đất hừng hực và đi bộ vào lúc giữa trưa, han nhiên các bàn chân đau nhức, thân mệt nhọc, tâm bị lui sụt, thân thức gắn liền với khổ sanh khởi. Vậy thì Bệ hạ đi đến bằng chân, hay bằng xe cộ? Thưa Ngài, trẫm không đi đến bằng chân, trẫm đi đến bằng cỗ xe. Tâu Đại vương, nếu Bệ hạ đi đến bằng cỗ xe, xin Bệ hạ hãy chỉ cỗ xe cho tồi. Tâu Đại vương, có phải cái gọng là cỗ xe? Thưa Ngài, không phải. Có phải cái trục là cỗ xe? Thưa Ngài, không phải. Có phải các bánh xe là cỗ xe?

Thưa Ngài, không phải.

Có phải thùng xe là cỗ xe?

Thưa Ngài, không phải.

- Có phải thanh chống là cỗ xe?

Thưa Ngài, không phải.

Có phải cái ách là cỗ xe?

Thưa Ngài, không phải. Có phải dây cương là cỗ xe? Thưa Ngài, không phải. Có phải gậy thúc là cỗ xe? Thưa Ngài, không phải. -Tâu Đại vương, vậy có phải gọng, trục, bánh xe, thùng xe, thanh chống, ách, dây cương, gậy thúc là cỗ xe? Thưa Ngài, không phải. Tâu Đại vương, vậy thì trừ ra gọng, trục, bánh xe, thùng xe, thanh chống, ách, dây cương, gậy thúc là cỗ xe? Thưa Ngài, không phải. -Tâu Đại vương, trong khi lân lượt hỏi vê điêu ây mà tôi vân không thây ra được cỗ xe. Tâu Đại vương, chẳng lẽ âm thanh lại là cỗ xe? Vậy thì ở đây cái gì là cỗ xe? Tâu Đại vương, Đại vương nói khônậ có cỗ xe là điều không thật, là lời dối trá. Tâu Đại vương, Đại vương là vị vua toi cao của toàn cõi xứ Jambudīpa, tại sao Đại vương lại sợ hãi và nói lời dối trá? Xin quý vi năm trăm người xứ Yonaka và tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu hãy lắng nghe tôi. Đức Vua Milinda này đã nói như vầy: "Trẫm đi đến bằng cỗ xe." Trong khi được nói rằng: "Tâu Đại vương, nếu Bệ hạ đi đến bằng cỗ xe, xin Bệ hạ hãy chỉ cỗ xe cho tôi" thì không trình ra được cỗ xe. Vậy có hợp lý đe chấp nhận điều ấy không? Khi được nói như vậy, năm trăm người xứ Yonaka đã tán thưởng Đại đức Nâgasena bằng tiếng: "Lành thay!", rồi đã nói với đức Vua Milinda điều này: uTâu Đại vương, lúc này trong khi Đại vương có khả năng, xin Đại vương hãy n6i.” Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Thưa Ngài Nãgasena, trẫm không nói lời dối trá. Do cái gọng, do cái trục, do các bánh xe, do thùng xe, do thanh chống mà có được từ phân biệt, tên thừa nhận, tên quy định, tên gọi thông thường là ucỗ xe". -Tâu Đại vương, thật tốt đẹp

thay, Đại vương nhận ra được cỗ xe. Tâu Đại vương, cũng tương tợ y như the đối với tôi, do các sợi tóc, do các sợi lông,... (nt)... do bộ não, do săc? do thọ, do tưởng, do các hành, do thức mà có được từ phân biệt, tên thừa nhận, tên quy định, tên thông thường là "Ngasena". Tuy nhiên, theo ý nghĩa rốt ráo thì không người nào được tìm thấy ở đây. Tâu Đại

vương, điều này cũng đã được Tỳ-khưu-ni Vajirā nói lên trong sự hiện diện của 4-A rin A c đức The Ton răng: "Giông y như việc ráp chung lại các bộ phận thì có tiêng gọi là 'cô xe", tương tợ như vậy khi các uẩn hiện diện thì có sự công nhận là 'con người'y Thưa Ngài Nāgasena, thật la kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Các sự ứng đối câu hỏi rất tuyệt vời đã được trình bày. Nếu đức Phật còn tại tiền thì Ngài cũng tán thưởng bằng tiếng: "Lành thay!" Này Nāgasena, thật tốt đẹp thay, thật tốt đẹp thay! Các sự ứng đối câu hỏi rất tuyệt vời đã được trình bày. 2. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài được bao nhiêu năm tu? -Tâu Đại vương, tôi được bảy năm tu. Thưa Ngài, bảy đó là gì? Ngài là bảy hay sự tính đếm là bảy? Vào lúc bấy giờ, đức Vua Milinda đã được chưng diện với mọi thứ trang sức, đã được trang điểm và phục sức, có b6ng (chiếu xuổng) được nhìn thấy ở mặt đất, có bóng (chiếu xuống) được nhìn thấy ở chậu nước nữa. Khi ấy, Đại đức Nâgasena đã nói với đức Vua Milinda điều này: -Tâu Đại vương, cái bóng này của Đại vương được nhìn thấy ở mặt đất và ở chậu nước. Tâu Đại vương, thế thì Đại vương [đây] là đức vua hay cái bóng là đức vua? Thưa Ngài Nâgasena, trẫm [đây] là đức vua, cái bóng này không phải là đức vua. Tuy nhiên, nương vào trẫm [đây] mà có được cái bóng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, việc tính đêm các năm tu là bảy, tôi [đây] không phải là bảy. Tuy nhiên, nương vào tôi [đây] mà có được con số bảy. Tâu Đại vương, Đại vương hãy hiểu như ví dụ về cái bóng. Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nãgasena, thật là phi thường! Các sự ứng đối câu hỏi rất tuyệt vời đã được trình bày. 3. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, Ngài sẽ trò chuyện với trẫm phải không?

-Tâu Đại vương, nêu Đại vương trò chuyện theo lôi nói của bậc trí thì tôi sẽ trò chuyện. Tuy nhiên, nếu Đại vương trò chuyện theo lối nói của vị vua thì tôi sẽ không trò chuyện. Thưa Ngài Nâgasena, các bậc trí trò chuyện như thế nào? -Tâu Đại vương, trong cuộc trò chuyện của các bậc trí thì việc gây rối cũng được làm, việc tháo gỡ cũng được làm, việc phê bình cũng được làm, việc công kích cũng được làm, nói khác đi cũng được làm? nói trái ngược cũng được làm, và không vì the mà các bậc trí bực bội. Tâu Đại vương, các bậc trí trò chuyện là như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, thế còn các vị vua trò chuyện như thế nào?

Tâu Đại vương, trong cuộc trò chuyện các vị vua thông báo một sự việc.

Ai không ưng thuận sự việc ấy, các vị vua ra lệnh hình phạt người ấy: uCác khanh hãy ban hình phạt cho kẻ này/5 Tâu Đại vương, các vị vua trò chuyện là như vậy. Thưa Ngài, trẫm sẽ trò chuyện theo lối nói của bậc trí, không theo lối nói của vị vua. Xin Ngài

Đại đức hãy yên tâm trò chuyện. Ngài trò chuyện với Tỳ- khưu5 với Sadi, với nam cư sĩ, hoặc với người hộ tự như thế nào, xin Ngài Đại đức hãy yên tâm trò chuyện như thế, chớ lo sợ. -Tâu Đại vương, thật tốt lắm. Vị Trưởng lão đã tán thành. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, trẫm sẽ hỏi.

Tâu Đại vương, xin hãy hỏi. Thưa Ngài, Ngài đã được trẫm hỏi rồi.

_ Tâu Đại vương, đã được trả lời roi. Thưa Ngài, vậy chớ điều gì đã được Ngài trả lời? -Tâu Đại vương, vậy chớ điều gì đã được Đại vương hỏi? 4. Khi ấy, đức Vua Milinda đã khởi ý điều này: "Vị Tỳ-khưu này quả là sáng trí, có năng lực để trò chuyện với ta, và ta có nhiều sự việc cần phải hỏi. Cho đến khi các sự việc ấy còn chưa được hỏi xong thì mặt trời sẽ lặn, có lẽ ta nên trò chuyện vào ngày mai ở nội cung." Khi ấy, đức vua đã nói với Devamantiya điều này: "Này Devamantiya, như vậy thì khanh có thê thông báo cho Ngài Đại đức răng: 'Ngày mai sẽ có cuộc trò chuyện với đức vua ở nội cung.'" Nói xong điêu này, đức Vua Milinda đã rời chỗ ngồi đứng dậy, chào hỏi Nâgasena, leo lên ngựa, rồi ra đi trong khi còn đang lẩm nhẩm "Nãgasena, Ngasena". Sau đó, Devamantiya đã nói với Đại đức Nãgasena điêu này: Thưa Ngài, đức Vua Milinda đã nói như vây: "Ngày mai sẽ có cuộc trò chuyện ở nội cung." -Thật tốt lắm. Vị Trưởng lão đã tán thành. Sau đó, vào cuối đêm ấy, Devamantiya, Anantakāya, Mañkura và Sabbadinna đã đi đến gặp đức Vua Milinda, sau khi đến đã nói với đức Vua Milinda điều này: -Tâu Đại vương, có phải Ngài Đại đức Nâgasena sẽ đên? Đúng vậy, hãy để Ngài đến. Hãy để Ngài đến cùng với bao nhiêu vị Tỳ-khưu?

Ngài muôn bao nhiêu vi Tỳ-khưu thì hãy đê Ngài đên cùng với bây nhiêu vi Tỳ-khưu.

Khi ấy, Sabbadinna đã nói rằng: -Tâu Đại vương, hãy đê Ngài đên cùng với mười vị Tỳ-khưu. Đen lần thứ nhì, đức Vua Milinda đã nói rằng: Ngài muốn bao nhiêu vị Tỳ-khưu thì hãy để Ngài đến cùng với bấy nhiêu vi Tỳ-khưu. Đen lần thứ nhì, Sabbadinna đã nói rằng: Tâu Đại vương, hây để Ngài đến cùng với mười vị Tỳ-khmi. Đen lần thứ ba, đức Vua Milinda đã nói rằng: Ngài muốn bao nhiêu vị Tỳ-khưu thì hãy để Ngài đến cùng với bấy nhiêu vi Tỳ-khưu. Đen lần thứ ba, Sabbadinna đã nói rằng: Tâu Đại vương, hãy đê Ngài đên cùng với mười vi Tỳ-khưu. Tất cả việc tôn vinh này đã được chuẩn bị nên trẫm nói rằng: "Ngài muốn bao nhiêu vị Tỳ-khưu thì hãy để Ngài đến cùng với bấy nhiêu vị Tykhưu." Này các khanh, Sabbadinna này lại nói khác đi. Chẳng lẽ chúng ta không có khả năng để dâng cơm đến các Tỳ-khưu? Khi được nói như vậy, Sabbadinna đã xấu hổ. Sau đó5 Devamantiya, Anantakãya và Maủkura đã đi đến gặp Đại đức Nâgasena, sau khi đến đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: -Thưa Ngài, đức Vua Milinda đã nói như vầy: "Ngài muốn bao nhiêu vi Tỳ-khưu thì hãy để Ngài đến cùng với bấy nhiêu vị Tỳ-khưu/5 Sau đó, Đại đức Nãgasena vào buổi sáng sớm đã mặc y, cầm lấy bình bát và y rồi cùng với tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu đã đi vào thành Sãgala. Lúc ấy, Anantakãya khi đang đi gần Đại đức Nãgasena đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Thưa Ngài Nãgasena, điều mà tôi gọi là "Nagasena", ở đây cái gì là Nâgasena? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Ngươi suy

nghĩ xem "& đây ai là Nāgasena?95 Thưa Ngài, sự sống, tức là gió ở bên trong, đi vào rồi đi ra, tôi nghĩ rằng "cái ấy là Nãsenā." Vậy nếu gi6 ấy đi ra rồi không đi vào, hoặc đi vào rồi không đi ra, thì người ấy còn sông không? Thưa Ngài, không. Những người thổi tù và vỏ ốc, khi thổi tù và vỏ ốc thì gió của họ có đi vào lại không? Thưa Ngài, không. Những người thổi sáo, khi thổi sáo thì gió của họ có đi vào lại không?

Thưa Ngài, không.

Những người thôi tù và sừng trâu, khi thôi tù và sừng trâu thì gió của họ có đi vào lại không?

Thưa Ngài, không.

Thế thì tại sao họ lại không chết đi?

Thưa Ngài, tôi không có khả năng đê trò chuyện với nhà diên thuyêt như Ngài. Thưa Ngài, lành thay xin Ngài nói về ý nghĩa. Cái ấy không phải là sự sống. Hơi thở vào hơi thở ra, những cái này gọi là thân hành. Vi Trưởng lão đã thuyết giảng về Vi diệu pháp, rồi Anantakâya đã tuyên bố mình trở thành người cận sự nam. 5. Sau đó, Đại đức Nâgasena đã đi đến nơi trú ngụ của đức Vua Milinda, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt. Khi ấy, đức Vua Milinda đã tự tay làm hài lòng, toại ý Đại đức Nãgasena và hội chúng với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm, rồi đã dâng mỗi một vị Tỳ-khưu mỗi một xấp vải đôi, đã dâng Đại đức Nãgasena với ba y5 rồi đã nói với Đại đức Nãgasena điều này: Thưa Ngài Nãgasena, xin Ngài hãy ngồi lại đây cùng với mười vị Tỳ- khiru, hãy cho các vị còn lại đi về. Sau đó, biết được Đại đức Nãgasena đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đức Vua Milinda đã cầm lấy một chiếc ghế thấp rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Thưa Ngài Nâgasena, cuộc trao đổi trò chuyện là về điều gì? -Tâu Đại vương, chúng ta là những nệười có sự mong cầu về mục đích, vậy hãy là cuộc trao đôi trò chuyện thuần vê mục đích. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, sự xuất gia của Ngài là với mục đích gì? Và mục đích tối hậu của Ngài là gì? * Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, làm cách nào để cho khổ này diệt và khổ khác không thể sanh lên? Tâu Đại vương, sự xuất gia của chúng tôi là với mục đích ấy. Còn mục đích tối hậu của chúng tôi là Niết-bàn không còn chấp thủ. Thưa Ngài Nãgasena, có phải tất cả đều xuất gia với mục đích này? Tâu Đại vương, không hẳn. Một số xuất gia với mục đích này. Một số xuất. Y gia vì sợ• hãi đức \vua. Một • r số xuất r gia vì sợ hãi kẻ đạo / ... tặc. Một • số xuất Dgia. VÌ bị hành hạ bởi nợ nân. Một sô xuât gia vì mục đích nuôi mạng. Những người nào xuất gia chân chánh, những người ấy xuất gia với mục đích này. Thưa Ngài, có phải Ngài đã xuất gia với mục đích này? -Tâu Đại vương, tôi đã xuất gia khi còn là một cậu bé. Tôi không biết là

“t6i xuất gia với mục đích này.” Tuy nhiên, tôi đã khởi ý như vầy: "Các vị Sa- môn Thích tử này là các bậc trí. Các vị sẽ cho ta học tap.55 Tôi đây đã được học tập với họ, tôi biết và nhận thức rằng: "Sịt xuất gia là với mục đích nay.59 Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 6. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có người nào chết mà

không tái sanh? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Tâu Đại vương, có người tái sanh, có người không tái sanh. Người nào tái sanh? Người nào không tái sanh? -Tâu Đại vương, người còn phiền não tái sanh. Người không còn phiền não không tái sanh. Thưa Ngài, có phải Ngài sẽ tái sanh? Tâu Đại vương, nếu tôi còn chấp thủ, tôi sẽ tái sanh. Nếu tôi không còn chấp thủ, tôi sẽ không tái sanh. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, người nào không tái sanh, chẳng lẽ người ấy không tái sanh do tác ý đúng đường lối? Tâu Đại vương, do tác ý đúng đường lối, do tuệ và do các thiện pháp khác. Thưa Ngài, chẳng lẽ tác ý đúng đường lối chính là tuệ? Tâu Đại vương, không phải. Tác ý đúng đường lối là cái khác, tuệ là cái khác. Tâu Đại vương, đối với hai pháp này, thì các loài dê, cừu, bò, trâu, lạc đà? lừa có sự tác ý? tuy nhiên chúng không có tuệ. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo.

CÁC CÂU HỎI VỀ TƯỚNG TRẠNG (LAKKHANAP4ÑHĀ)

8. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài, tác ý có gì là tướng trạng, tuệ có gì ià tướng trạng? Tâu Đại vương, tác ý có sự cân nhắc là tướng trạng, tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng. Thưa Ngài, tác ý có sự cân nhắc là tướng trạng nghĩa là thế nào? Tuệ có sự cat đứt là tướng trạng nghĩa là thê nào? Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương có biêt vê những người gặt lúa không? - Thưa Ngài, đúng vậy. Trẫm có biết. -Tâu Đại vương, những người gặt lúa cắt cây lúa như thế nào? Thưa Nệài, họ năm bó lúa băng tay trái, câm cái liêm băng tay phải, roi cắt bằng cái liêm. Tâu Đại vương, giống như người gặt lúa nắm lấy bó lúa bằng tay trái, cầm cái liềm bằng tay phải, rồi cắt bằng cái liềm, tương tợ y như thế, hành giả nắm lấy ý bằng sự tác ý rồi cắt đứt các phiền não bằng tuệ. Tâu Đại vương, tác ý có sự cân nhắc là tướng trạng nghĩa là như vậy, tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng nghĩa là như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. - Thưa Ngi Nãgasena, điều mà Ngài đã nói là ucác thiện pháp khc", các thiện pháp ây là những gì? -Tâu Đại vương, là giới, tín, tấn, niệm, định, những cái này là các thiện pháp ấy. Thưa Ngài, giới có gì là tướng trạng? - Tâu Đại vương, giới có sự đặt nên tảng là tướng trạng. Giới là nên tảng của tất cả các thiện pháp, của các sự thê nhập các quyên, các lực, các chi phần đưa đến giác ngộ, các đạo, các sự thiết lập niệm, các chánh tinh tấn, các nền tảng của thần thông, các thiền, các sự giải thoát, các tầng định. Tâu Đại vương, đoi với người đã đặt nen tảng ở giới thì tất cả các thiện pháp không bi suy giảm. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như các loại hạt giông và các loài thảo mộc nào đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh, tất cả các loại hạt giống và các loài thảo mộc ấy đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh như thế này đều

nương tựa vào đất, đều đặt nền tảng ở đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hành giả tu tập năm quyền: Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyên đều nương tựa vào giới, đêu đặt nên tảng ở giới. Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương, giống như các công việc nặng nhọc1 nào được thực hiện, tất cả các c6ng việc nặng nhọc được thực hiện như thế này đều nương tựa vào đất, đều đặt nen tảng ở đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hành giả tu tập năm quyền: Tín quyền, tấn quyền,

niệm quyền, đinh quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nền tảng ở giới. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như nhà kiến trúc đô thi có ý định xây dựng thành phố thì trước tiên cho làm sạch sẽ khu vực thành phố, cho dời đi gốc cây và các gai góc, cho làm bằng phẳng, sau đó phân chia khu vực của các con đường, các lô đất vuông, các ệiao lộ, v.v... roi mới xây dựng thành phố. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, hành giả tu tập năm quyền: Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nền tảng ở giới. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giong như diên viên nhao lọn co y đinh biêu diên nệhê nghiệp thì cho người đào đất, cho dời đi sạn sỏi mảnh sành, cho làm bang phẳng, rồi biểu diễn nghề nghiệp ở mặt đất mềm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hành giả tu tập năm quyền: Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nên tảng ở giới. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thê Tôn nói đên: Sau khi đặt nên tảng ở gi&i, người có tri tu tập tâm và tuệ. Vị Tỳ-khiru tinh cân, chỉn chăn, vi ây có thê gỡ ra môi roi này. Đây là nên tảng ví như trải đát đổi với các sinh mạng, và đây là gốc của sự phát triển các điều tốt đẹp. và đây là phần đầu ở lời dạy của tất cả các đấng Chiến Thắng, chỉnh là giới uẩn thuộc ve Giới bon (Pãtimokkha) cao quỷ, Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 10. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, tín có gì là tướng trạng? -Tâu Đại vương, tín có sự thanh lọc là tướng trạng và có sự tiến vào là tướng trạng. -Thưa Ngài, tín có sự thanh lọc là tướng trạng nghĩa là thế nào? -Tâu Đại vương, tín trong khi được sanh lên thì loại trừ các pháp che lấp, làm cho tâm thoát khỏi các pháp che lâp, không bị bợn nhơ, trong sạch, không bị vẩn đục. Tâu Đại vương, tín có sự thanh lọc là tướng trạng nghĩa là như vậy. Xin Ngài cho ví dụ.

Balakaranīyyā, dịch sát nghĩa sẽ là 4<cần phải làm bằng sức mạnh.^,

MILINDAVẤNĐẠO 805

_ Tâu Đại vương, gi6ng như đức Chuyển Luân Vương di chuyển đường xa cùng với đạo quân gồm bôn binh chủng vượt qua vũng nước nhỏ; vũng nước nhỏ ấy bởi các con voi, bởi các con ngựa, bởi các cỗ xe và bởi các bộ binh, bị khuấy động, bị vẩn đục, bị quậy lên, trở thành bùn lầy. Và khi đã vượt qua, đức Chuyển Luân Vương ra lệnh cho mọi người rằng: ccNày các khanh, hãy mang nước lại, trẫm sẽ uống nước.,, Và đức vua có viên ngọc ma-ni lọc nước. "Tâu Bệ hạ, xin tuân lênh." Những người ấy vâng lệnh đức Chuyển Luân Vương và thả viên ngọc ma-ni lọc nước ấy vào trang nước. Ngay khi viên ngọc ấy được thả vào trong nước thì số lượng rong rêu biến mất và bùn lắng xuống, nước trở nên không bị bợn nhơ, trong sạch, không bị vân đục, sau đó họ đã dâng nước uống đến đức Chuyển Luân Vương: "Tâu Bệ hạ, xin Bệ hạ hãy uống mr&c." Tâu Đại vương, nước là như thế nào thì tâm nên được xem xét như vậy. Những người ấy là như thế nào thì hành giả nên được xem xét như vậy. số lượng rong rêu và bùn là như thế nào thì các phiền não nên được xem xét như vậy. Viên ngọc ma-ni lọc nước là như thế nào thì tín nên được xem xét như vậy. Giống như khi viên ngọc ma-ni lọc nước được thả vào trong nước thì so lượng rong rêu biến mất và bùn lắng xuống, nước trở nên không bị bợn nhơ, trong sạch, không bi vẩn đục. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, tín trong khi được sanh lên thì loại trừ các pháp che lấp, làm cho tâm thoát khỏi các pháp

che lấp, không bi bợn nhơ, trong sạch, không bi vẩn đục. Tâu Đại vương, tín có sự thanh lọc là tướng trạng nghĩa là như vậy. 11. Thưa Ngài, tín có sự tiến vào là tướng trạng nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, giông như sau khi nhìn thây tâm của những người khác đã được giải thoát, vị hành giả tiến vào quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc phẩm vị A-la-hán, thực hành việc tu luyện để đạt đến pháp chưa được đạt đến, để chứng đạt pháp chưa được chứng dạt, để chứng đắc pháp chưa được chứng đắc. Tâu Đại vương, tín có sự tiến vào là tướng trạng nghĩa là như vậy. Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giống như đám mây lớn ở phía trên núi đổ mưa xuống, nước mưa ấy trong khi di chuyển xuống chỗ thấp, sau khi làm đầy các rãnh, các khe, các suối của ngọn núi, thì có thể làm đầy con sông; con sông trôi chảy ngập tràn hai con đê. Rồi có đám đôn^ người đi đến, trong khi không biết mức độ cạn hay sâu của con sông, sợ hãi, ngan ngại, đứng ở bờ sông. Rồi một người nam đi đến, trong khi nhận biết thể lực và sức mạnh của mình đã buộc chặt chiếc khố rồi tiến vào và vượt qua. Sau khi nhìn thấy người ấy đã vượt qua được, đám đông người cũng vượt qua. Tâu Đại vương, giống như sau khi nhìn thấy tâm của những người khác đã được giải thoát, vi hành giả tiến vào quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc phẩm vi A-la-hán, thực hành việc tu luyện để đạt đến pháp chưa được đạt đến, để chứng đạt pháp chưa được chứng dạt, để chứng đắc pháp chưa

được chứng đắc. Tâu Đại vương, tín có sự tiến vào là tướng trạng nghĩa là như vậy. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến ở Tương ưng bộ quý báu: Vượt qua cơn lũ nhờ vào tín, vượt qua biên cả nhờ vào sự không xao lãng, vượt lên kho đau nhờ vào sự tỉnh tan, được hoàn toàn trong sạch nhờ vào tuệ. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 12. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, tấn có gì là tướng trạng? -Tâu Đại vương, tấn có sự nâng đỡ là tướng trạng. Được nâng đỡ bởi tấn, tất cả các thiện pháp không bị suy giảm. Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giống như khi ngôi nhà đang sụp đổ, người đàn ông nâng đỡ bằng thanh gỗ khác. Trong khi được nâng đỡ như vậy, ngôi nhà ấy không thê bị sụp đổ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế? tấn có sự nâng đỡ là tướng trạng. Được nâng đỡ bởi tấn, tát cả các thiện pháp không bị suy giảm. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như đội binh lớn có thể đánh tan đội binh nhỏ, vì thế có người báo cho đức vua, đức vua cho đội binh khác tiếp ứng, tiếp viện đội binh nhỏ, với đội binh tiếp viện ấy đội binh nhỏ có thể đánh tan đội binh lớn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thể, tấn có sự nâng đỡ là tướng trạng. Được nâng đỡ bởi tấn, tất cả các thiện pháp không bị suy giảm. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưuf có sự tinh tấn, vỉ Thánh đệ tử từ bỏ pháp bất thiện, tu tập pháp thiện, từ bỏ pháp bi chê trách, tu tập pháp không bị chê trách, gìn giữ bản thân trong sạch." Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 13. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, niệm có gì là tướng trạng? -Tâu Đại vương, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng, có sự nắm lấy là tướng trạng? Thưa Ngài, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng, nghĩa là thế nào? -Tâu Đại vương, niệm trong khi được sanh lên thì không lơ đễnh các pháp có sự xen lẫn là thiện, bất thiện, có tội, không có tội, hạ liệt, cao quý, đen, trắng rằng: "Đây là bốn sự thiết lập niệm, đây là

bốn chánh cần, đây là bốn nền tảng của thần thông, đây là năm quyền, đây là năm lực, đây là bảy chi phần đưa đến giác ngộ, đây là Thánh đạo tám chi phan, đây là chỉ tịnh, đây là minh sát, đây là minh, đây là giải thot."Nhờ đó, hành giả thực hành các pháp nên thực hành, không thực hành các pháp không nên thực hành, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận. Tâu Đại vương, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng nghĩa là như vậy.

MILINDAVẤN ĐẠO 807

Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như viên quan giữ kho của đức Chuyển Luân Vương sáng chiều nhắc nhở cho đức Chuyển Luân Vương về sự vinh quang rằng: "Tâu Bệ hạ, Bệ hạ có chừng này voi, chừng này ngựa, chừng này cỗ xe, chừng này bộ binh, chừng này vàng khoi, chừng này vàng ròng, chừng này tài sản, xin Bệ hạ hãy ghi nhớ điều ấy" và không lơ đễnh về tài sản của đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, niệm trong khi được sanh lên thì không lơ đễnh các pháp có sự xen lẫn là thiện, bất thiện, có tội, không có tội, hạ liệt, cao quý, đen, trắng rằng: "Đây là bốn sự thiết lập niệm, đây là bốn chánh cần, đây là bốn nền tảng của thần thông, đây là năm quyên, đây là năm lực, đây là bảy chi phần đưa đến giác ngộ, đây là Thánh đạo tám chi phần, đây là chỉ tinh, đây là minh sát, đây là minh, đây là giải thoát.^ Nhờ đó, hành giả thực hành các pháp nên thực hành, không thực hành các pháp không nên thực hành, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận. Tâu Đại vương, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng nghĩa là như vậy. Thưa Ngài, niệm có sự nắm lấy là tướng trạng nghĩa là thế nào?

-Tâu Đại vương, niệm trong khi được sanh lên thì xem xét các hành vi của các pháp có lợi ích và không có lợi ích rằng: "Các pháp này có lợi ích, các pháp này không có lợi ích. Các pháp này hữu dụng, các pháp này không hữu dung/9 Nhờ đó, hành giả bỏ đi các pháp không có lợi ích, nắm lấy các pháp có lợi ích, bỏ đi các pháp không hữu dụng, nắm lấy các pháp hữu dụng. Tâu Đại vương, nắm lấy quả là như vậy. Tâu Đại vương, niệm có sự nắm lấy là tướng trạng nghĩa là như vậy. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như vị tướng quân báu của đức Chuyên Luân Vương biết được điều lợi ích và không lợi ích cho đức vua rằng: "Đôi với đức vua, các điều này có lợi ích, các điều này không có lợi ích, các điều này hữu dụng, các điều này không hữu dịing", nhờ đó bỏ đi các điều không có lợi ích, nắm lấy các điều có lợi ích, bỏ đi các điều không hữu dụng, nắm lấy các điều hữu dụng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, niệm trong khi được sanh lên thì xem xét các hành vi của các pháp có lợi ích và không có lợi ích rằng: "Các pháp này có lợi ích, các pháp này không có lợi ích. Các pháp này hữu dụng, các pháp này không hữu dụng." Nhờ đó, hành giả bỏ đi các pháp không có lợi ích, nắm lấy các pháp có lợi ích, bỏ đi các pháp không hữu dụng, nắm lấy các pháp hữu dụng. Tâu Đại vương, niệm có sự nắm lấy là tướng trạng nghĩa là như vậy. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, Ta nói rằng niệm quả là có lợi ích về mọi mặty Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 14. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, định có gì là tướng trạng?

808 KINH TIỂU BÔ

-Tâu Đại vương, đinh có sự dẫn đầu là tướng trạng. Tất cả các thiện pháp đều có định là pháp dẫn đầu, có định là nơi quy về, có định là nơi hướng đến, có định là nơi tiến tới. Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giống như tất cả các cây đà của ngôi nhà mái nhọn có chóp nhọn là nơi đi đến, có chóp nhọn là nơi quy về, có chóp nhọn là nơi hội tụ. Chóp nhọn được gọi là đỉnh của chúng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tất cả các thiện pháp đều có định là pháp dẫn dầu, có định là nơi quy về, có định là nơi hướng đến, có định là nơi tiên tới. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như một vị vua lao vào cuộc chiến đấu cùng với đạo quân gôm có bôn binh chủng, và toàn thê đạo quân gôm các con voi, các con ngựa, các cỗ xe và bộ binh có đức vua là vị dẫn đầu, có đức vua là nơi quy về, có đức vua là nơi hướng đến, có đức vua là nơi tiến tới, chúng di chuyển xung quanh đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tất cả các thiện pháp đều có định là pháp dẫn đầu, có định là nơi quy về, có định là nơi hướng đến, CÓ đinh là nơi tiên tới. Tâu Đại vương, định có sự dân đâu là tướng trạng nghĩa là như vậy. Tâu Đại vương điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưuf hãy tu tập ve đinh. Vi đã đỉnh, nhận biết như thậty Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 15. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, tuệ có gì là tướng trạng? -Tâu Đại vương, quả là đã được tôi nói đến trước đây: "Tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng." Và tuệ còn có sự soi sáng là tướng trạng. Thưa Ngài, tuệ có sự soi sáng là tướng trạng nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, tuệ trong khi được sanh lên thì xua tan bóng tối vô minh, tạo ra ánh sáng ngời của minh, phô bày ánh sáng của trí, làm cho các chân lý cao thượng được hiển hiện. Nhờ đó, hành giả nhìn thay với tuệ chân chánh rằng: uLà vô thuơng", hoặc Tà khổ no", hoặc T vô nga". Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người đàn ông đem cây đèn vào trong ngôi nhà tối tăm. Cây đèn khi đã được đem vào thì xua tan bóng tối, tạo ra ánh sáng ngời, phô bày ánh sáng, làm cho các vật thể được hiển hiện. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tuệ trong khi được sanh lên thì xua tan bóng tối vô minh, tạo ra ánh sáng ngời của minh, phô bày ánh sáng của trí, làm cho các chân lý cao thượng được hiển hiện. Nhờ đó, hành giả nhìn thay với tuệ chân chánh rang: “Là vô thuơng”hoặc T khổ nao", hoặc Tà vô ng*'. Tâu Đại vương, tuệ có sự soi sáng là tướng trạng nghĩa là như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo.

MILINDA VẤN ĐẠO 809

16. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, các pháp này là khác biệt, nhưng có phải chúng đạt tơi cùng một mục đích? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Các pháp này là khác biệt, nhưng chúng đạt tới cùng một mục đích là diệt trừ các phiền não. Thưa Ngài, các pháp này là khác biệt, nhimg chúng đạt tới cung một mục đích là diệt trừ các phiền não nghĩa là thế nào? Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giống như các đạo quân là khác nhau: Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe và bộ binh, nhưng chúng đạt tới cung một mục đích là chiến thắng đạo quân đối địch ở chiến trường. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các pháp này là khác biệt, nhưng chúng đạt tới cùng một mục đích là diệt trừ các phiền não. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. Đại phẩm là phần thứ nhất. (Trong phẩm này có mười sáu câu hỏi)

n. PHẨM HÀNH TRÌNH (ADDHẨNAVĂGGƠ)

1. Đức Vua Milinda đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, người đi tái sanh thì cũng chính là người ấy hay là người khác? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Không phải là người ấy mà cũng không phải là người khác.

Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Khi Đại vương còn nhỏ, trẻ thơ, bé bỏng, nằm ngửa; có phải chính đứa bé ấy là Đại vương hiện nay đã được trưởng thành? Thưa Ngài, không phải. Đứa nhỏ, trẻ thơ, bé bỏng, nằm ngửa ấy là khác; trẫm hiện nay trưởng thành là khác. -Tâu Đại vương, trong khi là như vậy thì cũng sẽ không có người gọi là “mq", cũng sẽ không có người gọi là "cha", cũng sẽ không có người gọi là "thầy”, cũng sẽ không có người gọi là "nghe nh2n", cũng sẽ không có người gọi là ubậc giới dức cũng sẽ không có người gọi là "bậc trí". Tâu Đại vương, phải chăng người mẹ của bào thai mới tượng là khác, người mẹ của bào thai thời kỳ thứ hai là khác, người mẹ của bào thai thời kỳ thứ ba là khác, người mẹ của bào thai thời kỳ thứ tư là khác, người mẹ của người con lúc bé là khác, người mẹ của người con trưởng thành là khác, người học nghề là người khác, người thạo nghề là người khác, người làm việc ác là người khác, người có tay chân bi chặt là người khác? Thưa Ngài, không phải. Thưa Ngài, nêu được nói như vậy thì Ngài có thê đáp lại điều gi? Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, chính tôi đã là đứa nhỏ, trẻ thơ, bé bỏng, nằm ngửa; chính tôi hiện nay đã được trưởng thành, tất cả các sự việc ấy được tổng hợp chung lại nương vào chính thân xác này. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như một người nào đó thắp sáng ngọn đèn, có phải ngọn đèn có thể chiêu sáng trọn đêm? Thưa Ngài, đúng vậy. Nó có thê chiêu sáng trọn đêm.

Tâu Đại vương, vậy có phải ngọn lửa ở canh đầu là ngọn lửa ở canh giữa?

Thưa Ngài, không phải. -Tâu Đại vương, vậy có phải cây đèn ây ở canh đâu là khác, cây đèn ở canh giữa là khác, cây đèn ở canh cuối là khác? Thưa Ngài, không phải. Nó được chiếu sáng trọn đêm nương vào chính cây đèn ấy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, sự diên tiên của pháp được liên két lại. Sanh lên là cái khác, hoại diệt là cái khác, được liên kết như là không trước không sau. Vì thế, không phải là người ấy, mà cũng không phải là người khác, tâm thức trước đi đến sự kết hợp với tâm thức sau. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như sữa tươi được vắt ra sau một thời gian thì trở thành sữa chua, từ sữa chua trở thành sữa đông, từ sữa đông trở thành sữa trong. Tâu Đại vương, vậy thì người nào nói như vay: "Vật nào là sữa tươi chính vật ấy là sữa chua, chính vật ấy là sữa đông, chính vật ấy là sữa trong"; tâu Đại vương, trong khi nói như thế có phải là người ấy nói đúng? Thưa Ngài, không đúng. Vật được tạo thành là nương vào chính sữa tươi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự diễn tiến của pháp được liên kết lại. Sanh lên là cái khác, hoại diệt là cái khác, được liên kết như là không trước không sau. Vì thế, không phải là người ấy, mà cũng không phải là người khác, tâm thức trước đi đến sự kết hợp với tâm thức sau. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài

thật khôn khéo. 2. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, người nào không tái sanh, có phải người ấy biết rằng: 6Ta sẽ không tái sanh^ Tâu Đại vương, đúng vậy. Người nào không tái sanh, người ây biêt răng: "Ta sẽ không tái sanh.,, Thưa Ngài, làm sao biết? -Tâu Đại vương, nhân nào duyên nào đưa đến việc tái sanh, do sự chấm dứt của nhân ấy duyên ấy nên người ấy biết rằng: "Ta sẽ không tái sanh.^, Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người nông dân gia chủ, sau khi cày đất và gieo hạt, có thê làm đầy kho lúa; người ây vào lúc khác không cày đát không gieo hạt, rồi thọ dụng thóc lúa đã được tích trữ hoặc phân phát hoặc sử dụng tùy duyên, tâu Đại vương, có phải người nông dân gia chủ ấy biết rằng: "Ta sẽ không làm đầy kho lúa” Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể biết được. Làm sao biết được?

Nhân nào duyên nào đưa đến việc làm đầy kho lúa, do sự chấm dứt của nhân ấy duyên ấy nên người ấy biết rằng: “Ta sẽ không làm đầy kho lúa của ta.” -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhân nào duyên nào đưa đến việc tái sanh, do sự chấm dứt của nhân ấy duyên ấy nên người ấy biết rằng: “Ta sẽ không tái sanh.” Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 3 Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, trí sanh lên cho ngưM nào thì tuệ sanh lên cho người ấy phải không? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Trí sanh lên cho người nào thì tuệ sanh lên cho người ấy. Thưa Ngài, có phải cái nào là trí thì chính cái ấy là tuệ? Tâu Đại vương, đúng vậy. Cái nào là trí thì chính cái ấy là tuệ.

Thưa Ngài, chính trí ây chính tuệ ây được sanh lên cho người nào, có phải người ấy còn mê mờ5 hay không còn mê mờ? -Tâu Đại vương, còn mê mờ vê lãnh vực nào đó, không còn mê mờ vê lãnh vực nào đó. Thưa Ngài, còn mê mờ vê lãnh vực gi, không còn mê mờ vê lãnh vực gì? -Tâu Đại vương, còn mê mờ vê những lãnh vực nghê nghiệp chưa được biết trước đây, hoặc về những địa phương chưa được đi đến trước đây, hoặc về những tên gọi và điều quy đinh chưa được nghe trước đây. Không còn mê mờ về lãnh vực gì? Tâu Đại vương, điều nào đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "v6 thường,, hoặc là “khổ nào' hoặc la “v6 ngâT thì khòng còn mê mơ về lãnh vực ấy. Thưa Ngài, vậy thì sự si mê của người này đi đâu? -Tâu Đại vương, vào lúc trí được sanh lên thì si mê diệt mát ngay tại chô ây. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giốn^ như người nào đó mang cây đèn vào căn nhà tối tăm, do đó bóng tối diệt mát, ánh sáng hiện ra; tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vào lúc trí được sanh lên thì si mê diệt mất ngay tại chỗ ấy. Thưa Ngài, vậy thì tuệ đi đâu? -Tâu Đại vương, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy. Tuy nhiên, điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "v6 thường,, hoặc là "ìdiổ não59 hoạc là "v6 ngỗT thì không diệt mất. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài đã nói là: "Tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy", và "điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là 'vô thường5 hoặc là 'kho não9 hoặc là 'vô ngã5 thì không diệt mất", xin Ngài cho ví dụ ve điêu áy.

-Tâu Đại vương, giống như người nào đó có ý định gởi đi bức thơ vào ban đêm, có thể cho gọi người thơ ký đến, bảo đem lại cây đèn rồi bảo viết bức thơ. Khi bức thơ đã được viết xong thì có thể cho làm tắt cây đèn, mặc dầu cây đèn đã được làm tắt, bức thơ vẫn không biến mất; tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy, và điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "vô thương" hoặc là "khổ no" hoặc là "v6 ngã,9 thì không diệt mất. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như các xứ sở ở phương Đông, người ta để năm chum nước dọc theo tưng nhà một để dập tắt hỏa hoạn. Khi căn nhà bị bốc cháy thì ném năm chum nước ấy ở phía bên trên căn nhà, do đó ngọn lửa được dập tắt. Tâu Đại vương, có phải những người ấy sẽ khởi ý rằng: "Chúng ta sẽ làm công việc dập tắt lửa với năm chum nước ấy lần nữa?" -Thưa Ngài, không phải. Đã xong roi với năm chum nước ây9 còn việc gì với năm chum nước ấy? -Tâu Đại vương, năm chum nước là như thế nào thì ngũ quyền gồm có tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, đinh quyền, tuệ quyền nên được xem xét như vậy. Những người ấy là như thế nào thì hành giả nên được xem xét như vậy. Ngọn lửa là như thế nào thì các phiền não nên được xem xét như vậy. Ngọn lửa được dập tắt bởi năm chum nước như the nào thì các phiền não được dập tắt bởi năm quyền là như vậy. Các phiền não đã được dập tắt thì không xuất hiện lại nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy, và điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "v6 thường,, hoặc là "khổ não,5 hoặc là "v6 nga" thì không diệt mất. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như người thây thuôc lây năm loại thuôc rê cây đi đến gặp người bệnh. Sau khi nghiền nát năm loại thuốc rễ cây ấy rồi cho người bệnh uống để loại trừ các sự khó chịu nhờ vào năm loại thuốc rễ cây ấy. Tâu Đại vương, có phải người thày thuốc ấy sẽ khởi ý rằng: "Ta sẽ làm công việc chữa trị với năm loại thuốc rễ cây ấy lần n&a?" Thưa Ngài, không phải. Đã xong roi với các loại thuôc rê cây ây, còn việc gì với các loại thuốc rễ cây ấy? -Tâu Đại vương, năm loại thuốc rễ cây là như thế nào thì ngũ quyền gồm có tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền nên được xem xét như vậy. Người thầy thuốc là như thế nào thì hành giả nên được xem xét như vậy. Căn bệnh là như the nào thì các phiền não nên được xem xét như vậy. Người bị bệnh là như thế nào thì phàm nhân nên được xem xét như vậy. Khi sự khó chịu của căn bệnh được loại trừ nhờ vào năm loại thuốc rễ cây rồi người bệnh được hết bệnh như thế nào thì các phiền não được loại trừ nhờ vào năm quyền là như vậy, và các phiền não đã được loại trừ thì không xuất hiện lại nữa.

814 KINH TIÊU BÔ

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy, và điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "v6 thường,, hoặc là "kho não,9 hoặc la “v6 ngâT thì không diệt mất. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người chiến sĩ tham gia chiến trận cầm lấy năm mũi tên lao vào chiến trận để đánh bại đội quân địch, vị ấy có thể phóng năm mũi tên ấy ở chiến trận và nhờ chúnệ đội quân địch bị phá tan; tâu Đại vương, có phải người chiến sĩ tham gia chiên trận ấy sẽ khởi ý rằng: "Ta sẽ làm công việc bắn tên với năm mũi tên ấy lần nữa?^ Thưa Ngài, không phải. Đã xong rồi với năm mũi tên ấy, còn việc gì với năm mũi tên áy? -Tâu Đại vương, năm mũi tên là như thế nào thì ngũ quyền gồm có tín quyền, tấn quyền, niệm

quyền, định quyền, tuệ quyền nên được xem xét như vậy. Người chiến sĩ tham gia chiến trận là như thế nào thì hành giả nên được xem xét như vậy. Đội quân địch là như the nào thì các phiền não nên được xem xét như vậy. Đội quân địch bị phá tan bởi năm mui tên như thế nào thì các phiền não bi phá tan bởi năm quyền là như vậy, và các phiền não đã bị phá tan thì không xuất hiện lại nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy, và điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "vô thường,, hoặc là "khổ não95 hoặc là "v6 ngM' thì không diệt mất. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo, 4. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, người nào không tái sanh, người ấy còn nhận biết thọ khổ nao đó phải không? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Còn nhận biết thọ nào đó? không nhận biết thọ nào đó. - Nhận biết thọ gì, không nhận biết thọ gì? -Tâu Đại vương, nhận biết thọ thuộc về thân, không nhận biết thọ thuộc về tâm. Thưa Ngài, nhận biết thọ thuộc về thân là thế nào, nhận biết thọ thuộc về tâm là thế nào? Nhân nào duyên nào đưa đến việc sanh lên thọ khổ thuộc về thân, do sự chưa chấm dứt của nhân ấy duyên ẩy nên người ấy nhận biết thọ khổ thuộc về thân. Nhân nào duyên nào đưa đên việc sanh lên thọ khô thuộc vê tâm, do sự châm dứt của nhân áy duyên áy nên người áy không nhận biêt thọ khô thuộc vê tâm. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Người ấy nhận biết một thọ, thuộc về thân không thuộc về tam^ Thưa Ngài Nãgasena, người áy nhận biêt thọ khô thuộc vê thân, tại sao người ấy không viên tịch Niết-bàn?

Tâu Đại vương, đối với A-la-hán không có sự bám víu hay sự ghét bỏ. Và các vị A-la-hán không hủy diệt điều chưa chín tới. Các bậc trí chờ đợi sự chín muồi. Tâu Đại vương, điểu này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, noi đến: "Tôi khônệ vui thích sự chết, tôi không vui thích sự sống, và tôi trông chờ thời diêm; giông như người làm công trông chờ tiên lương. Tôi không vui thích sự chét, tôi không vui thích sự sông, và tôi trông chờ thời điểm, tỉnh giác, có niệmy Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. y 5. Đức Vua đã nói răng: Thưa Ngài Nâgasena, các thọ lạc là thiện hay là bất thiện, hay là không xác đinh? -Tâu Đại vương, có thể là thiện, có thể là bất thiện, có thể là không xác định. Thưa Ngài, nếu là thiện thì không khổ, nếu là khổ thì không phải là thiện, “vừa là thiện vừa là kh6" không xảy ra. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Trường hợp đặt xuống khối sắt được nung đỏ ở bàn tay của người đàn ông, ở bàn tay thứ nhì đặt xuống cục tuyết lạnh, tâu Đại vương, phải chăng cả hai vật ấy đều có thể gây bỏng? Thưa Ngài, đúng vậy. Cả hai vật ấy đều có thể gây bỏng. Tâu Đại vương, có phải cả hai vật ấy đều nóng?

-Thưa Ngài, không phải. -Tâu Đại vương, có phải cả hai vật ấy đều lạnh? Thưa Ngài, không phải. Đại vương hãy nhận biêt lời băt bẻ. Nêu vật được nung đỏ gây bỏng, tuy nhiên không phải cả hai vật ấy đều là nóng, vì thế không xảy ra. Nếu vật lạnh gây bỏng, tuy nhiên không phải cả hai vật ấy đều là lạnh, vì thế không xảy ra. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao cả hai vật ấy đều gây bỏng? Không phải cả hai vật ấy đều là nóng, không phải cả hai vật ấy đều là lạnh, mà là một nóng, một lạnh. Vậy mà cả hai vật ấy

đều gây bỏng, vì thế không xảy ra. Thưa Ngài, trẫm không có khả năng để trò chuyện với nhà diễn thuyết như Ngài. Thưa Ngài, lành thay xin Ngài nói về ý nghĩa. Do đó, vị Trưởng lão đã giúp cho đức Vua Milinda hiêu được băng sự thuyết giảng liên quan đến Vi diệu pháp: "'Tâu Đại vương, đây là sáu hỷ tâm liên quan thế tục, sáu hỷ tâm liên quan xuất ly, sáu sân tâm liên quan thế tục, sáu sân tâm liên quan xuất ly, sáu xả tâm liên quan the tục, sáu xả tâm liên quan xuất ly; đây là sáu nhóm sáu. Hơn nữa, ba mươi sáu thọ thuộc quá khứ, ba mươi sáu thọ thuộc vị lai, ba mươi sáu thọ thuộc hiện tại, sau khi gom lại đặt chung lại với nhau thì có một trăm lẻ tám thọ. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo.

816 KINH TIẾU BÔ

6. Đức Vua đã nói răng: Thưa Ngài Nãgasena, ai đi tái sanh? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Tâu Đại vương, danh sắc đi tái sanh. Có phải chính danh sắc này đi tái sanh? Tâu Đại vương, không phải chính danh sắc này đi tái sanh. Tâu Đại vương, tuy nhiên con người tạo nghiệp thiện hoặc ác với danh sắc này, do nghiệp ấy mà danh sắc khác đi tái sanh. Thưa Ngài Nâgasena, nếu không phải chính danh sắc này đi tái sanh, không lẽ người ấy sẽ được thoát khỏi các nghiệp ác? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Nếu không đi tái sanh thì có thể thoát khỏi các nghiệp ác. Tâu Đại vương, và chính vì đi tái sanh mà không được thoát khỏi các nghiệp ác. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giong như người nao đo lay trộm trai xoài cua người nao khác, người chủ trái xoài bắt lấy chính người ấy rồi đem trình diện đức vua: "Tâu Bệ hạ, các trái xoài của thần bị người này lấy trộm.,, Người ấy nói như vầy: "Tâu Bệ hạ, thần không lấy trộm các trái xoài của người này. Các trái xoài đã được người này trồng là các trái khác, các trái xoài đã bị thần lấy trộm là các trái khác. Thần không đáng bị hình phạt." Tâu Đại vương, phải chăng người ấy đáng bi hành phạt? Thưa Ngài, đúng vậy. Đáng bi hành phạt. Vì lý do gì? Thưa Ngài, cho dâu người ây có thê nói như thê, người ây có thê choi bỏ trái xoài trước, vẫn đáng bị hành phạt với trái xoài sau. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, con người tạo nghiệp thiện hoặc ác với danh sắc này, do nghiệp ấy mà danh sắc khác đi tái sanh, do đó không được thoát khỏi các nghiệp ác. Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương, giống như người nào đó lấy trộm lúa sāli... (nt)... lấy trộm mía của người nào khác... (nt)... Tâu Đại vương, giống như người nào đó vào mùa đông đốt ngọn lửa, sau khi sưởi ấm đã không dập tắt rồi ra đi. Sau đó5 ngọn lửa ấy đốt cháy ruộng lúa của người khác. Người chủ ruộng bắt lấy chính nệười ây roi đem trình diện đức vua: "Tâu Bệ hạ, ruộng của thần bị người này đót chay." Người ấy nói như vầy: 'Tâu Bệ hạ, thần không đốt cháy ruộng của người này. Ngọn lửa thần quên dập tắt ấy là khác, ngọn lửa đốt cháy ruộng của người này là khác. Thần không đáng bị hình ph/t." Tâu Đại vương, phải chăng người ấy đáng bị hành phạt? Thưa Ngài, đúng vậy. Đáng bi hành phạt.

MILINDA VẤN ĐẠO 817

-Vì lý do gì? Thưa Ngài, cho dầu người ấy có thể nói như thế, người ấy có thể chối bỏ ngọn lửa trước, vẫn đáng bị hành phạt với ngọn lửa sau. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế? con người tạo nghiệp thiện hoặc ác với danh sắc này, do nghiệp ấy mà danh sắc khác đi tái sanh, do đó không được thoát khỏi các nghiệp ác. Xin Ngài cho thêm ví

dụ. -Tâu Đại vương, giống như người nào đó cầm lấy cây đèn rồi leo lên căn gác và sử dụng nó. Cây đèn trong khi được đốt cháy có thê đốt cháy c6, cỏ trong khi được đốt cháy có thể đốt cháy căn nhà, căn nhà trong khi được đốt cháy có thể đốt cháy ngôi làng, dân làng bắt lấy chính người ấy rồi nói như vầy: “Này ông, tại sao ông đót cháy ngôi lang?" Người ây nói như vây: uNày các ông, tôi không đốt cháy ngôi làng. Ngọn lửa của cây đèn mà tôi đã sử dụng ánh sáng là khác, ngọn lửa đã đốt cháy ngôi làng là khác.” Trong khi tranh cãi, họ đã đi đến gặp Bệ hạ. Tâu Đại vương, Đại vương có thể chấp nhận lời giải thích của ai? Thưa Ngài, của dân làng. -Vì lý do gì? Thưa Ngài. cho dầu người ấy có thể nói như thế. tuy nhiên ngọn lửa ấy đã phát khởi chính từ đó. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cho dầu danh sắc cận tử là khác, danh sắc trong sự đi tái sanh là khác, tuy nhiên danh sắc ấy đã phát khởi chính từ đó, vì thế không được thoát khỏi các nghiệp ác. -Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như người nao đo hoi cưới co con gai con nho, sau khi dâng vật đính hôn rồi ra đi. Cô gái ấy sau này trưởng thành đến tuổi thành hôn. Sau đó có người đàn ông khác dâng vật đính hôn roi cử hành đám cưới. Người kia trở lại và nói như vầy: "Này ông, vì sao ông dẫn đi người vợ của t6i?” Người ấy nói như vầy: uNày ông, tôi không đẫn đi người vợ của ông. Cô con gái còn nhỏ trẻ tuổi đã được ông hỏi cưới và dâng vật đính hôn là cô khác, cô con gái trưởng thành đến tuổi thành hồn được tôi hỏi cưới và dâng vật đính hôn là cô khác." TroỊìg khi tranh cãi, họ đã đi đến gặp Bệ hạ. Tâu Đại vương, Đại vương có thể chấp nhận lời giải thích của ai? Thưa Ngài, của người trước. Vì lý do gì? Thưa Ngài, cho dầu người ấy có thể nói như thế, tuy nhiên cô gái ấy trưởng thành phát khởi chính từ đó. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cho dầu danh sắc cận tử là khác, danh sắc trong sự đi tái sanh là khác, tuy nhiên danh sắc ấy đã phát khởi chính tư đỏ, vì thế không được thoát khỏi các nghiệp ác. Xin Ngài cho thêm ví dụ.

818 KINH TIỂU BỒ

Tâu Đại vương, giống như người nào đó mua lọ sữa tươi tư tay của người chăn bò, sau khi để lại ở tay của chính người ấy rồi ra đi [nói rằnệ]: "Ngày mai, tôi sẽ nhận lấy rồi khởi hnh." Ngày hôm sau, sữa tươi áy có the trở thành sữa chua. Người kia đi đến và nói như vầy: "Hãy trao cho tôi lọ sữa tươi.,, Người chăn bò trao sữa chua. Người kia nói như vầy: "Tôi không mua sữa chua từ tay của ông. Hãy trao cho tôi lọ sữa tươd." Người ấy nói như vầy: "Bộ ông không biết sữa tươi của ông đã trở thành sữa chua?" Trong khi tranh cãi, họ đã đi đen gặp Bệ hạ. Tâu Đại vương, Đại vương có thể chấp nhận lời giải thích của ai? Thưa Ngài, của người chăn bò. -Vì lý do gì? Thưa Ngài, cho dâu người ây có thê nói như thê, tuy nhiên sữa chua ây phát khởi chính từ đó. . r r -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, cho dâu danh săc cận tử là khác, danh sắc trong sự đi tái sanh là khác, tuy nhiên danh sắc ấy đã phát khởi chính từ đó. Vì thế không được hoàn toàn thoát khỏi các nghiệp ác. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải Ngài sẽ đi tái sanh? -Tâu Đại vương, thôi đi. Điều gi với việc hỏi điều ấy? Không phải tôi đã nói trước đây là: uTâu Đại vương, nếu tôi còn chấp thủ tôi sẽ tái sanh. Nếu tôi không còn chấp thủ thì tôi sẽ không đi tái sanh?” Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người nào đó làm việc phục vụ cao quý đến đức vua, đức vua hoan hỷ ban cho phần thưởng. Với phần thưởng

ấy, người ấy đạt được, có được, hưởng được năm phần dục lạc. Nếu người ấy tuyên bố với mọi người rằng: "Đức vua không đền đáp cho t6i.” Tâu Đại vương, phải chăng người ấy có sự hành xử đúng đắn? Thưa Ngài, không phải. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, điêu gì cho Đại vương với việc hỏi điều này? Không phải tôi đã nói trước đây là: "Tâu Đại vương, nếu tôi còn chấp thủ tôi sẽ tái sanh. Nếu tôi không còn chấp thủ thì tôi sẽ không đi tái sanh?" Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 8. Đức Vua đã nói rằng: -Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài đã nói là í6danh sắc”, ờ nơi ấy cái gì là danh, cái gì là sác? -Tâu Đại vương, ở nơi ây cái nào thô thiên cái ây là sao. ơ nơi ây những pháp nào vi tế, là tâm và sở hữu tâm, cái ấy là danh. -Thưa Ngài Nâgasena, vì lý do gì không chỉ riêng danh đi tái sanh, hoặc không chỉ riêng sắc [đi tái sanh]?

-Tâu Đại vương, các pháp này nương tựa lẫn nhau, sanh lên chung với nhau. Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giông như không có mâm trứng ở con gà mái thì cũng không có quả trứng. Và trong trường hợp ấy, cái nào là mầm trứng và cái nào là quả trứng, cả hai vật này nương tựa lẫn nhau, chúng có sự sanh lên chung với nhau. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, ở nơi ấy nếu không có danh thì cũng không có sắc. ở nơi ấy cái nào là danh, cái nào là sắc, cả hai cái này cũng nương tựa lẫn nhau, chúng có sự sanh lên chung với nhau. Như vậy, hành trình2 diệu vợi này được tạo nên. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài đã nói là uhành trình diệu vợi”, hành trình này gọi là gì? -Tâu Đại vương, quá khứ là hành trình, vị lai là hành trình, hiện tại là hành trình. Thưa Ngài, phải chăng hành trình là hiện hữu? -Tâu Đại vương, cũng có loại hành trình là hiện hữu, cũng có loại hành trình là không hiện hữu. Thưa Ngài, loại nào là hiện hữu, loại nào là không hiện hữu? Tâu Đại vương, các hành quá khứ đã qua khỏi, bị hoại diệt, bị biến đổi, loại hành trình ấy không hiện hữu. Các pháp tạo quả và các pháp có nhân tạo quả, chúng ban cho sự đi tái sanh ở nơi khác, loại hành trình ấy là hiện hữu. Các chúng sanh chết đi rồi sanh lên ở nơi khác, loại hành trình ấy là hiện hữu. Các chúng sanh chết đi rồi không sanh lên ở nơi khác, loại hành trình ấy là không hiện hữu. Và các chúng sanh nào viên tịch Niết-bàn, loại hành trình ấy là không hiên hữu, là sự viên tịch Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. Phẩm Hành trình là thứ nhì. (Trong phẩm này có chín câu hỏi)

2 về hai từ addhā và addhāna, HT. Giới Nghiêm dịch là 'thời gian', bản dịch tiếng Anh của L B. Homer cũng ghi là 'time', còn Bhikkhu Pesalā sử dụng cả hai nghĩa 'time' và "journey" ở bản dịch của mình.

m. PHẨM sở HỮU TỨ (VICÂRAVAGGO)

ỉ. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, cái gì là cội nguồn của hành trình quá khứ? Cái gì là cội nguồn của hành trình vị lai? Cái gì là cội nguồn của hành trình hiện tại? -Tâu Đại vương, vô minh là cội nguồn của hành trình quá khứ, của hành trình vị lai và của hành trình hiện tại. Do duyên vô minh, các hành [sanh khởi]. Do duyên các

hành, thức [sanh khởi]. Do duyên thức, danh sắc [sanh khởi]. Do duyên danh sắc, sáu xứ [sanh khởi]. Do duyên sáu xứ, xúc [sanh khởi]. Do duyên xúc, thọ [sanh khởi]. Do duyên thọ, ái [sanh khởi]. Do duyên ái, thủ [sanh khởi]. Do duyên thủ, hữu [sanh khởi]. Do duyên hữu, sanh [sanh khởi]. Do duyên sanh, lão-tử-sầu-bi-khổ-ưu-não sanh khởi. Như thế, điểm mốc đầu tiên của toàn bộ hành trình khô uân này không được nhận biêt. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 2. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nã^asena, điều mà Ngài đã nói là 64điểm mốc đầu tiên không được nhận biêt", xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, ệiônệ như một người đặt xuông hạt giông nhỏ ở đát, từ đó mầm cây mọc lên, dan dần đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh, rồi cho trái. Cũng từ đó, sau khi lấy hạt giống rồi lại gieo trồng, cũng từ đó mầm cây mọc lên, dần dần đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh, rồi cho trái. Như vậy, phải chăng có điểm chấm dứt của tiên trình này? -Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thậm chí điểm mốc đầu tiên của hành trình này không được nhận biết. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như "từ con gà mái có quả trứng, từ quả trứng có con gà mái, từ con gà mái có quả trứng." Như vậy, phải chăng có điểm chấm dứt của tiến trình này? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thậm chí điểm mốc đầu tiên của hành trình này không được nhận biết.

-Xin Ngài cho thêm ví dụ. Vi Trưởng lão đã vạch vòng tròn ở mặt đất rồi nói với đức Vua Milinda điều này: -Tâu Đại vương, có điểm chấm dứt của vòng tròn này chăng? -Thưa Ngài, không có. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những vòng quay này đã được đức Thế Tôn nói đến: 'Tùy thuận vào mắt và các cảnh sắc mà nhãn thức sanh lên. Sự hội tụ của ba điều này là xúc, do duyên xúc có thọ, do duyên thọ có ái, do duyên ái có nghiệp, từ nghiệp mắt lại được sanh ra." Như vậy, phải chăng có diễm chấm dưt cua tiến trinh này? Thưa Ngài, không có. "Tùy thuận vào tai và các cảnh thinh... (nt)... Tùy thuận vào ý và các cảnh pháp mà ý thức sanh lên. Sự hội tụ của ba điều này là xúc, do duyên xúc có thọ, do duyên thọ có ái, do duyên ái có nghiệp, từ nghiệp ý lại được sanh ra." Như vậy, phải chăng có điểm chấm dứt của tiến trình này? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, thậm chí diêm móc đâu tiên của hành trình này không được nhận biêt. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 3. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nã^asena, điều mà Ngài đã nói là "điểm mốc đầu tiên không được nhận biêt59, và điểm mốc đầu tiên ấy là cái nào? Tâu Đại vương, cái nào là hành trình quá khứ, cái ấy là điểm mốc đầu tiên. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài đã nói là "điểm mốc đầu tiên không được nhận biề?', thưa Ngài, phải chăng hết thảy tất cả điểm mốc đầu tiên đều khổng được nhận biết? -Tâu Đại vương, có điểm mốc được nhận biết, có điểm mốc không được nhận biết. Thưa Ngài, diêm móc nào được nhận biêt, diêm móc nào không được nhận biết? -Tâu Đại vương, từ đây trở về trước, với mọi hình thức, bằng mọi cách, vô minh đã không hiện hữu, điểm mốc đầu tiên ấy không được nhận biết. Còn [hành trình] nào từ khônệ hiện hữu rồi được hình thành, sau khi hiện hữu rồi phân tán, thì điểm mốc đầu tiên ấy được nhận biết. -Thưa Ngài Nâgasena, hành trình nào từ không hiện hữu rồi được hình thành, sau khi hiện hữu rồi phân tán, chẳng lẽ nó được cắt ở hai đầu thì biến mất? -Tâu Đại vương, nêu [hành

trình] được căt ở hai đâu thì biên mát, có phải [điểm mốc] được cắt ở hai đầu thì có thể tăng trưởng? Đúng vậy, nó cũng có thể tăng trưởng.

Thưa Ngài, trẫm không hỏi điều này, phải chăng có thể tăng trưởng từ điểm mốc? Đúng vậy, có thể tăng trưởng.

Xin Ngài cho ví dụ. Vi Trưởng lão đã làm ví dụ về cái cây cho đức vua [rồi kết luận]: - Va cao uan la các mâm mong cua toan bọ kho uan? Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 4. Đức Vua đã nói răng: Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng có các pháp hữu vi nào đó được sanh lên? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Có các pháp hữu vi được sanh lên. Thưa Ngài, chúng là những cái nào? Tâu Đại vương, khi có mat và các cảnh sac thì có nhãn thức; khi có nhãn thức thì có nhãn xúc; khi có nhãn xúc thì có thọ; khi có thọ thì có ái; khi có ái thì có thủ; khi có thủ thì có hữu; khi có hữu thì có sanh; từ sự sanh, lão-tử-sầu-bi- khổ-ưu-não sanh khởi. Như thế là sự sanh lên của toàn bộ khổ uẩn này. Tâu Đại vương, khi không có mắt và không có các cảnh sắc thì không có nhãn thức; khi không có nhãn thức thì không có nhãn xúc; khi không có nhãn xúc thì không có thọ; khi không có thọ thì không có ái; khi không có ái thì không có thủ; khi không có thủ thì không có hữu; khi không có hữu thì không có sanh; khi không có sanh thì không có lão-tử-sầu-bi-khổ-mi-não. Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 5. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, phải chăng có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra? -Tâu Đại vương, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả. Tâu Đại vương, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng cái nhà này, nơi mà Đại vương đang ngồi, là chưa từng hiện hữu mà được sanh ra? Thưa Ngài, không có cái gì ở đây là chưa từng hiện hữu mà đã được sanh ra, chính vật từng hiện hữu là đã được sanh ra. Thưa Ngài, những cây gỗ này quả đã có ở trong rừng. Và đất sét này đã có ở trong đất. Và do sự ra sức đúng đắn của những người đàn bà và đàn ông mà cái nhà này đã được hình thành như vầy.

3 Không nắm được ý nghĩa của phần câu hỏi này. (ND)

-Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như các hạt giông và loài thảo mộc nào đó được đặt ở đất dần dần đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh, rồi cho trái; các cây ấy không phải là chưa từng hiện hữu mà đã được sanh ra? chính các cây ấy từng hiện hữu mà đã được sanh ra. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người thợ gốm lấy lên đất sét từ đất rồi làm ra nhiều loại thau chậu, các thau chậu ấy không phải là chưa từng hiện hữu mà đã được sanh ra, chính các vật ấy từng hiện hữu

mà đã được sanh ra. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả5 chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. -Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như đối với cây đàn vīnā, nếu không có khung đàn, nếu không có da bọc, nếu không có bầu đàn, nếu không có cần đàn, nếu không có cổ dàn, nếu không có dây đàn, nếu không có phím đàn, và nếu không có sự ra sức đúng đắn của con người thì âm thanh có thể phát ra không? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, trong trường hợp đối với cây đàn vīnā, nếu có khung đàn, nếu có da bọc, nếu có bầu dàn, nêu có cân đàn, nêu có cô đàn, nếu có dây đàn, nếu có phím đàn, và nếu có sự ra sức đúng đan của con người thì âm thanh có thể phát ra không? Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể phát ra. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như nếu không có vật tạo lửa, nếu không có trục xoay, nếu không có dây kéo, nếu không có thanh gỗ ở trên, nếu không có giẻ bùi nhùi, và nếu không có sự ra sức đúng đắn của con người thì ngọn lửa ấy có thể sanh ra không? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, trong trường hợp nêu có vật tạo lửa, nêu có trục xoay, nếu có dây kéo, nếu có thanh gỗ ở trên, nếu có giẻ bùi nhùi, và nếu có sự ra sức đúng đắn của con người thì ngọn lửa ấy có thể sanh ra không?

Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể sanh ra. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương, giống như nếu không có ngọc ma-ni, nếu không có tia nắng, nếu không có phân bò thì ngọn lửa ấy có thể sanh ra không? Thưa Ngài, không có. .M,. ' -Tâu Đại vương, trong trường hợp nêu có ngọc ma-ni, nêu có tia năng, nêu có phân bò thì ngọn lửa ấy có thể sanh ra không? Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể sanh ra. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như nếu không có tấm gương, nếu không có ánh sáng, nếu không có khuôn mặt thì hình người có thể sanh ra không? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, trong trường hợp nêu có tâm gương, nêu có ánh sáng, nếu có khuôn mặt thì hình người có thể sanh ra không? Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể sanh ra. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 6 Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải sự hiểu biết có thể đạt được? Tâu Đại vương, sự hiểu biết ấy là cái gì? Thưa Ngài, sự sống bên trong nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, nghe âm thanh bằng tai, ngửi mùi bằng mũi, nếm vi bằng lưỡi, chạm cảnh xúc bằng thân, nhận thức cảnh pháp bằng ý? giống như chúng ta ngồi ở đây, trong tòa lâu đài, muốn nhìn bằng cửa sổ nào thì có thể nhìn bằng cửa sổ ấy, chúng ta có thể nhìn bằng cửa sổ hướng Đông, chúng ta cũng có thể nhìn bằng cửa sổ hướíìệ Tây, chúng ta cũng có thê nhìn băng cửa sô hướng Bác, chúng ta cũng có thê nhìn bằn^ cửa sổ hướng Nam. Bạch Ngài, tương tợ y như thế, sự

sống bên trong này muốn nhìn bang cửa lớn nào thì nhìn bằng cửa lớn ấy. Vị Trưởng lão đã nói rằng: Tâu Đại vương, tôi sẽ nói về năm cửa lớn (ngũ môn, năm giác quan). Đại

vương hãy lắng nghe điều ấy, Đại vương hãy khéo chú ý. Nếu sự sống bên trong nhìn thây cảnh sac bng mat, giông như chúng ta ng8i ở đây, trong tòa lâu đài, muôn nhìn băng cửa sô nào thì có thê nhìn cảnh sac băng cửa sô ấy, chúng ta CÓ thê nhìn cảnh sac băng cửa sô hướng Đông, chúng ta cũng có thê nhìn cảnh sắc bằng cửa sổ hướng Tây, chúng ta cũng có thể nhìn cảnh sắc bằng cửa sổ hướng Bắc, chúng ta cũng có thể nhìn cảnh sắc bằng cửa sổ hướng Nam. Như vậy, với sự sống bên trong này, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng mắt, phải chăng cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng tai, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng mũi, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng lưỡi, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng thân, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng ý; phải chăng âm thanh có thể được nghe bằng mắt, âm thanh có thể được nghe bằng mũi, âm thanh có thể được nghe bằng lưỡi, âm thanh có thể được nghe bằng thân, âm thanh có thể được nghe bang ý; phải chăng mùi có the được ngửi bằng mat, mùi có the được ngửi bằng tai, mùi có thể được ngửi bằng lưỡi, mùi có thê được ngửi bằng thân, mùi có thể được ngửi bằng ý; phải chăng vị có thể được nếm bằng mắt, vị có thể được nếm bằng tai, vi có thể được nếm bằng mũi, vi có thể được nếm bằng thân, vị có thể được nếm bằng ý; phải chăng cảnh xúc có thể được chạm bằng mat, cảnh xúc có thê được chạm băng tai, cảnh xúc có thê được chạm bằng mũi, cảnh xúc có thê được chạm băng lưỡi, cảnh xúc có thê được chạm băng ý; phải chăng cảnh pháp có thể được nhận biết bằng mắt, cảnh pháp có thể được nhận biêt bằng tai, cảnh pháp có thể được nhận biêt bằng mũi, cảnh pháp có thể được nhận biết bằng lưỡi, cảnh pháp có thể được nhận biết bằng thân? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, quả là Đại vương không liên kết điều sau với điều trước, hoặc điều trước với điều sau. Tâu Đại vương, hoặc là giống như chúng ta ngồi ở đây, trong tòa lâu đài, nhìn thấy rõ rệt hơn cảnh sắc ở bên ngoài trước mặt qua không gian bao la khi hệ thông các cửa sô này được mở rộng, như vậy sự sông bên trong này có thể nhìn thấy cảnh sắc rõ rệt hơn cảnh sắc ở bên ngoài trước mặt qua không gian bao la khi các nhãn môn này được mở rộng. Phải chăng có thê nghe âm thanh, có thể ngửi mùi, có thể nếm vi, có thể chạm rõ rệt hơn cảnh xúc ở bên ngoài trước mặt qua không gian bao la khi các tai được mở rộng, khi mũi được mở rộng, khi lưỡi được mở rộng, khi thân được mở rộng? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, quả là Đại vương không liên kết điều sau với điều trước, hoặc điều trước với điều sau. Tâu Đại vương, hoặc là giống như vi Dinna này đi ra bên ngoài rồi đứng ở công bên ngoài cửa lớn, tâu Đại vương, phải chăng Đại vương biêt vị Dinna này đã đi ra bên ngoài rồi đứng ở cổng bên ngoài cửa lớn? -Thưa Ngài, đúng vậy. Trẫm biết. -Tâu Đại vương, hoặc là giống như vị Dinna này đi vào bên trong rồi đứng phía trước Đại vương, tâu Đại vương, phải chăng Đại vương biết vị Dinna này đã đi vào bên trong roi đứng phía trước Đại vương?

- Thưa Ngài, đúng vậy. Trẫm biết. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi vị nếm được đặt ở lưỡi, phải chăng sự sống bên trong này có thể biết được vị chua, hoặc vị mặn, hoặc vị đắng, hoặc vị cay, hoặc vị chát, hoặc vị ngọt? Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể biết. Khi các vị nếm ấy đã đi vào bên trong [cổ họng], phải chăng có thể biết được vị chua, hoặc vị mặn, hoặc vị đắng, hoặc vị cay, hoặc vi chát, hoặc vi ngọt? Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, quả là Đại vương không liên két điêu sau với điêu trước, hoặc điều trước với điểu sau. Tâu Đại vương, ví như người nào đó bảo mang lại một trăm hũ mật ong, bảo đổ đầy máng mật ong, rồi bít kín miệng của một người đàn ông và đặt vào ở máng mật ong. Tâu Đại vương, người đàn ông ấy có thê biêt được có mật ong hay không có? - Thưa Ngài, không thể. -Vì lý do gì? Thưa Ngài, bởi vì mật ong đã không đi vào miệng của người ấy.

Tâu Đại vương, quả là Đại vương không liên két điêu sau với điêu trước, hoặc điều trước với điều sau. Thưa Ngài, trẫm không có khả năng để trò chuyện với nhà diễn thuyết như Ngài. Thưa Ngài, lành thay, xin Ngài nói về ý nghĩa. Vị Trưởng lão đã giúp cho đức Vua Milinda hiêu được băng sự thuyêt giảng liên quan đến Vi diệu pháp: -Tâu Đại vương, trong trường hợp này, tùy thuận vào mắt và các cảnh sắc mà nhãn thức sanh lên, như vậy các pháp này sanh lên do duyên. Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý là đồng sanh với nó. Bởi vì ở đây sự hiểu biết có thể đạt được là không đúng. Tùy thuận vào tai và các cảnh thinh... (nt)... Tùy thuận vào ý và các cảnh pháp mà ý thức sanh lên. Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyên, tác ý là đông sanh với nó, như vậy các pháp này sanh lên do duyên. Bởi vì ở đây sự hiêu biết có thê đạt được là không đúng. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ờ nơi ấy? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Thưa Ngài Nãgasena, có phải nhãn thức sanh lên trước ý thức sanh lên sau, hay là ý thức sanh lên trước nhãn thức sanh lên sau? Tâu Đại vương, nhãn thức sanh lên trước ý thức sanh lên sau. Thưa Ngài Nâgasena, có phải nhãn thức ra lệnh cho ý thức rằng: "Tôi

sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ây"hay là ý thức ra lệnh cho nhãn thức rằng: “Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy"? -Tâu Đại vương, không đúng. Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Thưa Ngài Nãgasena, nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy nghĩa là thế nào? -Tâu Đại vương, là tính chất xuôi chiều, tính chất cửa lớn, tính chất tập quán và tính chát thực hành. Thưa Ngài Nâgasena, thế nào là tính chất xuôi chiều khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này, trong khi trời đang mưa, nước di chuyển theo lối nào? Thưa Ngài, lối nào là lối đi xuống thì đi theo lối đó. Rồi vào lúc sau đó trời vẫn mưa thì nước ấy di chuyển theo lối nào? Thưa Ngài, nước lúc trước đã di chuyển theo lối nào thì nó cũng di chuyển theo lối đó. -Tâu Đai vương, phải chăng nước lúc trước ra lệnh cho nước lúc sau rằng: "Tôi di chuyển theo lối nào thì anh cũng di chuyên theo lối

ây", hay là nước lúc sau ra lệnh cho nước lúc trước rằng: “Anh sẽ di chuyên theo lối nào thì tôi cũng sẽ di chuyển theo lối ấy” Tâu Đại vương, không đúng. Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng di chuyên theo tính chát xuôi chiêu. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tính chất xuôi chiều khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ây. Nhãn thức không ra lệnh cho ý thức rang: "Tôi sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ấy." Y thức cũng không ra lệnh cho nhãn thức rằng: “Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy." Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất xuôi chiều. Thưa Ngài Nãgasena, thế nào là tính chất cửa lớn khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này, thành ở biên địa của đức vua có tường vững chắc, cổng chào và một cửa lớn, do đó một người đàn ông có ý đinh đi ra thì có thể đi ra theo lối nào? Thưa Ngài, có thể đi ra theo lối cửa lớn. Rồi một người đàn ông khác ý đinh đi ra thì có thể đi ra theo lối nào? Thưa Ngài, người đàn ông trước đã đi ra theo lối nào thì người ấy cũng đi ra theo lối đó. -Tâu Đại vương, phải chăng người đàn ông trước ra lệnh cho người đàn ông sau rằng: "Tôi đi theo lối nào thì anh cũng đi theo lối ấy", hay là người đàn ông sau ra lệnh cho người đàn ông trước rằng: "Anh sẽ đi theo lối nào thì tôi cũng sẽ đi theo lối ấyW J

828 KINH TIÊU BÔ

Thưa Ngài, không đúng. Họ không có sự chuyện trò với nhau. Họ đi theo tính chất cửa lớn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, tính chát cửa lớn khiên nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Và nhãn thức khônệ ra lệnh cho ý thức rang: "T6i sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ấy.” Ý thức cũng không ra lệnh cho nhãn thức rằng: "Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy.” Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất cửa lớn. Thưa Ngài Nâgasena, thế nào là tính chất tập quán khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này, một xe tải hàng đi dâu, vậy xe tải hàng thứ nhì cồ thể đi theo lối nào? Thưa Ngài, xe tải hàng trước đã đi lối nào thì nó cũng đi theo lối đó.

-Tâu Đại vương, phải chăng xe tải hàng trước ra lệnh cho xe tải hàng sau rằng: "Tôi đi theo lối nào thì anh cũng đi theo lối ấy", hay là xe tải hàng sau ra lệnh cho xe tải hàng trước rằng: "Anh sẽ đi theo lối nào thì tôi cũng sẽ đi theo lồi ấy” Thưa Ngài, không đúng. Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng đi theo tính chất tập quán. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tính chất tập quán khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Và nhãn thức không ra lệnh cho ý thức rằng: "T6i sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ấy. Ý thức cũng không ra lệnh cho nhãn thức rằng: “Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy.” Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất tập quán. Thưa Ngài Nãgasena, thê nào là tính chát thực hành khiên nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như sự vụng về của người thợ mới trong các lãnh vực của nghề nghiệp về do, đếm, tính, viết; rồi thời gian sau đó5 với tính chất thực hành của sự làm việc cẩn thận khiến không còn vụng về.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tính chất thực hành khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Và nhãn thức không ra lệnh cho ý thức rằng: "Tôi sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ấy." Ý thức cũng không ra lệnh cho nhãn thức rang: "Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy.” Và chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất thực hành. Thưa Ngài Nâgasena, có phải nhĩ thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? ... (nt)... tỷ thức sanh lên ở nơi nào.(nt)... thiệt thức sanh lên ở nơi nào... (nt).. thân thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy?

Tâu Đại vương, đúng vậy. Thân thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Thưa Ngài Nãgasena, có phải thân thức sanh lên trước ý thức sanh lên sau? Hay là ý thức sanh lên trước thân thức sanh lên sau? -Tâu Đại vương, thân thức sanh lên trước ý thức sanh lên sau. Thưa Ngài Nãgasena, có phải... (nt)... Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất thực hành. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 8. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãẹasena, có phải ý thức sanh lên ờ nơi nào thì xúc, thọ cũng sanh lên ờ noi ây? Tâu Đại vương, đúng vậy. Ý thức sanh lên ở nơi nào thì xúc cũng sanh lên ở nơi ấy, thọ cũng sanh lên ở nơi ấy, tưởng cũng sanh lên ở nơi ấy, tư cũng sanh lên ở nơi ấy, tầm cũng sanh lên ở nơi ấy, tứ cũng sanh lên ở nơi ấy, tất cả các pháp có thọ đứng đầu cũng sanh lên ở nơi ẩy. Thưa Ngài Nagasena, xúc có cái gì là hành tướng? -Tâu Đại vương, xúc có sự chạm vào là hành tướng. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như hai con cừu húc nhau. Trong hai con cừu ấy, một con cừu được xem như là mắt, con cừu thứ hai được xem như là cảnh sắc. Sự va chạm nhau của chúng được xem như là xúc. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như hai bàn tay được vỗ vào nhau. Trong hai bàn tay ấy, một bàn tay được xem như là mắt, bàn tay thứ hai được xem như là cảnh sắc. Sự va chạm nhau của chúng được xem như là xúc. Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương, giống như hai chập choá được vỗ vào nhau. Trong hai chập choá ấy, một chập choá được xem như là mắt, chập choá thứ hai được xem như là cảnh sắc. Sự va chạm nhau của chúng được xem như là xúc. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. - Thưa Ngài Nãgasena, thọ có cái gì là hành tướng? -Tâu Đại vương, thọ có sự cảm nhận là hành tướng và sự kinh nghiệm là hành tướng. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người nào đó làm việc phục vụ cao quý đến đức vua, đức vua hoan hỷ ban phần thưởng cho người ấy. Với phần thưởng ấy, người ấy đạt được, có được, hưởng được năm phần dục lạc. Người ấy khởi ý như sau: "Trước đây, quả là ta đã làm việc phục vụ cao quý đên đức vua, đức

vua hoan hỷ đã ban phần thưởng cho ta đây. Do nhân ấy ta đây nhận biết thọ này có hình thức như vầy." Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nào đó đã làm việc thiện, do sự hoại rã của thân, do sự chết di, được sanh vào chốn an vui, cõi trời. Tại đó, người ấy đạt được, có được, hưởng được năm phần dục lạc thiên đường. Người ấy khởi ỵ như sau: "Trước đây, quả là ta đã làm việc thiện. Do nhân ấy, ta dây nhận biêt thọ này có

hình thức như vy." Tâu Đại vương, tương tợ y như the, thọ có sự cảm nhận là hành tướng và sự kinh nghiệm là hành tướng. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 10. - Thưa Ngài Nãgasena, tưởng có cái gì là hành tướng? _ Tâu Đại vương, tưởng có sự tự nhận biết là hành tướng. Tự nhận biết điều gì? Tự nhận biết màu xanh, tự nhận biết màu vàng, tự nhận biết màu đỏ, tự nhận biết màu trang, tự nhận biết màu tím. Tâu Đại vương, tưởng có sự tự nhận biết là hành tướng nghĩa là như vậy. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như viên quan giữ kho của đức vua sau khi đi vào nhà kho nhìn thấy và tự nhận biết các vật thể, các của cải thuộc về đức vua là có màu xanh, vàng, đỏ, trang, tím. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, tưởng có sự tự nhận biết là hành tướng. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 11. Thưa Ngài Nâgasena, tư có cái gì là hành tướng? -Tâu Đại vương, tư có sự quyết định là hành tướng và có sự tạo tác lả hành tướng. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như người nào đó tạo ra thuôc độc roi tự mình uông và cho các người khác uống. Bản thân người ấy bi khổ sở, những người khác cũng bị khổ sở. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, ở đây có một người nào đó suy nghĩ với sự quyết định về điều bát thiện, do sự hoại rã của thân, do sự chết di, bị sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Luôn cả những người học tập theo người ấy, do sự hoại rã của thân, do sự chết di, cũng bị sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nào đó tạo ra một hỗn hợp bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía rồi tự mình uống và cho các người khác uống. Bản thân người ay được khoái lạc, những người khác cũng được khoái lạc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, ở đây có một người nào đó suy nghĩ với sự quyết đinh về điều thiện, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời. Luôn cả những người học tập theo người ấy, do sự hoại rã của thân, do sự chết di, cũng được sanh vào chốn an vui, cõi trời. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tư có sự quyết định là hành tướng và có sự tạo tác là hành tướng.

Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo, 12. Thưa Ngài Nãgasena, thức có cái gì là hành tướng? -Tâu Đại vương, thức có sự nhận biết là hành tướng. Xin Ngài cho ví dụ. - Tâu Đại vương, giống như người giữ thành, ngồi ở ngã tư giữa thành phố, có thể nhìn thấy người đang đi đến từ hướng Đông, có thể nhìn thấy người dang đi đến từ hướng Nam, có thể nhìn thây người đang đi đên từ hướng Tây, có thê nhìn thấy người đang đi đến từ hướng Bắc. Tâu Đại vươnệ,ong tợ y như thế, con người nhìn thấy cảnh sắc bằng con mắt và nhận biết sac ấy bang thức, nghe âm thanh bằng tai và nhận biết thinh ấy bằng thức, ngửi mùi bằng mũi và nhận biết hương ấy bằng thức, nếm vị bằng lưỡi và nhận biết vị ấy bằng thức, chạm cảnh xúc bằng thân và nhận biết xúc ấy bằng thức, nhận thức cảnh pháp bằng ý và nhận biết pháp ấy bằng thức. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thức có sự nhận biết là hành tướng. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 13. Thưa Ngài Nãgasena, tầm có cái gì là hành tướng? Tâu Đại vương, tầm có sự áp vào là hành tướng.

Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người thợ mộc áp thanh gỗ đã khéo được chuẩn bị trước vào chỗ ráp nối. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tầm có sự áp

vào là hành tướng. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 14. - Thưa Ngài Nãgasena, tứ có cái gì là hành tướng? -Tâu Đại vương, tứ có sự áp sát là hành tướng. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như cái cồng được vỗ vào sau đó vang lên và dội lại. Tâu Đại vương, sự vỗ vào là như the nào thì tam nên được xem như vậy, sự dội lại là như thế nào thì tứ nên được xem như vậy. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. Phẩm Sờ hữu tứ là thứ ba. (Trong phàm này có mười bôn câu hỏi)

IV PHẨM NIẾT-BÀN (NIBBĀNAVAGGO)

1. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, đối vói các pháp được gom chung thành một bản thể này, có thể nào lần lượt tách rời và chỉ ra sự khác biệt của chúng: 6°Cái này là xúc, cái này là thọ, cái này là tưởng, cái này là tư, cái này là thức, cái này là tầm, cái này ỉa tứ95? -Tâu Đại vương, đôi với các pháp được gom chung thành một bản thê này, không thể nào lần lượt tách rời và chỉ ra sự khác biệt của chúng: "Cái này là xúc, cái này là thọ, cái này là tưởng, cái này là tư, cái này là thức, cái này là tầm, cái này là tứ? Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người đầu bếp của đức vua thực hiện món súp hoặc nước chấm, người ấy nêm sữa, nêm muối, nêm gừng, nêm thìa là, nêm tiêu, nêm các gia vi khác vào trong món đó; đức vua nói với người ấy như vầy: "Hãy đem cho trẫm nước chấm vị sữa, hãy đem cho trẫm nước chấm vị muôi, hãy đem cho trẫm nước chấm vị gừng, hãy đem cho trẫm nước chấm vị thìa là, hãy đem cho trẫm nước chấm vị tiêu, hãy đem cho trẫm nước chấm đã được nêm tất cả các thứ." Tâu Đại vương, đối với các vi nếm được gom chung thành một bản thể ấy, có thể nào lần lượt tách rời và mang lại nước chấm có vị chua, hoặc có vi mặn, hoặc có vi đắng, hoặc có vị cay, hoặc có vị chát, hoặc có vị ngọt không? Thưa Ngài, đối với các vi nếm được gom chung thành một bản thể ấy, không thể nào lần lượt tách rời và mang lại nước chấm có vị chua, hoặc có vị mặn, hoặc có vị đắng, hoặc có vị cay, hoặc có vị chát, hoặc có vị ngọt được, mặc dầu chúng hiện diện với đặc điểm riêng của từng vị một. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với các pháp được gom chung thành một bản thể này không thể nào lần lượt tách rời và chỉ ra sự khác biệt của chúng: uCái này là xúc, cái này là thọ, cái này là tưởng, cái này là tư, cái này là thức, cái này là tầm, cái này là tứ", mặc dầu chúng hiện diện với đặc điểm riêng của từng pháp một. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 2. Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, muối có thể được nhận biết bằng mắt không?

Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể được nhận biết bằng mắt. -Tâu Đại vương, có đúng là Đại vương biết một cách chắc chắn? Thưa Ngài, phải chăng có thể được nhận biết bằng lưỡi?

Tâu Đại vương, đúng vậy. Có thê được nhận biêt băng lưỡi. Thưa Ngài, phải chăng nhận biết tất cả các loại muối bằng lưỡi? Tâu Đại vương, đúng vậy. Nhận biết tất cả các loại muối bằng lưỡi. Thưa Ngài, nếu nhận biết tất cả các loại muối bằnậ lưỡi, tại sao những con bò mang muối lại bằng các xe kéo? Không lẽ có thể mang lại chỉ riêng

muối thôi? Tâu Đại vương, không thê mang lại chỉ riêng muôi thôi. Các vật được gom chung thành một bản thể này có bản chất khác biệt về lãnh vực, và muối có tính chát nặng nề. -Tâu Đại vương, phải chăng có thê cân muôi băng cân? - Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể. Tâu Đại vương, không có thể cân muối bằng cân. Tính chất nặng nề [của muối] được cân bằng cân. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 3. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nẫgasena, có phải năm xứ4 được sanh lên do các việc làm khác nhau, hay là do một việc làm? -Tâu Đại vương, chúng được sanh lên do các việc làm khác nhau, không phải do một việc làm. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Năm loại hạt giống gieo ở một cánh đồng, đôi với các loại hạt giông khác nhau phải chăng các quả khác nhau được sanh lên? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Chúng được sanh lên. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, năm xứ được sanh lên do các việc làm khác nhau, không phải do một việc làm. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 4. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, vì lý do gì mà toàn thể loài người là không giống nhau, những kẻ này yểu thọ, các kẻ khác trường thọ; những kẻ này nhiều bệnh, các kẻ khác ít bệnh; những kẻ này có sắc xấu, các kẻ khác có sắc tốt; những kẻ này có ít quyền lực, các kẻ khác có nhiều quyền lực; những kẻ này có ít của cải, các kẻ khác có nhiều của cải; những kẻ này có gia tộc hạ tiện, các kẻ khác có gia tộc thượng lưu; những kẻ này có tuệ tồi, các kẻ khác có tuệ?

4 Năm xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ và thân xứ. (ND)

Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, vì sao tất cả các cây cối là khônệ giống nhau, những cây này là chua, các cây khác là mặn, những cây này là đăng, các cây khác ỉa cay, những cây này là chát, các cây khác là ngọt? Thưa Ngài, trẫm nghĩ là vì việc làm khác nhau của hạt giống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vì việc làm khác nhau của các nghiệp mà toàn thể loài người là không giống nhau, những kẻ này yểu thọ, các kẻ khác trường thọ; những kẻ này nhiều bệnh, các kẻ khác ít bệnh; những kẻ này có sắc xấu, các kẻ khác có sắc tốt; những kẻ này có ít quyền lực, các kẻ khác có nhiều quyền lực; những kẻ này có ít của cải, các kẻ khác có nhiều của cải; những kẻ này có gia tộc hạ tiện, các kẻ khác có gia tộc thượng lưu; những kẻ này có tuệ tồi, các kẻ khác có tuệ. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đen: "Này người thanh niên, chúng sanh là các chủ nhân của nghiệp, là những ke mưa tự cua nghiệp, co nghiệp la can nguyên, co nghiệp la than quyên, co nghiệp là nơi nương tựa, nghiệp phân loại các chủng sanh tức là theo tỉnh chất hạ liệt hay cao quỷy Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 5. Đức Vua đã nói răng: Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói rằng: wLàm cách nào để cho khổ này diệt và khổ khác không thể sanh lên? Tâu Đại vương, sự xuất gia của chúng tôi là với mục đích ấy.” Có lợi ích gì vói việc đã tinh tấn trước đây? Chẳng phải là nên tinh tấn trong thời hiện tại hay sao? Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc. -Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào Đại vương bị khát thì khi ấy Đại vương mới bảo đào giếng nước, mới bảo đào hồ nước [nghĩ rằng]: “Ta se uống niról"? Thưa Ngài, không

đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc. Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Phải chăng khi nào Đại vương thèm ăn thì khi ấy Đại vương mới bảo cày ruộng, mới bảo trồng lúa sāli, mới bảo đem thóc lại [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng bữa n"? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc.

Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Phải chăng khi nào Đại vương lâm trận thì khi ây Đại vương mới bảo đào hào, mới bảo đáp lũy, mới bảo xây cổng thành, mới bảo làm vọng gác, mới bảo đem lại thóc; khi ẩy Đại vương mới rèn luyện về voi, mới rèn luyện về ngựa, mới rèn luyện về xe, mới rèn luyện về cung, mới rèn luyện về gươm? Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Người biết việc nào lợi ích cho mình thì nên làm việc ấy trước. Không có ỷ nghĩ như kẻ đảnh xe bò, bậc thông minh sảng trí nên co gang. Giốnệ như kẻ đánh xe bò từ bỏ con đường lớn bằng phẳng đi vào con đường go ghe, bi gãy trục xe rồi bực bội. Như vậy, sau khi xa lìa Chảnh pháp, xu hướng theo phi pháp, kẻ ngu bị rơi vào miệng thần chết, sầu muộn như kẻ bi gãy trục xe vậyy Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 6. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói rằng: wLửa địa ngục nóng dữ dội hơn lửa bình thường. Một hòn đá nhỏ bé được ném vào trong lửa bình thường, trong khi bi đốt cháy trọn ngày vẫn không bị tiêu hoại, còn tảng đá thậm chí lớn bằng ngôi nhà mái nhọn được ném vào trong lửa địa ngục liền bi tiêu hoại trong giây lát.55 Trẫm không tin lời nói này. Hơn nữa, Ngài còn nói như vầy: “Chúng sanh nào sanh ra ở nơi ấy, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn năm, vẫn không bi tiêu hoại", trẫm cũng không tin lời nói này. Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, Đại vuông nghĩ gì về điều này? Các loài như cá đao cái, ca sâu cai, rua cái, cong mai, bo cau mai, phải chăng chúng ăn các hon đa va các hạt cát cứng rắn? Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng ăn. Vậy có phải các thứ này khi đã đi vào bên trong bao tử ở bụng của chúng thì bị tiểu hoại? Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng bị tiêu hoại. -Vậy còn bào thai ở trong bụng của các loài thú cái ấy cũng bị tiêu hoại? Thưa Ngài, không đúng. -Vì lý do gì? Thưa Ngài, trẫm nghĩ do tác động của nghiệp khiến chúng không bị tiêu hoại.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do tác động của nghiệp khiến chúng sanh ở địa ngục, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn năm vẫn không bị tiêu hoại; họ sanh ra ngay tại nơi ấy, lớn lên ngay tại nơi ấy, chét đi ngay tại nơi ấy. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Cho đến khỉ nào nghiệp ác ấy còn chưa được diệt tận thì chúng sanh địa ngục ấy vẫn không chết Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Các loài như sư tử cái, cọp cái, beo cái, chó cái, phải chăng chúng cũng ăn các khúc xương và các miếng thịt cứng

rắn? Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng ăn. -Vậy có phải các thứ này khi đã đi vào bên trong bao tử ở bụng của chúng thì bị tiểu hoại? Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng bị tiêu hoại. Vậy còn bào thai ở trong bụng của các loài thú cái ấy cũng bi tiêu hoại?

Thưa Ngài, không đúng. Vì lý do gì? Thưa Ngài, trẫm nghĩ do tác động của nghiệp khiến chúng không bị tiêu hoại. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do tác động của nghiệp khiến chúng sanh ở địa ngục, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn năm, vẫn không bị tiêu hoại. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Các phụ nữ như các cô mảnh mai xứ Yona, các cô mảnh mai dòng Sát-đế-lỵ? các cô mảnh mai dòng Bà-la-môn, các cô gia chủ mảnh mai, phải chăng họ cũng ăn các vật nhai và các miếng thịt cứng rắn? Thưa Ngài, đúng vậy. Họ ăn. -Vậy có phải các thứ này khi đã đi vào bên trong bao tử ở bụng của họ thì bi tiêu hoại? Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng bị tiêu hoại. Vậy còn bào thai ở trong bụng của những phụ nữ ây cũng bi tiêu hoại? Thưa Ngài, không đúng. _ Vì lý do gì? Thưa Ngài, trẫm nghĩ do tác động của nghiệp khiến chúng không bị tiêu hoại. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, do tác động của nghiệp khiên chúng sanh ở địa ngục, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn

năm, vẫn không bi tiêu hoại; họ sanh ra ngay tại nơi ấy, lớn lên ngay tại nơi ấy, chết đi ngay tại nơi ây. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Cho đến khi nào nghiệp ác ấy còn chưa được diệt tận thì chúng sanh đỉa ngục ấy vẫn không chết, Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, Ngài nói rằng: ÍẾĐại địa cầu này được tồn tại ờ nước, nước được tồn tại ờ gió, gió được tồn tại ở hư không.95 Trẫm cũng không tin lòi nói này. Vi Trưởng lão đã lấy nước bằng bình đựng nước rồi giúp cho đức Vua Milinda hiên được răng: -Tâu Đại vương, nước này được nâng đỡ bởi gió như thế nào thì nước kia cũng được nâng đỡ bởi gió như thế ấy. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 8. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải sự diệt tận là Niết-bàn? Tâu Đại vương, đúng vậy. Sự diệt tận là Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, sự diệt tận là Niết-bàn nghĩa là thế nào? -Tâu Đại vương, quả là tất cả những kẻ phàm phu ngu dốt thích thú tán thưởng, bám víu vào các nội và ngoại xứ. Chúng thả trôi theo dòng chảy ấy, không hoàn toàn thoát khỏi sự sanh, sự già, sự chết, các sự sầu-bi-khổ-ưu-não? tôi nói rằng chúng không hoàn toàn thoát khỏi khổ. Tâu Đại vương, còn vị Thánh đệ tử có sự học hỏi, không thích thú không tán thưởng, không bám víu vào các nội và ngoại xứ. Trong khi vị ấy không thích thú không tán thưởng, không bám víu vào các nội và ngoại xứ, ái bị diệt tận; do sự diệt tận của ái có sự diệt tận của thủ; do sự diệt tận của thủ có sự diệt tận của hữu; do sự diệt tận của hữu có sự diệt tận của sanh; do sự diệt tận của sanh, già-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não bị diệt tận. Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này. Tâu Đại vương, sự diệt tận là Niết-bàn nghía là như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải tất cả đều đạt được Niết-bàn? Tâu Đại vương, không phải tất cả đều đạt được Niết-bàn. Tâu Đại vương, người nào thực hành chân chánh biết rõ các pháp cần được biết rõ, biết toàn

diện các pháp cần được biết toàn diện, dứt bỏ các pháp cần được dứt bỏ, tu tập các pháp cân được tu tập, chứng ngộ các pháp cân được chứng ngộ, người ây đạt được Niết-bàn. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo.

10. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, người nào chưa đạt được Niết-bàn, có phải người ấy biết được Niết-bàn là an lạc? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Người nào chưa đạt được Niết-bàn, người ấy vẫn biết được Niết-bàn là an lạc. Thưa Ngài Nâgasena, trong khi không đạt được Niết-bàn làm thế nào lại biết được Niết-bàn la an lạc? -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Đối với những người có tay chân không bị chặt đứt, tâu Đại vương, có phải họ có thể biết được sự chặt đứt tay chân là đau đớn. Thưa Ngài, đúng vậy. Làm thế nào họ có thể biết được? Thưa Ngài, sau khi lắng nghe tiếng rên rỉ của những người khác có tay chân bị chặt đứt, họ biết được sự chặt đứt tay chân là đau đớn. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, sau khi lăng nghe những người đã thấy được Niết-bàn mà biết được Niết-bàn là an lạc. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. Phẩm Niết-bàn là thứ tư. (Trong phẩm này có mười câu hỏi)

V PHẨM ĐỨC PHẬT (BUDDHAVAGGO)

1. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải đức Phật đã được Ngài nhìn thấy?

Tâu Đại vương, không. Vậy có phải đức Phật đã được các vị thầy của Ngài nhìn thấy?

-Tâu Đại vương, không. Thưa Ngài Nâgasena, như vậy thì không có đức Phật. -Tâu Đại vương, vậy sông ũhã ở núi Hy-mã-lạp có được Ngài nhìn thấy không? Thưa Ngài, không. -Vậy có phải sông ũhã đã được cha của Ngài nhìn thấy? -Tâu Ngài, không. -Tâu Đại vương, như vậy thì không có sông ũhã. Thưa Ngài, có mà. Mặc dầu sông ũhã không được trẫm nhìn thấy, sông ũhã cũng không được cha của trẫm nhìn thấy, nhưng mà có sông ũhã. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thể, mặc dầu đức Thế Tôn khônệ được tôi nhìn thây, đức Thê Tôn cũng không được các vị thây của tôi nhìn thây, nhưng ma co đức The Ton. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 2. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải đức Phật là vô thượng? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Phật là vô thượng. Thưa Ngài Nãgasena, làm thế nào Ngài biết được "Đức Phật là vô thượng,, khi chưa từng được thấy trước đây? Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Với những người mà biển cả chưa từng được thấy, tâu Đại vương, có phải những người ấy có thể biết được biển, nơi mà năm con sông lớn này, tức là Gañgā, Yāmunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī thường xuyên, liên tục đổ vào, là rộng lớn, sâu thẳm, không thể đo đạc, khó thăm dò, luôn cả sự thiếu hụt hay tràn đầy của nó cũng không được nhận ra? Thưa Ngài, họ có thể biết được.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sau khi nhìn thấy các vi Thinh văn vĩ đại viên tịch Niết-bàn, tôi biết được "Dức Thế Tôn là vô thượng." Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 3. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có thể biết được wĐức Phật là vô thượng95? Tâu Đại vương, đúng vậy. Có thể biết được "Dức Phật là vô thượng." Thưa Ngài Nâgasena, làm thế nào có thể biết được "'Đức Phật là vô thượng95? -Tâu Đại vương, vào thời trước đây đã có vị thầy về văn tự tên là Trưởng lão Tissa. Vi ấy từ trân đã trải qua nhiêu năm, vì sao mà vị ây vẫn được biết đến? Thưa Ngài, nhờ vào văn tự. _ Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người nào thây Pháp người ây thây đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, bởi vì Pháp đã được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 4. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải Pháp đã được Ngài nhìn thấy? -Tâu Đại vương, các vị đệ tử cần phải thực hành theo sự hướng dẫn của đức Phật, theo điều quy đinh bởi đức Phật, cho đến trọn đời. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 5. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải tái sanh không phải là chuyển sang?

-Tâu Đại vương, đúng vậy. Tái sanh không phải là chuyên sang. Thưa Ngài Nãgasena, tái sanh không phải là chuyển sang nghĩa là thế nào? Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giông như người nào đó tháp sáng cây đèn từ cây đèn [khác], tâu Đại vương, phải chăng cây đèn ấy được chuyển sang từ cây đèn [kia]? Thưa Ngài, không phải. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tái sanh không phải là chuyển sang. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, có phải Ngài biết rõ là trong lúc còn niên thiếu đã có câu thơ nào đó được học ở người thây dạy về thơ? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, phải chăng câu thơ đó được chuyển sang từ người thầy? Thưa Ngài, không phải. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tái sanh không phải là chuyển sang. Thưa Ngài Ngasena, Ngài thật khôn khéo. 6. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải sự hiểu biết có thể đạt được?

Vị Trưởng lão đã noi răng: Tâu Đại vương, theo ý nghĩa tuyệt đối sự hiểu biết không thể đạt được.

Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải có chúng sanh nào từ thân này chuyển sang thân khác? -Tâu Đại vương, không phải. Thưa Ngài Nãgasena, nếu không có việc từ thân này được chuyển sang thân khác, không lẽ sẽ được thoát khỏi các nghiệp ác? Tâu Đại vương, đúng vậy. Nếu không tái sanh thì sẽ được thoát khỏi các nghiệp ác. Tâu Đại vương, chính vì tái sanh mà không được hoàn toàn thoát khỏi các nghiệp ác. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người nào đó lấy trộm trái xoài của người khác, có phải người ấy đáng bị hành phạt? Thưa Ngài, đúng vậy. Người ấy đáng bi hành phạt.

-Tâu Đại vương, quả là người ây đã không lây trộm các trái xoài đã được trồng bởi người kia, tại sao lại đáng bị hành phạt? Thưa Ngài, những trái xoài ây được sanh lên có điêu kiện. Do đó, người ấy đáng bị hành phạt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người tạo nghiệp tốt đẹp hoặc không tốt đẹp với danh sắc này, do nghiệp ấy danh sắc

khác tái sanh, vì thế mà không được hoàn toàn thoát khỏi các nghiệp ác. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 8. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, nghiệp thiện hoặc bất thiện được tạo ra bởi danh sắc này, vậy các nghiệp ấy trú ờ đâu? Tâu Đại vương, các nghiệp ây theo sau tợ như bóng có sự không xa lìa [hình] vậy. Thưa Ngài, có thể nào chỉ cho thấy các nghiệp ấy là: "Các nghiệp ấy tru ở chỗ này,9 không? -Tâu Đại vương, không thê nào chỉ cho thây các nghiệp ây là: "Các nghiệp ấy trú ở chỗ này hay ở chỗ nSy." Xin Ngài cho ví dụ.

-Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Những cây nào có các trái chưa trổ, có thể nào chỉ cho thấy các trái của chúng là: "Các trái ấy trú ở chỗ này hay ở chỗ này" không?

Thưa Ngài, không. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi sự diễn tiến còn chưa bi cắt đứt thì không thể nào chỉ cho thấy các nghiệp ấy là: uCác nghiệp ấy tru ở chỗ này hay ở chỗ này." -Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải người nào tái sanh thì người ấy biết được rằng: 66 sẽ tái sanh5 ? Tâu Đại vương, đúng vậy. Người nào tái sanh thì người ấy biết được rằng: "Ta sẽ tái sanh.,, Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như người nong dan gia chu sau khi gieo xuổng các hạt giống ở đất, trong khi trời mưa điều hòa thì biết được rằng: "Thóc lúa sẽ được tạo ra." Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể biết được.

-Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người nào tái sanh thì người ây biêt được rằng: "Ta sẽ tái sanh. -Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 10. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải là có đức Phật? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Có đức Phật. Thưa Ngài, có thể nào chỉ cho thấy đức Phật là uchỗ này hay chỗ này" không? Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Không thể nào chỉ cho thấy đức Thế Tôn là "chỗ này hay chỗ nay." Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Ngọn lửa của đông lửa lớn đang cháy đã bị diệt tăt? có thê nào chỉ cho thây ngọn lửa ây là "chỗ này hay chỗ nà không? Thưa Ngài, không. Ngọn lửa ấy đã tắt, đã đi đến trạng thái không còn được nhận biết. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Đức Thế Tôn đã diệt tắt, kh6ng thể nào chỉ cho thấy là "chỗ này hay chỗ này?9 Tâu Đại vương, tuy nhiên có thể chỉ cho thấy đức Thế Tôn bởi tổng thể các Pháp. Tâu Đại vương, bởi vì Pháp đã được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. Phẩm Đức Phật là thứ năm.

VI. PHẨM TRÍ NHỚ (SATIK4GGƠ)

ỉ. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải thân thể đối vơi các bậc xuất gia là đáng yêu? -Tâu Đại vương, thân thể đối với các bậc xuất gia là không đáng yêu. Thưa Ngài, vậy tại sao Ngài lại nâng niu, quyến luyến?

Tâu Đại vương, khi Đại vương tham gia chiên trận, có phải đôi khi vào lúc nào đó Đại vương có bị tên bắn? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, vậy có phải vét thương ây được bôi cao, được thoa dâu và được băng bó bằng miếng vải mềm? Thưa Ngài, đúng vậy. Nó được bôi cao, được thoa dầu và được băng bó bằng miếng vải mềm. -Tâu Đại vương, phải chăng vết thương là đáng yêu đối với Đại vương nên được bôi cao, được thoa dầu và được băng bó bằng miếng vải mềm? Thưa Ngài, vết thương quả là không đáng yêu đối với trẫm. Tuy nhiên, nhằm mục đích làm lành da thịt nên nó được bôi cao, được thoa dầu và được băng bó băng miêng vải mem. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thân thể đối với các bậc xuất gia là không đáng yêu, và các bậc xuất gia chăm nom thân thể mà không bi bám víu nhằm nâng đỡ việc thực hành Phạm hạnh. Tâu Đại vương, thân thể ví như vết thương đã được đức Thế Tôn đề cập đến. Vì thế, các bậc xuất gia chăm nom thân thể như là [chăm sóc] vết thương mà không bị bám víu. Tâu Đại vương, điều này cũng đa được đức Thế Tôn noi đến: "Được bao bọc bởi lớp da âm ướt, vét thương lớn có chỉn cửa (cửu khiêu) rỉ ra xung quanh những mùi hôi thôi, không trong sạchy Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 2. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải đức Phật là vi biết tất cả, thấy tất cả? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn là vị biết tất cả, thấy tất cả. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì tại sao đức Thế Tôn đã quy đinh điều học cho các đệ tử tìieo tưng điều mọt?

-Tâu Đại vương, có người thây thuốc nào của Ngài biêt được toàn bộ dược phẩm ở trái đất này không? Thưa Ngài, đúng vậy. Có. -Tâu Đại vương, phải chăng người thây thuôc áy cho người bệnh uông thuốc khi thời điểm đã đến, hay la khi thời diêm chưa đến? Thưa Ngài, vị ấy cho người bệnh uống thuốc khi thời điểm đã đến, không phải khi thời điểm chưa đến. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn là vi biết tất cả, thấy tất cả; Ngài không quy đinh điều học cho các đệ tử khi không phải là thời điểm. Khi thời điểm đã đến, Ngài mới quy định điều học cho các đệ tử, cho đến trọn đời không nên vượt qua. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 3. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải đức Phật hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn da như là vàng, có hào quang một sải tay? Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn da như là vàng, có hào quang một sải tay. Thưa Ngài, có phải cha mẹ của đức Phật cũng hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn da như là vàng, có hào quang một sải tay? -Tâu Đại vương, không phải. Thưa Ngài Nãgasena, trong khi là như vậy thì không thể nào đức Phật sanh lên được hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn đa như là vàng, có hào quang một sải tay. Hơn nữa, con trai là giống mẹ hay bà con bên mẹ, hoặc con trai là giống cha hay bà con bên cha. Vi Trưởng lão đã nói rằng: Tâu Đại vương, có loại hoa sen nào có trăm cánh không? Thưa Ngài, đúng vậy. Có. -Vậy xuất xứ của nó là từ đâu? Nó sanh ra ở trong bùn, sống ở trong nước. -Tâu Đại vương, phải chăng hoa sen có sắc, hoặc có mùi, hoặc có vi tương tợ như bùn? Thưa Ngài, không đúng. -Vậy thì phải chăng hoa sen có sác,

hoặc có mùi, hoặc có vị tương tợ như nước?

MILINDAVẤN ĐẠO 845

-Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn da như là vàng, có hào quang một sải tay. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 4. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải đức Phật là người hành Phạm hạnh? Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn là người hành Phạm hạnh. Thưa Ngài Nâgasena, chính vì điều ấy có phải đức Phật là học trò của Phạm thiên? Tâu Đại vương, Đại vương có con voi đầu đàn không?

Thưa Ngài, đúng vậy. Có. -Tâu Đại vương, phải chăng con voi ấy đôi khi vào lúc nào đó rống tiếng rống như là của loài cò? Thưa Ngài, đúng vậy. Nó có rống.

Tâu Đại vương, chính vì điêu áy có phải con voi áy là học trò của những con cò? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, có phải Phạm thiên có tánh giác? -Thưa Ngài, có tánh giác. Tâu Đại vương, chính vì điều ấy Phạm thiên là học trò của đức Thế Tôn.

Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 5. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải việc tu lên bậc trên là tốt? Tâu Đại vương, đúng vậy. Việc tu lên bậc trên là tốt. Thưa Ngài, vậy đối với đức Phật có việc tu lên bậc trên, hay là không có? -Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã tu lên bậc trên ở cội cây Bồ-đề với trí biết tất cả. Đối với đức Thế Tôn khôn^có việc tu lên bậc trên được ban cho bởi những người khác. Tâu Đại vương, giống như việc đức Thế Tôn quy định điều học cho các đệ tử, cho đen trọn đời không nên vượt qua. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 6 Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, ngươi khóc vì việc qua đòi của mẹ và người khóc vì sự yêu mếnjpháp9 trong hai người đang khóc ấy nước mắt của ai là liều thuốc, nước mat của ai không phải là liều thuốc? -Tâu Đại vương, nước mắt của một người là nóng nảy do tham sân si, có vấy bụi, của một người là mát mẻ do hỷ và thiện tâm, không có vấy bụi. Tâu

846 KINH TIỂU BỒ

Đại vương, cái nào mát mẻ cái ấy là liều thuốc, cái nào nóng nảy cái ấy không phải là liêu thuốc. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, cái gì là sự khác biệt ờ người có tham ái và ờ người đã lìa tham ái? Tâu Đại vương, một người là bi dính mắc, một người không bi dính mắc. Thưa Ngài, điều gì gọi là dính mắc và không dính mắc? -Tâu Đại vương, một người có mong cầu, một người không có mong cầu. -Thưa Ngài, trâm thây như vây: Người có tham ái và nguồi đã lìa tham ái, cả hai hạng này đều ưa thích vật thực loại cứng, loại mềm tót đẹp và không ưa thích bất cứ loại nào xấu. -Tâu Đại vương, người chưa lìa tham ái thọ dụng vật thực có sự nhận biết về mùi vị, có sự nhận biết về tham ái ở mùi vi, còn người đã lìa tham ái thọ dụng vật thực có sự nhận biết về mùi vi, nhưng sự nhận biết về tham ái ở mùi vi là không có. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 8. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, tuệ trú ờ noi nào? Tâu Đại vương, không ở nơi nào cả. Thưa Ngài Nãgasena, như vậy thì không có tuệ. Tâu Đại vương, gió tru ở nơi nào?

Thưa Ngài, không ở nơi nào cả. Tâu Đại vương, như vậy thì không có gió. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài đã nói là wluân hồF\ luân hồi ấy là gì? -Tâu Đại vương, người sanh ra ở nơi đây, chết ngay tại nơi đây; chết tại nơi dây, sanh lên ở nơi khác; sanh ra ở nơi kia, chết ngay tại nơi kia; chết tại nơi kia, sanh lên ở nơi khác. Tâu Đại vương, luân hồi là như vậy. -Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giống như người nào đó sau khi ăn trái xoài chín rồi ươm trồng cái hột, từ đó cây xoài nảy mầm, lớn lên, rồi cho các trái. Rồi người ấy sau khi ăn trái xoài chín cũng từ đó rồi ươm trồnậ cái hột, cũng từ đó cây xoài nảy mầm, lớn lên, rồi cho các trái. Như vậy, điểm tận cùng của các cây này không được biết đến. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người sanh ra ở nơi đây, chết ngay tại nơi đây; chết tại nơi đây, sanh lên ở nơi khác; sanh ra ở nơi

kia, chết ngay tại nơi kia; chết tại nơi kia, sanh lên ở nơi khác. Tâu Đại vương, luân hồi là như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 10. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, nhờ vào cái gì mà hồi tưởng lại việc đã làm từ lâu trong quá khứ? Tâu Đại vương, nhờ vào trí nhớ. Thưa Ngài Nâgasena, thê chăng phải hôi tưởng lại là băng tâm, không phải bằng trí nhớ? -Tâu Đại vương, Đại vương có nhận biêt được răng sau khi làm một việc cân làm nào đó roi quên lửng không? _ Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, phải chăng vào thời diêm ây Ngài là không có tâm? Thưa Ngài, không đúng. Vào thời điểm ấy trẫm đã không có trí nhớ. Tâu Đại vương, vậy tại sao Ngài đã nói như vầy: uHồi tưởng lại là bằng tâm, không phải bằng trí nhớ^? Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 11. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, toàn bộ trí nhớ được sanh lên là thuộc về chủ quan hay trí nhớ là thuộc về khách quan? Tâu Đại vương, trí nhớ được sanh lên vừa thuộc về chủ quan, trí nhớ vừa thuộc về khách quan. -Thưa Ngài Nãgasena, chính vì như thế phải chăng toàn bộ trí nhớ là thuộc vê chủ quan, không có trí nhớ thuộc vê khách quan? -Tâu Đại vương, nếu không có trí nhớ thuộc về khách quan thì những người thợ học nghề không có cái gì cần phải làm đối với các lãnh vực về nghề nghiệp, đối với các lãnh vực về học tập, hoặc đối với các tư liệu về kiến thức; không có nhu cầu về các thầy dạy học. Tâu Đại vương, bởi vì có trí nhớ thuộc về khách quan mà có việc cần phải làm đối với các lãnh vực về nghề nghiệp, đối với các lãnh vực về học tập, hoặc đối với các tư liệu về kiến thức; và có nhu cầu về các thầy dạy học. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. Phẩm Trí nhớ là thứ sáu. (Trong phàm này có mười một câu hỏi)

vn. PHẨM XÁC ĐỊNH CÁC PHÁPVÔ SẮC (ARŪPĀDHAMMAVAVATTHĀNAVAGGO)

l. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, trí nhớ sanh lên với bao nhiêu hình thức? Tâu Đại vương, trí nhớ sanh lên với mười sáu hình thức.5 Với mười sáu hình thức gì? Tâu Đại vương, trí nhớ sanh lên do điều kiện chủ quan; Trí nhớ sanh lên do điều kiện khách quan; Trí nhớ sanh lên do nhận thức sự kiện trọng đại; Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều tốt đẹp; Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều không tốt đẹp; Trí

nhớ sanh lên do dấu hiệu tương tợ; Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu khác biệt; Trí nhớ sanh lên do hiểu rõ lời nói; Trí nhớ sanh lên do đặc điểm; Trí nhớ sanh lên do sự nhớ lại; Trí nhớ sanh lên do việc viết chữ; Trí nhớ sanh lên do việc tính toán; Trí nhớ sanh lên do việc thuộc lòng; Trí nhớ sanh lên do việc tu tập; Trí nhớ sanh lên do gắn bó với sách vở; Trí nhớ sanh lên do việc tiếp cận; Trí nhớ sanh lên do kinh nghiệm. Trí nhớ sanh lên do điều kiện chủ quan nghĩa là the nào? -Tâu Đại vương, giống như trường hợp Đại đức Ānanda và nữ cư sĩ Khiýj uttarā, hoặc bất cư những người nào khác có được năn§ lực về đời sống [quá khứ] nhớ lại đời sống [quá khứ]. Trí nhớ sanh lên do điêu kiện chủ quan nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do điêu kiện khách quan nghĩa là thê nào? Người nào có bản tính hay quên, và những người khác thúc giục người ấy với mục đích nhắc nhở. Trí nhớ sanh lên do điêu kiện khách quan nghĩa là như vậy.

5 Tuy ghi là 16 nhưng đếm thì có đến 17 loại. Tạng Miến Điện ghi 17. (ND)

Trí nhớ sanh lên do nhận thức các sự kiện trọng đại nghĩa là thế nào? Khi được tấn phong vương quyền hoặc khi đạt được quả vị Nhập Ixru. Trí nhớ sanh lên do nhận thức các sự kiện trọng đại nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều tốt đẹp nghĩa là thế nào? Vị được hạnh phúc về điều nào đó rồi nhớ lại rằng: "Ta được hạnh phúc như vầy." Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều tốt đẹp nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều không tốt đẹp nghĩa là thế nào? Vị bị đau khổ về điều nào đó rồi nhớ lại rằng: "Ta bị đau khổ như vy." Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều không tốt đẹp nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu tương tợ nghĩa là thế nào? Sau khi nhìn thấy người tương tợ thì nhớ lại người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh em trai, hoặc chi em gái; sau khi nhìn thay con lạc đà, hoặc con bò, hoặc con lừa thì nhớ lại con lạc đà, hoặc con bò, hoặc con lừa khác tương tợ như thế. Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu tương tợ nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu khác biệt nghĩa là thế nào? Vị nhớ lại rằng: "Người kia có như vây: Sác thê này, thinh thê này, hương thê này, vị thê này, xúc thế này." Trí nhớ sanh lên do đau hiệu khác biệt nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do hiểu rõ lời nói nghĩa là thế nào? Người nào có bản tính hay quên, những người khác nhác nhở người ây, nhờ thê người ây nhớ lại. Trí nhớ sanh lên do hiểu rõ lời nói nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do đặc điểm nghĩa là thế nào? Nhận ra nhờ vào dấu sắt nung của những con bò kéo là nhận ra do đặc điểm. Trí nhớ sanh lên do đặc điểm nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do sự nhớ lại nẹhĩa là thê nào? Người nào có bản tính hay quên, những người khác liên tục nhác nhở người ấy rằng: "Nguôi hãy nhớ lại, ngươi hãy nhớ lai?9 Trí nhớ sanh lên do sự nhớ lại nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do việc viết chữ nghĩa là thế nào? Do đã được học tập về chữ viết nên nhận biết được rằng: "Nên thực hiện chữ cái này liền với chữ cái này.^, Trí nhớ sanh lên do việc viết chữ nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do việc tính toán nghĩa là thế nào? Những người kế toán, do đã được học tập về việc tính toán nên tính toán nhiều. Trí nhớ sanh lên do việc tính toán nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do việc thuộc lòng nghĩa là thế nào? Những người chuyên học thuộc lòng, do đã được học tập về việc thuộc lòng nên thuộc lòng được nhiều. Trí nhớ sanh lên do việc thuộc lòng nghĩa là như vậy. Trí

nhớ sanh lên do việc tu tập nghĩa là thế nao? ở đây, vị Tỳ-khưu nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lần sanh, năm mươi lần sanh, một trăm lần sanh, một ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp: ctở nơi ấy, ta đã có tên

như vây, dòng họ như vây, giai cap như vây, thức ăn như vây, có sự nhận biêt lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. ở nơi kia, ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, có sự nhận biết lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ nơi kia, ta đây đã chết đi roi đã sanh lên tại nơi nayy Như thế, vi ấy nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét đại cương và cá biệt. Trí nhớ sanh lên do việc tu tập nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do gắn bó với sách vở nghĩa là thế nào? Các vị vua trong khi tưởng nhớ về điều giáo huấn [rồi ra lệnh]: "Hãy mang lại một cuốn sAch", và tưởng nhớ lại nhờ cuốn sách ấy. Trí nhớ sanh lên do gắn bó với sách vở nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do việc tiếp cận nghĩa là thế nào? Sau khi nhìn thấy hàng hóa được đặt xuống gần bên thì nhớ lại. Trí nhớ sanh lên do việc tiếp cận nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do kinh nghiệm nghĩa là thế nào? Vi nhớ lại cảnh sắc do đã thấy, nhớ lại cảnh thinh do đã nghe, nhớ lại hương do đã ngửi, nhớ lại vi do đã nếm, nhớ lại xúc do đã chạm, nhớ lại pháp do đã nhận thức. Trí nhớ sanh lên do kinh nghiệm nghĩa là như vậy. Tâu Đại vương, trí nhớ sanh lên với mười sáu hình thức này. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 2. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, Ngài nói như vầy: uNgười nào làm việc bất thiện trong một trăm năm, và vào lúc chết đạt được một niệm tưởng đến đức Phật thì người ấy có thể sanh ờ giữa chư thiên/5 Trẫm không tin lời nói nay. Hơn nữa, Ngài còn nói như vầy: “C6 thể đọa vào địa ngục do một lần giết hại mạng sống." Trẫm cũng không tin lòi nói này. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Không có chiêc thuyên, hòn đá dầu la nhỏ co thể nổi ở mxớc khòng? Thưa Ngài, không. -Tâu Đại vương, phải chăng một trăm xe đá được chất lên thuyền thì có thểnổiởnươc? Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể nổi. -Tâu Đại vương, chiếc thuyền là như thế nào thì các nghiệp thiện nên được xem xét như vậy. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 3 Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải Ngài tỉnh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc quá khứ? -Tâu Đại vương, không phải.

-Vậy có phải Ngài tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc vi lai? Tâu Đại vương, không phải. -Vậy có phải Ngài tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc hiện tại? Tâu Đại vương, không phải. Nếu Ngài không tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc quá khứ, không tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc vị lai, không tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc hiện tại, vậy Ngài tinh tấn nhằm mục đích gì? Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, làm cách nào để cho khổ này diệt và khổ khác không thể sanh lên? Chúng tôi tinh tấn nhằm mục đích này. Thưa Ngài Nâgasena, vậy [bây giờ] có khổ thuộc vị lai không?

Tâu Đại vương, không có. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài quả là quá sáng trí khi Ngài tinh tấn nhằm loại bỏ các khổ không hiện hữu! -Tâu Đại vương, vậy có những vị vua đối nghịch, những kẻ thù đối nghịch, những bạn bè đối nghịch chống đôi lại Ngài không? Thưa Ngài, đúng vậy. Có. Tâu Đại vương, phải chăng khi ấy Ngài mới bảo đào hào, mới bảo đắp lũy, mới bảo xây cổng thành, mới bảo làm vọng gác, mới bảo đem lại thóc? Thưa Ngài, không đúng. Việc ấy là được chuẩn bị trước.

Tâu Đại vương, phải chăng khi ây Ngài mới rèn luyện vê voi, mới rèn luyện về ngựa, mới rèn luyện về xe, mới rèn luyện về cung, mới rèn luyện về gươm? Thưa Ngài, không đúng. Việc ấy là được chuẩn bị trước. Nhằm mục đích gì? Thưa Ngài, nhằm mục đích ngăn chặn các nỗi lo sợ thuộc vi lai. -Tâu Đại vương, phải chăng [bây giờ] có nỗi lo sợ thuộc vị lai? Thưa Ngài, không có. Tâu Đại vương, Đại vương quả là quá sáng trí khi Ngài chuẩn bi nhằm mục đích ngăn chặn các nỗi lo sợ thuộc vị lai! Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào Ngài bị khát thì khi ấy Ngài mới bảo đào giếng nước, mới bảo đào ao nước, mới bảo đao hồ nước [nghĩ rằng]: “Ta sẽ uống nước,5? Thưa Ngài, không đúng. Việc ấy là được chuẩn bị trước. Nhằm mục đích gì? Thưa Ngài, được chuẩn bị nhằm mục đích ngăn chặn các sự khát nước còn chưa đến.

-Tâu Đại vương, phải chăng [bây giờ] có sự khát nước ở vi lai? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, Đại vương quả là quá sáng trí khi Ngài chuẩn bị việc ấy nhằm mục đích ngăn chặn các sự khát nước ở vị lai! Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào Ngài thèm ăn thì khi ấy Ngài mới bảo cày ruộng, mới bảo trồng lúa sāli [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng bữa an,5? Thưa Ngài, không đúng. Việc ấy là được chuẩn bị trước. Nhằm mục đích gì?

Thưa Ngài, được chuân bị nhăm mục đích ngăn chặn các sự thèm ăn ở vị lai. -Tâu Đại vương, phải chăng [bây giờ] có sự thèm ăn ở vị lai? Thưa Ngài, không có. Tâu Đại vương, Đại vương quả là quá sáng trí khi Ngài chuẩn bi việc ấy nhằm mục đích ngăn chặn các sự thèm ăn không hiện hữu ở vị lai! Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 4. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, cõi Phạm thiên cách đây bao xa? Tâu Đại vương, cõi Phạm thiên cách đây xa lắm. Tảng đá kích thước bằng ngôi nhà mái nhọn bi rơi từ nơi ấy, trong khi rơi xuống ngày đêm bốn mươi tám ngàn do-tuần thì bốn tháng mới có thể đen được trái đất. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói như vây: "Cũng giông như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ y như thế, vị Tỳ-khưu có thần thông đã đạt đến năng lực của tâm, biên mất ở Jambudīpa có thê hiện ra ở cõi Phạm thiên." Trẫm không tin lời nói này. Như vậy, VỊ ấy sẽ di chuyển cực kỳ nhanh đến cả nhiều trăm do-tuân? Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, sanh quán của Ngài ở đâu? Thưa Ngài, có hòn đảo tên là Alasandâ. Trẫm sanh ra tại nơi ấy.

-Tâu Đại vương, Alasandã cách đây bao xa? Thưa Ngài, khoảng cách hai trăm do-tuần. Tâu Đại vương, phải chăng Ngài biết rõ là Ngài đã làm một việc càn làm nào

đó ở tại nơi ấy và Ngài vẫn còn nhớ? -Thưa Ngài, đúng vậy. Trẫm nhớ. Tâu Đại vương, quả là Ngài đã di chuyển khoảng cách hai trăm do-tuần một cách nhẹ nhàng.

Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

5. Đức Vua đã nói rằng:

Thưa Ngài Nā^asena, ngirời từ trần ờ đây rồi sanh vào cõi Phạm thiên, và người từ trân ờ đây roi sanh vào xứ Kasmĩra, ai là lâu hơn, ai là mau hơn?

-Tâu Đại vương, bằng nhau.

Xin Ngài cho ví dụ.

-Tâu Đại vương, thành phố quê hương của Ngài ở đâu?

-Thưa Ngài, có ngôi làng tên là Kalasi. Trẫm sanh ra tại nơi ấy.

-Tâu Đại vương, ngôi làng Kalasi cách đây bao xa?

Thưa Ngài, khoảng cách hai trăm do-tuân.

-Tâu Đại vương, Kasmĩra cách đây bao xa?

Thưa Ngài, mười hai do-tuần.

-Tâu Đại vương, Đại vương hãy nghĩ đến ngôi làng Kalasi đi?

- Thưa Ngài, đã nghĩ đến rồi.

-Tâu Đại vương, Đại vương hãy nghĩ đến Kasmĩra đi?

Thưa Ngài, đã nghĩ đến rồi.

-Tâu Đại vương, cái nào đã được suy nghĩ lâu, cái nào mau hơn? -Thưa Ngài, bằng nhau. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người từ trân ở đây roi sanh vào cõi Phạm thiên, và người từ trân ở đây rồi sanh vào xứ Kasmĩra, họ sanh lên đều bằng nhau. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ vê điêu này? Hai con chim bay ở không trung, một con trong số đó đậu xuông ở cây cao, một con đậu ở cây thấp. Khi chúng đồng thời đáp xuống, bóng của con nào thành lập ở mặt đất trước, bóng của con nào thành lập ở mặt đát lâu hơn? Thưa Ngài, bằng nhau. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người từ trần ở đây rồi sanh vào cõi Phạm thiên, và người từ trân ở đây rồi sanh vào xứ Kasmĩra, họ sanh lên đều bang nhau. -Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 6. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có bao nhiêu giác chỉ [chỉ phần đưa đến giác ngộ]? -Tâu Đại vương, có bảy giác chi. Thưa Ngài, được giác ngộ bằng bao nhiêu giác chi?

-Tâu Đại vương, được giác ngộ bằng một giác chi là bằng trạch pháp giác chi. Thưa Ngài, vậy thì tại sao lại được nói là "by giác chi"? Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Cây gươm đã được tra vào vỏ, không được nắm bằng tay, có thể cắt được vật cần phải cắt? - Thưa Ngài, không thể. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thiếu đi trạch pháp giác chi thì không được giác ngộ bằng sáu chi phần [còn lại]. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, phước và tội cái nào nhiều hơn?

-Tâu Đại vương, phước thì nhiêu hơn, tội thì ít. -Vì lý do gì? -Tâu Đại vương, trong khi làm tội thì có sự ân hận răng: "Nghiệp ác được ta làm", do đó ác không tăng trưởng. Tâu Đại vương, trong khi làm phước thì không có sự ân hận. Đối với người không có sự ân hận, hân hoan sanh khởi; đối với người được hân hoan, hỷ sanh khởi; đối với người có tâm hỷ, thân khinh an; thân được khinh an thì cảm giác sự an lạc; có sự an lạc, tâm được định tĩnh; đã được định tĩnh thì nhận biết đúng theo thực thể. Vì lý do ấy, phước tăng trưởng. Tâu Đại vương, người có chân tay bị chặt đứt sau khi dang len đức Thế Tôn một bó hoa sen thì sẽ không rơi vào đọa xứ chín mươi mốt kiếp. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này mà tôi nói rằng: 'Thước thì nhiều hơn, tội thi ít." Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 8. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, người làm nghiệp ác mà biết và người làm nghiệp ác mà không biết, người nào có tội nhiêu hơn? Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, người nào làm nghiệp ác mà không biết, người ấy có tội nhiều hơn. Thưa Ngài Nâgasena, chính vì điêu ây hoàng tử nào hoặc quan đại thân nào của chúng tôi làm nghiệp ác mà không biêt, có phải chúng tôi phạt người ấy gấp đôi? -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Một người câm lây cục sắt được nung nóng, đốt nóng, cháy rực, có ngọn lửa mà không biết, một người cầm lấy mà biết, người nào bị phỏng với mức độ trầm trọng hơn? Thưa Ngài, người nào câm lây mà không biêt, người ây bi phỏng với mức độ trâm trọng hơn. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người nào làm nghiệp ác mà không biết, người ấy có tội nhiều hơn.

Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, có người nào có thể đi đến xứ uttarakurū, hoặc cõi Phạm thiên, hoặc hòn đảo khác bằng cách phân thân này không? -Tâu Đại vương, có người có thể đi đến xứ Uttarakurū, hoặc cõi Phạm thiên, hoặc hòn đảo khác bằng thân tứ đại này. Thưa Ngài Nâgasena, làm thê nào có thê đi đên xứ Uttarakurū, hoặc cõi Phạm thiên, hoặc hòn đảo khác bằng thân tứ đại này? -Tâu Đại vương, chắc Ngài biết rõ là đã nhảy lên khỏi trái đất này một gang tay hoặc một ratancíỉ6 -Thưa Ngài, trẫm biết rõ. Thưa Ngài Nâgasena, trẫm nhảy lên đến tám ratana. -Tâu Đại vương, làm thế nào Ngài nhảy lên đến tám ratanciì Thưa Ngài, chính vì trẫm lập tâm rằng: "Ta sẽ rơi xuống ở chỗ nay?9 Với sự lập tâm ấy, thân thể của trẫm trở thành nhẹ. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi Tỳ-khưu có thân thông đã đạt đên năng lực của tâm, sau khi đặt thân vào tâm rồi di chuyển ở không trung bằng năng lực của tâm. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 10. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, Ngài nói như vầy: "C6 những khúc xương dài một trăm dotuần." Cho đến ngay cả cây cối còn không cao một trăm do-tuần, do đâu mà sẽ có được những khúc xương dài một trăm do-tuần? Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Có phải Ngài đã được nghe là ở đại dương có loài cá dài năm trăm do-tuần? Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được nghe. -Tâu Đại vương, không phải những khúc xương của con cá dài năm trăm do-tuần sẽ là có chiều dài năm trăm do-tuần? Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 11. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, Ngài nói như vầy: "C6 thể ngưng các hơi thở ra hơi thở vào?55 Tâu Đại vương, đúng vậy. Có thể ngưng các hơi thở ra hơi thở vào. Thưa Ngài

Nâgasena, làm thế nào có thể ngtmg các hơi thở ra hơi thở vào? Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Đại vương đã được nghe trước đây người nào đang ngáy không?

6 Ratana = 0.25m, đơn vi đo chiều dài. (ND)

Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được nghe trước đây. -Tâu Đại vương, phải chăng âm thanh ây có thê ngưng lại khi cơ thê được khom vào? Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể ngưng lại. Tâu Đại vương, bởi vì âm thanh ấy có thể ngùng lại khi cơ thể được khom vào là đoi với người có thân chưa được tu tập, có giới chưa được tu tập, có định chưa được tu tập, có tuệ chưa được tu tập. Trái lại, đối với người có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có định đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập, đã chứng đạt tứ thiên, phải chăng hơi thở ra hơi thở vào của người này sẽ không được ngưng lại? Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 12. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, điều được gọi ỉa ÍẾbiển, biển". Vì lý do gì nước được gọi là "bi2n" Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, nước chừng nào thì muôi chừng ây5 muôi chừng nào thì nước chừng ấy; vì thế được gọi là "biển". Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 13. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, vì lý do gì mà biển có một vi là vi của muối? Tâu Đại vương, điều đã được tồn tại từ lâu là đối với nước thì biển có một vị là vị của muối. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 14. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có thể cắt vật hoàn toàn vi tế không? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Có thể cắt vật hoàn toàn vi tế. Thưa Ngài, vậy cái gì là hoàn toàn vi tế? Tâu Đại vương, pháp là hoàn toàn vi tế. Tâu Đại vương, không phải tất cả các pháp đều là vi te. Tâu Đại vương, "vi hay "thô cứng", điều này là sự diễn tả đối với các pháp. Bất cứ vật gì có thể cắt được thì cat toàn thể vật ấy bằng tuệ. Không có việc cắt bằng tuệ lần thứ nhì. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 15. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, "thức" hay "tue" hay umạng sổng ờ chúng sanh", các pháp này khác về nội dung khác về hình thức, hay là có chung nội dung chỉ khác về hình thức tên gọi? -Tâu Đại vương, thức có sự nhận thức là tướng trạng, tuệ có sự biết rõ là tướng trạng, mạng song ở chúng sanh là không có.

Nếu mạng sống không có, vậy thì ai nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, nghe âm thanh bằng tai, ngửi hương bằng mũi, nếm vi bằng lưỡi, chạm cảnh xúc băng thân, nhận thức cảnh pháp băng ý? Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Nếu mạng sống nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, nghe âm thanh bằng tai, ngửi hương bằng mũi, nếm vi bằng lưỡi, chạm cảnh xúc bằng thân, nhận thức cảnh pháp bằng ý; phải chăng mạng sống ấy, khi các mắt bi hoại, vẫn có thể nhìn thấy cảnh sắc rõ hơn ở bên ngoài trước mặt qua bầu không gian lớn hơn? Có phải khi các tai bi hoại, khi mũi bị hoại, khi lưỡi bị hoại, khi thân bị hoại, vân có thê nghe âm thanh, có thê ngửi mùi, có thê nêm vị, có thê chạm cảnh xúc rõ hơn qua bầu không gian lớn hơn? Thưa Ngài, không phải. Tâu Đại vương, chính vì điêu ây mạng sông ở chúng sanh là không có. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 16.

Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, có phải hành động khó khăn đã được đức Thế Tôn thực hiện? Thưa Ngài, hành động khó khăn đã được đức Thế Tôn thực hiện là gì? -Tâu Đại vương, hành động khó khăn đã được đức Thế Tôn thực hiện là việc xác đinh đoi với các pháp không có hình tướng là tâm và sở hữu tâm đang diễn tiến ở một đối tượng đã được nói ra: "Bây là xúc, đây là thọ, đây là tưởng, đây là tư, đây là tâm.' Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người nào đó đi vào biển cả bằng thuyền, lấy nước pằng bụm tay, rồi nếm bằng lưỡi. Tâu Đại vương, phải chăng người ấy có thê biêt được răng: C6Đây là nước của sông Gañgā, đây là nước của sông Yāmunā, đây là nước của sông Aciravatī, đây là nước của sông Sarabhũ, đây là nước của sông Mahī5? Thưa Ngài, là việc khó khăn để biết được. Tâu Đại vương, việc đã được đức Thế Tôn thực hiện còn khó hơn việc đó nữa là việc xác định các pháp không có hình tướng là tâm và sở hữu tâm đang diễn tiến ở một đối tượng đã được nói ra: "Dây là xúc, đây là thọ, đây là tưởng, đây là tư, đây là tâm.' Đức Vua đã vô cùng hoan hỷ: Thưa Ngài, thật quý hóa thay! Phẩm Xác định các pháp vô sắc là thứ bảy. (Trong phàm này có mười sáu câu hỏi)

VIỆC HỎIVÀ TRẢ LỜI CÁC CÂUHỎICỦAMILINDA (MILINDAPAÑHAPUCCHĀVISAJJANĀ)

Vị Trưởng lão đã nói rằng: Tâu Đại vương, Đại vương có biết bây giờ là giờ nào không?

Thưa Ngài, đúng vậy. Trâm biêt. Lúc này canh một đã qua. Đang là canh giữa. Các ngọn đuốc được thắp sáng. Bốn ngọn cờ đã được truyền lệnh [kéo lên]. Các vật dụng của hoàng gia từ nhà kho sẽ đen. Những người Yonaka đã nói như vây: "Tâu Đại vương, Đại vương thì khôn ngoan, còn vị Tỳ-khưu là sáng trí.^, uNày các khanh, đúng vậy. Vi Trưởng lão là bậc sáng trí. Người như vây có thể là thầy dạy học, và người học trò như trẫm không bao lâu nữa có thể trở thành bậc sáng trí, có thể hiểu được giáo pháp." Được hoan hỷ với lời giải thích các câu hỏi của vi ây5 đức Vua đã choàng lên vị Trưởng lão Nâgasena tấm mền len trị giá một trăm ngàn rồi nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, kể từ hôm nay, trẫm sẽ cho chuẩn bi một trăm lẻ tam phần ăn dâng Ngài. Và bất cứ vật gì đúng phép có ở nội thành, trẫm thỉnh cầu Ngài về vật áy. Tâu Đại vương, tôi vừa đủ sông. Thưa Ngài Nâgasena, trẫm biết Ngài [vừa đủ] sống. Tuy nhiên, xin Ngài hãy bảo vệ bản thân và xin Ngài hãy bảo vệ trẫm. Ngài hãy bảo vệ bản thân nghĩa là thế nào? Lời phát biểu của những người khác có thể xảy đến là: "Nâgasena đã tạo niềm tin cho đức Vua Milinda, nhưng đã không nhận được vật gi"; Ngài hãy bảo vệ bản thân nghĩa là như vậy. Ngai hãy bảo vệ trẫm nghĩa là thế nào? Lời phát biểu của những người khác có thể xảy đến là: “Bức Vua Milinda đã được tịnh tín mà không bày tỏ biểu hiện đã được tịnh tín”; Ngài hãy bảo vệ trẫm nghĩa là như vậy. -Tâu Đại vương, hãy là như vậy. Thưa Ngài, cũng giống như con sư tử, chúa của loài thú, bị ném vào trong cái chuồng bằng vàng, nhưng khuôn mặt chỉ hướng ra ngoài, thưa Ngài, tương tợ y như thế, trẫm dầu sống ở gian nhà nào đó, tuy vẫn tồn tại nhưng khuôn mặt chỉ hướng ra ngoài. Thưa Ngài, nêu trẫm có thê rời nhà xuất gia sống không nhà, trẫm không thể sống thọ vì trẫm có nhiều kẻ thù. Khi ấy, Đại đức Nâgasena, sau khi trả lời câu hỏi của đức Vua Milinda, đã

từ chỗ ngồi đứng dậy đi về tu viện của hội chúng. Và khi Đại đức Nãgasena ra đi không bao lâu, đức Vua Milinda đã khởi ý điều này: "Biều gì đã được ta hỏi, điều gì đã được Ngài Đại đức trả 1?" Khi ấy đức Vua Milinda đã khởi ý điều nàỵ: "Tất cả đã được ta hỏi đúng đắn, tất cả đã được Ngài Đại đức trả lời đúnệ dan?9 Khi đi về lại tu viện của hội chúng, Đại đức Nãgasena cũng đã khởi ý điêu này: "Điều gì đã được đức Vua Milinda hỏi, điều gì đã được ta trả l&i?" Khi ấy Đại đứcNâgasena đã khởi ý điều này: "Tất cả đã được đức Vua Milinda hỏi đúng đắn, tất cả đã được ta trả lời đúng đắn." Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Đại đức Nâgasena vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến chỗ ngụ của đức Vua Milinda, sau khi đến đã ngồi xuống chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức Vua Milinda đã đảnh lễ Đại đức Nâgasena rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nãgasena điều này: Mong răng Ngài Đại đức chớ khởi ý như vây: "Chính vì Nâgasena đã được ta hỏi câu hỏi rồi do tâm hoan hỷ đã không ngủ trọn đêm qua." Xin Ngài đừng nhận thấy như vậy. Thưa Ngài, trọn đêm qua trẫm đây đã khởi ý điều này: "Biều gì đã được ta hỏi, điều gì đã được Ngài Đại đức trả lai?55 Tất cả đã được ta hỏi đúng đắn, tất cả đã được Ngài Đại đức trả lời đúng đắn. Vi Trưởng lão cũng đã nói như vầy: Mong răng Đại vươnệ chớ khởi ý như vây: "Chính vì đức Vua Milinda đã được ta trả lời câu hỏi, roi do tâm hoan hỷ đã thức trọn đêm qua." Xin Đại vương đừng nhận thấy như vậy. Tâu Đại vương, trọn đêm qua tôi đây đã khởi ý điều này: "Điều gì đã được đức Vua Milinda hỏi, điều gì đã được ta trả lai?99 Tất cả đã được đức Vua Milinda hỏi đúng đắn, tất cả đã được ta trả lời đúng đắn. Như thê, hai bậc đại long tượng ây đã cùng tùy hỷ vê việc đã khéo ăn nói với nhau. 6íViệc hỏi và trả lòi các câu hỏi của Milinda" được đầy đủ.

PHÀN MỞĐẦU CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỌI {MENDAKAPAÑHĀRAMBHO)

"Là người hiểu biết về tranh luận, biết cách biện luận, rất thông minh, sắc sảo, Milinda đã đên gặp Nãgasena nhăm phăn tích vê trí tuệ. Trong khi sống dưới bóng che của vi ấy, trong khỉ hỏi đi hỏi lại, sau khi trí thông minh đã được mở ra, đức Vua cũng đã trở thành vi thông hiêu Tam tạng. Sau khi đã đi đến nơi thanh vắng, trong khỉ suy gẫm về chín thể loại trọn đêm, đức Vua đã nhận thây những câu hỏi khó tháo gỡ, có sự bát bẻ. Trong giáo pháp của đấng Pháp Vương, có lời nói có tính giảng giải, có lời nói về sự liên hệf có lời nói về bản chất Do không hiểu đượcỵ nghĩa của chúng, về những vấn đề đối chọi trong lời dạy của đãng Chiên Thăng vào thời vi lai xa xôi, sẽ có sự tranh cãi vê chứng, Vậy thì sau khỉ đã có niêm tin vào vi thuyêt giảng, ta sẽ khiên cho các vân đề đổi chọi được chia chẻ. Trong ngày vỉ lai, người ta sẽ giải thích theo đường lôi đã được giải thích của vỉ ây." 1. Sau đó, lúc đêm đã tỏ bình minh đã rạng, đức Vua Milinda đã gội đầu, chắp tay lên ở trán, tưởng niệm đến chư Phật Toàn Giác quá khứ vị lai và hiện tại, đã thọ trì tám phận sự hành trì rằng: "Từ hôm nay cho đến bảy ngày sắp tới của trẫm, trẫm sẽ thọ trì tám đức tính, sẽ thực hành pháp đạo sĩ. Trong khi có pháp đạo sĩ đã được hoàn thành, trẫm đây sẽ làm cho vi thầy dạy học được hài lòng va sẽ hỏi các câu hỏi có tírùi chất đoi chọi?5 Sau đó, đức Vua Milinda đã bỏ đi cặp vải thường nhật, đã cởi ra các đồ trang sức, rồi mặc vào tấm vải ca-sa, buộc búi tóc của người tu ở trên dầu,

đạt đến trạng thái của vi hiền sĩ, và thọ trì tám đức hạnh là: "Bảy ngày này, trẫm không chỉ bảo công việc triều chính; không sanh khởi tâm liên hệ đen ái luyến; không sanh khởi tâm liên hệ với sân hận; không sanh khởi tâm liên hệ đên si mê; có lối cư xử nhã nhặn với kẻ nô bộc, người làm, người hầu hạ; hộ trì thân khẩu; hộ trì toàn diện luôn cả sáu xứ; hướng tâm vào việc tu tập từ ái." Rồi đức Vua đã thọ trì tám đức hạnh này, đã thiết lập tâm ý vào chính tám đức hạnh ấy, đã không đi ra bên ngoài và đã trải qua bảy ngày. Vào ngày thứ tám, khi đêm đã tỏ rạng, sau khi dùng điểm tâm rất sớm, đức Vua Milinda, với mắt nhìn xuống, với lời nói cân nhắc, với bốn oai nghi khéo được ổn đinh, với tâm không tán loạn, mừng rỡ, phấn chấn, tịnh tín, đã đi đến gặp Trưởng lão Nãgasena, sau khi đê đầu đảnh lễ hai bàn chân của vi Trưởng lão rồi đứng ở một bên và nói điều này:

Thưa Ngài Nãgasena, trẫm có vấn đề cần thảo luận với Ngài, không muốn có người thứ ba nào khác ở nơi ấy, là ở chỗ trống vắng, ở khu rừng tách biệt đạt được tám điều kiện thích hợp cho các vị Sa-môn5 tại đó câu hỏi ấy sẽ được hỏi, tại đó trâm sẽ không giữ bí mật, sẽ không giâu gièm, tram xửng đáng đê nghe điều được giấu kín khi sự thảo luận tốt đẹp đã đạt đến. vấn đề ấy nên được xem xét thậm chí bằng ví dụ. Giống như là điều gì? Thưa Ngài Nãgasena, giống như trái đất vĩ đại là xứng đáng cho việc cất giấu khi việc cất giấu xảy đến, thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, trẫm xứng đáng để nghe điều được giấu kín khi sự thao luận tốt đẹp đa đạt đến. 2. Sau đó, đức Vua đã đi vào khu rừng rậm tách biệt cùng với vị thầy và nói điều này: Thưa Ngài Nãgasena, ở đây người có ý đinh thảo luận có tám noi cần xa lánh. Người có sự hiểu biết không thảo luận ở những nơi ấy. vấn đề dầu đã được thảo luận sẽ bi đo vỡ, không thành tựu. Là tám nơi nào? Nơi không bằng phẳng nên được xa lánh, có sự lo sợ nên được xa lánh, nơi có gió mạnh nên được xa lánh, nơi được che kín nên được xa lánh, nơi của chư thiên nên được xa lánh, đường lộ nên được xa lánh, chỗ qua lại nên được xa lánh, bến nước nên được xa lánh. Tám nơi này nên được xa lánh. 3. Vị Trưởng lão đã nói rằng: Có điều sai trái gì ở nơi không bằng phẳng, có sự lo sợ, có gió mạnh, được che kín, ở nơi của chư thiên, ở đường lộ, ở chỗ qua lại, ở bến nước? Thưa Ngài Nãgasena, vấn đề được thảo luận ở nơi không bằng phẳng sẽ tản mạn, tiêu tan, nhỏ giọt, không thành tựu. ở nơi có sự lo sợ thì tâm ý bị khuấy động. Khi bị khuấy động thì không theo dõi vấn đề một cách đúng đắn. ở nơi có gió mạnh thì âm thanh không rõ. ở nơi được che kín thì nhiều người đứng nghe lén. ở nơi của chư thiên thì vấn đề được thảo luận trở thành nghiêm trọng. ở đường lộ thì vấn đề được thảo luận trở thành vô bổ. ở chỗ qua lại thì trở nên thất thường. ở bến nước thì trở nên lộ liễu. Vậy ở đây là: Nơi không bang phang, có sự lo sợ, có gió mạnh, được che kín, được chư thiên ngự, đường lộ, chỗ qua lại, ben nước, tám nơi này nên được xa lảnh. 4. Thưa Ngài Nãgasena, có tám hạng người này, trong khỉ thảo luận, họ làm hỏng vấn đề được thảo luận. Là tám hạng nào? Hạng có tánh ái luyến, hạng có tánh sân, hạng có tánh si, hạng có tánh ngã mạn, hạng tham lam, hạng lười biếng, hạng suy nghĩ một chiều, hạng ngu dốt. Tám hạng người này làm hỏng vấn đề được thảo luận.

5. Vị Trưởng lão đã nói rằng: Những người ấy có sự sai trái gì? Thưa Ngài Nâgasena, hạng có tánh ái luyến làm hỏng vấn đề được thảo luận do tác động của sự ái luyến. Hạng có tánh sân làm hỏng vấn đề được thảo luận do tác động của sân. Hạng có tánh si làm hỏnệ vấn đề được thảo luận do tác động của si. Hạng có tánh ngã mạn làm hỏng van đề được thảo luận do tác động của ngã mạn. Hạng tham lam làm hỏnậ vấn đề được thảo luận do tác động của tham. Hạng lười biêng làm hỏng vấn đề được thảo luận do sự lười biếng. Hạng suy nghĩ một chiều làm hỏng vấn đề được thảo luận do sự suy nghĩ một chiều. Hạng ngu dốt làm hỏng vấn đề được thảo luận do sự ngu dốt. Vậy ở đây là: Hạng bị ái luyến, sân hận, si mê, ngã mạn, tham lam, lười biếng là íươnẸ tợ, có suy nghĩ một chiều và ngu dốt, Các hạng người này làm hư hỏng van đe. 6. - Thưa Ngài Nâgasena, chín hạng người này bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận. Là chín hạng nào? Hạng có tánh ái luyến, hạng có tánh sân, hạng có tánh si, hạng hèn nhát, hạng nặng ve vật chất, phụ nữ, hạng nghiện ngập, hạng vô căn, trẻ con. Vi Trưởng lão đã nói rằng: Những người ấy có sự sai trái gì? Thưa Ngài Nãgasena, hạng có tánh ái luyên bộc lộ? không gìn giữ điêu bí mật đã được thảo luận do tác động của sự ái luyến. Hạng sân hận bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của sân. Hạng si mê bộc 10, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của si. Hạng hèn nhát bộc lộ? không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của sự sợ hãi. Hạng nặng về vật chất bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận vì lý do vật chát. Phụ nữ bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh hay thay đoi. Hạng nghiện ngập bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh thèm rượu. Hạng vô căn bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh không kiên quyết. Trẻ con bộc lộ, không gìn giữ điêu bí mật đã được thảo luận do tánh lao chao. Vậy ở đây là: Hạng bỉ ái ỉuyên, sân hân, si mê, hèn nhát, xem trọng vật chát, phụ nữ, kẻ nghiện ngập, vô căn và thứ chỉn là trẻ con.

Chín hạng người này ở trên đời là hay thay đổi, bị dao động, chao đảo, vì những người này điêu bỉ mật đã được thảo luận mau chóng trở thành phô biến. 8.1 — Thưa Ngài Nâgasena, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi do tám lý do. Do tám lý do gì? Do sự tiên triên của tuôi tác, tánh giác tiên triên đi đên chín muôi. Do sự tiên triên của danh tiêng, tánh giác tiên triên đi đên chín muôi. Do học hỏi, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi. Do sự sống gần gũi với vị lãnh đạo tinh thần, tánh giác tiến triển đi đến chín muôi. Do sự chú tâm đúng đắn, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi. Do sự bàn luận, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi. Do sự phục vụ với lòng thương, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi. Do sống ở xứ sở thích hợp, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi. Vậy ở đây là: Do tuôi tác, danh tiêng, học hỏi, do sông với vi lãnh đạo tinh thân, [chú tâm] đúng đan, do bàn luận, do sự phục vụ với lòng thương và do song ở xứ sở thích hợp. Tám sự việc này làm cho tánh giác được rô ràng. Những người nào có các điêu này được hiện hữu thì tánh giác của họ được đánh thức. 9. Thưa Ngài Nãgasena, phần lãnh thổ này được xa lánh tám điều sai trái đối với các nhà tư tưởng. Và trẫm ở

thế gian là người bạn tối thắng của các nhà tư tưởng, trẫm có sự gìn giữ điều được bí mật. Trẫm sẽ gìn giữ điều được bí mat cho đến khi nào trẫm còn sông. Và tánh giác của trẫm đã đạt đến sự tiến triển nhờ vào tám lý do. Hiện nay người học trò thực hành đúng đắn như trẫm là khó kiếm được. Các vị thầy có hai mươi lăm đức tính của vị thầy đối với người học trò. Vị thầy nên thực hành đúng đắn các đức tính ấy. Là hai mươi lăm đức tính nào? Thưa Ngài, ở đây đối với người học trò, vị thầy nên thiết lập sự hộ trì một cách thường xuyên liên tục; Nên biết sự thân cận hay không thân cận; Nên biết tình trạng xao lãng hay không xao lãng; Nên biết về trường hợp cho phép nằm; Nên biết về sự bệnh hoạn; Nên biết vật thực đã được nhận hay chưa được nhận; Nên biết về cá tánh; Nên phân phát vật đã có ở bình bát; Nên an ủi rằng: "Chớ lo sợ? điều tốt lành sẽ đến cho con”

l Nguyên bản Pali đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 7. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

Nên biết về sự tiếp xúc: “N6 tiếp xúc với nhân vật nay99; Nên biết về sự tiếp xúc ở trong làng; Nên biêt vê sự tiêp xúc ở trong chô cư ngụ; Không nên cười đùa giỡn hớt với người ấy; Sau khi nhìn thấy yếu điểm nên nhẫn nại; Nên là người có hành động thận trọng; Nên là người có hành động không nhỏ mọn; Nên là người có hành động không khuất lấp; Nên là người có hành động không thừa thãi; Nên thiết lập tâm của người đào tạo rằng: "Ta đào tạo người này về các ngành nghề” Nên thiết lập tâm về sự tiến triển: 6íLàm thế nào để người này không thể bị suy giảm?" Nên thiết lập tâm: "Ta đào tạo người này trở nên mạnh mẽ với sự mạnh mẽ của việc học tap” Nên thiết lập tâm từ; Không nên bỏ rơi trong các trường hợp bất hạnh; Không nên xao lãng việc cần làm; Nên sách tấn bằng pháp khi [học trò] bị lỗi lầm. Thưa Ngài, đây là hai mươi lăm đức tính của vị thây được dành cho vị thây. Xin Ngài hãy thực hành đúng đắn đối với trẫm bằng các đức tính này. Thưa Ngài, có điều hoài nghi đã sanh khởi đến trẫm: Có những câu hỏi đối chọi đã được thuyết giảng bởi đấng Chiến Thắng. Vào thời vi lai xa xôi, sẽ nảy sanh sự tranh cãi về chúng, và vào thời vị lai xa xôi, các bậc Giác ngộ như Ngài sẽ khó đạt được. Xin Ngài hãy cho ý kiến về những câu hỏi ấy của trẫm vì sự bắt bẻ của các học thuyêt khác. Vị Trưởng lão đã chấp thuận rằng: "Tốt lắm", rồi đã làm sáng tỏ về mười đức tính cư sĩ dành cho người cư sĩ. Tâu Đại vương, mười đức tính cư sĩ này là dành cho người cư sĩ. Là mười đức tính gì? Tâu Đại vương, ở đây người cư sĩ cùng vui cùng khổ với hội chúng; Có pháp là chủ; Yêu thích việc san sẻ tùy theo khả năng; Sau khi nhìn thấy sự suy đồi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng thì nỗ lực cho sự phát triển; Là người có chánh kiến, xa rời lễ hội náo nhiệt, không tuyên bố theo giáo chủ khác thậm chí vì nguyên nhân mạng sống; Thân và khẩu của người này đươc gìn giữ;

__ 9 r r CÓ sự vui thích trong sự hợp nhát, ưa thích sự hợp nhát, là người không ganh tỵ, và không thực hành giáo pháp theo cách dối trá; Đã đi đến nương nhờ vào đức Phật; Đã đi đến nương nhờ vào giáo pháp; Đã đi đến nương nhờ vào hội chúng; Tâu Đại vương, mười đức tính cư sĩ này là dành cho người cư sĩ. Tất cả mười đức tính ấy được

tìm thấy ở Đại vương. Điều ấy được gắn bó, được đạt đến, là thích dáng, là phù hợp đôi với Đại vương, là việc sau khi nhìn thấy sự suy đồi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng thì Đại vương mong muốn sự phát triển. Tôi cho phép Đại vương. Đại vương hãy hỏi tôi một cách thoải mái. Dứt Lời giảng về phần mở đầu các câu hỏi đối chọi.

CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỌI (MENDAKAB4ÑHĀ) .

I. PHẨM NĂNG Lực CỦA THẦN THÔNG (IDDHIBALAVAGGO)

L CÂU HỎI VỀ VIỆC KHÔNG THỌ NHẬN CÚNG DƯỜNG (Pūjā-appatiggahanapañho) 1. Khi ấy, đức Vua Milinda, với sự đã được cho phép, đã cúi xuống ở hai bàn chân của vị thầy, rồi đã chăp tay lên ở đầu và nói điều này: Thưa Ngài Nâgasena, các giáo chủ tà giáo này nói như vầy: “nSu đức Phật ưng thuận sự cúng dường thì đức Phật chưa đạt Niết-bàn, còn bi gắn bó với đời, còn ở trong dời, còn chung chạ với dòi. Vì thế, hành động hướng thượng được làm đên Ngài là vô ích, không có quả báo. Nếu đã đạt Niết-bàn thì Ngài không còn gắn bó với đời, đã tách rời khỏi tất cả các hữu, sự cúng dường đến Ngài không phát sanh nữa. Người đã đạt Niết-bàn, không ưng thuận điều gì. Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo.” Câu hỏi này có cả hai khía cạnh. Lãnh vực này không dành cho những kẻ có tâm trí chưa đạt, lãnh vực này chỉ dành cho những bậc vĩ đại. Xin Ngài hãy phá vỡ mạng lưới tà kiến này. Xin Ngài hãy xác định về điều chắc thật. Câu hỏi này được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy ban cho sự nhận thức đến những ngirời con của đấng Chiến Thắng trong ngày vi lai để phản bác lại các học thuyêt khác. Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã đạt Niết-bàn? và đức Thế Tôn không ưng thuận sự cúng dường. Ngay tại cội cây Bồ-đề, sự img thuận của đức Như Lai đã được dứt bỏ, vậy thì còn điều gì nữa đối với vi đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót? Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được vi trưởng lão Tướng quân Chánh pháp Sāriputta nói đến: Các bậc tương đương với đấng Vô Song, trong khi được cúnệ dường bởi chư thiên và nhân loại, các vi ây không ưng thuận sự tôn vinh; điêu ấy là lẽ tự nhiên của chư Phật. 2. Đức Vua đã nói răng: Thưa Ngài Nãgasena, con nói lời ca ngợi cha, cha nói lời khen ngợi con, điều này không phải là lý do để phản bác lại các học thuyết khác. Điều này gọi

là lời tuyên bố về niềm tin. Vậy xin Ngài hãy nói rõ ràng cho trẫm lý do về trường hợp ấy nhằm thiết lập học thuyết của mình và nhằm việc tháo tung mạng lưới ta kiên. Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã đạt Niết-bàn, và đức Thế Tôn không ưng thuận sự cúng dường. Chư thiên và nhân loại, trong khi thực hiện nền đất cho báu vật Xá-lợi của đức Như Lai dẫu cho Ngài không ung thuận và trong khi đeo đuổi pháp hành đúng đắn với đề mục là báu vật trí tuệ của đức Như Lai, vẫn đạt được ba sự thành tựu.1 Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn bốc cháy rồi tắt ngấm, tâu Đại vương phải chăng khối lửa ấy cũng ưng thuận việc bám víu vào co va củi? Thưa Ngài, ngay cả trong khi đang cháy, khôi lửa lớn ây cũng không ung thuận việc bám víu vào cỏ và củi, vậy thì việc gì lại ưng thuận khi đã tắt ngấm, được yên lặng, không còn tâm

thức? Tâu Đại vương, phải chăng khi khối lửa lớn ấy đã ngừng nghỉ, được yên lặng, thì không còn ngọn lửa ở thế gian? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, củi là nền tảng, là sự bám víu của ngọn lửa. Thưa Ngài, bất cứ những người nào có ước muốn về lửa, những người ấy xoay tròn nhánh củi bằng thê lực, sức mạnh và sự nỗ lực của bản thân; do việc làm của mỗi cá nhân thì làm phát sanh ngọn lửa, rồi với ngọn lửa ấy làm các công việc được làm bởi ngọn lửa. -Tâu Đại vương, chính vì điêu ây? lời nói của các giáo chủ tà giáo: "Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo^ là sai trái. Tâu Đại vương, giông như khối lửa lớn đã bốc cháy, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn đã bốc cháy với vẻ rực rỡ của vị Phát trong mười ngàn the giới. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn bốc cháy rồi tắt ngam, tương tợ y như thế, đức Thê Tôn sau khi bốc cháy với vẻ rực rỡ của vị Phật trong mười ngàn thế giới rồi đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn đã tắt ngấm thì không còn img thuận việc bám víu vào cỏ và củi, tương tợ y như thế, sự ưng thuận của đấng Phúc Lợi Thế Gian r là đã ỉ được * bỏ, được yên lặng.• Tâu Đại dứt: y giống r Jvương, A như khi khối 9

lửa đã tát ngâm, không còn bám víu, những người xoay tròn nhánh củi băng thê lực, sức mạnh và sự nỗ lực của bản thân; do việc làm của mỗi cá nhân thì làm phát sanh ngọn lửa, rồi với ngọn lửa ấy làm các công việc được làm bởi ngọn lửa, tương tợ y như thế, chư thiên và nhân loại sau khi thực hiện nền đất cho báu vật Xá-lợi của đức Như Lai dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, và trong khi đeo đuôi pháp hành đúng đan với đề mục là báu vật trí tuệ của đức Như Lai, vẫn đạt được ba sự thành tựu. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn img thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

1 Ba sự thành tựu là thành tựu cõi trời, thành tựu cõi người và thành tựu Niết-bàn. (ND)

MILINDA VẤN ĐẠO e 869

3. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn thổi qua rồi ngừng nghỉ, tâu Đại vương phải chăng cơn gió đã ngừng nghỉ ấy cũng ưng thuận việc sanh lên lần nữa? Thưa Ngài, cơn gió đã ngừng nghỉ hẳn, không có tư tưởng hoặc tác ý cho việc sanh lên lần nữa. Vì lý do gì? Bản chất của gió ấy là không có suy tư. -Tâu Đại vương, phải chăng có việc nhận biết về "cơn gi6" khi cơn gió ấy đã ngừng nghỉ? Thưa Ngài, không có. Cành lá thốt nốt và cây quạt là điều kiện để tạo ra cơn gió. Những người nào bị bực bội bởi sức nóng, bi hành hạ bởi sự đốt nóng, những người ấy bằng thể lực, sức mạnh và sự nỗ lực của bản thân, do việc làm của môi cá nhân thì làm phát sanh lên cơn gió với cành lá thót nót hoặc với cây quạt rồi làm dập tắt sự nóng nực, làm dịu đi sự đốt nóng. Tâu Đại vương, chính vì điều ấy, lời nói của các giáo chủ tà giáo: "Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo" là sai trái. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn đã thổi

qua, tương tợ y như thê, đức Thê Tôn đã thôi đên cơn gió mát mẻ? ngọt ngào, êm diu và từ ái ở mười ngàn thế giới. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn thổi qua rồi ngừng nghỉ, tương tợ y nhu thê, đức Thê Tôn sau khi thôi đên cơn gió mát mẻ9 ngọt ngào, êm dịu và từ ái rồi đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn, không còn dư sót. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn đã ngừng nghỉ thì không còn ưng thuận việc sanh lên lần nữa, tương tợ y như thế, sự ưng thuận của đấng Phúc Lợi Thế Gian là đã được dứt bỏ, được yên lặng. Tâu Đại vương, giống như những người ấy bị bực bội bởi sức nóng, bị hành hạ bởi sự đốt nóng; tương tợ y như thế, chư thiên và nhân loại bi hành hạ bởi sức nóng bởi sự đót nóng của ngọn lửa gôm ba loại [tham, sân, si]. Giông như cành lá thốt nốt và cây quạt là điều kiện để tạo ra cơn gió, tương tợ y như thế, Xá-lợi và báu vật trí tuệ của đức Như Lai là điều kiện cho việc đạt được ba sự thành tựu. Giống như những người bị bực bội bởi sức nóng, bị hành hạ bởi sự đốt nóng thì làm phát sanh lên cơn gió với cành lá thốt nốt hoặc với cây quạt rồi làm tắt ngấm sự nóng nực, làm dịu đi sự đốt nóng; tương tợ y như thế, chư thiên và nhân loại sau khi cúng dường Xá-lợi và báu vật trí tuệ của đức Như Lai dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, sau khi làm phát sanh pháp thiện, với pháp thiện ây làm tát ngâm, làm dịu sự nóng nực và sự đót nóng của ngọn lửa gồm ba loại. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo. 4. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa để phản bác lại các học thuyết khác. Tâu Đại vương, giống như người đàn ông sau khi vỗ vào cái

trông thì tạo ra âm thanh; âm thanh nào của cái trông đã được tạo ra bởi người đàn ông thì âm thanh ấy sẽ biến mất. Tâu Đại vương, phải chăng âm thanh ấy cũng img thuận việc tạo ra lần nữa? Thưa Ngài, không đúng. Am thanh ây đã biên mat, nó không có tư tưởng hoặc tác ý cho việc sanh lên lần nữa. Khi âm thanh của cái trống đã được tạo ra một lân roi biên mát, âm thanh của cái trông ây được châm dứt. Thưa Ngài, tuy nhiên cái trống là điều kiện cho việc tạo ra âm thanh. Và người đàn ông khi có điều kiện vỗ vào cái trống bằng sự nỗ lực của chính mình thì tạo ra âm thanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn, sau khi xác lập báu vật Xá-lọd, cùng với Pháp, Luật, và lời giáo huân đã được phát triên toàn vẹn nhờ vào giới, định, tuệ, giải thoát, trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát chính là bậc Đạo Sư, rồi đã tự mình viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Và không phải khi đức Thế Tôn đã viên tịch Niết-bàn thì việc đạt được các sự thành tựu là bị gián đoạn. Các chúng sanh bị hành hạ bởi khổ đau ở sự hiện hữu, sau khi sử dụng báu vật Xá-lợi, Pháp, Luật và lời giáo huấn làm điều kiện, rồi có ước muốn về sự thành tựu thì đạt được các sự thành tựu. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vươnệ, đức Thế Tôn đã nhìn thấy, đã thuyết giảng, đã nói lên, đã phát biểu về điều ấy cho thời vị lai xa xôi rằng: "'Này Ānanda, nếu các ngươi khởi ỷ như vầy: 'Có lời dạy của đấng Đạo sư trong quá khứ, còn [hiện nay] chủng ta không có bậc Đạo sư. Này Ānanda, điều này khônệ nên được nhận thức như thế. Này Ānanda, Pháp và Luật nào

đã được thuyết giảng, đã được quy định bởi Ta, Pháp và Luật ấy, sau khi Ta tịch diệt, là bậc Đạo sư của các ngươi y về lời nói ấy của các giáo chủ tà giáo ấy rằng: “Bức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là vô ích, không có quả báo" là sai trái, không là sự thật, lìa sự chân thật, không đúng, là mâu thuẫn, là sai lệch, tạo sự khổ đau, có kết quả khổ đau, dẫn đến đĩa ngục. 5. Tâu Đại vương, hây lăng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ây hành động hướng thượng được làm đên đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết- bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, phải chăng đại địa cầu này img thuận rằng: "Tất cả hạt giống hãy mọc lên ở noi ta” Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao các hạt giống ấy, trong khi đại địa cầu không ưng thuận, lại mọc lên, tạo lập chùm rễ vững chãi, có thân cây, lõi cây và cành cây tỏa rộng xung quanh, có mang hoa và quả? Thưa Ngài, mặc dầu không ưng thuận đại địa cầu vẫn là nền tảng và tạo điêu kiện cho sự phát triên của các hạt giông ây. Các hạt giống ấy nương vào nền tảng ấy, nhờ vào điều kiện ấy mọc lên, tạo lập chùm rễ vững chãi, có thân cây, lõi cây và cành cây tỏa rộng xung quanh, có mang hoa và quả.

-Tâu Đại vương, chính vì điêu áy các giáo chủ tà giáo đã bi hư hoại, bị that bại, bi mâu thuẫn ở lời nói của họ nêu họ nói rang: “Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả bao?9 Tâu Đại vương, đại địa câu như thê nào thì đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri như thế áy. Tâu Đại vương, đại địa cầu không ưng thuận bất cư điều gì như thế nào thì đức Như Lai không ưng thuan bất cứ điêu gì như thế ấy. Tâu Đại vương, các hạt giống ấy nương vào trái đất mọc lên, tạo lập chùm rễ vững chãi, có thân cây, lõi cây và cành cây tỏa rộng xung quanh, có mang hoa và quả như thê nào, thì chư thiên và nhân loại nương vào Xá-lợi và báu vật trí tuệ của đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, rồi tạo lập nền tảng vững chãi về pháp thiện, có thân cây là định, lõi cây là pháp và cành cây là giới tỏa rộng xung quanh, có mang hoa là sự giải thoát và quả là bản thể Sa-môn như thế ây. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đên Ngài là không vô ích, có quả báo. 6. - Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, phải chăng các con lạc đà, các con bò, các con lừa, các con dê, các con thú, các con người này ưng thuận sự hiện hữu của các dòng họ giun sán ở trong bụng? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao trong khi chúng không ưng thuận mà các con giun sán ấy lại hiện hữu và vô số con cháu lại đạt được sự phát triển ở trong bụng của chúng? Thưa Ngài, do năng lực của nghiệp ác mà các con giun sán ấy hiện hữu và vô sô con cháu đạt được sự phát triên ở trong bụng của các chúng sanh ấy mặc dầu chúng không ưng thuận. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, do năng lực của Xá-lợi và báu vật trí tuệ, dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai là không vô Ích, có quả báo. 7. - Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành động hướng thượng được làm đên đức

Như Lai, dâu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn9 không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, phải chăng các con người này ưng thuận răng: "Chín mươi tám loại bệnh này hãy sanh len ở thân thể"? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao các loại bệnh ấy lại giáng xuống thân thể của những người không ưng thuận? Thưa Ngài, do ác hạnh đã làm ở thời quá khứ. -Tâu Đại vương, nếu điều bất thiện đã làm ở thời quá khứ có thể được cảm thọ ở đây, tâu Đại vương, chính vì điều ấy nghiệp thiện hoặc bất thiện đã làm

ở thời quá khứ cũng như đã làm ở đây là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo. 8. Tâu Đại vương, hơn nữa Đại vương có được nghe trước đây rằng dạ- xoa tên Nandaka sau khi công kích VỊ Trưởng lão Sāriputta đã bi rơi vào trong trái đất? i -Thưa Ngài, đúng vậy, có được nghe. Điêu ây là rõ rệt ở thê gian. -Tâu Đại vương, phải chăng Trưởng lão Sāriputta đã ưng thuận việc nuốt vào của trái đất đối với dạ-xoa Nandaka? Thưa Ngài, ngay cả khi thế gian có cả chư thiên đang bi vỡ ra, ngay cả khi mặt trăng và mặt trời đang bị rơi xuống ở mặt đất, ngay cả khi núi chúa Sineru đang bị vỡ tung tóe, Trưởng lão Sāriputta cũng không ưng thuận sự khổ đau của người khác. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Do nhân nào mà Trưởng lão Sāriputta có thể nổi giận hoặc sân hận, nhân ấy đối với Trưởng lão Sāriputta đã được nhổ bỏ, đã được trừ tuyệt. Thưa Ngài, do tính chất đã được nhổ bỏ của nhân mà Trưởng lão Sāriputta không thể nào giận dữ dầu có liên quan đến việc bị tước đoạt mạng sống. -Tâu Đại vương, nếu Trưởng lão Sāriputta đã không ưng thuận việc nuốt vào của trái đất đối với dạ-xoa Nandaka, vậy thì tại sao dạ-xoa Nandaka lại rơi vào trong trái đất? Thưa Ngài, do năng lực của nghiệp bất thiện. -Tâu Đại vương, nêu do năng lực của nghiệp bát thiện mà dạ-xoa Nandaka rơi vào trong trái đất thì sự xúc phạm đã làm đến người dầu là không ưng thuận cũng là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, chính vì điều ấy do năng lực của nghiệp thiện, "hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là không vô ích, có quabao.99 Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết- bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo. 9. Tâu Đại vương, vào thời bấy giờ những người đã rơi vào trong trái đất là bao nhiêu? Đại vương có được nghe về trường hợp ấy không? Thưa Ngài, đúng vậy, có được nghe. -Tâu Đại vương, vậy xin Đại vương hãy cho nghe với. Thưa Ngài, là "thiếu nữ Ciñcā, Suppabuddha dòng Sakyā, Trưởng lão Devadatta, dạ-xoa Nandaka và thanh niên Nandā.” Thưa Ngài, điều này trẫm đã được nghe, năm người này đã rơi vào trong trái đất. -Tâu Đại vương, những người ấy đã xúc phạm đến ai? Thưa Ngài, đến đức Thế Tôn và các vi Thinh văn.

-Tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn hay các vị Thinh văn đã ưng thuận việc hút vào của trái đất đối với những người này? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, chính vì điều ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã

viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Thưa Ngài Nâgasena, câu hỏi thâm sâu đã khéo được giảng giải, đã được làm rõ, điều bí mật đã được phơi bày, nút thắt đã được mở ra, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị hư hoại, quan điểm xấu đã bị đo vỡ, các giáo chủ tà giáo đã không còn hào quang phát sanh, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng. uCâu hỏi về việc không thọ nhận cúng dường59 là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ BẢN THẺ TOÀN TRI CỦA ĐỨC THẾ TÔN (Bhagavato sabbaññutāpañho) ỉ. - Thưa Ngài Nãgasena, có phải đức Phật là đấng Toàn Tri? - Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn là đấng Toàn Tri. Tuy nhiên đối với đức Thế Tôn, sự biết và thấy không hiện diện một cách thường xuyên, liên tục. Trí toàn tri của đức Thê Tôn găn liên vào sự hướng tâm. Sau khi hướng tâm thì Ngài biết theo như ý muốn. Thưa Ngài Nãgasena, như thế thì đức Phật là không toàn tri, nếu trí toàn tri của Ngài là do sự suy tầm. Tâu Đại vương, có một trăm xe lúa, mỗi xe là bảy tạ rưỡi và hai giạ lúa.2 Chừng ấy trăm ngàn hạt lúa có thể được xác đinh, có thể đạt đến kết quả cuối cùng bởi tâm được vận hành trong khoảng thời gian một khảy móng tay. ở đây, có bảy loại tâm này vận hành: Tâu Đại vương, những người nào còn luyến ái, còn sân hận, còn si mê, còn phiền não, có thân chưa được tu tập, có giới chưa được tu tập, có tâm chưa được tu tập, có tuệ chưa được tu tập, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất chưa được tu tập của tâm. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre được tỏa ra, rậm rạp, lan rộng, bị kết chùm chưa được gỡ ra, bị rối rắm với những cụm cành lá, trong khi được lôi kéo thì sự chuyển động là trì trệ, chậm chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất kết chùm chưa được gỡ ra của các cành. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào còn luyến ái, còn sân hận, còn si mê, còn phiền não, có thân chưa được tu tập, có giới chưa được tu tập, có tâm chưa được tu tập, có tuệ chưa được tu tập, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm

2 Ammanam và tumba: Là hai đơn vị đo lường, được phỏng dịch là tạ (100 kg) và giạ (40 lít) vì không tìm được ý nghĩa chính xác. (ND)

chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất kết chùm chưa được gỡ ra bởi các phiền não. Đây là loại tâm thứ nhất. 2. ở đây, có loại tâm thứ nhì này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc Nhập lưu có các cõi khổ đã được đóng lại, đã đạt được chánh kiến, đã nhận thức được giáo pháp của bậc Đạo Sư, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng ở ba trường hợp,34sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở ba trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tỉa sạch các mắt ở ba lóng, còn bị rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách Ịihẹ nhàng chỉ đến ba lóng, từ đó trở lên thì bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tỉa sạch ở phần dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là bậc Nhập lưu có các cõi khổ đã

được đóng lại, đã đạt được chánh kiến, đã nhận thức được giáo pháp của bậc Đạo Su, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng ở ba trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở ba trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Đây là loại tâm thư nhì. 3. ở đây, có loại tâm thứ ba này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc Nhất lai có sự luyến ái, sân hận, si mê ở trạng thái giảm thiểu, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở năm trường hợp/ sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chát đã được trong sạch của tâm ở năm trường hợp, vì tính chát chưa được dứt bỏ của các phiên não bậc trên. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tỉa sạch các mắt ở năm lóng, còn bi rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng chỉ đến năm 16ng, từ đó trở lên thì bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tỉa sạch ở phan dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là bậc Nhất lai có sự luyến ái, sân hận, si mê ở trạng thái giảm thiểu, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở năm trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chát đã được trong sạch của tâm ở năm trường hợp. Đây là loại tâm thứ ba. 4. ở đây, có loại tâm thứ tư này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc Bất lai có năm sự ràng buộc ở phần dưới đã được dứt bỏ, tâm

3 Ba trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. (ND)

4 Năm trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham dục và sân hận. (ND)

z A

ây của những người ây sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mười trường hợp,5 sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở mười trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tỉa sạch các mắt ở mười lóng, còn bị roi rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng chỉ đến mười lónạ? từ đó trở lên thì bi dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tỉa sạch ở phan dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những nẹười nào là bậc Bất lai có năm sự ràng buộc ở phần dưới đã được dứt bỏ? tâm áy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mười trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lỵ do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở mười trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Đây là loại tâm thứ tư. 5. ở đây, có loại tâm thứ năm này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc A-la-hán có các lậu hoặc đã được cạn kiệt, có các bợn nhơ đã

được rửa sạch, có các phiền não đã được ói ra, đã được hoàn mãn, có các việc cần làm đã làm, có các gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của mình đã được đạt đến, có các sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, có các tuệ phân tích đã đạt, đã được trong sạch ở các cảnh giới của vị Thinh văn, tâm của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của vị Thinh văn, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vi Phật Độc Giác. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của vị Thinh văn, vì tính chất chưa được trong sạch của tâm ở phạm vi của vị Phật Độc Giác. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tỉa sạch các mắt ở tất cả các lóng, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng, không bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tỉa sạch ở tất cả các lóng, vì tính chất không còn bám víu của thân cây tre. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, những người nào là bậc A-la-hán có các lậu hoặc đã được cạn kiệt, có các bợn nhơ đã được rửa sạch, có các phiền não đã được ói ra, đã được hoàn mãn, có các việc cần làm đã làm, có các gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của bản thân đã được đạt đến, có các sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, có các tuệ phân tích đã đạt, đã được trong sạch ở các cảnh giới của vị Thinh văn, tâm ây của những người ây sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của vị Thinh văn, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Độc Giác. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của vị Thinh văn, vì tính chất chưa được trong sạch của tâm ở phạm vi của vị Phật Độc Giác. Đây là loại tâm thứ năm.

5 Mười trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham dục, sân hận, ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật và vồ minh. (ND)

6. ở đây, có loại tâm thứ sáu này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là Phật Độc Giác, bậc Tự Chủ, không thầy, độc hành tợ như sừng tê giác, có tâm đã được trong sạch không còn bợn nhơ ở phạm vi của mình, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của mình, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vi Phật Toàn Tri. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của mình. vì tính chất vĩ đại ở phạm vi của vị Phật Toản Tri. Tâu Đại vương, giống như người nam có thể băng qua con sông nhỏ thuộc phạm vi của mình vào ban đêm lẫn ban ngày, theo như ước muốn, không bị hãi SỢ, nhưng sau đó khi nhìn thây đại dương sâu thăm, mênh mông, không thê ước lượng, không có bờ bên kia, có thể hãi sợ, có thể ngần ngại, không dám vượt qua. VÌ lý do gì? Vì tính chất đã được quen thuộc ở phạm vi của mình, vì tính chất vĩ đại của đại dương. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là Phật Độc Giác, bậc Tự Chủ, không thầy, độc hành tợ như sừng tê giác, có tâm đã được trong sạch không còn bợn nhơ ở phạm vi của mình, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của mình, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Toàn Tri. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của mình, vì tính chất vĩ đại ở phạm vi của vị Phật Toàn

Tri, Đây là loại tâm thứ sáu. 7. ở đây, có loại tâm thứ bảy này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là Phật Chánh Đẳng Giác, đấng Toàn Tri, bậc Nắm Giữ Mười Lực, có sự tự tin ở bốn pháp tự tin, hội đủ mười tám pháp của vị Phật, là đấng Chiến Thắng Vô Biên, có trí không bị che lấp, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mọi nơi. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở mọi nơi. Tâu Đại vương, phải chăng có sự vụng về hoặc sự vướng víu của mũi tên khéo được làm sạch sẽ, không bợn nhơ, không có măc mứu, có thân mem mại, không bị uôn? không bị cong, không bi quẹo, được đặt lên cây cung vững chãi, được bắn ra bởi người có sức mạnh vào tấm vải gai mềm, lớp gòn mềm, tấm len mềm? Thưa Ngài, không có. -Vì lý do gì? Vì tính chất mềm mại của những tấm vải, vì tính chất được làm sạch sẽ của mũi tên và tính chát mạnh mẽ của phát băn ra. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là Phật Chánh Đẳng Giác, đấng Toàn Tri, bậc Nắm Giữ Mười Lực, có sự tự tin ở bốn pháp tự tin, hội đủ mười tám pháp của vị Phật, la đấng Chiến Thắng Vô Biên, có trí không bị che lấp, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mọi nơi. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở mọi nơi. Đây là loại tâm thứ bảy.

8. Tâu Đại vương, ở đây tâm này của chư Phật Toàn Tri vượt trội sự tính đếm của luôn cả sáu loại tâm, được trong sạch và nhẹ nhàng với đức tính vô số kể. Và tâu Đại vương, bởi vì tâm của đức Thế Tôn được trong sạch và nhẹ nhàng nên đức Thế Tôn mới phô diễn song thông. Tâu Đại vương, về song thông nên được biết rằng: "Tâm của chư Phật Thế Tôn có sự chuyển dịch nhẹ nhàng như thS." Trong trường hợp ấy, không thể nào nói hơn nữa về lý do. Tâu Đại vương, những loại thần thong có liên quan đến tâm của chư Phật Toàn Tri ấy đều không thể áp đặt phép đếm, phép tính, sự chia chẻ và luôn cả sự tách phần. Tâu Đại vương, trí toàn tri của đức Thế Tôn được gắn liền vào sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Tâu Đại vương, giống như người nam có thể đặt xuống ở bàn tay thứ nhì bất cứ vật gì đã được đặt xuống ở bàn tay [thứ nhất], có thể phát ra lời nói bằng miệng đã được mở ra, có thể nuốt vào thức ăn đã đưa vào miệng, có thê mở mát ra roi nhăm lại, hoặc có thể nhắm mắt lại rồi mở ra, có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra? việc ấy còn chậm hơn, tâu Đại vương, trí toàn tri của đức Thế Tôn là nhẹ nhàng hơn, sự hướng tâm là nhẹ nhàng hơn. Sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Dầu cho không có sự hướng tâm, chư Phật Thế Tôn ấy vẫn không gọi là không có toàn tri. 9. Thưa Ngài Nâgasena, sự hướng tâm là được thực hiện do sự suy tầm, vậy thì Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu trường hợp ấy bằng lý lẽ. -Tâu Đại vương, giông như người giàu thì có nhiêu tài sản, có nhiêu của cải, có dôi dào vàng bạc và vật sở hữu dự phòng, có dồi dào tài sản và ngũ cốc là gạo thơm, thóc, lúa mạch, gạo xay, mè, đậu muggā, đậu māsā, các loại hạt chưa chế biến hoặc các loại khác nữa, bơ lỏng, dầu ăn, bơ đặc, sữa tươi, sữa đông, mật ong, mật đường và đường mía được chứa ở bình, chum, lu, hũ? chậu và có người khách là người xứng đáng để mời ăn và có sự mong mỏi về bữa ăn, đi đến với người ấy, nhưng tại nhà của người ấy thức ăn nấu chín là đã hết sạch thì có thể đem gạo từ chum lại rồi nấu chín. Tâu Đại vương, phải chăng do sự việc thiếu hụt thức ăn

trong chốc lát mà người ấy trở thành người không có tài sản và nghèo khó? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, ngay cả ở nhà của đức Chuyển Luân Vương cũng có sự thiếu hụt thức ăn vào lúc không đúng thời điểm, thì có điều gì đối với gia chủ. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, là trí toàn tri của đức Như Lai trong trường hợp không có sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muôn. 10. Tâu Đại vương, hơn nữa giống như cây cối thì có thể kết trái, bị oằn xuống, bị uốn cong, bị mang nặng trĩu bởi những chùm trái và không có trái nào bị rơi rụng ở tại nơi ấy. Tâu Đại vương, phải chăng do sự việc không có trái cây rơi rụng trong chốc lát mà cây ấy trở thành không có trái cây?

878 KINH TIÊU BÔ

. , . M r 1 • À r • . Thưa Ngài, không đúng. Những trái cây áy được găn liên với sự rơi rụng. Khi được rơi rụng thì đạt được theo như ý muốn. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, là trí toàn tri của đức Như Lai trong trường hợp không có sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muôn. Thưa Ngài Nāgasena, có phải sau khi hướng tâm thì đức Phật biết theo như ý muốn? Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn sau khi lần lượt hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Tâu Đại vương, giống như đức Chuyên Luân Vương khi nào nhớ đến bánh xe báu [khởi ý rằng]: "Bánh xe báu, hãy đến vód ta", trong khi nhớ đi nhớ lại thì bánh xe báu hiện đên. Tâu Đại vương, tương tgy như thê, đức Như Lai sau khi lần lượt hướng tâm thì biết được theo như ý muôn. Thưa Ngài Nāgasena, lý do là vững chãi. Đức Phật là đấng Toàn Tri. Chúng tôi chấp nhận đức Phật là đấng Toàn Tri. 66Câu hỏi về bản thể toàn tri của đức Thế Tôn" là thứ nhì.

3. CẨU HỎI VÈ Sự XUẤT GIA CỦA DEVADATTA (Devadattapabbafjāpañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, do vị nào mà Devadatta đã được xuất gia? -Tâu Đại vương, sáu vương tử dòng Sát-đế-lỵ này là Bhaddiya, Anuruddha, Ānanda, Bha^u, Kimbila, Devadatta và người thợ cạo Ưpâli là thứ bảy. Khi bậc Đạo Sư đã đác thành Chánh Đẳng Giác, trong việc đem lại nỗi vui mừng cho dòng họ Sakyā những vị ấy đã ra đi xuất gia theo đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã cho những vị ấy xuất gia. Thưa Ngài, không phải Devadatta sau khi xuất gia đã chia rẽ hội chúng? Tâu Đại vương, đúng vậy. Devadatta sau khi xuât gia đã chia rẽ hội chúng. Không phải người tại gia chia rẽ hội chúng, không phải Tỳ-khưu-ni, không phải vi Ni tu tập sự, không phải vị Sa-di, khônệ phải vị Sa-di-ni chia rẽ hội chúng. Vị Tỳ-khưu bình thường, cùng chung sự đông cộng trú, đứng cùng chung ranh giới, chia rẽ hội chúng. 2. Thưa Ngài, người là kẻ chia rẽ hội chúng phạm vào nghiệp gì? -Tâu Đại vương, phạm vào nghiệp liên quan đên việc chiu đựng một kiêp. Thưa Ngài Nâgasena, vậy có phải đức Phật biêt răng: "Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục một kiep,9? Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Như Lai biết rằng: "Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục một kiếp." Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Phật biết rằng: "Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục

MILINDAVẤN ĐẠO 879

một kiếp", thưa Ngài Nãgasena, như thế thì lời nói rằng: "Đức Phật, đấng Bi Mẫn, bậc Thương Xót, vị Tầm cầu Lợi ích, sau khi xua đi điều bất lợi thì đem đến điều lợi ích cho tất cả chúng sanh" là sai trái. Nếu Ngài không biết điều ấy rồi đã cho xuất gia, như thế thì đức Phật là không toàn tri. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài, xin Ngài hãy tháo gỡ múi rối to lớn này, hãy đánh đô học thuyết của những kẻ khác. Trong ngày vị lai xa xăm, những vi Tỳ-khưu có sự giác ngộ tương đương Ngài sẽ khó đạt được. Trong trường hợp này, xin Ngài hãy bày tỏ năng lực của Ngài. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn là bậc Đại Bi và là đấng Toàn Tri. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn, trong lúc xem xét cảnh giới tái sanh của Devadatta với lòng bi mẫn và trí toàn tri, đã nhìn thấy Devadatta sau khi tích lũy nghiệp đưa đên trôi nôi luân hôi từ địa ngục đên địa ngục, từ đọa xứ đên đọa xứ trong nhiêu trăm ngàn koíi kiếp. Đức Thế Tôn, sau khi biết được điều ấy bằng trí toàn tri rằng: "Nghiệp đã được làm không có giới hạn của người này, nếu được xuất gia trong giáo pháp của Ta, sẽ trở thành có giới hạn. Khổ liên quan đến việc trước sẽ trở thành có giới hạn. Còn không được xuất gia thì kẻ rồ dại này sẽ tích lũy nghiệp kéo dài trọn kiếp"vì lòng bi mẫn Ngài đã cho Devadatta xuất gia.
Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì đức Phật gây tổn thương rồi thoa dầu, làm rơi xuống vực thẳm rồi đưa tay [kéo lên], làm cho chết rồi tìm kiếm mạng sống, là việc Ngài ban cho sự khổ đau trước rồi đem lại sự an lạc sau. -Tâu Đại vương, đức Như Lai dẫu có gây tổn thương cũng vì lợi ích cho chúng sanh, dẫu có làm rơi xuống cũng vì lợi ích cho chúng sanh, dẫu có làm cho chết cũng vì lợi ích cho chúng sanh. Tâu Đại vương, đức Như Lai gây tổn thương roi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuống rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh. Tâu Đại vương, giống như mẹ cha gây tổn thương, làm rơi xuống, rồi đem lại lợi ích cho những người con, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai gây tổn thương cũng vì lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuông cũng vì lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết cũng vì lợi ích cho chúng sanh. Tâu Đại vương, đức Như Lai gây tổn thương rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuống rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh. Với bất cứ cách thức nào có sự tăng trưởnẹ các đức hạnh cho chúng sanh thì Ngài đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh bang cách thức ấy. Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai không cho Devadatta xuất gia thì Devadatta trong khi là người tại gia sẽ làm nhiều nghiep ác dẫn đến địa nệục, trong khi trôi nổi từ địa ngục đến địa ngục, từ đọa xứ đen đọa xứ trong nhiều trăm ngàn koti kiếp sẽ cảm thọ nhiều khổ đau. Đức Thế Ton, trong khi biết được điều ấy, vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia [nghĩ rằng]: "Đối với người đã được xuất gia trong giáo pháp của Ta thì khổ đau sẽ trở thành có giới hạn.95 Vì lòng bi mẫn mà Ngài đã làm vơi nhẹ nỗi khổ đau trâm trọng. Tâu Đại vương, hơn nữa giông như người đàn ông có năng lực, nhờ vào năng lực về tài sản, tiếng tăm, danh vọng và sự thân thiết, sau khi nhìn thấy bà

con hoặc bạn bè của mình đang chịu hình phạt nặng nề của đức vua, liền làm vơi nhẹ nỗi khổ đau trầm trọng của người ấy nhờ vào điều kiện có nhiều sự thân thiết và khả năng của bản thân; tâu Đại vương, tương tợ y như thế ấy, đức Thế Tôn sau khi cho Devadatta, là người sẽ bị cảm thọ khô đau nhiêu trăm ngàn koti kiêp, xuất gia đã làm

vơi nhẹ nôi khô đau trâm trọng nhờ vào điêu kiện vê năng lực và khả năng của giới, định, tuệ và giải thoát. Tâu Đại vương, hoặc là giốnẹ như người thầy thuốc phẫu thuật thiện xảo nhờ vào năng lực của phương thuốc mạnh làm vơi nhẹ căn bệnh trâm trọng; tâu Đại vương, tương tợ y như thế ấy, đức Thế Tôn là vị có năng lực về lòng bi mẫn, với sự hiểu biết về tu tập, sau khi cho Devadatta, là người sẽ bị cảm thọ khổ đau nhiêu trăm ngàn koti kiêp, xuất gia đã làm vơi nhẹ nôi khô đau trâm trọng nhờ vào năng lực của phương thuốc cứng rắn của giáo pháp. Tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn ấy, trong khi làm cho Devadatta đáng lẽ bị nhiều cảm thọ [khổ] chỉ còn ít cảm thọ [kho], lại tạo ra điều vô phước nào đó? Thưa Ngài, không tạo ra điều vô phước nào, dầu chỉ là một lượng thời gian ngắn ngủi như việc vắt sữa ở vú bò. -Tâu Đại vương, Đại vương hãy châp nhận lý do này theo ý nghĩa mà với lý do ấy đức Thế Ton đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, giống như những người bắt được kẻ trộm phạm tội thì trình lên đức vua rằng: "Tâu Bệ hạ, kẻ frộm phạm tội này là thuộc về Bệ hạ. Đối với kẻ này, xin Bệ hạ hãy ra lệnh hành phạt mà Bệ hạ muốn.,, Đức vua có thể nói về kẻ ấy như vầy: 4tNày các khanh, như thế thì hãy đưa kẻ trộm này ra ngoại thành roi chém đâu ở bãi hành quyOt." “Tâu Bệ hạ, xin vang?9 Vâng lệnh đức vua, những người ấy đã đưa kẻ ấy ra ngoại thành rồi dẫn đến bãi hành quyết. Một người đàn ông nào đó, là người đã đạt được ân huệ từ đức vua, đã đạt được danh tiếng, tài sản, của cải, có lời nói được chấp nhận, có năng lực, có hành động theo ý thích, nhìn thấy kẻ ấy. Người ấy, khởi tâm bi mẫn đến kẻ trộm ấy, nên đã nói với những người ấy như vầy: “Này các ông, thôi đi. Các ông được gì với việc chặt đầu của người này? Này các ông, chính vì điều ấy các ông hãy chặt tay hoặc bàn chân của người này và hãy duy trì mạng sống cho gã. Ta sẽ trình tấu đến đức vua lý do của việc này." Những người ấy, do lời nói của người có năng lực ấy, có thể chặt tay hoặc bàn chân của kẻ trộm ấy và duy trì mạng sống cho gã. Tâu Đại vương, phải chăng người đàn ông ấy, với hành động như vậy, là có thể hiện trách nhiệm đối với kẻ trọm ấy? Thưa Ngài, người đàn ông ấy là người ban cho mạng sống đến kẻ trộm. Khi mạng sống đã được ban đến gã thì có điều gì gọi là đã không được làm cho kẻ ấy? r , • \ e r 1 /K .

Tuy nhiên, vê cảm thọ trong việc chặt tay chân của kẻ ây, không lẽ người ấy không tạo ra điều vô phước nào trong cái cảm thọ ấy?

Thưa Ngài, kẻ trộm ấy cảm nhận cảm thọ khổ đau do việc đã làm của mình. Còn người đàn ông, là người ban cho mạng sống, không tạo ra điều vô phước nào cả. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia [nghĩ răng]: "Đôi với người đã được xuất gia trong giáo pháp của Ta thì khổ đau sẽ trở thành có giới hạn.,, Tâu Đại vương, và khổ đau của Devadatta trở thành có giới hạn. Tâu Đại vương, Devadatta vào thời điểm chết, đã đi đến việc nương nhờ khi còn sống [nói rằng]: "Với những khúc xương này, với các sanh mạng, tôi đi đên nương nhờ đức Phật, nhân vật cao cả ấyf vi Trời Vượt Trội Các Vi Trời, đấng Điều Ngự Trượng Phu, bậc Nhìn Thấy Toàn Diện, có đặc điểm của trăm phước bảu^ Tâu Đại vương, trong kiêp

[trái đất] gôm sáu giai đoạn, thì Devadatta đã chia rẽ hội chúng khi giai đoạn thứ nhất đã trôi qua, sau khi bi nung nấu trong năm giai đoạn còn lại rồi từ đó sẽ được giải thoát, và sẽ trở thành vị Độc Giác Phật tên Atthissara. Tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn, với hành động như vậy, là có thê hiện trách nhiệm đôi với Devadatta? Thưa Ngài Nãgasena, đối với Devadatta, đức Như Lai là vị ban bố tất cả, là việc đức Như Lai sẽ khiến cho Devadatta đạt được quả vị Độc Giác Phật. Còn có điều gì đã không được làm bởi đức Như Lai đến Devadatta? -Tâu Đại vương, vả lại việc Devadatta sau khi chia rẽ hội chúng rồi cảm thọ khổ đau ở địa ngục, tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn do nhân ấy có thể tạo ra điều vô phước nào đó? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, Devadatta bi nung nấu ở địa ngục một kiếp do việc đã làm bởi bản thân. Bậc Đạo Sư là người đã làm cho khổ đau trở thành có giới hạn, không tạo ra điều vô phước nào. Tâu Đại vương, Đại vương hãy chấp nhận lý do này theo ý nghĩa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, giông như người thây thuôc phau thuật thiện xảo, trong khi làm êm diu vết thương bị tác động dữ dội bởi gió, mật, đàm đã tụ hội lại, bởi sự thay đổi của thời tiết, bởi sự chăm nom không đều dặn, bị xông lên mùi hôi thối của tử thi ô uế, có mũi nhọn bên trong tạo thành lỗ hổng, bi ngập đầy máu ứ, đành phải bôi miệng của vết thương bằng loại thuốc san sùi, xót xa, nhức nhối, đau đớn. Sau khi làm chín muồi [vết thương] bằng cách thức làm cho chín muôi, roi mô vét thương đã được đạt đên trạng thái mem mỏnệ băng dao, sau đó đót nóng băng cái thanh dẹp, rồi cho chát kiêm và muối vào vét thương ở chỗ đã được đốt nóng, sau đó bôi thuốc để làm lành vết thương nhằm đạt đến trạng thái tốt lành cho người bị bệnh. Tâu Đại vương, phải chăng người thầy thuốc phẫu thuật ấy có tâm không tốt nên mới bôi thuốc, mổ ra bằng dao, đốt nóng với cái thanh dẹp, rồi cho chất sát trùng vào vết thương?

-Thưa Ngài, không đúng. Người thầy thuốc có tâm tốt, có lòng mong mỏi điêu tốt lành, nên mới làm những hành động ấy. -Vậy thì các cảm thọ khổ đau nào đã sanh lên do hành động việc làm và thuốc men đối với người ấy, do nhân ấy người thầy thuốc phẫu thuật ấy có tạo ra điều vô phước nào không? Thưa Ngài, người thầy thuốc phẫu thuat có tâm tốt, có lòng mong mỏi điều tốt lành, nên mới làm những hành động ấy. Làm sao người ấy, do nhân ấy, lại có thể tạo ra điều vô phước? Thưa Ngài, người thầy thuốc phẫu thuật ấy là người sanh về cõi trời. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia nhằm thoát khỏi khổ đau; Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, giống như một người nam bị đâm bởi cây gai, rồi một người nam khác có tâm tốt, có lòng mong mỏi điều tốt lành, mới cat xung quanh [vết thương] bằng cây gai nhọn hoặc bằng mũi dao, rồi lấy cây gai ấy ra nhờ vào lượng máu đang bị phun ra, tâu Đại vương, phải chăng người nam ây có tâm không tót nên mới lây cây gai ấy ra? Thưa Ngài, khônệ đúng. Người nam ấy có tâm tốt5 có lòng mong mỏi điều tốt lành, nên mới lay cây gai ấy ra. Thưa Ngài, nếu người nam ấy không lấy cây gai ấy ra, do điều ấy người kia có thể gánh chịu sự chết hoặc khổ đau gân như

chét. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đức Như Lai vì lòng bi mân đã cho Devadatta xuất gia nhằm thoát khỏi sự khổ đau. Tâu Đại vương, nếu đức Thé Tôn không cho Devadatta xuất gia thì Devadatta có thể bi nung nấu ở địa ngục liên tiếp nhiều đời sống thậm chí trong trăm ngàn koti kiếp. Thưa Ngài Nâgasena, đức Như Lai đã đưa Devadatta, kẻ có sự bị cuốn trôi theo dòng nước, vào đạo lộ; đã ban cho Devadatta, kẻ đã bị rơi vào vực thẳm, chỗ đứng; đã đưa Devadatta, kẻ bước đi ở chỗ gập ghềnh, đến nơi bằng 9 9 J7 x Y X X - J

phăng. Thưa Ngài Nãgasena, không thê nhìn nhận những nhân tô này và những lý do này bởi người nào khác ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy. “CAu hỏi về sự xuất gia của Devadatta” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VÈ HIỆN TƯỢNG DAO ĐỘNG DỮ DÔI CỦA TRÁI ĐẤT (Mahãbh ũmicãỉapãtubhữvapanho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 6Này các Tỳ-khưu, có tám nhân tám duyên này đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất." Đây là lời nói không thiếu sót, đây là lời nói đầy đủ, đây là lời nói không thay đỗi9 không có nhân thứ chín nào khác đưa đến hiện tượng dao dQng dữ dội của trái đất. Thưa Ngài Nâgasena, nếu có nhân thứ chín khác đưa đen hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, đức Thế Tôn cũng sẽ nói đến nhân ấy. Và thưa Ngài Nâgasena, bởi vì không có nhân thứ

chín nào khác đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, vì thế đã không được đức Thế Tôn đề cập đến. Và có nhân thứ chín này đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất được thấy là đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vèssantara. Thưa Ngài Nâgasena, nếu chỉ có tám nhân tám duyên đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, như thế thì lời nói "dại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara” là sai trái. Nêu đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, như thế thì lời nói 'chỉ có tám nhân tám duyên đưa đến hiện tượng dao độĩiẸ dữ dội của trái đất' cũnệ là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vi te, khó tháo gỡ9 gây tăm toi và sâu xa. Nó được dành cho Ngài. Điều này không thể trả lời bởi người nào khác có trí tuệ nhỏ nhoi, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy. -Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưuf có tám nhân tám duyên này đưa đên hiện tượng dao động dữ dội của trái đấty Còn đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, tuy nhiên điêu ây là bát thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Vì thế không được tính vào tám nhân. 2. Tâu Đại vương, giông như ở thê gian chỉ có ba loại mưa được tính là "[mua] thuộc mùa mưa, [mưa] thuộc mùa lạnh và cơn mưa rao.99 Nếu có cơn mưa khác không thuộc vào ba loại này mà đổ mưa, thì cơn mưa ấy không được tính vào các loại mưa đã được công nhận và chỉ được xem là "cơn mưa sái mùa5\ Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vèssantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám

nhân. 3 Tâu Đại vương, hoặc là giông như năm trăm con sông chảy ra từ núi Hy-mã-lạp. Tâu Đại vương, trong so năm trăm con sông ấy, chỉ có mười con sông được tính vào việc tính đêm các con sông, tức là: Sông Gañgā, Yamuna, Aciravatī, Sarabhū, Mahī, Sindhu, Sarassatī, Vetravatī, Vitatthā, Candabhāgā. Các con sông còn lại không được tính vào việc tính đếm các con sông. Vì lý do gì? Các con sông ấy không có nước thường xuyên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân. 4. Tâu Đại vương, hoặc là giống như các quan đại thần của đức vua thì cả trăm người, hai trăm người. Trong số những người ấy chỉ có sáu là được tính vào việc tính đếm các quan đại thần. tức là: Tướng quân, quan tế tự, quan xử án, quan thủ khố, quan giữ lọng, quan giữ gươm. Chỉ những người này được tính vào việc tính đêm các quan đại thân. Vì lý do gì? Vì trạng thái gắn bó với các phẩm chất của đức vua. Còn tất cả những người còn lại không được tính đếm mà chỉ được xem là "quan đại thần". Tâu Đại vương, tương tợ y nhu thế, việc

đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân. Tâu Đại vương, phải chăng có được nghe là trong thời hiện tại nghiệp của những việc làm hướng thượng đã làm ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng là có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những việc này vang lên ở giữa chư thiên và nhân loại? Thưa Ngài, đúng vậy. Có được nghe là trong thời hiện tại nghiệp của những việc làm hướng thượng đã làm ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng là có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những việc này vang lên ở giữa chư thiên và nhân loại. Những người ấy là bảy người. Tâu Đại vương, là ai và ai vậy? Thưa Ngài, là "người làm tràng hoa Sumanā, Bà-la-môn Ekasātaka, người làm công Punnā, Hoàng hậu Mallikâ, Hoàng hậu Gopālamātā, cận sự nữ Suppiyâ và nữ tỳ Punnā.^ Bảy người này có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những người này vang lên ở giữa chư thiên và nhân loại. Vậy có được nghe những người khác trong thời quá khứ đã đi đến cung trời Đạo-lợi băng chính thân thê và vóc dáng ây của con người? Thưa Ngài, đúng vậy. Có được nghe. -Tâu Đại vương, là ai và ai vậy? Là càn-thát-bà Guttila, đức Vua Sādhīna, đức Vua Nimĩ và đức Vua Mandhātā.95 Bôn người này được nghe là đã đi đên cung trời Đạo-lợi băng thân thể và vóc dáng của con người. Được nghe rằng việc đã làm tốt hoặc đã làm xấu đã được làm lâu lắm rồi. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây vào thời quá khứ xa xăm hoặc trong thời hiện tại xa xăm, đại địa cau đã rúng động một lan hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vầy đang được trao ra? 6.6 - Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, tôi đã có sự truyên thừa, sự thành tựu, sự thuộc lòng kinh điển, sự lắng nghe, sự học tập, năng lực, sự mong mỏi lắng nghe, sự vấn hỏi, sự hầu hạ các vị thầy, tuy nhiên tôi cũng chưa từng được nghe trước đây đại địa cầu đã rúng động một lần hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vầy đang được trao ra, ngoại trừ việc bo thí cao quý của vi vua kiệt xuất Vessantara. Tâu Đại vương, vào khoảng giữa

của hai vị Phật là uđức Thế Tôn Kassapa và đức Thê Tôn Sakyamuni”nhiêu koti năm vượt quá cách thức tính đếm đã trôi qua, ngay cả trong khoảng thời gian đó tôi cũng không có nghe là “dại địa cầu đã rúng động một lần hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vầy đang được trao ra.”

6 Nguyên bản PãỊi đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 5. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

Tâu Đại vương, đại địa cầu không rúng động với sự tinh tấn chừng ấy, với sự nỗ lực chừng ấy. Tâu Đại vương, bị chông chất gánh nặng về đức hạnh, bị chồng chất toàn bộ gánh nặng về sự trong sạch, hành động và đức hạnh, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rung động, chuyển động. 7. Tâu Đại vương, giống như khi chiếc xe tải bị chồng chất vật nặng quá tải thì các ổ trục và các vành bánh xe bung ra, trục xe bi gãy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, bị chồng chất toàn bộ gánh nặng về sự trong sạch, hành động và đức hạnh, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rúng động, chuyển động. Tâu Đại vương, hoặc là giống như bầu trời bị bao phủ bởi sự chuyển động của gió và nước, bị chồng chất bởi gánh nặng về lượng nước dồi dào, do trạng thái bị đưa đây bởi cơn gió mạnh nên gâm rú, gào thét, rông lên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, bi chông chát gánh nặng lớn lao và dôi dào vê năng lực bo thí của đức Vua Vèssantara, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rúng động, chuyển động. 8. Tâu Đại vương, bởi vì tâm của đức Vua Vèssantara không vận hành do tác động của tham, không vận hành do tác động của sân, không vận hành do tác động của si, không vận hành do tác động của ngã mạn, không vận hành do tác động của tà kiến, không vận hành do tác động của phiền não, không vận hành do tác động của suy tầm, không vận hành do tác động của ganh ghét. Khi ấy, nó vận hành phần nhiều do tác động của sự bố thí: "Làm cách nào những người ăn xin chưa đi đên có thê đên gân ta, và những người ăn xin đã đi đên có thê nhận lãnh theo như ý muốn và có thể được hài lòng?59 Sự bố thí là chủ tể, là tâm ý đã được khẳng định một cách thường xuyên, liên tục. 9. Tâu Đại vương, tâm ý của đức Vua Vessantara đã được khẳng định một cách thường xuyên, liên tục trong mười trường hợp: ở sự huấn luyện, ở sự bình lặng, ở sự nhẫn nại, ở sự phòng hộ, ở sự thu thúc, ở sự đè nén, ở sự không giận dữ, ở sự không hãm hại, ở sự chân thật, ở sự trong sạch. Tâu Đại vương, đôi với đức Vua Vessantara thì sự tâm câu vê dục đã được dứt b6, sự tầm cầu về hữu đã được yên lặng, chỉ riêng sự tầm cầu về Phạm hạnh là được đạt đến một cách sốt sắng. Tâu Đại vương, đối với đức Vua Vessantara thì sự bảo vệ bản thân đã được dứt bỏ, sự bảo vệ người khác đã được đạt đến một cách sốt sắng: "Làm cách nào những chúng sanh này có thể hợp nhất, không tật bệnh, có tài sản, có tuổi thọ dài lâu?55 tâm ý vận hanh phần nhiều là như the. Tâu Đại vương, và trong khi bố thí vật thí ấy, đức Vua Vessantara không bố thí vì nhân đạt đến tái sanh, không bố thí vì nhân tài sản, không bố thí vì nhân vật biếu lại, không bố thí vì nhân thu phục, không bố thí vì nhân tuổi thọ, không bố thí vì nhân sắc đẹp, không bố thí vì nhân hạnh phúc, không bố thí vì nhân sức mạnh, không bố thí vì nhân danh vọng, không bố thí vì nhân con trai,

không bố thí vì nhân con gái. Khi ấy đức vua đã bố thí vật thí cao quý, không thể đo lường, bao la, vô thượng có hình thức như thế ấy vì lý do của trí toàn tri, vì lý do của báu vật là trí toàn tri. Và khi đã đạt được bản the toàn tri, đức vua đã nói lên lời kệ này: “Chi vì ly do là sự giác ngộ, ta đã không nghĩ suy trong khi buông bỏ Jãlif con gái Kanhājinā và Hoàng hậu Maddĩ chung thủyy 10. Tâu Đại vương, đức Vua Vessantara chiến thắng giận dữ bằng khônẹ giận ảữ. chiến thắng sự xấu xa bằng sự tốt đẹp, chiến thắng keo kiệt bằng bo thí, chiến thắng giả dối bằng chân thật, chiến thắng tất cả bát thiện bằng thiện. Trong khi vi ấy, là người đã tiến bước theo giáo pháp, hướng về giáo pháp, đang bố thí như vậy, do tính chất bao la của sự tinh tân và năng lực của việc hoàn thành sự bố thí, có những cơn gió lớn xao động ở phía bên dưới. Chúng thổi qua một cách hoàn toàn roi loạn, chầm chậm từng cơn từng cơn một; chúng sà xuống, bóc lên, xoáy tròn; các cây bị trụi lá đô xuông, những đám mây dày đặc di chuyển ở bau trời, những cơn gió tích lũy đay bụi trở nên dữ dội? bầu trời bị hạ thấp, các cơn gió thổi cuốn đi ào ạt, âm thanh vô cùng ghê rợn phát ra; khi những cơn gió ấy giận dữ thì nước dao động tăng dần, khi nước bị dao động thì các con cá và rùa bị quấy nhiễu, các đợt sóng từng đôi từng đôi sanh lên, các chúng sanh là loài thủy tộc run sợ, sóng nước gợn tròn từng cặp, tiếng rì rào của sóng phát khởi, bong bóng nước ghê rợn nổi lên, những mảng bọt nước hiện hữu; đại dương nổi dậy, nước chạy khắp tám phương, các dòng nước trôi chảy từ miệng của các dòng nước xuôi ngược. Các loài a-tu-la, kim si điêu, rồng, dạ- xoa bị hoảng hót: "C6 thật không, băng cách nào mà biên cả xoay ngược lại?” rồi tìm kiếm lối ra đi với tâm hãi sợ; khi bầu nước bị quấy nhiễu, bị khuấy rối, đại địa câu cùng với núi non luôn cả biên cả rúng động, chóp đá của đỉnh núi Sineru nghiêng ngả trong khi bị xoáy tròn, các loài rắn, chồn, mèo, chó rừng, heo rừng, nai, chim chóc bị hết hồn, các dạ-xoa ít quyền lực khóc lóc, các dạ- xoa nhiêu quyền lực cười đùa trong khi đại địa cầu rung động. 11. Tâu Đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy ở bên dưới cái chảo to lớn vĩ đại được chứa đầy nước, có gạo lôn nhôn, được đặt ở lò lửa, trước tiên [ngọn lửa] đốt nóng cái chảo, khi cái chảo đã được đốt nóng, nó đun nóng nước; khi nước đã được đốt nóng, nó đun nóng gạo; gạo đã được đốt nóng nổi lên, chìm xuống, làm sanh ra bong bóng nước, rồi những mảng bọt nước trời lên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đức Vua Vèssantara đã từ bỏ vật khó từ bỏ ở thế gian. Khi vi ấy đang từ bỏ vật khó từ bỏ ấy, do sự hoàn thành từ bản chất của việc bô thí, những cơn gió lớn ở phía bên dưới, trong khi không thê nâng đỡ, đã bi khuây động. Khi những cơn gió lớn bị khuây động, nước đã rung động. Khi nước bị rung động, đại địa cầu đã rung động. Như thế vào khi ấy "những cơn gió lớn, nước và quả địa cầu”, ba thứ này đã trở thành như là có chung một tâm ý. Do việc hoàn thành của sự bố thí vĩ dại, do năng lực và sự tinh tấn bao la, không có người nào khác có oai lực bố thí như thê này như là oai lực bô thí vĩ đại của đức Vua Vèssantara.

r 1 . . # 1 •Ầ 1 • J. 12. Tâu Đại vương, giông như các viên ngọc ma-ni nhiêu loại được tìm thấy ở trái đất, như là: Ngọc xa-phia, ngọc lục, ngọc như y, ngọc bích, ngọc hoa lanh, ngọc hoa keo, ngọc thu hồn, ngọc nhật lệ, ngọc nguyệt lệ, kim cương, ngọc lân tinh, hoàng ngọc, hồng ngọc, ngọc mắt mèo, thì viên ngọc ma-ni của đức Chuyển Luân

vượt trội tất cả các viên ngọc này nên được gọi là nhất hạng. Tâu Đại vương, viên ngọc ma-ni của đức Chuyển Luân chiếu sáng một do-tuần ở chung quanh, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, bất cứ sự bố thí nào được tìm thấy ở trái đất, dầu là sự bo thí tối thượng khônệ thể sánh bằng, sự bố thí vĩ đại của đức Vua Vessantara vượt trội tất cả các sự bo thí ấy nên được gọi là nhất hạng. Tâu Đại vương, khi sự bố thí vĩ đại của đức Vua Vessantara đang được trao ra thì đại địa cầu đã bị rung động bảy lần. Thưa Ngài Nãgasena, là sự kỳ diệu của chư Phật! Thưa Ngài Nâgasena, là sự phi thường của chư Phật! Là việc đức Thế Tôn, trong khi còn là Bồ-tát, với sự nhẫn nại như vậy, với tâm như vậy, với quyết định như vậy, với chủ tâm như vậy, so với thế gian không người sánh bằng. Thưa Ngài Nâgasena, sự nỗ lực của các đức Bồ-tát đã được phô bày. Và các pháp toàn hảo của các đấng Chiến Thắng được chiểu sáng còn nhiều hơn thậm chí trong khi các Ngài đang thực hành đức hạnh, cho đến bản thể tối thượng của đức Như Lai là được hiển hiện ở thế ệian có cả chư thiên. Thưa Ngài Nâgasena, thật tốt đẹp thay giáo pháp của đang Chiến Thắng đã được tán dương, các pháp toàn hảo của đấng Chiến Thắng đã được tỏa sáng, nút thắt ở học thuyết của các giáo chủ tà giáo đã được cắt dứt, bầu nước về học thuyết của những kẻ khác đã được đập bể, câu hỏi thâm sâu đã được làm rõ, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, sự giải quyết của các vị con trai của đấng Chiến Thắng đã được tiếp thu đúng đắn. Hỡi vị cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng, xin Ngài hãy chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về hiện tượng dao động dữ dội của trái đất” là thứ tư.

5. CÂU HỎI VÈ Sự BỐ THÍ MẮT CỦA ĐỨC VUA SIVI (Sivirañño cakkhudānapañho) L Thưa NgAi Nã^asena, Ngài đã nói như vầy: uCác con mắt đã được đức Vua Sivi bo thí n kẻ cầu xin, khi đức vua đã bi mù thì các thiên nhãn đã được tạo ra lại.”7 Lời nói này cưng có sự sái quẩy, có sự bắt bẻ, có khuyết điểm. Điều đã được nói ở trong kỉnh là: uKhi nhân đã bi lấy di, khi không có nhân, khi không có nền tảng, thì không có sự tạo ra thiên nhãn.w Thưa Ngài Nâgasena, nếu các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin, như the thì lời nói rang: "Các thiên nhãn đã được tạo ra lại” là sai trái. Nếu các thiên nhãn đã được tạo ra, như thê thì lời nói răng: “Các con mát đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, bi thắt lại còn hơn nút thắt, bị xoắn lại còn hơn vật xoắn, bị rối rắm

7 Bẩn sanh "Đức Vua Sivi" {Sivijātakani), số 499, TTPV, tập 33. (ND)

còn hơn bụi rậm, nó được dành cho Ngài, ở đây, xin Ngài hãy khởi lên ước muốn về việc giải quyết vì sự bắt bẻ của các học thuyết khác. 2. - Tâu Đại vương, các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin. Đại vương chớ khởi lên sự phân vân về trường hợp ấy. Và các thiên nhãn đã được tạo ra lại. Đại vương cũng chớ nảy sanh sự phân vân về trường hợp ấy. Thưa Ngài Nâệasena, phải chăng khi nhân đã bị lấy đi, khi không có nhân, khi không có nên tảng thì thiên nhãn cũng được tạo ra? -Tâu Đại vương, không đúng. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì ở đây điều gì là lý do mà với lý do ấy thiên nhãn lại được tạo ra khi nhân đã bi lấy đi, khi không có nhân, khi không có nền tảng? Vậy Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. 3. - Tâu Đại vương, có chăng ở

thê gian cái gọi là sự chân thật mà những người có lời nói chân thật về điều ấy tạo ra sự phát nguyện chân thật? Thưa Ngài, đúng vậy. Có cái gọi là sự chân thật ở thế gian. Thưa Ngài Nâgasena, những người nói lời chân thật với sự chân thật tạo ra sự phát nguyện chân thật khiên cho trời đô mưa, khiên cho lửa bị dập tăt,8 làm tiêu tan chát độc, và còn tạo ra việc có thể làm các loại khác nữa. -Tâu Đại vương, như thế thì nó liên quan, nó phù hợp với việc các thiên nhãn đã được tạo ra cho đức Vua Sivi là nhờ vào năng lực của sự chân thật. Tâu Đại vương, nhờ vào năng lực của sự chân thật mà thiên nhãn đã được tạo ra khi không có nền tảng, ở dây, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhãn. Tâu Đại vương, giống như những vi đạo sĩ nào đó cầu khấn lời chân thật rang: "Xin cho cơn mưa lớn hãy đổ xu6ng", cùng với việc đã cầu khấn lời chân thật của những người ấy, cơn mưa lớn đổ xuống. Tâu Đại vương, phải chăng có nhân của cơn mưa đã hội tụ lại ở khoảng không mà với nhân ấy cơn mưa lớn đổ xuống? -Thưa Ngài, không đúng. Trong trường hợp ấy, chính sự chân thật là nhân cho việc đổ xuống của cơn mưa lớn. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, việc ây không có nhân bình thường. Trong trường hợp này, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhãn. 4. - Tâu Đại vương, hoặc là giống như việc những vị đạo sĩ nào đó cầu khấn lời chân thật rằng: "Xin cho khối lửa lớn đã bộc phát hãy quay trở lại"; cùng với việc đã cầu khấn lời chân thật của những người ấy, khối lửa lớn đa bộc phát tức thời quay trở lại. Tâu Đại vương, phải chăng ở khối lửa lớn đã bộc phát ấy có nhân đã được hội tụ lại, mà do nhân ấy khối lửa lớn đã bộc phát tức thời quay trở lại? Thưa Ngài, không đúng. Chính sự chân thật là nền tảng cho việc tức thời quay trở lại của khối lửa lớn đã bốc phát ấy.

8 Bổn sanh “Chim cút con,, (Vattakajātakani), số 35, TTP v, tập 32. (ND)

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc ấy không có nhân bình thường. Trong trường hợp này, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhãn. 5. Tâu Đại vương, hoặc là ệiông như việc những vi đạo sĩ nào đó câu khân lời chân thật rằng: “Xin cho chát độc dữ dội trở thành thuốc chữa bênh." Tâu Đại vương, phải chăng ở chất độc dữ dội có nền tảng đã hội tụ lại, mà với nền tảng ấy chất độc dữ dội trở thành thuốc chữa bệnh? Thưa Ngài, không đúng. Trong trường hợp ấy, chính sự chân thật là nguyên nhân cho việc tức thời tiêu diệt chất độc dữ dội. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong trường hợp này, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhãn, không phải nhân bình thường. -Tâu Đại vương, không có nền tảng nào khác cho việc thâm nhập bốn chân lý cao thượng. Bốn chân lý cao thượng được thâm nhập sau khi đã đặt nền tảng ở sự chân thật. Tâu Đại vương, có đức Vua Cĩna ở khu vực Cĩna. Đức vua có ước muôn tiên hành việc cúng tê ở đại dương nên đã thực hiện sự phát nguyện chân thật vào mỗi bốn tháng, rồi cùng với chiec xe tiến vào trong đại dương một do-tuần. Khối lượng nước vĩ đại đi thụt lùi ở phía trước đầu chiếc xe của đức vua, đến khi đức vua đã vượt qua thì bao trùm lại. Tâu Đại vương, phải chăng the gian có cả chư thiên và nhân loại, với năng lực của cơ thể bình thường, có thể khiến cho đại dương ấy đi thụt lùi? Thưa Ngài, thế gian có cả chư thiên và nhân loại, với năng lực của cơ thể

bình thường, cũng không thể khiến cho nước ở hồ nước vô cùng nhỏ đi thụt lùi, thì làm gì được đối với nước ở đại dương? 6. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này mà năng lực của sự chân thật được biết đến như vầy: "Không có nơi nào mà sự chân thật không thể đạt đến.” Tâu Đại vương, đức vua công chính Asoka ở thành phố Pātaliputta được tùy tùng bởi các thị dân, dân chúng, các viên chức, nhân công, binh lính và các quan đại thần, sau khi nhìn thấy sông Gañgā tràn đầy nước mới, ngập bờ, trải rộng có bề dài năm trăm do-tuần, bề ngang một do-tuân, đang trôi chảy, nên đã nói với các quan viên rằng: uNày các khanh, có ai có khả năng làm cho sông Gañgā vĩ đại này chảy ngược dòng kh6ng?" Các quan viên đã nói rằng: "Tâu Bệ ha, là việc khó làm." Có cô kỹ nữ tên Bindumatĩ đứng ở ngay tại bờ sông Gañgā ây đã nghe rằng: "Nghe nói đức vua đã nói như vầy: Có thể làm cho s6ng Gañgā vĩ đại này chảy ngược dòng không?^ Cô ấy đã nói như vầy: "Chính thiếp là người kỹ nữ ở thành phố lớn Pātaliputta, có cuộc sống nhờ vào sắc đẹp, là cách sinh nhai tồi tệ nhất. Mong rằng đức vua hãy chứng kiến sự phát nguyện chân thật của thiếp." Rồi cô ấy đã thực hiện sự phát nguyện chân thật. Vào giây phút của sự phát nguyện chân thật của cô ấy, con sông Gañgā vĩ đại ấy, trong lúc gầm lên tiếng rì rào, đã chảy ngược dòng cho đám đông người chứng kiến. Khi ấy, nghe được tiếng ầm ĩ tạo ra bởi tốc độ của sóng nước bi xoáy tròn, đức vua đã có sự ngạc nhiên được sanh lên do điều kỳ diệu phi thường, nên đã nói với các quan viên rằng: "Này các khanh, do người nào mà con sông Gañgā vĩ đại này

chảy ngược dong?99 Tâu Đại vương, cô kỹ nữ Bindumatī sau khi nghe lời nói của Đại vương đã thực hiện sự phát nguyện chân thật. Do sự phát nguyện chân thật của cô ấy mà con sông Gañgā chảy về phía thượng nguồn. Khi áy, có tâm bị chân động, đức vua đã đích thân đi đên vô cung vội vã và đã hỏi cô kỹ nữ ấy rằng: “NAy cô gái, nghe nói do sự phát nguyện chân thật của cô mà con sông Gañgā này chảy ngược dòng, có đúng không vậy?" “Tâu Bệ hạ, đúng vay.” Đức vua đã nói rằng: "C6 có năng lực gì về việc ấy? Ai mà tin lời nói của cô, nếu không bị điên khùng? Do năng lực gì mà cô đã làm cho con sông Gañgā vĩ đại này chảy ngược dòng?" Cô ấy đã nói rằng: "Tâu Đại vương, do năng lực của sự chân thật mà thiếp đã làm cho con sông Gañgā vĩ đại này chảy ngược dong.n Đức vua đã nói rằng: "Năng lực của sự chân thật gì có ở nơi cô, khi cô là kẻ trộm, hạng người vô lại, không trong sạch, lường gạt, độc ác, bóc lột những kẻ mê mupi?^ uTau Đại vương, sự thật thì thiếp là người như thế ấy. Tâu Đại vương, nếu năng lực của sự chân thật có ở nơi thiep, thì với điều ấy, trong khi mong muốn, thiếp cũng có thể xoay chuyển thế gian có cả chư thiên? Đức vua đã nói rằng: "Vậy thì sự phát nguyện chân thật ấy là điều ?” "Vậy thì xin Đại vương hãy lang nghe thiếp. Tâu Đại vương, người nào dầu là Sát- đế-lỵ? hay Bà-la-môn? hoặc thương buôn, hay nô le, hoặc là bất cứ ai ban cho thiếp của cải, thì thiếp phục vụ những người ấy đều bình đẳng. Là "Sat-de-ly6 *9 không có gì đặc biệt. Là 'nô le’ không có gì khinh chê. Thiếp hầu hạ người có của cải, thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Bệ hạ, điều ấy là sự phát nguyện chân thật của thiếp, nhờ nó mà thiếp đã làm cho con sông Gañgā vĩ đại này chảy ngược dbíig.” Tâu Đại vương, những người đứng vững ở sự chân thật cũng như thế, không có bất cứ ý nghĩa nào mà họ không biết. Tâu Đại vương, các con mắt đã được đức Vua Sivi

bố thí đến kẻ cầu xin và các thiên nhân đã được tạo ra lại. Và điều ây là do sự phát nguyện chân thật. Điêu đã được nói ở trong kinh là: “Khi nhục nhãn đã bỉ hư hoại, khi khôrỉệ có nhần, khỉ không có nen tản^f thì không có sự tạo ra của thiên nhãn'\ điều áy được nói liên quan đến con mat có vật liệu là sự tu tập. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ, sự bắt bẻ đã khéo được giải thích, các học thuyết khác đã khéo được nghiền nát. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6'Câu hỏi về sự bố thí mắt của đức Vua Sivi” là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ Sự NHẬP VÀO BÀO THAI (Gabbhāvakkantipañho) ỉ. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn noi đến: uNày các Tỳ-khưu, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố. ở dây, người mẹ và người cha két hợp với nhau, người mẹ có kinh nguyệt và chúng sanh đi đầu thai đã sẵn sàng. Này các Tỳ-khưu, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố này.95 Đây là lời nói không thiếu sót, đây là lời

nói đầy đủ? đây là lời nói không thay đổi, đây là lời nói xứng đáng, đã được nói [bởi đức Thế Tôn] sau khi ngồi xuống ở giữa chư thiên và nhân loại. Và việc nhập vào bào thai này được hội tụ bởi hai yếu to đã được nhìn thấy: "Vào thời kỳ kinh nguyệt của nữ đạo sĩ Pārikā, lỗ rún của nàng đã bị chạm vào bởi ngón tay cái bên phải của đạo sĩ Dukũla, do việc chạm vào lỗ rún ấy của vị ấy mà đứa bé trai Sāmā được sanh ra.910 Vào thời kỳ kinh nguyệt của cô gái Bà- la-môn? lỗ rún của nàng cũng đã bị chạm vào bởi ngón tay cái bên phải của vị ẩn sĩ Mātañga, do việc chạm vào lỗ rún ấy của vị ấy mà thanh niên Bà-la-môn Mandavya được sanh ra."i° Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn la: “Này các Tỳ-khưu5 sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu t6", như thế thì lời nói rằng: "Bé trai Sāmā và thanh niên Bà-la-môn Mandavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ run,, là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Bé trai Sāmā và thanh niên Bà-la-môn Mandavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ rún”, nhu thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ- khưu, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu t6" là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vô cùng sâu xa, vô cùng khôn khéo, là lãnh vực dành cho những bậc có sự giác ngộ. Nó được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy chặt đứt sự phân vân. Xin Ngài hãy năm giữ ngọn đèn cao quý của trí tuệ. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố. ở đây, người mẹ và người cha kết hợp với nhau, người mẹ có kinh nguyệt và chúng sanh đi đầu thai đã sẵn sàng. Sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố như vậyy Và có điều đã được nói là: "Bé trai Sāmā và thanh niên Bà-la-môn Mandavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ rún.^, Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì câu hỏi khéo được giải quyết bằng lý lẽ nào, xin Ngài giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ ấy. 3. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây là thanh niên Sarpkicca, đạo sĩ Isisiñga11 và Trưởng lão Kumārakassapa, những người ấy được sanh ra do việc này? -Thưa Ngài, đúng vậy. Có được nghe. Việc sanh ra của những người ấy được loan

truyền. Hai con nai cái, nhăm vào thời kinh nguyệt, đã đi đên chô tiêu tiện của hai vị đạo sĩ rồi uống nước tiểu có lẫn tinh dịch của họ, do tinh dịch ở nước tiểu ấy mà thanh niên Samkicca và đạo sĩ Isisiñga được sanh ra. Trưởng lão Udāyi đã đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, trong lúc suy tưởng đến chỗ kín của vị Tỳ-khưu-ni với tâm ải luyến, đã bị xuất ra tinh dịch ở y ca-sa. Khi ây, Trưởng lão Udāyi đã bảo vị Tỳ-khmi-ni ấy điều này: "Này Sư tỷ, hãy đi và đem lại nước. Tôi sẽ giặt y nội." "Thua Ngài, hãy đưa đây. Chính tôi sẽ giặt." Sau

9 Bổn sanh "Sma" (Sāmajātakam), số 540, TTP v, tập 34. (ND) 10 Bổn sanh "An sĩ M tahga" {Mātañgajātakani}^ số 497, TTP v, tập 33. (ND) 11 Bồn sanh "TiSn nữ Alambusā,^ (A Iambus ājātakarn), số 523, TTP v, tập 33. (ND)

đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy, đang ở vào thời kinh nguyệt, đã dùng miệnệ nuốt vào một phần tinh dịch ây? còn một phần đã đưa vào chỗ kín.12 Do việc ây, Trưởng lão Kumãrakassapa đã được sanh ra. Và người ta đã nói vê điêu ây như vậy. -Tâu Đại vương, vậy Ngài có tin vào lời nói ây không? Thưa Ngài, có chứ. Chúng tôi châp nhận lý do trong trường hợp ây là vững chãi, vì lý do ấy chúng tôi tin rằng: "Hq đã được sanh ra bởi lý do ấy." -Tâu Đại vương, ở đây điều gì là lý do? Thưa Ngài, phải chăng khi hạt giống được gieo vào mảnh đất ẩm đã được chuẩn bi kỹ lương thì sẽ nhanh chóng nẩy mầm? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Thưa Ngài, tương tợ y như thế, vị Tỳ-khmi-ni ấy khi đang có kinh nguyệt, khi noãn sào đã được thành lập, khi máu kinh có sức chảy đã ngưng lại, khi điều kiện đã được xác đinh, cô ấy đã nhận lấy tinh dịch ấy rồi đưa vào ở chỗ noãn sào ấy. Vì thế, bào thai đã thành tựu cho cô ấy. Chúng tôi ghi nhận lý do như vậy đối với việc sanh ra của những người ấy. -Tâu Đại vương, điêu ây là như vậy. Theo đó, tôi châp nhận là do sự xâm nhập vào tử cung mà bào thai được hình thành. Tâu Đại vương, phải chăng Ngài chấp nhận là có sự nhập vào bào thai của Trưởng lão Kumârakassapa? Thưa Ngài, đúng vậy. Tâu Đại vương, lành thay! Đại vương đã đi theo đường lối của tôi. Mặc dầu chỉ theo một cách thức trong khi nói về việc nhập vào bào thai, Đại vương cũng sẽ đi theo sự thuyết phục của tôi. Giờ đến hai con nai cái đã đạt được bào thai sau khi uống nước tiểu, đối với chúng thì Đại vương có tin về sự nhập vào bào thai không? Thưa Ngài, có chứ. Bất cứ vật gì được ăn, được uống, được nhai, được liếm, thì tất cả trôi xuống noãn sào, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Thưa Ngài Nâgasena, giống như bất cứ cái gì gọi là dòng nước chảy, tất cả đều chảy xuôi về đại dương, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, bất cứ vật gì được ăn, được uống, được nhai, được liếm, thì tất cả đều trôi xuống noãn sào, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Vì lý do ấy, trẫm tin về sự nhập vào bào thai cũng do vật đã được đưa vào miệng. Tâu Đại vương, lành thay! Đại vương đã dỉ theo đường lối của tôi một cách vững chắc hơn. Cũng do việc uống vào miệng mà có sự hội tụ của hai trường hợp. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương chấp nhận là có sự nhập vào bào thai của Samkicca, của đạo sĩ Isisiñga và của Trưởng lão Kumârakassapa? Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được hội tụ thì trôi xuống.

12 Điều Nìssagiya Pãcỉttỉya thứ 4, TTPV, tập 02, trang 518.

5.13 — Tâu Đại vương, bé trai Sāmā và thanh niên Bà-la-môn Mandavya đều có chung một tính chất, được xếp vào ba sự hội tụ theo trường hợp đầu tiên. Tôi sẽ nói ve lý do của trường hợp này. Tâu Đại vương, đạo sĩ Dukũla và nữ đạo sĩ Pārikā, cả hai người ấy đã có sự cư n^ụ ở trong rừng, có khuynh hướng viễn ly, là những người theo đuổi mục đích tôi thượng, do quyên năng của sự khổ hạnh họ đã hâm nóng cho đến thế giới Phạm thiên. Khi 4y, Thiên chủ Sakkā ngày đêm đi đến phục vụ cho họ. Trong khi quan tâm đến họ bằng tâm từ được thể hiện với sự kính trọng, Thiên chủ Sakkā đã nhìn thấy sự hư hoại thị giác của cả hai người họ vào thời vị lai xa xăm, sau khi nhìn thấy đã nói với họ rằng: "Này hai vị, hãy thực hiện cho trẫm một việc. Tốt thay, hai vị hãy sanh ra một người con trai. Nó sẽ là người phục vụ và đỡ đần cho hai vj." uNày Kosiyā, thôi đi! Chớ có lời nói như vay." Họ đã không chấp nhận lời nói ấy của vi ấy. Là người có lòng bi mẫn, có sự mong mỏi điều lợi ích, Thiên chủ Sakkā đã nói với họ như thế đến lần thứ nhì, đến lần thứ ba rằng: “Này hai vị, hãy thực hiện cho trẫm một việc. Tốt thay, hai vị hãy sanh ra một người con trai. Nó sẽ là người phục vụ và đỡ đần cho hai vj." Đen lần thứ ba, họ đã nói rằng: "Này Kosiyā, thôi đi! Ngài chớ ràng buộc chúng tôi vào việc không có lợi ích. Thân này sẽ không tan rã cho đến khi nào? Thân này có sự tan rã là pháp tự nhiên, hãy để nó tan rã. Cho dầu trái đất đang bị tan rã5 cho dầu đỉnh núi đang rơi xuống, cho dầu bầu trời đang bị nứt ra, cho dầu mặt trăng mặt trời đang sụp xuống, chúng tôi cũng không bao giờ hòa nhập với các pháp thế tục. Ngài chớ đến gần đối mặt với chúng tôi. Chúng tôi nghĩ Ngài là hạng làm điều không có lợi ích; điều ấy là sự tin chác khi Ngai đi đen gần?9 Do đó? trong khi không đạt được tâm ý của họ? Thiên chủ Sakkā đã thể hiện sự kính trọng, chăp tay lên, thỉnh câu lân nữa: "Nêu hai vi không nô lực đê thực hiện lời nói của trẫm, vậy thì lúc nào nữ đạo sĩ là đến thời kỳ có kinh nguyệt, khi ấy thưa đạo si, ông có thể chạm vào lỗ run bằng ngón tay cái bên phải, do việc ấy nàng ấy sẽ mang thai. Chính điều ấy là sự đã được hội tụ của việc nhập vào bào thai." "Này Kosiyā, tôi có thể thực hiện điều ấy. Chỉ chừng ấy thì sự khổ hạnh của chúng tôi sẽ không bi đổ vỡ. Hãy là như thế.59 Họ đã chấp nhận. Hơn nữa, vào thời điểm ấy, ở cõi trời có vi thiên tử có thiện căn dồi dào, có tuổi thọ đã cạn kiệt, đã đạt đến sự chấm dứt tuổi thọ, có khả năng hạ sanh theo như ước muốn, thậm chí vào gia tộc của đức Chuyển Luân. Khi ấy, Thiên chủ Sakkā đã đi đến gặp vị thiên tử ấy và nói như vầy: "Thua Ngài, hãy đến, là ngày vô cùng rạng rỡ cho Ngài. Việc thành công có ý nghĩa đã đên, là việc trẫm đã đi đến phục vụ cho Ngài, Ngài sẽ có chốn cư ngụ ở nơi đáng yêu, sẽ có sự tái sanh ở gia tộc thích hợp, sẽ có sự được nuôi dưỡng bởi cha mẹ tốt lành, hãy đến, hãy làm theo lời nói của trẫm.,, Rồi đã chắp tay ở đỉnh đầu thỉnh cầu đến lần thứ nhì, thỉnh cầu đến lần thứ ba. Do đó, vị thiên tử ấy đã nói như vày: "Thua Ngài, gia tộc nào mà Ngài liên tục ca tụng lặp đi lặp lại?" "Là đạo sĩ Dukũla và nữ13

13 Nguyên bản PâIi đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 4. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

đạo sĩ Prikẫ." Lăng nghe lời nói của vị ây5 vị thiên tử đã hoan hỷ châp nhận: “Thua Ngài, tốt lắm! Vậy hãy theo ước muốn của Ngài. Thưa Ngài, tôi đang mong ước có thể

sanh ra ở chủng loại đã được mong mỏi. Vậy tôi được sanh ra ở chủng loại nào: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hay hóa sanh?" "Thua Ngài, Ngài được sanh ra theo lối thai sanh.^, 6 Khi ấy? Thiên chủ Sakkā, sau khi tính đếm ngày thọ sanh, đã thông báo cho đạo sĩ Dukũla rằng: "Vào ngày ấy, nữ đạo sĩ sẽ đến thời kỳ cồ kinh nguyệt, thưa ngài, khi ấy ngài nên chạm vào lỗ rún bang ngón tay cái bên phi." Tâu Đại vương, vào ngày ấy nữ đạo sĩ đã đến thời kỳ có kinh nguyệt, và vị thiên tử đã đi đến, đã hiện diện ở nơi ấy. Và vi đạo sĩ đã chạm vào lỗ rún của vị nữ đạo sĩ băng ngón tay cái bên phải. Như thê, các việc ây đã là ba sự hội tụ. Do việc chạm vào lỗ rún, ái luyến đã sanh khởi ở người nữ đạo sĩ. Hơn nữa, ái luyến ấy của cô ta là do việc chạm vào lỗ rún. Xin Đại vương chớ nghĩ rằng việc chạm vào lỗ rún ấy chính là sự hư hỏng. Cười giỡn cũng là sự hội tụ. Ngợi khen cũng là sự hội tụ. Chú tâm cũng là sự hội tụ. Do sự sanh khởi của ái luyến đã được tạo ra trước đó, do sự chạm vào mà sự hội tụ được sanh lên. Do sự hội tụ mà có sự nhập thai. 7. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai do sự chạm vào thì cũng không ở vào trường hợp hư hỏng. Tâu Đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy xua đi sự lạnh cho người đã đến gần mặc dầu không có sự chạm vào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự nhập vào bào thai do sự chạm vào thì cũng không ở vào trường hợp hư hỏng. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh là do bốn tác động: Do tác động của nghiệp, do tác động của nguồn gốc, do tác động của chủng loại, do tác động của sự thỉnh cầu. Hơn nữa, tất cả chúng sanh này có sự tạo thành do nghiệp, có sự sanh lên do nghiệp. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nghiệp nghĩa là the nào? Tâu Đại vương, các chúng sanh có thiện căn dồi dào sanh lên theo như ước muôn ở gia tộc Sát-đê-lỵ giàu có, hoặc ở gia tộc Bà-la- môn giàu có, hoặc ở gia tộc người tại gia ^iàu c6, hoặc ở giữa chư thiên, hoặc từ nguồn gốc noãn sanh, hoặc từ nguôn góc thai sanh, hoặc từ nguôn góc tháp sanh, hoặc từ nguồn gốc hóa sanh. Tâu Đại vương, giống như người nam có tài sản lớn, có của cải lớn, có dồi dào vàng bạc, dồi dào vật sở hữu dự phòng, có dồi dào tài sản và ngũ cốc, có dồi dào thân quyến và phe nhóm, sau khi cho ra tài sản đến hai ba lần rồi mua theo như ước muốn bất cứ vật gì được mong mỏi bởi tâm, hoặc là tớ gái, hay tớ trai, hoặc là ruộng, vườn, làng mạc, thi trấn, hay là xứ sở. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các chúng sanh có thiện căn dồi dào sanh lên theo như ước muốn ở gia tộc Sát-đế-lỵ giàu c6, hoặc ở gia tộc Bà-la-môn giàu có, hoặc ở gia tộc người tại gia giàu có, hoặc ở giữa chư thiên, hoặc từ nguồn gốc noãn sanh, hoặc từ nguồn gốc thai sanh, hoặc từ nguồn gốc thấp sanh, hoặc từ nguồn gốc hóa sanh. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nghiệp nghĩa là như vậy.

MILINDA VẤN ĐẠO 895

8. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nguồn gốc nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, đối với giống gà mái thì có sự nhập vào bào thai do cơn gió, đối với loài hạc thì có sự nhập vào bào thai do cơn mưa. Thậm chí toàn bộ chư thiên không nằm trong bào thai cũng là chúng sanh. Đối với các hạng ấy thì có sự nhập vào bào thai bằng nhiều cách thức khác nhau. Tâu Đại vương, giốnệ như những con người đi lại trên trái đất theo nhiều cách thức khác nhau, một sô trùm kín phía trước, một sô trùm kín phía sau, một sô thì lõa thê, một sô thì cạo đâu mang vải màu trăng,

một sô thì buộc tràng hoa, một số thì cạo đầu mặc y ca-sa, một số thì mặc y ca-sa cột búi tóc, một so thì bện tóc mang y bằng vỏ cây, một số thì mặc da thú, một số quấn các sợi dây. Tất cả những con người này đi lại trên trái đất theo nhiều cách thức khác nhau. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chúng sanh chính là tất cả các hạng ấy. Đối với các hạng áy thì có sự nhập vào bào thai băng nhiêu cách thức khác nhau. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nguồn gốc nghĩa là như vậy. 9. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của chủng loại nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, chủng loại nghĩa là có bốn chủng loại: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh. ở đây nếu chúng sanh đi đầu thai từ bất cứ nơi đâu đi đến rồi sanh lên ở chủng loại noãn sanh, trong trường hợp ấy nó là hạng noãn sanh.... (nt)... ở chủng loại thai sanh... (nt)... ở chủng loại thấp sanh... (nt)... sanh lên ở chủng loại hóa sanh, trong trường hợp ấy nó là hạng hóa sanh. Các chúng sanh như thế ấy hiện hữu trong các chủng loại ấy. Tâu Đại vương, giống như các con thú hay loài có cánh nào đó đi đến núi Hy-mã-lạp hoặc núi Sineru, tất cả bọn chúng lìa bỏ màu sắc của mình và trở thành màu sắc vàng chói. Tâu Đại vyơng, tương tợ y như thế, chúng sanh đi đầu thai nào đó từ bất cứ nơi đâu đi đến roi nhập vào nguồn gốc noãn sanh thì lìa bỏ vóc dáng thuộc về bản chất và trở thành hạng noãn sanh. ... (nt)... nhập vào nguồn gốc thai sanh... (nt)... thấp sanh... (nt)... hóa sanh thì lìa bỏ vóc dáng thuộc về bản chất và trở thành hạng hóa sanh. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của chủng loại nghĩa là như vậy. 10. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của của sự thỉnh cầu nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, ở đây có gia tộc không có con trai, có nhiều của cải thừa tự, có đức tin, tịnh tín, có giới hạnh, có tư cách tốt dẹp, sống theo hạnh khắc khổ, và có vị thiên tử có thiện căn dồi dào và đến thời tử vong. Khi ấy, Thiên chủ Sakkā vì lòng thương tưởng đến gia tộc ấy đã thỉnh cầu vi thiên tử ấy rằng: “Thua Ngài, xin Ngài hãy ngự đến tử cung của người vợ chánh ở gia tộc kia." Do nguyên nhân thỉnh cầu của vị ấy, vị thiên tử ngự đến gia tộc ấy. Tâu Đại vương, giong như những người có lòng mong mỏi phước báu sau khi thỉnh câu vị Sa-môn xứng đáng được phát tâm, thì đi vê nhà [nghĩ rằng]: "Vj này sau khi đến sẽ là nguồn an lạc cho toàn bộ gia t°c." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Thiên chủ Sakkā sau khi thỉnh cầu vị thiên tử ấy thì đi đến gia tộc ay. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của sự thỉnh cầu nghĩa là như vậy.

11. Tâu Đại vương, cậu bé trai Sāmā được Thiên chủ Sakkā thỉnh cầu đã nhập bào tử cung của nữ đạo sĩ Pārikā. Mẹ và cha là người có giới hạnh, có tư cách tốt đẹp. Người thỉnh cầu là Sakkā. Cậu bé trai Sāmā được sanh ra do tâm nguyện của ba người. Tâu Đại vương, ở đây có người nam rành rẽ cách thức gieo hạt giống ở thửa ruộng ẩm được cày kỹ lưỡng. Trong khi hạt giống ấy đang được ngăn ngừa tai họa, phải chăng có thê có tai họa nào đó cho sự phát triển của nó? Thưa Ngài, không thể. Hạt giống không bị hãm hại thì có thể tăng trưởng nhanh chóng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cậu bé trai Sāmā được thoát khỏi các tai họa đã khởi lên, đã được sanh ra do tâm nguyện của ba người. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây có xứ sở rộng lớn, giàu có, thịnh vượng, có dân cu, đã bị tiêu diệt hoàn toàn bởi tâm khởi sân

của các vi an sĩ? Thưa Ngài, đúng vậy. Điều được nghe là ở trái đất khu rừng Dandaka, khu rừng Mejjha, khu rừng Kāliñga, khu rừng Mātañga, tất cả các khu rừng ấy đã trở thành không còn là rừng, có trạng thái không phải là rừng, và toàn bộ các xứ sở này cũng đã đi đến hoại diệt bởi tâm khởi sân của các vi ẩn sĩ. -Tâu Đại vương, nếu các xứ sở vô cùng giàu có bi tiêu diệt bởi tâm khởi sân của những vi ấy, phải chăng có sự an lạc nào đó có thể sanh lên bởi sự hoan hỷ ở tâm của các VI áy? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, chính vì điều ấy cậu bé trai Sāmā đã được sanh ra do sự hoan hỷ ở tâm của ba hạng có năng lực là: Được tạo ra bởi hai vi an sĩ, được tạo ra bởi vi thiên nhân, được tạo ra do phước báu. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế. Tâu Đại vương, được thỉnh cầu bởi Thiên chủ Sakkā, ba vị thiên tử này đã sanh lên ở gia tộc. Ba vi nào? Cậu bé trai Sāmā, [vương tử] Mahapanâda/4 và đức Vua Kusa.14 15 Cả ba người này đều là các đức BÒ-tát. Thưa Ngài Nâgasena, sự nhập vào bào thai đã khéo được giải thích. Lý do đã được giảng giải rõ ràng. Ánh sáng đã được tạo ra ở nơi tăm tối. Cục roi đã được tháo gỡ. Học thuyết của những kẻ khác không còn chói sáng. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6Câu hỏi về sự nhập vào bào thai" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ Sự BIỂN MẤT CỦA CHÁNH PHÁP (Saddhammantaradhānapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

14 Bồn sanh uĐức Vua Suruci^, (Surucifātakarn), số 489, TTPV, tập 32. (ND) 15 Bản sanh "Dức Vua Kusa" (Kuscỳãíakam), so 531, TTPV, tập 33. (ND)

Ế6Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.55 Và thêm nữa, vào thời điểm viên tịch Niết-bàn, được hỏi bởi du sĩ ngoại đạo Subhadda, đức Thế Ton đã nói rằng: uNày Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiêu vắng các vi A-la-hán." Đây là ỈM nói không thiếu sót, đây là lòi nói đầy đủ9 đây^ là lòi nói không thay đổL Thưa Ngài Nâgasena, nêu đức Thế Tôn đã nói rằng: wNày Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm"như thế thì lời nói rằng: 66Thế gian sẽ không thiếu vắng các vi A-la-hán59 là sai trái. Nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: 66Thế gian sẽ không thiếu vắng các vi A-la-hán55, như thế thì lời nói rằng: wNày Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, bị rối rắm còn hơn bụi rậm, mạnh mẽ hơn người lực si, bi thắt lại còn hơn nút thắt, nó được dành cho Ngài, ở đây, xin Ngài hãy phô bày sự triển khai về năng lực trí tuệ của Ngài như là con kình ngư di chuyển ở giữa biển khơi. . 2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.,, Và vào thời điểm viên tịch Niết-bàn, có lời đã được nói cho du sĩ ngoại đạo Subhadda rằng: "Nầy Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiêu vắng các vị Ala-hán." Tâu Đại vương, hơn nữa lời nói ấy của đức Thế Tôn là có ý nghĩa khác nhau và có văn tự khác nhau. Điêu này là ệiới hạn của giáo pháp, điều kia là sự làm sáng tỏ về việc thực hành. Cả hai điêu ấy là cách biệt xa vời với nhau. Tâu Đại vương, giống như bầu không gian là cách biệt xa vời với trái đất, địa ngục là cách biệt xa vời với cõi trời, thiện là

cách biệt xa vời với bất thiện, lạc là cách biệt xa vời với khô. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cả hai điều ấy là cách biệt xa vời với nhau. Tâu Đại vương, tuy nhiên chớ làm cho câu hỏi của Đại vương là vô bổ. Tôi sẽ so sánh và giảng giải cho Đại vương về phần cốt yếu. Điều mà đức Thế Tôn đã nói rằng: “Này Ānanda, giờ đây Chảnh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm nănf\ trong khi làm sáng tỏ sự hoại diệt ấy Ngài đã xác định phần còn lại rằng: “Này Ānanda, Chánh pháp có thể tồn tại một ngàn năm nếu các Tỳ-khicu-ni không xuất gia. Này Ānanda, ^iờ đây Chánh pháp sẽ tôn tại chỉ còn năm trăm năm." Tâu Đại vương, đức Thê Tôn trong khi nói như vậy phải chăng Ngài nói về sự biến mất của Chánh pháp hay là Ngài bác bỏ về sự lãnh hội? Thưa Ngài, không phải vậy. Tâu Đại vương, trong khi công bố về việc bị tiêu hoại, trong khi làm sáng tỏ, Ngài đã xác định phần còn lại. Tâu Đại vương, giống như người bị phá sản, sau khi nắm chắc phần còn lại, có thể làm sáng tỏ đối với dân chúng rằng: 'Thần hàng hóa của tôi bi mất mát là chừng này, đây là phần còn lại." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn, trong khi làm sáng tỏ việc bị tiêu hoại, đã thuyết giảng cho chư thiên và nhân loại rang: “Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tôn tại chỉ còn năm trăm nămy Tâu Đại vương, tuy nhiên điều đã được nói bởi đức Thế Tôn rằng: “Này

Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm nân”; điều ấy là giới hạn của giáo pháp. Còn điêu mà vào thời điểm viên tịch Niết-bàn, trong lúc công bố cho các vi Sa-môn, Ngài đã nói cho du sĩ ngoại đạo Subhadda rằnệ “Này Subhadda, nếu các Tỹ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiêu vắng các vi A-la-hán"; điều ấy là sự làm sáng tỏ về việc thực hành. Hơn nữa, Đại vương đã khiên cho sự giới hạn và sự làm sáng tỏ trở thành có chung điêu cốt yếu. Nêu Đại vương có sự mong muốn, tôi sẽ thuyết giảng. Xin Đại vương hãy chăm chú lắng nghe, hãy chú ý với tâm không bi xao lãng. Tâu Đại vương, ở đây có hô nước tràn đây nước mới, trong khi sẽ tràn bờ thì đã được giới hạn lại, đã được làm con đê bao quanh, khi nước ở chính cái hồ ấy chưa bị tháo cạn, có đám mây lớn ở phía trên tuần tự đo mưa liên tục. Tâu Đại vương, phải chăng nước ở hồ nước ấy có thể đi đến sự cạn kiệt, đi đến sự tháo cạn? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì sự liên tục của cơn mưa. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, cái hô nước Chánh pháp cao quý trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng được tràn đầy nước mới không ô nhiễm là tánh hạnh, giới dức, phận sự và sự thực hành, là vượt lên trên, vượt qua khỏi cảnh giới tột cùng của hiện hữu và tồn tại. Nếu những người con trai của đức Phật trong giáo pháp này có thể liên lục, có thể đổ xuống tuần tự cơn mưa từ đám mây ' tánh Y hạnh, giới A •đứcr .5 phận* rsự và : rsự thực hành, như thế hồ nước Chánh ^ 9 A e

pháp cao quý trong giáo pháp của đang Chiên Thăng có thê tôn tại thời gian lâu dài, và thế gian sẽ không thiêu vắng các vi A-la-hán. Liên quan đến ý nghĩa này là điều đã được đức Thế Tôn nói đến rằng: "'Nay Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sông chân chánh, thê gian sẽ không thiêu văng các vị A-ỉa-hány 3. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây trong khi đống lửa lớn đang rực cháy, người ta tuần tự đem lại các thứ cỏ, củi, phân bò khô. Tâu Đại vương, phải chăng khối lửa ầy có thể nguội tắt? Thưa Ngài, không đúng.

Khối lửa ấy có thể rực cháy hơn nữa, có thể tỏa sáng còn nhiều hơn nữa. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, giáo pháp cao quý của đang Chiên Thắng rực cháy, tỏa sáng ở mười ngàn thế giới với tánh hạnh, giới đức, phận sự và sự thực hành. Tâu Đại vương, nếu những người con trai của đức Phật được hội đủ năm chi phần của sự nỗ lực, thường xuyên không bị xao lãng, có thể nỗ lực còn hơn the nữa, có the học tập với lòng ước muốn đã được sanh khởi ve tam học, có the làm đầy đủ một cách trọn vẹn về sự thực hành và sự kiêng cữ về giới, như thế giáo pháp cao quý này của đấng Chiến Thắng có the tồn tại thời gian lâu dài còn hơn thế nữa, và thế gian sẽ không thiếu vắng các vi A-la-hán. Liên quan đến ý nghĩa này là điều đã được đức Thế Tôn nói đến rằng: Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sổng chân chảnh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vi A-la-hảny

MILINDAVẤN ĐẠO 899

4. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây họ có thể đánh bóng tuần tự tấm gương trơn láng, bằng phẳng, khéo được đánh bóng, có ánh sáng, hoàn toàn trong sáng, băng bột phân đỏ trơn và mịn. Tâu Đại vương, phải chăng vét bân, bùn, bụi bặm có thể hiện lên ở tấm gương ấy? Thưa Ngài, không đúng. Ngược lại, nó còn trở nên trong sáng hơn nữa. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, giáo pháp cao quý của đang Chiên Thắng tự nhiên vốn không có vét nhơ, đã xa lìa hẳn vết nhơ và bụi bặm phiền não. Nếu những người con trai của đức Phật có thể nhẫn nại thực hành giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng với tánh hạnh, giới đức, phận sự, sự thực hành, sự giảm thiểu và hạnh từ khước, như thế giáo pháp cao quý này của đấng Chiến Thắng có thể tồn tại thời gian lâu dài, và the gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán điều đã được đức Thế Tôn nói rằng: “Pày, Subhadda, nếu các Tỳ-khỉm này s8ng chân chánh, the gian sẽ không thiếu vang các vỉ A-la-hán" là có liên quan đen ý nghĩa này. Tâu Đại vương, giáo pháp của bậc Đạo sư có căn bản là sự thực hành, có cốt lõi là sự thực hành, còn tồn tại khi nào sự thực hành chưa bị biến mất. Thưa Ngài Nãgasena, điều Ngài nói là: uSự biến mất của Chảnh pháp"\ sự biến mất cua Chánh pháp ấy là gi? -Tâu Đại vương, đây là ba sự biến mất của giáo pháp. Ba điều gì? Sự biến mất của việc chứng đắc, sự biến mất của việc thực hành, sự biến mất của tướng mạo. Tâu Đại vương, khi việc chứng đắc bị biến mất, thì ngay cả đối với những người thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Khi việc thực hành bi biến mất, thì điều học và sự quy định bị biến mất, chỉ còn tướng mạo tồn tại. Khi tướng mạo bi biến mất, thì có sự đứt đoạn của truyền thống. Tâu Đại vương, đây là ba sự biến mất của giáo pháp. Thưa Ngài Nãgasena, câu hỏi thâm sâu đã khéo được giảng giải, đã được làm rõ, nút thắt đã được mở ra, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bi hư hoại, đã bi đổ vỡ, đã được làm cho không còn hào quang, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý nhất trong số các vị có đồ chúng. ÍÉCâu hỏi về sự biến mất của Chánh pháp59 là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ VIỆC CẮT ĐỨr PHÁP BẤT THIỆN (Akusalacchedanapañho) l. Thưa Ngài Nāgasena, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, hay là đã đạt đến bản thể toàn tri khi pháp bất thiện còn dư sót. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện.

Không có pháp bất thiện còn dư sót ở đức Thế Tôn. Thưa Ngài, phải chăng các thọ khổ trước đây đã khởi lên ở cơ thể của đức Như Lai? ' “

Tâu Đại vương, đúng vậy. o Rājagaha, bàn chân của đức Thế Tôn đã bi cắt đứt bởi miêng đá, cơn bệnh xuất huyet đã phát khởi, khi cơ thể bị tiết ra chất dơ Jīvaka đã cho sử dụng liều thuốc xo5 khi cơn bệnh gió phát khởi vị Trưởng lão thị giả đã tìm kiếm nước nóng. 2. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, như thế thì lời nói rằng: "Bàn chân của đức Thế Ton đã bị cắt đứt bởi miêng đá, cơn bệnh xuất huyet đã phát khỏi” là sai trái. Nếu bàn chân của đức Như Lai đã bị cắt đứt bởi miêng dá, cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi, như thế thì lời nói: “Bức Như Lai đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện^ cũnệ là sai trái. Thưa Ngài, không có cảm thọ tách rời khỏi nghiệp, tất cả cảm thọ ay có gốc rễ ở nghiệp, được cảm nhận chỉ do nghiệp. Câu hỏi này có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 3. Tâu Đại vương, không hẳn tất cả cảm thọ ấy có gốc rễ ở nghiệp. Tâu Đại vương, các cảm thọ sanh lên do tám lý do, do các lý do ấy chúng sanh phàm phu cảm nhận các thọ. Do tám lý do nào? Tâu Đại vương, một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là gió; tâu Đại vương... (nt)... có nguồn sanh khởi là mật; tâu Đại vươiiệ... (nt)... có nguồn sanh khởi là đàm; tâu Đại vương... (nt).. có liên quan đên sự tụ hội [của gió, mật, đàm]; tâu Đại vương... (nt)... do sự thay đổi của mùa tiết; tâu Đại vương... (nt)... do sự sinh hoạt không đều đặn; tâu Đại vương... (nt)... có liên quan đến việc ra sức; tâu Đại vương một số cảm thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp. Tâu Đại vương, do tám lý do này chúng sanh phàm phu cảm nhận các thọ. ơ đây, những chúng sanh nào nói rằng: "Nghiệp đày đọa các chúng sanh”, những người ấy phủ nhận lý do. Lời nói ấy của những người ấy là sai trái. 4. Thưa Ngài Nâgasena, việc có liên quan đến gi6, việc có liên quan đến mật, việc co liên quan đen đam, việc co liên quan đen sự tụ hôi [cua gio, mạt, đàm], việc do sự thay đôi của mùa tiết, việc do sự sinh hoạt không đều đặn, việc có liên quan đến việc ra sức, tất cả các việc ấy có nguồn sanh khởi cũng ở nghiệp, tất cả các việc ấy tạo thành cũng do nghiệp. -Tâu Đại vương, nếu tất cả các bệnh tật ấy có nguồn sanh khởi chỉ là nghiệp, thì chúng không có các đặc điểm để phân loại. Tâu Đại vương, gió trong khi bi rối loạn thì bị rối loạn theo mười cách: Do lạnh, do nóng, do đói, do khát, do ăn quá độ, do dưng, do tinh tân, do chạy, do việc ra sức, do quả thành tựu của nghiệp. Trong sô đó, có chín cách sanh lên không ở quá khứ, không ở vị lai, mà ở bản thể hiện tại. Vì thế, không nên nói rằng: 66Tat cả các thọ có sự tạo thành do nghiệp.95 Tâu Đại vương, mật trong khi bị rối loạn thì bi rối loạn theo ba cách: Do lạnh, do nóng, do vật thực không đều. Tâu Đại vương, đàm trong khi bị rối loạn thì bị rối loạn theo ba cách: Do lạnh, do nóng, do thức ăn thức uống. Tâu Đại vương, cái nào là gió, cái nào là mật, cái nào là dám, sau khi bị rối loạn do các sự roi loạn bởi chúng, sau khi có sự trộn lẫn thì kéo theo thọ của từng cái một.

Tâu Đại vương, thọ do sự thay đối của mùa tiết sanh lên do sự thay đổi của mùa tiết, thọ do sự sinh hoạt không đều đặn sanh lên do sự sinh hoạt không đều đặn. Tâu Đại vương, thọ có liên quan đến việc ra sức thì có cái do hành động, có cái do quả thành tựu của nghiệp. Thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp sanh lên do nghiệp đã làm trước đây. Tâu Đại vương, như thế do quả thành tựu của nghiệp thì ít, phần còn lại thì nhiều hơn. ở đây, những kẻ ngu vượt quá [khi cho rằng]: "Tất cả đều do quả thành tựu của nghiep" thiếu đi trí tuệ của đức Phật không thể thực hiện việc xác định đôi với nghiệp ấy. Tâu Đại vương, hơn nữa việc bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miêng đả, cảm thọ ấy không có nguồn sanh khởi là gió, không có nguồn sanh khởi là mật, không có nguồn sanh khởi là đàm, không có liên quan đến sự tụ hội [của gió, mật, đàm], không do sự thay đổi của mùa tiết, không do sự sinh hoạt không đều dặn, không do quả thành tựu của nghiệp, chỉ có liên quan đến việc ra sức. Tâu Đại vương, bởi vì Devadatta đã buộc oan trái với đức Như Lai nhiêu trăm ngàn kiêp sông. Do sự oan trái ây, kẻ ây đã câm lây hòn đá to nặng rồi buông ra [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm cho rơi ở đỉnh dU."Khi ấy, có hai tảng đá khác đã tiến đến hứng chịu hòn đá ấy khi còn chưa chạm vào đức Như Lai. Do sự va chạm của chúng, có miêng đá bị bê đã rơi vào bàn chân của đức Thê Tôn và làm chảy máu. Tâu Đại vương, thọ ấy nảy sanh đến đức Thế Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy. Tâu Đại vương, giông như hạt giông không nây mâm hoặc là do tính chát tồi tệ của thửa ruộng, hoặc là do tính chất tồi tệ của hạt giống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế ấy, thọ ấy nảy sanh đến đức Thế Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như vật thực trở nên lổn cổn hoặc là do tính chất tồi tệ của bao tử, hoặc là do tính chất tồi tệ của thức ăn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê ây, thọ ây nảy sanh đên đức Thê Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy. Tâu Đại vương, hơn nữa đối với đức Thế Tôn không có thọ do quả thành tựu của nghiệp, không có thọ do sự sinh hoạt không đều đặn. Đối với đức Thế Tôn, thọ sanh lên do các nguôn sanh khởi còn lại. Hơn nữa, không thê đoạt lây mạng sông đức Thê Tôn bởi thọ ây. Tâu Đại vương, các thọ được ưa thích hay không được ưa thích, tốt hay xấu, rơi xuống ở thân tứ đại này. Tâu Đại vương, ở đây cục đát được ném lên không trung thì rơi xuống đại địa câu. Tâu Đại vương, phải chăng cục đất ấy rơi xuống đại địa cầu do nghiệp đã làm trước đây? 5. Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, không có nhân ấy ở đại địa cầu, mà do nhân ấy đại địa cầu nhận chiu quả thành tựu thiện hay bất thiện. Thưa Ngài, cục đất ấy rơi xuống đại địa cầu do nhân hiện tại không có liên quan đen nghiệp.

902 KINH TIỀU BÔ

-Tâu Đại vương, đại địa cầu là như thế nào thì đức Như Lai nên được xem xét như vậy. Giống như cục đất rơi xuống đại địa cầu không do nghiệp đã làm trước đây, tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đôi với đức Như Lai miêng đá ây đã rơi xuống ở bàn chân không do nghiệp đã làm trước đây. Tâu Đại vương, vả lại ở đây con người cắt xẻ và đào xới đại địa cầu, tâu Đại vương, phải chăng con người cắt xẻ và đào xới đại địa cầu do nghiệp đã làm trước đây? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế

ấy, miếng đá nào đã rơi xuống ở bàn chân của đức Thể Tôn miêng đá ấy đã rơi xuống ở bàn chân của đức Thế Tôn không do nghiệp đã làm trước đây. Tâu Đại vương, còn cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi đến đức Thế Tôn, cơn bệnh ấy đã phát khởi không do nghiệp đã làm trước đây, nó đã phát khởi có liên quan đến chính sự tụ hội [của gió, mật, đàm]. Tâu Đại vương, mọi cơn bệnh thuộc về thân đã phát khởi ở đức Thế Tôn, chúng đã không sanh ra do nghiệp, mà đã được sanh ra từ nguồn sanh khởi nào đó trong số sáu nguồn sanh khởi. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời, nói đến ở lời giải thích cho Moliyasĩvaka ở đoạn Varalañchaka (Dấu an cao quý) thuộc Samyuttanikāya (Tương ưng bộ) rang: "Này Sĩvaka, ở đây, một sô cảm thọ sanh lên có nguôn sanh khởi là mật. Này Sĩvaka, tự bản thân nên biết về điều này ỉa một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật, Này Sĩvaka, ngay cả đổi với thế gian điều này cũng được chấp nhận là sự thật rang một so cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật. Này Sĩvaka, về điều này những Sa-môn, Bà-la-môn nào có học thuyết như vầy, có quan điểm như vầy: 'Bất cứ điều gì mà người nam này cảm giác được, là lạc, hay là kho, hay là không kho không lạc, tất cả điều ấy có nhân là việc đã làm trong quả khứ", họ vượt quả điều đã được tự mình biết, họ vượt quá điêu đã được chập nhận là sự thật ở thê gian. Vì thê, Ta nỏi răng: 'Điêu sai trái thuộc về các Sa-môn, Bà-la-môn ấy. 'Này Sĩvaka, ở đây, mọt sổ cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là đàm. Này Sĩvaka... (nt).. có nguồn sanh khởi là gió. Này Sĩvaka... (nt).. có nguồn sanh khởi là sự tụ hội [của gió, mật, đàm]. Này Sĩvaka (nt)... do sự thay đoi của mùa tiết. Này Sĩvaka (nt) ...do sự sỉnh hoạt không đều đặn, Này Sĩvaka... (rư)...có liên quan đến việc ra sức. Này Sĩvaka một sổ cảm thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp. Này Sĩvaka tự bản thân nên biết ve điều này là một so cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là quả thành tựu của nghiệp. Này Sĩvaka, ngay cả đoi với the gian điều này cũng được chấp nhận là sự thật rằng một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là quả thành tựu của nghiệp. Này Sĩvaka, về điều này những Sa-mônf Bà-ỉa-môn nào có học thuyết như vầy, có quan điểm như vầy: 'Bất cứ điều gì mà người nam này cảm giác được, là lạc, hay là khô, hay là không kho không lạc, tất cả điều ấy có nhân là việc đã làm trong quả khứ, họ vượt quá điều đã được tự mình biết, họ vượt quá điều đã được chấp nhận là sự thật ở thế gian. Vĩ thế, Ta nói rằng: 'Điều sai trải thuộc về các Sa-mônf Bà-la-môn ấy.'"

. F ? r Tâu Đại vương, như thê không han tát cả các thọ sanh ra do quả thành tựu của nghiệp. Tâu Đại vương, sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể toàn tri, xin Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế. Thưa Ngài Nāgasena, tót lăm! Trâm chap nhận điêu này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự cắt đứt pháp bất thiện55 là thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT KHÔNG VIỆC GÌ CÀN PHẢI LÀM THÊM NỮA (Uttarikaranīyābhavapañho) ,1. - Thưa Ngài Nāgasena, Ngài đã nói rằng: í6Bất cứ việc gì cần phải làm đối vói đức Như Lai, tất cả các việc ấy đã được hoàn tất ờ ngay tại gốc cây Bồ-đề. Đối với đức Như Lai, không có việc gì cần phải làm thêm nữa, hoặc sự tích

lũy thêm đối vói việc đã [ám.” Và ba tháng thiền tịnh này được ghi nhận. Thưa Ngài Nâgasena, nếu bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tát cả các việc ây đã được hoàn tát ở ngay tại góc cây Bô-đê. Đôi với đức Như Lai, không có việc gì cần phải làm thêm nữa, hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm, như thế thì lời nói 'ba tháng thiền tinh5 là sai trái. Nếu có ba tháng thiền tịnh, như thế thì lời nói 'bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tất cả các việc ấy đã được hoàn tất ở ngay tại góc cây Bồ-đề5 cũng là sai trái. Không có thiền tịnh đối với người có việc cần phải làm đã được làm xong, thiền tịnh là chỉ riêng đối với người có việc cần phải làm. Giống như chỉ riêng đối với người bị bệnh thì có việc can phải làm với thuốc men, còn đoi với người không bị bệnh thì có việc gì với thuốc men? Chỉ riêng đối với người đói thì có việc cần phải làm với thức ăn, còn đối với người không đói thì có việc gì với thức ăn? Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, không có thiền tinh đoi với người có việc cần phải làm đã được làm xong, thiền tịnh là chỉ riêng đối với người có việc cần phải làm. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh. Nó được dành cho Ngài, nên được giải quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tất cả các việc ây đã được hoàn tát ở ngay tại góc cây Bô-đê. Đôi với đức Như Lai, không có việc gì cần phải làm thêm nữa5 hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm, và đức Như Lai có thiền tịnh ba tháng. Tâu Đại vương, thiền tinh quả là có nhiều công đức. Tất cả các đức Như Lai đều thiền tịnh rồi mới đạt đến bản thể toàn tri. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, các Ngài tiến hành thiền tịnh. Tâu Đại vương, giống như người nam đã nhận được ân huệ, đã đạt được của cải nhờ vào sự thân cận đức vua. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tót đẹp ây, gã liên tục đi đên phục vụ đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, tát cả các đức Như Lai đêu thiên tịnh roi mới đạt đến bản thể toàn tri. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, các Ngài tiến hành thiền tịnh. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam bị nhiễm bệnh, khổ sở? có bệnh trầm trọng, sau khi đến gặp người thầy thuốc thì thành tựu sự an vui.

Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, gã thường xuyên đi đến gặp người thầy thuốc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tất cả các đức Như Lai đều thiền tinh rồi mới đạt đến bản thể toàn tri. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, các Ngài tiến hành thiền tịnh. 3. Tâu Đại vương, hơn nữa đây là hai mươi tám đức tính của thiền tinh. Trong khi thấy rõ những đức tính này, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh. Hai mươi tám đức tính gì? Tâu Đại vương, ở đây thiền tịnh hộ trì bản thân người đang thiền tịnh, làm tăng trưởng tuổi thọ, ban cho sức mạnh, lấp lại tội lỗi, loại trừ điều tai tiếng, đem lại danh tiếng, xua đi sự không hứng thú, cung cấp sự hứng thú, loại trừ sự sợ hãi, làm sanh lên sự tự tin, loại trừ sự lười biếng, tạo ra sự tinh tấn, loại trừ sự tham đắm, loại trừ sự sân hận, loại trừ sự si mê, tiêu diệt sự ngã mạn, phá vỡ sự suy tư, làm cho tâm chuyên nhất, làm cho tâm được trong sáng, sanh ra sự tươi vui, tạo sự kính trọng, làm cho đạt được sự lợi ích, tạo sự cung kính, khiến cho thành tựu hỷ, tạo sự hân hoan, làm cho thấy được bản thể của các sự tạo tác, diệt trừ sự nối liền với việc tái sanh, ban cho toàn bộ Sa-môn hạnh. Tâu Đại vương, đây là hai mươi tám đức tính của thiền tịnh. Trong khi thấy rõ những đức tính này, các đức Như Lai

tiến hành thiền tinh. Tâu Đại vương, hơn nữa với ý muốn tận hưởng sự an tinh, an lạc, sự hứng thú trong việc chứng dạt, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh với ý định dứt khoát. Tâu Đại vương, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh vì bốn lý do. Vì bốn lý do gì? Tâu Đại vương, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh vì tính chất an lạc của việc cư trú, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh nhằm sự gia tăng đức hạnh của việc không phạm lỗi lầm, các đức Như Lai tiến hành thiền tinh vì đường lối trọn vẹn của bậc Thánh, các đức Như Lai tiến hành thiền tinh vì đã được tán dương, khen ngợi, ca tụng của tất cả chư Phật. Tâu Đại vương, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh vì bốn lý do này. Tâu Đại vương, như thế các đức Như Lai tiến hành thiền tinh không phải vì có việc gì cần phải làm, không phải vì sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Quả vậy, các đức Như Lai tiến hành thiền tinh vì thấy được tính chất đặc biệt về đức tính [của thiền tịnh]. -Thưa Ngài Nãgasena, tót lăm! Trâm châp nhận điêu này đúng theo như vậy. uCâu hỏi về tính chất không việc gì cần phải làm thêm nữa95 là thứ chín.

10. CAU HỎI VỀ Sự NHẬN THỨC ĐỐI VỚI NĂNG Lực CỦA THẦN THONG (Iddhibaladassanapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: uNày Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập, được thưc hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, đươc khởi đầu tốt đẹp. Nay Ānanda, Như Lai trong khi mong muốn có thể tồn tại môt kiếp hoặc hơn một kiếp.^ Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: “Tỉr nay cho đến hết ba tháng, Như Lai sẽ viên tịch Niết-bàn” Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói

bởi đức Thế Tôn là: "Ny Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập,... (nt)... có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp95, như thế thì giới hạn ba tháng là sai trái. Nếu việc giới hạn ba tháng là sự thật, như thế thì lời nói rằng: “C6 thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp" là sai trái. Đối với các đức Như Lai, không có việc đã phát biểu về điều không có cơ sở. Chư Phật, Thế Tôn có lời nói không rồ dại, có lời nói chân thật, có lời nói không hai nghĩa. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, thâm sâu, vô cùng khôn khéo, khó phân giải. Nó được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy phá vỡ mạng lưới tà kiến này. Xin Ngài hãy xác định về điều chắc thật. Xin Ngài hãy đánh đổ học thuyết của những kẻ khác. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 66Này Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập,..(nt).. có thể tồn tại một kiep hoặc hơn một kiếp.w Và ệiới hạn ba tháng đã được nói đên. Và hơn nữa, kiêp ây được gọi là kiêp của tuôi thọ. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn không phải là đang tán dương năng lực của bản thân mà đã nói như vậy. Tuy nhiên, tâu Đại vương, đức Thê Tôn trong khi đang tán dương năng lực của thần thông mà đã nói như vậy: “Ny Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập5... (nt)... có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp/9 Tâu Đại vương, giống như con ngựa thuần chủng của đức vua có sự di chuyển nhanh với tốc độ của gió. Đức vua trong khi tán dương năng lực về tốc độ của con ngựa có thê nói ở giữa dân chúng gôm có thị dân, dân chúng, nhân công, binh lính, Bà-la-môn, gia chủ, và các quan đại thần như vầy: "Này

các khanh, con ngựa quý giá này của trẫm trong khi mong muốn có thể đi dọc theo trái đất được bao quanh bởi nước của biên cả roi đi vê đây trong giây lat?9 Dầu không phô bày sự di chuyển nhanh chóng cho hội chúng ấy, nhưng sự nhanh chóng ây của nó được biết đến, và nó có khả năng đi dọc theo trái đất được bao quanh bởi nước của biển cả trong giây lát. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn không phải là đang tán dương năng lực của bản thân mà đã nói như vậy. Tuy nhiên, điều ấy đã được nói [bởi đức Thế Tôn] sau khi ngồi xuống ở giữa các vị A-la-hán có ba minh, sáu thắng trí, không ô nhiễm, có các lậu hoặc đã cạn kiệt, cùng với chư thiên và nhân loại rang: “Này Ānanda, bon nen tảng ve thần thông của Như Lai đã được tu tập, được thực hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp. Này Ānanda, Như Lai trong khi mong muốn có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kỉépy Tâu Đại vương, và năng lực thần thông ấy của đức Thế Tôn được biết đến, và đức Thế Tôn có khả năng tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp nhờ vào năng lực thần thông. Nhưng đức Thế Tôn không phô bày năng lực thần thông cho hội chúng ấy. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn không có mong muốn đối với tất cả các hữu, và đối với đức Thế Tôn tất cả các hữu là bị chê trách. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thê Tôn nói đên: “Này các Tỳ-khưu, cũng như phân bò dầu chỉ chút ít cũng có mùi thoi, này các Tỳ-khưuf tương tợ y như

thê, Ta không ca ngợi vê sự hiện hữu dâu chỉ chút ít, thậm chỉ chỉ là thời gian của một khảy móng tayy Tâu Đại vương, sau khi xem tất cả các hữu, các cảnh giới, và các nguồn đưa đến tái sanh là tương đương với phân bò, phải chăng đức Thế Tôn còn thể hiện sự ước muốn và tham đắm ở các hữu thông qua năng lực của thần thông? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, chính vì điều ấy trong khi tán dương năng lực của thần thông đức Thế Tôn đã gầm lên tiếng rống sư tử của bậc Giác Ngộ có hình thức như thế. J Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự nhận thức đối vói năng lực của thần thông" là thứ mười. Phẩm Năng lực của thần thông ỉa phẩm thứ nhất (ở phẩm này có mười câu hỏi)

n. PHẨM KHÔNG BỊ CHIA RẼ (ABHEJJAVAGGO)

ỉ. CÂU HỎI VỀ CÁC ĐIÊU NHỎ NHẶT VÀ TIỂU TIẾT (Khuddānukhuddakapañho) 1.

Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 6'Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí.” Và còn nữa, ờ sự quy đinh về Luật, Ngài đã nói như vầy: wNày Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hoi chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết.59 Thưa Ngài Nâgasena, về việc đức Thế Tôn bảo hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết sau khi Ngài đã tịch diệt, phải chăng các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết đã được quy đinh sai, hay là đã được quy đinh khi không có sự việc [xảy ra], sau khi đã không nhận biết? Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: “Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không

do thắng trí”như thế thì lời nói rằng: í6Này Ānanda, sau khi Ta tịch diet, hoi chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiểf9 là sai trái. Nếu ở sự quy đinh về Luật, đức Như Lai đã nói như vầy: “NAy Ānanda, sau khi Ta tịch diet, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiếf\ như thế thì lời nói: 6'Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, tinh vi, tế nhị, vô cùng khôn khéo, vô cùng sâu xa, khó phân giải. Nó được dành cho Ngài, ở đây, xin Ngài hãy thể hiện sự triển khai ve năng lực trí tuệ của Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí.” Và ở sự quy định về Luật, Ngài đã nói như vầy: wNày Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết.” Tâu Đại vương, đức Như Lai đã nói điều ấy trong khi thử thách các vị Tỳ-khưu rằng: “Sau khi Ta tịch diệt, các đệ tử của Ta, trong khi hết bị ràng buộc với Ta, thì sẽ loại bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết, hay là sẽ gắn b6?" Tâu Đại vương, giống như đức Chuyển Luân Vương có thể nói với các con trai như vầy: "Này các con, lãnh thổ rộng lớn này được bao bọc bởi đại dương ở tất cả các phương. Này các con, để duy trì chừng ấy [lãnh tho] bang binh lực là việc làm khó khăn. Này các con, sau khi

ta băng hà các con hãy buông bỏ các khu vực biên dja." Tâu Đại vương, phải chăng sau khi vua cha băng hà? các hoàng tử có thể buông lơi tất cả các khu vực biên địa ấy là phần lãnh tho đã nắm trong tay? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, các vị vua còn ham muốn nhiều hơn. Các hoàng tử vì lòng tham đối với vương quốc có thể tóm thâu lãnh thổ hai lần ba lần hơn thế nữa, làm sao họ có thể buông lơi phần lãnh thổ đã nắm trong tay? -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai trong khi thử thách các vi Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết." Tâu Đại vương, nhăm giải thoát hoàn toàn khô đau, những người con trai của đức Phật với lòng tham muốn về giáo pháp có thể gìn giữ còn nhiều hơn một trăm năm mươi điều học, làm sao các vị lại buông lơi điều học đã được quy định theo truyền thống? Thưa Nẹài Nâgasena, điều mà đức Thế Tôn đã nói về "các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiểf\ ở đây đám người này là mê muội, bị sanh khởi nỗi phân vân, bị tác động, bị khởi lên sự nghi ngờ. Các điều học nhỏ nhặt ấy là các điều nào? Các điều học tiểu tiết là các điều nào? -Tâu Đại vương, điều học nhỏ nhặt là tội dukkata (đã làm sai trái). Điều học tiểu tiết là tội dubbhāsitā (đã nói sai trái). Hai loại này là các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết. Tâu Đại vương, các vị Đại trưởng lão trước đây đã nêu lên sự phân vân về điều này. Do đức Thế Tôn mà câu hỏi này đã được nêu ra; nó cũng đã gây ra sự không đồng nhất trong cuộc thảo luận về việc duy trì giáo pháp bởi các vị ấy. Thưa Ngài Nâgasena, điều bí ẩn của đấng Chiến Thắng bị bỏ quên bấy lâu, vào lúc này hôm nay đã được mở ra, đã được làm rõ ràng ở thế gian. “Câu hỏi về các điều nhỏ nhặt và tiểu tiết” ỉa thứ nhất

2. CÂU HỎI VÈ CÂU TRẢ LỜI NÊN ĐƯỢC ĐÌNH CHỈ (Thapantyabyākaranapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Ānanda, không có bàn tay nắm lại của vị thầy ờ các giáo lý của đức Như Lai.” Và thêm nữa khi được Trưởng lão Māluñkyaputta hỏi cau hỏi, Ngài đã không trả lời. Thưa Ngài Nãgasena, câu hỏi này có hai đầu mối và sẽ được nương vào một đầu mối: Hoặc là do sự không biết hoặc là do việc che giấu. Thưa Ngài Nāgasena. nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: uNày Ānanda, không có bàn tay nắm lại của vi thầy ờ các giáo lý của đức Như Lai”như thế thì do không biết mà đã không trả lời cho Trưởng lão Māluñkyaputta. Nếu trong khi biết mà đã không trả lời, như thế thì có bàn tay nắm lại của vị thầy ở các giáo lý của đức Như Lai. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

MILĨNDAVẤN ĐẠO 909

2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Ny Ānanda, không có bàn tay nắm lại của vi thầy ờ các giáo lý của đức Như Lai”, và câu hỏi được hỏi bởi Trưởng lão Māluñkyaputta đã không được trả lời. Nhưng điều ấy không phải do sự không biết, không phải do việc che giấu. Tâu Đại vương, đây là bốn cách trả lời câu hỏi. Bốn cách nào? "Câu hỏi nên được trả lời dứt khoát, câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích, câu hỏi nên được trả lời bằng sự hỏi lại, câu hỏi nên được đình chí." Tâu Đại vương, câu hỏi nên được trả IM dứt khoát là câu hỏi nào? “C6 phải sắc là vô thường,, là câu hỏi nên được trả lời dứt khoát. UCÓ phải thọ là vô thuơng", "c6 phải tưởng là vô thuơng”"c6 phải các hành là vô thuơng", “c6 phải thức là vô thuơng" là câu hỏi nên được trả lời dứt khoát. Đây là câu hỏi nên được trả lời dứt khoát. Câu hỏi nên được trả lòi sau khi phân tích là câu hỏi nào? "Chẳng lẽ sắc là vô thường,, là câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích. "Chẳng lẽ thọ là vô thuơng”, "chẳng lẽ tưởng là vô thuơng", "chẳng lẽ các hành là vô thuơng”, "chẳng lẽ thức là vô thường55 là câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích. Đây là câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích. Câu hỏi nên được trả lời bằng sự hỏi lại là câu hỏi nào? 'Thải chăng nhận thức mọi thứ bằng con mắt?,, Đây là câu hỏi nên được trả lời bằng sự hỏi lại. Câu hỏi nên được đình chỉ là câu hỏi nào? “Thế giới là thường c6n” là câu hỏi nên được đình chí. “Thế giới là không thường cím", “thế giới là có giới hạn”, "thế giới là không có giới hạn", "thế giới là có giới hạn và không có giới hạn", "thế giới không phải là có giới hạn và cũng kh6ng phải là không có giới hạn”, “mạng sống là vật ấy thân thể là vật ấy", “mạng song là vật khác thân thể là vật khác9\ "c6 phải đức Như Lai hiện hữu ở nơi khác sau khi chết”, “c6 phải đức Như Lai không hiện hữu ở nơi khác sau khi chếf\ "c6 phải đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết", "c6 phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chef là câu hỏi nên được đình chỉ. Đây là câu hỏi nên được đình chỉ. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã không trả lời câu hỏi nên được đình chỉ ấy của Trưởng lão Māluñkyaputta. Vậy thì vì lý do gì mà câu hỏi ấy là nên được đình chỉ? Không có nguyên nhân hay là lý do cho việc làm sáng tỏ nó, do đó câu hỏi ấy là nên được đình chỉ. Đối với chư Phật Thế Tôn, không có việc thốt lên lời nói không có lý do, không có nguyên nhân. -Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc trả lời nên được đình chí” là thứ

nhì.

3. CÂU HỎI VỀ VIỆC SỢ HÃI HAY KHÔNG sợ HÃI sự CHẾT (Maccubhāyanābhāyanapañho) L Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"ất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết.55 Và thêm nữa Ngài đã nói rằng: 6íVị A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hãi/5 Thưa Ngài Nâgasena, phải chăng vị A-la-hán không run sợ đoi với mọi sự sợ hãi ve hình phạt? Hay là các chúng sanh địa ngục bị đốt cháy, bị đun sôi, bi đốt nóng, bị đun nóng ở địa ngục, trong khi đang chết từ đại địa ngục có màng lưới lửa cháy rực ấy, mới sợ hãi sự chết? Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sự hãi sự chết", như thế thì lời nói rằng A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hi" là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Vj A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hi", như thế thì lời nói rằng: uTất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. Tâu Đại vương, lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn: "Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết" là không liên quan đến các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vi A-la-hán trừ diệt. Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có phiên não, có tà kiến về bản ngã quá lố, có tính khí thăng trầm theo lạc và khổ, thì điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: wTất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết55 là liên quan đến những người ấy. Tâu Đại vương, đối với vị A-la-hán, tất cả cảnh giới tái sanh đã bị chặt dứt, nguồn sản xuất đã bị tiêu hoại, sự nối liền với việc tái sanh đã bị hủy diệt, khung sườn đã bị phá vỡ, tất cả các điều kiện của hữu đã bi tiêu hủy, tất cả các hành đã bị trừ tuyệt, thiện và bất thiện đã bị thủ tiêu, vô minh đã bi tiêu tan, thức không còn chủng tử đã được tạo lập, tất cả phiền não đã được đốt cháy, các pháp thế gian đã được vượt lên; vì thế vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi. Tâu Đại vương, ở đây bốn vị quan đại thần của đức vua là trung thành, đã đạt danh tiếng, được tin cậy, được phong tước vi có quyên hành lớn lao. Roi vào lúc có sự việc cân làm nào đó sanh khởi, đức vua ra lệnh đến tất cả dân chúng ở trong lãnh địa của mình rằng: "Hết thảy tất cả hãy nộp thuế cho trẫm. Các khanh, bốn quan đại thần, hãy hoàn thành sự việc cần làm ấy." Tâu Đại vương, phải chăng sự run sợ do nỗi sợ hãi về thuế có thể sanh khởi cho bốn vị quan đại thần ấy? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, bốn người ấy đã được đức vua phong tước vi tối cao. Không có thuế má đối với họ. Họ vượt qua khỏi các loại thuế má. Điều đã được đức vua ra lệnh: “Hết thảy tất cả hãy nộp thuế cho trẫm" là liên quan đến những người còn lại. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn là không liên quan đến các vi A-la-hán. Các vi A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vị A-la-hán trừ diệt. Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có phiên não, có tà kiên vê bản ngã quá lô, có tính khí

thăng trầm theo lạc và khổ, thì điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: 66[ất cả run sợ hình phạt, tất cả sự hãi sự chết55 là liên quan đến những người ấy. Do đó, vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi. Thưa Ngài Nāgasena, lời nói ấy không bao gồm phần còn lại, lời nói "tất cả" ấy là trừ ra phần còn lại. về việc ấy, xin Ngài hãy nói cho trẫm thêm về lý do để xác định lời nói ấy. -Tâu Đại vương, ở đây người trưởng làng ở ngôi làng có thể ra lệnh cho viên mõ làng rằng: "Này ông mõ làng, hết thảy tất cả dân làng ở trong làng hãy mau chóng tụ tập lại trước mặt t6i.” Người ây, sau khi chấp nhận: í6Tốt lắm, thưa trưởng làng”, đã đứng ở giữa làng thông báo ba lần rằng: “Hết thảy tất cả dân làng ở trong làng hãy mau mau tụ tập lại trước mặt trưởng lang/9 Sau đó, do lời nói của viên mõ làng, các dân làng đã cấp tốc tụ tập lại rồi báo cho ông trưởng làng rang: "Thua trưởng làng, tất cả dân làng đã tụ tập lại. Ngài có việc gì cần làm, xin hãy tiến hành điều ấy.55 Tâu Đại vương, người trưởng làng ấy, trong khi bảo những người chủ chốt tụ tập lại, thì ra lệnh cho tất cả dân làng như thê, và những người (dân làng) ấy dầu được ra lệnh nhưng không phải tất cả đều tụ tập lại, chỉ có những người chủ chốt tụ tập lại. Và người trưởng làng chấp nhận như thế: “Chí bấy nhiêu là dân làng của t6i." Những người khác đã không đen là nhiều hơn: Đàn bà, đàn ông, tớ gái, tôi nam, người làm thuê, nhân công, khách lữ hành, nạười bệnh, bò, trâu, dê5 cừu, chó; tất cả những ai không đến đều không tính. Điểu đã được ra lệnh: “Tất cả hãy tụ tap“i" chỉ liên quan đến những người chủ chốt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế5 lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn là không liên quan đến các vị A-la-hán. Các vi A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vi A-la-hán trừ diệt. Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có phiền não? có tà kiến về bản ngã quá lố, có tính khí thăng trầm theo lạc và khổ, thì điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: "'Tat cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết" là liên quan đến những người ấy. Do đỏ, vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi. Tâu Đại vương, có lời nói thiếu sót với ý nghĩa thiếu sót, có lời nói thiếu sót với ý nghĩa khônẹ thiếu sót, có lời nói không thiếu sót với ý nghĩa thiếu sót, có lời nói không thiêu sót với ý nghĩa không thiêu sót. Y nghĩa nên được tiếp thu theo từng trường hợp một. Tâu Đại vương, ý nghĩa nên được tiêp thu theo năm cách: Theo đoạn văn trích dẫn, theo nghĩa chính yếu, theo truyền thống của vị thầy, theo ý định, theo tính chất vượt trên lý do. Chính ở đây, "đoạn văn trích dẫn” là đoạn kinh thích hợp, "nghĩa chính yếu,5 là phù hợp với kinh, "truyền thống của vi tịiầy" là học thuyết của vi thầy, uý djph" là quan niệm của bản thân, "tính chất vượt trên lý do” là lý do đã được tổng hợp từ bốn cách này. Tâu Đại vương, ý nghĩa nên được tiếp thu theo năm lý do này. Câu hỏi ấy nên được giải quyết một cách khéo léo đúng y như thế.

2. Thưa Ngài Nāgasena, hãy là như vậy, trẫm chấp nhận điều ấy. Xem như các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này, và các chúng sanh còn lại run sợ. Trái lại, các chúng sanh địa ngục ở nơi địa ngục, trong khi cảm nhận các thọ khổ sắc bén, nhức nhối, với tất cả các phần thân thể và tứ chi bị thiêu đốt, bi đốt cháy, với miệng khóc lóc, rên rỉ thảm thương, than vãn, van xin, bi nhận lãnh các nỗi kho đau sắc bén không the chịu đựng, không có sự bảo vệ, không nơi nương nhờ, ở tình trạng không có chốn nương nhờ, không ít sầu bệnh, có cảnh giới tái sanh tận sau cùng, chôn đên kê tiêp

toàn là sâu muộn, có sự đót cháy và chói sáng nóng bức, mãnh liệt, dữ tợn và thô tháo, có các âm thanh ồn ào của tiếng gào thét gây ra sự khiếp đảm và sợ hãi, bị bao vây bởi màng lưới lửa sáu màu kết lại với nhau, với cường độ của ngọn lửa tỏa nóng đến một trăm do-tuần ở xung quanh, trong khi nói đến đại địa ngục cùng cực, nóng bức, có phải họ sợ hãi sự chết? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Thưa Ngài Nâgasena, chẳng lẽ địa ngục là phải chịu cảm thọ toàn là khổ đau? Hơn nữa, tại sao các chúng sanh địa ngục phải chịu cảm thọ toàn là khổ đau lại sợ hãi sự chết trong khi lìa khỏi địa ngục? ở địa ngục có cái gì mà họ thích thú? Tâu Đại vương, không phải các chúng sanh địa ngục ấy thích thú nơi địa ngục, chúng quả có mong muốn được giải thoát khỏi địa ngục. Tâu Đại vương, điều ấy là oai lực của sự chết, vì điều ấy mà sự run sợ sanh khởi ở các chúng sanh ấy. Thưa Ngài Nâgasena, trẫm không tin điều ấy là việc sự run sợ sự chết sanh khởi ở những người có mong muốn được giải thoát. Thưa Ngài Nâgasena, việc những người ây đạt được điêu đã mong mỏi; sự kiện ây nực cười. Xin Ngài . A r

hãy giúp cho trâm hiêu băng lý lẽ. 3. Tâu Đại vương, cái "su chết" này là cơ sở đem lại sự run sợ cho những người chưa nhìn thấy sự thật; hạng người này run sợ và bị kích động về việc này. Tâu Đại vương, và người nào sợ hãi rắn mãng xà, người ấy trong khi sợ hãi sự chết thì sợ hãi rắn mãng xà. Và người nào sợ hãi voi,... (nt). sợ hãi sư tử, hổ, báo, gấu, chó sói, trâu rừng, bò mộng, lửa, nước, chông, gai. Và người nào sợ hãi gươm dao, người ấy trong khi sợ hãi sự chết thì sợ hãi gươm đao. Tâu Đại vương, việc chúng sanh còn phiền não run sợ, sợ hãi sự chết, điều ấy là quyên lực của thực chát và bản thê của sự chét. Tâu Đại vương, mặc dâu có mong muốn được giải thoát chúng sanh địa ngục cũng run sợ sự chết. Tâu Đại vương, ở đây có bệnh mỡ đóng cục sanh khởi ở thân thể của người đàn ông. Người ấy bị khổ sở vì căn bệnh ấy, có ước muốn được thoát khỏi hẳn cơn nguy kịch, nên cho mời người thầy thuốc phẫu thuật. Người thầy thuốc phẫu thuật, sau khi chấp nhận người ấy, sẽ đem lại dụng cụ để lấy đi căn bệnh ấy của người ấy, sẽ mài bén con dao mổ, sẽ đặt thanh dẹp cho việc đốt nóng

MILINDA VẤN ĐẠO > 913

ở ngọn lửa, sẽ cho nghiền nát chất kiềm và muối ở đá nghiền, tâu Đại vương, phải chăng sự run sợ có thể sanh khởi ở người bệnh ấy do việc mổ xẻ bằng con dao bén, do việc đốt nóng bằng hai thanh dẹp, do việc đắp vào chất kiềm và muối? Thưa Ngài, đúng vậy. 4. -Tâu Đại vương, như thê người bệnh ay? mặc dâu có ước muôn được giải thoát khỏi căn bệnh, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi về cảm thọ sanh khởi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các chúng sanh địa ngục mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết sanh khởi. Tâu Đại vương, ở đây có người là kẻ phạm tội đối với chủ nhân bị bắt, bị tống vào phòng giam với sự trói lại bằng sợi xích, có ước muốn được tự do. Chủ nhân ấy, có ý muốn trả tự do, bảo đưa người ấy đến, tâu Đại vương, phải chăng sự run sợ do việc nhìn thấy chủ nhân sẽ sanh khởi ở người ấy, là kẻ phạm tội đối với chủ nhân, trong khi biết rằng: "Ta đã làm quấy” Thưa Ngài, đúng vậy. Tâu Đại vương, như thê người áy, là kẻ phạm tội đôi với chủ nhân, mặc dầu có ước muốn được tự do, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi chủ nhân sanh khởi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với các người ở địa ngục,

mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết cũng sẽ sanh khởi ở nơi họ. Thưa Ngài, xin hãy nói thêm về lý do khác nữa, nhờ vào lý do ấy trẫm có thể xác định niềm tin. 5. Tâu Đại vương, ở đây có người nam bi cắn bởi rắn độc có nọc độc ở nanh. Do tác động của nọc độc ấy, người ấy ngã xuống, té lên, lăn qua, lăn lại. Khi ấy, có một người nam khác với câu bùa chú có năng lực đem lại con rắn độc có nọc độc ở nanh ấy, rồi cho hút ngược trở lại nọc độc ở nanh ấy, tâu Đại vương, đối với người nam bi nhiễm nọc độc ấy, khi con rắn có nọc độc ở nanh ấy đang tiến đến gần với nguyên nhân tốt lành, phải chăng nỗi run sợ có thể sanh annual ay? v

-Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, ở hình thức tương tợ như thế, trong khi con rắn đang tiến đến gần, mặc dầu với nguyên nhân tốt lành, nỗi run sợ cũng sanh khởi ở người áy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê đôi với các chúng sanh ở địa ngục, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết cũng sanh khởi nơi họ. Tâu Đại vương, đối với tất cả chúng sanh, sự chết là điêu không được mong muôn. Do đó, các chúng sanh ở địa ngục, mặc dâu có ước muôn được giải thoát khỏi địa ngục, cũng sợ hãi vê sự chét. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc sợ hãi hay không sợ hãi sự chếtw là thứ ba.

4. CÂU HỎI VÈ Sự THOÁT KHỎI CÁI BẢY CỦA THẦN CHẾT (Maccupâsãmuttìkapaũhò) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 66Không phải ờ bầu trời, không phải ờ giữa biển khoi, không phải đã đi vào khe của những ngọn núi mà tử thân không thê áp đảo người đứng ờ nơi áy, vì khu vực ấy ờ trên trái đất không được tìm thấy.” Và thêm nữa, các chú thuật hộ trì đã được đức Thế Tôn chỉ ra như là: Ratanasutta, Khandhaparitta^ Moraparitta^ Dhạiaggaparìtta^ Ātānāfiyaparitta9 AhgulimũỊaparitta. Thưa Ngài Nâgasena, nếu cho dầu đi đến không trung, cho dầu đi đến giữa biển khơi, cho dầu đi đến tòa lâu đài, chòi, hang, động, sườn núi, hốc kẹt, khe núi, bên trong tảng đá mà cũng không được thoát khỏi gông cùm của thần chết, như thế thì công việc chú thuật hộ trì là sai trái. Nếu do công việc chú thuật hộ trì mà có sự thoát khỏi gông cùm của thần chết, như thế thì lời nói rằng: uKhông phải ờ bầu trời,... (nt). không được tìm thấy” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, bị thắt lại còn hơn nút thắt, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Không phải ở bâu trời, không phải ở giữa biên khơi, không phải đã đi vào khe của những ngọn núi mà tử thần không thể áp đảo người đứng ở nơi ấy, vì khu vực ấy ở trên trái đất không được tìm thấyy Và các bài kinh hộ trì đã được đức Thế Tôn chỉ ra. Tuy nhiên, điều ấy là dành cho người có tuổi thọ vẫn còn, đã đạt đến tuổi trưởng thành, sự ngăn cản của nghiệp đã được trừ khử, tâu Đại vương, nhưng không có việc áp dụng hay sự nỗ lực để duy trì đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt. Tâu Đại vương, giống như đối với cây đã chết, khô héo, ráo nhựa, hết tươi tắn, sức sống đã bị ngưng lại, sự tạo tác của tuổi thọ đã qua, trong khi rưới nước dầu là một ngàn chậu cũng không thể trở nên tươi tắn hoặc có trạng thái

đâm chồi mọc lá xanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có việc áp dụng hay sự nỗ lực để duy trì đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt bằng thuốc men và việc làm chú thuật hộ trì. Tâu Đại vương, những thuốc men chữa bệnh ở trên trái đất thì cũng không làm được phận sự gì đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt. Tâu Đại vương, chú thuật hộ trì bảo vệ, gìn giữ người có tuổi thọ vẫn còn, đã đạt đến tuổi trưởng thành, sự ngăn cản của nghiệp đã được trừ khử. Vì sự lợi ích ấy mà các chú thuật hộ trì đã được đức Thế Tôn chỉ ra. Tâu Đại vương, giống như người nông dân có thể ngăn cản việc dẫn nước vào khi lúa đã chín đều, cọng lúa đã khô. Trái lại, khi cây lúa còn non, tương tợ như đám mây, đã đạt đen lúc trưởng thành, thì nó phát triển nhờ vào sự cung cáp nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê đôi với người có tuôi thọ đã cạn kiệt, các việc áp dụng thuốc men và chú thuật hộ trì bi đình chỉ, bi chối bỏ. Trái lại, những người có tuôi thọ vân còn, đã đạt đên tuôi trưởng thành, vì lợi ích cho

những người ấy chú thuật hộ trì và thuốc men được đề cập đến. Những người ấy lớn mạnh nhờ vào chú thuật hộ trì và thuốc men. 3. Thưa Ngài Nāgasena, nếu người có tuổi thọ đã cạn kiệt thì chết, người có tuổi thọ vẫn còn thì sống, như thế thì chú thuật hộ trì và thuốc men là không có lợi ích. -Tâu Đại vương, có phải Ngài đã được nhìn thấy trước đây một loại bệnh nào đó được đẩy lùi bởi các loại thuốc men? Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được nhìn thấy hàng trăm. -Tâu Đại vương, như thế thì lời nói rằng: "Việc áp dụng chú thuật hộ trì và thuốc men không có lọd ích" là sai trái. Thưa Ngài Nāgasena, các sự nô lực của các thây thuôc gôm có thuôc men, thức uống, cao bôi được nhìn thấy, nhờ sự nỗ lực ấy của các thầy thuốc mà căn bệnh được đẩy lùi. -Tâu Đại vương, trong khi những người đang tụng đọc các chú thuật hộ trì thì tiếng của họ được nghe, lưỡi bi khô, tim đập mạnh, cổ họng bị khan tiếng. Nhờ vào sự vận hành ấy của các chú thuật hộ trì mà tất cả các bệnh tật được tiêu trừ, tất cả các sự rủi ro qua đi. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nhìn thấy trước đây người nào đó bị rắn cắn đang tẩy trừ nọc độc, đang làm tiêu tan nọc độc, đang rửa sạch bên trên bên dưới nhờ vào câu chú thuật? 4. Thưa Ngài, đúng vậy. Thậm chí vào lúc này hôm nay điều ấy vẫn tồn tại ở thế gian. Tâu Đại vương, như thế thì lời nói rằng: "Việc áp dụng chú thuật hộ trì và thuốc men không có lọd ích" là sai trái. Tâu Đại vương, bởi vì người có chú thuật hộ trì đã được thực hiện thì con rắn, có ý đinh cắn, vẫn không cắn và ngậm lại cái miệng đã há ra. Thậm chí cây côn của các kẻ trộm dầu đã được nâng lên cũng không có tác dụng; chúng buông rơi cây côn và thể hiện sự trìu mến. Ngay cả con long tượng bị lên cơn giận dữ đang lao đến cũng diu lại. Khối lửa lớn đã phát cháy đang tiến gần cũng bị tắt ngấm. Thậm chí chất độc dữ tợn đã được ăn vào tự biến thành thuốc giải độc hoặc là phát tán theo dạng thức ăn. Những kẻ giết người có ý đinh giết chết sau khi đen gan thì trở nên trạng thái của người nô lệ. Ngay cả bẫy sập đã được bước lên cũng không hoạt động. Tâu Đại vương, hơn nữa Đại vương đã được nghe trước đây về con chim công có chú thuật hộ trì đã được thực hiện khiến người thợ săn trong bảy trăm năm đã không thể dụ đến gần bẫy sập. Khi chú thuật hộ trì không được thực hiện thì chính vào ngày ấy người thợ săn đã dụ được nó vào bẫy sập. Thưa Ngài, có được nghe. Tiếng đồn ấy đã được loan truyền ở thế gian có cả chư thiên. 5. y Tâu Đại vương, như thế thì lời nói

rằng: "Việc áp dụng chú thuật hộ trì và thuốc men không có lợi ích,, là sai trái. Tâu Đại vương, hơn nữa Đại vương đã được nghe trước đây về người khổng lồ, trong khi gìn giữ người vợ, liền cho

vào vỏ bọc, nuôi vào và mang theo ở trong bụng. Khi ây, có người thây pháp đã đi vào miêng của người không lô ây và vui thú với người vợ. Đên khi người khổng lô ây biêt được thì ói ra cái bọc roi mở nó ra. Khi cái bọc được mở ra thì người thầy pháp đã thoát thân theo như ý muốn. Thưa Ngài, có được nghe. Tiếng đồn ấy cũng đã được loan truyền ở thế gian có cả chư thiên. -Tâu Đại vương, không lẽ người thây pháp ây được thoát khỏi sự bát giữ nhờ vào năng lực của chú thuật hộ trì? Thưa Ngài, đúng vậy. Tâu Đại vương, như thế thì có năng lực của chú thuật hộ trì. 6. Tâu Đại vương, hơn nữa phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây về một người thầy pháp khác gian díu với hoàng hậu ở nội cung của đức vua xứ Bārānasī, trong khi đang bị bắt giữ thì trong phút chốc đã trở nên không còn nhìn thấy nhờ vào năng lực của chú thuật? Thưa Ngài, có được nghe. -Tâu Đại vương, không lẽ người thầy pháp ấy được thoát khỏi sự bắt giữ nhờ vào năng lực của chú thuật hộ trì? Thưa Ngài, đúng vậy. Tâu Đại vương, như thế thì có năng lực của chú thuật hộ trì. Thưa Ngài Nâgasena, có phải chú thuật hộ trì bảo vệ cho tất cả? Tâu Đại vương, bảo vệ một sô người, không bảo vệ một sô người. -Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì chú thuật hộ trì là không có lợi ích cho tất cả. Tâu Đại vương, phải chăng vật thực bảo vệ mạng sông cho tát cả? Thưa Ngài, bảo vệ một số người, không bảo vệ một số người. Vì lý do gì? Thưa Ngài, khi một số người ăn vào quá nhiều chính vật thực ấy thì bị chết vì bệnh ói mửa. -Tâu Đại vương, như thế thì vật thực không bảo vệ mạng sống cho tất cả. Thưa Ngài Nãgasena, vật thực tước đoạt mạng sống vì hai lý do: Do đã ăn quá nhiều hoặc do năng lực yếu kém của lửa [tiêu hóa]. Thưa Ngài Nâgasena, vật thực là vật ban cho tuổi thọ, do việc sử dụng sai trái mà tước đoạt mạng sống. 7. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chú thuật hộ trì bảo vệ một số người, không bảo vệ một số người. Tâu Đại vương, chú thuật hộ trì không bảo vệ vì ba lý do: Do sự ngăn cản của nghiệp, do sự ngăn cản của phiền não, do sự không có niềm tin. Tâu Đại vương, chú thuật hộ trì là sự bảo tồn chúng sanh, nhưng buông bỏ sự bảo vệ do việc đã làm của bản thân. Tâu Đại vương, giống như người mẹ nuôi dưỡng đứa con đã nhập thai, rồi sanh ra với sự chăm sóc tốt đẹp. Sau khi

sanh ra, còn tây uê vật dơ, chát bân và nước nhây, roi thoa hương thơm quý giá hạng nhất. Vào thời gian sau, khi những người con trai của những kẻ khác đang mắng chửi hoặc đánh [nó], nó đánh lại chúng. Những người ấy nổi giận với nó rồi lôi đến nơi tập thể, và nắm lấy nó đưa đến các vị chủ CIuản. Nếu người con trai của bà áy là phạm tội, vượt qua luật lệ, thì đám người [áy], trong khi lôi kéo nó đến các vị chủ quản, quất roi, đánh đập nó bằng gậy gộc, dùi cui, đầu gối, nắm tay. Tâu Đại vương, đôi với việc lôi đi, kéo lê, bat giữ đê thực hiện việc đưa đến gặp các vi chủ quản, phải chăng người mẹ của nó gánh chịu? 8. Thưa Ngài, không đúng. —Vì lý do gì? -Thưa Ngài, vì sự phạm tội của bản thân [người con trai]. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự bảo vệ các chúng

sanh trở nên vô hiệu vì sự phạm tội của bản thân. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được giải quyết, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, bóng tối đã được làm thành ánh sáng, mạng lưới tà kiến đa bị tháo rời, Ngài đã tiến đến VỊ thế cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng. 66Câu hỏi về sự thoát khỏi cái bẫy của thần chết" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ Sự CHƯỚNG NGẠI TRONG VIỆC THỌ NHẬN CỦA ĐỨC THÉ TÔN (Bhagavato lābhantarāyapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài nói rằng: uĐức Thế Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh." Và thêm nữa, 6íĐức Thế Tôn sau khi đi vào khất thực ờ ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế." Thưa Ngài Nãgasena, nếu đức Thế Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh, như thế thì lời nói rằng: "Dức Thế Tôn sau khi đi vào khất thực ở ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā, đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế" là sai trái. Nếu đức Thế Tôn sau khi đi vào khất thực ở ngôi làng Bà-la- môn Pañcasālā, đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế, như thế thì lời nói rằng: "Bức Thế Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bênh" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vô cùng quan trọng, khó tháo gỡ, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh. Ngài sau khi đi vào khất thực ở ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā đã không nhận được bất cứ vật gi, rồi đã

trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế. Tuy nhiên, việc làm ấy có lý do là bởi Ma vương ác độc. Thưa Ngài Nãgasena, như thế thì thiện pháp của đức Thế Tôn, được tạo lập theo cách thức tính toán bằng kiếp sống đã trải qua, đã được hoàn tất như thế nào? Sự triển khai về tốc độ và năng lực của thiện pháp ấy đã bi Ma vương ác độc, kẻ mới xuất hiện vào lúc này, đónẹ lại như thế nào? Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì trong việc này sự chỉ trích tiêp cận dựa trên hai cơ sở: Bất thiện pháp có sức mạnh hơn cả thiện pháp, năng lực của Ma vương có sức mạnh hơn cả năng lực của đức Phật. Vì lý do gì mà cây cối lại có ngọn mang nặng hơn cả rễ? Và điều ác lại có sức mạnh hơn cả đức hạnh đã được tích tụ? 3. - Tâu Đại vương, đương nhiên chỉ với chừng ấy thì không thể nói là bất thiện pháp có sức mạnh hơn cả thiện pháp, năng lực của Ma vương có sức mạnh hơn cả năng lực của đức Phật. Vậy thì lý do ở trường hợp này là được mong mỏi. Tâu Đại vương, giống như có người đàn ông đem mật ong, hoặc bánh mật ong, hoặc tặng phẩm dâng lên đức Chuyển Luân Vương, người gác cổng của đức vua nói với người ấy như vầy: uNày ông, nay kh6ng phải là thời điểm để diện kiên đức vua. Này ông, như thê thì ông hãy câm lây tặng phàm của ông và mau mau đi trở lui. Chớ để đức vua giáng hình phạt đến ông.55 Do đó, người đàn ông ấy bị run rây, bị chấn động do nỗi sợ hãi vê hình phạt, liên cầm lấy tặng phàm ây và mau mau đi trở lui. Tâu Đại vương, phải chăng chỉ với từng ấy sự việc không đúng thời điểm của tặng phẩm mà gọi

là đức Chuyển Luân ấy có năng lực kém hơn người gác cổng, hay là đức Chuyển Luân còn có thể nhận bất cứ tặng phẩm nào khác nữa? 4. Thưa Ngài, không đúng. Do bản chát ganh ghét mà người gác công ây ngăn chặn tặng phẩm. Tuy nhiên tặng phẩm của đức vua, thậm chí có phẩm chát cả trăm ngàn lần, đi đến bằng cánh cửa khác. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, do bản chát ganh ghét mà Ma vương ác độc đã nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Trái lại, hàng trăm ngàn thiên nhân mang theo thuốc bất tử, là dưỡng chất của cõi trời, đến gần lễ bái đức Thế Tôn rồi đứng chắp tay [thưa rằng]: "Chúng tôi sẽ đặt dưỡng chất vào cơ thể của đức Thế Ton,^ Thưa Ngài Nāgasena, hãy là vậy. Đối với đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân ở thế gian, bốn món vật dụng là dễ dàng nhận được, chừng ấy thức ăn được thọ nhận theo như ước muốn. Được thỉnh cầu bởi chư thiên và nhân loại mà đức Thế Tôn thọ dụng bốn món vật dụng. Tuy nhiên, ý định của Ma vương có sự thành tựu liền tức thời, là việc Ma vương đã tạo ra sự chướng ngại về vật thực đến đức Thế Tôn. Thưa Ngài, trong việc này nỗi hoài nghi của trẫm không được cắt đứt. Trẫm bị sanh khởi nỗi phân vân, bi rơi vào sự nghi ngờ. về việc ấy, tâm ý của trẫm không chấp nhận việc Ma vướng, là thây ma, hèn hạ, nhỏ nhoi, độc ác, không cao thượng, tội lỗi, đã tạo ra sự chướng ngại trong việc thọ nhận của đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nhân vật cao quý tối

cao ở thê gian có cả chư thiên, cội nguôn của những phước báu cao quý vê thiện pháp, không ai sánh bằng, không kẻ tương đương, không người tương xứng. 5. - Tâu Đại vương, quả là có bốn sự chướng ngại: Chướng ngại do chưa được nhìn thấy, chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng, ở dây, chướng ngại do chưa được nhìn thấy nghĩa là khi vật được làm xong còn chưa chỉ định [nẹười nhận] do việc chưa nhìn thấy thì có người nào đó tạo ra sự chướng ngại răng: 'C6 điều gì với việc cho đến người khác?9 Đây gọi là chướng ngại do chưa được nhìn thấy. Chướng ngại khi đã chỉ đinh [người nhận] là thế nào? ở đây, vật thực là được chuẩn bi dành cho, được chỉ định cho một cá nhân, rồi có người nào đó tạo ra sự chướng ngại cho người ấy. Đây gọi là chướng ngại khi đã chỉ đinh [người nhận]. Chướng ngại khi đã được chuẩn bi xong là thế nào? ở đây, bất cứ vật gì đã được chuẩn bị xong còn chưa được thọ nhận. Tại nơi ấy, có người nào đó tạo ra sự chướng ngại. Đây gọi là chướng ngại khi đã được chuẩn bi xong. Chướng ngại về sự thọ dụng là thế nào? ở đây là bất kỳ sự thọ dụng nào, tại nơi ấy có người nào đó tạo ra sự chướng ngại. Đây gọi là chướng ngại về sự thọ dụng. Tâu Đại vương, đây là bốn sự chướng ngại. Hơn nữa, việc Ma vương ác độc đã nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā là vật thọ dụng còn chưa thuộc về đức Thế Tôn, chưa được đem đến gần, chưa được chỉ đinh [người nhận], và Ngài còn chưa đi đến, chưa ngự đến; chướng ngại đã được tạo ra đối với Ngài là do việc chưa được nhìn thấy. Hơn nữa, việc ấy không phải chỉ riêng một mình đức Thế Tôn. Vào thơi điểm ấy, thậm chí tất cả những người đã rời khỏi, đã đi đến vào ngày hôm ấy cũng đã không nhận được vật thực. Tâu Đại vương, tôi không nhìn thấy người nào ở the gian, tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, có thể tạo ra chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn

bi xong, chướng ngại về sự thọ dụng đối với đức Thế Tôn ấy được. Nếu có kẻ nào đó do ganh ghét rồi tạo ra chướng ngại khi đã chỉ đinh [người nhặn], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng [đối với đức Thế Tôn] thì sẽ khiến cho đầu của kẻ ấy vỡ ra thành trăm mảnh hoặc ngàn mảnh. 6. Tâu Đại vương, đay là bốn đức tính không thể bi che lấp bởi bất cứ người nào của đức Như Lai. Bốn đức tính gì? Tâu Đại vương, lợi lộc đã được chỉ đinh dành cho đức Thế Tôn, đã được chuẩn bi xong, thì không người nào có thể tạo ra chướng ngại cho Ngài. Tâu Đại vương, ánh sáng hào quang của đức Thế Tôn là di chuyển dọc theo thân, không người nào có the tạo ra chướng ngại. Tâu Đại vương, bản thể toàn tri là vật báu trí tuệ của đức Thế Tôn, không người nào có thể tạo ra chướng ngại cho Ngài. Tâu Đại vương, không người nào có thể tạo ra chướng ngại đến mạng sống của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, đây là bốn đức tính không thể bị che lấp bởi bất cứ người nào của đức Như Lai. Tâu Đại vương, tất cả các đức tính này chỉ có một phẩm chất, không bị bệnh, không bị chuyển

dịch, không có sự sánh kịp bởi những người khác, là những sự việc không bị đụng chạm. Tâu Đại vương, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, giống như ở các vùng biên địa khôn^ bằng phẳng của đức vua, nhờ vào việc không nhìn thấy, các kẻ cướp đã ẩn nâp rồi làm hư hỏng con đường. Tuy nhiên, nêu đức vua nhìn thây các kẻ cướp ây, phải chăng những kẻ cướp ây có thê đạt được sự bình yên? Thưa Ngài, không đúng. Đức vua có thể ra lệnh phanh thây bằng búa thành trăm mảnh hay ngàn mảnh. 7. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn bà có chồng nhờ vào việc không nhìn thấy, ẩn núp rồi gần gũi người đàn ông khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, nếu người đàn bà gan gũi người đàn ông khác trước mặt chồng, phải chăng người đàn bà ấy có thể đạt được sự bình yên? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, người chồng có thể giết chết, hành hạ, giam cầm cô ấy, hoặc đem đi làm nô lệ. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, nếu Ma vương ác độc tạo ra chướng ngại khi đã chỉ đinh [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bi xong, chướng ngại về sự thọ dụng đối với đức Thế Tôn thì có thể khiến cho đầu của Ma vương bị vở ra thành trăm mảnh hoặc ngàn mảnh. Thưa Ngài Nâgasena, Ma vương ác độc đã làm điều ấy tương tợ như kẻ cướp. Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Thưa Ngài, nếu Ma vương ác độc tạo ra chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng đối với đức Thế Tôn thì có thể khiến cho đầu của Ma vương bị vỡ ra thành trăm mảnh hoặc ngàn mảnh, hoặc thân thể của Ma vương có the tan tác như là nắm trấu. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 66Câu hỏi về sự chướng ngại trong việc thọ nhận của đức Thế Tônw là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ VIỆC CÓ NHIỀU TỘI ở HÀNH ĐỘNG Ác CỦA NGƯỜI KHÔNG BIẾT (Ajānantassa pāpakarane bahu-apuññapañho) 1. - Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: uNgười nào giết hại mạng sống trong khi không biết, người ấy tạo ra tội trầm trọng hơn.” Và thêm

nữa, ờ phần quy đinh về Luật, đức Thế Tôn đã nói như vầy: “Ngiròi không biết thì không vi phạm tội." Thưa Ngài Nãgasena, nếu người giết hại mạng sống trong khi không biết thì tạo ra tội trầm trọng hơn, như thế thì lời nói rằng: "Người không biết thì không vi phạm tQi" là sai trái. Nấu người không biết thì không vi phạm tội, như thế thì lời nói rằng: "Người giết hại mạng sống trong khi không biết thì tạo ra tội trầm trọng hơn” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, khó vượt trội, khó vượt qua, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Người nào giết hại mạng sổng trong khi khôn^ biết, người ấy tạo ra tội tram trọng hơn? Và thêm nữa, ở phần quy định ve Luật, đức Thế Tôn đã nói như vầy: "Người không biết thì không vi ^hạm tộiy Tuy nhiên, trường hợp ấy có sự khác biệt về ý nghĩa. Sự khác biệt ve ý nghĩa ở đây là thế nào? Tâu Đại vương, có loại tội vi phạm có sự nhận thức, có loại tội vi phạm không có sự nhận thức. Tâu Đại vương, điều đã được đức Thế Tôn nói rằng: 46Người không biết thì không vi phạm tQi” có liên quan đến loại tội ấy, là loại tội vi phạm có sự nhận thức. -Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc có nhiều tội ở hành động ác của người không biết” là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ VIỆC QUẢN TRỊ HÔI CHÚNG TỲ-KHƯU (Bhikkhusanghapariharanapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vầy: “Ta sẽ quản tri hội chúng Tỳ-khưu59 hoặc là: uHội chúng Tỳ-khưu là thuoc sự chỉ đao của Ta.” Và thêm nữa, trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thế Tôn Metteyya, Ngài đã nói như vầy: uVị ấy sẽ quản tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm năm/97 * Thưa Ngài Nãgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vầy: uTa sẽ quản trị hội chúng Tỵ-khưuw hoặc là: uHội chúng Tỳ-khưu là thuoc sự chỉ đạo của Ta”như thế thì trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thế Tôn Metteyya, Ngài nói rằng: 66Vị ấy sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm năm9\ lời nói ấy là sai trái. Nêu trong khi làm sáng tỏ đức hạnh vê bản thê của đức Thê Tôn Metteyya, Ngài đã nói như vầy: áy sẽ quản tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quăn tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm nm”, như thế thì lời nói rằng: Này Ānanda, Như Lai không khỏi ý như vầy: 6°Ta sẽ quản tri hội chúng Tỳ-khưu55 hoặc là: “H0i chúng Tỳ-khưu là thuộc sự chỉ đạo của Ta" là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vầy: 6íTa sẽ quản trị hội chúng Tỳ- khiru" hoặc là: 6íHội chún^ Tỳ-khưu là thuộc sư chỉ đạo của Ta." Và trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thể Ton Metteyya, Ngài đã nói như vầy: uVị ấy sẽ quản tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm năm.w Tâu Đại vương, ở câu hỏi này, một ý nghĩa có sự thiếu sót, một ý nghĩa không có sự thiếu sót. Tâu Đại vương, đức Như Lai không phụ thuộc vào tập thể, trái lại tập thể phụ thuộc vào đức Như Lai. Tâu Đại vương, điều này là quan niệm chung: "của tôi", điều này không phải là ý nghĩa tuyệt đoi. Tâu Đại vương, đoi với đức Như Lai việc được lìa xa là điều ưa thích, việc được lìa xa là điều yêu mên. Đôi với đức Như Lai không có sự năm giữ như là "của tôi,\ Tuy nhiên, do sự bám víu mà có sự nương nhờ. Tâu Đại vương, giống như địa cầu đất là nơi nâng đỡ cho các chúng sanh có sự cư ngụ ở mặt đát. Và các chúng sanh này cư ngụ ở địa câu. Nhưng đại địa câu không có điêu mong mỏi ở những người ấy rằng: "Họ thuộc về t6i." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai là nơi nâng đỡ cho tất cả chúng sanh và ban cho chỗ ẩn náu. Và các chúng sanh này có đức Như Lai là chốn nâng đỡ. Nhưng đức Như Lai không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: "Họ thuộc về t3i." 3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám mây to lớn khổng lồ trong khi đổ mưa thì ban cho sự tăng trưởng của cỏ, cây, thú vật, loài người, rồi duy trì sự tiếp nối. Và tất cả các chúng sanh này có sự sinh tồn nhờ vào mưa, nhưng đám mây lớn không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: "Hq thuộc vê tôi.95 Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai làm sanh ra và duy trì các pháp thiện đối với tất cả các chúng sanh, và tất cả các chúng sanh này có sự sinh tồn nhờ có đấng Đạo Su, nhưng đức Như Lai không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: "Họ thuộc về tôi/89Điều ấy có nguyên nhân là gì? Sự dứt bỏ đối vơi tà kiến ve bản thân [tùy ngã kiến]. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gờ bằng nhiều cách thức với nhiều lý lẽ, điều thâm sâu đã được làm rõ, nút that đã được mở ra, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, bóng toi đã được làm thành ánh sáng, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị đổ vỡ, (pháp) nhãn đã được sanh khởi cho những người con trai của đấng Chiến Thắng. uCâu hỏi về việc quản tri hội chúng Tỳ-khưuw là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ VIỆC HÔI CHÚNG KHÔNG BỊ CHIA RẼ (Abhejjaparisatāpañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài nói rằng: uĐức Như Lai có hội chúng không bi chia rẽ.w Và còn có nói rằng: 66Năm trăm Tỳ-khưu đã bi chia rẽ cùng một lúc bởi Devadatta.59 Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai có hội chúng không bi chia rẽ, như thế thì lời nói rằng: "Nm trăm Tỳ-khiru đã bị chia

rẽ cùng một lúc bởi Devadatta" là sai trái. Nếu năm trăm Tỳ-khưu đã bị chia rẽ cùng một lúc bởi Devadatta, như thế thì lời nói rằng: "Dức Như Lai có hội chúng không bi chia rẽ" là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài, là thâm sâu, khó tháo gỡ5 bị thắt lại còn hơn nút thắt, ở dây, nhóm người này là bi ngăn cản, bị bung bít, bị che đậy, bị bao trùm. Xin Ngài hãy phô bày năng lực trí tuệ của Ngài về các

lời nói của những người khác. 2. Tâu Đại vương, đức Như Lai có hội chúng không bị chia rẽ. Và năm trăm Tỳ-khưu đã bị chia rẽ cùng một lúc bởi Devadatta. Tuy nhiên, việc ấy là do năng lực của người chia rẽ. Khi người chia rẽ đang hiện hữu, tâu Đại vương, không có việc không bi chia rẽ. Khi có người chia rẽ, mẹ cũng bị chia rẽ với con, con cũng bị chia rẽ với mẹ, cha cũng bị chia rẽ với con, con cũng bị chia rẽ với cha, anh em trai cũng bị chia rẽ với chị em gái, chị em gái cũng bi chia rẽ với anh em trai, bạn bè cũng bi chia rẽ với bạn bè, thậm chí con thuyền được kết hợp bởi nhiều thanh gỗ cũng bị chia rẽ bởi tốc độ và sự đập vỗ của sóng nước, cây côi có trái đây đủ chất mật ngọt bị va chạm với sức mạnh và tốc độ của gió cũng bị chia rẽ, vàng có phàm chất tự nhiên cũng bị chia rẽ bởi đồng. 3 Tâu Đại vương, vả lại việc này không phải là ý định của những người hiểu biết, không phải là khuynh hướng của chư Phật, điều này không phải là ước muốn của các bậc sáng suốt, là việc "Bức Như Lai có hội chúng bị chia rẽ." Hơn nữa, ở đây còn có lý do, mà với lý do ây đức Như Lai được gọi là "c6 hội chúng không bi chia rẽ." Lẹ do ở đây là thế nào? Tâu Đại vương, 'hội chúng bi chia rẽ5 do sự không bố thí đã làm, hoặc do lời nói không trìu mên, hoặc do việc thực hành điều không lợi ích, hoặc do tính cách không bình đẳng của đức Như Lai trong lúc Ngài đang thực hành đức hạnh về bất cứ việc nào ở bất cứ nơi đâu là điều chưa từng được nghe trước đây. Bởi lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “c6 hội chúng không bị chia rẽ." Tâu Đại vương, Đại vương cũng nên biết điều này: Trong lời dạy của đức Phật gồm chín thê loại, có bài kinh được truyền thừa nào gọi là với lý do này, [nghĩa là] với việc đã làm của Bồ-tát, mà hội chúng của đức Như Lai bí chia re? Ẹ Thưa Ngài, không có. Điều ấy không được thấy, cũng không được nghe ở thế gian. Thưa Ngài Nâgasena, tơi lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vạy. “Câu hỏi về việc hội chúng không bi chia r” là thứ tám. Phẩm Không bi chia rẽ ỉa phẩm thứ nhì. (ở phẩm này có tám câu hỏi)

924 KINH TIÊU BÔ

m. PHẨM ĐÃ BỊ ĐUÔI ĐI (PĂNẢMITĂĨâGGO)

1. CÂU HỎI VỀ GIÁO PHÁP TỐI THƯỢNG (Setthadhammapañho) 1. -Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Vāsettha, chính giáo pháp là tối thượng ờ đời này ngay trong thời hiện tại và thời vi lai.” Và thêm nữa, ungưM cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đọa xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đảnh lễ, vẫn dúng dậy đối voi vi Tỳ-khini hoặc Sa-di phàm nhân.” Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: “Này Vāsettha, chính giáo pháp là tối thượng ờ đời này ngay trong thời hiện tại và thòi vị lai”như the thì lời nói rằng: "Người cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đọa xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đảnh lễ? vẫn đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu hoặc Sa-di phàm nhân95 là sai trái. Nếu người cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đọa xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đảnh lễ, vẫn đứng dậy đối với vi Tỳ-khưu hoặc Sa-di phàm nhân, như thế thì lời nói rằng: 6Này Vāsettha, chính giáo pháp ỉa tối thượng ờ đời này ngay trong thờl hiện tại và thòi v] lai” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều nay cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: uNày Vāsettha, chính

giáo pháp là tối thượng ờ đời này ngay trong thời hiện tại và thời vi lai* và 6ngiròi cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đọa xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đảnh lễ, vẫn đứng dậy đối vói vi Tỳ-khưu hoặc Sa-di phàm nhân." Hơn nữa, ở trường hợp này là có lý do. Ly do ấy là gì? * Tâu Đại vương, đây là hai mươi pháp tạo thành Sa-môn và hai đặc điểm của vị Sa-môn9 do những điều ấy vi Sa-niôn là xứng đáng với sự đảnh lễ, đứng dậy, kính nể, cúng dường. Hai mươi pháp tạo thành Sa-môn và hai đặc điểm của vị Sa-môn là những pháp nào? Sự đặt để ở địa vị tối thượng, sự kềm chế tột đỉnh, sự thực hành, sự an trú [tứ vô lượng tâm], sự thu thúc [giác quan], sự phòng hộ [trong Giới bon], sự kham nhẫn, hiền hòa, thực hành sự đơn độc, thích thú sự đơn độc9 ẩn cư thiên tịnh, tàm quý, tinh tân, không xao lãng, thọ trì việc học tập, việc đọc tụng [Chánh tạng], học hỏi [Chú giải], thỏa thích giới, đinh, tuệ, không mong

Cầu, CÓ Sự tròn đủ các điều học, việc mặc y ca-sa và hình thức cạo tóc. Tâu Đại vương, đây là hai mươi pháp tạo thành Sa-môn và hai đặc điểm của vi Sa-môn. Vị Tỳ-khưu thọ trì và hành theo các đức tính này. Do tính chất khôn^ thiếu sót, do tính chất đã được tròn đủ, do trạng thái đã đạt đến đầy đủ, vi ấy tiến vào địa vị của bậc Vô Học, địa vị của bậc A-la-hán, tiến vào vị thế tối thượng khác nữa. [Nghĩ răn^:] "Là vị đã đi đên gân phàm vị A-la-hán,\ người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cân phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khira phàm nhân. [Nghi rằng:] uVị ấy chính là bậc có lậu hoặc đã được cạn kiệt, đã tiến đến bản thể Sa-môn5 cơ hội ấy chưa có đối với ta", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khmi phàm nhân. [Nghĩ rằng:] uVị ấy đã tiến đến hội chúng tối cao, ta chưa tiến đến vị thế ấy", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vi Tỳ- khưu phàm nhân. [Nghĩ rằng:] 6íVị ấy đạt được tư cách để nghe đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă). ta chưa đạt được tư cách để nghe điều ấy", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân. [Nghĩ rằng:] uVị ấy cho những nệười khác xuất gia, cho tu lên bậc trên, làm tăng trưởng giáo pháp của đấng Chiên Thăng, ta chưa đạt được tư cách để làm việc này9\ người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân. [Nghĩ rằng:] uLà vị có sự thực hành đầy đủ về các điều học nhiều vô số, ta không thực hành về các điều ấy", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khiru phàm nhân. [Nghĩ rằng:] uVị ấy đã tiến đến biểu tượng của Sa-môn? đã tồn tại trong sự mong muốn của đức Phật, ta bị tách rời ra xa đối với biểu tượng ấy", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân. [Nghĩ răng:] "Vị ây có lông nách mọc dài, không thoa son, không trang sức, được bôi xức bang hương thơm của giới, còn ta thì thích thú việc tranẹ sức, tô diêm"người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cân phải đảnh lễ, đứng dậy đôi với vị Tỳ-khưu phàm nhân. Tâu Đại vương, và thêm nữa [nghĩ rằng]: "Hai mươi pháp tạo thành Sa- môn và hai đặc điểm ấy, tất cả các pháp này được hiện hữu ở vị Tỳ-khưu, chính vị ấy duy trì các pháp ấy, thậm chí còn cho những người khác học tập về việc ấy, sự truyền thừa ấy và việc huấn luyện [người khác] là không có đối với ta", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cân phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vi Tỳ- khưu phàm nhân. 3. Tâu

Đại vương, giống như vị hoàng tử thu thập kiến thức và học tập lề lối của dòng dõi Sát-đế-lỵ nơi vị quân sư. Vi ấy, về sau này, đã được đăng quang, vẫn đảnh lễ, vẫn đứng dậy đối với vi thầy [nghĩ rằng]: "Người này là vị tạo điều kiện cho ta việc học tāp/9 Tâu Đại vương, tương tợ y như thế [nghĩ rằng]:

“Vi Tỳ-khưu là vị tạo điều kiện cho việc học tập, người duy trì truyền th6ng”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân. Tâu Đại vương, hơn nữa theo cách thức này, Đại vương hãy nhận biết trạng thái vĩ đại và bao la không sánh bằng này của địa vị Tỳ-khưu. Tâu Đại vương, nếu người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu chứng ngộ phẩm vị A-la-hán, đối với người ấy chỉ có hai lối đi, không có lối khác: Hoặc là vô dư Niết-bàn nội tronệ ngày hôm ấy, hoặc là tiến đến trạng thái Tỳ-khưu. Tâu Đại vương, bởi vì sự xuất gia ấy là không bị dao động, vĩ đại, vươn lên cao tột đỉnh, tức là địa vị Tỳ-khưu. Thưa Ngài Nâgasena, câu hỏi liên quan đến trí tuệ đã khéo được tháo gỡ bởi Ngài là người có năng lực và vô cùng sáng suốt. Không có người nào khác có khả năng để tháo gỡ câu hỏi này như vậy, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài. “Câu hỏi về giáo pháp tối thượng95 là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ Sự BAN PHÁT ĐIỀU LỢI ÍCH ĐEN TẤT CẢ CHÚNG SANH (Sabbasattahitapharanapañho) 1. Thưa Ngai Nāgasena, Ngai nói rằng: 66Đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh.” Và thêm nữa, Ngài còn nói rằng: "Trong khi bài pháp Vỉ dụ về đổng ỉửaì6 đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khưu có số lượng sáu mươi Thưa Ngài, trong khi đức Như Lai đang thuyết giảng bài pháp Vỉ dụ về đốn^ lửa, Ngài đã xua đi điều lợi ích và đem lại điều bất lợi cho các Tỳ-khưu có số lượng sáu mươi vị. Thưa Ngài Nãgasena, nếu đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh, như thế thì lời nói rằng: "Trong khi bài pháp Vỉ dụ về đổng lửa đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỵ-khưu có số lượng sáu mươi vj" là sai trái. Nếu trong khi bài pháp Vỉ dụ về đông lửa đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khưu có số lượng sáu mươi VỊ, như thế thì lời nói rằng: "Bức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh. Trong khi bài pháp Vỉ dụ về đổng lửa đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khưu có số lượng sáu mươi vi. Tuy nhiên, điều ấy không phải do việc đã làm của đức Như Lai, mà do việc đã làm của bản thân chính các vị ấy. Thưa Ngài Nâgasena, nêu đức Như Lai không thuyêt giảng bài pháp Vỉ dụ về đổng lửa, phải chăng máu nóng có thể trào ra từ miệng của các vị ấy?

16 Xem A. IV. 128, Kinh Vỉ dụ nhỏm lửa (Aggikkhandhopamasuttam).

Tâu Đại vương, không thể. Tâu Đại vương, đối với các vị đã thực hành sai trái ấy thì sau khi lắng nghe bài pháp của đức Thế Tôn có sự nóng nảy đã sanh khởi. Do sự nóng

nảy ấy của các vị ấy mà máu nóng đã trào ra từ miệng. Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì do việc đã làm của chính đức Như Lai mà máu nóng đã trào ra từ miệng của các vị ấy. Trong trường hợp ấy chính đức Như Lai là tác nhân đưa đến sự tổn hại cho những vi ấy. Thưa Ngài Nāgasena, giống như câu chuyện con rắn đi vào hang mối, rồi có người đàn ông nọ cần dùng đất nên phá vỡ gò mối rồi đem đất đi. Do việc đem đất đi của người ấy làm lấp lại các lỗ hổng của gò mối. Và con rắn, ở ngay tại chỗ ấy, trong khi không đạt được hơi thở vào nên bị chết. Thưa Ngài, không lẽ con răn đi đên sự chết vì việc đã làm của người ấy? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, trong trường hợp ấy chính đức Như Lai là tác nhân đưa đến sự tôn hại cho những vi ấy. 3. Tâu Đại vương, đức Như Lai trong khi thuyêt giảng giáo pháp không thê hiện sự ưa thích hay ghét bỏ. Được thoát khỏi hẳn sự ưa thích hay ghét bỏ, Ngài thuyết ệiảng giáo pháp. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng như vậy, tại nơi ây những người nào thực hành đúng đan thì được giác ngộ, trái lại những người nào thực hành sai trái thì rơi xuống. Tâu Đại vương, giống như người đàn ông trong lúc làm lay động cây xoài, cây mận, hoặc cây cam thảo, thì ở nơi ấy những trái nào có phẩm chất, có sự gắn bó chắc chắn, thì còn tồn tại ở chính nơi ấy không bị tổn hại; trái lại, ở nơi ấy những trái nào có cuống hay cọng bị thối rưa thì rơi xuống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai trong khi thuyết giảng giáo pháp không thể hiện sự ưa thích hay ghét bỏ. Được thoát khỏi hẳn sự ưa thích hay ghét bỏ, Ngài thuyết giảng giáo pháp. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng như vậy, tại nơi ấy những người nào thực hành đúng đắn thì được giác ngộ, trái lại những người nào thực hành sai trái thì rơi xuống. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nông dân có ý định gieo hạt bắp nên cày thửa ruộng. Khi người ấy đang cày thì hàng trăm ngàn cỏ dại bị chết. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đức Như Lai đã được thoát khỏi han sự ưa thích hay ghét bỏ, Ngài thuyết giảng giáo pháp để giác ngộ các chúng sanh có tâm ý đã được chín muồi. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng như vậy, tại nơi ấy những người nào thực hành đúng đắn thì được giác ngộ; trái lại những người nào thực hành sai trái thì rơi xuống, ví như các cỏ dại ấy bị chết. Tâu Đại vương, hoặc là giống như những người ép cây mía bang máy ép vì nguyên nhân nước cốt. Khi những người ấy đang ép cây mía, những con sâu bọ nào đi vào miệng máy ép thì bị ép nát. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai ép máy ép giáo pháp để giác ngộ các chúng sanh có tâm ỵ đã được chín muồi. Tại nơi ấy những người nào thực hành sai trái thì bị chết giống như các con sâu bọ. 4. Thưa Ngài Nãgasena, không lẽ các Tỳ-khưu ấy bị rơi xuống vì sự thuyết giảng giáo pháp ấy?

-Tâu Đại vương, phải chăng người thợ đẽo gỗ trong khi bảo vệ khúc cây thì làm cho ngay thẳng và hoàn toàn trơn tru? Thưa Ngài, không đúng. Người thợ đẽo gỗ sau khi bỏ đi chỗ hư hỏng rồi mới làm cho khúc cây ngay thẳng và hoàn toàn trơn tru. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai trong khi [chỉ lo] bảo vệ hội chúng thì không thể giác ngộ các chúng sanh có khả năng giác ngộ; sau khi loại ra các chúng sanh thực hành sai trái như vậy rồi mới giác ngộ các chúng sanh có khả năng gic ngộ này. Tâu Đại vương, hơn nữa những người thực hành sai trái ây rơi xuông do việc đã làm của

bản thân. Tâu Đại vương, giông như cây chuối, cây tre, con ỉa khi thành quả được tạo ra bởi bản thân17 thì bị chết, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người thực hành sai trái ấy bị chết và rơi xuống do việc đã làm của bản thân. Tâu Đại vương, giống như những kẻ trộm gánh chịu sự móc mắt, đặt trên giáo nhọn, chặt đầu do việc đã làm của bản than, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người thực hành sai trái ấy bị chết và rơi khỏi giáo pháp của đấng Chiến Thắng do việc đã làm của bản thân. Tâu Đại vương, đối với các Tỳ-khưu, số lượng sáu mươi vị có máu nóng đã trào ra từ miệng, điều ấy không phải do việc đã làm của đức Thế Tôn, không phải do việc đã làm của những người khác, khi ấy là do việc đã làm của chính bản thân các vị ấy. Tâu Đại vương, giống như người ban bố thuốc bất tử cho tất cả dân chúng, những người ấy sau khi ăn vào thuốc bất tử trở thành vô bệnh, sống lâu, có thể thoát khỏi tất cả các tai họa. Rồi có người nam khác sau khi ăn vào thuôc ây theo cách hành xử âu tả có thê gánh lây cái chét. Tâu Đại vương, phải chăng người cho thuốc bất tử do nguyên cớ ấy có thể đạt đến tội lỗi nào đó? Thưa Ngài, không đúng. 5. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đức Như Lai ban bô món quà giáo pháp là sự bất tử đến cho chư thiên và nhân loại ở mười ngàn thế ệiới. Những chúng sanh nào có khả năng thì được giác ngộ nhờ vào giáo pháp bát tử, trái lại những chúnệ sanh nào không có khả năng thì chúng bị chết, bị rơi xuống bởi vì giáo pháp bát tử. Tâu Đại vương, vật thực duy trì mạng sống cho tất cả chúng sanh. Một số người ăn vật thực bi chết vì cơn thổ tả. Tâu Đại vương, phải chăng người bố thí vật thực ấy do nguyên cớ ấy có thể đạt đến tội lỗi nào đó? -Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai ban bố món quà giáo pháp là sự bất tử đến cho chư thiên và nhân loại ở mười ngàn thế ệiới. Những chúng sanh nào có khả năng thì được giác ngộ nhờ vào giáo pháp bát tử, trái lại những chúng sanh nào không có khả năng thì bi chết, bị rơi xuống bởi vì giáo pháp bất tử. j Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự ban phát điều lợi ích đến tất cả chúng sanh” là thứ nhì.

17 Sau khi cây chuối trổ buồng, bụi tre nở hoa, la cái sanh con thì chúng tàn lụi và chết đi.

3. CÂU HỎI VÈ VIỆC BIỂU LÔ VẶT ĐƯỢC CHE GIẤU SAU LỚP VẢI (Vatthaguyhanidassanapañho} 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: 66Lành thay sự phòng hộ thân! Lành thay sự phòng hộ lời nói! Lành thay sự phòng hộ ý! Lành thay sự phòng hộ tất c Và thêm nữa, đức Như Lai sau khi ngồi xuống ở giữa tứ chúng đã phô bày tướng mã âm tàng18 cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy ở phía trước chư thiên và nhân loại. Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được đức Thế Tôn nói là: 6'Lành thay sự phòng hộ thân!” như thế thì lời nói rằng: "Ngài đã phô bày tướng mã âm tàng cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy” là sai trái. Nếu Ngài đã phô bày tướng mã âm tàng cho Bà-la-môn Sela nhìn thay, như the thì lời nói rang: "Lành thay sự phòng hộ than!" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: 6Lành thay sự phòng hộ thân!”và tướng mã âm tàng đã được

phô bày cho Bà-la- môn Sela nhìn thấy. Tâu Đại vương, đối với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, vì mục đích giúp cho người ấy giác ngộ mà đức Thế Tôn đã phô bày phần thân thể ấy bằng thần thông. Chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy. Thưa Ngài Nâgasena, vả lại ai sẽ tin rang chỉ có một người ở hội chúng nhìn thấy vật được che giấu sau lớp vải ấy, và số còn lại đang ở ngay tại chỗ ấy lại không nhìn thấy? Trong trường hợp này, xin Ngài hãy xác đinh cho trẫm lý do ấy, xin hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. Tâu Đại vương, có phải Đại vương đã được nhìn thấy trước đây một người đàn ông nào đó bi bệnh, được vây quanh bởi bà con và bạn bè? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, phải chăng nhóm người nhìn thấy cái cảm thọ ấy, là cái cảm thọ mà người đàn ông ấy cảm nhận? Thưa Ngài, không được. Chỉ có người đàn ông ây cảm nhận bởi chính bản thân. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, chỉ đôi với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, vì mục đích giúp cho chính người ấy giác ngộ mà đức Thế Tôn đã phô bày phần thân thể ấy bằng thần thông, chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như việc vong linh có thể nhập vào một người nam nào đó, tâu Đại vương, phải chăng nhóm người ấy nhìn thấy vong linh ấy đang tiến đến gần? Thưa Ngài, không được. Chỉ có người bệnh ấy nhìn thấy sự tiến đến gần của vong linh ấy.

18 Vật được bao bọc lại bằng lớp màng và được che giấu sau lớp vải. (ND)

-Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chỉ đối với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy. Thưa Ngài Nāgasena, việc khó làm đã được thực hiện bởi đức Thế Tôn trong lúc Ngài phô bày vật không thể nhìn thấy ấy cho một người thôi. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn không phô bày vật được che giấu, trái lại đã cho nhìn thấy cái hình bóng bằng thần thông. Thưa Ngài, dầu chỉ là cái hình bóng được nhìn thấy nhưng đúng là vật che giấu đã được nhìn thấy, sau khi nhìn thấy vật ấy thì đã đạt được mục đích. -Tâu Đại vương, đức Như Lai làm việc khó làm để giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ. Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai buông lơi công việc thì những chúng sanh có khả năng giác ngộ khônệ thể giác ngộ. Tâu Đại vương, và bởi vì đức Như Lai biết được phương thức đe giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ, vì thế bằng phương thức nào khiến cho những chúng sanh có khả năng giác ngộ được giác ngộ thì đức Như Lai giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ theo phương thức ấy. 3. Tâu Đại vương, giống như người thầy thuốc phẫu thuật, bằng phương thuốc nào khiến người bệnh được lành bệnh thì đi đến người bệnh với phương thuốc ấy, làm cho nôn mửa người cần phải nôn mửa, làm xổ người can phải XÔ, bôi dâu người cân phải bôi dâu, tâm hương người cân phải tâm huơng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai băng phương thức nào khiên cho những chúng sanh có khả năng giác ngộ được giác ngộ, thì giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ theo phương thức ấy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nữ có bào thai ngược, phô bày vật che giấu không đáng được nhìn thấy cho người thầy thuốc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, để giác ngộ những người có khả năng giác ngộ, đức Như Lai đã phô bày bằng thần thông cái hình bóng của vật che giấu không

đáng được nhìn thấy. Tâu Đại vương, vật gọi là không đáng được nhìn thấy thì không có cơ hội dành cho cá nhân. Tâu Đại vương, nếu người nào đó sau khi nhìn thấy trái tim của đức Thế Tôn mà được giác ngộ thì đức Thế Tôn theo phương thức cũng cho người ấy nhìn thấy trái tim. Tâu Đại vương, đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng. Tâu Đại vương, không lẽ sau khi biết được khuynh hướng của Trưởng lão Nandā, đức Như Lai đã đưa vị ấy đến thiên cung và cho nhìn thấy các cô con gái ở cõi trời [nghĩ rằng]: "Người con trai gia đình danh giá này sẽ được giác ngộ nhờ vào việc nay9\ và nhờ đó người con trai gia đình danh giá ấy đã được giác ngộ. Tâu Đại vương, như thế trong khi khi dễ, trong khi chê trách, trong khi nhơm gớm hình tướng mỹ miều bằng nhiều phương thức, đức Như Lai đã cho vị ấy nhìn thấy những cô tiên nữ có các bàn chân bô câu vì nguyên nhân giúp cho vị ấy giác ngộ. Đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy. 4. Tâu Đại vương, còn có việc khác nữa, vào lúc Trưởng lão Cullapanthaka bị người anh đuổi ra [khỏi tu viện] nên có tâm trí buồn bã, đức Như Lai đã đi

đên và trao cho miêng vải mem [nghĩ răng]: "Người con trai gia đình danh giá *9 Bởi lý do ấy, vị ấy đã đạt được bản thể này sẽ được giác ngộ nhờ vào việc này?4 năng lực về giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy. Tâu Đại vương, còn có việc khác nữa, đức Như Lai đã không trả lời câu hỏi được vị Bà-la-môn Mogharāja hỏi đến lần thứ ba [nghĩ rằng]: "Nhu vậy thì sự ngã mạn của người con trai gia đình danh giá này sẽ được lắng xuống, do sự lắng xuống của ngã mạn sẽ có sự chứng ng6." Và nhờ thế, ngã mạn của người con trai gia đình danh giá ấy đã được lắng xuống, do sự lắng xuống của ngã mạn mà vị Bà-la-môn ây đã đạt được bản thê năng lực vê sáu thắng trí. Đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ bằng nhiều cách thức với nhiều lý lẽ, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, bóng tối đã được làm thành ánh sáng, nút thắt đã được mở ra, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị đổ vỡ, [pháp] nhãn đã được sanh khởi cho những người con trai của đấng Chiến Thắng, các ngoại đạo không còn chói sáng, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý và ưu tú trong sô các vị có đô chúng. uCâu hỏi về việc biểu lộ vật được che giấu sau lớp vải" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VÈ BẢN THẺ CỦA LỜI NÓI GAY GẮT (JPharusavācābhāvapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, nói đến: "Này các Đại đức, đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch. Đức Như Lai không có lối cư xử xấu xa về lời nói khiến đức Như Lai phải gìn giữ rằng: Chớ để người khác biết việc này của Ta." Và thêm nữa, trong khi quy định tội pārājika về việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Như Lai đã xưng hô bằng từ kẻ rồ dại với những lời nói gay gắt. Và vì thế, vị Trưởng lão ấy bị run sợ, có sự ân hận, đã không thể thấu triệt Thánh đạo. Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch, đức Như Lai không có lối cư xử xấu xa về lời nói, như thế thì lời nói rằng: 'Trong việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna

Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng từ kẻ rồ dạilà sai trái. Nếu trong việc phạm lỗi của Trưởnẹ lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng từ kẻ rồ dại, như the thì lời nói rằng: "Đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch, đức Như Lai không có lối cư xử xấu xa về lời n6i" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vi Tướnẹ quân Chánh pháp, nói đên: "Này các Đại đức, đức Như Lai có cách hành xử vê lời nói hoàn toàn trong sạch. Đức Như Lai không có lối cư xử xấu xa về lời nói

khiến đức Như Lai phải gìn giữ rằng: Chớ để người khác biết việc này của Ta." Và thêm nữa, trong khi quy định tội pārājika ve việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng từ kẻ rồ dại. Tuy nhiên, điều ấy là không do tâm xấu xa? không do sự giận dữ, mà là với biểu hiện đúng đắn. Và ở đây biểu hiện đúng đắn là gì? Tâu Đại vương, đối với cá nhân nào mà sự chứng ngộ bốn sự thật không có ở bản ngã này, thì bản thể con người của kẻ ấy là rồ dại, trong khi cái này đang được làm thì lại thành tựu với cái khác; do điều ấy mà được gọi là "kẻ ro dạf\ Tâu Đại vương, như thế đối với Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bang lời nói về bản thể, không phải bằng lời không đúng sự thật. 3. Thưa Ngài Nâgasena, người nào trong khi mắng nhiếc [kẻ khác] mà nói đến cho dầu là đúng với bản thể, đối với n^ười ấy chúng ta nên bắt chịu hình phạt nhẹ. Người ây rõ ràng là có lỗi, người ây măng nhiếc trong khi thể hiện sự bày tỏ căn cứ vào sự kiện theo tính cách riêng. Tâu Đại vương, có phải Đại vương đã được nghe trước đây về việc đảnh lễ, đứng dậy, tôn vinh, hoặc dâng biếu quà tặng đến người bị lỗi lầm chăng? Thưa Ngài, không có. Người ấy đã bi lỗi lầm vì điều gì, do đâu, ở nơi nào, ở bất cứ đâu, là xứng với sự rầy la, xứng với sự quở trách, đối với kẻ này người ta còn chặt đầu, hành hạ, trói lại, giết chết và thiêu đốt nữa. -Tâu Đại vương, như thế thì chỉ có việc nên làm là được đức Thế Tôn thực hiện, chứ không có việc không nên làm? Thưa Ngài Nãgasena, ngay cả hành động cân phải làm còn được thực hiện một cách phù hợp, một cách thích đáng. Thưa Ngài Nâgasena, đối với đức Như Lai, chỉ riêng với việc nghe danh thôi thì thế gian có cả chư thiên đều kinh hãi, hổ thẹn, với việc nhìn thấy thì còn nhiều hơn, với việc phục vụ khi đi đến gần thì còn vượt trội cả điều ấy nữa. 4. - Tâu Đại vương, phải chăng người thầy thuốc ban cho các loại thuốc thoa trong trường hợp cơ thể bị tiết dịch, có chát độc hoành hành? Thưa Ngài, không đúng. Với sự mong mỏi về sức khỏe, ông ta ban cho các loại thuốc mạnh, có the gây con cào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai ban cho lời chỉ bảo nhằm làm lặng yên tất cả các căn bệnh phiền não. Tâu Đại vương, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng xoa dịu chúng sanh, làm cho trở thành nhu thuận. Tâu Đại vương, giống như nước nóng làm mềm mại bất cứ vật gì có thể làm mềm mại, làm cho trở thành nhu nhuyến. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng có lợi ích, được gan liến với lòng thương xót. Tâu Đại vương, giống như lời nói của người cha đối với các con trai là có lợi ích, được gắn liền với lòng thuơng xót. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay găt nhưng có lợi ích, được gắn liền với lòng

thương xót. Tâu Đại vương, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng đưa đến sự dứt bỏ phiền não của các chúng sanh. Tâu Đại vương, giông như nước tiêu trâu bò dâu có mùi thôi mà được uông vào, món thuốc dầu không có mùi vị mà được ăn vào, lại diệt trừ căn bệnh cho các chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng có lợi ích, được gắn liền với lòng thương xót. Tâu Đại vương, giống như đống gòn, dầu lớn, rơi xuống ở cơ thể của người khác vẫn không gây ra thương tích. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói của đức Như Lai dâu là gay gắt nhưng không làm sanh lên sự khô đau cho bất cứ ai. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được giải quyết bằng nhiều lý lẽ. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 66Câu hỏi về bản thể của lòi nói gay gắt của đức Như Lai" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VÈ BẢN THẺ SUY TƯ CỦA CÂY CỐI (Rukkhācetanabhāvapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: "Này Bà-la-môn, nguyên nhân của điều gì mà ngươi, là người có sự tinh tấn đã được ra sức, thường xuyên không xao lãng, lại hỏi han cây cối về sự ngủ nghỉ thoải mái trong khi biết rằng cây này là loài không có tâm tư, không nghe, không biết?" Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: 6'Cây phandana đã tức thời đáp lại rằng: Tôi cũng có lòi trình. Này Bhāradvāja, hãy lắng nghe t6i." Thưa Ngài Nâgasena, nếu cây cối là không có tâm tư, như thế thì lời nói rằng: 'Cây phandana đã chuyện trò với Bhāradvāja' là sai trái. Nếu cây phandana đã chuyện trò với Bhāradvāja, như thế thì lời nói rằng: 'Cây cối là không có tâm tư cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngai." 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: "Cây cối là không có tâm tư." Và cây phandana đã chuyện trò với Bhāradvāja. Tuy nhiên, lời nói ấy đã được nói theo cách diễn đạt của thế gian. Tâu Đại vương, đối với cây cối không có tâm tư không có việc gọi là chuyện trò. Tâu Đại vương, tuy nhiên ở cây ấy có thiên nhân n^ự. Cái từ gọi "cây" ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và nói "cây cối trò chuyện9\ đay là quy định của thế gian. Tâu Đại vương, giônệ như chiêc xe kéo được chất đầy lúa thì người ta ệọi là "xe Ilia", tuy rang chiếc xe kéo ấy làm bằng gỗ. Do tính chất đã được chát đống của lúa ở chiêc xe kéo ấy mà người ta gọi là "xe lha" Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy

CÓ thiên nhân ngự. Cái từ gọi ucay,9 ấy là ám chỉ vi thiên nhân. Và "cây cối trò chuyên", đay là quy định của the gian. 3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như trong khi khuấy sữa đông thì gọi là: "Tôi khuấy bo." Vật mà người ấy khuấy không phải là bơ. Người ấy đang khuấy chính là sữa đông nhưng lại nói là: "Tôi khuấy bo." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy có thiên nhân ngU Cái từ gọi "cây" ấy là ám chỉ vi thiên nhân. Và "cây cối trò chuyên", đay là quy định của the gian. Tâu Đại vương, giông như người đang tạo ra vật chưa hình thành thì nói là: "T6i tạo ra vật đã hình thành.Nói về vật chưa thành tựu là: "Vật đã thành tựu" như vậy điều ấy là cách diễn đạt của thế gian. Tâu Đại

vương, tương tợ y như thế, cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy có thiên nhân nệự. Cái từ gọi "c2y" ấy là ám chỉ vi thiên nhân. Và "cây coi trò chuyên", đây là quy định của thê gian. Tâu Đại vương, đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp cho chúng sanh cũng theo y như cách diễn đạt của thê gian mà người ta thường nói. -Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo vậy. 66Câu hỏi về bản thể suy tư của cây c6i" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VÈ QUẢ BÁO LỚN CỦA MÓN THÍ THỰC (Pindapātamahapphalapañho) ỉ. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được các vị Trưởng lão thực hiện cuộc trùng tụng giáo pháp nói đến: ÍẾTôi đã được nghe rằng: Sau khỉ thọ dụng bữa ăn của người thợ rèn Cunda, bậc Sáng Trí đã mắc phải cơn bệnh khốc liệt, kề cận cai chết' Và thêm nữa, đức Thế Tôn đã nói rằng: wNày Ānanda, hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có ạuả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác. Hai phần thí thực nào? Phần thí thực mà sau khi thọ dụng đức Như Lai đã giác ngộ phẩm vi Chánh đẳng giác tối thương, và phần thí thực sau khi thọ dụng đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn ờ cảnh giới Niết-bàn, không còn dư sót Hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác.^ Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai, sau khi thọ dụng bữa ăn của Cunda, có cơn bệnh trầm trọng đã sanh lên, có cảm thọ khốc liệt đã phát khởi, kề cận cái chết, như thế thì lời nói rằng: "Này Ānanda, hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác,5 là sai trái. Nếu hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí

thực khác, như thế thì lời nói rằng: "Đức Thế Tôn, sau khi thọ dụng bữa ăn của Cunda, có cơn bệnh tram trọng đã sanh lên, có cảm thọ khốc liệt đã phát khởi, kê cận cái chef cũng là sai trái. Thưa Ngài Nâgasena, không lẽ phần thí thực ấy có quả báo lớn do tình trạng đã bị nhiễm độc, có quả báo lớn do việc đã làm sanh lên cơn bệnh, có quả báo lớn do việc đã làm hoại đi tuổi thọ, có quả báo lớn do việc đã lấy đi mạng sống của đức Thế Tôn? về việc này, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do nhằm phản bác lại các học thuyết khác, về việc ấy, đám người bị mê muội này cho rằng: "Bệnh lỵ xuất huyết sanh lên bởi đã ăn quá nhiều do tác động của tham." Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được các vị Đại trưởng lão thực hiện CUỘC trùng tụng giáo pháp nói đên: 6'T6i đã được nghe răng: Sau khi thọ dụng bữa ăn của người thợ rèn Cunda, bậc Sáng Trí đã mắc phải cơn bệnh khốc liệt, kề cận cái chếty Và đức Thế Tôn đã nói rằng: 6'Này Ānanda, hai phần thỉ thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rát nhiêu so với các món thí thực khác. Hai phân thí thực nào? Phần thí thực mà sau khi thọ dụng đức Như Lai đã giác ngộ phẩm vi Chánh đẳng giác tối thượng, và phần thí thực sau khi thọ dụng đức Như Lai đã viên

tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác." Hơn nữa, phân thí thực ây có nhiêu đức tánh, có nhiêu quả thành tựu, có nhiêu quả báo. Tâu Đại vương, chư thiên đã mừng rỡ, có tâm ý tịnh tín [nghĩ rằng]: "Bây là lần thọ thực cuối cùng của đức Thế nên đã rắc dưỡng chất thuộc cõi trời ở món thịt lợn rừng.19 Hơn nữa, món ấy đã được nấu đúng cách, đã được nấu nhuần nhuyễn theo ý thích, có nhiều chất bổ, có lợi cho sức nóng của ngọn lửa (tiêu hóa) ở bao tử. Tâu Đại vương, không phải do duyên cớ ấy khiến cơn bệnh nào đó chưa khởi lên đã khởi lên cho đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy một cách bình thường, khi có nhiên liệu khác được cho vào thì bùng cháy

19 Sūkaramaddavaṃ Các bộ Chủ giải đã không xác định rõ ràng vềm6n thí thực này. Chủ giải của Dĩghanikãya {Kỉnh Trường bọ) gìn như sau: l ^Sūkaramaddava la phần thịt ngon nhất đã được làm sẵn của con heo rưng không quá tre, không quá già. Món ấy nhừ và beo, đã được cho chuẩn bị và nấu kỹ lưỡng. 2) Một so vị giải thích là: 'Một loại nước xúp bo được nấu với năm loại hương vi.9 3) Nhiều vị khác cho rằng: 'Món ấy là chất bổ dưỡng5 (DA. II. 568). Chủ giải Udãnq (Kỉnh Phật tự thuyết) cũng giải thích giống như (1) và (3) ở trên, ngoài ra còn có lời giải thích Jdiác rằng:'Sūkaramaddava không phải là thịt heo rừng mà là một loại măng tre đã bị loài heo rừng giẫm đạp, hoặc là loại nấm mọc lên ợ vùng đất đã được heo rừng cày ủi.9 Chu giải này còn ghi thêm rang: 'Thợ rèn Cunda đã chuẩn bị chất bổ dưỡng ấy và đã cúng dường đến đức Phật nham kéo dài tuổi thọ vì nghe rằng Ngài sẽ viên tịch Niết- bàn trong ngày đó (UdA. 399).

936 > KINH TIỂU Bộ

hơn nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yêu, tuôi thọ đã hét, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, hoặc là giống như con suối đang chảy một cách tự nhiên, khi có đám mây lớn đổ mưa thì trở thành dòng chảy lớn, cơn nước lũ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, hoặc là giông như bao tử đang no đây một cách bình thường, khi có vật nào khác chưa nấu chín được nuốt vào thì có thể bị căng cứng hơn nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, không có gì sai trái ở món thí thực ấy. Và không thể gán điều sai trái cho món ấy. 3. Thưa Ngài Nãgasena, bởi lý do gì mà hai phân thí thực ây là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác? -Tâu Đại vương, do năng lực của sự thuần thục và chứng đạt các pháp mà hai phân thí thực ây là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác. \ r Thưa Ngài Nâgasena, do năn^ lực của sự thuần thục và chứng đạt đôi với các

pháp nào mà hai phần thí thực ấy là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác? -Tâu Đại vương, do năng lực của sự thể nhập theo chiều thuận và chiều nghịch đối với chín sự chứng đạt và an tru theo tuần tự mà hai phần thí thực ấy là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác. -Thưa Ngài Nâgasena, có phải đức Như Lai đã thể nhập theo chiều thuận và chiều nghịch một cách nổi bật đối với chín sự chứng đạt và an trú theo tuần tự chỉ trong hai ngày thôi sao? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nājgasena, thật là phi thường! Việc nào dầu là sự bố thí tột đỉnh không thể sánh bằng ở ruộng phước đức Phật cũng không sánh được với hai phần thí thực này. Thưa Ngài Nãgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Chín sự chứng đạt và an trú theo tuần tự vĩ đại đến chừng nào, thì do năng lực của sự chứng đạt và an trú theo tuần tự mà sự bố thí ở chính nơi ấy là có được quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6°Câu hỏi về quả báo lớn của món thí thực55 là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ sự CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT (Buddhapūjanapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Ānanda, các ngươi chớ bi bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai." Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: í6Các ngươi hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các ngươi từ chốn này sẽ đi đến cõi trời.” Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai đã nói rằng: "Này Ānanda, các ngươi chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai", như thế thì lời nói rằng: "Các ngươi hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các ngươi từ chốn này sẽ đi đến cõi tr&i" là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: "Các ngươi hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các ngươi từ chốn này sẽ đi đến cõi tr&i", như thế thì lời nói rằng: "Này Ānanda, các ngươi chớ bi bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Ānanda, các ngươi chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai." Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: "Các ngươi hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các ngươi từ chốn này sẽ đi đến cõi trời?9 Tuy nhiên, điều đã được nói ấy: uNày Ānanda, các ngươi chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai" không dành cho tất cả, mà chỉ liên quan đến các người con trai của đấng Chiến Thắng. Tâu Đại vương, điều này, tức là việc cúng dường, không phải là việc làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Việc quán sát về các hành, tác ý đúng đường lối, quan sát về bốn sự thiết lập niệm, nắm lấy điều tinh túy của đề mục, sự chiến đấu với các phiền não, sự bám theo mục đích của minh, điều này là việc cân phải làm của những người con trai của đang Chiên Thăng. Cúng dường là việc nên làm đối với các thành phần còn lại là chư thiên và nhân loại. Tâu Đại vương, giống như đối với các vi hoàng tử ở trên quả đất thì có các môn học về voi, ngựa, xe, cung, gươm, viết

chữ, quản lý, binh thư, lắng nghe, khéo tiếp nhận, chiên đâu, động viên là công việc cân phải làm; còn đôi với các thành phần còn lại như các thương buôn và nô lệ phàm phu thì việc trồng trọt, buôn bán, chăn giữ trâu bò là việc cần phải làm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc này tức là việc cúng dường, không phải là việc làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Việc quán sát về các hành, tác ý đúng đường lối, quan sát về bốn sự thiết lập niệm, nắm lấy điều tinh túy của đề mục, sự chiến đấu với các phiền não, sự bám theo mục đích của mình, điều này là việc cần phải làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Cúng dường là việc nên làm đối với các thành phần còn lại là chư thiên và nhân loại.

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đối với các thanh niên Bà-la-môn thì các môn học như (bốn bộ Vệ-đà) Rig-Vèda, Yajur-Veda, Sāmā-Veda, Atharva-Veda, tướng sô, truyên thông, r truyên thuyêt, ỉ từ Jvựng, nghi thức, sự phân tích âm từ, cú a

pháp, văn phạm, câu trúc ngôn ngữ, hiện tượng, giác mơ, diêm báo hiệu, sáu chi phân (của kinh Vệ-đà)? nguyệt thực, nhật thực, sự di chuyên che khuât của các thiên thể, sự tranh giành ảnh hưởng của các vì sao, sự xuất hiện, sự rơi của thiên thể, sự động đất, sự bừng sáng ở các phương, bầu khí quyển, thiên văn học, tương lai của thế gian, điềm báo từ loài chó, điềm báo từ loài thú, điểm báo từ vị trí của các vì sao, hiện tượng bị xáo trộn, tiêng kêu của các loài chim là việc cân phải làm; còn đối với các thành phần còn lại như các thương buôn và nô lệ phàm phu thì việc trông trọt, buôn bán, chăn giữ trâu bò là việc cân phải làm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc này tức là việc cúng dường, không phải là việc làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Việc quán sát vê các hành, tác ý đúng đường lôi, quan sát vê bôn sự thiêt lập niệm, năm lay điều tinh túy của đề mục, sự chiến đấu với các phiền não? sự bám theo mục đích của mình, điều này là việc cần phải làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Cúng dường là việc nên làm đối với các thành phần còn lại là chư thiên và nhân loại. Tâu Đại vương, đo đó đức Như Lai [nghĩ rằng]: "Chớ để những người này vướng bận về những việc không phải

và hạ thấp xuống những chỗ bi nhô ln" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, việc ấy là thật. Trong khi đức Thế Tôn đang đi, đại địa cầu không có suy tư này nâng cao lên những chỗ bị lõm xuống và hạ thấp xuống những chỗ bị nhô lên. Và bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá. Tuy nhiên, miêng đá ấy đã không rơi theo bản thể tự nhiên của nó, mà đã rơi do mưu mô của Devadatta. Tâu Đại vương, Devadatta đã buộc oan trái với đức Thế Tôn nhiều trăm ngàn kiếp sống. Do sự oan trái ấy, kẻ ấy đã buông ra tảng đá lớn có kích thước bằng ngôi nhà mái nhọn [nghĩ răng]: "Ta sẽ làm cho rơi ở phía trên của đức Thế Ton?9 Khi ấy9 có hai khối đá đã trồi lên từ trái đất và đã hứng chiu tảng đá ấy. Rồi do sự va chạm của chúng, có mảnh đá đã bi vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Thưa

Ngài Nāgasena, hai khôi đá đã hứng chiu tảng đá ây như thê nào thì mảnh đá [bi vỡ ra] cũng nên được hứng chịu y như the ấy. -Tâu Đại vương, mặc dầu đã được hứng chịu nhưng ở đây một mảnh nào đó vuột qua, văng di, rồi mất dạng. Tâu Đại vương, giống như nước được giữ lại bởi bàn tay thì vuột qua các khe hở của ngón tay, trôi đi, roi mất dạng; [giông như] sữa tươi, sữa đông, bơ lỏng, mật ong, dầu ăn? sốt cá, sốt thịt được giữ lại bởi bàn tay, thì vuột qua các khe hở của ngón tay, trôi đi, rồi mất dạng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do sự va chạm của hai khối đá được tiến đến gần nhằm mục đích hứng chịu, có mảnh đá đã bị vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hoặc là giống như cát trơn, mịn, li ti, tương tợ hạt bụi được giữ lại bởi nắm tay, thì vuột qua các khe hở của ngón tay, trôi di, rồi mất dạng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do sự va chạm của hai khối đá được tiên đến gần nhằm mục đích hứng chiu, có mảnh đá đã bi vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hoặc là giống như vắt cơm được giữ lại bởi cái miệng, ở đây có thể một phan nào đó từ miệng của người ấy bị trào ra, vuột qua, trôi đi, rồi mất dạnẹ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do sự va chạm của hai khối đá được tiến đen gần nhằm mục đích hứng chịu, có mảnh đá đã bị vỡ ra khỏi tảng dá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. 3. Thưa Ngài Nāgasena, hãy là vậy. Hãy cho là tảng đá được hứng chịu bởi hai khối đá. Thế thì mảnh đá cũng nên thể hiện sự cung kính [đối với đức Phật] giống y như đại địa cầu vậy. -Tâu Đại vương, có mười hai hạng này không thể hiện sự cung kính. Mười hai hạng nào? Hạng luyến ái do tác động của sự luyến ái không thể hiện sự cung kính, hạng xấu xa do tác động của sân, hạng mê mờ do tác động của si, hạng cao ngạo do tác động của ngã mạn, hạng thiếu tánh tốt do không có ưu điểm, hạng quá bướng bỉnh do thiếu sự răn đe, hạng hạ liệt do bản tánh hạ liệt, hạng làm theo lời sai bảo do thiếu bản lãnh, hạng ác xấu do tánh bon xẻn, hạng bi chiu

khổ do tánh tự làm cho khổ, hạng tham lam do bị ngự trị bởi tham, hạng bị bận rộn do chuyên chú vào của cải không thể hiện sự cung kính. Tâu Đại vương, đây là mười hai hạng không thể hiện sự cung kính. Và hơn nữa, mảnh đá ấy sau khi bị vỡ ra do sự va chạm của tảng đá? trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hoặc là giông như hạt bụi trơn, mịn, li ti, bị gom lại bởi sức mạnh của cơn gió thì lăn lóc tung tóe không theo hướng quy định. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, mảnh đá ấy sau khi bị vỡ ra do sự va chạm của tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, nếu mảnh đá ấy không bị tách rời khỏi tảng đá, thì sau khi trồi lên hai khối đá ấy cũng có thể tóm lấy mảnh vỡ của tảng đá ấy. Tâu Đại vương, hơn nữa sau khi bị vỡ ra do lực va chạm của tảng dá, mảnh đá ấy không trụ ở mặt đất, không trú ở không trung, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy đinh đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hoặc là giông như chiêc lá úa bị cuôn lên bởi cơn gió lóc thì lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, mảnh đá ấy sau khi bị vỡ ra do lực va chạm của tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương,

hơn nữa do tiến trình gánh lấy khổ đau của Devadatta vô ơn, bon xẻn mà miếng đá ấy đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. í6Câu hỏi về việc bi thương bởi miêng đá ờ bàn chân" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ VỊ SA-MÔN CAO QUÝ HẠNG NHẮT (Aggaggasamanapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Do sự cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn.^ Và thêm nữa, Ngài đã noi rằng: WV| có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vị ấy là Sa-mon?9 * * * * Trong trường hợp ấy, bốn pháp này là: Kham nhẫn,

cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn.^, Và đức Thế Tôn đã nói rằng: có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vị ấy là Sa-m6n." Tâu Đại vương, lòi nói này đây đã được nói về phương diện đức hạnh của những con người ẩy đấy: có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vi ấy là Sa-môn?5 Còn đây là lời nói trọn vẹn: "Do sự cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vỉ Sa-mônу Hơn nữa tâu Đại vương, liên quan và đề cập đến tất cả những vi đã thực hành nhằm làm an tịnh các phiền não thì vị Sa-môn có lậu hoặc đã cạn kiệt được gọi là hạng nhát. Tâu Đại vương, giống như trong số bất cứ các loài hoa nào sống ở nước hoặc sốnjg ở đất liền, thì hoa nhài được gọi là hạng nhất. Hơn nữa, liên quan và đề cập đen tất cả các loài hoa nào đó còn lại, đủ các hạng, thì chỉ riêng hoa nhài là được con người mong cầu, ước muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, liên quan và đê cập đên tát cả những vi đã thực hành nhăm làm an tịnh các phiền não thì vị Sa-môn có lậu hoặc đã cạn kiệt được gọi là hạng nhát. Tâu Đại vương, hoặc là giông như trong sô tát cả các loại hạt thì gạo sāli được gọi là hạng nhất. Liên quan và đề cập đến bất cứ các loại hạt còn lại, đủ các hạng, là các loại vật thực nhăm nuôi dưỡng cơ thê, thì chỉ riêng gạo sāli được gọi là hạng nhất trong số các loại ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, liên quan và đề cập đến tất cả những vi đã thực hành nhằm làm an tịnh các phiền não thì vị Sa-môn có lậu hoặc đã cạn kiệt được gọi là hạng nhất. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 66Câu hỏi về vi Sa-môn cao quý hạng nhất" là thứ chín.

10. CÂU HỎI VÈ VIỆC NÓI LỜI CA NGỢI (Vannabhananapañho) 1. Thưa Ngài Nâ^asena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 6°Này các Tỳ-khưu, nêu những người khác nói loi ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phấn khởi của tam.55 Và thêm nữa, trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Như Lai đã vui mừng, hoan hỷ? phấn khởi tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng: "Này Sela, Ta là đức vua, đấng Pháp VươTig vô thượng. Ta chuyển vận bánh xe theo giáo pháp, là bánh xe không thể bị chuyển vận nghịch lại." Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: "Ny các Tỳ-khưu, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi

vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phân khởi của tâm", như thế thì lời nói rằng: "Trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Như Lai đã vui mừng, hoan hỷ, phấn khởi tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân" là sai trái.

Nếu trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Như Lai đã vui mừng, hoan hỷ, phấn khởi tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân, như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phấn khởi của tâm" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Nay các Tỳ-khiru? nếu những người khác nói lời ca ngợi ve Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hy, hay tâm trạng phấn khởi của tâm." Và trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, Ngài đã tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng: "Này Selaf Ta là đức vua, đấng Pháp Vương vô thượng. Ta chuyển vận bánh xe theo giảo pháp, là bảnh xe không the bị chuyển vận nghịch lạiy Tâu Đại vương, trong khi đang giải thh về hiện tướng của bản thể luôn cả cốt lõi, về bản thể, về sự hiển hiện, về sự hiện hữu, về thực thể, về trạng thái thật của giáo pháp, đức Thế Tôn đã nói lên câu thứ nhất rằng: "Nay các Tỳ-khưu5 nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phấn khởi của lâm." Trái lại, trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên? đức Thế Tôn đã tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng: uNày Sela, Ta là đức vua, đấng Pháp Vương vô thirợng"điều ấy không do nhân lợi lộc, không do nhân danh vọng, không do nhân phe nhóm, không vì lòng mong mỏi đệ tử. Khi ấy, vì lòng thương tưởng, vì lòng bi mẫn, vì ước muốn điều lợi ích [nghĩ rằng]: "Nhu vầy sẽ có sự lãnh hội cho người này và ba trăm thanh niên Bà-la-môn,5, nên Ngài đã công bố nhiều hơn, vượt trội hơn vê đức hạnh của bản thân răng: uNày Sela, Ta là đức vua, đang Pháp Vương vô thượng.^, Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. wCâu hỏi về việc nói IM ca ngợi" là thứ mười.

11. CÂU HỎI VÈ Sự KHÔNG HÃM HẠI VÀ sự TRẤN ÁP (Ahimsāniggahapañho) ỉ. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Trong khi không hãm hại người khác ờ trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mến, được thân can?9 Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: "Hy trấn áp kẻ xúng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng

đỡ.59 Thưa Ngài Nāgasena, trấn áp nghĩa là chặt tay, chặt chân, trưng phạt, giam cầm, hành hạ, giết chết, làm tổn thương sự tiếp nối [mạng sống]. Lời nói này đối với đức The Tôn là không được đúng đắn. Và đức The Tôn không thể nào nói lời nói này. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: "Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mến, được thân can", như thế thì lời nói rằng: "Hãy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng đỡ" là sai trái. Nêu đức Như Lai đã nói rang: "Hãy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng như thế thì lời nói rằng: "Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mên, được thân cān,5 cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ^Trong khỉ không hãm hại người khác ờ trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cận?9 Và Ngài đã nói rằng: “Hy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng dỡ*.” Tâu Đại vương, điều nói là: “Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cān9\ đối với tất cả các đức Như Lai thì điều này được chấp thuận, điều này là sự chỉ dạy, điều này là sự giảng giải giáo pháp. Tâu Đại vương, bởi vì giáo pháp có sự không hãm hại là tướng trạng. Điêu này là lời nói về bản thể. Tâu Đại vương, còn vê việc đức Như Lai đã nói răng: "Hay trân áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng âỡ"\ điều ấy là ngôn từ. Tâu Đại vương, tâm bị kích động là cần được trấn áp, tâm trì trệ là cần được nâng đỡ. Tâm bất thiện là cần được trấn áp, tâm thiện là cần được nâng đỡ. Tác ý không đúng đường lối là cần được trấn ap>, tác ý đúng đường lối là cần được nâng đỡ. Sự thực hành sai trái là cần được trấn áp, sự thực hành đúng đắn là cần được nâng đỡ. Người không thánh thiện là cần được trấn áp, người thánh thiện là cần được nâng đỡ. Kẻ trộm cướp là cần được trấn áp, kẻ không là trộm cướp là cần được nâng đỡ. Thưa Ngài Nāgasena, hãy là vậy. Giờ đây Ngài mới đề cập đến vấn đề của trẫm, trẫm quan tâm đến ý nghĩa của điều trẫm hỏi. Thưa Ngài Nāgasena, như vậy trong khi trấn áp kẻ trộm cướp thì nên tran áp như the nào? Tâu Đại vương, trong khi trấn áp kẻ trộm cướp thì nên trấn áp như vầy: Kẻ đáng quở trách thì nên quở trách, kẻ đáng trừng phạt thì nên trừng phạt, kẻ đáng lưu đày thì nên lưu đày, kẻ đáng giam cầm thì nên giam cầm, kẻ đáng tử hình thì nên tử hình. Thưa Ngài Ngasena, như vậy việc tử hình những kẻ trộm cướp có được các đức Như Lai châp thuận không? Tâu Đại vương, không.

Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì tại sao việc kẻ trộm cướp cần được chỉ dạy lại được các đức Như Lai chấp thuận9 Tâu Đại vương, kẻ nào bị tử hình, không phải do sự chấp thuận của các đức Như Lai mà kẻ ấy bị tử hình. Kẻ ấy bi tử hình bởi việc đã làm của chính bản thân. Thêm nữa, kẻ ấy được chỉ dạy theo sự chỉ dạy về giáo pháp. Tâu Đại vương, phải chăng bậc trí có thể bắt giữ người không gây án không phạm tội đang đi trên đường rồi giết chết không? - Thưa Ngài, không thể. Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì là người không gây án. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, kẻ trộm cướp sẽ bi giết chết không phải do sự châp thuận của các đức Như Lai. Kẻ ây sẽ bị giêt

chét bởi việc đã làm của chính bản thân. Như thế, phải chăng trong trường hợp này người chỉ dạy phạm vào lỗi lầm nào đó? Thưa Ngài, không có. Tâu Đại vương, như thế thì sự chỉ dạy của các đức Như Lai là sự chỉ dạy đúng đắn. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6'Câu hỏi về sự không hãm hại và sự trấn p" là thứ mưM một

12. CÂU HỎI VỀ VIỆC ĐÃ GIẢI TÁN CÁC VỊ TỲ-KHƯU (Bhikkhupanāmitapañho) ỉ. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Ta không có nổi giận, không có khắt khe." Và thêm nữa, đức Như Lai đã giải tán hai vi Trưởng lão Sāriputta và Moggallâna cùng với đồ chúng [của hai vi]. Thưa Ngài Nâgasena, có phải đức Như Lai đã giải tán đồ chúng khi bị nổi giận, hay là đã giải tán khi được vui vẻ? Xin Ngài nhận biết cho việc ấy là thuộc về trường hợp này. Thưa Ngài Nãgasena, nếu đã giải tán đồ chúng khi bi nổi giận, như thế thì đối với đức Thế Tôn sự nổi giận con chưa được dứt trừ. Nếu đã giải tán đồ chúng khi được vui vẻ, như thế thì [đồ chúng] đã bị giải tán khi không có cớ SỊT, trong khi không hay biết. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Ta không có nổi giận, không có khắt khe", và hai vi Trưởng lão Sāriputta và Moggallâna cùng với đồ chúng đã bị giải tán. Tuy nhiên, điều ấy không do sự nổi giận. Tâu Đại vương, ở đây có người nam nào đó vấp chân vào rễ cây, gốc cây, cục dá, miêng sành, hoặc chỗ đất không bằng phẳng rồi té ngã. Tâu Đại vương, phải chăng đại địa càu này bị nổi giận rồi làm cho kẻ ấy té ngã? Thưa Ngài Nãgasena, không đúng. Đối với đại địa cầu không có sự nổi

giận hay vui thích. Đại địa cầu được thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. Kẻ ấy chính tự mình lơ đễnh nên mới bị vấp chân rồi té ngã. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với các đức Như Lai không có sự nổi giận hay vui thích. Các đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. Lúc bấy giờ, các vị ấy chính vì việc đã làm của mình nên mới bị giải tán vì sự sai trái của bản thân. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây biển cả không sống chung với xác chết. Nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy ra khỏi, hoặc hát lên đất liền. Tâu Đại vương, phải chăng biển cả bi nổi giận rồi đưa xác chết ấy ra khỏi? 3. Thưa Ngài, không đúng. Đôi với biên cả không có sự nôi giận hay vui thích. Biển cả được thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với các đức Như Lai không có sự nổi giận hay vui thích. Các đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. Lúc bấy giờ, các vị ấy chính vì việc đã làm của mình, vì sự sai trái của bản thân nên mới bị giải tán. Tâu Đại vương, giống như người bi lỗi lầm với trái đất rồi té nẹã, tương tợ y như thế, người bị lỗi lầm với lời dạy cao quý của đấng Chiến Thang thì bi giải tán. Giống như xác chết ở trong biển cả thì bị đưa ra khỏi, tương tợ y như thế, người bị lỗi lầm với lời dạy cao quý của đấng Chiến Thắng thì bị giải tán. Tâu Đại vương, hơn nữa việc đức Như Lai đã giải tán các vị ấy với sự mong muốn điều tốt đẹp, mong muốn điều lợi ích, mong muốn sự an lạc, mong muốn sự thanh tịnh cho các vị ấy; Ngài đã giải tán [nghĩ rằng]: "Nhu vậy, những người này sẽ được hoàn toàn giải

thoát khỏi sanh, già, bệnh, ch&t." Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc đã giải tán các vi Tỳ-khưuw là thứ mười hai. Phẩm Đã bi giải tán là thứ ba. (Trong phẩm này có mười hai câu hỏi)

946 KINH TIÊU BÔ

IV PHẨM VÈ TRÍ TOÀN TRI (SABBAÑÑUTAÑĀNAVAGGO)

1. CÂU HỎI VÈ QUẢ THÀNH Tựu CỦA NGHIỆP có NANG Lực LỚN HƠN THẦN THÔNG (Iddhiyā kammavipākabalavatarapañho) 1. - Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Nầy các Tỳ-khưu, vi đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử có thần thông của Ta tức là Mahâmoggallãna." Và thêm nữa, nghe nói vị ấy bị đánh bằng những cây côn, đầu bị vỡ, xương thịt gân bị nghiền nát thành bột và toàn thân bị chặt đứt, rồi viên tịch Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, nếu vị Trưởng lão Mahāmoggallāna đã đạt đến tột đỉnh của thần thông, như thế thì lời nói rằng: 66Bị đánh bằng những cây côn rồi viên tịch Niết-pn" là sai trái. Nếu bị đánh bằng những cây côn rồi viên tịch Niết-bàn, như thế thì lời nói rằng: "Đã đạt đến tột đỉnh của thần thong" cũng là sai trái. Có phải vị ấy không có khả năng về thần thông để tránh né việc chết chóc của mình, để trở thành đối tượng nương nhờ của thế gian luôn cả chư thiên? Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử có thần thông của Ta tức là Mahmoggallna.” Và Trưởng lão Mahãmoggallâna đã bi đánh bằng cây côn rồi viên tịch Niết-bàn. Tuy nhiên, điều ấy là do đã bị chế ngự bởi nghiệp. Thưa Ngài Nâgasena, thế không phải lãnh vực của thần thông đối với người có thần thông và quả thành tựu của nghiệp là hai điều không thể nghĩ bàn hay sao? Và có thể tránh né việc không thể nghĩ bàn [này] bằng việc không thể nghĩ bàn [khác]? Thưa Ngài, giống như những ai mong muốn trái cây thì chọi thẳng trái táo rừng bang trái táo rừng, chọi thẳng trái xoài bang trái xoài, thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như the, sau khi đoi chọi việc không thể nghĩ bàn [này] bằng việc không thể nghĩ bàn [khác] thì có thể tránh né được. -Tâu Đại vương, tuy nhiên trong hai điều không thể nghĩ bàn thì một điều là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Tâu Đại vương, giống như các vị vua ở trên trái đất là tương đương về dòng dõi. Tuy nhiên trong số các vị tương đương về dòng dõi ấy, có một vị thống trị tất cả và thê hiện quyền hành. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong số các điều không thể nghĩ bàn ấy thì chính quả thành tựu của nghiệp là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Chính quả thành tựu của nghiệp thống tri tát cả và thê hiện quyền hành. Đối với người đã bị chế ngự bởi nghiệp, các hành động còn lại không đạt được cơ hội.

MILINDAVẤN ĐẠO 947

Tâu Đại vương, hơn nữa trong trường hợp một người nam vi phạm một sự việc nào đó thì người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh chị em, hoặc bạn bè thân hữu của người ấy không bảo vệ được anh ta, khi ấy chính đức vua thống trị ở nơi ấy và thể hiện quyền hành. Trong trường hợp ấy cái gì là nguyên nhân? Do tình trạng vi phạm tội. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong số các điều không thể nghĩ bàn ấy thì chính quả thành

tựu của nghiệp là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Chính quả thành tựu của nghiệp thống trị tất cả và thể hiện quyền hành. Đối với người đã bi chế ngự bởi nghiệp, các hành động còn lại không đạt được cơ hội. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám lửa rừng khi đã phát khởi ở trái đất thì cho dầu một ngàn lu nước cũnệ không thể nào dập tắt. Khi ấy, chính ngọn lửa thống tri ở nơi ấy và thê hiện quyên hành. Trong trường hợp ấy cái gì là nguyên nhân? Là do sức mạnh của ngọn lửa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong số các điều không thể nghĩ bàn ấy thì chính quả thành tựu của nghiệp là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Chính quả thành tựu của nghiệp thống trị tất cả và thể hiện quyền hành. Đối với người đã bị chế ngự bởi nghiệp, các hành động còn lại không đạt được cơ hội. Tâu Đại vương, do đó Trưởng lão Mahāmoggallāna là đã bi chế ngự bởi nghiệp, trong khi đang bị đánh bằng những cây côn đã không có được sự gom tụ lại của thần thông. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về thần thông và quả thành tựu của nghiệp^ là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ PHÁP VÃ LUẬT ĐƯỢC CHE GIẤU HAY KHÔNG ĐƯỢC CHE GIẤU (Dhammavinayapaticchannāpaticchannapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: í6Này các Tỳ-khưu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ, chói sáng, không bi che giấu.” Và thêm nữa, việc đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhaṃ và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu. Thưa Ngài Năgasena, nếu Ngài đạt được sự gắn bó, hoặc sự thành tựu, hoặc sự lãnh hội trong giáo pháp của đấng Chiến Thang, thì sự quy định về Luật là được bộc lộ? có thể tỏa sáng. Vì lý do gì? Toàn bộ ở đây là sự thu thúc trong các điều học, sự kềm chế, sự quy định về giới đức và tánh hạnh đều có hương vị của mục dích, hương vi của giáo pháp, hương vị của giải thoát. Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: “Này các Tỳ-khưu5 Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ, chói sáng, không bi che giấu”, như thế thì lời nói rằng: "Việc đọc tụng Giới bổn và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu” là sai trái. Nếu việc đọc tụng Giới bổn và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu, như thế thì lời nói rằng: “Này các Tỳ-khưu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ9 chói sáng, không bị che giấu” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ, chói sáng, không bị che giâu." Và thêm nữa, việc đọc tụng Giới bổn và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu. Tuy nhiên, điều ấy không phải là đối với tất cả (mọi người), sau khi đã thực hiện ranh giới thì việc ấy được đóng lại. Tâu Đại vương, việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại bởi đức Thế Tôn bởi vì ba tính chất: Được đóng lại theo quy luật truyền thong của các đức Như Lai thời trước, được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp, được đóng lại vì sự cung kính đối với địa vị của các Tỳ-khưu. Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại theo quy luật truyền thốnệ của các đức Như Lai thời trước [nghĩa] là thế nào? Tâu Đại vương, truyên

thông này là của tát cả các đức Như Lai thời trước, tức là việc đọc tụng Giới bổn ở giữa các vị Tỳ-khưu, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, gióng như kiến thức Sát-đế-lỵ của dòng Sát-đế-lỵ lưu truyền chỉ trong số các vị Sát-đế-lỵ9 việc như thế này là tập quán đối với thế gian của các vị Sát-đế-lỵ, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, truyền thống này là của tất cả các đức Như Lai thời trước, tức là việc đọc tụng Giới bổn ở giữa các vị Tỳ-khưu, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, hoặc là ậiống như các nhóm người sinh sống ở trái đất gồm có: Thợ đấu vật, làm xiếc, uốn dẻo, tài tử, diễn viên, kịch sĩ, vũ công, múa rối, ảo thuật, hạng thờ phụng các vị Trời Manibhaddā, Punnabhaddā, thần Mặt trăng, thần Mặt trời, thần May mắn, thần Rủi ro, thần Siva, thần Visnu, thần Mây, thần Asipāsā, thần Bhaddiputta. Điều bí mật của mỗi một nhóm lưu truyền chỉ trong từng nhóm người ấy, và đóng lại đoi với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, truyền thống này là của tất cả các đức Như Lai thời trước, tức là việc đọc tụng Giới bôn ở giữa các vi Tỳ-khưu, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Việc đọc tụng Giới bôn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại theo quy luật truyền thống của các đức Như Lai thời trước [nghĩa] là như vậy. Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp [nghĩa] là thế nào? Tâu Đại vương, giáo pháp là đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, ơ đây, người có sự thực hành đúng đan thì đạt được trí tuệ. Người đạt được điêu ây ở đây do sự thực hành đúng đắn theo sự truyền thừa, người không đạt được điều ấy ở đây do sự thực hành đúng đắn theo sự truyền thừa [nghĩ răng]: "Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có rơi vào tay của những người có sự thực hành sai trái, rồi bi chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bi chê trách. Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có đến với những người xấu xa, rồi bị chê bai, bi khinh thường, bị khi dễ, bi khinh miệt, bị chê trách.” Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đoi với giáo pháp [nghĩa] là như vậy.

Tâu Đại vương, giông như vật gọi là trâm huyêt có lõi, cao quý, ưu tú, chính cống, nguyên chất, màu đỏ được đem đến nơi thị tứ ở thôn quê thì bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có người [nghĩ rằng]: "Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có rơi vào tay của những người có sự thực hành sai trái theo sự truyền thừa, rồi bi chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách. Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có đến với những người xấu xa, rồi bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bi chê trách.” Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp [nghĩa] là như vậy. Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với địa vị của các Tỳ-khưu [nghĩa] là the nào? Tâu Đại vương, bản thể Tỳ-khưu ở trên đời quả là không so sánh được, không đo lường được, không định giá được, không ai có thể đem ra đánh giá, đem ra so sánh, đem ra đo lường [nghĩ rằng]: “Mong rằng người này đứng vững trong bản thể Tỳ-khưu như vầy và chớ trở thành đồng đẳng với thế gian", việc đọc tụng Giới bổn lưu truyền ở giữa chỉ riêng các vị Tỳ-khưu. Tâu Đại vương, giống như

loại hàng hóa cao quý và ưu tú ở trên đời là tấm vải hoặc là tấm thảm trải, hoặc là voi, ngựa, xe, vàng, bạc, ngọc ma-ni5 ngọc trai, các châu báu của phụ nữ, v.v... hoặc là những việc làm và các vị anh hùng không bị đánh bại, tất cả các vật ấy đều đến với đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hết thảy các điều học, các kinh điển khéo được truyền thừa và pháp học, các đức tính của việc thu thúc trong hành xử và của sự phòng hộ các giới, tát cả các điêu ây đêu đên với hội chúng Tỳ-khưu. Việc đọc tụng Giới bôn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với địa vi của các Tỳ-khưu [nghĩa] là như vậy. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về Pháp và Luật được che giấu hay không được che giấu” là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT NẶNG NHẸ CỦA LỜI NÓI DỐI (Musāvādagarulahubhāvapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: wKhi cố tình nói dối thỉ phạm tộipārājika.^ Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: wKhi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự hiện diện của một vj.” Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì ở đây có điều gì khác nhau? Lý do gì mà do một lời nói doi thì bị đứt đoạn và do một lời nói doi lại có được sự sửa chữa? Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Thế Ton đã nói rằng: “Khi cố tình nói dối thì phạm tội pãrãịika'\ như thế thì lời nói rằng: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hoi trong sự hiện diện của một là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự

hiện diện của một vi", như thế thì lời nói rằng: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội pārājika" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội pārājikay Và Ngài đã nói rằng: “Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự hiện diện của một vj." Và điều ấy là nặng hay nhẹ tùy theo mức độ của sự việc. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? ở đây, có kẻ tung cú đấm bằng bàn tay vào người khác, Đại vương xét xử hình phạt gi đối với kẻ ấy? Thưa Ngài5 nếu n^ười kia nói: "T6i kh6ng tha thứ"thì chúng tôi sẽ bảo kẻ không được tha thứ áy mang lại một đồng tiền. Tâu Đại vương, trái lại ở đây nêu chính kẻ ây tung cú đâm băng bàn tay vào Đại vương, thì kẻ ấy chiu hình phạt gì? Thưa Ngài, đối với kẻ ấy trẫm có thể bảo chặt bàn tay, cũng có thể bảo chặt bàn chân, có thể bảo chặt theo lối xử trảm đến tận cái đầu, cũng có thể cho tịch thu toàn bộ nhà cửa của kẻ ấy và thủ tiêu hai bên nội ngoại cho đến bảy đời. -Tâu Đại vương, vậy thì ở đây có điều gì khác nhau? Lý do gì mà trong việc đấm bằng bàn tay vào một người thì chịu hình phạt nhẹ một đồng tiền, còn trong việc đam bằng bàn tay vào Đại vương thì chịu sự bi chặt bàn tay, sự bị chặt bàn chân, cho đen việc bị chặt theo loi xử trảm đen tận cái đau, sự tịch thu toàn bộ nhà cửa, sự thủ tiêu hai bên nội ngoại cho đen bảy đời. Thưa Ngài, do sự cách biệt giữa loài người. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, việc cô tình nói dôi là nặng hay nhẹ tùy theo mức độ của sự việc. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. uCâu hỏi

về tính chất nặng nhẹ của lời nói d6i" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ QUY LUẬT Tự NHIÊN ĐỐI VỚI ĐỨC BỒ-TÁT (Bodhisattadhammatāpañho) L Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến ở bài giảng phAp về quy luật tự nhiên: "Ngay trong thời quá khứ, mẹ cha của các đức Bo-tát là được xác đỉnh, cội cây Bồ-đề là được xác định, các vi Thinh văn hàng đầu là được xác đinh, người con trai là được xác đinh, vi thi giả là được xác đinh?45 Và thêm nữa, N i nói rằng: uKhi ngư ờ tập thể chưthiên Tusitā, đức Bồ-tát quán xét tám điều quán xét chánh yếu: Quán xét về thời điểm, quán xét về châu lúc, quán xét ve xứ sở, qun xét về gia tộc, quán xét về người mẹ, quán xét vê tuổi thọ, quán xét vê tháng (thời gian trụ thai), quán xét về việc xuất ly." Thưa Ngài Nâgasena, khi trí chưa được chín muồi thì không có sự giác ngộ. Khi trí đã chín muồi thì không thể chờ đợi dầu chỉ trong nháy mắt. Trí đã chín muồi sẽ không bị vượt qua. Tại sao đức Bồ-tát quán

xét thời điểm rằng: "Ta tái sanh vào thời điểm nao?95 Khi trí chưa được chín muôi thì không có sự giác ngộ. Khi trí đã chín muôi thì không thê chờ đợi dâu chỉ trong nháy mắt. Tại sao đức Bồ-tát quán xét gia tộc rằng: "Ta tái sanh vào gia tộc no?" Thưa Ngài Nâgasena, nếu mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác đinh ngay trong thời quá khứ, như thê thì lời nói răng: "Quán xét vê gia tộc" là sai trái. Nếu [đức Bô-tát] quán xét vê gia tộc, như thê thì lời nói răng: "Mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác đinh ngay trong thời quá khứ^, cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. -Tâu Đại vương, mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác đinh ngay trong thời quá khứ, và đức Bồ-tát quán xét về gia tộc. Nhưng quán xét về gia tộc như thế nào? Quán xét về gia tộc như vầy: "Những người nào là mẹ cha của ta, có phải những người ấy là Sát-đế-lỵ hay là Bla-m6n?" Tâu Đại vương, sự việc chưa xảy đến nên được xem xét trước đối với tám hạng. Đối với tám hạng nào? Tâu Đại vương, đối với thương buôn, hàng hóa mua bán nên được xem xét trước. Đôi với con voi chúa, con đường chưa đi đên nên được xem xét trước bằng vòi. Đối với người đánh xe bò, bến nước cạn chưa đi đến nên được xem xét trước. Đối với người thuyền trưởng, bến tàu chưa đi đến nên được xem xét trước rồi mới nên cho thuyền tiến vào. Đối với người thây thuôc, nên xem xét trước vê tuôi thọ roi mới nên đên gân n^ười bệnh. Đôi với cây cầu để vượt qua, nên biết trước về tình trạng bền hay yêu rồi mới nên bước lên. Đối với vị Tỳ-khưu, nên quán xét trước về thời gian [thọ thực] còn chưa trôi qua rồi mới nên thọ dụng thức ăn. Đối với các đức Bồ-tát, nên xem xét trước về gia tộc là gia tộc Sát-đế-lỵ hay là gia tộc Bà-la-môn. Tâu Đại vương, đối với tám hạng này thì sự việc chưa xảy đến nên được xem xét trước. Thưa Ngài Nâgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. í6Câu hỏi về quy luật tự nhiên đối với đức Bồ-tát^ là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ VIỆC Tự KÉT LIỄU BẢN THÂN (Attanipātanapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 6Này các Tỳ-khưu, không nên tự kết liễu bản thân;20 vi nào tư kết liễu thì nên được hành xử theo pháp.55 Và thêm

nữa, Ngài nói rằng: 66& bất cứ nơi nào, trong khỉ thuyết giảng giáo pháp cho các đệ tử, đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp bang nhiều phương tiện nhằm cắt đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đối với chết Bởi vì bất cứ vị nào vượt qua sanh, già, bệnh, chết, Ngài ca ngợi vi ấy với lời ca ngợi cao cả nhất.55 Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: uNày các Tỳ-khiru? không nên tự kết liễu bản thân; vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp", như thê thì lời nói răng: "Ngài thuyêt giảng giáo pháp nhăm cát đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đối với chef là sai trái. Nếu Ngài

20 "Tịt kết liễu" là đã được dịch thoát. Từ PãỊipãteti có ý nghĩa là TAm cho rơi, lao xuống®

thuyết ging giáo pháp nhằm cat đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đoi với chết, như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, không nên tự kết liễu bản thân; vi nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, không nen tự kết liễu bản thân; vi nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp?9 ở bất cứ nơi nào, trong khi thuyết giảng giáo pháp cho các đệ tử, đức Thế Tôn thuyết ging giáo pháp bằng nhiều phương tiện nhằm cắt đứt hoàn toàn đối với sanh, đôi với già, đối với bệnh, đôi với chét. Tuy nhiên trường hợp ấy là có lý do, mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khước từ và đã khuyến khích. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì ở đây có lý do gì mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khước tư và đa khuyến ĩchích? Tâu Đại vương, n^ười có giới, đầy đủ về giới, giống như liều thuốc giải trong việc tiêu diệt chất độc phiền não của chúng sanh; gi6ng như phương thuôc làm dịu xuồng cơn bệnh phiên não của chúng sanh; giông như nước trong việc tay trừ bụi băm phiên nao cua chúng sanh; giông như viên ngọc quy ma- ni trong việc ban phát tất cả các sự thành tựu cho chúng sanh; giống như chiếc thuyên trong việc vượt lên trên bôn dòng lũ của chúng sanh; giông như người hướng dẫn đoàn xe trong việc vượt qua bãi sa mạc tái sanh của chúng sanh; giống như làn ệiỏ trong việc dập tắt sức nóng của ngọn lửa gom ba loại cho chúng sanh; giông như cơn mưa lớn trong việc làm tràn đây tâm ý của chúng sanh; giống như người thầy trong việc rèn luyện điều tốt đẹp cho chúng sanh; giống như người hướng dẫn khéo léo trong việc chỉ ra đạo lộ an toàn cho chúnệ sanh. Tâu Đại vương, người có hình thức như thế là có nhiều đức tính, có vô so đức tính, có vô lượng đức tính, có một khối đức tính, có một đống đức tính, là người làm lợi lạc cho chúng sanh, tâu Đại vương, vì lòng thương tưởng chúng sanh [nghĩ rằng]: uChớ để người có giới bi tiêu hoại", đức Thế Tôn đã quy đinh điều học: "Này các Tỳ-khiru, không nên tự kết liễu bản thân; vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp?5 Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy đức Thế Tôn đa khước từ. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được vị Trưởng lão Kumārakassapaṃ vi Pháp sư có tài hùng biện, trong lúc đang làm sáng tỏ về thế giới khác cho đức Vua Pāyāsi: "Thua Bệ hạ, các VỊ Sa-môn? Bà-la-môn có giới, có thiện pháp, tồn tại thời gian dài lâu như thế nào thì họ thực hành vì sự lợi ích

cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng thế gian, vì sự tốt đẹp, vì sự lợi ích, vì sự an lạc cho chư thiên và loài người như thế ấy.” Vậy thì vì lý do gì mà đức Thế Tôn đã khuyến khích? Tâu Đại vương, sanh cũng là khổ, già cũng là khổ, chết cũng là khổ, sầu muộn cũng là khổ, than vãn cũng là khổ, khổ đau cũng là khổ, tru phiền cũng là khổ, thất vọng cũng là khổ, sự liên hệ với những gì không yêu thích cũng là khổ, sự xa lìa với những gì yêu

thích cũng là khổ, cái chết của mẹ cũng là khổ, cái chết của cha cũng là khổ, cái chết của anh em trai cũng là khổ, cái chết của chị em gái cũng là khổ, cái chết của con cũng là khô, cái chét của vợ cũng là khô, mat mát vê thân quyên cũng là khổ, mất mát vì bệnh tật cũng là khổ, mất mát về tài sản cũng là khổ9 mất mát vê giới cũng là khô, mat mát vê kiên thức cũng là khô, sợ hãi vì đức vua cũng là khổ, sợ hãi vì trộm cướp cũng là khổ, sợ hãi vì kẻ thù cũng là khổ, sợ hãi vì vật thực khó khăn cũng là khổ, sợ hãi vì lửa cũng là khổ, sợ hãi vì nước cũng là khổ, sợ hãi vì sónẹ nước cũng là khổ, sợ hãi vì nước xoáy cũng là khổ, sợ hãi vì cá sấu cũng là kho, sợ hãi vì cá dữ cũng là khổ, sợ hãi vì sự quở trách của bản thân cũng là khổ, sợ hãi vì sự quở trách của người khác cũng là khổ, sợ hãi vì hình phạt cũng là khổ, sợ hãi vì khổ cảnh cũng là khổ, sợ hãi vì e ngại tập thể cũng là khổ, sợ hãi vì sự nuôi mạng cũng là khổ, sợ hãi vì sự chết cũng là khổ, việc đánh đập bằng những cây gậy cũng là khổ, việc đánh đập bằng những cây roi cũng là khổ, việc đánh đập bằng những cây đoản côn cũng là khổ, việc chặt bàn tay cũng là khổ, việc chặt bàn chân cũng là khổ, việc chặt bàn tay và bàn chân cũng là khổ, việc cắt tai cũng là khổ, việc xẻo mũi cũng là khổ, việc cắt tai và xẻo mũi cũng là khổ, việc [nhúng vào] hũ giấm chua cũng là khổ, việc cạo đau bôi vôi cũng la kho, việc đót lưa ơ miệng cung la kho, việc thiêu song cũng là khổ, việc đốt cháy ở bàn tay cunjg là khổ, việc lột da thành sợi cũng là khổ, việc mặc y phục vỏ cây cũng là khổ, việc kéo căngệ thân người ở trên đất cũng là kho, việc xiên da thịt bang lưỡi câu cũng là kho, việc khoét thịt thành đồng tiền cũng là khổ, việc chà xát với chất kiềm cũng là khổ, việc quay tròn ở trên thập tự giá cũng là khổ, việc ngồi ở ghế rơm cũng là khổ, việc rưới bằng dầu sôi cũng là khổ, việc cho những con chó gặm cũng là khổ, việc đặt trên giáo nhọn lúc còn sống cũng là khổ, việc chặt đầu bằng gươm cũng là khổ.21 Tâu Đại vương, người bị luân hồi gánh chịu các khổ đau nhiều thứ vô số loại có hình thức như the. Tâu Đại vương, giông như nước tích lũy ở núi Hy-mã-lạp ngập tràn ở các viên đá, sỏi, cát nhám, vực nước xoáy, ghềnh, thác, vật chướng ngại, vật ngăn cản, rễ cây, cành lá ở sông Gañgā; tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người bi luân hồi gánh chịu các khổ đau nhiều thứ vô số loại có hình thức như thế. Tâu Đại vương, khổ đau thì bi xoay chuyển, an lạc [Niết-bàn] thì không bị xoay chuyển. Tâu Đại vương, trong khi giải thích rõ về đức tính của sự không bị xoay chuyển và nguy hiểm của sự bị xoay chuyển, vì sự chứng ngộ pháp khônệ bị xoay chuyên, vì sự vượt qua sanh, già, bệnh, chét mà đức Thê Tôn đã khuyên khích. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khuyến khích* Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ. Lý do đã được giảng giải rõ ràng. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc tự kết liễu bản thân” là thứ năm.

21 Một số hành phạt đã được phỏng đoán. (ND)

954 * KINH TIỂU Bộ

6. CÂU HỎI VỀ LỢI ÍCH CỦA TÂM TỪ (Mettānisamsapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Ny các Tỳ-khưu, vói từ tâm giải thoát đã được rèn luyện, được tu tập, được thực hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đâu tốt đẹp9 mười một điều lợi ích này là điều mong đợi. Mười một điều nào? [Vi ấy] ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thấy mộng mi xấu xa, được loài người thương mến, được phi nhân thương mến, chư thiên hộ trì, lửa hoặc thuốc độc hoác dao gươm không hại được vi ấy, tâm được đinh nhanh chóng, sắc mặt trầm tĩnh, từ trần không mê mờ, [nếu] chưa thấu triệt pháp cao hơn thì được sanh về thế giới Phạm Và thêm nữa, Ngài nói rằng: "Bé trai Sāmā, có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bay nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bị đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tẩm độc, đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy. ”22 Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được noi bởi đức Thế Tôn là: "Này các Tỳ-khtru, với từ tâm... (nt)... được sanh về thế giới Phạm thiên", như thế thì lời nói rằng: "Bé trai Sāmā có sự an trú tâm từ, được vây (Ịuanh bởi bầy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bi đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tẩm độc nên đã bi bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ y" là sai trái. Nêu bé trai Sāmā có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bầy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bị đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tẩm độc, đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy, như thế thì lời nói rằng: uNày các Tỳ-khưu, với từ tâm... (nt)... lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được vị ấy" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vô cùng khôn khéo, hết sức tinh vi, tế nhị, sâu xa. Thậm chí mồ hôi có thể tiết ra ở thân thể của những người vô cùng khôn khéo. Nó được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy gỡ rối cục roi lớn đã bị rối lại. Xin Ngài hãy ban cho sự nhận thức đến những người con của đấng Chiến Thắng trong ngày vị lai bằng cách giải quyết. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khưu, với từ tâm... (nt)... lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được vi ấy." Và bé trai Sāmā có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bầy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bi đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tẩm độc, đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy. Tâu Đại vương, tuy nhiên ở trường hợp ấy là có lý do. Lý do gì ở trường hợp ấy? Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, bé trai Sāmā trong khi đang nâng lên vò nước, vào giây phút ấy đã bị xao lãng về sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ấy lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý định không tốt đối với người ấy đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại

22 Bổn sanh "Sama" (Sāmajātakani), số 540, TTP v, tập 34. (ND)

MILINDAVẤN ĐẠO 955

vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, ở dây, người nam là anh hùng chiến trận, khoác lên chiếc áo giáp lưới sắt không thể xuyên thiỉng rồi xông vào chiến trường, những mũi tên được bắn ra hướng đến người ây đêu bị rơi xuổng tung tóe, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, đức tính ấy không thuộc về người anh hùng chiến trận, đức tính ấy thuộc vê chiêc áo giáp lưới sát không thê xuyên thủng, khiến những mũi tên được bắn ra hướng đến người ấy đều bị rơi xuốnệ tung tóe. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các đức tính này không thuộc vê cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ấy lửa hoặc thuôc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý định không tốt đối với người ấy đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. 3. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây một ngu&i sử dụng rễ cây làm tàng hình ở cõi trời nơi bàn tay. Khi nào rễ cây ây còn năm ở bàn tay của người ây thì không người bình thường nào nhìn thấy người ấy. Tâu Đại vương, đức tính ấy không thuộc về người ấy, đức tính ấy thuộc về rễ cây làm tàng hình, khiến người ấy không hiện ra trong tầm nhìn của những người bình thường. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ây lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý đinh không tốt đối với người ấy, đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc vê cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, hoặc là giống như cơn mưa to lớn khổng lồ đang đổ mưa không thể làm ướt con người đã đi vào trong hang lớn khéo được tạo lập. Tâu Đại vương, đức tính ấy không thuộc về người ấy, đức tính ấy thuộc về cái hang lớn, khiến cơn mưa to lớn khổng lồ đang đổ mưa không thê làm ướt người ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ây lửa hoặc thuôc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý đinh không tốt đối với người ấy, đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc vê cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nâgasena, thật là phi thường! Sự phát triển tâm từ có sự ngăn cản mọi điều xấu xa. -Tâu Đại vương, sự phát triển tâm từ có sự vận chuyển mọi đức tính tốt

đẹp đên những người tót và luôn cả những người xâu. Sự phát triên tâm từ có lợi ích lớn lao nên được phân phát đến tất cả những chúng sanh đã gắn liền với sự nhận thức. “Câu hỏi về lợi ích của tâm tù*” là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ Sự BẰNG NHAU CỦA THIỆN VÀ BẤT THIỆN (Kusalākusalasamapañho)
1. Thưa Ngài Nãgasena, quả thành tựu của người làm việc thiện cũng như của người làm việc bất thiện là tương đương nhau? Hay là có sự khác biệt nào đo? Tâu Đại

vương, có sự khác biệt ệiữa thiện và bát thiện. Tâu Đại vương, thiện có an lạc là quả thành tựu đưa đen cõi trời. Bất thiện có khổ đau là quả thành tựu đưa đến địa ngục. 2. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói răng: "Devadatta thuần đen, hội đủ các pháp thuần đen. Đức Bồ-tát thuan trắng, hội đủ các pháp thuần tiắng.” Thêm nữa, Devadatta với đức Bồ-tát trong từng kiếp một là tương đương nhau về danh vọng và đồ chúng, hoặc đôi lúc trội hơn. Vào lúc Devadatta đã là con trai viên quan tế tự của đức Vua Brahmadatta ở thành Bārānasī, khi ấy đức Bồ-tát đã là người thầy pháp có dòng dõi hạ tiện đáng thương, sau khi đọc thầm thần chú đã làm trổ ra các trái xoài sái mùa.2324 Khi ở vào trường hợp ấy, đức Bồ-tát là thấp kém về dòng dõi và thấp kém về danh vọng so với Devadatta. Còn có điêu khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị vua, chủ tê của đại địa cầu, có đầy đủ tất cả các dục, khi ấy đức Bồ-tát đã là vật sử dụng của nhà vua, là con long tượng có đủ mọi tướng tốt. Trong khi bị khó chịu với cử chỉ và điệu bộ duyên dáng của con voi, đức vua trong khi muốn giết nên đã nói với người thầy dạy voi như vầy: “Này ông thầy, con long tượng này không được ngươi dạy dỗ, ngươi hãy cho nó thực hiện việc tên là 'đi trên không trung' di."24 Lu6n cả trường hợp ấy, đức Bồ-tát là loài thú đáng thương, thấp kém ve dòng dõi so với Devadatta. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, kẻ bị phá sản ở trong rừng, khi ấy đức Bồ-tát đã là con khỉ tên Mahāpathavī.25 Cho đen lần này thì sự khác biệt giữa người và thú được nhận thấy. Luôn cả trường hợp ấy, đức Bồ-tát là thấp kém về dòng dõi so với Devadatta. 3. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người/là kẻ thợ săn mạnh mẽ tên Sonuttara, có sức mạnh hơn cả sức mạnh của con voi, khi ấy đức Bồ-tát đã là con voi chúa tên Chaddanta. Khi ấy, gã thợ săn ấy đã giết chét con long tượng ấy.26 Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn.

23 Bổn sanh uCây xoài" (Ambqjātakarn), số 474, TTP v, tập 32. (ND) 24 Bổn sanh t4Câu hỏi của Hoàng hậu Amara^ (Atnarādevipañho), số 122, TTP v, tập 32. (ND) 25 Bổn sanh "Con khỉ vĩ dại" {Mahākapijātakam), số 516, TTP v, tập 33. (ND) 26 Bổn sanh t4Voi chúa Chaddanta" (Chaddantajātakam), số 514, TTPV, tập 33. (ND)

4. Còn có điêu khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là kẻ sông ở rừng, sống không có chỗ ở, khi ấy đức Bồ-tát đã là loài chim, là con chim đa đa CÓ sự học tập vê chú thuật. Khi ây, kẻ sông ở rừng ây cũng đã giêt chét con chim ấy. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vua xứ Kãsi tên Kalâbu, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị đạo sĩ khổ hạnh giảng về sự kham nhẫn.27 Khi ấy, vị vua ấy bị nổi giận, đã cho chặt đứt các bàn tay và bàn chân của vị đạo sĩ khổ hạnh ấy như là chém các chồi măng non. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi và danh vọng. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là kẻ sống ở rừng, khi ấy đức Bồ-tát đã là con khỉ chúa tên Nandiya. Cũng vào khi ấy, kẻ sống ở rừng ấy đã giết chết con khỉ chúa ấy cùng với khỉ mẹ và khỉ em.28 Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là đạo sĩ lõa thể tên Kârambhiya, khi ấy đức Bồ-tát đã là con rồng chúa tên Pandaraka. Luôn cả trường hợp ấy, chính

Devadatta là trội hơn về dòng dõi. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là đạo sĩ bện tóc ở trong rừng. Khi ấy đức Bồ-tát đã là con heo rừng lớn tên Tacchaka. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn ve dòng dõi. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là đức vua tên Suraparicara của xứ Cetí, có sự di chuyển trong không trung, ở bầu trời, phía bên trên của đám người, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị Bà-la-môn tên Kapila.29 Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi và danh vọng. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, có tên là Sāmā, khi ấy đức Bồ-tát đã là con nai chúa có tên Ruru. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là thợ săn sống ở rừng, khi ấy đức Bồ-tát đã là con long tượng. Kẻ thợ săn ấy đã bảy lần cắt lấy ngà của con long tượng ấy rồi mang đi.30 Luôn cả trường hợp áy, chính Devadatta là trội hơn về nguồn gốc xuất thân. y Còn có điêu khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài chó rừng, có tư cách của dòng dối Sát-đế-lỵ? nó đã làm cho hết thảy tất cả những vị vua của các xứ sở ở Jambudīpa trở thành chư hầu, khi ấy đức Bồ-tát đã là bậc sáng trí tên Vidhura.31 Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về danh vọng. 5. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là con long tượng, nó đã giết

27 Bổn sanh 44Vị thuyết về nhẫn nại" (Khantivādijātakam), số 313, TTP v, tập 32. (ND) 28 Bổn sanh "Con khỉ CūỊanandiya,, {CũỊanandiycỳâtakam), số 222, TTPV, tập 32. (ND) 29 Bổn sanh "Vua Cetiyaṃ (Cetiyajātakam), số 422, TTPV, tập 32. (ND) 30 Bổn sanh <4Vòi chúa giới hạnh,9 (Sīlavanāgcyātakam), số 72, TTP v, tập 32. (ND) 31 Bổn sanh "Mọi loài thú có nanh" (Sabbadāthajātakam), số 241, TTP v, tập 32. (ND)

những chim con của con chim cút, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là con long tượng, chúa của một bầy.32 Cho đến trường hợp ấy, cả hai đã là tương đương nhau. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài dạ-xoa tên Ādhammā, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là loài dạ-xoa tên Dhammā.33 Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau. 5 A

Còn có điêu khác nữa, vào lúc Devadatta đã là thuyên trưởng, là người chỉ huy của năm trăm gia đình, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là thuyền trưởng, là người chỉ huy của năm trăm gia đình.34 Luôn cả trường hợp ây5 cả hai cũng đã là tương đương nhau. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là người chỉ đạo đoàn xe, là người chỉ huy năm trăm cỗ xe, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là n^ười chỉ đạo đoàn xe, là người chỉ huy năm trăm cỗ xe.35 Luôn cả trường hợp ây, cả hai cũng đã là tương đương nhau. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là con nai chúa tên Sâkha, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là con nai chúa tên Nigrodha.36 Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau. Còn có điêu khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vi tướng quân tên Sãkha, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị vua tên Nigrodha.37 Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau. 6. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vi Bà-la-môn tên Khandahāla, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị vương tử tên Canda.38 Khi ấy, chính Khandahāla này là trội hơn. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị vua tên

Brahmadatta, khi ây đức Bô-tát đã là vị hoàng tử tên Mahâpaduma, con trai của vị vua ây. Khi ây, vi vua ấy đã ra lệnh ném người con trai của mình xuống corapapâta (khe núi kẻ cướp).39 "Bởi vì ở mọi nơi, chính người cha là đặc biệt, là trội hơn những người con trai", như thế luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị vua tên Mahāpatāpa, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị hoàng tử tên Dhammapâla, con trai của vi vua ấy. Khi ấy, vị vua ấy đã ra lệnh chặt các bàn tay bàn chân và đầu của người con trai của mình.40 Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là cao hơn, trội hơn. Vào lúc này hôm nay, cả hai cũng đã sanh vào gia tộc Sakyā. Đức Bô-tát đã 32 Bổn sanh "Chim cúf, (Latukikajātakam), số 357, TTP v, tập 32. (ND) 33 Bắn sanh "Thiên tử Dhamma,, (Dhammajātakarn), số 457, TTP v, tập 32. (ND) 34 Bổn sanh uBiển cả và thương bu6n" (Samuddavanijcyātakam), số 466, TTP v, tập 32. (ND) 35 Bổn sanh "Không 16i l*m" (Apannakajātakarn\ số l, TTP v, tập 32. (ND) 36 Bổn sanh "Nai Nigrodha^, (Nigrodhamigqjātakam), số 12, TTP v, tập 32. (ND) 37 Bổn sanh "Vua Nigrodha,, (Nigrodhajātakarri), số 445, TTP v, tập 32. (ND) 38 Bổn sanh "Quan tế tự Khapdahla" (Khandahālqjātakam), số 542, TTP v, tập 34. (ND) 39 Bổn sanh "Hoàng tử Paduma vĩ dại" {Mahāpadumajātakani), số 472, TTP v, tập 32. (ND) 40 Bổn sanh "Tiểu Dhammapāla^, (Culladhammapalajatakarn), số 358, TTP v, tập 32. (ND)

trở thành đức Phật, đấng Toàn Tri, vị Lãnh Đạo Thế Gian, còn Devadatta sau khi xuất gia trong giáo pháp của vị chúa của chư thiên ấy, đã làm sanh khởi thần thông và đã thể hiện ước muốn làm Phật. Thưa Ngài Nãgasena, phải chăng điều đã được trẫm nói, mọi điều ấy đều là như thế ấy, hay là như the khác? 7. Tâu Đại vương, tát cả mọi lý do theo nhiêu loại đã được Ngài dân giải ấy đều y như thế ấy, khòng phải như thế khác. Thưa Ngài Nâgasena, nếu đen cũng như trắng là có cảnh giới tái sanh tương đương nhau, như thế thì phải chăng thiện cũng như bất thiện có quả thành tựu tương đương nhau? Tâu Đại vương, không phải thiện cũng như bát thiện là có quả thành tựu tương đương nhau. Tâu Đại vương, không hẳn là Devadatta đã chống đối lại tất cả mọi người, đã chống đối lại chính đức Bồ-tát. Mà sự chống đối của vị ấy đối với đức Bồ-tát được chín muồi và trổ quả ngay trong mỗi một kiếp sống ấy. Tâu Đại vương, ngay cả Devadatta khi được đặt vào ở vị thế quyền lực cũng ban bố sự bảo vệ đến các xứ sở, cũng cho xây dựng cầu cống, hội trường, phước xá9 cũng dâng cúng vật thí theo như mong mỏi đến các Sa-môn và Bà-la-môn, đến những người khốn khổ và nghèo khó có sự bảo hộ hoặc không có sự bảo hộ. Do quả thành tựu của điều ấy, Devadatta đạt được các sự thành tựu trong từng kiếp sống một. Tâu Đại vương, đối với người nào mà có thể nói về điều này: í6Sẽ hưởng thụ sự thành tựu mà không cần bố thí, rèn luyện, thu thúc, thực hành trai giới?^ Tâu Đại vương, hơn nữa về điều mà Đại vương nói như vầy: "Devadatta và đức Bồ-tát tuần tự luân chuyển chung với nhau", việc gặp gỡ ấy đã xảy ra không phải với sự trải qua của trăm kiếp sống, không phải với sự trải qua của ngàn kiếp sống, không phải với sự trải qua của trăm ngàn kiếp sống, mà đôi lúc đôi khi đã xảy ra với sự trải qua của nhiều ngày đêm. Tâu Đại vương, hơn nữa về ví dụ về con rùa mù đã được đức Thế Tôn chỉ ra về [sự khó khăn trong] việc thành tựu bản thể nhân loại.41 Tâu Đại vương, hãy ghi nhận việc gặp gỡ của hai người này là [khó khăn] tương

tợ như thế. Tâu Đại vương, không phải đã xảy ra sự gặp gỡ của đức Bồ-tát với riêng Devadatta, tâu Đại vương, Trưởng lão Sāriputta trong nhiều trăm ngàn kiếp sống cũng đã là cha, đã là ông nội? đã là chú, đã là anh [em] trai, đã là con trai, đã là chi [em] gái, đã là bạn bè của đức Bồ-tát. Tâu Đại vương, đức Bồ-tát trong nhiều trăm ngàn kiếp sống cũng đã là cha, đã là ông nội, đã là chil, đã là anh [em] trai, đã là con trai, đã là chi [em] gái, đã là bạn bè của Trường lão Sāriputta. Tâu Đại vương, thậm chí tất cả [những ai] đã được gộp vào thành phần chúng sanh, bị xuôi theo dòng chảy luân hồi, bi cuốn trôi bởi dòng chảy luân hồi, đêu gặp gỡ với những người ghét lẫn người thương.

41 M. III. 164, Bālapanditasuttam (Kinh Hiền g)số 129.

Tâu Đại vương, giông như nước, trong khi bị cuồn trôi theo dòng thì gặp gỡ với vật sạch, dơ, đẹp, xấu, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thậm chí tát cả [những ai] đã được gộp vào thành phần chúng sanh, bị xuôi theo dòng chảy luân hồi, bị cuôn trôi bởi dòng chảy luân hồi, đều gặp gỡ với những người ghét lẫn người thương. Tâu Đại vương, Devadatta trong khi là dạ-xoa với bản thân theo phi pháp, sau khi khuyến khích những người khác theo phi pháp đã bị nung nấu ở đại địa ngục trong năm trăm bảy mươi sáu triệu năm.42 Tâu Đại vương, còn đức Bồ-tát trong khi là dạ-xoa với bản thân theo đúng pháp, sau khi khuyên khích những người khác theo đúng pháp đã vui sướng ở cõi trời, có đầy đủ tất cả các dục, trong năm trăm bảy mươi sáu triệu năm. Tâu Đại vương, hơn nữa Devadatta trong kiêp sông này sau khi công kích đức Phật là bậc không nên công kích, sau khi chia rẽ hội chúng hòa hợp, đã đi vào trái đất. Đức Như Lai, sau khi được giác ngộ tất cả các pháp, rồi đã viên tịch Niết-bàn khi có sự tiêu diệt của các mầm tái sanh. -Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự bằng nhau của thiện và bất thiên” là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VÈ HOÀNG HÂU AMARẢ (Amarādevīpañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “n2u có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác.59 Và thêm nữa được thuật lại rằng: 'Người đàn bà tên Amarâ, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn(tèng." Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: 66Nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mòi mọc là người vừa y, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác9\ như thế thì lời nói rằng: "Người đàn bà tên Amarâ, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn dong59 là sai trái. Nếu người đàn bà tên Amarã, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điêu xâu xa trong khi được mời mọc với một ngàn đồng, như thế thì lời nói rằng: 66Nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ

42 57 kotì và 60 trăm ngàn năm.

MILINDAVẤNĐẠO 961

kín đáo hoặc có được kẻ moi mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác95 cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ẾÍNếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác.99 Và được thuật lại rằng: "Người đàn bà tên Amarâ, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vi vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn dong?5 Tâu Đại vương, người đàn bà ấy trong khi nhận được một ngàn đồng có thể làm hành động xấu xa với người nam vừa ý, [hay] nàng ấy có thể không làm nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý? Tâu Đại vương, người đàn bà Amarâ ấy, trong khi xem xét, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là ngườd vừa ý. Nàng đã không nhìn thấy do sợ hãi về sự chê trách ở đời này, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện do sợ hãi về địa ngục ở đời sau, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện [vì nghĩ rằng]: "Việc xấu xa có quả thành tựu đắng cay", đã không nhìn thấy lúc thuận tiện vì không có ý muốn buông bỏ người yêu, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện do sự kính trọng đối với chồng, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện trong khi tôn kính giáo pháp, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện trong khi đang chê trách việc không thánh thiện, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện vì không có ý muốn đổ bể việc làm. Nàng đã không nhìn thấy vì nhiều lý do có hình thức như thế. Còn về chỗ kín đáo, sau khi suy xét ở thế gian, nàng ấy trong khi không nhìn thây nên đã không làm điêu xâu xa. Nêu nàng ây có thê đạt được chô kín đáo đối với loài người thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với phi nhân. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với phi nhân thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với những vị xuất gia biết được tâm của người khác. Nấu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với những vị xuất gia biết được tâm của người khác thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với chư thiên biết được tâm của người khác. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với chư thiên biết được tâm của người khác thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với các điều xấu xa bởi chính mình. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với các điều xấu xa bởi chính mình thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với điều phi pháp. Sau khi không đạt được chỗ kín đáo vì nhiều lý do có hình thức như thế, nàng đã không làm điều xấu xa.

962 KINH TIÊU Bộ

Còn vê kẻ mời mọc, sau khi xem xét ở thê gian, trong khi không đạt được người vừa ý, nàng ấy đã không làm điều xấu xa. 3. Tâu Đại vương, bậc sáng trí Mahosadha được hội đủ với hai mươi tám yếu tố. Được hội đủ với hai mươi tám yếu tố nào? Tâu Đại vương, Mahosadha là bậc anh hùng, có tàm5 có quý, có tùy tùng, đạt được bạn bè, nhẫn nại, có giới hạnh, nói lời chân thật, đạt được sự thanh tịnh, không giận dữ, không ngã mạn

thái quá, không ganh tỵ, có sự tinh tấn, năng nỗ [làm phước thiện], hào phóng, rộng rãi, nói năng khéo léo, cư xử khiêm tốn, tế nhi, không gian trá, không xảo quyeq đạt được sự thông minh vượt bậc, khôn khéo, đạt được kiến thức, có sự tam cầu lợi ích cho những người nương tựa, được mọi người mong mỏi, có tài sản, có danh vọng. Tâu Đại vương, bậc sáng trí Mahosadha được hội đủ với hai mươi tám yếu tố này. Nàng ấy sau khi không đạt được kẻ mời mọc nào khác vừa ý, nàng ấy đã không làm điều xấu xa. Thưa Ngài Nāgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. 66Câu hỏi về Hoàng hậu Āma" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ Sự KHÔNG sợ HÃI CỦA BẬC LẬU TÂN (Khīnāsavābhayanapañho) ỉ. Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: í6Các vi A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lia." Và thêm nữa ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapâlaka đang lao đen gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda. Thưa Ngài Nãgasena, phải chăng các vị A-la-hán ấy đã tản mác vì sợ hãi? Hay là đã tản mác với ước muốn được chứng kiến than thông không thể đo lường, vĩ đại, không thể sánh bằng của đức Như Lai? Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lia", như thế thì lời nói rằng: "d thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapâlaka đang lao đen gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda" là sai trái. Nếu ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapãlaka đang lao đen gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda, như thế thì lời nói rằng: "Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lia" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rây đã được xa lia." Và ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thây con voi Dhanapâlaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương

ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda. Tuy nhiên, điều ấy không do sự sợ hãi, cũng không phải do sự mong muôn đê khiên cho đức Thê Tôn bịbị

10. CÂU HỎI VÈ BẢN THẺ TOÀN TRI CỦA ĐỨC NHƯ LAI (Tathāgatasabbañ̃utāpañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: ố6Đức Như Lai là đấng Toàn Tri." Và thêm nữa, Ngài nói rằng: 6'Khi hội chúng Tỳ-khiru đứng đầu là Sāriputta và Moggallãna bi đức Như Lai giải tán, các vi dòng Sakyā ờ tại Cãtumã và Phạm thiên Sahampati đã nhắc đến ví dụ về hạt giống và ví dụ về con bê nhỏ khiến cho đức Thế Tôn tin tưởng, tha thứ và đã tỏ vẻ hài lòng.95 Thưa Ngài Nâgasena, phải chăng đức Như Lai đã không biết đến các ví dụ ấy, và nhờ vào các ví dụ ấy mà đức Như Lai đã được thích thú, tha thứ, an

tịnh và đã tỏ vẻ hài lòng? Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai đã không biết đến các ví dụ ấy, như thế thì đức Phật không là đấng Toàn Tri. Nếu biết, như thế thì Ngài đã ép buộc dời đi, đã giải tán, không có ý định tìm hiểu, như thế thì lòng thương xót không hiện hữu ở Ngài. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, đức Như Lai là đấng Toàn Tri. Và nhờ vào các ví dụ ấy mà đức Thế Tôn đã tin tưởng, thích thú, tha thứ, an tinh và đã tỏ vẻ hài lòng. Tâu Đại vương, đức Như Lai là đấng Pháp Chủ. Nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vị đã làm cho đức Như Lai được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào các vi ấy, đức Như Lai đã nói lời tùy hỷ rằng: "T6t lắm!” Tâu Đại vương, hoặc là giông như người đàn bà nhờ vào tài sản của chính mình dành cho người chồng mà làm cho chồng được vừa ý, vui vẻ9 tin tưởng. Và người chồng nói với cô ấy lời tùy hỷ rằng: "T6t lắm!" Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vị dòng Sakyā ở tại Cātumā và Phạm thiên Sahampati đã làm cho đức Như Lai được vừa ý, vui vẻ? tin tưởng. Và tin tưởng vào các vị ấy, đức Như Lai đã nói lời tùy hỷ rang: "Tót m!” “ • 3 Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thợ cạo, trong lúc trang điểm cái đầu của đức vua, nhờ vào cái lược vàng của chính mình dành cho đức vua mà làm cho đức vua được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào người ấy, đức vua nói lời tùy hỷ rằng: "Tốt lắm!”rồi ban thưởng theo như ước muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào các ví đụ đã được chính đức Như Lai công bo ấy mà các vị dòng Sakyā ở tại Cātumā và Phạm thiên Sahampati đã làm cho đức Như Lai được vừa y, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào các vị ấy, đức Như Lai đã nói lời tùy hỷ rằng: "Tốt lắm!" Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đệ tử sau khi nhận lấy đồ ăn khất thực đã được mang lại cho thầy tế độ, trong khi dâng lên cho thầy tế độ mà làm cho thầy tế độ được vừa ý5 vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào người ấy, thầy tế độ nói lời tùy hỷ rằng: "T6t lm!” Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vi dòng Sakyā ở tại

MILINDA

966 KINH TIÊU BÔ

V PHẨM THÂN THIẾT (SANTHAVAVAGGO)

1. CÂU HỎI VÈ Sự THÂN THIẾT (Santhavapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Sq hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ờ không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền tri2t.”43 Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: "Nén cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy."44 Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: "Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết", như thế thì lời nói rằng: "Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy” là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: "Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy", như thế thì lời nói rằng: "Shãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở

không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Sq hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ờ không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết.” A

Và Ngài đã nói răng: "Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy." Tâu Đại vương, điều đã được đức Thế Tôn nói là: "Sợr hãi sanh ra từ sự than thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của

việc đứng [khất thực], nên hạn chê ở bao tử", điều ấy là lời nói về bản thể, là lời nói không thiếu sót, là lời nói đầy đủ, là lời nói không thay đổi, là lời nói về sự thật, là lời nói đúng sự thật, là lời nói chính xác, là lời nói không sái quấy, là lời nói của bậc Ản Sĩ, là lời nói của bậc Hiền Triết, là lời nói của đức Thế Tôn, là lời nói của vị A-la-hán, là lời nói của vị Phật Độc Giác, là lời nói của đấng Chiến Thắng, là lời nói của đấng Toàn Tri, là lời nói của đức Như Lai, bậc A-la- hán, đấng Chánh Đẳng Giác. Tâu Đại vương, người không hạn chế ở bao tử giết hại mạng sống, lấy vật không cho, đi đến vợ người khác, nói lời dối trá, uống chất say, đoạt mạng sống của mẹ, đoạt mạng sống của cha, đoạt mạng sống của vị A-la-hán, chia rẽ hội chúng, làm chảy máu đức Như Lai với tâm ác xấu. Tâu Đại vương, chẳng phải Devadatta, kẻ không hạn chế ở bao tử, đã chia rẽ hội chúng và đã gây nên nghiệp kéo dài một kiếp (trái đất). Tâu Đại vương, sau khi nhìn thấy các lý do khác, nhiều loại, có hình thức như thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử.” 3. Tâu Đại vương, người hạn chế ở bao tử lãnh hội được sự lãnh hội về bốn sự thật, chứng ngộ bốn quả vị Sa-môn, đạt được bản thể năng lực về bốn tuệ phân tích, về tám thiền chứng, về sáu thắng trí, và làm tròn đủ toàn bộ phận sự của Sa-môn. Tâu Đại vương, chẳng phải con bồ câu xinh, sau khi hạn chế ở bao tử, đã làm rung động đến tận cung trời Đạo-lợi và đã khiến cho Sakkā, chúa của chư thiên, phải đi đến chăm sóc.45 Tâu Đại vương, sau khi nhìn thấy các lý do khác, nhiều loại, có hình thức như thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn che ở bao tử.” Tâu Đại vương, trái lại về điều đã được đức Thế Tôn nói là: "Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa", điều ấy đã được đấng Toàn Tri, bậc Tự Chủ, đức Như Lai, vị có phận sự đã làm xong, có công việc đã hoàn thành, có mục đích đã được thành tựu, có nhiệm vụ đã hoàn mãn, không còn chướng ngại, nói về bản thân Ngài. Tâu Đại vương, giống như đối với người bị bệnh cần được ói ra, cần được xổ, cần phải thải độc, thì công việc chăm sóc là cần thiết, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người còn phiền não chưa thay được sự thật thì việc hạn chế ở bao tử là việc nên làm. Tâu Đại vương, giống như đối với viên ngọc quý ma-ni có hào quang, nguyên chất, có phẩm chất cao và hoàn toàn tinh khiết thì không có việc cần phải chùi mài, chà xát, đánh bóng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với đức Như Lai, vi đã đi đến sự toàn hảo trong cương vị của

một bậc Giác Ngộ, thì không có sự trở ngại trong các hành động và việc làm. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6íCâu hỏi về việc hạn chế bao là thứ nhì.

45 Bổn sanh “Chim k6t lớn", số 429 và Bổn sanh “Chim két nhỏ,\ số 430, TTPV, tập 32. (ND)

3. CÂU HỎI VỀ Sự ÍT BỆNH CỦA ĐỨC THÉ TÔN (Bhagavato appābādhapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: í4Này các Tỳ-khưu, Ta là vi Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin, luôn có bàn tay đưa ra [bố thí], mang thân mạng cuối cùng, là vi y sĩ, vi phẫu thuật vô thương.^ Và thêm nữa, đức Thế Tôn đã nói rằng: 66Này các Tỳ-khưu, vi đứng đầu trong

3. Tâu Đại vương, nơi đây ở giữa loài người: Một người là có dòng dõi, một người có tài sản, một người có kiến thức, một người có tài nghệ, một người là anh hùng, một người có sự cảnh giác, sau khi vượt trội tát cả những người này, chính đức vua là tối thượng trong số những người ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đức Thế Tôn là vị đứng đâu, cao cả, tôi thượng trong sô tất cả các chúng sanh. Trái lại, về việc Đại đức Bakkula đã là người ít có bệnh tật, việc ấy là do năng lực của sự ước nguyện. Tâu Đại vương, bởi vì khi bệnh đau bụng bão của đức Thế Tôn Anomadassĩ đã sanh khởi, và khi bệnh hoa cỏ [dị ứng?] của đức Thế Tôn Vipassĩ và sáu mươi tám ngàn vi Tỳ-khưu đã sanh khỏi, vi ấy trong khi bản thân là đạo sĩ khổ hạnh, đã xua đi cơn bệnh ấy bằng vô số thuốc men khác loại nên đã đạt được trạng thái ít bệnh tật. Và điêu đã được nói là: “Này các Tỳ-khmi, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử ít có bệnh tật của Ta, tức là Bakkula." Tâu Đại vương, trong khi căn bệnh của đức Thế Tôn đang sanh lên cũng như đang tiếp diễn, trong khi Ngài đang duy trì cũng như không duy trì pháp từ khước, không có bất cứ chúng sanh nào sánh bằng đức Thế Tôn. Điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời, nói đến ở đoạn Varalañchaka (Dấu ấn cao quỷ) thuộc Samyuttanikāya (Tương teng bộ) rằng: “Này các Tỳ-khưu, cho đen các hàng chủng sanh không chân, hoặc hai chân, hoặc bốn chân, hoặc nhiều chân, hoặc hữu hình, hoặc vô hình, hoặc hữu tưởng, hoặc vô tưởng, hoặc phi tưởng phỉ phi tưởng, trong sổ các hạnệ ấy đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chảnh Đang Giác được gọi là hạng nhấty Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự ít bệnh của đức Thế T6n” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VÈ VỊ LÀM SANH KHỞI ĐẠO Lô CHƯA ĐƯỢC SANH KHỞI (Anuppannamagguppādakapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã đuyc đức Thế Ton nói đến: 6Này các Tỳ-khưu, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi.” Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: 6'Này các Tỳ-khưu, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây di theo.” Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, như thế thì lời nói rằng: “Này các

Tỳ-khưu, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi [heo" là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xua, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo", như thế thì lời nói rằng: "Đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi^, cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài.

đạo lộ vốn luôn hiện hữu nhưng đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn, đức Như Lai đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: "Này các Tỳ-khiru, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh kh&i." Tâu Đại vương, hoặc là giống như một nẹười nam nào đó dọn sạch mảnh rừng rồi ban ra thành đất bằng, thì người ta đon đãi rằng: "Mảnh đất ấy là của nệười ấy." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong khi quán sát bằng tuệ nhãn vê đạo lộ vốn luôn hiện hữu nhưng đã bị tiêu hoại, đã bị đô nát, đã bị phủ lâp, đã bị đóng lại, đã bi che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn, đức Như Lai đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: uNày các Tỳ-khưu? đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh kh&i." Thưa Ngài Nāgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. 6'Câii hỏi về vi làm sanh khỏi đạo lộ chưa được sanh khởi" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VÈ LOMASAKASSAPA (Lomasakassapapañho) ỉ. Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 66Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân ỉoại9 Ta đã là ngirời có bản tánh không hãm hại chúng sanh." Và thêm nữa, Ngài đã nói răĩiệ wTrong khi ỉa vị ẩn sĩ tên Lomasakassapa đã giết chết hàng trăm mạng sống và đã hiến cúng đại lễ tế thần Vājapeyya.^6 Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Vào thời quá khứ, trong khi có bản the nhân loại, Ta đã là ngiròi có bản tánh không hãm hại chúng sanh", như thế thì lời nói rằng: "Đại lễ te thần Vậịapeyya đã được ẩn sĩ Lomasakassapa hiến cúng sau khi đã giết chết hàng trăm mạng s6ng" là sai trái. Nếu đại lễ tế thần Vājapeyya đã được ẩn sĩ Lomasakassapa hiến cúng sau khi đã giết chết hàng trăm mạng sống, như thế thì lời nói rằng: "Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân loại, Ta đã là người có bản tánh không hãm hại chúng sanh" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân loại, Ta đã là người có bản tánh không hãm hại chúng sanh." Và đại lễ tế thần Vặịapeyya đã được ẩn sĩ Lomasakassapa hiến cúng sau khi đã giết chết hàng trăm mạng sống. Tuy nhiên, việc ấy là do tác động của ái luyến, không có sự suy nghi, không có sự cố ý. Thưa Ngài Nâgasena, tám hạng người này giết hại mạng sống. Tám hạng nào? Hạng luyến ái giết hại mạng song do tác động của luyến ái, hạng xấu xa giết hại mạng sống do tác động của sân, hạng mê mờ giết hại mạng sống do tác

46 Bổn sanh 44Ẩn sĩ Lomasakassapa,, (Lomasakassapajātakam), số 433, TTPV, tập 32. (ND)

MILINDAVẤN ĐẠO 973

.. Mi,, n

động của si, hạng ngã mạn giêt hại mạng sông do tác động của ngã mạn, hạng tham lam giết hại mạng sống do tác động của tham, hạng không có gì giết hại mạng sống vì mục đích nuôi mạng, hạng ngu dốt giết hại mạng sống do tác động của sự đùa giỡn, đức vua giết hại mạng sống do tác động của kỷ cương. Thưa Ngài Nāgasena, đây là tám hạng người giết hại mạng sống. Thưa Ngài

974 < KINH TIỂU BỘ

nghĩ, tâm bị tán loạn, bị luyến ái, có trạng thái không suy nghĩ, đã đi ra ngoài sự kiềm chế, vô cùng bối rối, vô cùng vội vã. Với tâm đã bị tán loạn, đã bị lay động, đã bị khuây động ây, vị ây đã hiên cúng đại lê tê thân Vājapeyya với sự tích lũy to lớn khổng lồ về lượng máu từ cần cổ của những con thú bị giết. Hơn nữa, đến khi đã có tâm trở lại bình thường, có trí nhớ đã được hồi phục, khi ấy [Lomasakassapa] sau khi xuất gia trở lại lần nữa, đã làm sanh khởi năm thắng trí và đã đi đến cõi Phạm thiên. -Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6'Câu hỏi về Lomasakassapa" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VÈ CHADDANTAVÀ JOTIPĀLA (Chaddantafotipālapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi là voi chúa Chaddanta:48 ^Trong khi siết chặt [nghĩ rằng]: Ta có thể hủy diệt gã này, con voi đã nhìn thấy tấm y ca-sa9 biểu tượng của các vi ẩn sĩ. Con thú bi hành hạ đau khổ đã có ý tưởng sanh khởi rằng: Biểu tượng của các vị A-la-hán là cao quý, là hình bóng không thể bị hủy diet.” Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: “Trong khi là người thanh niên Bà-la- môn Jotipala thì đã sỉ vả, đã chê bai đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi.” Thưa Ngài Nãgasena, nếu đức Bồ-tát trong khi là loài thú đã tôn kính tấm y ca-sa, như thế thì lời nói rằng: “Bức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa đã bị người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla sỉ vả, chê bai bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi” là sai trái. Nếu đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa đã bị người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla sỉ vả? chê bai bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc dầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi, như thế thì lời nói rằng: "Y ca-sa đã được tôn kính bởi voi chúa Chaddanta^, cũng la sai trái. Nếu đức Bồ-tát, lúc là loài thú, dẫu đang chịu đựng cảm thọ thô thiển, nhức nhối, đau đớn, cũng đã tôn kính tấm y ca-sa được kẻ thợ săn khoác lên, tại sao trong khi là loài người, có trí tuệ đã chín muồi, có sự hiểu biết đã chín muồi, sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đấng Thập Lực, vị Lãnh Đạo Thế Giai! Kassapa vô cùng nổi bật, có hào quang một sải tay rực sáng, bậc cao quý tối thượng đang khoác lên tấm y ca-sa vải xứ Kâsi cao quý và ưng ý thì đã không tôn kính? Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, điều này

cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi là voi chúa Chaddanta: "Trong khi là người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla thì đã sỉ

48 Bổn sanh "Vói chúa Chaddanta^, (Chaddantạiãtakam), số 514, TTPV, tập 33. (ND)

vả, đã chê bai đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa bằng những lòi nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc dầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi.” Và đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa đã bị người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla sỉ vả, chê bai bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi. Tuy nhiên, điều đó là do tác động của dòng dõi, do tác động của gia tộc. Tâu Đại vương, thanh niên Bà-la-môn Jotipāla đã được sanh ra ở gia tộc không có đức tin, không có tịnh tín. Cha mẹ, anh chị em, những người tôi trai, tớ gái, kẻ hầu và tùy tùng của anh ta là những người thờ phụng đấng Brahmā, kính trọng đấng Brahmā. Họ [nghĩ rằng]: "Chi có các vị Bà-la-môn là tối thượng, cao quý, roi chê trách, nhơm gớm các vị xuất gia còn lại.” Thanh niên Bà-la-môn Jotipāla đã nghe điều ấy từ những người ấy, nên khi được người thợ làm đồ gốm Ghatīkāra mời mọc về việc diện kiến đấng Đạo Sư đã nói như vầy: "Cái gì với việc diện kiến vị Sa-môn nhỏ nhoi trọc đầu của ngươi?,, Tâu Đại vương, giống như thuốc trường sanh sau khi đặt gần thuốc độc thì trở nên đắng. Và giống như nước mát sau khi để gần ngọn lửa thì trở nên nóng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thanh niên Bà-la-môn Jotipāla đã được sanh ra ở gia tộc không có đức tin, không có tịnh tín; anh ta sau khi trở nên mù quáng vì tác động của gia tộc, đã sỉ vả, đã chê bai đức Như Lai. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn đã được đốt lên phát cháy, có ánh sáng, sau khi gặp nước thì trở nên có màu đen, mát lạnh, ánh sáng và sức nóng bị mất di, tợ như trái cây niggundi đã được chín muồi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thanh niên Bà-la-môn Jotipāla có phước đức, có đức tin, có sự sáng láng bao la của trí tuệ, sau khi đã được sanh ra ở gia tộc không có đức tin, không có tinh tín; anh ta, sau khi trở nên mù quáng vì tác động của gia tộc, đã sỉ vả, đã chê bai đức Như Lai, và sau khi đi đến gần và đã biết được ân đức của Phật thì đã trở thành như là người hầu, và sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, đã làm sanh khởi các thắng trí và các thiền chứng, rồi đã đi đến cõi Phạm thiên. Thưa Ngài Nâgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. 6Câu hỏi về Chaddanta và Jotipālaṃ là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ GHATĪKĀRA (Ghatīkarapañho) ỉ. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: uCăn nhà của người thợ gốm Ghatīkãra có mái che là bầu trời đã tồn tại suốt cả ba tháng và đã không bị nước mira.” Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: wCốc liêu của đức Như Lai Kassapa bi mưa dột/5 Thưa Ngài Nâgasena, tại sao cốc liêu của đức Như Lai Kassapa, bậc Có Thiện Căn Đầy Đủ như thế lại bi mưa dột? Oai lực ấy của đức Như Lai là điều đáng được ao ước. Thưa Ngài Nâgasena, nêu căn nhà của người thợ gôm Ghatīkāra có mái che là bâu trời đã

8. CÂU HỎI VỀ LỜI NÓI LÀ BÀ-LA-MÔN VÀ LÀ VUA (Brāhmanarājavādapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: í6Này các Tỳ-khưu, Ta là vi Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin.” Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: “Ta là đức Vua Sela.” Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Này các Tỳ-khưu5 Ta là vi Bà-la-môn săn sàng đáp ứng sự câu xin”như thê thì lời nói răng: "Ta là đức Vua Sela" là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: “Ta là đức Vua Sela”, như thế thì lời nói rang: uNày các Tỳ-khưu, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin” cũng là sai trái. Bởi vì chỉ có thê hoặc là Sát-đế-lỵ hoặc là Bà-la-môn, nghĩa là không thể có hai giai cấp cho một lần sanh ra. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin.^, Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: “Ta là đức Vua Sela." ở đây có lý do, mà với lý do ấy đức Như Lai vừa là vi Bà-la-môn vừa là vua. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì lý do ấy là gì, mà với lý do ấy đức Như Lai vừa là vị Bà-la-môn vừa là vua? -Tâu Đại vương, tất cả các ác bất thiện pháp của đức Như Lai đã được lánh xa, đã được dứt bỏ, đã được xa lìa, đã được dứt lìa, đã được chặt đứt, đã đi đến sự cạn kiệt, đã được diệt tắt, đã được an tịnh, vì thế đức Như Lai được gọi là "Bà-ìà-mồn". • Bà-là-môn nghĩa là đã vượt qua sự nghi ngờ, phân vân9 lưỡng lự. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng đã vượt qua sự nghi ngờ, phân vân, lưỡng lự. Vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Bà-1 -m6n”. Bà-là-môn nghĩa là đã lìa khỏi tất cả các nguồn gốc đưa đến hữu và cảnh giới tái sanh, đã thoát ra khỏi việc bi dính líu đến ô nhiễm và bụi bặm, không có bạn đồng hành. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng đã lìa khỏi tất cả các nguồn gốc đưa đến hữu và cảnh giới tái sanh, đã thoát ra khỏi việc bị dính líu đến ô nhiễm và bụi bặm, không có bạn đồng hành. Vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Bà-là-nỈ6n”. 3. Bà-là-môn nghĩa là có nhiều sự an tru cao cả? tối thượng, cao quý, ưu tú thuộc về cõi trời. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng có nhiều sự an trú cao cả? tối thượng, cao quý, ưu tú thuộc về cõi trời. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Bà-1 -m6n". Bà-là-môn nghĩa là người duy trì dòng dõi vê sự chỉ dạy và truyên thông trước đây về việc học thuộc lòng, giảng dạy, tiếp nhận vật thí, rèn luyện, thu thúc và kiềm chế. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là người duy trì dòng dõi về sự chỉ dạy và truyền thống đã được thực hành bởi các đấng Chiến Thắng trước đây về việc học thuộc límg, giảng dạy, tiếp nhận vật thí, rèn luyện, thu thúc và kiềm chế. Cũng vì lý do áy, đức Như Lai được gọi là uBà-là-môn,5.

Bà-là-môn nghĩa là vị có sự tham thiền về thiền, có sự trú vào lạc bao la. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là vi có sự tham thiền về thiền, có sự trú vào lạc bao la. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "BA-l-m6n". Bà-là-môn nghĩa là vị biết sự vận hành và chọn lựa việc tái sanh ở tất cả các cảnh giới hữu và phi hữu. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là vị biết sự vận hành và chọn lựa việc tái sanh ở tất cả các cảnh giới hữu và phi hữu. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là Tâu Đại vương, tên gọi "Ba-là-m6n" này của đức Thế Tôn không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh trai tạo ra, không do chị gái tạo ra, không do các bạn bè thân hữu tạo ra, không do các thân quyến cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn và Bà-la-môn tạo ra,

không do chư thiên tạo ra. Tên gọi này của chư Phật Thế Tôn liên quan đến mốc cuối cùng của sự giải thoát, cùng với sự đạt được trí toàn tri sau khi tiêu diệt đạo binh của Ma vương ở ngay dưới cội cây Bồ-đề, sau khi lánh xa các ác bất thiện pháp thuộc quá khứ, hiện tại và vị lai, là sự xác định thực tê vê việc đã đạt được, đã được hiên lộ, đã được sanh khởi, tức là 6aBà-là-môn,5. Vì lý do ấy. đức Như Lai được gQÌ là "Bà-m6îi".
-4. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì với lý do gì đức Như Lai được gọi là "Vua"? -Tâu Đại vương, vua nghĩa là người nào cai trị vương quốc, chỉ dạy thế gian. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng cai trị vương quốc bằng giáo pháp ở mười ngàn thế giới, chỉ dạy thế gian tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến loài người luôn cả các vi Sa-môn và Bà-la-môn. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Vua". Tâu Đại vương, vua nghĩa là sau khi che ngự toàn

cũng tin tưởng, ban cho ân huệ vô thượng đã chọn lựa là sự giải thoát hoàn toàn mọi sự khổ đau, và làm thỏa mãn trọn vẹn ân huệ theo như ước muốn. Cũng vì lý do ầy, đức Như Lai được gọi là Tâu Đại vương, vua nghĩa là đối với kẻ chống lại mệnh lệnh thì quở trách, loại trừ, tiêu diệt. Tâu Đại vương, trong giáo pháp cao quý của đức Thế Tôn, kẻ vô liêm sỉ vượt qua sự quy đinh cũng bị chê bai, khinh miệt, khiển trách vì tình trạng yếu hèn và bị loại ra khỏi giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi la "vùa". Tâu Đại vương, vua nghĩa là sau khi giảng giải về đúng pháp và sai pháp theo truyền thống và sự chỉ dạy của các vị vua chính trực trước đây, trong khi cai quản vương quốc một cách chính trực thì trở thành vị được ước muốn, được yêu mến, được mong cầu đối với dân chúng và loài người, rồi duy trì dòng dõi hoàng tộc lâu dài nhờ vào năng lực và ân đức của sự chính trực. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn sau khi cũn^ giảng giải về đúng pháp và sai pháp theo truyền thong và sự chỉ dạy của các đang Tự Chủ trước đây, trong khi chỉ dạy thế gian đúng theo pháp thì sẽ trở thành vị được ước muốn, được yêu mến, được mong cầu đối với chư thiên và nhân loại, roi chuyển vận giáo pháp lâu dài nhờ vào năng lực và ân đức của Pháp bảo. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Vua”. Tâu Đại vương, như vậy lý do có nhiêu loại, mà với lý do ây đức Như Lai có thể vừa là Bà-la-môn có thể vừa là vua. Vị Tỳ-khưu vô cùng khôn khéo cũng không co thể thành tựu được việc ấy cho dàu là một kiếp. Có ích gì với việc nói quá nhiều, điều khái quát nên được chấp nhận. Thưa Ngài Nāgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. 6Câu hỏi về lời nói là Bà-la-môn và là vua” l thứ tám.

9. CÂU HỎI GIẢNG VÈ VẬT THỰC DO VIỆC NGÂM NGA CÁC BÀI KỆ (Gāthābhigītabhojanakathāpañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: u[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dụng. Này Bà-la-môn, đối với những vi đang xem xét thì việc ấy không phải là pháp. Chư Phật khước từ việc ngâm nga các bài kệ. Này Bà-Ia-môn9 việc áy là cách hành xử khi giáo pháp hiện hữu." Và thêm nữa, đức Thê Tôn trong khi thuyêt giảng giáo pháp có phươnẹ pháp, trong khi giảng giải theo thứ lớp, trước tiên hét giảng giải bài thuyết vê bố thí, kế đến là bài thuyết về giới. Sau khi lắng nghe lời giảng giải của đức Thế Tôn

ấy, vi Chúa Te Của Tất Cả Các Thế Giới, chư thiên và nhân loại chuẩn bi và dâng cúng vật thí. Vật thí ấy đã được gởi đến cho Ngài và các đệ tử thọ dụng. Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: u[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dịing"như thế thì lời nói rằng: "Bức Thế Tôn giảng giải bài thuyết về bố thí trước tiên55 là sai trái. Nếu

Ngài giảng giải bài thuyết về bố thí trước tiên, như thế thì lời nói rằng: "[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dung" cũng là sai trái. Vì lý do gì? Thưa Ngài, vị nào đó là bậc xứng đáng cúng dường, giảng giải cho hàng tại gia bài thuyết về quả thành tựu của việc bố thí vật thực, sau khi lắng nghe bài giảng về giáo pháp của vị ấy, họ có tâm tịnh tín rồi liên tục dâng cúng vật thí. Các vi nào thọ dụng vật thí ấy, tất cả các VỊ ấy thọ dụng [vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, khôn khéo, thâm sâu, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 66[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dụng. Này Bà-la-môn9 đối với những vi đang xem xét thì việc ấy không phải là pháp. Chư Phật khước từ việc ngâm nga các bài kệ. Này Bà-la-môn, việc ầy là cách hành xử khi giáo pháp hiện híhi." Và đức Thế Tôn giảng giải bài thuyết về bố thí trước tiên. Hơn nữa, điều ấy là việc làm của tất cả các đức Như Lai, trước hết bằng bài thuyết về bố thí, các Ngài làm cho tâm [người nghe] được thích thú vào việc ấy, sau đó khiến cho [người nghe] gắn bó vào giới. Tâu Đại vương, giống như đối với những đứa trẻ còn nhỏ, người ta trước tiên hết cho chúng những món đồ chơi như là móc câu, gậy ngắn, cối xay, vật đong đo, xe kéo, cây cung, sau đó gắn bó chúng theo hành động của mỗi đứa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đức Như Lai trước tiên hết làm cho tâm [người nghe] được thích thú bằng bài thuyết về bố thí, sau đó khiến cho [người nghe] gắn bó vào giới. Tâu Đại vương, hoặc là giông như người thây thuôc đôi với những người bệnh, trước tiên hét cho uông dâu bôn năm ngày đê tạo ra sức mạnh đê làm cho mềm, sau đó cho thuốc xổ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai trước hết làm cho tâm được thích thú bằng bài thuyết về bố thí, sau đó khiến cho gan bó vào giới. Tâu Đại vương, tâm của những người bố thí, của những thí chủ là nhu thuận, diu dàng, mem mại. Nhờ cây cau và đường đi của việc bo thí ấy, những người ây tiên đên gân bờ bên kia của biên cả luân hôi nhờ vào con thuyên của sự bố thí. Do đó, đoi với những người ấy trước hết Ngài chỉ dạy về nền tảng của nghiệp, nhưng không vì điều ây mà phạm vào sự yêu câu. 3. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là "yêu cầu", vậy thì các sự yêu cầu ấy có bao nhiêu loại? 4. Tâu Đại vương, đây là hai sự yêu cầu: Yêu cầu bằng thân và yêu cầu bằng khẩu. Trong trường hợp ấy, có sự yêu cầu bằn§ thân là có tội, có sự yêu cầu bằng thân là không có tội; có sự yêu cầu bằng khâu là có tội, có sự yêu cầu bằng khẩu là không có tội. Sự yêu cau bằng thân nào là có tội? ở đây, một vi Tỳ-khưu nào đó đi đến các gia đình, đứng ở chỗ không thích hợp, rồi đứng lì tại chỗ; đây là sự yêu cầu bằng thân có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai,

bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "c6 sự nuôi mạng bi hư hỏng.95 Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vi Tỳ-khưu nào đó đi đến các gia đình, đứng ở chỗ không thích hợp, nhướng co, nhìn soi mói với cái nhìn của loài công [nghĩ rằng]: “Nhu vậy thì những người này sẽ nhìn thấy." Và đo việc ấy, những người ấy nhìn thấy; đây là sự yêu cầu bằng thân có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bi chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bi xem thường, không được đếm xỉa đến, bi xem là "c6 sự nuôi mạng bị hư hỏng." Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vi Tỳ-khưu nào đó yêu cau bang quai hàm, hoặc bang lông mày, hoặc bang ngón cái; đây là sự yêu cau bằng thân có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bi chê bai, bị khi dễ, bi khinh miệt, bị chê trách, bi xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "c6 sự nuôi mạng bị hư hỏng.95 Sự yêu cầu bằng thân nào là không có tội? ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó đi đến các gia đình, có niệm, được định tĩnh, có sự tỉnh giác, đi đến chỗ đứng cũng như ở nơi không phải chỗ đứng theo lời chỉ dạy, rồi đứng tại chỗ, ở những người có ý định bố thí thì đứng [chờ], ở những người không có ý định bố thí thì bước đi; đây là sự yêu cầu bằng thân khong có tội. Các bậc Thánh thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy được khen ngợi, được ca tụng, được tán dương, được xem là "c6 hạnh giảm thiểu, có sự nuôi mạng trong sạch.” Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến: "Các bậc có trí tuệ không cầu xin, các bậc Thánh chê trách việc cầu xin. Các bậc Thánh đứng theo quy đinh, việc ấy là sự cầu xỉn của các bậc Thanhy 5. Sự yêu cầu bằng khẩu nào là có tội? Tâu Đại vương, ở đây vi Tỵ-khưu yêu cầu các vật dụng là y, vật thực, chô ngụ và thuôc men chữa bệnh băng lời nói theo nhiều cách; đây là sự yêu cau bang khau có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bi khinh miệt, bị chê trách, bi xem thường, không được đêm xỉa đên, bị xem là "c6 sự nuôi mạng bị hư h6ng." Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vi Tỳ-khiru nào đó nói như vậy khiến cho những người khác nghe được: “T6i có sự cần dùng với vật này.” Và do lời nói ấy, do việc làm cho những người khác nghe được, lợi lộc phát sanh đến vị ấy; đây là sự yêu cầu bằng khẩu có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bi xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "c6 sự nuôi mạng bi hư hỏng?9 Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, ở đây một vị Tỳ-khưu nào đó thông

\ 9 5

báo cho hội chúng với việc loan tin băng khâu răng: "Nên dâng cúng vật như vây và như vây đên các vị Tỳ-khưu?9 Và do việc ây, những người ây nghe theo lời nói rồi mang lại vật đã được thông báo; đây là sự yêu cầu bằng khẩu có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân

vật ấy bi chê bai, bị khi dễ, bi khinh miệt, bị chê trách, bi xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "c6 sự nuôi mạng bị hư hong." Tâu Đại vương, quả là Trưởng lão Sāriputta trong lúc bi bệnh vào ban đêm khi mặt trời đã lặn, trong khi được Trưởng lão Mahāmoggallāna hỏi về thuốc chữa bệnh, đã nói ra lời. Do việc nói ra lời ấy của vị ấy, thuốc chữa bệnh đã phát sanh. Rồi Trưởng lão Sāriputta [nghĩ rằng]: “Do việc nói ra lời của ta mà thuốc chữa bệnh này đã được phát sanh. Chớ để cho sự nuôi mạng của ta bị hư hỏng,\ do sự lo âu về việc làm hư hỏng sự nuôi mạng nên đã từ chối, đã không sử dụng thuốc chữa bệnh ấy. Sự yêu cau bằng khau như vậy cũng có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bi xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "c6 sự nuôi mạng bị hư hỏng.^, 6. Sự yêu cầu bằng khẩu nào là không có tội? Tâu Đại vương, ở đây vị Tỳ- khiru khi có duyên cớ rồi yêu cầu thuốc chữa bệnh ở các gia đình đã được thỉnh cầu và ở thân quyến; đây là sự yêu cầu bằng khẩu

Thưa Ngài Nāgasena, thật là điều lợi ích đối với chư thiên ấy, là các vị đã thường xuyên, liên tục thể hiện sự nỗ lực trong việc chăm sóc thân thể của đức Như Lai. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi giảng về vật thực do việc ngâm nga các bài kệw là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG NỖ Lực TRONG VIỆC THUYẾT GIẢNG GIÁO PHÁP (Dhammadesanāya appossukabhãvapaũho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói rằng: “Trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chung.” Và thêm nữa: 66Tâm của vi đạt đến phẩm vi Toàn tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp.55 Thưa Ngài Nâgasena, giống như viên xạ thủ hoặc các học trò của viên xạ thủ, sau khi học tập thuật bắn cung vì mục đích chiến trận trong nhiều ngày, đến khi cuộc chiến đấu lớn xảy ra thì có thể thối lui. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng, nhimg khi đã đạt đến phẩm vị Toàn tri thì Ngài đã thối lui trong việc thuyết giảng giáo pháp. Thưa Ngài Nâgasena, hoặc là giông như người võ sĩ đâu vật, hoặc các học trò của người võ sĩ đấu vật, sau khi học tập thuật đấu vật trong nhiều ngày, đến khi trận đau lớn xảy ra thì có the thoi lui. Thưa Ngài Nãgasena, tương tợ y như thế, trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng, nhưng khi đã đạt đến phẩm vi Toàn tri thì Ngài đã thối lui trong việc thuyết giảng giáo pháp. 2. Thưa Ngài Nâgasena, phải chăng đức Như Lai đã thổi lui vì sợ hãi? Hay đã thôi lui vì chưa được rành rẽ? Hay đã thôi lui vì năng lực yêu kém? Hay đã thối lui vì chưa phải phẩm vị Toàn tri? ở đây, điều gì là lý do? Nào, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do nhằm vượt qua nỗi nghi hoặc. Thưa Ngài Nãgasena, nếu trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiêp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muôi nhăm tê độ đám đông dân chúng, như thê thì lời nói răng: "Tâm của vị đạt đên phàm vị Toàn tri đã thiên về sự không nỗ lực

và không thuyết giảng giáo pháp" là sai trái. Nêu tâm của vị đạt đên phàm vị Toàn tri đã thiên vê sự không nô lực và không thuyêt giảng giáo pháp, như thê thì lời nói răng: “Trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chilng" cũng là sai trái. Câu hỏi này

cũng có cả hai khía cạnh, thâm sâu, khó tháo gỡ, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 3. - Tâu Đại vương, trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỵ kiếp và một trăm ngàn kiếp, trí toàn tri đã được đức Như Lai làm cho chín muồi nham te độ đám đông dân chiing. Và tâm của vị đạt đen trí toàn tri đã thiên ve sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Vả lại, sau khi nhìn thấy tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thay, khó giác ngộ, tinh vi, khó thau triệt của giáo pháp, trạng thái ham thích tiềm ẩn của chúng sanh, và tính chất bám víu cứng nhắc vào quan điểm của chính mình [thì nghĩ rằng]: “[Thuyết giảng] về cái gì? Bằng cách nào?" và tâm đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Điều này chính là sự suy nghĩ và tâm ý ve việc giác ngộ của chúng sanh. Tâu Đại vương, giống như người thầy thuốc phẫu thuật, sau khi đi đến gặp người bị hành hạ bởi nhiều căn bệnh, thì suy nghĩ như vầy: "Bằng cách thức gì, hoặc với phương thuôc nào thì căn bệnh của người này có thê được lắng xuống?95 Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với đức Như Lai, sau khi nhìn thay loài người bị hành hạ bởi mọi căn bệnh phiền não và tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thay, khó giác ngộ, tinh vi, khó thau triệt của giáo pháp [thì nghĩ rằng]: u[Thuyết giảng] về cái gì? Bằng cách ào?", và tâm đã thiên ve sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Điều này chính là sự suy nghĩ và tầm ý về việc giác ngộ của chúng sanh. 4. Tâu Đại vương, giống như đối với đức vua dòng Sát-đế-lỵ đã được rưới nước thơm ở đầu [làm lễ phong vương], sau khi nhìn thấy những người giữ cổng, lính gác, quần thần, thị dân, nhân công, binh lính, quan đại thần, hoàng tộc, và thuộc hạ thì có thể khởi tâm như vầy: "Trẫm sẽ hậu đãi cái gì cho những người này? Bằng cách nào?^ Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với đức Như Lai, sau khi nhìn thấy tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thấy, khó giác ngộ, tinh vi, khó thau triệt của giáo pháp, trạng thái ham thích tiềm ẩn của chúng sanh, và tính chát bám víu cứng nhác vào quan diêm của chính mình [thì nghĩ rằng]: "[Thuyết giảng] về cái gì? Bằng cách nao?^, và tâm đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảnệ giáo pháp. Sự suy nghĩ và tâm ý về việc giác ngộ của chúng sanh chính là điêu này. 5. Tâu Đại vương, thêm nữa điều này là quy luật của các đức Như Lai, là việc các Ngài thuyết giảng giáo pháp khi được Phạm thiên thỉnh cầu. Vậy trong trường hợp ấy, điều gì là lý do? Vào lúc bấy giờ, tất cả các vị đạo sĩ khô hạnh, du sĩ, Sa-môn, Bà-la-môn là những người thờ phụng đấng Brahmā, kính trọng đấng Brahmā, nương tựa đấng Brahmā. Do đó [nghĩ rằng]: "Với sự hạ mình của vị [Brahmā] có năn^ lực, có danh vọng, được biêt tiếng, được nôi tiếng, hơn han, được vượt trội ây? thì thê gian luôn cả chư thiên sẽ hạ minh, sẽ tin tưởng, sẽ quy thuận [Ta]." Tâu Đại vương, và vì lý do này mà đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp khi được Phạm thiên thỉnh cầu. Tâu Đại vương, giống như vị vua nào đó, hoặc quan đại thần của vị vua, hạ

minh, thể hiện sự cung kính đối với người nào, do sự hạ mình của vị ấy đối với người có năng lực trội hơn, mà số dân chúng còn lại hạ mình, thể hiện sự cung kính. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi Phạm thiên hạ mình đối với các đức Như Lai thì thế gian luôn cả chư thiên sẽ hạ mình. Tâu Đại vương, thế gian tôn vinh bậc đã được tôn vinh. Do đó, vi Phạm thiên ấy thỉnh cầu tất cả các đức Như Lai về việc thuyết giảng giáo pháp. Và vì lý do ấy, các đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp khi được Phạm thiên thỉnh cầu. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ, việc giải thích thật là tuyệt hảo. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về trạng thái không nỗ lực trong việc thuyết giảng giáo pháp của đức Thế Ton55 là thứ mười.

11. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG có THẦY CỦA VỊ THÀY (Ācariyānācariyakatāpañho) L Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: uKhông có ai là thầy của ta, người tirơng đương với ta không tìm thấy, ở thế gian luôn cả cõi trời, không có ai là đối thủ của ta.” Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: 6ÉNày các Tỳ-khưu, như vậy ÃỊãra Kãlãma trong khi đang là thầy của Ta, đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với mình, và đã tôn vinh Ta với sự ton vinh tọt bực/5 Thưa Ngài Nãgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: ^Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy”, như thế thì lời nói rằng: 6'Này các Tỳ-khưu, như vậy Ālāra Kālāma trong khi đang là thầy của Ta? đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với minh” là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: uNày các Tỳ-khưuỹ như vậy ÃỊâra Kâlama trong khi đang là thầy của Ta, đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với minh”, như thế thì lời nói rằng: wKhông có ai là thầy của ta, người tương đương với ta

Tâu Đại vương, khi đức Bồ-tát ở giai đoạn đã được sanh ra, các vị ấy là tám vị Bà-la-môn đã xét đoán các tướng tốt, tức là các vị Rāma, phaja, Lakkhana, Mantq Yaññā, Suyma, Subhoja, Sudatta. Các vi ấy đã tuyên bố về điềm lành của đức Bồ-tát và đã thực hiện công việc bảo hộ; các vị ấy là những vị thầy đầu tiên. Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là vị Bà-la-môn tên Sabbamitta được sanh ra ở nơi quý phái, cao thượng, có dòng dõi, biết về cú pháp, về văn phạm, có sáu chi phần [của kinh Vệ-đà]. Vào lúc bấy giờ, người cha của đức Bồ-tát, đức Vua Suddhodana, sau khi rước về đã rưới nước với chiếc bình vàng, rồi đã trao cho [nói rằng]: "Hãy cho đứa bé trai này học tập" đây là vị thầy thứ nhì. Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là vị thiên nhân đã khiến cho đức Bồ-tát chân động tâm. Sau khi lăng nghe lời nói của vi ây, đức Bô-tát đã bị chân động, kinh hoàng, rồi vào chính thời khắc ấy đã ra đi xuất ly và đã xuất gia; đây là vị thầy thứ ba. Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là Ālāra Kālāma; đây là vị thầy thứ tư. Tâu Đại vương, còn có vi khác nữa là Uddaka Râmaputta; đây là vi thầy thứ năm. Tâu Đại vương, đây là năm vi thây của đức Bô-tát lúc chưa là bậc Chánh Đẳng Giác, trước khi giác ngộ. Tuy nhiên, các vị này là những người thầy về pháp thế gian. Tâu Đại vương, trái lại trong việc thấu friệt trí toàn tri về các pháp xuất thế gian này, thì không có vị hướng dẫn nào trội hơn đức Như Lai. Tâu Đại vương, đức Nhu Lai là

đấng Tự Chủ, bậc không có thầy. Bởi lý do ấy, đức Như Lai đã nói rằng: "Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy, ở the gian luôn cả cõi trời, không có ai là đối thủ của tay Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. ố6Câu hỏi về trạng thái không có thầy của vi thầy" là thứ mười một Phẩm Thân thiết là thứ năm. (Trong phẩm này có mười một câu hỏi) CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỌI ĐƯỢC ĐÀY ĐỦ.

CÁC CÂU HỎI SUY LUẬN (ANUMĀNAPAÑHĀ)

L PHẨM ĐỨC PHẬT (BUDDHAVÂGGổ)

L CÂU HỎI VỀ VIỆC SANH LÊN CỦA HAI VỊ PHẬT (Dvībuddhuppādapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khini, điều này là không hợp lý và không có cơ sở, là việc hai bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có thể sanh lên trong một thế giới không trước không sau, sự kiện này không được biết đến!" Thưa Ngài Nâgasena, k 9 f r -K Ti : # k 1 9 # tát cả các đức Như Lai, trong khi thuyêt giảng đêu thuyêt giảng ba mươi bảy pháp góp phần trong việc giác ngộ, trong khi giảng giải đều giảng giải bốn chân lý cao thượng, trong khi huấn luyện đều huấn luyện về ba sự học tập, trong khi chỉ dạy đều chỉ dạy sự thực hành về không xao lãng. Thưa Ngài Nâgasena, nếu tát cả các đức Như Lai đêu có sự thuyêt giảng thông nhát, sự giảng giải thông nhất, sự huấn luyện thống nhất, sự chỉ dạy thống nhất, vì lý do gì hai đức Như Lai không sanh lên trong cùng một thời điểm? Thế gian này được phát sáng với việc sanh lên của vị Phật cho dầu chỉ một vị, nếu có thêm vị Phật thứ nhì, với hai luồng ánh sáng thế gian này có thể được phát sáng nhiều hơn thế nữa. Và hai đức Như Lai, trong khi giáo giới có the giáo giới một cách thoải mái [trong khi chỉ dạy, có the chỉ dạy một cách thoải mái].1 Ve việc này, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do, theo đó trẫm có thể dứt khỏi sự nghi ngờ. 2. - Tâu Đại vương, mười ngàn thế giới này có sự nâng đỡ chỉ một vị Phật, nâng đỡ đức hạnh của chỉ một đức Như Lai. Nêu vị Phật thứ nhì sanh lên, mười ngàn thế giới này không thể nâng đỡ, có thể lay động, rúng động, nghiêng qua, hạ thấp xuống, uốn cong, phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, tiến đến việc bị hoại diệt. Tâu Đại vương, giống như chiếc thuyền là có sự nâng đỡ một người, khi có một người bước lên thì có thể đạt được sự yên ổn. Khi người thứ nhì đi đến có cùng tuổi tác, vóc dáng, thọ mạng, kích thước, ôm mập, toàn bộ cơ thê tứ chi tương đương người kia, rồi người ấy bước lên chiếc thuyền ấy. Tâu Đại vương, phải chăng chiếc thuyền ấy cũng có thể nâng đỡ cả hai người?

Được thêm vào từ văn bản Pali của Miến Điện và PTS. (ND)

 Thưa Ngài, không đúng. Nó có thể lay động, rúng động, nghiêng qua, hạ tháp xuông, uôn cong, phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, tiến đến việc bị hoại diệt, có thể chìm xuống nước. 3. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, mười ngàn thế giới này có sự nâng đỡ chỉ một vị Phật, nâng đỡ đức hạnh của chỉ một đức Như Lai. Nếu vị Phật thứ nhì sanh lên, mười ngàn thế giới này không thể nâng đỡ, có thể lay động, rúng động, nghiêng qua, hạ thấp xuống, uốn cong, phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, tiến đen việc bị hoại diệt. Tâu Đại

vương, hoặc là giống như người nam ăn thức ăn theo như ý thích. Người ấy, sau khi chứa đầy món ăn được ưa thích đến tận cổ họng, được thỏa mãn, căng phồng, đầy ứ, không còn chỗ chứa, bị làm mệt, bị như cây gậy không khom xuống được, roi lại ăn thức ăn chừng ây thêm lần nữa. Tâu Đại vương, phải chăng người nam ấy có thể được thoải mái? Thưa Ngài, không được. Đã được ăn một lần thôi cũng có thể chết. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, mười ngàn thế giới này có sự nâng đỡ chỉ một vị Phật, nâng đỡ đức hạnh của chỉ một đức Như Lai. Nếu vị Phật thứ nhì sanh lên, mười ngàn thế giới này không thể nâng đỡ, có thể lay động, rúng động, nghiêng qua, hạ thấp xuống, uốn cong, phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, tiến đen việc bị hoại diết. Thưa Ngài Nâgasena, phải chăng quả đất lay động với gánh nặng giáo pháp quá tải? Tâu Đại vương, ở đây hai chiếc xe hàng có thể được chứa đầy châu báu đến ngang miệng, sau khi lấy châu báu từ một chiếc xe hàng rồi đo vào chiếc xe hàng kia. Tâu Đại vương, phải chăng chiếc xe kéo ấy có thể chứa đựng châu báu của hai chiếc xe kéo? Thưa Ngài, không thể. Thậm chí ổ trục bánh xe của nó có thể nứt, các cây căm của nó có thể bị gãy, vành bánh xe của nó có thể sụm xuống, trục xe của nó có thể bị gãy. Tâu Đại vương, phải chăng chiêc xe hàng bi gãy đô với gánh nặng châu báu quá tải? Thưa Ngài, đúng vậy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, quả đất lay động với gánh nặng giáo pháp quá tải. Tâu Đại vương, hơn nữa lý do này được đưa ra để làm rõ năng lực của vị Phật. Xin Đại vương hãy lăng nghe lý do xác đáng khác nữa cho trường hợp ấy, mà vì lý do ấy hai vi Chánh Đang Giác không thể sanh lên trong cùng một thời điểm: [Tâu Đại vương, nếu hai vị Chánh Đẳng Giác sanh lên trong cùng một thời diêm.]2 Sự tranh cãi giữa hội chúng của hai vị ấy có thể sanh khởi: 'Thật của các vị, Phật của chúng t6i", rồi có thể bị sanh ra hai nhóm. Tâu Đại vương, giống như sự tranh cãi giữa hội chúng của hai vi quan đại thần

2 Được thêm vào từ văn bản PâỊi của Miến Điện và PTS. (ND)

chính Ta sẽ được tôn vinh và luôn cả hội chúng nữa." Thưa Ngài Nâgasena, việc đức Như Lai trong khi bản thân được người Dì mẫu của mình dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa đã được bà đích thân nhuộm, đích thân chải, đích thân đập giũ, đích thân cắt, đích thân dệt, lại bảo dâng đến hội chúng, phải chăng đức Như Lai không là người quan trọng, không là bậc được kính trọng, không là bậc đáng được cúng dường so với hội chúng quý báu? Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai là vượt hẳn hội chúng quý báu, hoặc là trội hơn, hay nổi bật [nghĩ rằng]: "Khi Ta được dâng cúng thì sẽ có quả báo lớn", đức Như Lai không bảo dâng cúng đến hội chúng tấm vải choàng tắm mưa đã được người Dì mẫu đích thân nhuộm, đích thân chải, đích thân đập giũ. Thưa Ngài Nãgasena, [hay] bởi vì đức Như Lai không thu lợi, không gom vào cho bản thân, vì thế đức Như Lai đã bảo người Dì mẫu dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa đến hội chúng.
2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi Dì mẫu Mahāpajāpati Gotamĩ đang dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa: "Này Gotamĩ, hãy dâng cúng hội chúng, Khi hội chủng được bà dâng củng, chính Ta sẽ được tôn vinh và luôn cả hội chủng nữa" Tuy nhiên, điều ấy không vì trạng thái không có quả thành tựu

cho người có sự tôn kính, không phải vì tính chất không đáng được cúng dường của bản thân [Ngài], nhưng vì sự lợi ích, vì lòng thương tưởng [nghĩ rằng]: uVào thời vị lai xa xôi, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng sẽ được quan tâm.^, Trong khi tán dương các đức tính quả đang được nhận biết, Ngài đã nói như vầy: "Này Gotamí, hãy dâng cúng hội chúng. Khi hội chúng được bà dâng cúng, chính Ta sẽ được tôn vinh và luôn cả hội chúng nữa." Tâu Đại vương, giống như người cha, ngay trong khi đang còn sống, tuyên dương tánh tốt quả đang được nhận biết ở người con trai trong sự hiện diện của đức vua, ở giữa quan đại thần, nhân công, binh lính, người giữ cổng, lính gác, quần thần, dân chúng [nghĩ rằng]: "Được xác lập ở đây, thì vào thời vi lai xa xôi sẽ được tôn vinh ở giữa dân chúng." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai vì sự lợi ích, vì lòng thương tưởng [nghĩ rằng]: "Vào thời vị lai xa xoi, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng sẽ được quan tâm", trong khi tuyên dương các đức tính quả đang được nhận biết, đã nói như vầy: "Này Gotamĩ, hãy dâng cúng hội chúng. Khi hội chúng được bà dâng cúng, chính Ta sẽ được tôn vinh và luôn cả hội chúng nữa.” Tâu Đại vương, nhimg không phải chỉ với chừng ấy việc ban cho tấm vải choàng tắm mưa mà hội chúng so với đức Như Lai được gọi là trội hơn, hay nổi bật. Tâu Đại vương, giống như người mẹ và cha xức dầu, xoa bóp, tắm rửa, kỳ cọ cho những đứa con trai. Tâu Đại vương, phải chăng chỉ với chừng ấy việc xức dầu, xoa bóp, tắm rửa, kỳ cọ mà đứa con trai so với mẹ cha được gọi là trội hơn, hay nổi bật? 3. Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, người mẹ và cha có những đứa con trai thì có những việc cần phải làm không theo ý muốn, vì thế người mẹ và cha thực hiện việc xức dầu, xoa bóp, tắm rửa, kỳ cọ cho những đứa con trai.

-Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không phải chỉ với chừng ấy việc ban cho tấm vải choàng tắm mưa mà hội chúng so với đức Như Lai được gọi là trội hơn, hay nổi bật. Thêm nữa, đức Như Lai, trong khi thực hiện công việc cần phải làm không theo ý muốn, đã bảo người Dì mẫu dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa đến hội chúng. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam nào đó mang đến tặng phẩm cho đức vua, đức vua có thể cho tặng phẩm ấy đến người nào đó? hoặc là nhân công hoặc binh lính, hoặc tướng lãnh, hoặc vi quân sư. Tâu Đại vương, phải chăng chỉ với chừng ấy việc nhận lãnh tặng phẩm mà người đàn ông ấy so với đức vua được gọi là trội hơn, hay noi bật? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, người đàn ông ấy là người lãnh lương của đức vua, có cuộc sống phụ thuộc vào đức vua. Trong khi đặt để vào vị trí ấy mà đức vua ban cho tăng phẩm. 4. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, không phải chỉ với chừng ây việc ban cho tấm vải choàng tắm mưa mà hội chúng so với đức Như Lai được gọi là trội hơn, hay nổi bật, khi ấy [hội chúng] là người lãnh lương của đức Như Lai, có cuộc sống phụ thuộc vào đức Như Lai. Trong khi đặt để vào vị trí ấy mà đức Như Lai đã bảo dâng tấm vải choàng tắm mưa đến hội chúng. Tâu Đại vương, thêm nữa, đức Như Lai đã khởi ý như vầy: "Hội chúng là xứng đáng được cúng dường từ trong bản thể, ta sẽ cúng dường đến hội chúng với khả năng của minh", nên đã bảo dâng tấm vải choàng tắm mưa đến hội chúng. Tâu Đại vương, đức Như Lai không ca ngợi sự cúng dường đến chính bản thân, khi ấy những vị nào đáng được cúng dường ở thế gian, đức Như Lai cũng ca ngợi sự cúng dường đến các vi ấy. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức

Thế Ton, vi Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đen trong khi tuyên dương sự thực hành ve ít ham muốn ở bài giảng pháp về sự thừa tự giáo pháp ở đoạn Varalañchaka (Dấu ấn cao quỹ) thuộc Mcỳjhỉmanikãya (Trung bộ) rằng: "Chính vị Tỳ-khưu đầu tiên ấy, đối với Ta, là đáng được cúng dường hơn và ca tụng hơn.,, Tâu Đại vương, ở các cõi không có chúng sanh nào so với đức Như Lai là xứng đáng được cúng dường, hoặc là trội hơn, hay nôi bật. Chính đức Như Lai là vượt hơn, trội hơn, nôi bật. 5. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được nói đến ở Tương ưng bộ quý báu bởi vị thiên tử Mānavagāmika khi đứng ở phía trước đức Thế Tôn, giữa chư thiên và nhân loại rang: Trong số các núi ở Rājagaha, núi Vipula được gọi là tối thắng, ở dãy Hy- mã-lạpf núi Setā là tôi thăng. Mặt trời [là tôi thăng] trong sô các thiên thê, Đại dương là tối thắng trong sổ các biển cả. Mặt trăng [là tối thẳng] trong số các vì tinh tủ. Đức Phật được gọi là tối cao ở thế gian luôn cả chư thiêng Tâu Đại vương, hơn nữa những lời kệ này đây đã được khéo ca, không phải vụng ca, đã được khéo thuyết, không phải vụng thuyết bởi vị thiên tử

Mānavagāmika và đã được đức Thế Tôn chấp thuận. Tâu Đại vương, quả vậy Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, cũng đã nói rằng: “Chi một việc có niềm tinh tín ở tâm, hoặc việc nghiêng mình, chắp tay, dỉ đen nương nhờ nơi đức Phật, bậc có sự tiêu diệt bỉnh đội của Ma vương, có khả năng giúp cho vượt qua [kho đau]y Và đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời đã nói rằng: "Này các Tỷ- khưuf có một nhân vật, trong khi được sanh ra ở thế gian, được sanh ra vì sự y . 5 •r lợi ích của nhiêu người, vì sự an lạc của nhiêu người, vì lòng thương tưởng thê gian, vì sự tốt đẹp, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư thiên và nhân loại. Là một nhân vật nào? Đức Như Lai, bậc A-la-hán Chảnh Đẳng Giác, trong khi được sanh ra ở the gian, được sanh ra vì sự lợi ích của nhiều người, vì sự an lạc của nhiều người, vì lòng thương tưởng thể gian, vì sự tốt đẹp, vì sự lợi ích, vĩ sự an lạc của chư thiên và nhân ỉoaiy Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc dâng cúng tấm vải của bà Gotamā' là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VÈ VIỆC THỰC HÃNH ĐÚNG ĐẮN CỦA HÀNG TẠI GIA VÀ XUẤT GIA (Gihipabbajitasammāpatipattipañhci) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, Ta khen ngơi sự thực hành đúng đắn của người tại gia hoặc của vi xuất gia. Này các Tỳ-khưu, người tại gia hoặc vị xuất gia đã thực hành đúng đắn, do kết quả của việc thực hành đúng đắn mà trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh dạo.” Thưa Ngài Nâgasena, nếu người tại gia mặc y phục màu trắng, trong khi sinh sống có sự thọ hưởng các dục, có việc nằm chen chúc với vợ và con, trong khi hưởng thụ vải kãsi và trầm hương, trong khi đeo tràng hoa, vật thơm và vật thoa, trong khi ưng thuận vàng và bạc, buộc búi tóc có trang điểm ngọc ma-ni và vàng, đã thực hành đúng đắn và trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo; còn vi xuất gia, đầu được cạo, mặc y ca-sa, đi đến khất thực ở những người khác, có sự thực hành trọn vẹn đúng đắn bốn giới uẩn, thọ lãnh và hành trì một trăm năm mươi điều học, hành trì không thiếu sót mười ba hạnh từ khước, đã thực hành đúng đắn thì cũng trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo.

Thưa Ngài, ở đây người tại gia hoặc vị xuất gia co cái gì là khác biệt? Có phải việc hành khổ hạnh là không có kết quả, việc xuất gia là không có lợi ích, việc gìn giữ các điều học là vô ích, sự thọ trì các hạnh từ khước là rồ dại? ở đây, có gì với việc theo đuổi sự khó khăn? Chẳng phải là sự an lạc có thể được chứng đạt bằng chính sự an lạc? 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khưu, Ta khen ngợi sự thực hành đúng đắn của người tại gia hoặc của vi xuất gia. Này các Tỳ-khưu, người tại gia hoặc vi xuất gia đã thực hành

đúng đắn, do kết quả của việc thực hành đúng đắn mà trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo.w Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chỉ có người đã thực hành đúng đắn là hạng nhất. Tâu Đại vương, thậm chí vị xuất gia [nghĩ rằng]: "Ta là vị xuất gia" rồi không thực hành đúng đắn, thì vị ấy bị xa rời bản thể Sa-môn, bị xa rời phẩm vi Bà-la-môn; không càn đề cập đến người tại gia mặc y phục màu trắng. Tâu Đại vương, ngay cả người tại gia đã thực hành đúng đắn cũng trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo. Tâu Đại vương, luôn cả vị xuất gia đã thực hành đúng đắn cũng trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo. Tâu Đại vương, thêm nữa chính vị xuất gia là chúa tể5 là người chủ của bản thê Sa-môn. Tâu Đại vương, việc xuât gia là có nhiêu đức tính, có vô sô đức tính, có vô lượng đức tính, không thể thực hiện việc đo lường đức tính của việc xuất gia. Tâu Đại vương, giống như không thể thực hiện việc đo lường giá trị bằng tài sản đoi với bảo ngọc ma-ni, vật ban cho điều ước, là: "Giá tiền của viên bảo ngọc ma-ni là chừng này." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc xuất gia là có nhiều đức tính, có vô số đức tính, có vô lượng đức tính, không thể thực hiện việc đo lường đức tính của việc xuất gia. Tâu Đại vương, hoặc là giống như không thể thực hiện việc đo lường các làn sóng ở đại dương rằng: "Các làn sóng ở đại dương là chừng này.,, Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc xuất gia là có nhiều đức tính, có vô số đức tính, có vô lượng đức tính, không thể thực hiện việc đo lường đức tính của việc xuất gia. Tâu Đại vương, đối với vị xuất gia điều gì cần phải làm, tất cả mọi việc ấy được thành tựu thật nhanh chóng, không lâu lác. Vì lý do gì? Tâu Đại vương, vị xuất gia ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, không giao du, có sự nỗ lực tinh tấn, không mong cầu, không nhà ở, có giới tròn đủ, có hạnh giảm thiểu, thiện xảo việc thực hành các pháp từ khước. Vì lý do ấy, đối với vị xuất gia điều gì cần phải làm, tất cả mọi việc ấy được thành tựu thật nhanh chóng, không lâu lắc. Tâu Đại vương, giống như mũi tên, không san sùi, bằng phẳng, khéo được làm sạch, ngay thẳng, không vết nhơ, được bắn ra khéo léo thì di chuyển chính xác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với vị xuất gia điều gì cần phải làm, tất cả mọi việc ấy được thành tựu thật nhanh chóng, không lâu lắc. Thưa Ngài Nāgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc thực hành đúng đắn của hàng tại gia và xuất gia” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VÈ Sự SAI TRÁI TRONG ĐƯỜNG LỐI THỰC HÀNH (Patipadādosapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, khi đức Bô-tát thực hiện hành động khó thực

hành [khổ hạnh], không nơi nào khác đã có sự nỗ lực, sự cố gắng, sự chiến đấu với phiền não, sự làm tiêu tan đạo binh của than chết, sự kiêng vật thực, các hành động khó thực hành như thế này. ở sự gắng sức có hình thức như thế, đức Bồ-tát đã không đạt được bất cứ sự khoái lạc nào, đã bỏ rơi chính tâm ý ấy, và đã nói như vầy: "Tuy nhiên, với việc khô hạnh dữ dội này Ta không chứng đắc các pháp thượng nhân, là pháp đặc biệt thuộc về trí tuệ và sự thấy biết xứng đáng bậc Thánh. Có thể có chăng đạo lộ nào khác đưa đến giác ngộ?y Sau khi nhàm chán với việc ây, bằng một đạo lộ khác Ngài đã đạt đên bản thê toàn tri, rồi cũng vẫn chỉ dạy, khuyến khích các đệ tử về đường lối thực hành ấy rằng: uCác ngươi hãy nỗ lực, hãy cố gắng, hãy gắn bó vào IM dạy của đức Phật. Các ngươi hãy dẹp bỏ đạo binh của than chết, tợ như con voi phá bỏ căn chòi bằng lau sậy.,M Thưa Ngài Nāgasena, bởi vì lý do gi, đức Thế Tôn lại chỉ dạy, khuyến khích các đệ tử vê đường lôi thực hành mà bản thân Ngài đã nhàm chán, có vẻ không còn quyến luyến ve việc ấy? 2. Tâu Đại vương, lúc ây cũng như hiện nay, việc ây vân là đường lôi thực hành. Sau khi thực hành chính đường lối thực hành ấy, đức Bồ-tát đã đạt đến bản thể toàn tri. Tâu Đại vương, thêm nữa, đức Bồ-tát trong khi thực hành tinh tấn tột độ đã ngưng lại vật thực không còn chút gì, do việc buộc ngưng lại vật thực của vị ấy mà sự yếu đuối của tâm đã sanh khởi. Do sự yếu đuối ấy, vi ấy đã không the đạt được bản the toàn tri. Trong khi sử dụng lại từng chút từng chút vật thực đã được vắt thành nắm, rồi với chính đường lối thực hành ấy không bao lâu sau, vi ấy đã đạt được bản thể toàn tri. Tâu Đại vương, chính đường lối thực hành ấy đưa đến sự đạt được trí toàn tri của tất cả các đức Như Lai. Tâu Đại vương, giống như vật thực là sự nâng đỡ cho tất cả chúng sanh, được nương tựa vào vật thực mà tất cả chúng sanh nhận được sự an lạc. Tâu Đại vương, tương tợ ỵ như thế, chính đường lối thực hành ấy đưa đến sự đạt được trí toàn tri của tất cả các đức Như Lai. Tâu Đại vương, sự sai trái khiến đức Như Lai vào thời điểm ấy đã không đạt được trí toàn tri không phải ở sự nỗ lực, không phải ở sự cố gắng, không phải ở sự chiến đấu với phiền não; nhưng sự sai trái ấy chính là ở việc buộc ngưng lại vật thực. Chính đường lối thực hành ấy luôn luôn được sẵn sàng. Tâu Đại vương, ệiống như người nam có thể đi rất nhanh đoạn đường dài, vì thế người ấy có thê bị tổn thương một bên [hông], hoặc có sự đi khập khiễng không tự đi lại được ở trên bề mặt trái đất. Tâu Đại vương, chẳng lẽ đại địa cầu cũng có sự sai trái khiến cho người nam ấy đã bi tổn thương một bên [hông]? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, đại địa cầu luôn luôn được sẵn sàng. Do đâu mà nó có sự sai trái? Sự sai trái ấy chính là ở sự ra sức, vì nó mà người nam ấy đã tổn thương một bên [hông].

4 Câu kệ này được thấy ở TheragãthãpãỊỉ (Trưởng lão kệ), do Trưởng lão Abhibhũta nói lên (TTPV, tập 31, trang 91, câu kệ 256).

Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, sự sai trái khiên đức Như Lai vào thời điểm ấy đã không đạt được trí toàn tri không phải ở sự nỗ lực, không phải ở sự cố gắng, không phải ở sự chiến đấu với phiền não; nhung sự sai trái ấy chính là ở việc buộc ngưng lại vật thực. Chính đường lối thực hành ấy luôn luôn được sẵn sàng. Tâu Đại vương, hoặc

là giông như người nam quân vào tâm vải choàng bi lấm lem, người ấy không cho giặt sạch nó; sự sai trái ấy không phải là của nước; nước luôn luôn được sẵn sàng. Sự sai trái ấy là của chính người ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự sai trái khiến đức Như Lai vào thời điểm ấy đã không đạt được trí toàn tri không phải ở sự nỗ lực, không phải ở sự cố gắng, không phải ở sự chiến đấu với phiền não; nhung sự sai trái ấy chính là ở việc buộc ngưng lại vật thực. Chính đường lối thực hành ấy luôn luôn được sẵn sàng. Vì thế, đức Như Lai chỉ dạy, khuyến khích các đệ tử về chính đường lối thực hành ấy. Tâu Đại vương, như vậy đường lối thực hành ấy luôn luôn được sẵn sàng, không có tội lỗi. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự sai trái trong đường lối thực hành95 là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ VIỆC TRỞ LẠI ĐỜI SỐNG TẠI GIA TẦM THƯỜNG (HTnāyāvattanapañho) L Thưa Ngài Nâgasena, giáo pháp này của đức Như Lai là vĩ đại, có lõi, cao quý, tối thượng, ưu tú, không thể sánh bằng, thanh tịnh, vô nhiễm, trong trắng, không chê trách được, không thích hợp để cho người vẫn còn tại gia xuất gia. Người tại gia sau khi đã hương dẫn đến một quả vi, khi nào có sự không quay trở lại nữa, khi ấy mói nên cho người ấy xuất gia. Vì lý do gì? Những người này vẫn còn là người xấu, sau khi xuất gia ở đây, trong giáo pháp trong sạch, sẽ quay lui, trở lại đời sống tại gia tầm thường. Với việc đi ngược trở lại của những người này, đám đông dân chúng này suy nghĩ như vầy: "Giáo pháp này của Sa-môn Gotama quả là rỗng không, khiến những người này quay lui." ở đây, điều này là lý do. 2. - Tâu Đại vương, giống như hồ nước được tràn đầy nước sạch, không do, mát mẻ; rồi người nào đó bị lấm lem, bị vấy bụi bặm và bùn đất sau khi đi đến hồ nước ấy không tắm rửa, rồi quay lui, vẫn còn bị lấm lem. Tâu Đại vương, trong trường hợp ấy dân chúng nên chê trách ai, kẻ bị lấm lem hay là hồ nước? -Thưa Ngài, dân chúng nên chê trách kẻ bị lâm lem răng: "Người này sau khi đi đến hồ nước ấy không tắm rửa, rồi quay lui, vẫn còn bi lấm lem. Làm sao hồ nước tự nó sẽ tắm rửa cho kẻ không có ý đinh tắm rửa này? Vậy có điều sai trái gì đối với hồ nước?^ -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai đã tạo ra hồ nước cao quý là Chánh pháp, được tràn đầy nước cao quý là sự giải thoát [nghĩ rằng]:

"Những người nào đó bị lấm lem bụi bặm phiền não, có suy tư, có trí tuệ, những người ấy sau khi tắm rửa ở đây sẽ tẩy sạch tất cả các phiền nao.^ Nếu người nào đó sau khi đi đến hồ nước Chánh pháp cao quý ấy không tắm rửa, rồi quay lui, trở lại đời sống tại gia tầm thường, vẫn còn phiền não. Dân chúng sẽ chê trách chính kẻ ấy rằng: "Người này sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, không đạt được chỗ đứng ở nơi ấy nên đã trở lại đời sống tại gia tầm thường. Làm sao giáo pháp của đấng Chiến Thắng sẽ tự mình làm trong sạch kẻ không thực hành này được? Vậy có điều sai trái gì đối với giáo pháp của đấng Chiến Thang?" “ 3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam bị bệnh trầm trọng, sau khi gặp người thầy thuốc giải phẫu, rành rẽ về nguyên nhân gây bệnh, có sự chữa trị hiệu quả và lâu dài, lại không cho chữa tri, rồi quay lui, vẫn còn bi bệnh. Trong trường hợp ấy dân chúng nên chê trách ai, kẻ bị bệnh hay là người thầy thuốc? Thưa Ngài, dân chúng nên chê trách kẻ bị bệnh rằng: "Người này sau khi gặp

người thầy thuốc giải phẫu, rành rẽ về nguyên nhân gây bệnh, có sự chữa trị hiệu quả và lâu dài, lại không cho chữa tri, rồi quay lui, vẫn còn bị bệnh. Làm sao người thay thuốc tự mình sẽ chữa trị cho kẻ không chịu đe cho chữa tri này? Vậy có điều sai trái gì đối với người thầy thu6c?" -Tâu Đại vương, tương tợ y như the, đức Như Lai đã bỏ vào bên trong cái hộp giáo pháp phương thuốc bất tử có khả năng làm yên lặng toàn bộ tất cả căn bệnh phiên não [nghĩ rằng]: "Những người nào đó bị hành hạ bởi căn bệnh phiền não, có suy tư, có trí tuệ, những người ấy sau khi uống vào phương thuốc bất tử này sẽ làm yên lặng mọi căn bệnh J)hiền não." Nếu người nào đó sau khi không uống vào phương thuốc bất tử ấy, rồi quay lui, trở lại đời sống tại gia tầm thường, vẫn còn phiền não. Dân chúng sẽ chê trách chính kẻ ấy rằng: "Người này sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, không đạt được chỗ đứng ở nơi ấy nên đã trở lại đời song tại gia tam thường. Làm sao giáo pháp của đấng Chiến Thắng sẽ làm trong sạch kẻ không thực hành này được? Vậy có điều sai trái gì đối với giáo pháp của đấng Chiến Thắng?^ 4. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam bị đói, sau khi đi đến nơi phân phát vật thực phước thiện lớn lao, lại không ăn vật thực ấy, rồi quay lui, vẫn còn bị đói. Trong trường hợp ấy dân chúng nên chê trách ai, kẻ bị đói hay là vật thực phước thiện? -Thưa Ngài, dân chúng nên chê trách kẻ bi đói:"Người này, bị hành hạ bởi cơn đói, sau khi nhận lãnh vật thực phước thiện không ăn, roi quay lui, vẫn còn bị đói. Làm sao vật thực tự nó sẽ đi vào miệng của kẻ không ăn này được? Vậy cồ điều sai trái gì đối với vật thqc?" -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đức Như Lai đã đê vào bên trong cái hộp giáo pháp món vật thực niệm đặt ở thân cao quý tột bậc, yên tịnh, an toàn, hảo hạng, bất tử, ngọt ngào tột bậc [nghi rằng]: "Những người nào đó bị đói ở nội phân do phiên não, có tâm bị chê ngự bởi tham ái, có suy tư, có trí tuệ,

những người ấy sau khi thọ dụng vật thực này sẽ xa lìa tất cả tham ái ở dục giới, sắc giới và vô sắc gi&i." Nếu n^ười nào đó sau khi không ăn vật thực ấy, rồi quay lui, trở lại đời sống tại gia tâm thường, vẫn còn bị ràng buộc bởi tham ái. Dân chúng sẽ chê trách chính kẻ ấy rằng: uNgười này sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, không đạt được chỗ dứng ở nơi ấy nên đã trở lại đời song tại gia tầm thường. Làm sao giáo pháp của đang Chiến Thắng sẽ làm trong sạch kẻ khôn^ thực hành này được? Vậy có điều sai trái gì đoi với giáo pháp của đấng Chiên Thắng?" 5. Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai cho xuất gia chỉ riên^ người tại gia [nào] đã được hướng dẫn đến một quả vi, thế chăng phải việc xuât gia này nhăm đưa đen việc dứt bỏ phiền não hay đưa đen sự thanh tinh? Và không có việc gì cần phải làm với việc xuất gia? Tâu Đại vương, ệiống như người nam sau khi cho đào cái hô nước bằnệ hàng trăm lao độnẸ roi thông báo đên tập thê như vầy: "Này quý ông, chớ đê bất cứ những ai bị lâm lem bước xuống hồ nước này của tôi. Hãy để cho những người có bụi bặm dơ dáy đã được tẩy uế, trong sạch, đã kỳ cọ vét nhơ bước xuống hồ nước nay?9 Tâu Đại vương, phải chăng những người có bụi bặm dơ dáy đã được tẩy uế, trong sạch, đã kỳ cọ vết nhơ ấy là có việc cần làm với cái hồ nước ấy? 6. Thưa Ngài, khôn^ đúng. Với mục đích nào mà những người ấy đi đến hô nước ây, việc cân làm ây của những người ây đã được làm ở tại nơi khác roi. Họ còn có việc gì với hồ nước ấy? Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nếu đức

Như Lai cho xuất gia chỉ riêng người tại gia [nào] đã được hướng dẫn đến một quả vị, chính ở trường hợp ấy việc cần phải làm của những người ấy đã được làm xong. Họ còn có việc gì với việc xuất gia? Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thầy thuốc giải phẫu, người phục vụ tín cẩn của các vi ẩn sĩ, có sự ghi nhớ các chú thuật và các đoạn kệ ngôn đã được nghe, không là kẻ ngớ ngẩn, rành rẽ về nguyên nhân gây bệnh, có sự chữa trị hiệu quả và lâu dài, sau khi gom lại các loại thuốc men làm yên lặng tất cả các căn bệnh rồi thông báo đến tập thể như vầy: "Này quý ông, chớ để bất cứ những ai có bệnh đi đến gặp tôi. Hãy để cho những người không có bệnh, không ốm đau đi đến gặp tôi?9 Tâu Đại vương, phải chăng những người không có bệnh, không ốm đau, được toàn vẹn, được hưng phấn ấy là có việc cần làm với người thầy thuốc ấy? 7. Thưa Ngài, không đúng. Với mục đích nào mà những người ấy đi đến người thầy thuốc ấy, việc cần làm ấy củanhữnệ nệười ấy đã được làm ở tại nơi khác roi. Họ còn có việc gì với người thay thuốc ấy? -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nếu đức Như Lai cho xuất gia chỉ riêng người tại gia [nào] đã được hướng dẫn đến một quả vị, chính ở trường hợp ây việc cân phải làm của những người ây đã được làm xong. Họ còn có việc gì với việc xuất gia? . 9r 9

Tâu Đại vương, hoặc là giông như người nam nào đó, sau khi cho chuân

bị bữa ăn hànệ trăm đĩa cơm sữa, roi thông báo đên tập thê như vây: “Này quý ông, chớ đê bát cứ những ai bi đói đi đên nơi phát chẩn này. Hãy để cho những người đã được ăn no, được thỏa mãn, được thừa thãi, no nê, cường tráng, đầy đủ đi đến nơi phát chẩn này.,? Tâu Đại vương, phải chăng những người đã ăn xong, được thỏa mân, được thừa thãi. no nê, cường tráng, đầy đủ ấy là có việc gì cân làm với bữa ăn ấy? 8. Thưa Ngài, không đúng. Với mục đích nào mà những người ấy đi đến nơi phát chẩn ấy, việc cần làm ấy của những người ấy đã được làm ở tại nơi khác rồi. Họ còn có việc gì với nơi phát chẩn ấy? -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nếu đức Như Lai cho xuất gia chỉ riêng người tại gia [nào] đã được hướng dẫn đến một quả vị, chính ở trường hợp ấy việc cần J)hải làm của những người ấy đã được làm xong. Họ còn có việc gì với việc xuất gia? Tâu Đại vương, phải chăng những người nào trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy phô bày năm đức tính không thể so sánh ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Năm đức tính nào? Họ phô bày tính chất vĩ đại của lãnh địa, phô bày tính chất thanh tịnh không ô nhiễm, phô bày tính chất không sống chung với những kẻ ác, phô bày tính chất khó thấu triệt, phô bày tính chát cân được bảo vệ với nhiêu sự thu thúc. 9. Họ phô bày tính chất vĩ đại của lãnh địa là như thế nào? Tâu Đại vương, giống như người nam không có tài sản, dòng dõi thấp kém, tầm thường, thấp thỏi về trí tuệ, sau khi đạt được vương quốc rộng lớn, không bao lâu sau sẽ sụp đô, tiêu hoại, suy giảm vê danh vọng, không thê duy trì vương quyên. Vì lý do gì? Vì tính chất vĩ đại của vương quyền. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào đó là tầm thường, không có phước báu đã tạo, thấp thỏi về trí tuệ, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy trong khi không thể duy trì việc xuất gia cao quý và tối thượng ấy? không bao lâu sau từ giáo pháp của đấng Chiến Thắng họ sụp đổ, tiêu hoại, suy

giảm, trở lại đời sống tại gia tầm thường, không thể duy trì giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Vì lý do gì? Vì tính chất vĩ đại của lãnh địa giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Họ phô bay tính chất vĩ đại cua lãnh địa là như the ấy. 10. Họ pho bày tính chất thanh tinh không ô nhiễm là như thế nào? Tâu Đại vương, giống như nước ở lá sen sẽ phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, rồi mất dạng, không bám víu. Vì lý do gì? Vì tính chất thanh tịnh không ô nhiễm của loài sen. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào đó là gian trá, giả dối, cong quẹo, quanh co, có quan điểm không ổn định, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy không bao lâu sau từ giáo pháp thanh tịnh không ô nhiễm, không gai góc5 trong trắng, cao quý và ưu tú, sẽ phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ vững, không bám víu, trở lại đời sống tại gia tầm thường. Vì lý do gì? Vì tính chất thanh tịnh không ô nhiễm ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Họ phô bày tính chất thanh tịnh không ô nhiễm là như thế ấy.

11. Họ phô bày tính chất không sống chung với những kẻ ác là như thế nào? Tâu Đại vương, giông như biên cả không sông chung với xác chét, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền. Vì lý do gì? Vì việc cư trú của các chúng sanh to lớn ở nơi biển cả. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào đó có bản tánh không thu thúc, vô liêm si, không nghiêm chỉnh, có sự tinh tấn yếu ớt, biếng nhác, ô uế, đê tiện, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy không bao lâu sau sẽ lìa khỏi giáo pháp của đấng Chiến Thắng, khỏi nơi cư trú của các chúng sanh to lớn, các bậc A-la-hán, vô nhiễm, lậu tận, không cộng trú và trở lại đời sông tại gia tâm thường. Vì lý do gì? Vì tính chát không sông chung với những kẻ ác ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Họ phô bày tính chất không sống chung với những kẻ ác là như thế ấy. 12. Họ phô bày tính chất khó thấu triệt là như thế nào? Tâu Đại vương, giống như những người nào đó là cung thủ, không thành thạo, không được học tập, không rành nghề, không tập trung tâm, trong khi không thể xuyên thủng đầu của cọng tóc, buông rơi [cung], bỏ đi. Vì lý do gì? Vì tính chất tinh vi, tế nhị, khó xuyên thủng của đâu cọng tóc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, những người nào đó có tuệ tồi, ngu xuẩn, ngớ ngẩn, si mê, điệu bộ chậm chạp, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy trong khi không thể xuyên thủng việc thấu triệt ấy đối với bốn chân lý vô cùng tinh vi, tế nhị, buông rơi giáo pháp của đấng Chiến Thắng, bỏ đi, không bao lâu sau trở lại đời sống tại gia tàm thường. Vì lý do gì? Vì tính chất vô cùng tinh vi, tế nhị, khó thấu triệt của bốn chân lý. Họ phô bày tính chất khó thấu triệt là như thế ấy. 13. Họ phô bày tính chất cần được bảo vệ với nhiều sự thu thúc là như thế nào? Tâu Đại vương, giông như người nam nào đó đi đên gân bãi chiên trường lớn lao vĩ đại rồi bị bao vây chung quanh khắp các hướng chính hướnệ phụ bởi đội quân địch, sau khi nhìn thây người tay câm gươm đang tiến đên gân thì hoảng sợ? thối lui, quay trở lại, đào tẩu. Vì lý do gì? Vì nỗi sợ hãi trong việc bảo vệ các tiền tuyến của cuộc chiến đấu đa dạng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào đó có bản tánh không thu thúc, vô liêm sỉ, không nghiêm chỉnh, không nhẫn nại, thất thường, bị dao động, hay thay đổi, là những người ngu dốt, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy trong khi không thể bảo vệ trọn vẹn điều

học có nhiều loại, thì thối lui, quay trở lại, đào tẩu, không bao lâu sau thì trở lại đời sống tại gia tầm thường. Vì lý do gì? Vì tính chất cần được bảo vệ sự thu thúc có nhiều loại thuộc giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Họ phô bày tính chất cần được bảo vệ với nhiều sự thu thúc là như thế ấy. 14. Tâu Đại vương, ở bụi hoa nhài trâu, dầu là hạng nhất trong số các loài hoa mọc ở đất bằng, cũng có những bông hoa bị sâu ăn, những choi non ấy, bị quắn lại, rồi rơi rụng chính vì sự hư hoại. Nhưng không vì chúng bi rơi rụng mà bụi hoa nhài bị xem thường. Những bông hoa nào còn tồn tại ở nơi ấy, chúng

tỏa khắp các hướng chính phụ với hương thơm chân chánh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng rồi trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng có giới không còn phẩm chất và hình tướng, ví như những bông hoa nhài bị sâu ăn, mất đi màu sắc và hương thơm, không thể đưa đến sự phát triển trọn vẹn. Nhưng không vì việc trở lại đời sống tại gia tầm thường của những người ấy mà giáo pháp của đấng Chiến Thắng bị xem thường. Các vị Tỳ-khưu nào còn tồn tại ở nơi ấy, các vị ấy tỏa khắp thế gian luôn cả cõi trời với hương thơm cao quý của giới. Tâu Đại vương, có loại lúa sāli tên là karumbhaka, sau khi mọc lên ở khoảng giữa của các giống lúa sāli gạo đỏ không bị èo oặt, rồi bị tiêu hoại lúc còn ở giai đoạn giữa chừng. Nhưng không vì việc bị tiêu hoại của loại lúa ấy mà giống lúa sāli gạo đỏ bị xem thường. Những lúa sāli nào còn tồn tại ở nơi ấy, chúng là vật thực của đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng rồi trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy, ví như karumbhaka ở khoảng giữa của các loại lúa sāli gạo đỏ, sau khi tăng trưởng không đạt đến sự phát triên trọn vẹn ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng, rồi trở lại đời sống tại gia tầm thường từ ở chùih khoảng ẹiữa. Nhưng không vì việc trở lại đời sống tại gia tầm thường của những người ây mà giáo pháp của đang Chiên Thăng bị xem thường. Các vị Tỳ-khưu nào còn tôn tại ở nơi ây, các vị ây là thích đáng đôi với phàm vị A-la-hán. 15. Tâu Đại vương, viên bảo ngọc ma-ni, vật ban cho điều ước có một phần sần sùi sanh khởi. Nhưng không vì việc bị sanh khởi phần sần sùi ở chỗ ấy mà viên bảo ngọc ma-ni bị xem thường. Phan nào ở chỗ ẩy của viên bảo ngọc ma- ni là trong suốt, phần ấy có sự tạo ra niềm vui thích cho dân chúng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào sau khi xuất gia trong giáo pháp của đang Chiên Thăng roi trở lại đời sông tại gia tâm thường, những người ây là lớp vỏ ngoài sần sùi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Nhưng không vì việc trở lại đời sống tại gia tâm thường của những người ấy mà giáo pháp của đấng Chiến Thắng bị xem thường. Các vị Tỳ-khưu nào còn ton tại ở nơi ấy, các vị ấy có sự tạo ra niềm vui thích cho chư thiên và nhân loại. Tâu Đại vương, trầm hương màu đỏ chánh tông có một phần bị hư hỏng, [không có mùi thơm. Nhưng không vì việc ấy mà trầm hương màu đỏ bi xem thường.]5 Phần nào ở chỗ ấy là không hư hỏng, có mùi thơm, phần ấy xông khói, tỏa khắp xung quanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào sau khi xuất gia trong giáo pháp của đang Chiến Thắng rồi trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng, ví như phần bị hư hỏng ở giữa lõi trầm hương màu đỏ, đáng được quăng bỏ. Nhưng không vì việc trở

lại đời sống tại gia tầm thường của những người ấy mà giáo pháp của đấng Chiến Thắng bị xem thường. Các vị Tỳ-khiru nào còn tồn tại ở

5 Đoạn này được thêm vào từ văn bản PãIi của Miến Điện và PTS. (ND)

nơi ấy, các vi ấy bôi xức thế gian luôn cả cõi trời với mùi thơm của trầm hương quý giá là giới. 16. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Bằng lý lẽ thích đáng vơi mỗi một trường hợp, tương xứng với mỗi một trường hợp, sự không có lỗi lầm đã được ghi nhận, giáo pháp của đấng Chiến Thắng với bản thể tối thượng đã được làm sáng tỏ. Thậm chí trong khi trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy cũng làm sáng tỏ chính bản thể tối thượng thuộc về giáo pháp của đấng Chiến Thắng. “Câu hỏi về việc trở lại đời sống tại gia tầm thường59 là thứ năm.

6. CÂU HỎI VÈ Sự NHẬN BIẾT CẢM THỌ CỦA VỊ A-LA-HÁN (Arahato vedanāvediyanapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói răng: 6ốVị A-la-hán nhận biêt một cảm thọ, thuộc thân không thuộc tâm.” Thưa Ngài Nâgasena, việc mà tâm của vị A-la-hán vận hành nương vào thân, vậy có phải vi A-la-hán không phải là chúa tể, không phải là người chủ, không có quyền hành ở nơi ấy? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Thưa Ngài Nâgasena, việc vị ây không phải là chúa tê, không phải là người chủ, không có quyền hành đối với tâm của mình trong khi thân đang được vận hành là không đúng. Thậm chí con chim cho đến khi nào còn trú ở nơi tô chim thì nó là chúa tê, là người chủ, là có quyên hành ở nơi ây. 2. Tâu Đại vương, mười pháp này đi theo thân, chạy theo, vận hành theo thân ở mỗi một kiếp sống. Mười pháp nào? Lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, dã dượi buôn ngủ, già, bệnh, chết. Tâu Đại vương, đay là mười pháp đi theo thân, chạy theo, vận hành theo thân ở mỗi một kiếp sống. Vi A-la-hán không phải là chúa tể, không phải là người chủ, không có quyền hành ở nơi ấy. Thưa Ngài Nãgasena, vì lý do gi mà đối với vị A-la-hán, mệnh lệnh hay là uy quyền không vận hành ở thân? Ve việc này, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do. -Tâu Đại vương, giống như những chúng sanh nào đó là được nương tựa vào trái đất, tất cả bọn họ nương vào trái đất mà di chuyển, sinh sống, quyết định lối cư xử. Tâu Đại vương, phải chăng mệnh lệnh hay là uy quyền của những người ây vận hành ở trái đát? - Thưa Ngài, tất nhiên không. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm của vị A-la-hán vận hành nương vào thân. Tuy nhiên, đôi với vị A-la-hán mệnh lệnh hay là uy quyên không vận hành ở thân. 3. Thưa Ngài Nâgasena, vì lý do gì mà phàm nhân nhận biết cảm thọ thuộc thân luôn cả thuộc tâm? -Tâu Đại vương, vì tính chát không được tu tập của tâm khiên phàm nhân nhận biết cảm thọ thuộc thân luôn cả thuộc tâm. Tâu Đại vương, giống như con

bò đực bi đói, bị run rẩy, có thể được buộc lại bằng những cọng cỏ không chắc, yếu ớt, nhỏ nhắn, hoặc bằng sợi dây leo. Khi nào con bò đực ấy bị kích độnệ, khi ấy nó ra đi cùng với sợi dây buộc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đoi với tâm chưa được tu tập, cảm thọ sau khi sanh khởi thì làm cho tâm bi kích động. Tâm bị kích động thì uôn cong thân, vặn vẹo, làm thân xoay chuyên. Và người ấy, với tâm chưa được tu tập, run

rẩy, kêu lên, thét lên tiếng kêu ghê rợn. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy phàm nhân nhận biết cảm thọ thuộc thân luôn cả thuộc tâm. Thưa Ngài, vì lý do gì mà vị A-la-hán nhận biết một cảm thọ, thuộc thân không thuộc tôm? -Tâu Đại vương, tâm của vi A-la-hán là đã được tu tập, đã khéo được tu tập, đã được rèn luyện, đã khéo được rèn luyện, biết nghe, có sự phục tùng. Vi ấy, trong khi bị tiếp xúc với cảm thọ khổ, nắm chắc ý nghĩ rằng: uLà vô thuơng", rồi buộc tâm vào cột trụ của định. Được buộc chặt vào cột trụ của định, tâm ấy của vị ấy không rung chuyển, không dao động, được vững chãi, không bi tán loạn. Tuy nhiên, do sự lan rộng sức khuây roi của cảm thọ, thân của vi ấy uốn cong, vặn vẹo, xoay chuyển. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy vi A-la-hán nhận biết một cản)thọ, thuộc thân không thuộc tâm. 4. Thưa Ngài Nâ^asena, về việc trong khi thân dao động mà tâm không dao động được gọi là điều kỳ diệu ở the gian. Ve việc này, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do. -Tâu Đại vương, giống như ở cội cây to lớn khổng lồ có đầy đủ thân, cành cây và lá cây, khi bị vùi dập bởi sức mạnh của gió thì cành cây dao động, phải chăng thân của cây cũng dao động? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ ỵ như thế, vi A-la-hán trong khi bị tiếp xúc với cảm thọ khổ, nắm chắc ý nghĩ rằng: "La vô thuơng", rồi buộc tâm vào cột trụ của định. Được buộc chặt vào cột trụ của định, tâm ấy của vị ấy không rung chuyển, không dao động, được vững chãi, không bị tán loạn. Do sự lan rộng sức khuấy rối của cảm thọ, thân của vị ấy uốn cong, vặn vẹo, xoay chuyển. Tuy nhiên, tâm của vị ây không rung chuyên, không dao động, tợ như thân của cội cây to lớn vậy. Thưa Ngài Nâgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nâgasena, thật là phi thường! Ngọn đèn giáo pháp có hình thức như vầy vào mọi lúc là chưa từng được thấy trước đây bởi trẫm. uCâu hỏi về sự nhận biết cảm thọ của vi A-la-hán55 là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VẺ CHƯỚNG NGẠI CỦA sự CHỨNG NGÔ (Abhisamayantarāyapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, ờ đây có người tại gia nào đó phạm tội cực

nặng,6 người ấy vào lúc khác xuất gia, người ấy tự mình cũng không biết rằng: “Khi là người tại gia, ta đã phạm tội cực nặng95; cũng không có ai nói cho người ấy rằng: 66Khi là người tại gia, ngươi đã phạm tội cực nặng.^ Và người ấy thực hành để chứng dạt Niết-bàn, phải chăng đối với người ấy có thể có sự chứng ngộ giáo pháp? Tâu Đại vương, không có. Thưa Ngài, vì lý do gì? Điều kiện đưa đến sự chứng ngộ giáo pháp của người ấy đã bị đứt đoạn đối với người ấy, do đó không có sự chứng ngộ giáo pháp. -Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói răng: "Đôi với người biêt thì có sự hôi hận. Khi có sự hối hận thì có sự che lấp, khi tâm bị che lâp thì không có sự chứng ngộ giáo pháp." Tuy nhiên, người này trong khi không biết thì đã không sanh lòng hối hận, sống có tâm an tinh, vì lý do gì mà đối với n^ười này thì không có sự chứng ngộ giáo pháp? Câu hỏi này quanh co khúc mác. Xin Ngài suy nghĩ rồi hãy tra lơi. Tâu Đại vương, có phải hạt giống có phẩm chất, được ủ tốt đẹp sẽ nảy mâm ở thửa ruộng màu mỡ, được cày kỹ lưỡng, có bùn non? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, phải chăng chính hạt giông ây có thê nảy mâm ở bê mặt tảng đá cứng? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao cũng hạt giống ấy lại nảy mầm ở bãi bùn, tại sao lại không nảy mầm ở

tảng đá cứng? 2. Thưa Ngài, điêu kiện cho việc nảy mâm của hạt giông ây không có ở tảng đá cứng. Do không có điều kiện, hạt giống không nảy mầm. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với điều kiện nào mà người ấy có sự chứng ngộ giáo pháp, điều kiện ấy đối với người ấy đã bị trừ tuyệt. Do không có điêu kiện thì không có sự chứng ngộ giáo pháp. Tâu Đại vương, hoặc là giống như cây gậy, cục đất, cây côn, cái vồ đi đen việc trụ lại ở trái đất, phải chăng chính các cây gậy, cục đát, cây côn, cái vồ ấy đi đến việc trụ lại ở không trung? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, vậy thì ở đây điều ệì là lý do mà với lý do ấy chính các cây gậy, cục đất, cây côn, cái vồ áy đi đen việc trụ lại ở trái đất? Vì lý do gì chúng không trụ lại ở không trung? -Thưa Ngài, điều kiện cho việc trụ lại của các cây gậy, cục đất, cây côn, cái vồ ấy không có ở không trung. Do không có điều kiện, chúng không trụ lại.

6 Tội cực nặng là từ dịch của từ pãrặịỉka ở văn bản PâIi. Tuy nhiên, tội pãrậịika chỉ dành riêng cho Tỳ-khưu (4 điêu) và Tỳ-khưu-ni (8 điếu), không thấy được áp dụng cho người tại gia; vì thế không xác định được bao gồm những tội nao. Có 2 bản dích tiếng Anh ghi la: Tội giết mẹ, tội giết cha, tội giết A-la-hán, tội làm nhơ Tỳ-khưu-ni, tội làm chảy máu (đức Phạt), nhưng Siông xác quyết. Vì thế tạm dịch tội pãrậịika ở trường hợp này ỉa tội cực nạng.

-Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do tội lỗi ấy điều kiện của sự chứng ngộ đã bi đứt đoạn đối với người ấy. Khi điều kiện đã bị tiêu diệt, do không có điều kiện thì không có sự chứng ngộ. Tâu Đại vương, hoặc là giống như ngọn lửa phát cháy ở đất bằng, tâu Đại vương, phải chăng chính ngọn lửa ấy phát cháy ở trong nước? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì ở đây điều gì là lý do mà với lý do ấy chính ngọn lửa ấy phát cháy ở đất bằng? Vì lý do gì nó không phát cháy ở trong nước? Thưa Ngài, điều kiện cho việc phát cháy của ngọn lửa không có ở trong nước. Do không có điều kiện, nó không phát cháy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do tội lỗi ấy điều kiện của sự chứng ngộ đã bị đứt đoạn đối với người ấy. Khi điều kiện đã bị tiêu diệt, do không có điều kiện thì không có sự chứng ngộ. 3. Thưa Ngài Nāgasena, xin Ngài hãy suy nghĩ lại về ý nghĩa này. Trẫm không có sự tin chác ở tâm vê trường hợp ây là: "Đôi với người không biêt, khi không có sự hối hận, lại có sự che lấp." Hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. Tâu Đại vương, phải chăng chất độc dữ dội đã được ăn vào mặc dầu không biết, cũng lấy đi mạng sống? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc ác đã được làm mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Tâu Đại vương, phải chăng ngọn lửa cũng thiêu đốt người bước lên mà không biết? -Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc ác đã được làm mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Tâu Đại vương, phải chăng rắn độc sau khi cắn người không biết [bản thân đã bị rắn cắn] cũng lấy đi mạng sống? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc ác đã được làm mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Tâu Đại vương, quả là Samanakolañña, vua xứ Kâliủga, được tùy tùng với bảy báu vật, sau khi cỡi lên con voi báu, trong khi đi đến thăm gia đình, mặc dàu không biết cũng đã

không thể di chuyển phía bên trên khu vực cội cây Bồ-đề. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy việc ác đã được làm, mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Thưa Ngài Nâgasena, không thể bác bỏ lý do đã được đấng Chiến Thắng giảng giải. Điều này đúng là ý nghĩa của việc ấy. Trẫm chấp nhận như thế. “Câu hỏi về chướng ngại của sự chứng ngộw là thứ bảy.

MILINDAVẤNĐẠO^ 1005

8. CÂU HỎI VỀ GIỚI HẠNH TỒI (Dussīlapañho) L Thưa Ngài Nãgasena, cái gì là sự phân biệt giữa người tại gia phá giới7 và của Sa-môn phá giới? Cái gì là sự khác biệt? Có phải cả hai hạng này đều có cảnh giới tái sanh giống nhau? Có phải cả hai đều có quả thành tựu giống nhau? Hay là có cái gì đó khác nhau? -Tâu Đại vương, mười đức tính này của vi Sa-môn phá giới là dư thừa cho sự phân biệt với người tại gia phá giới. Và sự cúng dường được trong sạch hơn bởi mười lý do. Mười đức tính nào của vị Sa-môn phá giới là dư thừa cho sự phân biệt với người tại gia phá giới? Tâu Đại vương, ở đây vị Sa-môn phá giới có sự tôn kính đức Phật, có sự tôn kính giáo pháp, có sự tôn kính hội chúng, có sự tôn kính những vị hành Phạm hạnh, ra sức trong việc đọc tụng và học hỏi, có nhiêu sự lăng nghe [da văn]; tâu Đại vương, vị có giới bị hỏng, có giới tồi, đi đến tập thể cũng the hiện tư cách; gìn giữ thân khâu vì sợ sự chê trách; tâm của vi này có sự hướng đến việc nỗ lực; đã đến gần bản thể Sa-môn của vị Tỳ-khưu; tâu Đại vương, trong khi làm điều ác, vị Sa-môn phá giới thực hiện một cách giấu giếm. Tâu Đại vương, giống như người nữ có chồng lén lút rồi thực hiện việc sái quấy một cách vô cùng bí mật. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, trong khi làm điêu ác, vị Sa- môn phá giới thực hiện một cách giấu giếm. Tâu Đại vương, mười đức tính này của vị Sa-môn phá giới là dư thừa cho sự phân biệt với người tại gia phá giới. 2. Sự cúng dường được trong sạch hơn bởi mười lý do nào? Sự cúng dường được trong sạch do việc mang lớp vỏ bọc không tội lỗi; sự cúng dường được trong sạch do việc mang đặc điểm đầu cạo tóc, là biểu hiện Sa-môn của ẩn sĩ; sự cúng dường được trong sạch do việc đã tham gia vào cuộc hội họp của hội chúng; sự cúng dường được trong sạch do việc đi đến nương nhờ đức Phật, giáo pháp và hội chúng; sự cúng dường được trong sạch do việc đã cư ngụ ở tập thể có khuynh hướng nỗ lực; sự cúng dường được trong sạch do việc tàm càu tài sản giáo pháp của đấng Chiến Thắng; sự cúng dường được trong sạch do việc thuyết giảng giáo pháp cao quý; sự cúng dường được trong sạch vì mục đích tôi hậu là việc đi đên hòn đảo giáo pháp; sự cúng dường được trong sạch do có quan điểm hoàn toàn chánh trực về: "Dức Phật là cao c*'; sự cúng dường được trong sạch do việc thọ trì ngày Uposatha. Tâu Đại vương, sự cúng dường được trong sạch hơn bởi mười lý do này. Tâu Đại vương, vị Sa-môn phá giới, mặc dâu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ. Tâu Đại vương, giống như nước, mặc dầu sền sệt5 cũng tẩy sạch bùn, lầy, bụi bặm, vết dơ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ. Tâu Đại vương, hoặc là giống như nước nóng, mặc dầu đã được đun sôi dữ dội, cũng dập tắt được đám lửa lớn đang bốc cháy. Tâu Đại vương, tương tợ y

7 Lẽ ra nên dịch là t4người tại gia có giới hạnh t&i" và uSa-môn có giới hạnh (ND)

như thế, VỊ Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ. Tâu Đại vương, hoặc là giống như thức ăn, mặc dầu vô vi, cũng xua đi sự suy nhược vì cơn đói. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đen ở lời giải thích ve sự phân loại cúng dường ở đoạn Varalañchaka (Dâu ân cao quỷ) thuộc Mcyjhimanikāya (Trung bọ) răng: "Người nào có giới hạnh dâng cúng vật thí [do của cải] đã đạt được hợp pháp đen những kẻ có giới hạnh tồi với tăm khẻo tịnh tỉnf trong khi có đức tin thì quả của nghiệp là tột bực; sự củng dường ấy được trong sạch về phía người thỉ chùy 3. Thưa Ngài Nãgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nâgasena, thật là phi thường! Chúng tôi đã hỏi câu hỏi có chừng ấy, thì Ngài trong khi giải thích nó bằng những ví dụ, bằng những lý lẽ, đã khiến cho vị ngọt của bất tử được lắng nghe. Thưa Ngài, giống như người đầu bếp hoặc học trò của người đầu bếp, sau khi nhận được chừng ấy thịt thì đã sửa soạn với nhiêu vật liệu các loại khác nhau, rồi làm ra món ăn cho đức vua. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, chúng tôi đã hỏi câu hỏi có chừng ấy thì Ngài đã khi giải thích no bằng những ví dụ, bằng những lý lẽ, và đã khiến cho vị ngọt của bất tử được lắng nghe. “Cu hỏi về giới hạnh tồi55 là thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ VIỆC CÓ SINH MẠNG VÀ sự SỐNG CỦA NƯỚC L Thưa Ngài Nâgasena, nước này trong khi được đun nóng ờ ngọn lửa thì kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại. Thưa Ngài Nãgasena, vậy có phải nước sinh tôn? Có phải nước trong khi đùa giỡn thì phát ra âm thanh? Hay là bi vật khác quấy nhiễu thì phát ra âm thanh? Tâu Đại vương, nước dĩ nhiên không sinh tồn. Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Tâu Đại vương, thêm nữa, do tính chất mạnh bạo của lực đốt nóng ở ngọn lửa khiến nước kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại. Thưa Ngài Nâgasena, ở đây một số ngoại đạo khước từ nước lạnh [cho là]: "Nước sinh tồn,5? nên đun nóng nước và thọ dụng vật dơ bẩn. Những người ấy chê trách, xem thường các Ngài rằng: "Các Sạ-môn Thích tử hãm hại sự sống có một giác quan.” Xin Ngài hãy xua đi, đuổi di, loại trừ đi sự chê trách, sự xem thường ấy của họ. -Tâu Đại vương, nước dĩ nhiên không sinh tồn. Tâu Đại vương, không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Tâu Đại vương, thêm nữa, do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại. Tâu Đại vương, giống như nước tụ ở hố, ao, suối, hồ, vũng,

hốc, khe, giếng, trũng, đầm sen bi cạn đi và biến mất vì tính chất mạnh bạo về năng lực của gió và sức nóng, trong trường hợp ấy có phải nước cũng kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiêu loại? Thưa Ngài, không có. 2. - Tâu Đại vương, nêu nước sinh tôn, trong trường hợp ây nước cũng có thê phát ra âm thanh. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này xin Ngài hãy nhận biêt rằng: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại.^ Tâu Đại vương, xin Ngài hãy lắng nghe thêm lý lẽ khác nữa

[nói rằng]: "Không có sự song hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo ve năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh." Tâu Đại vương, khi nước được trộn với các hạt gạo rồi được bỏ vào nồi, đậy lại, chưa đặt lên bếp, trong trường hợp ấy có phải cũng nước phát ra âm thanh? Thưa Ngài, không có. Là không dao động, hoàn toàn yên tĩnh. -Tâu Đại vương, trái lại cũng chính nước ấy được bỏ vào nồi, rồi châm lửa, đặt ở bếp, trong trường hợp ấy có phải nước là không dao động, hoàn toàn yên tĩnh? Thưa Ngài, không đúng. Nó dao động, bị khuấy động, chuyển động, dấy động, bi nôi sóng, di chuyên trên dưới kháp các hướng, trôi lên, trào ra, có màng bọt. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao nước ấy ở trạng thái bình thường lại không dao động, hoàn toàn yên tĩnh? Tại sao khi được đặt ở ngọn lửa thì lại dao động, bi khuấy động, chuyển động, dấy động, bị nổi sóng, di chuyển trên dưới khắp các hướng, có màng bọt? Thưa Ngài, nước ở trạng thái bình thường không dao động. Tuy nhiên, khi đặt ở ngọn lửa, do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này, xin Ngài nhận biêt răng: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh.” 3. Tâu Đại vương, xin Ngài hãy lăng nghe thêm lý lẽ khác nữa [nói răng]: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh." Tâu Đại vương, có phải nước ấy được để vào lu nước ở mỗi nhà rồi đậy lại? -Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, phải chăng nước ấy cũng dao động, bị khuấy động, chuyển động, dấy động, bị nổi sóng, di chuyển trên dưới khắp các hướng, trồi lên, trào ra, có màng bọt?

Thưa Ngài, không có. Nó không dao động, ở trạng thái bình thường, là nước đã được để vào lu nước. -Tâu Đại vương, vậy Ngài có được nghe trước đây là nước ở đại dương dao động, bị khuấy động, chuyển động, dấy động, bị nổi sóng, di chuyển trên dưới khắp các hướng, trồi lên, trào ra, có màng bọt, vươn lên rồi vỗ vào bờ, phát ra âm thanh nhiều loại? Thưa Ngài, đúng vậy. Điều này đã được trẫm nghe trước đây và đã được thấy trước đây là nước ở đại dương vươn lên không trung một trăm cánh tay thậm chí đến hai trăm cánh tay.8 -Tâu Đại vương, tại sao nước được để vào lu nước không dao động, không phát ra âm thanh? Và tại sao nước ở đại dương lại dao động và phát ra âm thanh? Thưa Ngài, nước ở đại dương dao động, phát ra âm thanh vì tính chất mạnh bạo về năng lực của gió. Còn nước được để vào lu nước không bị kích động bởi bất cứ cái gì nên không dao động, không phát ra âm thanh. -Tâu Đại vương, giống như nước ở đại dương dao động, phát ra âm thanh vì tính chất mạnh bạo về nănậ lực của gió, tương tợ y như thế5 nước phát ra âm thanh vì tính chất mạnh bạo vê năng lực đốt nóng của ngọn lửa. Tâu Đại vương, thế không phải cái trống khô ráo được phủ căng tấm da trâu khô ráo, thì phát ra âm thanh? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, phải chăng cũng có sự sông hoặc sinh mạng ở cái trông? Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao cái trống lại phát ra âm thanh?

Thưa Ngài, do sự ra sức phù hợp của người nữ hoặc người nam. -Tâu Đại vương, giống như cái trống phát ra âm thanh do sự ra sức phù hợp của người nữ hoặc người nam, tương tợ y như thế, do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này, xin Ngài nhận biết rằng: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh.,, 4. Tâu Đại vương, giờ đôi với chúng tôi cũng có điêu cân hỏi dành cho Đại vương, như vậy thì câu hỏi này là khéo được giải quyết. Tâu Đại vương, có phải nước ở tất cả các loại noi phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng, hay là phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng chỉ ở một số loại nồi? Thưa Ngài, không phải nước ở tất cả các loại nồi phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng, mà nước phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng chỉ ở một số loại nồi.

8 Hattha (cánh tay) là đơn vị đo chiều dài, bằng 0,5m. Như vậy là 50m và lOOm.

MILINDA VẤN ĐẠO 1009

Tâu Đại vương, như thế thì Ngài đã bỏ rơi cơ hội của mình. Ngài đã quay về lại vấn đề của tôi là: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước?5 5. Tâu Đại vương, nếu nước ở tất cả các loại nồi có thể phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng, thì hợp lý để nói điều này: "Nước sinh t8n.” Tâu Đại vương, bởi vì nước không thuộc về hai trường hợp: "Cái nào phát ra âm thanh, cái ấy sinh tồn. Cái nào không phát ra âm thanh, cái ấy không sinh t8n." Tâu Đại vương, nêu nước có thê sinh tôn thì khi các con long tượng không lô, có thân hình kềnh càng, bị lên cơn, sau khi hút nước lên bằng vòi, bỏ vào miệng, nuốt vào bụng, nước ấy? trong khi được lùa qua kẽ răng của chúng, cũng có thể phát ra âm thanh. Và chiếc thuyền lớn [dài] một trăm cánh tay, nặng nề? loại chở hàng, được chất đày với hàng trăm ngàn kiện hàng, du hành ở đại dương, nước trong khi bi tung tóe bởi những chiếc thuyền cũng có thể phát ra âm thanh. Ngay cả những con cá to lớn khổng lồ có thân hình hàng trăm do-tuần, là cá ông, cá voi, cá ông voi, trong khi cư ngụ với chỗ ngụ cố đinh, chìm vào ở bên trong lòng đại dương, hút vào và phun ra những ngụm nước lớn. Nước ấy, trong khi được lùa qua kẽ răng vào bên trong bao tử của chúng, cũng có thể phát ra âm thanh. Tâu Đại vương, bởi vì nước có thê phát ra âm thanh khi bị chèn ép bởi những sự chèn ép dữ dội có những hình thức thế này thế khác, vì thế "không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước.^ Tâu Đại vương, Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế. 6. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Được hỏi đúng nơi, câu hỏi đã được phân giải với sự phân giải một cách thích đáng. Thưa Ngài Nâgasena, giống như viên ngọc quý ma-ni có giá tri vô cùng lớn lao, sau khi đến với người thợ ngọc ma-ni thành thạo, bậc thầy, khéo léo, được học tập, thì có thể nhận được sự nổi tiếng, sự tán dương, sự ca tụng; hay là viên bảo ngọc trân châu với người thợ ngọc trai, hay là xấp vải quý với người buôn vải, hay là trầm hương đỏ sau khi đến với nhà buôn hương liệu thì có thể nhận được sự nổi tiếng, sự tán dương, sự ca tụng. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, được hỏi đúng nơi, câu hỏi đã được phân giải với sự phân giải một cách thích đáng. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6'Câu hỏi về việc có sinh mạng và sự sống của nước59 là thứ chín. Phẩm Đức Phật được đầy đủ là phẩm thứ

nhất (ở phẩm này có chín câu hỏi)

1010 KINH TIỂU BÔ

n. PHẨM KHÔNG CHƯỚNG NGẠI (NIPR4R4ÑCAK4GGO)

ỉ. CÂU HỎI VỀ PHÁP KHÔNG CHƯỚNG NGẠI (Nippapañcapañho) ỉ. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 6Ny các Tỳ-khiru, các ngươi hãy sống có sự vui thích ờ pháp không chướng ngại, có sự thích thú ờ pháp không chướng ngại?5 Pháp không chướng ngại ấy là pháp nào? Tâu Đại vương, quả vị Nhập lưu là pháp không chướng ngại, quả vị Nhất lai là pháp không chướng ngại, quả vị Bất lai là pháp không chướng ngại, quả vị A-la-hán là pháp không chướng ngại. Thưa Ngài Nâgasena, nếu quả vị Nhập lưu là pháp không chướng ngại, quả vi Nhất lai, quả vi Bất lai, quả vị A-la-hán là pháp không chướng ngại, vậy thì tại sao các vị Tỳ-khưu này lại đọc tụng, lại học hỏi về [chín the loại]: Suttam, geyyarn, veyyākaranam, gāthā, udānam, itivuttakam, jātakam, abbhutadhammam, vedallarn^ lại bị chướng ngại vì công trình mới, vì việc bố thí, và vì việc Cling dường? Không lẽ các vị lại tiến hành công việc đã bị đấng Chiến Thắng từ khươc? 2. - Tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu nào đọc tụng, học hỏi vê [chín thê loại]: Suttam, geyyam, veyyākaranam, gāthā, udānam, itivuttakarn, jātakam, abbhutadhammam, vedallam. bị chướng ngại vì công trình mới, vì việc bố

9 ở tài liệu Saddhammasañgaha {Diệu phảp yếu lược) có lời giải thích chi tiết về chín thể loại này như sau: t4Thế nào là có chín phần khi nói về thể (anga)? Bởi VI toàn bộ gồm có chín hình thức khác biệt, đó là Suita, Geyya, Veyyākarana, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, Abbhūtadhamma, Vedalla. Trong trường hợp này, Ubhatovibhañga, Niddesa, Khandhaka, Parivārā, các bài kinh Mañgqlasutta, Ratanasutta,yNalakasutta, Tuvatakasutta trong Suttanipata {Kinh tập), và các lời dạy của đấng Như Lai có tựa đề là kinh {suttam) thì được xếp vao the Sutta. Các bài kinh có xen các bài kệ vào được biết là thể Geyya\ đặc biệt toàn bộ Thiên Có kệ (Sagāthāvagga) trong Kinh Tương ưng bộ là thể Geyya. Toàn bọ tạng Vi diệu pháp, các bài kinh khòng có xen các bài k và các lời dạy khác của đức Phạt không thuộc tam loại trên được xếp vào thể Veyyākarana. Kinh Pháp cú, Trưởng lão Tăng kê, Trưởng lao Ni kê, các bài có tên là kinh nhưng chỉ là kệ trong Suttanipata (Kinh tập) thì được xép vào the Gāthā. Tam mươi hai bài kinh liên quan đến các bài kệ do tuế giác hoan hy được xếp vào thể, Uo. Môt trăm mười hai bài kinh được giới thiệu bằng: 4 Vuttam h fetarn Bhagavatā tf (Đức Thế Tôn thuyết về điều ấy như vầy) thì được xép vào thể Itivuttaka. Năm trăm năm mươi Bổn sanh bắt đầu bằng Bổn sanh 'Apannaka9 được xếp vào thể Jātaka. Tất cả các bài kinh liên quan đến pháp kỳ diệu phi thường và được giới thiệu như sau: /Này các Tỳ-khưu, có bốn pháp kỳ diệu phi thương ơ Ananda\ được xếp vào thể Abbhutadhammā. Tất ca các bài kinh được hỏi và được liên tục ghi nhận trong sự hiểu biết và hoan hỷ như các bài kinh Cullavedalla, Mahāvedalla, Sammāditthi, Sakkapañhā, Sañkhāra-bhājaniya, Mahāpunnama, v.v... được xếp vào thể Vedalla. Như thế khi đề cập đen 'the9 thì có chín phần" {Saddhammasañgaha - Diệu pháp yếu lược, chương I, câu 28).

thí, và VÌ việc cúng dường, tất cả những vị ấy làm nhằm đạt được pháp không chướng ngại. Tâu Đại vương, những vi nào được trong sạch tự bản chất, có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chặp tâm thì có được pháp không chướng ngại. Trái lại, những vi Tỳ-khưu nào với tầm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy có được pháp không chướng ngại với các sự gắng sức này. Tâu Đại vương, giống như một người nam sau khi gieo hạt giống ở thửa ruộng, roi trông trọt cây lua băng sức mạnh va no lực cua ban than, không can tường thành và hàng rào. Một người nam [khác] sau khi gieo hạt giống ở thửa ruộng, thì đi vào rừng chặt cành cây và nhánh cây làm hàng rào và tường, rồi trồng trọt cây lúa; trong trường hợp ấy việc tầm cầu hàng rào và tường thành của người ấy là vì mong muốn đạt được cây lúa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những vị nào được trong sạch tự bản chất có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vi ấy trong một chặp tâm thì có được pháp không chướng ngại, tợ như người nam có sự trồng trọt cây lúa không cần hàng rào và tường thành. Trái lại, những vi Tỳ-khưu nào với tầm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy có được pháp không chướng ngại với các sự gang sức này, ví như người nam có sự trồng trọt cây lúa sau khi đã làm hàng rào và tường thành. Tâu Đại vương, hoặc là giống như có chùm trái ở ngọn cây xoài cao to vĩ đại, rồi một người nào đó có thần thông, sau khi đi đến nơi ấy có thể hái trái của cây ấy. Trái lại, tại nơi ấy người nào không có thần thông, người ấy chặt cành cây và dây leo rồi buộc thành cái thang, nhờ nó leo lên cây ấy, rồi hái trái; trong trường hợp ấy, việc tầm càu cái thang của người ấy là vì mong muốn đạt được trái cây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những vị nào được trong sạch tự bản chất có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chặp tâm thì có được pháp không chướng ngại, tợ như người có than thông hái được trái cây. Trái lại, những vị Tỳ-khưu nào với tầm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy chứng ngộ các chân lý với các sự gắng sức này, tợ như người nam hái được trái cây nhờ vào cái thang. 3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như một người nam là người làm theo chỉ tiêu, chỉ một mình đi đến gặp người chủ rồi hoàn thành chỉ tiêu. Một người [khác] có tài sản, phát triển đồ chúng nhờ vào năng lực của tài sản, rồi hoàn thành chỉ tiêu cùng với đồ chúng; trong trường hợp ấy việc tầm cầu đồ chúng của người ấy là vì mong muốn đạt được chỉ tiêu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, những vị nào được trong sạch tự bản chát, có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chặp tâm thì đạt được bản thể năng lực ở sáu thắng trí ví như người nam một mình thực hiện việc thành tựu chỉ tiêu. Trái lại, những vị Tỳ-khưu nào với tầm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy hoàn thành mục tiêu của bản thể Sa-môn với các sự gắng sức này, tợ như người nam thực hiện việc thành tựu chỉ tiêu cùng với đồ chúng.

1012 KINH TIỂU Bộ

4. Tâu Đại vương, việc đọc tụng cũng có nhiều lợi ích, việc học hỏi cũn^ có nhiều lợi ích, việc xây dựng công trình mới cũng có nhiều lợi ích, việc bo thí cũng có nhiều lợi ích, việc cúng dường cũng có nhiều lợi ích cho những người này, những người nọ có công việc cần phải làm. Tâu Đại vương, giống như người nam hầu cận đức vua, có công việc

đã được hoàn thành nhờ vào các quan đại thần, nhân công, binh lính, người giữ cổng, lính gác, quần thần, dân chúng, đối với người ấy khi công việc cần làm chưa đạt được thì tất cả những người ấy đều là những sự trợ giúp. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc đọc tụng cũng có nhiều lợi ích, việc học hỏi cũng có nhiều lợi ích, việc xây dựng công trình mới cũng có nhiều lợi ích, việc bố thí cũng có nhiều lợi ích, việc cúng dường cũng có nhiều lợi ích cho những người này, những người nọ có công việc cần phải làm. Tâu Đại vương, nêu tát cả đêu được thanh tịnh ở dòng dõi, có thê không có việc cần phải làm với việc chỉ dạy. Tâu Đại vương, và bởi vì có việc cần phải làm với việc lắng nghe. Tâu Đại vương. Trưởng lão Sāriputta có thiện căn đã được tích lũy liên quan đến vô lượng kiếp, không thể đếm được, đã đạt đến tột đỉnh của trí tuệ, ngay cả vị ây không có sự lăng nghe cũng không thê đạt được sự diệt tận các lậu hoặc. Tâu Đại vương, vì thế việc lắng nghe cũng có nhiều lợi ích, việc đọc tụng, việc học hỏi cũng như thế. Vì thế, việc đọc tụng và học hỏi là pháp không chướng ngại, là pháp không tạo tác. Thưa Ngài Nâgasena, câu hỏi đã được giải quyết khéo léo. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. í6Câu hỏi về pháp không chướng ngi" là thứ nhất

2. CÂU HỎI VÈ NGƯỜI TẠI GIA CHỨNG A-LA-HÁN (Gihī-arahantapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói rằng: 6'Người tại gia nào đạt đến phẩm vi A-la-hán, đối với vi này chỉ có hai lối đi không có lối khác^ Xuất gia nội trong ngày ấy, hoặc viên tịch Niết-bàn; ngày ấy là không thể vượt qua." Thưa Ngài Nâgasena, nếu vi ấy, trong ngày hôm ấy, không có được thầy tuyên ngôn, hoặc thầy tế độ, hoặc y và bình bát, có phải vị A-la-hán ấy có thể tự mình xuất gia, hoặc có thể để cho ngày ấy trôi qua? Hoặc có vị nào khác, là A-la-hán, có thần thông, đi đến rồi cho vị ấy xuất gia? Hoặc có thể viên tịch Niết-bàn? -Tâu Đại vương, vị A-la-hán ấy không thể tự mình xuất gia, trong khi tự mình xuất gia thì phạm vào việc trộm cắp [hình tướng]. Và không thể để cho ngày ấy trôi qua. Nấu có thể hoặc không thể có việc đi đến của vị A-la-hán khác, thì sẽ viên tịch Niết-bàn nội trong ngày ấy. 2. - Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì bản thể an tinh của vị A-la-hán là bị bỏ di, bởi vì có sự lấy đi mạng sống của vị đã chứng đắc.

MILINDAVẤNĐẠO 1013

-Tâu Đại vương, hình tướng tại gia là không tương xứng. Khi hình tướng là không tương xứng, do tính chất yếu ớt của hình tướng, người tại gia đạt được phẩm vi A-la-hán [phải] xuất gia, hoặc viên tịch Niết-bàn nội trong ngày ấy. Tâu Đại vương, điều ấy không phải là sự sai trái của phẩm vị A-la-hán, điều ấy là sự sai trái của hình tướng tại gia, tức là tính chất yếu ớt của hình tướng. Tâu Đại vương, giống như vật thực là vật hộ trì tuổi thọ, là vật duy trì mạng sống của tất cả chúng sanh, nhưng lại lấy đi mạng sống của người có bao tử không điều hòa, có sự hấp thụ trì trệ yếu đuối, vì không tiêu hóa được. Tâu Đại vương, điều ấy không phải là sự sai trái của vật thực, điều ấy là sự sai trái của bao tử, tức là tính chất yếu ớt của lửa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi hình tướng là không tương xứng, do tính chất yếu ớt của hình tướng, người tại gia đạt được phẩm vi A-la-hán [phải] xuất gia, hoặc viên tịch Niết-bàn nội trong ngày ây. Tâu Đại vương, điêu ây không phải là sự sai trái của phàm vị A-la-hán, điều ấy là sự sai trái của hình tướng tại gia, tức là tính chất yếu ớt của hình tướng. 3 Tâu Đại vương,

hoặc là giống như cọng cỏ nhỏ nhoi khi bị tảng đá nặng đặt lên trên, thì bị dập nát, đổ xuống vì tính chất yếu ớt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người tại gia đạt được phàm vi A-la-hán, vì hình tướng ây không thê nâng đỡ phàm vị A-la-hán nên [phải] xuất gia nội trong ngày ây, hoặc viên tịch Niết-bàn. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam không có sức mạnh, yếu đuối, có dòng dõi thấp kém, phước báu nhỏ nhoi, sau khi đạt được vương quốc to lớn khổng lồ, trong khoảnh khắc sẽ sụp đổ, tiêu hoại, thối lui, không thể duy trì vương quyền. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người tại gia đạt được phẩm vị A-la-hán, vì hình tướng ấy không thể nâng đỡ phẩm vị A-la-hán nên [phải] xuất gia nội trong ngày ấy, hoặc viên tịch Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về người tại gia chúng A-la-hánw là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ Sự THẤT NIỆM CỦA VỊ A-LA-HÁN (Arahato satisammosapaũhò) 1. Thưa Ngài Nãgasena, có sự thất niệm đối với vi A-la-hán? -Tâu Đại vương, các vi A-la-hán có các sự thất niệm đã được xa lìa. Đối với các vị A-la-hán không có sự thất niệm. Thưa Ngài, phải chăng vị A-la-hán có thể vi phạm tội?

-Tâu Đại vương, đúng vậy. -về sự việc gì? -Tâu Đại vương, vê việc làm cóc liêu, vê việc mai môi, vào lúc sái thời

A \ [lâm] tưởng là lúc đúng thời, vê vi đã ngăn [lâm] tưởng là chưa ngăn [vật thực dâng thêm], không phải thức ăn thừa [lầm] tưởng là thức ăn thừa.10 Thưa Ngài Nãgasena, Ngài nói rằng: "Những vị nào phạm tội, những vị ấy phạm bởi hai lý do: Vì không tôn trọng hoặc là do không biết.” Thưa Ngài, có phải việc vị A-la-hán phạm tội là vì vị A-la-hán có sự không tôn trọng? -Tâu Đại vương, không đúng. Thưa Ngài Nãgasena, nếu vị A-la-hán phạm tội, và không cố sự không tôn trọng ở vị A-la-hán, như thế thì có sự thất niệm ở vị A-la-hán? -Tâu Đại vương, không có sự thất niệm ở vi A-la-hán, và có việc vị A-la- hán phạm tội. Thưa Ngài, như thế thì xin Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. ở đây, cái gì là lý do? 2. - Tâu Đại vương, đây là hai loại ô nhiễm: "Tội lỗi đối với thế gian và tội lỗi do sự quy djnh." Tâu Đại vương, tội lỗi đối với thế gian là việc nào? Mười loại nghiệp bất thiện. Việc này được gọi là tội lỗi đối với thế gian. Tội lỗi do sự quy đinh là việc nào? Việc nào ở thế gian là không đúng đắn, không hợp lẽ đối với hàng Sa-môn9 nhưng không phải là tội lỗi đoi với hàng tại gia, trong trường hợp ấy đức Thế Tôn quy định điều học cho các đệ tử, cho đến trọn đời không được vượt qua. Tâu Đại vương, vật thực sái giờ không là tội lỗi đối với thế gian, điều ấy là tội lỗi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Việc làm tổn thương thảo mọc không la tôi loi đoi vơi the gian, điêu áy la tôi lôi ở giao pháp của đang Chiến Thắng. Việc chơi giỡn ở trong nước không là tội lỗi đối với thế gian, điều ấy là tội lỗi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Tâu Đại vương, các hình thức như the và tương tợ là các tội lỗi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Việc này được gọi là tội lỗi do sự quy định. Loại ô nhiễm nào là tội lỗi đối với thế gian, bậc lậu tận không thể vi phạm việc ấy; còn loại ô nhiễm nào là tội lỗi do sự quy định, trong khi không biết, có thể vi phạm việc ấy. Tâu Đại vương, đối với một vi A-la-hán thì không có trình độ để biết tất cả, bởi vì đối với vị ấy

không có năng lực để biết tất cả. Tâu Đại vương, đối với vi A-la-hán tên họ của những người nữ người nam là không được biết; đối với vi ấy đường xá ở trái đất là không được biết. Tâu Đại vương, một vị A-la-hán có thể chỉ biết về sự giải thoát. Vị A-la-hán có sáu thăng trí có thê biêt vê lãnh vực của mình. Tâu Đại vương, chỉ có đức Như Lai, đấng Toàn Tri là biết tất cả. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Tram chấp nhận điều này đúng theo như vậy. "Câu hỏi về sự thất niệm của vị A-la-hán^ là thứ ba.

10 Các tội theo thứ tự là: Sañghādisesa 6, sañghādisesa 5, pãcittỉya 37 (thọ thực lúc sái thời) và 85 (đi vào làng lúc sải thời), pãciít^a 36, pãcittiya 35. (ND)

4. CÂU HỎI VÈ VẬT THẺ KHÔNG có ở THẾ GIAN (Loke natthibhāvapañho) 1. - Thưa Ngài Nāgasena, chư Phật được thấy ờ thế gian, chư Phật Đóc Giác được thấy, các đệ tử của đức Như Lai được thấy, các vi Vua Chuyến Luân được thấy, các vi vua của các xứ sở được thay, chư thiên và loài người được thấy, những người có tài sản được thấy, những người không có tài sản dirge thấy, những người may mắn được thấy, những ngiròi bất hạnh được thấy, tướng trạng người nữ xuất hiện ở người nam được thay, tướng trạng người nam xuất hiện ở người nữ được thấy, hành động khéo làm và vụng làm được thấy, các chúng sanh thọ hưởng quả thành tựu của các nghiệp thiện và ác được thấy. Có ở the gian các chúng sanh hạng noãn sanh, hạng thai sanh, hạng thấp sanh, hạng hóa sanh; có các chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân. Có ở thế gian các hàng da-xoa? quỷ sứ, người dạng(juỷ? a-tu- la, người khổng lồ, can-that-ba, nga quy, yêu tinh; có các hạng chim đau người, rắn chúa, long vương, điểu vương, thây phù thủy, thầy pháp; có các loài voi, ngựa, bò, trâu, lạc đà, lừa, dê, cừu, nai, heo rừng, sư tử, cọp, beo, gấu, chó sói, linh cẩu, chó hoang, chó rừng; có nhiều loại chim; có vàng, bạc, ngọc trai, ngọc ma-ni, vỏ sò, đá, san-ho? hồng ngọc, ngọc mắt mèo, ngọc bích, kim cương, pha- le? đồng đen, đồng đỏ, đồng hỗn hợp, đồng thau; có sợi lanh, tơ lụa, bông vải, gai thô, chỉ bố, sợi len; có lúa gạo sāli, lúa gạo, lúa mạch, kê, bắp, đậu varaka, lúa mì, đậu tây, đậu māsā, mè, đậu tằm; có hương của rễ cây, hương của lõi cây, hương của giác cây, hương của vỏ cây, hương của lá cây, hương của bông hoa, hươíiệ của trái cây, hương thơm của tát cả các loại; có cỏ dại, dây leo, bụi rậm, cây coi, dược thảo, cổ thụ, sông, núi, biển, cá, rùa. Tất cả có ở thế gian. Thưa Ngài, vật gì không có ở thế gian, xin Ngài hãy nói về vật ấy cho trẫm. 2. - Tâu Đại vương, ba vật này không có ở thế gian. Ba vật nào? Vật có tâm thức hoặc không có tâm thức mà không già hoặc không chết là không c6, tính chát thường còn của các hành là không có, cái được thừa nhận là chúng sanh theo ý nghĩa rốt ráo là không có. Tâu Đại vương, đây là ba vật không có ở the gian. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. "Câu hỏi về vật thể không có ờ thế gian" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VÈ VẬT KHÔNG SANH RA DO NGHIỆP (Akammafādipañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, các vật sanh ra do nghiệp đươc thấy ờ thế gian, sanh ra do nhân được thấy, sanh ra do mùa tiết được thấy. ở thế gian vật gì không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết, xin Ngài hãy nói về vạt ấy cho trẫm. -Tâu Đại vương, ở thế gian hai vật này không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không

sanh ra do mùa tiết. Hai vật nào? Tâu Đại vương, hư

không không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết. Tâu Đại vương, Niết-bàn không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết. Tâu Đại vương, đây là hai vật không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết. Thưa Ngài Nâgasena, xin Ngài chớ bôi nhọ lời dạy của đấng Chiến Thắng. Không biết thì xin Ngài chớ trả lơi câu hỏi. Tâu Đại vương, tôi nói điều gì mà Đại vương lại nói với tôi như vầy: “Thua Ngài Nâgasena, xin Ngài chớ bôi nhọ lời dạy của đấng Chiến Thắng. Không biết thì xin Ngài chớ trả lời câu hỏi95? Thưa Ngài Nâgasena, cho đến điều này thì vẫn còn hợp lý để nói rằng: “Hu không không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết.” Thưa Ngài Nâgasena, trái lại đạo lộ đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn đã được đức Thế Tôn nói ra cho các đệ tử bằng hàng trăm cách thức. Vậy mà Ngài lại nói như vầy: "Niết-bàn không sanh ra do nhân." Tâu Đại vương, đúng vậy. Đạo lộ đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn đã được đức Thế Tôn nói ra cho các đệ tử bằng hàng trăm cách thức. Tuy nhiên, nhân làm sanh khởi Niết-bàn là không được nói đến. 2. Thưa Ngài Nâgasena, ở đây chúng ta từ chỗ tối đi vào chỗ tối hơn, từ rừng đi vào rừng sâu hơn, từ bụi rậm đi vào bụi rậm hơn, chính là vì cái điều gọi là có nhân đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn, nhưng nhân làm sanh khởi pháp ấy lại không có. Thưa Ngài Nãgasena, nếu có nhân đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn, như thế thì cũng nên mong mỏi về nhân làm sanh khởi Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, hoặc là giống như có người cha của đứa con trai, vì lý do ấy cũng nên mong mỏi về người cha của người cha. Giống như có người thầy của người học trò, vì lý do ấy cũng nên mong mỏi về người thầy của người thầy. Giống như có hạt giống của cái mầm non, vì lý do ấy cũng nên mong mỏi về hạt giốn^ của hạt giống. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, nếu có nhân đưa đên việc chứng ngộ Niết-bàn, như thế thì cũng nên mong mỏi về nhân làm sanh khởi Niết-bàn. Giống như khi có ngọn của thân cây hoặc của dây leo, vì lý do ấy cũng có phần thân, cũng có phần rễ. Thưa Ngài Nãgasena, tương tợ y như thế, nếu có nhân đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn, như thế thì cũng nên mong mỏi về nhân làm sanh khởi Niết-bàn. Tâu Đại vương, Niêt-bàn là không thê làm cho sanh được. Do đó, nhân làm sanh khởi Niết-bàn không được nói đến. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì sau khi đã chỉ cho thấy lý do, Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ theo đó trẫm có thể biết được rằng: "C6 nhân đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn, còn nhân làm sanh khởi Niết-bàn là không c6.” 3. Tâu Đại vương, như thế thì Đại vương hãy nghiêm chỉnh lắng tai, và hãy lắng nghe một cách cẩn thận, tôi sẽ nói lý do trong trường hợp này. Tâu Đại

vương, có phải người nam, với sức mạnh bình thường, từ nơi đây có thể đi đến núi chúa Hy-mã-lạp? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, vậy có phải người nam ây, với sức mạnh bình thường, có thể mang núi chúa Hy-mã-lạp đến đây? -Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có thể nói về đạo lộ đưa đến việc chứng ngộ Niêt-bàn nhưng không thê chỉ cho thây nhân làm sanh khởi Niêt- bàn. Tâu

Đại vương, có phải người nam, với sức mạnh bình thường, có thể vượt qua đại dương bằng thuyền để đi đến bờ xa xa? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, vậy có phải người nam ấy, với sức mạnh bình thường, có thê mang bờ xa xa của đại dương đên đây? _ Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có thể nói về đạo lộ đưa đến việc chứng ngộ Niêt-bàn nhưng không thê chỉ cho thây nhân làm sanh khởi Niêt- bàn. Vì lý do gì? Vì tính chất không bị tạo tác của pháp. Thưa Ngài Nãgasena, có phải Niêt-bàn là không bi tạo tác? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Niết-bàn là không bị tạo tác, không bị tạo ra bởi bất cứ cái gì. Tâu Đại vương, không nên nói Niết-bàn là "được sanh lên9\ hoặc là "không được sanh lên9\ hoặc là usẽ được làm cho sanh hoặc là Uquá khứ", hoặc là "hiện tại”hoặc là uvị lai”hoặc là "được nhận thức bởi mắt", hoặc là "duve nhận thức b&i tai", hoặc là "được nhận thức bởi mũi^, hoặc là "được nhận thức bởi lưỡi9\ hoặc là "được nhận thức bởi than.” 4. Thưa Ngài Nãgasena, nếu Niết-bàn không phải là được sanh lên, không phải là không được sanh lên, không phải là sẽ được làm cho sanh lên, không là quá khứ, không là hiện tại, không là vi lai, không được nhận thức bởi mắt, không được nhận thức bởi tai, không được nhận thức bởi mũi, không được nhận thức bởi lưỡi, không được nhận thức bởi thân. Thưa Ngài Nãgasena, như thế thì Ngài đã chỉ ra Niết-bàn là pháp không c6, có phải là không có Niết-bàn? Tâu Đại vương, có Niết-bàn. Niết-bàn được nhận thức bởi ý. Vị đệ tử của bậc Thánh thực hành đúng đắn với tâm ý trong sạch, hướng thượng, ngay thẳng, không bị ngăn che, không liên hệ vật chất thì nhìn thấy Niết-bàn. Thưa Ngài, vậy Niết-bàn ấy giống cái gì? Cái ấy nên được làm sáng tỏ bằng các ví dụ. Xin Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng các lý lê theo đó pháp có thật là nên được làm sáng tỏ bằng các ví dụ. 5. Tâu Đại vương, có phải có cái gọi là gió? Thưa Ngài, đúng vậy.

Tâu Đại vương, vậy xin Ngài hãy chỉ cho thấy gió qua màu sắc, hoặc qua vi trí, hoặc là vi tế hay thô thiển, hoặc là dài hay ngắn. Thưa Ngài Nāgasena, không thê chỉ cho thây gió được. Gió ây không đáp ứng việc nắm bắt bằng bàn tay hoặc sự đè nén. Tuy nhiên, gió ấy là có. -Tâu Đại vương, nếu không thể chỉ cho thấy gió, như thế thì gió là không có. Thưa Ngài Nâgasena, trẫm biết rằng: "Gi6 là c6." Nó đã đi vào trong tim của trẫm. Nhưng trẫm không có thể chỉ cho thấy gió được. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là có. Nhưng không thể chỉ cho thấy Niết-bàn qua màu sắc, hoặc qua vi trí. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Ví dụ đã khéo được phô bày. Lý lẽ đã khéo được giải thích. "C6 Niết-bàn”, trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6'Câu hỏi về vật không sanh ra do nghiệp55 là thứ năm.

6. CÂU HỎI VÈ VẬT SANH RA DO NGHIỆP VÀ KHÔNG SANH RA DO NGHIỆP (Kammajākammajapañho) 1. Thưa Ngài Năgasena, ờ đây những cái nào là sanh ra do nghiệp, những cái nào là sanh ra do nhân, những cái nào sanh ra do mùa tiêt, những cái nào không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết? 2. - Tâu Đại vương, nhữnẹ chúng sanh nào có suy tư, tất cả các hạng ấy là sanh ra do nghiệp. Lửa và tất cả các thứ được sanh ra từ hạt giống là sanh ra do nhân. Trái đất, núi, nước và gió, tất cả các thứ ấy là sanh ra do mùa tiết. Hư không và Niết-bàn? đây là

hai thứ không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết. Tâu Đại vương, hơn nữa Niết-bàn không nên được nói là "sanh ra do nghiệp95, "sanh ra do nhân”“sanh ra do mùa tiết”, "được sanh len", hoặc là "không được sanh lên,9, hoặc là "sẽ được làm cho sanh hoặc là "quá khứ", hoặc 1A "hiện tại”, hoặc là lai”, hoặc là "được nhận thức bởi mắt", hoặc là "được nhận thức bởi tai", hoặc là "được nhận thức bởi mũi”hoặc là "được nhận thức bởi lu&i", hoặc là "được nhận thức bởi thân". Tâu Đại vương, Niết-bàn là được nhận thức bởi ý, vị đệ tử của bậc Thánh thực hành đúng đắn nhìn thấy Niết-bàn với tâm ý trong sạch. 3. Thưa Ngài Nâgasena, câu hỏi thú vị đã khéo được giải quyết, sự không còn nghi ngờ đã được xác định, sự phân vân đã được chặt đứt, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng. “Câu hỏi về vật sanh ra do nghiệp và không sanh ra do nghiệp95 là thứ sáu.7*

7. CÂU HỎI VỀ THÂY CHÉT CỦA DẠ-XOA (Yakkhamatasarīrapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, có phải ờ thế gian có hạng gọi là dạ-xoa? -Tâu Đại vương, đúng vậy. ở thế gian có hạng gọi là dạ-xoa.

Thưa Ngài, phải chăng các dạ-xoa ấy lìa đời từ sanh chủng ấy? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Các đạ-xoa ấy lìa đời từ sanh chủng ấy. 2. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì tại sao thân xác của các dạ-xoa đã chết ấy không được nhìn thấy, mùi của xác chết cũng không tỏa ra? -Tâu Đại vương, thân xác của các dạ-xoa đã chết ấy được nhìn thấy. Mùi xác chết của chúng cũng tỏa ra. Tâu Đại vương, thân xác của các dạ-xoa đã chết với hình dáng của côn trùng được nhìn thấy, với hình dáng của con kiến được nhìn thấy, với hình dáng của con mối được nhìn thấy, với hình dáng của con châu chấu được nhìn thay, với hình dáng của con rắn được nhìn thấy, với hình dáng của con bọ cạp được nhìn thấy, với hình dáng của con rết được nhìn thấy, với hình dáng của con chim được nhìn thấy, với hình dáng của con thú được nhìn thấy. 3. Thưa Ngài Nâgasena, còn có người nào khác có thể trả lời khi được hỏi câu hỏi này, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy? í6Câu hỏi về thây chết của dxoa” là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ Sự QUY ĐỊNH ĐIỀU HỌC (Sikkhāpadapañňapanapañho) 1. Thưa Ngài Nãạasena, những người đã là những vi thầy ờ thòi quá khứ của các người thay thuốc, tức là: Nārada, Dhanimantarī, Añ^Trasa, Kapila, Kandaraggi, Sāmā, Atula, Pubbakaccāyana. Tất cả các vi thay này cùng một lúc biết một cách trọn vẹn về tất cả các điều ấy là về sự phát sanh của bệnh, sự khởi đầu, bản chất, nguồn sanh khởi, cách chữa trị, việc cần làm, thành công hay không thành công [nghĩ rằng]: cơ thể này chừng này thứ bệnh sẽ phát sanh”, sau đó gom chung lại một mối rồi buộc lại sợi chỉ [đầu mối]. Tát cả những vị này không phải là các bậc Toàn tri. Trái lại, đức Thế Tôn, trong khi là đấng Toàn Tri, với trí tuệ của vi Phật biết được sự việc ờ v| lai rằng: “Trong chừng này sự việc, sẽ phải quy đinh chừng này điều hQC* sau khi xác đinh tại sao Ngài đã không quy đinh điều học một cách toàn diện? Đen khi mỗi một sự việc đã được sanh khởi, tiếng xấu đã rõ rệt, sự sai trái đã lan rộng, đã đi xa, trong khi dân chúng phàn nàn, rồi vào tùng thời điểm một Ngài đã quy đinh điêu học cho các đệ tử? 2. Tâu Đại vương, đối với đức Như Lai, điều này đã được biết đến:66Vào lúc này, trong lúc những

người này đang phàn nàn, một trăm năm mươi điều học có tính cách phụ trội sẽ phải được quy djnh'' Tuy nhiên, đức Như Lai đã khởi ý như vây: Nêu Ta sẽ quy định một trăm năm mươi điêu học có tính cách phụ trội vào một lúc, số đông người sẽ có sự hoảng sợ: "d đây, có nhiều việc cần phải gìn giữ. Quả là việc khó khăn để xuất gia ở giáo pháp của Sa-môn Gotama.^, Thậm chí những người có ý đinh xuất gia cũng sẽ không xuất gia. Và họ sẽ không tin vào lời nói của Ta. Trong khi không tin tưởng, những người

ấy sẽ đi đến chốn đọa đày. Đen khi mỗi một sự việc đã được sanh khởi, sau khi làm cho họ nhận thức nhờ vào sự thuyết giảng giáo pháp, khi sự sai trái đã rõ rệt, thì Ta sẽ quy định điều học. 3. Thưa Ngài Nãgasenạ, thật là kỳ diệu đối với chư Phật! Thưa Ngài Nãgasena, thật là phi thường đối với chư Phật! Trí toàn tri của đức Như Lai lớn lao đến the! Thưa Ngài Năgasena, điều này là như vậy, ý nghĩa này đã khéo được giải thích bởi đức Như Lai. Sau khi nghe rằng: "d dây, có nhiều việc cần phải gìn giữ", sự hoảng sợ có thể sanh khởi ở chúng sanh, thậm chí không có đến một người có thể xuất gia ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 66Câu hỏi về sự quy định điều học59 là thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ Sự CHIẾU SÁNG CỦA MẶT TRỜI (Suriyatāpapañho) ỉ. Thưa Ngài Nãgasena, mặt trời này luôn luôn chiếu sáng thô tháo, hay là vào lúc nào đó thì chiếu sáng yếu ớt? -Tâu Đại vương, mặt trời luôn luôn chiếu sáng thô tháo, và không lúc nào chiếu sáng yếu ớt. Thưa Ngài Nãgasena, nêu mặt trời luôn luôn chiêu sáng thô tháo, vậy thì tại sao mặt trời một đôi khi chiêu sáng thô tháo, một đôi khi chiêu sáng yêu ớt? 2. — Tâu Đại vương, bôn điêu này là bệnh của mặt trời, bị quây nhiêu bởi một bệnh nào đó trong bốn bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt. Bốn bệnh nào? Tâu Đại vương, mây là bệnh của mặt trời, bị quấy nhiễu bởi bệnh ấy, mặt trời chiêu sáng yêu ớt. Tâu Đại vương, sương mù là bệnh của mặt trời, bị quây nhiễu bởi bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt. Tâu Đại vương, mưa là bệnh của mặt trời, bi quấy nhiễu bởi bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt. Tâu Đại vương, nhật thực là bệnh của mặt trời, bị quây nhiêu bởi bệnh ây, mặt trời chiêu sáng yêu ớt. Tâu Đại vương, bôn điêu này là bệnh của mặt trời, bị quây nhiêu bởi một bệnh nào đó trong bốn bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt. Thưa Ngài Nãgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nâgasena, thật là phi thường! Đối với vật có năng lượng thậm chí cho đến mặt trời mà bệnh còn sanh khởi, vậy thì có điều gì đối với những chúng sanh khác? Thưa Ngài, cách phân loại này không có ở người khác, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy. 6'Câu hỏi về sự chiếu sáng của mặt trời" là thứ chín.

10. CÂU HỎI THỨ NHÌ VÈ sự CHIẾU SÁNG CỦA MẶT TRỜI (Suriyatapanapañho dutiyo) 1. Thưa Ngài Nãgasena, tại sao mặt trời chiếu sáng thô tháo vào mùa lạnh, nhưng không như thế vào mùa nắng? 2. Tâu Đại vương, vào mùa nắng, bụi bặm không bị tiêu hoại. Các bụi

phấn bị khuấy động bởi gió, đi vào không trung, thậm chí ở không trung, mây là vô cùng dày đặc, và gió lớn thổi mạnh hơn. Tất cả các điều ấy với nhiều nguồn khác nhau, được tổng hợp lại, che chắn các tia sáng của mặt trời. Vì thế, vào mùa năng, mặt trời chiêu sáng yêu ớt. Tâu Đại vương, trái lại vào mùa lạnh, ở phía bên dưới, trái đất thì lạnh; ở phía bên trên, đám mây lớn được lắng đọng lại, bụi bặm thì yên tịnh; và bụi phấn di chuyển vô cùng êm ả ở không trung, bầu trời không có mây đen, và gió thổi vô cùng yếu ớt. Do sự lắng đọng của những việc này, các tia sáng của mặt trời là trong trẻo, khi mặt trời được thoát khỏi việc bị tổn hại, ánh sáng của nó chiếu sáng cực kỳ. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do, mà với lý do ấy mặt mặt trời chiếu sáng thô tháo vào mùa lạnh, không như thế vào mùa nắng. 3 Thưa Ngài, mặt trời, khi được thoát khỏi tất cả các tai ương thì chiếu sáng thô tháo, khi đồng hành cùng các đám mây, v.v... thì không chiếu sáng thô tháo. 6'Câu hỏi về sự chiếu sáng của mặt trời" là thứ mười. Phẩm Không chướng ngại ỉa phẩm thứ nhì. (ở phẩm này có mười câu hỏi)

m. PHẨM VESSANTARA (VESSANTARAVAGGƠ)

1. CÂU HỎI VÈ VIỆC BỐ THÍ CON CỦA VESSANTARA (Vessantaraputtadānapañho) L Thưa Ngài Nãgasena, có phải hết thảy tất cả các đức Bồ-tát đều bố thí con và vợ, hay là chỉ riêng đức Vua Vessantara đã bố thí con và vợ? -Tâu Đại vương, tất cả các đức Bồ-tát cũng đều bố thí con và vợ, không phải chỉ riêng đức Vua Vessantara đã bố thí con và vợ.11 Thưa Ngài, phải chăng các vị ây bô thí với sự đông ý của những người ây? -Tâu Đại vương, người vợ thì đồng ý. Trái lại, hai đứa bé đã than vãn do bản chát trẻ thơ. Nêu chúng có thê biêt được mục đích, chúng cũng có thê tùy hy, chúng có thể không than vãn. 2. Thưa Ngài Nâgasena, hành động khó làm đã được làm bởi đức Bồ-tát là việc vị ấy đã bố thí những đứa con ruột thịt yêu quý của chính mình để làm nô lệ cho người Bà-la-môn. Việc thứ nhì này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là việc vi ấy đã dửng dưng sau khi nhìn thấy người Bà-la-môn ấy trói lại những đứa con ruột thịt yêu quý dại khờ thơ ấu của chính mình bằng dây rừng và đang đánh đập bằng dây rừng. Việc thứ ba này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là việc đứa bé trai, sau khi đã được thoát khỏi sự trói buộc nhờ vào sức mạnh bản thân, đã đi đến, bị lâm vào sự hoảng sợ, thì vị ấy đã trói bằng dây rừng rồi lại bố thí lần nữa. Việc thứ tư này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là khi đứa bé trai đang than vãn rằng: "Cha ơi, gã dạ-xoa này dẫn chúng con đi để ăn d6", vị ấy đã không an ủi rằng: "Các con chớ hãi sọC' Việc thứ năm này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là trong khi đứa bé trai Jāli đang khóc lóc, nằm mọp xuống ở hai bàn chân, cầu xin rằng: "Cha ơi, thôi đi! Hãy đưa Kanhājinā quay về. Chính con sẽ đi với gã dạ-xoa. Hãy để gã dạ-xoa ăn con di", vị ấy đã không chấp nhận như thế. Việc thứ sáu này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là trong khi đứa bé trai Jāli đang than vãn rằng: "Cha oi, không lẽ trái tim của cha giống

11 Bổn sanh "Vessantara vĩ đại " {Mahāvessantarajātakam), số 547, TTP v, tập 34. (ND)

như hòn đá mất rồi, bởi vì trong khi quan sát chúng con bị đau khổ, đang bị gã dạ-xoa dẫn đi vào trong khu rừng rộng lớn không có bóng người, mà cha không ngăn cản5\ vị ấy đã không thể hiện lòng thương xót. Hơn nữa, việc thứ bảy này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là khi đứa trẻ bị dẫn đi đã đi ra khỏi tầm nhìn, mà trái tim của vị ấy, dầu là vô cùng hoảng hốt, vô cùng kinh hãi. đã không vỡ ra thành trăm mảnh hay ngàn mảnh. Con người mong mỏi phước thiện được cái gì với việc gây khô đau cho kẻ khác? Không lẽ có thể đem cho thân quyến như là vật thí? r r -Tâu Đại vương, do trạng thái đã làm hành động khó làm, tiêng tăm tót đẹp của đức Bồ-tát đã được lan rộng ở mười ngàn thế giới có cả chư thiên và nhân loại. Chư thiên ở cõi trời tán thán, các a-tu-la ở cõi a-tu-la tán thán, các nhân điểu . r con rồng ở long cung ở cõi nhân điểu tán \thán, các • A y tán thán, các dạ-xoa ở ĩ cõi dạ-xoa tán thán, theo tuân tự tiêng tăm tót đẹp của vị ây lân lượt đã đên được cuộc hội họp của chúng ta tại đây vào lúc này hôm nay. Trong khi họ tán thán thì chúng ta lại ngồi bôi bác việc bố thí [ấy suy nghĩ rằng]: '"Đã được bố thí tốt dẹp, hay là đã được bố thí tồi?" Tâu Đại vương, hơn nữa, tiếng tăm tốt đẹp này đây phô bày mười đức tính của các vị Bồ-tát khôn khéo, tri thức, hiểu biết, rành rẽ. Mười đức tính nào? Bản chất không tham muốn, không mong càu, buông xả, dứt bỏ, không quay trở lại, có sự tinh tế, vĩ đại, khó hiểu thấu, khó đạt được, không sánh băng, thuộc vê pháp của vị Phật. Tâu Đại vương, hơn nữa, tiêng tăm tốt đẹp này đây phô bày mười đức tính này của các vi Bồ-tát khôn khéo, hiểu biết, tri thức, rành rẽ. 3. Thưa Ngài Nâgasena, người nào làm cho kẻ khác khô đau roi đem bô thí [như là] vật thí, phải chăng sự bố thí ấy có quả thành tựu là sự an lạc, có thể đưa đến coi trời? Tâu Đại vương, đúng vậy. Có điều gì can phải nói? Thưa Ngài Nâgasena, vậy xin Ngài chỉ cho thấy lý do.

-Tâu Đại vương, ở đây có vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào đó là người có giới, có thiện pháp, vị ấy có thể bị liệt một bên, hoặc què quặt, hoặc mắc phải cơn bệnh nào đó. Roi một người nào đó, mong mỏi phước báu, mới đặt người kia vào chiếc xe rồi đưa đi đến xứ sở đã được ao ước. Tâu Đại vương, phải chăng do nhân ấy có thể có sự an lạc nào đó sanh khởi cho người nam ẩy? Có phải việc làm ấy có thể đưa đến cối trời? Thưa Ngài, đúng vậy. Có điêu gì cân phải nói? Thưa Ngài, người nam ây có thể đạt được phương tiện di chuyển là voi, hoặc phương tiện di chuyển là ngựa, hoặc phương tiện di chuyên là xe, phương tiện di chuyên ở đát liên khi ở đất liền, phương tiện di chuyển ở biển khi ở biển, phương tiện di chuyển của chư thiên khi ở giữa chư thiên, phương tiện di chuyển của loài n^ười khi ở giữa loài người, có thê sanh ra ở cõi này cõi khác thích hợp với điêu ây, phù hợp với điều ấy, và các sự an lạc thích hợp với điều ấy được sanh lên cho vi này, có thể đi đến từ chốn an vui [này] đến chốn an vui [khác], do kết quả của việc làm ấy

thôi, vị ấy có thể cỡi lên phương tiện di chuyển là thần thông và đạt đến thành phố Niết-bàn đã được ao ước. Tâu Đại vương, như thế thì vật thí đã được bố thí cunjg với việc làm kẻ khác khổ đau lại có quả thành tựu là sự an lạc, có thể đưa đến cõi trời, là việc người đàn ông ấy, sau khi gây khổ đau cho những con bò kéo, lại thọ hưởng sự an

lạc có hình thức như thế. Tâu Đại vương, hãy lăng nghe thêm lý do khác nữa nói về vật thí đã được bố thí cùng với việc làm kẻ khác khổ đau lại có quả thành tựu là sự an lạc, có thể đưa đến cõi trời. Tâu Đại vương, ở đây một vị vua nào đó sau khi tăng thuế má một cách hợpjpháp từ nơi xứ sở, rồi do việc ban hành mệnh lệnh mà có thê ban phát tặng phàm. Tâu Đại vương, phải chăng do nhân ấy vi vua ấy có thể thọ hưởng sự an lạc nào đó? Có phải việc bố thí ấy có thể đưa đến cõi trời? Thưa Ngài, đúng vậy. Có điều gì cần phải nói? Thưa Ngài, do nhân ấy vị vua ấy có thể đạt được công đức nhiều trăm ngàn lân thêm hơn nữa là có thể trở thành vi vua vượt trội các vị vua, có thể trở thành vi trời vượt trội các vi trời, có the trở thành vị Phạm thiên vượt trội các vị Phạm thiên, có the trở thành vị Sa-môn vượt trội các vị Sa-môn, có thể trở thành vị Bà-la-môn vượt trội các vi Bà-la-môn, có thể trở thành vị A-la-hán vượt trội các vị A-la-hán. -Tâu Đại vương, như thế thì vật thí đã được bố thí cung với việc làm kẻ khác khổ đau lại có quả thành tựu là sự an lạc, có thể đưa đến cõi trời, là việc vị vua ấy sau khi áp bức dân chúng bằng thuế má rồi với tặng phẩm đã được ban phát thì thọ hưởng sự an lạc về danh vọng có hình thức như thế thêm hơn nữa. 4. Thưa Ngài Nâgasena, vật thí vượt trội đã được đức Vua Vessantara bố thí, là việc vị ấy đã bố thí vợ của mình để làm vợ của kẻ khác, đã bố thí những đứa con ruột thịt của mình để làm nô lệ cho người Bà-la-môn. Thưa Ngài Nâệasena, vật thí vượt trội đã bị lên án, đã bị chê trách bởi các bậc hiểu biêt ở the gian. Thưa Ngài Nâgasena, giống như bởi vật nặng quá tải mà cái trục của chiếc xe kéo bị gãy, vì vật nặng quá tải mà thuyền chim, vì đã được ăn quá nhiều mà vật thực trở thành khôíiệ tiêu, do mưa quá nhiều mà thóc lúa bị hư hại, do sự bố thí quá nhiều mà đưa đen việc khánh tận tài sản, do quá nóng mà phát cháy, do ái luyến quá mức mà trở thành kẻ điên, do quá sân mà trở thành đáng chết, do quá si mê mà lâm cảnh bất hạnh, do quá tham mà đi đến việc bi cướp bắt giữ, do quá sợ hãi mà bi tiêu hoại, do quá đầy mà sông tràn bờ, do gió quá mức mà sét đánh, do quá lửa mà cơm trào, do việc đi lang thang quá mức mà không sống lâu. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, vật thí vượt trội đã bị lên án, đã bị chê trách bởi các bậc hiểu biết ở the gian. Thưa Ngài Nãệasena, vật thí vượt trội đã được đức Vua Vessantara bố thí, trong trường hợp ấy không có bất cứ quả báo nào là được mong mỏi. 5. - Tâu Đại vương, vật thí vượt ưội đã được ngọri khen, tán dương, ca tụng bởi các bậc hiểu biết ở thế gian. Bất cứ những ai bố thí vật thí như the này hay

như thế nào, thì người bố thí vật thí vượt trội đạt được tiếng tăm ở thế gian. Tâu Đại vương, giống như rễ cây rừng thuộc về cõi trời, với tính chất cao quý vượt trội, đã được nắm vào thì không bị những người khác thậm chí đứng trong tầm tay nhìn thấy; thuốc chữa bệnh với phẩm chất vượt trội là vật tiêu diệt sự đau đớn, làm chấm dứt các căn bệnh; ngọn lửa với ánh sáng vượt trội thì đốt cháy; nước với tính chất mát lạnh vượt trội thì dập tắt; hoa sen với tính chất trong sạch vượt trội thì không bị bùn nước làm lấm lem; ngọc ma-ni với đức tính vượt trội là vật ban cho điều ước; kim cương với tính chất vô cùng sắc bén thì xuyên thủng ngọc ma-ni, ngọc trai, ngọc pha-lê; trái đất với tính chất vô cùng to lớn thì nânệ đỡ con người, rắn, thú rừng, chim, nước, đá, núi, cây cối; biển cả bởi tính chát vô cùng rộng lớn mà không bị đây tràn; núi Sineru do sức

nặng vượt trội mà không bị dao động; bầu trời do tính chất cực kỳ rộng lớn là vô biên; mặt trời với ánh sáng vượt trội tiêu diệt sự tăm toi; sư tử do dòng dõi vượt trội không còn sợ hãi; võ sĩ đấu vật do có sức mạnh cực kỳ quật ngã đối thủ một cách nhanh chóng; đức vua với phước báu vượt trội là vị chúa tể; vị Tỳ-khưu với giới hạnh vượt trội đáng được cúi chào bởi các hạng rồng, dạ-xoa, loài người và chư thiên; đức Phật do tính chất cực kỳ cao cả là không kẻ tương đương. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vật thí vượt trội đã được ngợi khen, tán dương, ca tụng bởi các bậc hiểu biết ở thế gian. Bất cứ những ai bố thí vật thí như thế này hay như thế nào, thì người bố thí vật thí vượt trội đạt được tiếng tăm ở thê gian. Với sự bố thí vượt trội, đức Vua Vèssantara đã được ngợi khen, tán dương, ca tụng, trọng vọng, tiếng tăm ở trong mười ngàn thế giới. Chính nhờ vào sự bố thí vượt trội ấy, đức Vua Vèssantara giờ đây hôm nay đã được trở thành đức Phật, là bậc cao cả ở thế gian có cả chư thiên. Tâu Đại vương, phải chăng ở trên thế gian có loại vật thí là cần được đình chỉ, là không nên được bố thí cho người xứng đáng sự cúng đường, cho người đã đi đến? 6. Thưa Ngài Ngasena, mười sự bô thí này ở thê gian kh6ng được xem là bố thí. Người nào bo thí những vật thí này, nệười ấy có sự đi đen địa ngục. Mười sự bố thí nào? Thưa Ngài Nâgasena, sự bô thí chất say ở thế gian không được xem là bố thí. Người nào bố thí vật thí ấy, người ấy có sự đi đến địa ngục. Sự bố thí hôi hè... (nt)... Sự bố thí người nữ... (nt)... Sự bố thí bò đực... (nt).. Sự bố thí tranh ảnh [khêu gợi]..(nt)... Sự bố thí vũ khí... (nt)... Sự bố thí thuốc độc... (nt)... Sự bố thí xích xiềng... (nt).. Sự bố thí gà heo... (nt)... Thưa Ngài Nâgasena, sự bố thí cách ệian lận vê cân và cách gian lận về đo lường ở thế gian không được xem là bo thí. Người nào bố thí vật thí ấy, người ấy có sự đi đến địa nậục. Thưa Ngài Nãệasena, mười sự bố thí này ở thế gian không được xem là bố thí. Người nào bo thí những vật thí ấy, người ấy có sự đi đến địa ngục. 7. - Tâu Đại vương, tôi không hỏi Ngài vê việc không được xem là bô thí. Tâu Đại vương, tôi hỏi Ngài về điều này. Tâu Đại vương, phải chăng ở trên thế gian có loại vật thí là cần được đình chi, là không nên được bố thí cho người xứng đáng sự cúng đường đã đi đên?

1026 KINH TIỂU BÔ

Thưa Ngài Nāgasena, ở trên thê gian không có loại vật thí là cân được đình chỉ5 là không nên được bố thí cho người xứng đáng sự cúng đuờng đã đi đến. Khi sự tịnh tín của tâm được sanh khởi, một sô người dâng vật thực đên các bậc đánẹ cung dường, mọt so người dang y ao, mọt so người dânệ giường năm, mọt so người dâng chỗ ngụ, một số người dâng tấm trải và tấm đáp, một số người dâng tôi trai tớ gái, một số người dâng ruộng vườn, một số người dâng thú hai chân hoặc bốn chân, một số người dâng trăm, ngSn, trăm ngàn(tòng, một số người dâng vương quốc rộng lớn, một số người bô thí luôn cả mạng sông. -Tâu Đại vương, nếu một số người bố thí luôn cả mạng sống, thì vì lý do gì Ngài lại công kích thí chủ Vèssantara quá dữ dội về việc đã khéo bố thí các con và vợ. Tâu Đại vương, phải chăng có thói thường ở thế gian, tập quán ở the gian là người cha bi mắc nợ hoặc không có kế sinh nhai thì được cầm cố hoặc bán đi người con trai? Thưa Ngài, đúng vậy. Người cha bị mắc nợ hoặc không có kế sinh nhai thì được phép đê câm cô hoặc bán đi người con trai. -Tâu Đại vương, nếu người cha bị mắc nợ hoặc không có kế sinh nhai thì được phép để cầm cố hoặc bán đi người con trai. Tâu

Đại vương, đức Vua Vessantara, trong khi không đạt được trí toàn tri, bị buồn rau, bị kho sở, nên đã cầm cố và đã bán đi các con và vợ nhằm đạt được tài sản giáo pháp ấy. Tâu Đại vương, như thế việc đã bố thí bởi đức Vua Vessantara cũng chỉ là việc đã bố thí của những người khác, việc đã làm cũng chỉ là việc đã được làm. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao Ngài lại công kích thí chủ Vèssantara quá dữ dội về việc bố thí ấy? 8. Thưa Ngài Nâgasena, trẫm không chê trách việc bố thí của thí chủ Vessantara. Tuy nhiên, trong khi người ta cầu xin con và vợ thì nên mặc cả và nên bố thí bản thân mình. -Tâu Đại vương, việc ấy không phải là việc làm của người có đức hạnh, là trong khi người ta cau xin con và vợ thì lại bố thí bản thân mình. Bởi vì trong khi người ta cầu xin cái nào thì chính cái ấy nên được bố thí. Đây là hành động của các bậc thiện nhân. Tâu Đại vương, giống như người nam nào đó bảo đem nước đến, người nào đem đến thức ăn cho ông ta, tâu Đại vương, phải chăng người nam ấy là người làm được việc cho ông ta? Thưa Ngài, không đúng. Ông ta bảo đem lại cái gì thì trong khi trao cho ông ta chính cái ấy mới là người làm được việc. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Vua Vessantara trong khi người Bà-la-môn cầu xin các con và vợ thì đã bố thí chính các con và vợ. Tâu Đại vương, nếu người Bà-la-môn cau xin thân xác của Vèssantara, tâu Đại vương, vi ấy sẽ không bảo vệ bản thân mình, không dao động, không bị quyến luyến, đối với vị ấy chính cái vật được bố thí, được xả bỏ, sẽ là thân xác. Tâu Đại vương, nêu ai đó đi đên thí chủ Vessantara và câu xin: "Hãy trở thành nô lệ của ta”thì chính cái vật được bố thí, được xả bỏ, sẽ là thân xác của vị ấy. Sau khi

đã bố thí, vi ấy không bứt rứt. Tâu Đại vương, thân thể của đức Vua Vessantara là chung cho cả so đông. Tâu Đại vương, giống như miếng thịt đã nấu chín là chung cho cả số đông. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thân thể của đức Vua Vessantara là chung cho cả số đông. Tâu Đại vương, hoặc là giống như cây đã được kết trái là chung cho các bây chim khác nhau. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, thân thê của đức Vua Vèssantara là chung cho cả so đông. Vì lý do gì? [Nghĩ rang:] "Trong khi thực hành như vầy, ta sẽ đạt được phẩm vị Chánh đang giác." Tâu Đại vương, giống như người nam không có tài sản tầm cầu về tài sản, trong khi đi lang thang tìm kiếm tài sản thì đi theo lối đi của loài dê, theo lối đi đầy gai góc, theo lối đi nơi hoang dã, tiến hành việc buôn bán ở sông nước hoặc ở đất liền, tom góp tài sản bằng thân, bằng khẩu, bằng y, nỗ lực nhằm đạt được tài sản. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, nhăm sự thành tựu báu vật là trí toàn tri, sau khi buông bỏ tài sản và lúa gạo, tôi trai và tớ gái, thuyền và xe, toàn bộ của cải, các con và vợ của mình luôn cả bản thân cho những người xin xỏ, thí chủ Vèssantara không có tài sản về tài sản của vi Phật, tầm cầu chỉ riêng phẩm vị Chánh đang giác. Tâu Đại vương, hoặc là giống như vị quan đại thần, mong muốn cái dấu ấn, có sự tranh chấp ve dấu an, bất cứ vật gì ở trong nhà như tài sản, lúa gạo, vàng khối, vàng ròng, thậm chí cho đi tất cả các thứ ấy, và nỗ lực nhằm đạt được cái dấu ấn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thí chủ Vessantara sau khi cho đi tát cả tài sản ở bên ngoài và bên trong ây9 còn cho luôn mạng sông của những người khác, và tầm cầu chỉ riêng phẩm vị Chánh đẳng giác. 9. Tâu Đại vương, thêm nữa thí chủ Vessantara đã khởi ý như vầy: "Vật mà người Bà-la-môn cầu xin, trong khi cho chính vật ấy đến gã, ta được

gọi là người làm được viec." Như thế vi ấy đã bố thí các con và vợ đến gã ấy. Tâu Đại vương, thí chủ Vessantara không phải vì ghét bỏ mà đã bố thí các con và vợ đến người Bà-la-môn, không phải vì nghĩ rằng: "Các con và vợ của ta là quá nhiều, ta không thể nuôi dưỡng h" mà đã bố thí các con và vợ? đã không bất mãn [nghĩ rằng]: "Hq không được ta yêu quỷ" mà đã bố thí các con và vợ vì muốn đuổi đi. Khi ấy, vì lòng yêu quý đối với chỉ riêng báu vật là trí toàn tri, vì lý do của trí toàn tri, đức Vua Vessantara đã bố thí đến người Bà-la-môn vật thí quý giá gồm các con và vợ, là vật yêu quý, được ưa thích, được yêu mến, sánh bằng mạng sống, không thể đo lường, bao la, vô thượng có hình thức như thế. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Carỉyãpitaka (Hạnh tạng): "Cả hai người con không có bỉ Ta ghét bỏ, Hoàng hậu Maddĩ không có bi Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vi Toàn giác là yêu quỷ; vì thế Ta đã bố thỉ những người thân yêu." Tâu Đại vương, ở nơi ây, đức Vua Vessantara, sau khi bô thí các con, đã đi

vào gian nhà lá rồi nằm xuống. Vị ấy, bị đau khổ do lòng thương mến quá độ, đã khởi lên cơn sầu muộn mãnh liệt, vùng trái tim đã trở nên nóng, khi mũi không được thông, đã đưa hơi thở ra vào nóng hổi qua đường miệng, các giọt nước mắt, sau khi lăn tròn trở thành những hạt máu đỏ9 đã đi ra từ những con mắt. Tâu Đại vương, với nỗi khổ đau như thế, đức Vua Vèssantara đã bố thí các con [nghĩ rằng]: "Chớ làm suy giảm đạo lộ bố thí của ta." Tâu Đại vương, thêm nữa, đức Vua Vèssantara đã bố thí hai đứa nhỏ cho người Bà-la-môn vì hai điều lợi ích. Hai điều nào? [Nghĩ rằng:] uĐạo lộ bố thí của ta sẽ không bị hư hỏng. Và khi những đứa con nhỏ của ta bị khổ sở vì rễ và trái cây rừng, do nhân này ông nội sẽ giải thoát chiing." Tâu Đại vương, bởi vì đức Vua Vessantara biết rằng: "Hai đứa nhỏ của ta không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Và ông nội sẽ chuộc lại hai đứa nhỏ này. Cuộc hành trình của chúng ta sẽ là như vậy?9 Tâu Đại vương, vì hai điều lợi ích này mà đức Bồ-tát đã bố thí hai đứa nhỏ cho người Bà-la-môn. Tâu Đại vương, hơn nữa, đức Vua Vessantara biết rằng: "Người Bà-la-môn quả đã già, lão, lớn tuổi, yếu đuối, tàn tạ, chống gậy, tuổi thọ đã hết, phước báu ít ỏi; gã này không có khả năng đe sử dụng hai đứa nhỏ này theo loi sử dụng nô lệ?5 Tâu Đại vương, phải chăng nguồi nam với sức mạnh tự nhiên có thể cầm lấy mặt trăng và mặt trời có đại thân lực có đại oai lực này bỏ vào cái hộp hay cái giỏ, làm cho hết ánh sáng, rồi sử dụng theo lối sử dụng cái đĩa? Thưa Ngài, không được. 10. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vessantara được xem như mặt trăng và mặt trời ở thế gian này, hai đứa nhỏ của vị ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vessantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như viên ngọc quý ma-ni của đức Chuyển Luân Vương là rực rỡ, có phẩm chất, đã khéo được gọt giũa thành tám mặt, bề dài bốn cánh tay, có chu vi giống như trục bánh của chiếc xe kéo, không the bị bất cứ ai bao bọc lại bằng mảnh vải rồi bỏ trong cái hộp, và sử dụng theo lối sử dụng đá mài dao. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vessantara được xem như viên ngọc quý ma-ni của đức Chuyển Luân Vương ở thế gian, hai đứa nhỏ của vị ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe

thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vessantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như tượng vương uposatha bị tiết dục ở ba noi, hoàn toàn màu trắng, được vững chãi gấp bảy lần, có chiều cao tám ratana^2 chiều dài và chu vi chín ratana, duyên dáng, đáng nhìn, không thể bi bất cứ ai che đậy lại bằng cái nia hoặc cái vung, hoặc quăng vào trại bò để chăm nom như là con

12 Ratana = 0.25m, đơn vị đo chiều dài. (ND)

bò con. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vessantara được xem như tượng vương uposatha ở thế gian, hai đứa nhỏ của vi ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vèssantara không thể bi bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như đại dương được trải rộng bao la về chiều dài, sâu thẳm, không thể đo lường, khó thể vượt qua, chưa bị thăm dò, không bị che lại, không thể bi bất cứ ai đóng lại tất cả các nơi để tiến hành việc sử dụng bằng một bến tàu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vèssantara được xem như đại dương ở thế gian, hai đứa nhỏ của vị ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vèssantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, ệiống như núi chúa Hy-mã-lạp vươn cao lên không trung năm trăm do-tuần, chiêu dài và chiều rộng ba ngàn do-tuần? được điểm tô với tám mươi bốn ngàn đỉnh núi, là khởi nẹuyên của năm trăm con sông lớn, là chỗ ngụ của những đoàn sinh vật khổng lo, nơi chất chứa các hương thơm nhiều loại, được điểm trang với hàng trăm dược thảo ở cõi trời, được nhìn thấy vươn lên cao như là đám mây ở không trung. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vèssantara được xem như núi chúa Hy-mã-lạp ở thế gian, hai đứa nhỏ của vi ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lôi sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vèssantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn đang cháy sáng ở bên trên đỉnh núi trong đêm tối đen mờ mịt được nhận biết dầu ở rất xa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Vua Vèssantara tợ như khối lửa lớn đang cháy sáng ở đỉnh núi, được nổi tiếng, được nhận biết dầu ở rất xa. Hai đứa nhỏ của vi ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo loi sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vèssantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như ở núi Hy-mã-lạp, vào mùa hoa của cây thiết mộc, khi có ngọn ệió trực chỉ đang thổi thì hương của các bông hoa tỏa ra mười, mười hai do-tuân. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tiếng tăm tốt đẹp của đức Vua Vèssantara cũng được loan truyền và hương thơm cao quý về giới hạnh của vị này tỏa ra một ngàn do-tuần ở các cung điện của chư thiên, a-tu-la, nhân điểu, càn-thát-bà, dạ-xoa? quỷ sứ, rắn chúa, chim đầu người và vi thần Inda, ở khoảng giữa của các nơi ấy cho đến cõi sắc Cứu Cánh, vì thế hai đứa nhỏ của vi ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, Hoàng tử Jālī đã được vua cha Vessantara chỉ dạy là: “Này con yêu,

trong khi ông nội của con trao tài sản cho người Bà-la-môn và chuộc lại con, thì ông nội hãy trao cho ông ta một ngàn đồng tiền vàng rồi chuộc lại.

Trong khi chuộc lại Kanhājinā, thì ông nội hãy trao ra mỗi thứ một trăm là trăm tôi trai, trăm tớ gái, trăm voi, trăm ngựa, trăm bò sữa, trăm bò mộng, trăm đồng tiên vàng, roi chuộc lại. Này con yêu, nêu ông nội của con giành lây các con từ tay của người Bà-la-môn bang mệnh lệnh, bang sức lực, hoặc miễn phí, thì các con chớ làm theo lời nói của ông nội, mà hãy đi theo chính người BS-la-mGn." Sau khi chỉ dạy như thế rồi đã gởi đi. Sau đó, Hoàng tử Jālī đã ra đi, đến khi được ông nội hỏi, đã nói rằng: "Thưa ông, bởi vì cha đã cho con đến người Bà-la-môn với giả một ngàn, còn cô con gái Kanhājinā là bằng tài sản cá nhân và giả của những con voi." Thưa Ngài Nâgasena, câu hỏi đã khéo được tháo gỡ, mạng lưới tà kiến đã khéo được phá vỡ, các học thuyết khác đã khéo được nghiền nát, kiến thức của bản thân đã khéo được giải thích, vấn đề phụ thuộc đã khéo được làm rõ, ý nghĩa đã khéo được phân tích. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. "Câu hỏi về việc bố thí con của Vessanta^ là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ VIỆC HÀNH KHỔ HẠNH (Dukkarakārikāpañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, toàn bộ tất cả các đức Bồ-tát đều thực hiện việc hành khổ hạnh, hay là việc hành khổ hạnh đã được chỉ riêng Bồ-tát Gotama thực hiện? -Tâu Đại vương, không có việc hành khổ hạnh đối với tất cả các đức Bồ- tát. Việc hành khổ hạnh đã được chỉ riêng Bồ-tát Gotama thực hiện. -Thưa Ngài Nâgasena, nếu như vậy thì việc có sự khác biệt giữa các vi Bồ-tát với các vị Bồ-tát là không hợp lý. -Tâu Đại vương, sự khác biệt giữa các vị Bồ-tát với các vi Bồ-tát là bởi bốn sự kiện. Bởi bốn sự kiện nào? Sự khác biệt về dònệ dõi, sự khác biệt về khoảng thời gian, sự khác biệt về tuổi thọ, sự khác biệt ve kích thước. Tâu Đại vương, sự khác biệt giữa các vi Bồ-tát với các vị Bồ-tát là bởi bốn sự kiện này. Tâu Đại vương, tất cả các vị Bồ-tát không có sự khác biệt về vóc dáng, về giới, về đinh, về tuệ, về giải thoát, về trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát, về bốn pháp tự tín, về mười Như Lai lực, về sáu trí không phổ thông [đến các vị Thinh văn], về mười bốn trí của vị Phật, về mười tám pháp của vi Phật, và toàn bộ các đức hạnh của vị Phật. Tất cả chư Phật đều là đồng đẳng về các pháp của vị Phật. 2. Thưa Ngài Nâgasena, nếu tất cả chư Phật đều là đồng đẳng về các pháp của vị Phật, thì vì lý do gì mà việc hành khổ hạnh đã được chỉ riêng Bồ-tát Gotama thực hiện? -Tâu Đại vương, khi trí chưa được chín muồi, khi sự giác ngộ chưa được chín muồi thì đức Bồ-tát Gotama đã ra đi theo hạnh xuất ly. Trong khi đang làm chín muôi trí chưa được chín muôi thì đức Bô-tát đã thực hiện các việc hành kho hạnh.

Thưa Ngài Nāgasena, vì lý do gì mà đức Bồ-tát, khi trí chưa được chín muồi, khi sự giác ngộ chưa được chín muồi, lại ra đi theo hạnh xuất ly? Chẳng phải là nên làm chín muồi trí trước, khi trí đã được chín muồi thì sẽ ra đi? Tâu Đại vương, đức Bô-tát sau khi nhìn thây hậu cung bị lộn xộn, đã có sự ân hận, khi vị ấy có sự ân hận, sự không còn hứng thú đã khởi lên. Sau khi nhận ra tâm không còn hứng thú đã được sanh khởi,

một vị thiên tử nào đó thuộc nhóm của Ma vương [nghĩ rằng]: uĐây quả là lúc để xua đi tâm không còn hứng thii", rồi đã đứng ở không trung và nói lời nói này: "Thua Ngài, thưa Ngài, xin Ngài chớ bất mãn. Vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay, bánh xe báu thuộc cõi trời có ngàn căm, có bánh xe, có trục, được đây đủ mọi bộ phận, sẽ hiện ra cho Ngài. Và các báu vật di chuyển ở trên đất và ngự ở trên trời cũng sẽ tự động di chuyển đến với Ngài, mệnh lệnh từ miệng của một mình Ngài sẽ vận hành ở bốn châu lục và hai ngàn đảo nhỏ phụ thuộc, Ngài sẽ có hơn một ngàn con trai, là những dũng sĩ có dáng vóc và chi thể của người anh hùng, có sự nghiền nát đạo quân đối phương. Được tháp tùng bởi những người con trai ấy, được thành tựu bảy báu vật, Ngài sẽ lãnh đạo bốn châu Iqc.” Tâu Đại vương, ệiống như cái cọc sắt bị đốt lửa nguyên ngày, đang được nung nóng toàn bộ, roi xuyên vào lỗ tai, tâu Đại vương, lời nói ấy đã đi vào lỗ tai của đức Bồ-tát tương tợ y như thế. Tóm lại, vi ấy lúc bình thường vốn đã bị bất mãn, vì lời nói của vị thiên nhân ấy, đã bị dao động, đã bị chấn động, đã đạt đến trạng thái chấn động với mức độ nhiều hơn nữa. Tâu Đại vương, hoặc là giống như khối lửa to lớn khổng lồ đang cháy sáng, được bỏ thêm củi khác vào thì có thể cháy sáng thêm hơn nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, đức Bồ-tát lúc bình thường von đã bị bất mãn, vì lời nói của vi thiên nhân ấy, đã bi dao động, đã bị chấn động, đã đạt đến trạng thái chấn động với mức độ nhiều hơn nữa. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đại địa cầu, bình thường đã bị ẩm ướt, có những vùng cỏ xanh mới mọc, có nước tưới lên, trở thành lầy lội, có thể trở nên lầy lội hơn với mức độ nhiều hơn khi có cơn mưa lớn lại đổ xuống lần nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Bồ-tát lúc bình thường vốn đã bị bất mãn, vì lời nói của vị thiên nhân ấy, đã bị dao động, đã bị chấn động, đã đạt đen trạng thái chấn động với mức độ nhiều hơn nữa. 3. Thưa Ngài Nâgasena, nếu vào ngày thứ bảy bánh xe báu thuộc cõi trời sanh lên cho đức Bồ-tát, có phải khi bánh xe báu thuộc cõi trời được sanh lên thì đức Bồ-tát sẽ quay trở lui lại? -Tâu Đại vương, bởi vì vào ngày thứ bảy bánh xe báu thuộc cõi trời không sanh lên cho đức Bo-tát, thì vị thiên nhân ấy đã nói lời nói dối nhằm khêu gợi lòng tham. Tâu Đại vương, nếu vào ngày thứ bảy bánh xe báu thuộc cõi trời sanh lên thì đức Bồ-tát sẽ không quay trở lui. Vì lý do gì? Tâu Đại vương, đức Bồ-tát đã nắm giữ chắc chắn rằng: “Là vô thuơng', đa nắm giữ chắc chắn rằng: "Là khổ não, là vô ngỗT, đã đạt đến sự cạn kiệt về chấp thủ.

1032 KINH TIÊU Bộ

Tâu Đại vương, giống như nước từ hồ nước Anotatta chảy vào sông Gañgā, từ sông Gañgā chảy vào đại dương, từ đại dương đi vào miệng của lòng trái đất, phải chăng nước ây từ miệng của lòng trái đát có thê quay trở lui lại rồi chảy vào đại dương, từ đại dương chảy vào sông Gañgā, từ sông Gañgā chảy vào lại hồ Aiỉotatta? Thưa Ngài, không thể. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, pháp thiện đã được đức Bồ-tát làm cho chín muồi trong bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiêp vì lý do của lần hiện hữu này. Vị ấy có lần hiện hữu sau cùng đã được đạt đến, có trí giác ngộ đã được chín muồi, sau sáu năm sẽ trở thành đức Phật, đấng Toàn Tri, nhân vật cao cả ở the gian. Tâu Đại vương, có phải đức Bồ-tát có the quay trở lại vì lý do bánh xe báu? Thưa Ngài, không thể. -Tâu Đại vương, thêm nữa, đại địa cầu với rừng với núi có thể lật ngược lại, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh đẳng giác. Tâu

Đại vương, nếu nước của sông Gañgā cũng có thể chảy ngược dòng, nhưng đức Bô-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vi Chánh đẳng giác. Tâu Đại vương, nếu đại dương với sự chứa đựng lượng nước vô hạn, cũng có thê khô cạn như là nước ở dâu chân bò, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phàm vị Chánh đẳng giác. Tâu Đại vương, nêu núi chúa Sineru cũng có thê đô vỡ thành trăm mảnh, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh dẳng giác. Tâu Đại vương, nếu mặt trăng và mặt trời luôn cả các vì sao cũng có the rơi xuống như là cục đất rơi xuống mặt đất, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phàm vị Chánh đăng giác. Tâu Đại vương, nếu bầu trời cũng có thê cuộn tròn như là chiếc chiếu, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phàm vị Chánh đăng giác. Vì lý do gì? Vì trạng thái đã được phá vỡ đối với tất cả các sự trói buộc. 4. - Thưa Ngài Nâgasena, có bao nhiêu sự trói buộc ở thế gian? -Tâu Đại vương, đây là mười sự trói buộc ở thế gian, bị trói buộc bởi những sự trói buộc này chúng sanh không thê ra đi, sau khi ra đi rồi cũng quay trở lui. Mười sự trói buộc nào? Tâu Đại vương, mẹ là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, cha là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, vợ là sự trói buộc ở thê gian. Tâu Đại vương, các con là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, thân quyến là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, bạn bè là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, tài sản là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu Đại vương, lợi lộc và sự tôn vinh là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, quyên uy là sự trói buộc ở thê gian. Tâu Đại vương, năm loại dục là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, đây là mười sự trói buộc ở thê gian, bị trói buộc bởi những sự trói buộc này chúng sanh không thể ra đi, sau khi ra đi rồi cũng quay trở lui. Mười sự trói buộc ây của đức Bô-tát đã bị chặt đứt, đã bị tách ra, đã bị phá vỡ. Tâu Đại vương, vì thế đức Bồ-tát không quay trở lui. 5. Thưa Ngài Nãgasena, nếu đức Bồ-tát, khi tâm không còn hứng thú đã được sanh khởi, do lời nói của vị thiên nhân mà ra đi theo hạnh xuất ly vào lúc trí chưa được chín muồi, vào lúc sự giác ngộ chưa được chín muồi, và do việc hành khổ hạnh đã được thực hiện thì vi ấy có được điều gì? Chẳng lẽ sự chín muồi của trí sẽ được tu tập bởi người đang mong đợi nhờ vào tất cả các loại vật thực? -Tâu Đại vương, mười hạng người này ở thế gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bi chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến. Mười hạng nào? Tâu Đại vương, người nữ là góa phụ ở thế gian bị chê bai, bi khinh thuơng, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến. Tâu Đại vương, người yếu đuối, Tâu Đại vương, người không bạn bè và thân quyến, Tâu Đại vương, người ham ăn, Tâu Đại vương, người chưa sống ở nhà của thầy giáo, Tâu Đại vương, người có bạn ác, Tâu Đại vương, người thấp kém về tài sản, Tâu Đại vương, người thấp kém về tánh hạnh, Tâu Đại vương, người thấp kém về nghiệp, Tâu Đại vương, người tháp kém vê sự găng sức ở thê gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bi chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến. Tâu Đại vương, đây là mười hạng người ở thế gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bi khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đen. Tâu Đại vương, trong khi nhớ lại mười trường hợp này, đức Bồ-tát có ý tưởng như vầy đã sanh kh&i: "Ta chớ có trở thành người thấp kém về

nghiệp, thấp kém về sự gắng sức, bị chu thiên và loài người chê trách. Tốt hơn ta nên là chủ nhân của nghiệp, nên sống không xao lãng, có sự tôn trọng nghiệp, có sự làm chủ đoi với nghiệp, có thói quen ở nghiệp, có hành trang là nghiệp, có chỗ ngụ ở trong nghiep." Tâu Đại vương, đức Bồ-tát trong khi làm chín muồi trí đã thực hiện việc hành khổ hạnh như thế.

6. - Thưa Ngài Nāgasena, đức Bồ-tát? trong khi thực hiện việc hành khổ hạnh, đã nói như vầy: "Do việc hành khổ hạnh nhức nhối này, ta không chứng đắc các pháp thượng nhân, pháp đặc biệt thuộc về trí tuệ và sự thấy biết xứng đáng bậc Thánh; có thể có đạo lộ khác đưa đến sự giác ngO?" Có phải vào lúc ấy đức Bồ-tát đã có sự mất mát về trí nhớ liên quan đến đạo lộ? -Tâu Đại vương, đây là hai mươi lăm pháp làm tâm yêu đuôi, tâm bị chúng làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc. Hai mươi lăm pháp nào? Tâu Đại vương, sự giận dữ làm tâm yếu đuối, tâm bị nó làm yếu đuôi không được tập trung đúng dăn đê diệt trừ các lậu hoặc. Tâu Đại vương, sự thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, bội bạc, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, kiêu căng, đam mê, xao lãng, dã dượi buồn ngủ, uể oải, lười biếng, bạn xấu, các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, sự đói, sự khát, sự không hứng thú làm tâm yếu đuối, tâm bi nó làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn đe diệt trừ các lậu hoặc. Tâu Đại vương, đây là hai mươi lăm pháp làm tâm yếu đuối, tâm bị chúng làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc. Tâu Đại vương, hơn nữa, thân thể của đức Bồ-tát đã bị kiệt que vì sự đói khát, khi thân thể bị kiệt quệ tâm không được tập trung đúng đắn đe diệt trừ các lậu hoặc. Tâu Đại vương, trong bôn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiêp, đức Bô- tát đã theo đuổi sự chứng ngộ về bốn chân lý cao thượng ở những kiêp sống ấy. Vậy thì tại sao ở lần hiện hữu cuối cùng của vị ấy, kiếp sống của sự chứng ngộ, lại có sự mất mát về trí nhớ liên quan đến đạo lộ? Tâu Đại vương, thêm nữa, đức Bồ-tát đã có ý tưởng sanh khởi rằng: "C6 thể có đạo lộ khác đưa đến ệiấc ngO?" Tâu Đại vương, quả là trước đây, đức Bồ-tát, vào lúc một tháng tuổi, ở nơi công trường của người cha và dòng Sakyā, tại bóng mát của cây mận đỏ, tại chiếc giường lộng lẫy, đã ngồi, xếp chân vào thế kiết-già, sau khi tách ly hẳn các dục, tách ly các bất thiện pháp, đạt đến và an trú sơ thiền, có tầm, có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. Trong khi làm chín muồi trí tuệ, đức Bồ-tát đã thực hiện việc hành khổ hạnh. "Câu hỏi về việc hành khổ hạnh" là thứ hai.

3. CÂU HỎI VÈ THIỆN HAY BÁT THIỆN MẠNH HƠN (Kusalākusalabalavatarapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, cái nào trội hon, mạnh hơn, thiện hay là bất thiện? -Tâu Đại vương, thiện là trội hơn, mạnh hơn, bất thiện thì không như vậy. Thưa Ngài Nãgasena, trẫm không chấp nhận lời nói ấy: "Thiện là trội hơn, mạnh hơn, bất thiện thì không như vay." Thưa Ngài Nâgasena, ở đây được thấy những kẻ giết hại mạng sống, lấy vật chưa được cho, có hành vi sai trái trong các dục, nói lời dối trá, tàn phá làng mạc, quân cướp đường, gian lận, lường gạt,

tất cả những kẻ ấy nhận chịu việc bị chặt bàn tay, chặt bàn chân, chặt bàn tay và bàn chân, cắt tai, xẻo mũi, cắt tai và xẻo mũi, [nhúng vào] hũ giấm chua, cạo đầu bôi vôi, đốt lửa ở miệng, thiêu sống, đốt cháy ở bàn tay, lột da thành sợi, mặc y phục vỏ cây, kéo căng thân người ở trên đất, xiên da thịt bằng lưỡi câu, khoét thịt thành đồng tiền, chà xát với chất kiềm, quay tròn ở trên thập tự giá, ngồi ở ghế rơm, rưới bằng dầu sôi, cho những con chó gặm, đặt trên giáo nhọn, chặt đầu bằng gươm tương xứng với tội ác, những ai làm điều ác ban đêm thì gánh chịu hậu quả ngay trong đêm, những ai làm ban đêm thì gánh chịu trong ngày [kế], những ai làm ban ngày thì gánh chịu ngay trong đêm, những ai đã trải qua hai ba ngày thì gánh chịu hai ba ngày, tất cả những người ấy đều gánh chịu hậu quả ngay trong hiện tại. Thưa Ngài Nâgasena, trái lại có phải có người nào đó sau khi bô thí vật thí có cả vật phụ tùng đến một vị, hoặc hai vị, hoặc ba vi, hoặc bốn vị, hoặc năm vị, hoặc mười vị, hoặc một trăm vị? hoặc một ngàn vị, hoặc một trăm ngàn vị9 thì trở thành người hưởng thụ của cải, hoặc danh tiếng, hoặc an lạc, nhờ vào giới hoặc việc hành trai giới trong thời hiện tại? -Tâu Đại vương, có bốn người sau khi bố thí vật thí, sau khi thọ trì giới, sau khi thực hiện việc hành trai giới thì đạt đến danh vọng ở thành phố của chư thiên bằng chính cơ thể thân xác ấy ngay trong thời hiện tại. 2. Thưa Ngài, ai và ai vậy? -Tâu Đại vương, đức Vua Mandhātā, đức Vua Nimi, đức Vua Sādhīna và Càn-thát-bà Guttila. Thưa Ngài Nâgasena, điều ấy rõ ràng là đã trải qua nhiều ngàn đời. Điều ấy cũng là vượt ngoài tầm nhìn của hai chúng ta. Nếu Ngài có khả năng, xin Ngài hãy nói về cuộc đời đang còn tiếp diễn, vào thời điểm đang còn đức Thế Tôn. -Tâu Đại vương, thậm chí ở cuộc đời đang còn tiếp diễn, kẻ nô lệ Punnaka sau khi dâng vật thực đên Trưởng lão Sāriputta thì đã đạt đên địa vi nhà triệu phú ngay trong ngày ấy, vị ấy hiện nay đã được biết là: "Triệu phú Punnaka.,, Hoàng hậu Gopālamātā sau khi bán mái tóc của chính mình, với tám đồng tiền nhận được đã dâng đồ ăn khất thực đến Trưởng lão Mahākaccāyana, [cùng với bảy vị khác] và bản thân Ngài là vị thứ tám, thì đã đạt được ngôi vị hoàng hậu chánh cung của đức vua xứ Udena ngay trong ngày ấy. Nữ cư sĩ Suppiyâ sau khi đã dâng nước súp nấu với thịt đùi của chính mình đến một vi Tỳ-khưu bệnh nọ, thì ngay trong ngày thứ nhì vết thương đã được liền lại, có làn da dẹp, đã được hết bệnh. Mallikādevī, sau khi dâng phân cháo chua của đêm hôm qua đên đức Thê Tôn, đã trở thành hoàng hậu chánh cung của đức vua xứ Kosala ngay trong ngày ấy. Người thợ làm tràng hoa Sumanā, sau khi cúng dường đức Thế Tôn với tám nam hoa nhài, đã đạt được sự thành tựu lớn lao ngay trong ngày ấy. Vi Bà-la-môn Ekasātaka [có độc một tấm vải che thân], sau khi cúng dường đức Thế Tôn với tấm vải khoác ngoài, đã đạt được tất cả mỗi thứ tám món ngay

trong ngày ấy. Tâu Đại vương, tất cả những người này cũng đã hưởng thụ của cải và danh vọng ở thời hiện tại. . .L 3. Thưa Ngài Nâgasena, sau khi chọn lựa và tìm kiêm, có phải Ngài đã thấy chỉ có sáu người? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì chính bất thiện là trội hơn, mạnh hơn, thiện thì không như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, bởi vì chỉ trong một ngày trẫm nhìn thấy mười người nam, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi người nam đang bị đặt trên các giáo nhọn do hậu

quả của nghiệp ác. Trẫm nhìn thấy trăm người nam, ngàn người nam đang bị đặt trên các giáo nhọn do hậu quả của nghiệp ác. Thưa Ngài Nâgasena, người con trai của vị tướng quân thuộc dòng họ Nandā có tên là Bhaddasâla. Cuộc chiến đấu giữa vị ấy và đức Vua Candagutta đã diễn ra ác liệt. Thưa Ngài Nâgasena, hơn nữa trong cuộc chiến đấu ấy, đã có tám mươi thây người cụt đầu ở cả hai đoàn quân. Nghe nói khi một cái giỏ đựng đầu được tràn đầy thì có một thây người cụt đầu đứng dậy. Tất cả những người này lâm vào tai họa và bất hạnh do hậu quả của chính nghiệp ác. Thưa Ngài Nãgasena, cũng vì lý do này mà trẫm nói rằng: "Chính bất thiện là trội hơn, mạnh hơn, thiện thì không như vậy?5 Thưa Ngài Nâgasena, có phải được nghe là trong thời giáo pháp của đức Phật này, vật thí không thể sánh bằng đã được bố thí bởi đức vua xứ Kosala? Tâu Đại vương, đúng vậy. Có được nghe. Thưa Ngài Nâgasena, phải chăng đức vua xứ Kosala, sau khi bố thí vật thí không thể sánh bằng ấy, do nhân ấy đã nhận được của cải hay danh vọng hay sự an lạc nào đó trong thời hiện tại? -Tâu Đại vương, không có. Thưa Ngài Nâệasena, nếu đức vua xứ Kosala, thậm chí sau khi bố thí vật thí không thể sánh bang có hình thức như thế, do nhân ấy đã không nhận được của cải hay danh vọng hay sự an lạc trong thời hiện tại. Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì chính bất thiện là trội hơn, mạnh hơn, thiện thì không như vậy. 4. - Tâu Đại vương, vì tính chất nhỏ nhoi nên bất thiện chuyển biến mau chóng. Do tính chất rộng lớn nên thiện chuyển biến cần thời gian dài. Tâu Đại vương, điều này nên được quan sát bằng ví dụ. Tâu Đại vương, giống như ở xứ sở Aparanta, có giống lúa tên là kumudabhandikā sau một tháng thì được gặt rồi đem vào trong nhà. Các lúa sāli chín sau năm sáu tháng. Tâu Đại vương, vậy thì ở đây có điều gì khác nhau? Giữa lúa kumudabhandikā và các loại lúa sāli có điều gì là khác biệt? Thưa Ngài, vì tính chất nhỏ nhoi của lúa kumudabhandikā và tính chất rộng lớn của các lúa sāli. Thưa Ngài Nâgasena, các lúa sāli là xứng đáng với đức vua, là thực phẩm của đức vua, còn lúa kumudabhandikā là thực phẩm của các nô bộc và những người làm công việc.

-Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vì tính chất nhỏ nhoi nên bất thiện chuyển biến mau chóng. Do tính chất rộng lớn nên thiện chuyển biến cần thời gian dài. Thưa Ngài Nãgasena, trong trường hợp ấy cái nào chuyển biến mau chóng, cái ấy ở thế gian gọi là trội hơn, mạnh hơn. Do đó, bất thiện là trội hơn, mạnh hơn, thiện thì không như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, giông như người lính chiến nào đó, sau khi tiến vào cuộc chiến đấu lớn lao vĩ đại, thì nắm lấy kẻ thù . A r : e L L ở nách, lôi đi, roi mau chóng hơn nữa đưa đên các chủ soái, người lính chiên ây ở thế gian gọi là dũng sĩ tài năng. Và người thầy thuốc nào nhanh chóng lấy ra mũi tên, xua đi cơn bệnh, người thầy thuốc ấy gọi là thông thạo. Người kế toán nào tính toán vô cùng mau lẹ và nhanh chóng phô bày [kết quả], người kế toán ây gọi là thông thạo. Người võ sĩ nào nhanh chóng nhác bông và vật ngã ngửa đối thủ, người võ sĩ ấy gọi là dũng sĩ tài năng. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, cái nào chuyển biến mau chóng, dầu là thiện hay là bất thiện, cái ấy ở thế gian là trội hơn, mạnh hơn. 5. - Tâu Đại vương, luôn cả hai nghiệp ấy đều được cảm thọ trong tương lai. Tuy nhiên, bất thiện do có tội lỗi nên lập tức chịu cảm thọ trong thời hiện tại. Tâu Đại vương, các vi Sát-đế-lỵ trước đây đã thành lập quy đinh

này: "Kẻ nào giết hại mạng sống, kẻ ấy xứng đáng hình phạt; kẻ nào lấy vật chưa cho, kẻ nào đi đến vợ người khác, kẻ nào nói lời dối trá, kẻ nào tàn phá xóm làng, kẻ nào cướp giật đường sá, kẻ nào thực hiện việc gian lận và lường gạt, kẻ ấy xứng đáng hình phạt, nên bị giết chết, nên bị chém, nên bị phanh [thây], nên bị trừng phạt." Căn cứ vào việc ây5 sau khi cân nhác xét đoán, họ gia hình, giêt chết, chém, phanh [thây] và trừng phạt. Tâu Đại vương, phải chăng có điều quy đinh đã được thành lập bởi những ai đó rằng: "Người nào bố thí vật thí, hoặc gìn giữ giới, hoặc thực hiện việc hành trai giới, thì người ấy sẽ được ban thưởng tài sản hoặc danh vẹmg?" Phải chăng sau khi cân nhác xét đoán vê việc ây, họ ban thưởng tài sản hoặc danh vọng, tương tợ như việc giết chết hoặc giam cầm đoi với hành động đã làm của kẻ trộm cướp? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, nêu họ sau khi cân nhác xét đoán có thê ban thưởng tài sản hoặc danh vọng đến các thí chủ, thì thiện cũng có thể được cảm thọ trong hiện tại. Tâu Đại vương, bởi vì họ không cân nhác vê các thí chủ răng: "Chúng ta sẽ ban thưởng tài sản hoặc danh vqng"vì thế thiện không được cảm thọ trong hiện tại. Tâu Đại vương, vì lý do này bất thiện chịu cảm thọ trong hiện tại, và kẻ ấy cảm nhận cảm thọ trội hơn, mạnh hơn ngay trong tương lai. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Thiếu vắng bậc có sự giác ngộ như là Ngài, câu hỏi này đã không khéo được tháo gỡ. Thưa Ngài Nâgasena, việc thuộc về thế gian đã được giảng giải bằng cách vượt trên thế gian. “Câu hỏi về thiện hay bất thiện mạnh hơn” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ VIỆC HỒI HƯỚNG ĐÈN QUYÊN THUỘC ĐÃ QUÁ VÃNG (Pubbapetādisapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, các thỉ chủ này sau khi bố thí vật thí, hồi hướng đến các quyến thuộc đã quá vãng rằng: 66Việc này hãy thành tựu cho những người ây.” Phải chăng những người ấy do nhân ấy nhận được quả thành tựu nào đó? Tâu Đại vương, một số nhận được, một số không nhận được.

Thưa Ngài, những ai nhận được, những ai không nhận được? -Tâu Đại vương, những người đã sanh vào địa ngục không nhận được, những người đã đi đến cõi trời không nhận được, những người đã đi đến bản thể loài thú không nhận được, trong số bốn hạng người đã quá vãng, ba hạng người đã quá vãng không nhận được là hạng chỉ ăn đồ được mửa ra, hạng bị hành hạ bởi sự đói khát, hạng luôn bi dằn vặt bởi sự khao khát. Hạng người đã quá vãng nhận được là hạng sống nhờ vào sự bố thí của người khác, thậm chí những ngườd ấy ngay trong khi nhớ đến cũng nhận được. Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì sự bố thí của các thí chủ đã được làm để hồi hướng đến những người nào, nếu những người ấy không nhận được thì bị uổng phí, thì không có kết quả? -Tâu Đại vương, việc bố thí ấy không hẳn là không có kết quả, là không có quả thành tựu. Chính các thí chủ thọ hưởng kết quả của việc ấy. Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì xin Ngài giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ? -Tâu Đại vương, ở đây một số người nào đó chuẩn bị cá? thịt, rượu, thức ăn, vật nhai, rồi đi đến nhà của thân quyến. Nếu những thân quyến ấy không thọ nhận quà biêu ấy, phải chăng quà biêu ây trở nên uông phí, hoặc bị mát mát? Thưa Ngài, không đúng. Vật ấy là thuộc về chính các người chủ. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chính các thí chủ thọ hưởng kết quả của việc ấy.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam đã đi vào nội phòng, trong khi lối đi ra không có ở phía trước thì có thể đi ra bằng cách nào? Thưa Ngài, bằng chính lối đã đi vào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chính các thí chủ thọ hưởng kết quả của việc ấy. Thưa Ngài Nâgasena, hãy là vậy. Chúng tôi chấp nhận điều này đúng theo như vậy: "Chính các thí chủ thọ hưởng kết quả của việc ấy. Chúng tôi không ban cãi ve ly lẽ áy. 2. Thưa Ngài Nãgasena, nêu vật thí đã được bô thí của các thí chủ này thành tựu đến các quyến thuộc đã quá vãng, và họ thọ hưởng quả thành tựu của việc ấy, như thế thì kẻ nào có sự giết hại mạng sống, là thợ săn, có bàn tay vấy máu5 có tâm tư toi tệ, sau khi giết chết nhiều người, sau khi gây ra hành động tàn bạo, rồi hồi hướng đến các quyến thuộc đã quá vãng rằng: 66Quả thành tựu của việc

làm này của tôi hãy thành tựu đến các quyến thuộc đã quá vng", phải chăng quả thành tựu của việc ấy thành tựu đến các quyến thuộc đã quá vãng? -Tâu Đại vương, không đúng. -Thưa Ngài Nâgasena, trong trường hợp ấy, cái gì là nhân, cái gì là lý do khiến cho thiện thành tựu, còn bát thiện không thành tựu? Tâu Đại vương, câu hỏi ấy là không nên hỏi. Tâu Đại vương, xin Đại vương chớ [nghĩ rằng]: “C6 người trả lời roi hỏi câu hỏi không the trả lời được: 'Tại sao bầu trời không có vật máng lên? Tại sao sông Gañgā không chảy về phía thượng nguồn? Tại sao những người này là lưỡng sanh và có hai chân, còn loài thú có bốn chân? Có phải Đại vương cũng sẽ hỏi tôi câu hỏi ấy?'” Thưa Ngài Nāgasena, trâm hỏi Ngài không phải vì có ý muôn gây khó khăn. Tuy nhiên, trẫm hỏi nhằm mục đích làm tiêu tan sự nghi ngờ. Nhiều người ở thế gian có sự cầm nắm bằng tay trái, có mắt bị lòa, trẫm hỏi Ngài điều ấy là như vầy: “Vi điều gì mà những người ấy không thể đạt được cơ h0i?” -Tâu Đại vương, không thể san sẻ nghiệp ác với người đã không làm, với nạười không tùy hỷ theo. Tâu Đại vương, giống như những người chuyển nước đên nơi rát xa bang ông dẫn nước. Tâu Đại vương, phải chăng núi đá rắn chắc to lớn có thể chuyên dịch theo như ý muốn cũng bằng ống dẫn? _ Thưa Ngài, không được. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có thể san sẻ thiện không thể san sẻ bất thiện. Tâu Đại vương, hoặc là giống như có thể đốt sáng ngọn đèn với dầu. Tâu Đại vương, phải chăng có thể đốt sáng ngọn đèn với nước? Thưa Ngài, không được. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, có thê san sẻ thiện không thê san sẻ bất thiện. Tâu Đại vương, hoặc là giống như những người nông dân lấy nước từ hồ nước rồi nấu chín gạo. Tâu Đại vương, phải chăng có thể lấy nước từ biển cả rồi nấu chín gạo? Thưa Ngài, không được. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có thể san sẻ thiện không thể san sẻ bất thiện. 3. Thưa Ngài Nāgasena, vì lý do gì mà có thê san sẻ thiện, không thê san sẻ bất thiện? Xin Ngài giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. Trẫm không phải là mù lòa và không có ánh sáng, sau khi lắng nghe trẫm sẽ hiểu. -Tâu Đại vương, bất thiện là ít ỏi, thiện thì dồi dào. Do tính chất ít ỏi, bất thiện tác động chỉ riêng người tạo tác. Bởi tính chất dòi dào, thiện bao phủ thế gian luôn cả cõi trời. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như một §iọt nước nhỏ nhoi rơi xuống trái đất. Tâu Đại vương, phải chăng giọt nước áy có thể phủ lên luôn cả mười, mười hai do-tuần?

Thưa Ngài, không đúng. Giọt nước ấy đã rơi xuống ở nơi nào thì nó tác động chỉ ở nơi ấy thôi. -Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì tính chất nhỏ nhoi của giọt nước. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, bất thiện là nhỏ nhoi. Do tính chất nhỏ nhoi, nó tác động chỉ riêng người tạo tác, không the san sẻ. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám mây to lớn khổng lồ, trong khi làm hài lòng mặt đất, có thể đổ mưa. Tâu Đại vương, phải chăng đám mây to lớn ây có thê phủ lên kháp nơi? Thưa Ngài, đúng vậy. Đám mây to lớn ấy sau khi làm tràn đầy hố, ao, suối, cành cây, hốc, khe, hồ, vũng, giếng, đầm sen, cũng có thể phủ lên luôn cả mười, mười hai do-tuần. -Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì tính chất to lớn của đám mây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thiện thì dồi dào. Do tính chất dồi dào, có thể san sẻ với chư thiên và loài người. 4. Thưa Ngài Nâgasena, vì lý do gì mà bất thiện là ít ỏi, còn thiện là dồi dào hơn? -Tâu Đại vương, ở đây có ai đó dâng cúng vật thí, thọ trì giới, thực hành việc trai giới, người ấy vui mừng, mừng rỡ, vừa lòng, hài lòng, hoan hỷ, có tâm tinh tín, hân hoan sanh khởi, đoi với vị ấy hỷ sanh lên liên tục, đoi với người có tâm hỷ thiện phát triên nhiêu thêm hơn nữa. Tâu Đại vương, giông như ở giêng nước được tràn đây với nhiêu nước, nước có thể đi vào bằng một lối, thoát ra bằng một lối, mặc dầu đang được thoát ra nước cũng vẫn liên tục sanh khởi, không thể nào bị lâm vào sự cạn kiệt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thiện phát triển nhiều thêm hơn nữa. Tâu Đại vương, nếu một người có thể hướng tâm đến việc thiện đã làm thậm chí cả một trăm năm, khi được liên tục hướng tâm thì thiện phát triển nhiều thêm hơn nữa. Đối với người ấy, thiện ấy có thể san sẻ cho những người mong mỏi như thế ấy. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy thiện là dồi dào hơn. Tâu Đại vương, trái lại người đang làm việc bất thiện thì về sau có sự ân hận; đối với người có sự ân hận, thì tâm thâu hẹp lại, co rút lại, quay trở lại, không trải rộng, buồn rau, bứt rứt, tiêu tán, cạn kiệt, không phát triển, tác động chỉ ở nơi ây thôi. Tâu Đại vương, giông như chút ít nước đang rơi xuồng phía bên trên của dòng sông khô cạn có bãi cát lớn lồi lõm uốn cong khúc khuỷu, thì tiêu tán, cạn kiệt, không phát triển, tác động chỉ ở nơi ấy thôi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người đang làm việc bất thiện, tâm thâu hẹp lại, co rút lại, quay trở lại, không trải rộng, buồn rau, bứt rứt, tiêu tán, cạn kiệt, không phát triển, tác động chỉ ở nơi ấy thôi. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy bất thiện là ít ỏi.

Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc hồi hướng đến quyến thuộc đã quá vãng55 là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ GIẤC Mơ (Supinapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, nhữn^ người nam và nữ ờ thế gian này nhìn thấy giấc mơ, tót đẹp, xấu xa, đã thấy trước dây, chưa thấy trước đây, đã làm trước dà* chưa làm trước đây, bình yên, có sự sợ hãi, ờ xa, ờ gần. Họ nhìn thấy nhiều loại, hàng ngàn hình dáng. Và cái gọi là giấc mơ áy là cái gì? Và ai nhìn thấy điều nay? -Tâu Đại vương, cái gọi là giấc mơ ấy là điềm báo hiệu, là cái tiến đến gần lãnh vực của tâm. Tâu Đại vương, sáu hạng này nhìn thấy giấc mơ: Hạng nhìn thấy giấc mơ liên quan đến gió, hạng nhìn thấy giấc mơ liên quan đến mật, hạng nhìn thấy giấc mơ liên quan đến đờm, hạng nhìn thấy giấc mơ do chư thiên đem lại, hạng nhìn

thấy giấc mơ do đã được làm thường xuyên, hạng nhìn thấy giấc mơ do diêm báo hiệu. Tâu Đại vương, ở đây, nhìn thây giác mơ nào do điềm báo hiệu thì chính cái ây là thật, phân còn lại là giả. 2. Thưa Ngài Nâậasena, người nào nhìn thấy giấc mơ do điềm báo hiệu, có phải tâm của nẹười ấy tự đi đến và tìm kiếm điềm báo hiệu ấy, hay là điềm báo hiệu ấy tiến đen gần lãnh vực của tâm, hay là cái nào khác đi đến và thông báo cho người ấy? -Tâu Đại vương, không phải tâm của người ây tự đi đên và xem xét diêm báo hiệu ấy, cũng không phải cái nào khác đi đến và thông báo cho người ấy. Khi ây, chính diêm báo hiệu ây tiên đên gân lãnh vực của tâm. Tâu Đại vương, giống như tấm gương soi không tự đi đên nơi nào đó và xem xét cái bóng phản chiếu, cũng không phải cái nào khác đem cái bóng phản chiếu lại và áp vào tấm girơng soi. Khi ấy, từ nơi nào đó cái bóng phản chiểu đi đến và lại gần lãnh vực của tâm gương soi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, không phải tâm của người ấy tự đi đến và xem xét điềm báo hiệu ấy, cũng không phải cái nào khác đi đến và thông báo. Khi ấy, từ nơi nào đó điềm báo hiệu ấy tiến đến gần lãnh vực của tâm. 3. Thưa Ngài Nâgasena, tâm nào đó nhìn thây giác mơ, phải chăng tâm ây biết được rằng: “Kết quả sẽ là như vầy, hoặc là bình yên hoặc là sợ hâd?” Tâu Đại vương, không phải là tâm ấy biết được rằng: "Kết quả sẽ là như vầy, hoặc là bình yên hoặc là sợ hi." Trái lại, khi điềm báo hiệu được sanh lên, thì nó nói cho những cái khác. Sau đó, những cái ấy nói ra ý nghĩa. Thưa Ngài Nâgasena, vậy xin Ngài chỉ cho thây lý do. -Tâu Đại vương, giống như các nốt ruồi, mụt nhọt, ghẻ lở xuất hiện ở cơ thể là đưa đến việc có lợi lộc hay không có lợi lộc, có danh tiếng hay không có danh tiêng, chê trách hay khen ngợi, an lạc hay khổ đau. Tâu Đại vương, phải chăng các nót ruồi, mụt nhọt, ghẻ lở sanh lên sau khi biêt được răng: "Chúng tôi sẽ tạo ra sự việc ny?”

Thưa Ngài, không đún^. ở bất kỵ vị trí nào mà các mụt nhọt sanh lên? sau khi nhìn thấy các mụt nhọt áy ở chỗ ấy, các nhà tướng số giải thích: "Kết quả sẽ là như vày." -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm nào đó nhìn thấy giấc mơ5 không phải là tâm ây biêt được răng: "Két quả sẽ là như vây, hoặc là bình yên hoặc là sợ hai." Trái lại, khi điềm báo hiệu được sanh lên, thì nó nói cho những cái khác; sau đó, những cái ấy nói về ý nghĩa. 4. Thưa Ngài Nāgasena, người nào nhìn thây giác mơ thì người ây nhìn thấy trong lúc đang ngủ hay là nhìn thấy trong khi còn thức? -Tâu Đại vương, người nào nhìn thấy giấc mơ thì không phải người ấy nhìn thấy trong lúc đang ngủ, cũng không phải nhìn thấy trong khi còn thức, tuy nhiên nhìn thây giác mơ ở vào khoảng giữa của giai đoạn đang rơi vào trạng thái ngủ mơ màng nhưng chưa đạt đến luồng tâm hộ kiếp. Tâu Đại vương, đối với người đã đạt đến trạng thái ngủ mơ màng thì tâm tiến đến luồng tâm hộ kiếp; tâm đã đi vào luồng tâm hộ kiếp thì không vận hành; tâm không vận hành thì không nhận biết an lạc hay khổ đau; trong khi kh6ng nhận thức thì không có giác mơ, khi tâm đang được vận hành thì nhìn thây giác mơ. Tâu Đại vương, giống như ở nơi mờ mịt, tối tăm, không có ánh sáng, thì bóng phản chiếu không được nhìn thấy ở gương soi, dầu là vô cùng trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, khi tâm đã đạt đên trạng thái ngủ mơ màng đã đi vào luồng tâm hộ kiếp, và đang được duy trì, thì tâm là không vận hành ở cơ thể; tâm không vận hành thì không nhìn thấy

giấc mơ. Tâu Đại vương, tấm gương soi là như thế nào thì cơ thể nên được xem xét như vậy. Sự tối tăm là như the nào thì trạng thái ngủ mơ màng nên được xem xét như vậy. Anh sáng là như thê nào thì tâm nên được xem xét như vậy. Tâu Đại vương, hoặc là ệiống như khi mặt trời bị che lại bởi băng giá thì ánh sáng không được nhìn thay; tia sáng mặt trời tuy có hiện hữu nhưng không vận hành; khi tia sáng mặt trời không vận hành thì không có ánh sáng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người đã đạt đến trạng thái ngủ mơ màng thì tâm đi vào luồng tâm hộ kiếp; tâm đã đi vào luồn^ tâm hộ kiếp thì không vận hành; tâm không vận hành thì không nhìn thấy giấc mơ. Tâu Đại vương, mặt trời là như thế nào thì cơ thể nên được xem xét như vậy. Sự che lại bởi băng giá là như the nào thì trạng thái ngủ mơ màng nên được xem xét như vậy. Tia sáng mặt trời là như thế nào thì tâm nên được xem xét như vậy. 5. Tâu Đại vương, mặc dầu cơ thể đang hiện hữu nhưng tâm không vận hành trong hai trường hợp: Đối với người đã đạt đến trạng thái ngủ mơ màng, đã đi vào luồng tâm hộ kiếp, mặc dầu cơ thể đang hiện hữu nhưng tâm không vận hành; đối với người đã thể nhập thiền diệt, mặc dầu cơ thể đang hiện hữu nhưng tâm không vận hành. Tâu Đại vương, đối với người đang tỉnh táo, tâm lao xao, mở ra, năng động, không cố định, điềm báo hiệu không tiến đến gần lãnh vực ở tâm của người có trạng thái như vậy. Tâu Đại vương, giống như những ước

muôn thâm kín xa lánh người nam cởi mở, năn^ động, không nghiêm chỉnh, không kín đáo. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, nghĩa lý siêu tự nhiên không tiến đến gần lãnh vực của người đang tỉnh táo. Do đó, người đang tỉnh táo không nhìn thấy giấc mơ. Tâu Đại vương, hoặc là giông như các thiện pháp dự phân vào giác ngộ không tiên đên gần lãnh vực là vi Tỳ-khưu có sự nuôi mạng bi sứt mẻ, không nết hạnh, có bạn ác, có giới tồi, biếng nhác, có sự tinh tấn thấp kém. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, nghĩa lý siêu tự nhiên không tiến đen gan lãnh vực của người đang tỉnh táo. 6. - Thưa Ngài Nāgasena, có phải trạng thái ngủ mơ màng là có chăng đầu, chặng giữa và chặng cuối? -Tâu Đại vương, đún^ vậy. Trạng thái ngủ mơ màng có chặng đầu, có chặng giữa và có chặng cuôi. Chặng đầu là cái nào, chặng giữa là cái nào và chặng cuối là cái nào? -Tâu Đại vương, trạng thái nào là sự che đậy, sự bao bọc lại, sự yếu đuối của danh uân và sắc uẩn, là trạng thái trì trệ, không sẵn sàng cho hành động của thân; đây là chặng đầu của trạng thái ngủ mơ màng. Tâu Đại vương, người nào có được giấc ngủ của con khỉ, ngủ mơ màng một cách lộn xộn [nửa ngủ nửa thức]; đây là chặng giữa của trạng thái ngủ mơ mànệ. Chặng cuối là việc đi vào luông tâm hộ kiệp. Tâu Đại vương, nạrời đã tiên đên gân chặng giữa, có được giấc ngủ của con khỉ, thì nhìn thấy giấc mơ. Tâu Đại vương, giống như người nào đó có sự thực hành về tiết chế, có tâm được định tĩnh, có pháp được bền vững, có sự sáng suôt không dao động, sau khi đi sâu vào khu rừng, nơi đã được dứt hẳn sự loạn động và tiêng động, rồi suy nghĩ về ý nghĩa vi tê, và ở nơi ấy, người ấy khônệ rơi vào trạng thái ngủ mơ màng, ơ nơi ấy, được đinh tĩnh, có tâm chuyên nhát, người ấy thấu hiêu được ý nghĩa vi tế. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người tỉnh táo khônẸ đạt đên trạng thái ngủ mơ màng, tiến đên gân giấc ngủ của con khỉ, có được gic ngủ của con khỉ, thì nhìn thấy giấc mơ. Tâu Đại vương, sự loạn động

và tiêng động là như thê nào thì sự tỉnh táo nên được xem xét như vậy. Khu rừng tách biệt là như thế nào thì việc có được giấc ngủ của con khỉ nên được xem xét như vậy. "Người ây sau khi từ bỏ sự loạn động và tiếng động, sau khi tránh né trạng thái ngủ mơ màng, có được trạng thái trầm tinh, thì thấu hiểu được ý nghĩa vi tế" là như thế nào thì "người tỉnh táo, không đạt đến trạng thái ngủ mơ màng, có được giác ngủ của con khỉ, thì nhìn thấy giấc mo" là như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, tót lăm! Trâm châp nhận điêu này đúng theo như vậy. uCâu hỏi về giấc mo" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VÈ VIỆC CHÉT KHÔNG ĐÚNG THỜI (Akālamaranapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, các chúng sanh chết đi9 tất cả bọn họ đều chết đúng thời hay là cũng có chết không đúng thời?

-Tâu Đại vương, có cái chết đúng thời, cũng có cái chết không đúng thời. Thưa Ngài Nãgasena, những người chết đúng thời ấy là những người nào? Chết khòng đúng thời là những người nào? -Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã nhìn thấy trước đây những trái cây, cả trái non lẫn trái chín, đang rụng xuồng từ cây xoài, hoặc từ cây mận, hoặc từ cây có trái khác nữa? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, những trái cây nào rụng từ cây xuống, tất cả những trái ấy rụng xuống đều đúng thời hay là cũng có không đúng thời? Thưa Ngài Nãgasena, những trái cây nào là chín muồi, được phát triển đầy đủ, rồi rụng xuồng, tất cả những trái ây rụng xuồng đúng thời. Trái lại, những trái cây nào còn lại, trong sô đó những trái nào bị sâu đục roi rụng xuông, những trai nao bi thọc bởi gạy gộc roi rụng xuông, những trai nao bi cuôn đi bơi gio roi rụng xuong, những trai nao bị thoi ơ ben trong roi rụng xuổng, tát ca những trái áy rụng xuổng không đúng thời. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người bị tàn tạ bởi tác động của tuổi già rồi chết, chính những nguồi ấy chết đúng thời. số còn lại, những ai đó bị thúc bách bởi nghiệp rồi chét, những ai đó bị thúc bách bởi cảnh giới tái sanh rồi chết, những ai đó bi thúc bách bởi hành động roi chét [những người này chết không đúng thời]. Thưa Ngài Nãgasena, những người bi thúc bách bởi nghiệp rồi chết, những người bi thúc bách bởi cảnh giới tái sanh rồi chết, những người bi thúc bách bởi hành động rồi chết, những người bi thúc bách bởi tác động của tuổi già rồi chết, tất cả những người ấy chét đều đúng thời. Người nhập thai ở bụng mẹ rồi chết, [vì] thời điểm ấy là thuộc về người ấy [nên] người ấy chết cũng đúng thời. Người [được sanh ra] ở nhà bảo sanh roi chét, [vì] thời diêm ấy là thuộc về người ấy [nên] người ấy chét cũng đúng thời. Người một tháng tuôi rồi chết,... (nt)... Người một năm tuổi rồi chét, [vì] thời điểm ấy là thuộc về người ấy [nên] người ấy chết cũng đúng thời. Thưa Ngài Nâgasena, như thê thì không có cái gọi là chết không đúng thời. Những ai đó chét đi, tát cả những người ây chết đêu đúng thời. 2. Tâu Đại vương, bảy hạng người này chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Bảy hạng nào? Tâu Đại vương, người bị thèm ăn5 trong khi không nhận được vật thực, có nội tạng bi tôn thương, chết không đúng thời ngay trong khi tuôi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, người bị thèm uống, trong khi không đạt được nước uống, trái tim bị khô kiệt, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, người bi răn căn, bi hành hạ bởi tác

động của nọc độc, trong khi không đạt được người chữa tri, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

MILINDAVẤN ĐẠO« 1045

Tâu Đại vương, người đã ăn vào chát độc, trong khi các bộ phận cơ thê chính và phụ đang bị nung nóng, trong khi không đạt được thuôc giải, chét không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, người bị rơi vào ngọn lửa, trong khi bị thiêu đốt, trong khi không đạt được sự dập tắt, chết không đúng thòi, ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, người bi té vào nước, trong khi không đạt được sự nâng đỡ, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, người bị thương tích bởi gươm đao, bị lâm bệnh, trong khi không đạt được thầy thuốc, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, bảy hạng người này chét không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, ở đây tôi cũng vân nói một cách khăng định. Tâu Đại vương, việc tử vong của các chúng sanh là theo tám cách thức: Với nguồn sanh khởi là gió, với nguồn sanh khởi là mật, với nguồn sanh khởi là dám, do sự hội tụ [của các dịch chất trong cơ thể], do sự chuyển biến của mùa tiết, do sự bảo dưỡng không đều đặn, do sự đột ngột, do quả thành tựu của nghiệp; tâu Đại vương là việc tử vong của các chúng sanh. Tâu Đại vương, ở đây tức là sự tử vong do quả thành tựu của nghiệp, ở đây chính việc ấy là sự tử vong phù hợp thời gian, các việc còn lại là sự tử vong không phù hợp thời gian. Vậy là: “Do bỉ thèm ăn, do bị thèm uông, bỉ răn căn, do chát độc, do lửa, nước và gươm đao, ở đây là bỉ chết không đúng thời. Do gió và mật, do đàm, do sự hội tụ, do các mùa tiết, do không đều đặn, do sự đột ngột và do nghiệp, ở đây là bị chết không đúng thời." 3. Tâu Đại vương, các chúng sanh nào đó chết do quả thành tựu của nghiệp bất thiện vì đã làm việc này việc nọ trong thời quá khứ. Tâu Đại vương, ở đây kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì thèm ăn, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, [sẽ] bi hành hạ bởi sự thèm ăn5 bị đói, bị kiệt sức, trái tim bị khô héo tàn tạ, muốn được ăn5 bị co quắp, đang bị thiêu đốt, đang bị đốt cháy ở nội tạng, chết chính vì sự thèm ăn ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy. Kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì thèm uống, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, trong khi trở thành nga quỷ hạng bị thiêu đốt và bị khao khát, trở nên cằn cỗi, ốm o, trái tim bị khô kiệt, chết chính vì sự thèm uống ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy. Kẻ nào trước đây làm những người khác bị rắn cắn làm cho bị chết, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, sau khi bị luân chuyển từ miệng trăn đến miệng trăn, từ miệng hắc xà đến miệng hắc xà, bị nhai đi nhai lại bởi chúng, chết chính

1046 KINH TIỂU BỒ

VÌ bị những con rắn cắn ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy. Kẻ nào trước đây cho những người khác chất độc làm cho bi chết, kẻ ấy trong nhiều trâm ngàn năm, với các bộ phận cơ the chính và phụ đang bị nung nóng, với cơ thể đang bị rữa ra, trong khi tỏa ra mùi thối của tử thi, chết chính vì chất độc ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù

hợp thời gian đối với kẻ ấy. Kẻ nào trước đây làm những người khác bi chết vì lửa, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, sau khi bị luân chuyển từ núi than hừng đến núi than hừng, từ lãnh địa của Dạ-ma đến lãnh địa của Dạ-ma? có tứ chi bị đốt cháy, bị thiêu cháy, chết chính vì lửa ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy. Kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì nước, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn nm, có thân thể bị hành hạ, bị bóc lột, bị gãy đổ, yếu đuối, có tâm bị xáo trộn, chết ở trong nước ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy. Kẻ nào trước đây làm những người khác bi chét vì gươm đao, kẻ ây trong nhiều trăm ngàn năm, bị cắt bi xẻ bị băm bi lóc, bị đánh đập bằng mũi dao, chết chính vì gươm đao ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy. 4. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói rằng: "C6 cái chết không đúng thòri", vậy xin Ngài hãy chỉ cho trẫm lý do của trường hợp ấy. Tâu Đại vương, giông như khôi lửa to lớn không lô có cỏ, củi, cành, lá đã được đem lại, có đồ tiếp liệu đã được tiêu thụ hết, bi tắt ngấm do cạn nguồn nhiên liệu. Ngọn lửa ấy được gọi là "đã được tắt ngấm hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh.” Tâu Đại vương, tương tợ y như the, người nào đó sau khi sống nhiều ngàn ngày trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã tiến đến cái chết hợp hic." Tâu Đại vương, hoặc là giống như khối lửa to lớn khổng lồ có cỏ, củi, cành, lá đã được đem lại, rồi có đám mưa to lớn khổng lồ đổ xu6ng làm tắt ngấm khối lửa ấy mặc dầu cỏ, củi, cành, lá còn chưa được tiêu thụ hết. Tâu Đại vương, phải chăng khối lửa to lớn khổng lồ ấy gọi là đã được tắt ngấm hợp lúc? Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao khối lửa thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với khối lửa thứ nhất? Thưa Ngài, bị quấy nhiễu bởi cơn mưa đột ngột, khối lửa ấy đã được tắt ngấm không hợp lúc. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, bởi nguồn sanh khởi là mật? bởi nguồn sanh khởi là đàm, do sự hội tụ [của các

dịch chất trong cơ thể], do sự chuyển biến của mùa tiết, do sự bảo dưỡng không đều đặn, do sự đột ngột, hoặc bị quấy nhiễu bởi sự thèm ăn, bởi sự thèm uống, do việc bị rắn cắn, do việc bị ăn vào chất độc, do lửa, do nước, hoặc bởi gươm dao, roi chét không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điêu này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời. 5. Tâu Đại vương, hoặc là giông như đám mây mưa to lớn không lô sau khi hiện ra ở bầu trời rồi đổ mưa làm tràn đầy vùng trũng và đất liền, nó được gọi là "đám mây đổ mưa không có rủi ro, không có bất hạnh.,, Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sống lâu trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã tiến đến cái chét hợp C." *

Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám mây mưa to lớn khổng lồ sau khi hiện ra ở bầu trời rồi đi đến sự triệt tiêu vì cơn gió lớn ở ngay bên trong. Tâu Đại vương, phải chăng đám mây đó gọi là đã tiêu tan hợp lúc? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao đám mây thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt vơi đám may thứ

nhát? Thưa Ngài, bi quây nhiêu bởi cơn gió đột ngột, đám mây ây chính vì đã được thành lập không hợp lúc, nên đã tiêu tan. 6. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,... (nt)... hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời. Tâu Đại vương, hoặc la giông như con răn đọc co sức mạnh, bi noi giận roi cắn người nam nào đó9 chất độc ấy có thể gây ra cái chết cho người ấy, không có rủi ro, không có bất hạnh. Chất độc ấy được gọi là "đã đạt đến điểm tận cùng, không có rủi ro, không có bất hạnh.,, Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sống lâu trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã đạt đến điểm tận cùng, đã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh?9 Tâu Đại vương, hoặc là giông như người thây bát răn, đôi với người bị con rắn độc có sức mạnh cắn, sau khi cho thuốc giải vào tận bên trong thì có thể làm cho hết độc. Tâu Đại vương, phải chăng chất độc ấy gọi là được tiêu tan hợp lúc? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao chất độc thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt vơi chất đọc thứ nhất? Thưa Ngài, bị quấy nhiễu bởi thuốc giải đột ngột, chất độc, còn chưa đạt đến điểm tận cùng, đã bị tiêu tan. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời,

người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,... (nt).. hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời. 7. Tâu Đại vương, hoác là giông như người cung thủ băn ra mũi tên, nêu mũi tên ấy đi đến diêm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình, mũi tên ấy được gọi là "đã đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình, không có rủi ro, không có bất hạnh." Tâu Đại vương, tương tợ y như the, người nào đo sống lâu trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã đạt đến điểm tận cùng, đã tiến đên cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không có bát hạnh." Tâu Đại vương, hoặc là giống như người cung thủ bắn ra mũi tên, ngay vào giấy phút ấy người nào đó chộp lấy mũi tên ấy của người ây. Tâu Đại vương, phải chăng mũi tên ấy gọi là đã đi đến điểm cuổi của cuộc hành trình theo đúng lộ trình? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao mũi tên thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt vơi mũi ten thư nhất? Thưa Ngài, việc di chuyển của mũi tên ấy đã bị gián đoạn vì sự chộp lấy đột ngột. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người nào đó chét không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gi6,...(nt)... hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, roi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ây có sự chết không đúng thời. 8. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nào đó gõ vào cái chậu bằng đong, do việc gõ cua người ây am thanh phát ra va truyên đi đen diêm CUO1 của cuộc hành trình theo đúng lộ trình. Am thanh ấy được gọi là "đã đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình, không có rủi ro, không có bất hạnh.” Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sau khi sông nhiều ngàn ngày trở nên già lão, rồi chết do hết tuôi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy

được gọi là "đã đạt đến điểm tận cùng, đã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh." Tâu Đại vương, hoặc là giông như người nào đó gõ vào cái chậu băng đông, do việc gõ của người ấy âm thanh phát ra. Khi âm thanh đã được phát ra và truyền đi xa, người nào đó chạm vào, với việc chạm vào âm thanh bi ngưng lại. Tâu Đại vương, phải chăng âm thanh ây gọi là đã đi đên diêm cuôi của cuộc hành trình theo đung lộ trình? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tai sao âm thanh thứ hai ây đã không có hành trình giống hệt vơi âm thanh thứ nhát? Thưa Ngài, việc di chuyển của âm thanh ấy đã bị ngưng lại vì sự chạm vào đột ngột.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,... (nt)... hoặc bi quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời. 9. Tâu Đại vương, hoặc là giống như hạt lúa giống đã được mọc lên tốt đẹp ở thửa ruộng, nhờ vào cơn mưa đang được vận hành đúng đắn mà được cắm sâu, tỏa rộng, chen chúc, có nhiều kết quả và đạt đến lúc phát triển mùa mànệ. Hạt lúa ây được gọi là "da thành tựu mùa vụ, không có rủi ro, không có bát hạnh." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sau khi sống nhiều nẹàn ngày trở nên già lão, rồi chét do hết tuôi thọ, không có rủi ro, không có bát hạnh, nệười ấy được gọi là uđã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không co bát hạnh.59 Tâu Đại vương, hoặc là giống như hạt giống lúa đã được mọc lên tốt đẹp ở thửa ruộng, bị thiêu nước, có thê chét. Tâu Đại vương, phải chăng hạt lúa ấy gọi là đã thành tựu mùa vụ? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao hạt lúa thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với hạt lúa thư nhất? Thưa Ngài, bi quấy nhiễu bởi sức nóng đột ngột nên hạt lúa ấy đã bị chết. 10. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,... (nt)... hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời. Tâu Đại vương, có phải Ngài đã được nghe trước đây là khi mùa màng còn non được đạt đến thì các con sâu xuất hiện và tàn phá bộ rễ? Thưa Ngài, điêu ây không những trâm đã được nghe trước đây mà còn được nhìn thấy trước đây nữa. -Tâu Đại vương, vậy thì mùa màng ấy bi hư hại đúng thời, hay là bị hư hại không đúng thời? Thưa Ngài, không đúng thời. Thưa Ngài, nêu các con sâu không gặm nhấm mùa màng ấy thì có thể đạt đến lúc thâu hoạch mùa màng. -Tâu Đại vương, vậy thì có phải do bị phá hoại đột ngột mà mùa màng bị hư hại, còn mùa màng không bi hư hại thì đạt đến lúc thâu hoạch mùa màng? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,... (nt)... hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời. 11. Tâu Đại vương, có phải Ngài đã được nghe trước đây là khi mùa màng được đạt đến, được trĩu cong bởi gánh nặng của những hạt, đạt được sự phát

7 e r triên trọn vẹn, thì có trận mưa sanh lên gọi là mưa đá rơi xuồng và phá hoại, làm cho không có kết quả? -Thưa Ngài, điều ấy không những trẫm đã được nghe trước đây mà còn được nhìn thấy trước đây nữa. -Tâu Đại vương, vậy thì mùa màng ấy bị hư hại đúng thời, hay là bị hư hại không đúng thời? Thưa Ngài, không đúng thời. Thưa Ngài, nếu trận mưa đá không đổ mưa xuồng mùa màng ây, thì có thê đạt đên lúc thâu hoạch mùa màng. -Tâu Đại vương, vậy thì có phải do bi phá hoại đột ngột mà mùa màng bị hư hại, còn mùa màng không bị hư hại thì đạt đến lúc thâu hoạch mùa màng? -Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bi quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, bởi nguồn sanh khởi là mật, bởi nguồn sanh khởi là đàm, do sự hội tụ [của các dịch chất trong cơ the], do sự chuyển biến của mùa tiết, do sự bảo dưỡng không đều đặn, do sự đột ngột, hoặc bị quấy nhiễu bởi sự thèm ăn, bởi sự thèm uống, do việc bị răn căn, do việc bị ăn vào chát độc, do lửa, do nước, hoặc bởi gươm đao, roi chết không đúnệ thời. Tuy nhiên, nếu không bi quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột thì có thể đạt đen cái chét đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ây có sự chét không đúng thời. 12. - Thưa Ngài Nâgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nâgasena, thật là phi thường! Lý do đã được chỉ rõ? ví dụ đã được chỉ rõ nhằm làm sáng tỏ về việc chết không đúng thời, vấn đề "có sự chết không đúng thòi" đã được làm rõ, đã được làm rõ ràng, đã được làm hiên hiện. Thưa Ngài Nâgasena, cho dầu chỉ cần với một ví dụ thôi, thậm chí người có tâm lơ đễnh cũng có thể đi đến kết luận là "c6 sự chết không đúng thờr\ vậy thì còn có điều gì nữa với người có tâm tư? Thưa Ngài, chỉ với ví dụ đầu tiên thì trẫm đã hiểu được là: "C6 sự chết khôĩiệ đúng thòd." Tuy nhiên, là người có ước muốn được nghe sự giải quyết theo tuần tự nên trẫm đã không chấp nhận. 6'Câii hỏi về việc chết không đúng thời" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VÈ ĐIỀU KỲ DIỆU ở BẢO THÁP (Cetiyapātihāriyapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, có điều kỳ diệu ờ bảo tháp của tất cả các vi đã viên tịch Niết-bàn, hay là của chỉ một số vi? -Tâu Đại vương, có [điêu kỳ diệu ở bảo tháp] của một sô vị, không có của một số vị. -Thưa Ngài, có [điều kỳ diệu ở bảo tháp] của những vi nào? Không có của những vi nào? -Tâu Đại vương, do sự chú nguyện của một hạng nào đó trong ba hạng mà có điêu kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niêt-bàn. Của ba hạng nào?

Tâu Đại vương, ở đây vị A-la-hán vì lòng thương tưởng đến chư thiên và loài người, ngay trong khi đang còn tôn tại chú nguyện răng: "Hãy có thần thông ở bảo tháp tên như vy." Do năng lực chú nguyện của vi ấy nên có điều kỳ diệu ở bảo tháp. Như vậy, do năng lực chú nguyện của vị A-la-hán nên có điều kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vị thiên nhân vì lòng thương tưởng đến loài người nên phô bày điều kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niết-bàn [nghĩ rang]: “Do điều kỳ diệu này, Chánh pháp sẽ được duy trì lâu dài và loài người được tịnh tín, sẽ tăng trưởng về thiện pháp." Như vậy, do sự chú nguyện của chư thiên nên có điều kỳ diệu ở bảo tháp của vi đã viên tịch Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người nữ hoặc là người nam, có đức tin, được tịnh tín, sáng trí, kinh nghiệm,

thông minh, đạt được tánh giác, sau khi suy nghĩ đúng đường lối, sau khi quyết định rồi đem vật thơm, hoặc tràng hoa, hoặc vải vóc, hoặc bát cứ vật gì đê ở ngôi bảo tháp [nguyện răng]: "Hãy là có tên như vầy.” Như vậy, do năng lực quyết định của loài người nên có điều kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niết-bàn. Tâu Đại vương, do năng lực chú nguyện của một hạng nào đó trong ba hạng mà có điều kỳ diệu ở bảo tháp của VỊ đa viên tịch Niết-ban. Tâu Đại vương, nếu không có sự chú nguyện của ba hạng ấy thì không có điều kỳ diệu ở bảo tháp dầu là của bậc Lậu Tận, có sáu thắng trí, đã đạt đến năng lực của tâm. Tâu Đại vương, thậm chí khi không có điều kỵ diệu, thì nên nhìn xem nét hạnh vô cùng trong sạch, nên tin cậy, nên đi đên két luận, nên tin tưởng rang: "Người con trai này của đức Phật đã khéo viên tịch Niết-bàn/5 Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trầm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. uCâu hỏi về điều kỳ diệu ờ bảo tháp” là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VÈ Sự LÃNH HÔI GIÁO PHÁP (Dhammābhisamayapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, đối với những vi thực hành đúng đắn thì có sự lãnh hội giáo pháp cho toàn bộ tất cả, hay là chỉ có đối với vi nào đó? -Tâu Đại vương, có đối với vị nào đó, không có đối với vị nào đó. Thưa Ngài, có đối với vị nào? Không có đối với vị nào? -Tâu Đại vương, đối với thú vật cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp, đối với kẻ đã tái sanh vào cảnh giới nga quỷ, đối với kẻ có tà kiến, đối với kẻ xảo trá, đối với kẻ giết mẹ, đối với kẻ giết cha, đối với kẻ giết A-la-hán, đối với kẻ chia rẽ hội chúng, đối với kẻ làm chảy máu [đức Phật], đối với kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu]? đối với kẻ đã đi theo ngoại dạo, đối với kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, đối với kẻ chưa được thoát tội sau khi đã vi phạm tội nào đó trong mười ba tội nặng, đoi với kẻ vô căn, đoi với kẻ lưỡng căn, cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Ngay cả con người là đứa bé trai chưa đủ bảy tuổi, đối với vị ấy cho dầu đã thực hành

tót đẹp cũng khônạ có sự lãnh hội giáo pháp. Tâu Đại vương, đôi với mười sáu cá nhân này cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. 2. Thưa Ngài Nãgasena, sự lãnh hội giáo pháp có thể là có hay là không có đối với mười lăm hạng người đã bi ngăn cản thật sự, còn vì lý do gì đối với con người là đứa bé trai chưa đủ bảy tuổi cho dầu đã thực hành tốt đẹp, cũng không có được sự lãnh hội giáo pháp? cần có câu hỏi cho trường hợp này. Đương nhiên đứa bé trai không có luyến ái, không có sân, không có si, không có ngã mạn, không có tà kiến, không có bất bình, không có dục tầm, không bi trộn lẫn với những ô nhiễm, thì đứa bé trai ấy đã gắn bó, đã đạt đến, và xứng đáng để thấu triệt với sự thấu triệt trọn vẹn về bốn chân lý? Tâu Đại vương, ở đây chính điều ấy là lý do, mà với lý do ấy tôi nói rằng: uĐối với người chưa đủ bảy tuổi, cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo ph&p." Tâu Đại vương, nếu người chưa đủ bảy tuổi có thể bị luyến ái ở vật gây luyến ái, sân ở vật gây sân, si ở vật gây si, đam mê ở vật làm đam mê, nhận thức được tà kiến, nhận thức sự thích thú và không thích thú, suy tầm về thiện và bất thiện, thì có thể có sự lãnh hội giáo pháp đối với người ấy. Tâu Đại vương, thêm nữa tâm của người chưa đủ bảy tuổi

là không mạnh m yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ, chưa được phát triển; còn cảnh giới Vô vi Niết-bàn là quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại. Tâu Đại vương, người chưa đủ bảy tuổi với tâm yếu đuối, nhỏ nhoi, lờ đờ? chưa được phát triên ây không thê thâu triệt cảnh giới Vô vi Niêt-bàn quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại được. Tâu Đại vương, giống như núi chúa Sineru là quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại, tâu Đại vương, phải chăng người nam với sức mạnh, sức lực, và sự tinh tấn bình thường của bản thân có thể nhấc lên núi chúa Sineru ấy? Thưa Ngài, không được. 3. Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì sức lực yếu kém của người nam, vì tính chất vĩ đại của núi chúa Sineru. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm của người chưa đủ bảy tuổi là không mạnh mẽ? yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu? lờ đờ, chưa được phát triển; còn cảnh giới Vô vi Niết-bàn là quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại. Người chưa đủ bảy tuổi với tâm yếu đuối, nhỏ nhoi, lờ đờ, chưa được phát triển ấy không thể thấu triệt cảnh giới Vô vi Niết-bàn quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại được. Vì lý do ấy, đối với người chưa đủ bảy tuổi cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đại địa cầu này là dài, được trải dài, rộng, được trải rộng, thênh thang, được mở ra, bao la, vĩ đại. Tâu Đại vương, phải chăng có thể tẩm ướt và làm đại địa cầu ấy trở thành đầm nước lầy bằng giọt nước nhỏ nhoi?

Thưa Ngài, không được. 4. - Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì tính chất nhỏ nhoi của giọt nước, vì tính chất vĩ đại của đại địa cầu. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm của người chưa đủ bảy tuổi là không mạnh mẽ, yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ5 chưa được phát triển; còn cảnh giới Vô vi Niết-bàn là dài, được trải dài, rộn^, được trải rộng, thênh thang, được mở ra5 bao la, vĩ đại. Người chưa đủ bảy tuổi với tâm yếu đuối, nhỏ nhoi, lờ đờ, chưa được phát triển ấy không thể thấu triệt cảrứi giới Vô vi Niết- bàn vĩ đại được. Vì lý do ấy, đối với người chưa đủ bảy tuổi cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Tâu Đại vương, hoặc là giống như ngọn lửa không mạnh mẽ, yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi5 chút xíu, lờ đờ. Tâu Đại vương, phải chăng có thể xua tan bóng tối và phô bày ánh sáng ở thế gian có cả chư thiên bằng ngọn lửa lờ đờ? Thưa Ngài, không được. -Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì tính chất lờ đờ của ngọn lửa và tính chất vĩ đại của thế gian.

5. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, tâm của người chưa đủ bảy tuôi là không mạnh mẽ? yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ? chưa được phát triển, và bị che lại bởi bóng tối vo minh vĩ đại. Do đó5 là điều khó làm để phô bày ánh sáng trí tuệ. Vì lý do ấy, đối với người chưa đủ bảy tuổi cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Tâu Đại vương, hoặc là giống như con sâu gạo bệnh hoạn, ốm o, nhỏ tí xíu, có cơ thể bi giới hạn, sau khi nhìn thấy con long tượng bị tiết dục ở ba nơi, có bề dài chín, bề rộng ba, chu vi mười, cao tám ratana đi đến gần chỗ đứng thì kéo lại đê nuốt vào. Tâu Đại vương, phải chăng con sâu gạo áy có thê nuôt vào con long tượng ấy? Thưa Ngài, không được. -Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì tính chất nhỏ nhoi của cơ thể con sâu gạo, vì tính chất vĩ đại của con long tượng. -Tâu Đại vương, tương tợ

y như thế, tâm của người chưa đủ bảy tuổi là không mạnh mẽ, yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ, chưa được phát triển, và cảnh giới Vô vi Niết-bàn là vĩ đại. Người ấy với tâm yếu đuối, nhỏ nhoi, lờ đờ, chưa được phát triển ấy không thể thấu triệt cảnh giới Vô vi Niết-bàn vĩ đại được. Vì lý do ấy, đối với người chưa đủ bảy tuổi, cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Thưa Ngài Nãgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự lãnh hội giáo pháp95 là thứ tám.

1054 KINH TIỂU BỒ

9. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT KHÔNG BỊ XEN LẪN KHỔ CỦA NIÉT-BÀN (Nibbānassa adukkhamissabhāvapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, có phải Niết-bàn là thuần lạc, hay bi xen lẫn khổ? Tâu Đại vương, Niết-bàn là thuần lạc, không bị xen lẫn khổ. Thưa Ngài, chúng tôi không tin lời nói ấy: "Niết-bàn là thuần lạc." Thua Ngài Nâgasena, trong trường hợp này chúng tôi đối lập lại như vầy: "Niết-bàn bị xen lẫn khổ.,? Và chúng tôi chấp nhận lý do ở đây rằng: "Niết-bàn bi xen lẫn khổ/9 Lý do ở đây là điều nào? Thưa Ngài Nâgasena? đối với những người tầm cầu Niết-bàn thì sự khổ hạnh, sự hành xác của thân và của tâm được nhìn thấy, sự thận trọng trong việc đứng đi n^ồi nằm và thức ăn5 sự chống chọi lại cơn buồn ngủ, sự chế ngự đối với các đoi tượng của giác quan, sự dứt bỏ tài sản, lúa gạo, thân quyến và bạn bè yêu quý. Những người nào ở thế gian được lạc thú, được cung phụng lạc thú, những người ấy, thậm chí tất cả, làm cho các giác quan được thích thú, được quen thuộc với năm loại dục; làm cho mắt được thích thú, được quen thuộc với sắc có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, làm hài lòng, làm thích ý; làm cho tai được thích thú, được quen thuộc với thinh có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, của tiếng ca tiếng đàn, làm hài lòng, làm thích ý; làm cho mũi được thích thú, được quen thuộc với hương có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, của bông hoa, trái cây, lá cây, vỏ cây, rễ cây, lõi cây, làm hài lòng, làm thích ỵ; làm cho lưỡi được thích thú, được quen thuộc với vị có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, của vật nhai, vật ăn, vật nhấm nháp, vật uống, vật nếm, làm hài lòng, làm thích ý; làm cho thân được thích thú, được quen thuộc với xúc có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, trơn tru, min màng, mềm mại, êm dịu, làm hài lòng, làm thích ý; làm cho ý được thích thú, được quen thuộc với các suy nghĩ và chú tâm, nhiều loại, thiện và ác, đẹp và xấu, làm hài lòng, làm thích ý. Còn Ngài thì tiêu diệt, phá hoại, chặt đứt, bẻ gãy, ngăn chặn, ngùng lại việc làm cho quen thuộc ấy của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Vì the, thân cũng bị bực bội? tâm cũng bi bực bội, khi thân bị bực bội thì cảm nhận thọ khổ thuộc thân, khi tâm bị bực bội thì cảm nhận thọ khổ thuộc tâm. Chẳng phải du sĩ ngoại đạo Mâgandiya trong lúc chê trách đức Thế Tôn cũng đã nói như vầy: "Sa-môn Gotama có sự hành hạ chúng sinh." ở đây, điều này là lý do mà với lý do ấy trẫm nói rằng: uNiết-bàn bị xen lẫn khổ/9 2. Tâu Đại vương, Niết-bàn hẳn nhiên không bi xen lẫn khổ. Niết-bàn là thuần lạc. Tâu Đại vương, còn điều mà Ngài đã nói rằng: "Ni&t-bàn là kh6", khổ ấy không ^ọi là Niết-bàn. Tuy nhiên, điều đó là phần xảy ra trước của việc chứng ngộ Niêt-bàn, điều ấy là sự tìm kiếm Niết-bàn. Tâu Đại vương, Niết-bàn quả là thuần lạc, không bị xen lẫn khô. Tôi sẽ nói về lý do của trường hợp ấy. Tâu Đại vương, đôi với các vi vua, có phải có lạc của vương quyên? Thưa Ngài, đúng vậy. Có lạc của vương quyên.

-Tâu Đại vương, phải chăng lạc của vương quyền ấy bi xen lẫn khổ? Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao khi biên thùy dấy loạn, nhằm việc ngăn chặn những kẻ sống ở vùng biên thùy ấy, các vị vua ấy5 được tháp tùng bởi các quan đại than, tướng lãnh, nhân công, binh lính, ra đi viễn chinh, bị quấy nhiễu bởi ruồi muỗi gió nắng, chạy khắp ở mặt đất bằng phẳng và gồ ghề, rồi tiến hành trận chiến lớn, và có sự hoài nghi về mạng sống? -Thưa Ngài Nâgasena, điêu ây không gọi là lạc của vương quyên. Điêu đó là phần xảy ra trước của việc tầm cầu lạc của vương quyền. Thưa Ngài Nâgasena, các vị vua, sau khi tầm cầu vương quyền một cách cực khổ thì hưởng thụ lạc của vương quyền. Thưa Ngài Nâgasena, lạc của vương quyền không bị xen lẫn khổ là như vậy; lạc của vương quyền ấy là cái khác, khổ là cái khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, Niêt-bàn là thuẫn lạc, không bị xen lẫn khổ. Tuy nhiên, những người nào tầm cầu Niết-bàn thì họ khiến cho thân và tâm khốn khổ, thận trọng về việc đứng đi ngồi nằm và thức ăn, chống chọi lại cơn buồn ngủ, che ngự đoi với các đoi tượng của giác quan, buông bỏ thân xác và mạng sống; sau khi tầm cầu Niết-bàn một cách cực khổ thì hưởng thụ Niết-bàn, thuần lạc. Nệay khi các kẻ đối nghịch bị tiêu diệt, các vị vua hưởng thụ lạc của vương quyên. Tâu Đại vương, Niêt-bàn là thuân lạc, không bị xen lẫn khổ, là như vậy; Niết-bàn là cái khác, khổ là cái khác. 3. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa: "Niết-bàn là thuần lạc, không bị xen lẫn khổ; Niết-bàn là cái khác, khổ là cái khac.^ Tâu Đại vương, có cái gọi là lạc của nghề nghiệp đối với các vi thầy về nghề nghiệp? Thưa Ngài, đúng vậy. Có cái gọi là lạc của nghề nghiệp đối với các vị thầy về nghề nghiệp. -Tâu Đại vương, phải chăng lạc của nghệ thuật ấy bị xen lẫn khổ? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao đối với các vị thầy thì những người [học trò] ây khiên cho thân khôn khô với việc đảnh lê, đứng dậy, mang nước lại, quét nhà, cung cấp gỗ chà răng, nước rửa mặt, với việc dọn dẹp rác rưởi, thoa bóp, tắm rửa, chăm sóc bàn chân, với việc hành xử thuận theo tâm của người khác sau khi buông tâm của mình, với việc ngủ một cách khổ cực, với thức ăn không đều đặn? Thưa Ngài Nâgasena, điều ấy không gọi là lạc của nghề nghiệp. Điều đó là phần xảy ra trước của việc tầm cầu nghề nghiệp. Thưa Ngài Nâgasena, các vị thầy, sau khi tầm cầu nghề nghiệp một cách cực khổ, thì hưởng thụ lạc của nghề nghiệp. Thưa Ngài Nãgasena, như vậy lạc của nghề nghiệp là cái khác, khổ là cái khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là thuần lạc, không bi xen lẫn khổ. Tuy nhiên, những người nào tầm cầu Niết-bàn thì họ khiến cho thân và

mạng sống khốn khổ, thận trọng về việc đứng đi ngồi nằm và thức ăn, chống chọi lại cơn buồn ïiệủ, chế ngự đối với các đối tượng của giác quan, buông bỏ thân xác và mạng sông; sau khi tâm câu Niêt-bàn một cách cực khô thì hưởng thụ Niết-bàn, thuần lạc, tợ như các vị thầy hưởng thụ lạc của nghề nghiệp. Tâu Đại vương, Niết-bàn là thuần lạc, không bị xen lẫn khổ, là như vậy; Niết-bàn là cái khác, khổ là cái khác. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

uCâu hỏi về tính chất không bi xen lẫn khổ của Niếtbàn” ỉa thứ chín.

10. CÂU HỎI VÈ HÌNH THẺ VÀ VỊ TRÍ NIẾT-BÀN (Nibbanarūpasanthānapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là^ wNiết-bàn, Niết-bàn^, vây thỉ có thể bang ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc băng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vi trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niet-bañ ấy không? Tâu Đại vương, Niết-bàn là không có vật đối chiếu. Không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ5 hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn. Thưa Ngài Nãgasena, trẫm không chấp nhận điều ấy, là việc không có được sự xác định băng ví dụ, hoặc băng lý lẽ, hoặc băng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận ve hình thể, hay vi trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn là pháp có thật. Vậy Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. Tâu Đại vương, hãy là vậy. Tôi sẽ giúp cho Ngài hiểu bằng lý lẽ. Tâu Đại vương, có cái gọi là đại dương không? -Thưa Ngài, đúng vậy. Có cái đại dương ây. -Tâu Đại vương, nếu có ai đó hỏi Đại vương như vầy: "Tâu Đại vương, có bao nhiêu nước ở đại dương? Và các chúng sanh cư ngụ ở đại dương là bao nhiêu?,, Tâu Đại vương, được hỏi như vậy, Đại vương giải thích cho người ấy như thế nào? Thưa Ngài, nêu có ai đó hỏi trâm như vây: "Tâu Đại vương, có bao nhiêu nước ở đại dương? Và các chúng sanh cư ngụ ở đại dương là bao nhiêu?" Thưa Ngài, trẫm sẽ nói với người ấy như vầy: “Này ông, ông hỏi trẫm điều không nên hỏi, câu hỏi ấy là không nên hỏi bởi bất cứ người nào, câu hỏi ấy nên được bỏ qua, đại dương chưa được phân tích bởi các nhà tự nhiên học, khôn^ thể ước lượng nước ở đại dương, hoặc các chúng sanh đã đi đến cư ngụ ở nơi ấy.” Thưa Ngài, trẫm sẽ cho người ấy câu trả lời như vậy. 2. Tâu Đại vương, tại sao Ngài lại cho câu trả lời như vậy về đại dương là pháp có thật, sao không tính toán rồi thuật lại cho người ấy rang: "Nước ở đại dương là chừng này, và chúng sanh cư ngụ ở đại dương là chừng nay99? Thưa Ngài, không thể được. Câu hỏi này là không có thực tế.

-Tâu Đại vương, giông như đại dương đúng là pháp có thật còn không thê tính toán lượng nước hoặc các chúng sanh đã đi đến cư ngụ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với Niết-bàn đúng là pháp có thật, cũng khônệ the bằng ví dụ, hoặc bang lý lẽ, hoặc bang nguyên nhân, hoặc bang suy luận đe chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước. Tâu Đại vương, người có than thông đã đạt đen năng lực của ý, có the tính toán nước ở đại dương và chúng sanh có chỗ ở tại nơi ấy. Nhưng vị ấy có thần thông đã đạt đến năng lực của ý, vẫn không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niet-ban. 3 Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa: "Kh6ng thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ? hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn? đúng là pháp có thật." Tâu Đại vương, trong sô chư thiên có hạng gọi là chư thiên thuộc tập thể vô sắc không? Thưa Ngài, đúnệ vậy. Được nghe là: "Trong số chư thiên có hạng gọi là chư thiên thuọc tập the vồ sắc.” -Tâu Đại vương, phải chăng đối với chư thiên thuộc tập thể vô sắc ấy, có thể bằng ví dụ5 hoặc bang lý lẽ, hoặc bang nguyên nhân, hoặc bang suy luận để chỉ ra hình the, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước? Thưa Ngài, không được. Tâu Đại vương, như thế thì không có chư thiên thuộc tập thể vô sắc. - Thưa Ngài, có chư thiên thuộc tập

thể vô sắc. Và đối với các vị ấy, khÔHỆ thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bang nguyên nhân, hoặc bằng suy luận đe chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước. -Tâu Đại vương, giông như không thê băng ví dụ, hoặc băng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của chư thiên thuộc tập thể vô sắc, đúng là các chúng sanh có thật. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn, đúng là pháp có thật. 4. - Thưa Ngài Nāgasena, Niết-bàn là thuần lạc. Và không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn. Thưa Ngài, vậy thì có đức tính nào đó của Niết-bàn được liên quan với các thứ khác có the làm ví dụ so sánh? Tâu Đại vương, về phương diện hình thể thì không có. Tuy nhiên, có thể có cái gì đó về phương diện đức tính để chỉ ra làm ví dụ so sánh. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm tiếp nhận việc giải thích từng phần một về đức tính của Niết-bàn như thế nào thì băng cách mau chóng như thế ấy

Ngài hãy nói lên, hãy dập tắt sự nóng nảy ở trái tim của trẫm, hãy đưa nó đi bằng làn gió mát lạnh, ngọt ngào của lời nói. 5. - Tâu Đại vương, cây sen có một đức tính được liên quan đến Niết-bàn, nước có hai đức tính, thuốc giải độc có ba đức tính, đại dương có bốn đức tính, vật thực có năm đức tính, bầu trời có mười đức tính, ngọc báu ma-ni có ba đức tính, trầm hương đỏ có ba đức tính, nước trong của bơ lỏng có ba đức tính, đỉnh núi có năm đức tính được liên quan đen Niết-bàn. 6. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "Loài sen có một đức tính được liên quan đến Niết-bàn,\ loài sen có một đức tính nào được liên quan đến

Tâu Đại vương, giống như loài sen kh6ng bi lấm lem bởi nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn không bị lam lem bởi tất cả các phiền não. Tâu Đại vương, loài sen có một đức tính này được liên quan đến Niêt-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "Nước có hai đức tính được liên quan đến Niết-bàn", nước có hai đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn? -Tâu Đại vương, giống như nước mát lạnh có sự làm tắt ngấm sự nóng nực. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn mát lạnh có sự làm tắt ngấm sự nóng nực của tất cả các phiền não. Tâu Đại vương, nước có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước xua đi cơn khát của các loài người và thú bị nhọc mệt, bị run rẩy, bị khát, bị thiêu đốt bởi sự nóng bức. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn xua đi cơn khát về dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Tâu Đại vương, nước có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết- bàn. Tâu Đại vương, nước có hai đức tính này được liên quan đen Niết-bàn. 7. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "Thuốc giải độc có ba đức tính được liên quan đến Niết-bàn", thuốc giải độc có ba đức tính nào được liên quan đen Niết-bàn? -Tâu Đại vương, giống như thuốc giải độc là nơi nương tựa của các chúng sanh bị hành hạ bởi thuốc độc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là nơi nương tựa của các chúng sanh bị hành hạ bởi thuốc độc phiền não. Tâu Đại vương, thuốc giải độc có đức

tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, thuốc giải độc làm chấm dứt các căn bệnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn làm chấm dứt tất cả các khổ đau. Tâu Đại vương, thuốc giải độc có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, thuốc giải độc [đem lại] sự bất tử. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn [đem lại] sự bất tử. Tâu Đại vương, thuốc giải độc có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, thuốc giải độc có ba đức tính này được liên quan đến Niết-bàn. 8. Thưa Ngài Nãgasena, điêu mà Ngài nói là: "Bại dương có bôn đức tính

được liên quan đên Niêt-bàn”đại dương có bôn đức tính nào được liên quan đến Niet-ban? -Tâu Đại vương, giống như đại dương là trống không đối với tất cả các xác chết. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là trống không đối với tất cả các xác chết phiền não. Tâu Đại vương, đại dương có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đại dương là rộng lớn, không có bờ này bờ kia, không bi tràn đầy bởi tất cả các dòng sông. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là rộng lớn, không có bờ này bờ kia, không bị tràn đầy bởi tất cả các chúng sanh. Tâu Đại vương, đại dương có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đại dương là nơi cư trú của các sinh vật vĩ đại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là nơi cư trú của các bậc A-la-hán vĩ đại, là các sinh vật vĩ đại không bị ô nhiễm, có các lậu đã cạn kiệt, đã đạt được năng lực, có trạng thái làm chủ. Tâu Đại vương, đại dương có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đại dương được trổ hoa với các bông hoa là những làn sóng vô so ke, đa dạng, trải rộng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niêt-bàn được trô hoa với các bông hoa là sự thanh tịnh, minh và giải thoát vô số kể, đa dạnệ, trải rộng. Tâu Đại vương, đại dương có đức tính thứ tư này được liên quan đen Niết-bàn. Tâu Đại vương, đại dương có bốn đức tính này được liên quan đến Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 4CVật thực có năm đức tính được liên quan đến Niết-bàn”, vật thực có năm đức tính nào được liên quan đến Niểt-bàn? -Tâu Đại vương, giông như vật thực duy trì sự sông của tát cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niêt-bàn đã được chứng ngộ thì duy trì sự sống nhờ vào việc tiêu diệt sự già và sự chết. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vật thực làm tăng trưởng sức mạnh của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đã được chứng ngộ làm tăng trưởng sức mạnh về thần thông của tất cả chúnệ sanh. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ nhì này được liên quan đên Niêt-bàn. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, vật thực làm sanh ra săc đẹp của tát cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đã được chứng ngộ làm sanh ra sắc đẹp về đức hạnh của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, vật thực làm lăng dịu sự buôn bực của tát cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đã được chứng ngộ làm lăng diu sự buồn bực về mọi phiền não của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ tư này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vật thực xua đi cơn đói và sự yếu đuối của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đã được chứng ngộ xua đi cơn đói và sự yếu đuối ve mọi sự kho đau của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ năm này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, vật thực có năm đức tính này được liên quan đến Niết-bàn. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: "Hu không có mười đức tính được liên quan đến Niết-bàn,\ hư không có mười đức tính nào được liên quan đến Niết-ban? Tâu Đại vương, giống như hư không là khônẹ bị sanh, không bị già, không bị chết, không lìa đời, không sanh lên, khó che ngự, không bị trộm lấy đi, không bị lệ thuộc, là chốn di chuyên của loài chim, khônệ bị chướng ngại, không có nơi tận cùng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, Niêt-bàn là không bi sanh, không bi gi không bị chét, không lìa đời, không sanh lên, khó chế ngu, không bị trộm lay đi, không bị lệ thuộc, là chốn di chuyển của các bậc Thánh, không bị chướng ngại, không có nơi tận cùng. Tâu Đại vương, hư không có mười đức tính này được liên quan đên Niêt-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "Ngọc báu ma-ni có ba đức tính được liên quan đến Niết-bàn,5, ngọc báu ma-ni có ba đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn? -Tâu Đại vương, giống như ngọc báu ma-ni ban cho điều ước muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn ban cho điều ước muốn. Tâu Đại vương, ngọc báu ma-ni có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ngọc báu ma-ni làm cho tươi cười. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn làm cho tươi cười. Tâu Đại vương, ngọc báu ma-ni có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ngọc báu ma-ni có lợi ích về ánh sáng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn có lợi ích về ánh sáng. Tâu Đại vương, ngọc báu ma-ni có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết- bàn. Tâu Đại vương, ngọc báu ma-ni có ba đức tính này được liên quan đến Niết-bàn. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: "Trầm hương đỏ có ba đức tính được liên quan đên Niêt-bàn^\ trâm hương đỏ có ba đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn? Tâu Đại vương, ệiống như trầm hương đỏ là khó đạt được. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niet-bàn là khó đạt được. Tâu Đại vương, trầm hương đỏ có đức tính thứ nhát này được liên quan đên Niêt-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, trầm hương đỏ có mùi hương tuyệt vời không thể sánh bằng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn có mùi hương tuyệt vời không thê sánh băng. Tâu Đại vương, trâm hương đỏ có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, trâm hương đỏ được những người tốt ca tụng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được các bậc Thánh nhân ca tụng. Tâu Đại vương, tràm hương đỏ có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, trầm hương đỏ có ba đức tính này được liên quan đến Niết-bàn. Thưa Ngài Nãgasena, điêu mà Ngài nói là: "Nước trong của bơ lỏng có ba đức tính được liên quan đến Niết-bàrT, nước trong của bơ lỏng có ba đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn? -Tâu Đại vương, giống như nước tronẹ của bơ lỏng được thành tựu màu sắc. Tâu Đại

vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được thành tựu màu sắc của đức hạnh. Tâu Đại vương, nước trong của bơ lỏng có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước trong của bơ lỏng được thành tựu hương thơm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được thành tựu hương thơm của giới. Tâu Đại vương, nước trong của bơ lỏng có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước trong của bơ lỏng được thành tựu phẩm vị. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được thành tựu phẩm vị [giải thoát]. Tâu Đại vương, nước trong của bơ lỏng có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, nước trong của bơ lỏng có ba đức tính này được liên quan đến Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: “Dinh núi có năm đức tính được liên quan đến Niet-ban^, đỉnh núi có năm đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn? -Tâu Đại vương, giông như đỉnh núi là cao ngát. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là cao ngất. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đỉnh núi là không dao động. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn không dao động. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đỉnh núi là khó trèo lên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, Niêt-bàn là khó trèo lên đôi với tát cả các phiên não. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đỉnh núi đối với tất cả các hạt ệiống là không nẩy mầm được. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đoi với tất cả các phiền não là không nẩy mầm được. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ tư này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đỉnh núi được thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ năm

này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, đỉnh núi có năm đức tính thứ này được liên quan đến Niết-bàn. Thưa Ngài Nāgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về hình thể và vị trí của Niết-bàn^ là thứ mười.

11. CÂU HỎI VỀ Sự CHỨNG NGỘ NIÉT-BÀN (Nibbānasacchikaranapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: uNiết-bàn không là quá khứ, không là hiện tại, không là vi lai, không phải là được sanh lên, không phải là không được sanh lên, không phải là sẽ được làm cho sanh lên." Thưa Ngài Nâgasena, ờ đây người nào đó thực hành đúng đắn và chứng ngộ Niết-bàn thì người ấy chứng ngộ cái [Niết-bàn] đã được sanh lên, hay là làm cho [Niết-bàn] sanh lên rồi chứng ngộ? -Tâu Đại vương, người nào đó thực hành đúng đắn thì chứng ngộ Niết- bàn9 người ấy chứng ngộ không phải cái [Niết-bàn] đã được sanh lên, không phải là làm cho [Niêt-bàn] sanh lên roi chứng ngộ. Tâu Đại vương, tuy nhiên có cảnh giới Niết-bàn ấy, người ấy thực hành đúng đắn và chứng ngộ cái ấy. Thưa Ngài Nâgasena, xin Ngài chớ làm cho câu hỏi này bị che đậy lại rồi mới giải thích. Xin Ngài hãy làm cho nó được mở ra, được rõ ràng, rồi giải thích. Với ước muốn đã được sanh khởi, với sự nỗ lực đã được sanh khởi, điều nào Ngài đã học, xin

Ngài hãy tuôn ra tất cả các điều ấy cho chính trường hợp này. ở đây, đám người này là mê muội, bị sanh khởi nỗi phân vân, bi khởi lên sự nghi ngờ. Xin Ngài hãy phá vỡ mũi tên có sự độc hại ở bên trong ấy. 2. - Tâu Đại vương, có cảnh giới Niết-bàn ấy? tịch tịnh, an lạc, hảo hạng. Nguồi thực hành đúng đắn, trong khi quán sát ve các hành theo lời dạy của đang Chiến Thắng, nhờ vào tuệ mà chứng ngộ Niết-bàn. Tâu Đại vương, giống như người đệ tử, theo lời dạy của vị thây, nhờ vào tuệ mà chứng ngộ được kiên thức. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người thực hành đúng đắn theo lời dạy của đấng Chiến Thắng, nhờ vào tuệ mà chứng ngộ Niết-bàn. -Vậy thì Niết-bàn sẽ được nhìn thấy như thế nào? Sẽ được nhìn thấy là không có rủi ro, không có bất hạnh, không có sợ hãi, là an toàn, tịch tinh, an lạc, thoải mái, hảo hạng, trong sạch, mát lạnh. Tâu Đại vương, giống như người đàn ông, trong khi bi đốt nóng bởi ngọn lửa với nhiều đống củi đã được phát cháy sôi sục, sau khi thoát khỏi nơi ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi vào nơi không có ngọn lửa, rồi đạt được hạnh phúc tột độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào thực hành đúnệ đắn, người ấy nhờ vào sự tác ý đúng đuờng lối chứng ngộ Niêt-bàn an lạc tôi thượng, nơi xa lìa sức nóng của ngọn lửa gôm ba loại. Tâu Đại vương, ngọn lửa là như thê nào thì ngọn lửa gồm ba loại nên được xem xét như vậy. Người đàn ông ở trong ngọn lửa là như thế nào thì người thực hành đúnệ đắn nên được xem xét như vậy. Nơi không có ngọn lừa là như thế nào thì Niết-bàn nên được xem xét như vậy.

MILINDAVẤNĐẠO^ 1063

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như nệười đàn ông đi đến nơi chất đống các xác chét của răn, chó, người và các phân thải bỏ của cơ thê, bị kẹt vào ở giữa các búi tóc bị rối lại của các xác chết, sau khi thoát khỏi nơi ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi vào nơi không có xác chết, rồi đạt được hạnh phúc tột độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào thực hành đúng đắn, người ấy nhờ vào sự tác ỵ đúng đường lối chứng ngộ Niết-bàn an lạc tối thượng, nơi xa lìa xác chét phiên não. Tâu Đại vương, xác chết là như thế nào thì năm loại dục nên được xem xét như vậy. Người đàn ông đi đến nơi các xác chết là như the nào thì người thực hành đúng đan nên được xem xét như vậy. Nơi không có xác chết là như thế nào thì Niết-bàn nên được xem xét như vậy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn ông bi khiếp sợ, bị run sợ, bị rúng động, có tâm bi xáo trộn va bị tán loạn, sau khi thoát khỏi nơi ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi vào nơi chắc chan, vững chãi, không dao động, không có sự sợ hãi, rồi đạt được hạnh phúc tột độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào thực hành đúng đắn, người ấy nhờ vào sự tác ý đúng đường lối chứng ngộ Niêt-bàn an lạc tôi thượng, nơi xa lìa sự sợ hãi và sự run sợ. Tâu Đại vương, sự sợ hãi là như the nào thì sự sợ hãi được vận hành một cách liên tục tùy thuận theo sanh, già, bệnh, chết nên được xem xét như vậy. Người đàn ông bị khiếp sợ là như thế nào thì người thực hành đúng đắn nên được xem xét như vậy. Nơi không có sự sợ hãi là như thế nào thì Niết-bàn nên được xem xét như vậy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn ông bi té ngã vào khu vực là vũng bùn, đàm lầy, bị ô nhiễm, dơ bẩn, sau khi ra khỏi vũng bùn, đầm lầy ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi đến khu vực hoàn toàn trong sạch, không nhơ bẩn, rồi đạt được hạnh phúc tột độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào thực hành đúng đắn,

người ây nhờ vào sự tác ý đúng đường lối chứng ngộ Niết-bàn an lạc tối thượng, nơi xa lìa vũng lầy phiền não ô nhiễm. Tâu Đại vương, vũng bùn là như thế nào thì lợi lộc, tôn vinh, danh tiếng nên được xem xét như vậy. Người đàn ông ở trong vũng bùn là như thế nào thì người thực hành đúng đan nên được xem xét như vậy. Khu vực hoàn toàn trong sạch, không nhơ bẩn là như thế nào thì Niết-bàn nên được xem xét như vậy. 4. Thưa Ngài, vậy thì người thực hành đúng đắn làm cách nào chứng ngộ Niết-bàn ấy? -Tâu Đại vương, người nào thực hành đúng đắn, người ấy quán sát về sự vận hành của các hành; trong khi quán sát về sự vận hành, nhìn thấy sự sanh, nhìn thấy sự già, nhìn thấy sự bệnh, nhìn thấy sự chết ở nơi ấy, không nhìn thấy bát cư điêu gì an lạc, thoai mai ơ nơi áy, từ phan đau, tư phan giữa, từ phan CUO1. Người ấy không nhìn thấy bất cứ điều gì đáng được nắm bắt. Tâu Đại vương, giống như người đàn ông không nhìn thấy bất cứ chỗ nào đáng được nắm bắt ở cục sắt được đốt nóng trọn ngày, bị bốc cháy, sôi sục, nóng bỏng, từ phần đầu, từ phần giữa, từ phàn cuối. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào quán sát về sự vận hành của các hành, người áy trong khi quán

sát về Sự vận hành, nhìn thấy sự sanh, nhìn thấy sự già, nhìn thấy sự bệnh, nhìn thấy sự chết ở nơi ấy, không nhìn thấy bất cứ điều gì an lạc, thoải mái ở nơi ấy, từ phần đầu, từ phần giữa, từ phần cuối. Người ấy không nhìn thấy bất cứ điều gì đáng được nắm bắt. Đoi với người ấy, trong khi không nhìn thay điều gì đáng được nắm bắt, sự không thích thú được thành lập ở tâm của người ấy, sự nóng bức xuất hiện ở thân của người ấy. Người ấy, không có sự bảo vệ, không có sự nương nhờ, có trạng thái không có chỗ nương nhờ, nên nhàm chán ở các hữu. Tâu Đại vương, giông như người đi vào đông lửa lớn, có ngọn lửa cháy rực. ở đó, người ấy không có sự bảo vệ, không có sự nương nhờ, có trạng thái không có chỗ nương nhờ, nên nhàm chán ở ngọn lửa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người ấy, trong khi không nhìn thấy điều gì đáng được nắm bắt, sự không thích thú được thành lập ở tâm của người ấy, sự nóng bức xuất hiện ở thân của người ấy. Người ấy, không có sự bảo vệ, không có sự nương nhờ, có trạng thái không có chỗ nương nhờ, nên nhàm chán ở các hữu. Đối với người ấy, đã nhìn thấy nỗi sợ hãi ở sự vận hành, có tâm như vầy sanh khởi: "Su vận hành này quả đã bị đốt nóng, bi cháy đỏ? bị cháy rực, có nhiều khổ đau, có nhiều ưu phiền. Nếu ai đó có thể đạt được sự không vận hành, điều ấy là tịch tịnh, điêu ây là hảo hạng, tức là sự yên lặng của tát cả các hành, sự từ bỏ tát cả các mầm tái sanh, sự diệt tận ái dục, sự lìa khỏi luyến ái, sự tinh diệt, Niết-bmn.” Nhờ vậy, tâm của người ấy lao vào ở sự không vận hành, được tin tưởng, được hài lòng, được vui mừng rằng: "Sự thoát ra đã đạt được bởi ta." Tâu Đại vương, giống như người đàn ông bị lạc lối, bị rơi vào nơi lạ, sau khi nhìn thay loi ra thì lao vào nơi ấy, được tin tưởng, được hài lòng, được vui mừng rằng: "Lối ra đã đạt được bởi ta.” Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người đã nhìn thấy nỗi sợ hãi ở sự vận hành thì tâm của người ấy lao vào ở sự không vận hành, được tin tưởng, được hài lòng, được vui mừng rằng: "Sịt thoát ra đã đạt được bởi ta." Người ấy tích lũy, theo đuổi, tu tập, thực hành thường xuyên đạo lộ đưa đên sự không vận hành. Đôi với người ây, niệm được thành lập ở mục đích ấy, tinh tấn được thành lập ở mục đích ấy, hỷ được thành lập ở mục đích ấy. Trong khi người ấy chú tâm liên tục ở tâm ấy thì vượt qua sự

vận hành, đi đen sự không vận hành. Tâu Đại vương, người đã đạt đen sự không vận hành, đã thực hành đúng đắn, được gọi là "chứng ngộ Niết-bàn.” Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 4íCâu hỏi về sự chứng ngộ Niết-bàn" là thứ mười một.

12. CÂU HỎI VỀ NƠI CHỨAĐựNG NIÉT-BÀN (Nibbānasannihitapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, có phải có vi trí ấy ờ hướng Đông, hay ờ hướng Nam, hay ờ hướng Tây, hay ở hướng Bắc, hay ờ hướng trên, hay ờ hướng dưới, hay ờ hướng ngang, là nơi Niết-bàn được chứa đựng? -Tâu Đại vương, không có vi trí ấy ở hướng Đông, hay ở hướng Nam, hay

ở hướng Tây, hay ở hướng Bắc, hay ở hướng trên, hay ở hướng dưới, hay ở hướng ngang, là nơi Niết-bàn được chứa đựng. Thưa Ngài Nâgasena, nếu không có chỗ chứa đựng của Niết-bàn, như thế thì không có Niết-bàn, và đoi với những vị nào mà Niết-bàn ấy đã được chứng ngộ, thì sự chứng ngộ của những vị ấy cũng là sai trái, trẫm sẽ nói lý do của trường hợp này. Thưa Ngài Nâgasena, giống như ở trái đất có ruộng sản xuất lúa gạo, có hoa sản xuất ra hương thơm, có lùm cây sản xuất ra hoa, có cây cối sản xuất ra trái, có hầm mỏ sản xuất ra châu báu, bất cứ ai ước muốn vật gì tại nơi đó, thì người ấy đi đến nơi đó rồi mang đi vật ấy. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, nếu có Niết-bàn thì chỗ sản xuất của Niết-bàn ấy cũng là điều được mong mỏi. Và thưa Ngài Nãgasena, chính bởi vì không có chỗ sản xuất của Niết-bàn, vì thế trẫm nói là: "Không có Niết-bàn?5 Và đối với những vi nào mà Niết-bàn ấy đã được chứng ngộ, thì sự chứng ngộ của những vi ấy cũng là sai trái. 2. Tâu Đại vương, không có chỗ chứa đựng của Niết-bàn. Và có Niết- bàn ấy. Người thực hành đúng đắn chứng ngộ Niết-bàn nhờ vào sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, giống như có cái gọi là ngọn lửa, [nhưng] không có chỗ chứa đựng của nó. Trong khi cọ xát hai thanh củi với nhau thì đạt được ngọn lửa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có Niết-bàn [nhưng] không có chỗ chứa đựng của Niết-bàn. Người thực hành đúng đắn chứng ngộ Niết-bàn nhờ vào sự tác ý đúng đường lối. 3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như có cái gọi là bảy báu vật, như là: Bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc ma-ni báu, nữ nhân báu, gia chủ báu, tướng quân báu, và không có chỗ chứa đựng của các báu vật ấy. Tuy nhiên, đối với vi Sát-đế-lỵ đã thực hành đúng đắn, do nhờ năng lực của sự thực hành mà các báu vật ấy đi đến [với vị ấy]. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có Niết-bàn [nhưng] khônệ có chỗ chứa đựng của Niết-bàn. Người thực hành đúng đắn chứng ngộ Niêt-bàn nhờ vào sự tác ý đúng đường lối. 4. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì chớ có chỗ chứa đựng của Niết-bàn. Tuy nhiên, có phải có chỗ đứng ấy, mà người đứng tại chỗ ấy thực hành đúng đắn thì chứng ngộ Niết-bàn? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Có chô đứng ây? mà người đứng tại chô ây thực hành đúng đắn thì chứng ngộ Niết-bàn. Thưa Ngài, vậy thì chỗ đứng ấy là chỗ nào mà người đứng tại chỗ ấy thực hành đúng đắn thì chứng ngộ Niết-bàn? -Tâu Đại vương, giới là chỗ đứng. Người đã thiết lập ở giới, trong khi tác ý đúng đường lối, dầu là ở Saka hay ở Yavana, ở Cĩna hay ở Vilātaṃ ở Alasanda, ở Nikumba, ở Kāsi hay ở Kosala, ở Kasmīra, ở Gandhāra, ở đỉnh núi, ở thế giới Phạm

thiên, dầu đứng ở bất cứ nơi đâu mà thực hành đúng đắn đều chứng ngộ Niết-bàn.

1066 KINH TIỂU BỒ

Tâu Đại vương, giống như người đàn ông nào đó, sáng mắt, dầu là ở Saka hay ở Yavana, ở Cĩna hay ở Vilâta, ở Alasanda, ở Nikumba, ở Kãsi hay ở Kosala ở Kasmĩra, ở Gandhâra, ở đỉnh núi, ở thế giới Phạm thiên, dầu đứng ở bất cứ nơi 5 r y -É . J r e

đâu đêu nhìn thây bâu không gian. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người đã thiết lập ở giới, trong khi tác ý đúng đường lối, dầu là ở Saka hay ở Yavana,... (nt)... dầu đứng ở bất cứ nơi đâu mà thực hành đúng đắn đều chứng ngộ Niết-bàn. Tâu Đại vương, hoặc là giống như dầu là ở Saka hay ở Yavana,...(nt)... đối với người đứng dầu ở bất cứ nơi đâu đều có phương bắc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người đã thiết lập ở giới, trong khi tác ý đúng đường lối, dầu là ở Saka hay ở Yavana,..(nt)... đối với người đứng dầu ở bất cứ nơi đâu mà thực hành đúng đắn đều chứng ngộ Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, tót lăm! Niêt-bàn đã được Ngài giảng giải, sự chứng ngộ Niết-bàn đã được giảng giải, đức hạnh của giới đã được trang bị, sự thực hành đúng đan đã được chỉ ra, biểu hiện của Chánh pháp đã được giương cao, lối dẫn vào Chánh pháp đã được thiết lập, sự ra sức đúng đắn của những vị đã ra sức tốt đẹp là không vô ích. Hỡi vị cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng, trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. wCâu hỏi về nơi chứa đựng Niết-bàn^ là thứ mười hai. Phẩm Vessantara là phẩm thứ ba. (ở phẩm này có mười hai câu hỏi)

MILINDA VẤN ĐẠO 1067

IV PHẨM SUY LUẬN (ANUMĀNAVAGGO)

ỉ. CÂU HỎI [GIẢNG BẰNG sự] SUY LUÂN (Anumānapañho) 1. Khi ấy, đức Vua Milinda đã đi đến gặp Đại đức Nâgasena, sau khi đến đã đảnh lê Đại đức Nâgasena roi ngôi xuống một bên. Khi đã ngôi xuông một bên, đức Vua Milinda có sự mong muốn được biết, mong muốn được nghe, mong muốn ghi nhớ, mong muốn nhìn thấy ánh sáng của trí tuệ, mong muốn phá vỡ sự không biết, mong muốn làm sanh khởi ánh sáng của trí tuệ, mong muốn tiêu diệt bóng toi của vô minh; sau khi thiết lập sự can đảm vượt bậc, sự cố gắng, sự ghi nhớ và sự nhận biết rõ rệt, rồi đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: 2. - Thưa Ngài Nâgasena, có phải đức Phật đã được Ngài nhìn thấy? Tâu Đại vương, không có. Có phải đức Phật đã được các vị thầy của Ngài nhìn thấy?

Tâu Đại vương, không có. Thưa Ngài Nâgasena, nghe nói đức Phật đã không được Ngài nhìn thấy, cũng nghe nói đức Phật đã không được các vị thầy của Ngài nhìn thấy. Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì không có đức Phật. Bởi vì ở đây đức Phật không được biết đến. -Tâu Đại vương, vậy thì những vị tô tiên của dòng dõi Sát-đê-lỵ của Đại vương, có cấc vị Sát-đế-lỵ tiền bối áy không? —Thưa Ngài, có. Có sự nghi ngờ gì? Có các vi Sát-đế-lỵ tiền bối, họ là tổ tiên của dòng dõi Sát-đế-lỵ của trẫm. -Tâu Đại vương, có phải các vị Sát-đế-lỵ tiền bối đã được Đại vương nhìn thấy? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, vậy thì các vị quân sư, tướng lãnh, quan tòa, quan đại thần đang cố vấn cho Đại vương, có phải các vi Sát-đế-lỵ tiền bối đã được những người ấy nhìn thấy? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, nêu các vị Sát-đê-lỵ tiên bôi đã không được Đại vương

nhìn thấy, nghe nói các vị Sát-đế-lỵ tiền bối cũng đã không được những vi co vấn của Đại vươiig nhìn thấy, vậy thì các vị Sát-đế-lỵ tiền bối ở đâu? Bởi vì ở đây các vị Sát-đế-lỵ tiền bối không được nhận biết.

1068 e KINH TIỂU BÔ

Thưa Ngài Nāgasena, những đồ dùng đã được các vị Sát-đế-lỵ tiền bối sử dụng được nhìn thấy như là: Chiếc lọng màu trắng, khăn bịt đầu, đôi giày, quạt phất trần, viên ngọc ở thanh gươm và các giường nằm vô cùng giá trị, nhờ chúng mà chúng tôi có thể biết được, có thể tin tưởng là: "C6 các vị Sát-đế-lỵ tiền boi?9 -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, chúng tôi cũng có thê biêt được, có thể tin tưởng về đức Thế Tôn ấy. Có lỵ do mà với lý do ấy chúng tôi có thể biết được, có the tin tưởng là: :C6 đức Thế Tôn ấy.” Lý do ấy là điều nào? Tâu Đại vương, quả là có những đồ dùng đã được đức Thế Tôn ấy, vi Biết, vi Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác sử dụng, như là: Bốn sự thiêt lập niệm, bốn chánh tinh tấn, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy chi phần đưa đến giác ngộ, Thánh đạo tám chi phần, nhờ chúng mà thế gian luôn cả chư thiên biết được, tin tưởng là: “C6 đức Thế Tôn ấy." Tâu Đại vương, với lý do này, với nguyên nhân này, với phương pháp này, với sự suy luận này mà có thể biết được rằng: "C6 đức Thế Tôn ấy.' “Sau khi đã giúp cho nhiều người vượt qua, Ngài đã tịch diệt ở sự đoạn tận mầm mổng tái sanh. Nhờ vào sự suy luận, có thể biết được rằng: "Co bậc Tối Thượng Nhân ấy.'" 3 Thưa Ngài Nāgasena, xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như nhà kiến trúc đô thị có ý định xây dựng thành phố thì trước tiên hết xem qua khoảnh đất bằng phăng, không bị nhô lên không bi lõm xuống, không sạn sỏi và đá tảng, không nguy hiểm, không bi chê trách, đáng được yêu thích, rồi chỗ nào không bằng phẳng thì cho san bằng chỗ ấy, cho dọn sạch gốc cây và gai góc, rồi tại chỗ ấy xây dựng thành phố lộng lẫy, được phân chia thành từng phần, đã được đo đạc, có đường hào đã được đào lên và thành lũy, có tháp canh và cổng thành vững chắc, có đường băng ngang, ngã tư, giao l, bôn binh rộng lớn, có đường lộ chính sạch sẽ và có bê mặt băng phẳng, có cửa tiệm khéo được bố trí bên trong, được đầy đủ với các khu vườn, công viên, hồ ao, đầm sen, giếng nước, được tô điểm với nhiều loại điện thờ chư thiên, toàn bộ đều không có khuyết điểm. Khi thành phố ấy đã đạt đến sự phát triên vê mọi mặt, người ây có thê đi đên khu vực khác. Roi thời gian sau đó, thành phố ấy trở nên thịnh vượng, giàu có, vật thực dễ dàng, an toàn, được phát đạt, thăng lợi, khôn§ có rủi ro, không có bát hạnh, đông đảo với nhiêu hạng người, các Sát-đế-lỵ có tam cỡ, các Bà-la-môn? các thương buôn, các nô lệ, các quản tượng, các kỵ si, các người đánh xe, các khách bộ hành, các cung thủ, các kiếm sĩ, các hiệp si, các quân nhân, các nhà cung cấp vật thực, các hoàng tử dũng mãnh, các cảm tử quân, các yếu nhân, các vị anh hùng, các chiến sĩ mặc áo giáp, các người con của kẻ nô bộc, các người con của kẻ làm thuê, các toán đấu vật, các người nấu ăn? các đầu bếp, các thợ cạo, các người hầu tắm, các thợ rèn, các người làm tràng hoa, các thợ vàng, các thợ bạc, các thợ chì, các thợ thiếc, các thợ đồng, các thợ hợp kim, các thợ sắt, các thợ ngọc ma-niy các thợ dệt, các thợ gốm, các người làm muối, các thợ thuộc da, các thợ làm xe, các thợ

MILrNDAVẤNĐẠO^ 1069

làm ngà, các thợ làm dây, các thợ làm lược, các thợ quay tơ, các thợ đan giỏ, các thợ làm cung, các thợ làm dây cung, các thợ làm tên, các thợ vẽ tranh, các thợ làm màu, các thợ nhuộm, các thợ dệt vải, các thợ may, các thợ phân kim, các người buôn vi, các người buôn hương liệu, các người cắt cỏ5 các người nhặt củi, các người làm thuê, các người bán rau, các người bán trái cây, các người bán rễ cây, các người bán cơm, các người bán bánh, các người bán cá, các người bán thịt, các người bán rượu, các kịch sĩ, các vũ công, các người múa rối, các ảo thuật gia, các nhạc công, các người đau vật, các người thiêu xác, các người đổ rác hoa, các thợ làm tre, các thợ săn, các kỹ nữ, các vũ nữ, các tớ gái đội nước, các người ở Saka, ở Yavana, ở Cĩna, ở Vilâta, ở Ujjenī, ở Bhārukaccha, ở Kāsi, ở Kosalaṃ ở Paranta, ở Magadha, ở Sāketa, ở Sorattha, ở Pāvā, ở Kotumbara, ở Madhuraṃ ỞAlasanda, ở Kasmīra, ở Gandhāra đã đi đến cư ngụ ở thành phố ấy, những người ở các địa phương khác nhau sau khi nhìn thấy thành phố ấy mới mẻ, khéo được bố trí, không khuyết diêm, không bị chê trách, đáng được yêu thích, bang cách suy luận nhận biết rằng: "Này ông bạn, nhà kiến trúc đô thị xây dựng thành phố này quả là thành thao?9 Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn ấy là vị không ai sánh bằng, tương đương với bậc không thể sánh bằng, không người đối xứng, không kẻ tương đương, không người so sánh, không thể ước lượng, không thể đo lường, không thể đinh lượng, có đức hạnh vô lượng, đã đạt đến sự toàn hảo của đức hạnh, có sự can đảm vô biên, có sự vinh quang vô biên, có sự tinh tấn vô biên, có năng lực vô biên, đã đạt đen sự toàn hảo ve Phật lực, sau khi đánh bại Ma vương cùng với đạo binh, sau khi đã phá tung mạng lưới tà kiến, sau khi dẹp bỏ vô minh, sau khi làm cho minh sanh khởi, sau khi năm giữ ngọn đuôc Chánh pháp, sau khi đạt được bản thể toàn tri, với trận chiến không bị khuất phục, đã được chiến thắng, Ngài đã xây dựng thành phố giáo pháp. Tâu Đại vương, thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn có thành lũy là giới, có đường hào là sự hổ thẹn tội lỗi, có cong thành là trí, có tháp canh là sự tinh tấn, có trụ chống là đức tin, có người gác cổng là niệm, có tòa lâu đài là tuệ, có đường băng ngang là Kinh, có bồn binh là Vi diệu pháp, có tòa án là Luật, có đường phố là sự thiết lập niệm. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đường phố về sự thiết lập niệm của thành phố áy, có các cửa tiệm với hình thức như vây khéo là được trưng bày, như là: Cửa tiệm bông hoa, cửa tiệm hương liệu, cửa tiệm trái cây, cửa tiệm thuốc giải độc, cửa tiệm thuốc chữa bệnh, cửa tiệm thuốc bất tử, cửa tiệm châu báu, cửa tiệm tông hợp. 4. Thưa Ngài Nāgasena, cửa tiệm bông hoa của đức Phật Thế Tôn là cái nào? -Tâu Đại vương, có các sự phân loại vê đôi tượng [tham thiên] đã được đức Thế Tôn ấy, vị Biết, vị Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đang Giác nói đến như là: Tưởng về vô thường, tưởng về khổ não, tưởng về vô ngã, tưởng về bất mỹ, tưởng vê điều bất lợi, tưởng vê sự dứt bỏ, tưởng về lỵ luyến ái, tưởng về sự tịch diệt, tưởng vê sự không hứng thú với mọi thứ ở thê gian, tưởng vê vô thường

trong tất cả các sự tạo tác, niệm hơi thở vào ra, tưởng về tử thi bị trương sình, tưởng về tử thi có màu xanh xám, tưởng về tử thi bát đầu thối rữa, tưởng về tử thi bị thủng nhiều lỗ, tưởng về tử thi bi thú ăn, tưởng về tử thi bi vung vãi, tưởng về tử thi bị hủy hoại và vung vãi, tưởng vê tử thi bị đẫm máu, tưởng về tử thi bi giòi bọ rút ria, tưởng

về bộ xươnệ, tưởĩiệ về tâm từ, tưởng về tâm bi, tưởng về tâm hỷ, tưởng về tâm xả, niệm ve sự chét, niệm được đặt ở thân. Tâu Đại vương, các sự phân loại về đối tượng [tham thiền] này đã được đức Phật, The Ton noi đen. ở nơi ấy, người nào có ước muốn được thoát khỏi sự già và sự chết, người ấy nắm giữ một đối tượng nào đó trong số đó, rồi nhờ vào đối tượng ấy được thoát khỏi luyến ái, được thoát khỏi sân, được thoát khỏi si, được thoát khỏi ngã mạn, được thoát khỏi [tà] kiến, vượt qua luân hồi, ngăn chặn dòng chảy tham ái, làm trong sạch ba loại vết bẩn, sau khi hủy diệt tất cả phiền não, sau khi đi vào thành phố tối thượng là thành phố Niết-bàn, không vết nhơ, hết bụi bặm, trong sạch, tinh khiết, không sanh, không già, không chết, an lạc, có trạng thái mát lạnh, không có nỗi sợ hãi, rồi làm cho tâm được giải thoát ở phẩm vị A-la- hán. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm bông hoa của đức Thế Tốn." “Sau khi nắm lấy tiền vốn là nghiệp [thiện]y hãy đi đến cửa tiệm, hãy mua lấy đối tượng, từ đỏ hãy được tự do ở sự giải thoáty 5. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm hương liệu của đức Phật, Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, có các sự phân loại về giới đã được đức Thế Tôn ấy nói đến. Được thoa bởi hương thơm của giới ấy, các người con trai của đức Thế Tôn tỏa hơi, tràn ngập the gian luôn cả chư thiên bang hương thơm của giới, rồi thổi đến, bao trùm hướng chính, hướng phụ, gió thuận chiều, gió nghịch chiều, sau khi tỏa khắp thì lắng đọng lại. Các sự phân loại về giới ấy là các cái nào? Là giới của sự nương nhờ [tam quy], năm giới, tám điều giới, mười điều giới, giới của sự thu thúc theo Giới bôn (Pâtỉmokkhd) được bao gôm ở năm phân đọc tụng. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm hương liệu của đức Thế Ton?9 Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trơi noi đếnỹ ợ ụ

"Hương thơm của bông hoa không bay ngược chiều gió, [hương thơm của] go tram, go tagara, hoặc hoa nhài cũng không. Ị" 5 Còn hương thơm của những người tót bay ngược chiêu gió, bậc thiện nhân tỏa hương [thơm giới hạnh] khắp mọi phương. Gô trâm, gô tagara, hoặc ngay cả hoa sen và hoa nhài, trong sô các loại có hương thơm này, hương thơm của giới là vô thượng.13 14

13 Theo Chủ giải, nghiệp [thiên] ở đây là các thiện pháp đã làm trong sự chứng minh của chư Phật quá khứ (Milindatīka, van bản mau tự Sinhala, trang 413). 14 .v. 54, 55, 56.

Hương thơm này của gỗ tagara hay gỗ trầm là nhỏ nhoi, còn hương thơm của những người có giới hạnh thổi giữa chư thiên là toi thượng^ 6. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm trái cây của đức Phật, Thế Tôn là cái nào? -Tâu Đại vương, các loại quả đã được đức Thế Tôn ấy nói đến như là: Quả vị Nhập lưu, quả vị Nhát lai, quả vị Bát lai, quả vị A-la-hán, sự thê nhập quả vị Không tánh, sự thê nhập quả vi Vô tướng, sự thê nhập quả vi Vô nguyện, ơ nơi ấy, người nào ước muốn quả vi nào, người ấy sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp [thiện] rồi mua lấy quả vi đã được mong mỏi, nếu là quả vi Nhập lưu, hay quả vi Nhất lai, hay quả vị Bất lai, hay quả vị A-la-hán, hay sự thể nhập quả vị Không tánh, hay sự thể nhập quả vị Vô tướng, hay sự thể nhập quả vị Vô nguyện. Tâu Đại vương, giống như cây xoài của người đàn ông nào đó là có trái thường xuyên. Cho

đến khi nào người mua chưa đi đến thì người ấy còn chưa làm cho các trái từ trên cây rơi xuống. Trái lại, khi người mua đã đến thì người ấy nhận tiền vốn ở người mua rồi bảo như vầy: uNày ông, cây xoài này quả là có trái thường xuyên, ông muốn chừng nào ở cây ấy thì hãy lấy chừng ấy, hoặc còn sống, hoặc còn non, hoặc còn lông tơ? hoặc chưa chín, hoặc đã chín." Ngươi ây, vơi so tiên von đã được trao ra áy cua mình, nêu muôn trai con sông thì lấy trái còn sống, nếu muốn trái còn non thì lấy trái còn non, nếu muốn trái còn lông tơ thì lấy trái còn lông tơ, nếu muốn trái chưa chín thì lấy trái chưa chín, nếu muốn trái chín thì lấy trái chín. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào ước muốn quả vị nào thì sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp [thiện], người ấy nhận lấy quả vị đã được mong mỏi, nếu là quả vị Nhập lưu,... (nt)... hay sự thể nhập quả vi Vô nguyện. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm trai cay của đức The Tôn. "Sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp [thiện], rồi cầm lẩy trái cảy bất tử, những người nào mua trái cây bất tử, do việc ấy những người ấy được an lạcy 7. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm thuốc giải độc của đức Phật, Thế Tôn là cái nào? -Tâu Đại vương, các thuốc giải độc đã được đức Thế Tôn nói đến, với các thuốc giải độc này đức Thế Tôn ấy giúp cho thế gian luôn cả chư thiên thoát khỏi thuốc độc phiền não. Vậy thì các thuốc giải độc ấy là các loại nào? Tâu Đại vương, bốn chân lý cao thượng này đã được đức Thế Tôn nói đến, như là: Chân lý cao thượng về sự khổ, chân lý cao thượng về nguyên nhân của khổ, chân lý cao thượng về sự diệt khổ, chân lý cao thượng về sự thực hành theo con đường đưa đến sự diệt khổ. Tại nơi ấy, những người nào mong muốn trí tuệ lắng nghe giáo pháp về bốn chân lý, những người ấy được giải thoát khỏi sự sanh, được giải thoát khỏi sự già, được giải thoát khỏi sự chết, được giải thoát khỏi các sầu-bi-khổ-ưu-não. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm thuốc giải độc của đức Thế T6n." "Bất cứ các thuốc giải độc nào ở the gian đều là những vật đay lùi các chất

độc, không có loại nào sánh bằng thuốc giải độc là giáo phápf này các Tỳ- khưu, các ngươi hãy uống loại này." 8. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm thuốc chữa bệnh của đức Phật, Thế Tôn là cái nào? -Tâu Đại vương, các thuốc chữa bệnh đã được đức Thế Tôn nói đến, với các thuốc chữa bệnh này đức Thế Ton ấy chữa bệnh cho chư thiên và nhan loại, như là: Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh tinh tấn, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy chi phần đưa đến giác ngThánh đạo tám chi phần. Với những thuốc chữa bệnh này đức Thế Tôn tay sạch tà kiến, tẩy sạch tà tư duy, tẩy sạch tà ngữ, tẩy sạch tà nghiệp, tẩy sạch tà mạng, tẩy sạch tà tinh tấn, tây sạch tà niệm, tẩy sạch tà định, làm cho ói ra tham, làm cho ói ra sân, làm cho ói ra si, làm cho ói ra ngã mạn, làm cho ói ra tà kiến, làm cho ói ra hoài nghi, làm cho ói ra phóng dật9 làm cho ói ra sự dã dượi buồn ngủ, làm cho ói ra sự không hổ thẹn và không ghê sợ [tội lỗi], làm cho ói ra tất cả phiền não. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm thuốc chữa bệnh của đức Thế Ton." i "Bất cứ các thuốc chữa bệnh nào được tìm thấy ở thế gian là đa dạng và có nhiều, không có loại nào sánh bang thuốc chữa bệnh là giáo pháp, này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy uổng loại này. Sau khi uông vào thuôc chữa bệnh là giáo pháp, thì có thê trở thành không già không chết, Sau khi tu tập và sau khi nhìn thay, thì được tịch diệt ở sự đoạn tận mầm mống tái sanh' 9. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm

thuốc bất tử của đức Phật, Thế Tôn là cái nào? -Tâu Đại yươĩiậ, thuốc bất tử đã được đức Thế Tôn nói đến, với thuốc bất tử này đức Thế Tôn ấy rưới rắc cho thế gian luôn cả chư thiên, do đã được rưới rắc với thuốc bất tử này, chư thiên và nhân loại đã được giải thoát khỏi sanh- già-bệnh-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não. Thuốc bất tử ấy là cái nào? Tức là niệm đặt ở thân. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đên: “Này các Tỳ-khưu, những người nào thọ hưởng niệm đặt ở thăn, những người ây thọ hưởng sự bát tửy Tâu Đại vương, cái này được gọi là “cửa tiệm bất tử của đức Thế n.” “Sau khi nhìn thấy loài người bi bệnh, Ngài đã bày ra cửa hàng thuốc bất tử. Này các Tỳ-khiru, các người hãy mua vật ấy bằng nghiệp [thiện] và hãy nhận lấy thuốc bất tủy 10. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm châu báu của đức Phật, Thế Tôn là cái nào? -Tâu Đại vương, các châu báu đã được đức Thế Tôn nói đến. Được trang diêm với các châu báu này, những người con trai của đức Thế Tôn chiếu sáng, soi sáng, tỏa sáng, rực sáng, phát sáng ở thế gian luôn cả chư thiên, phô bày ánh sáng ở hướng trên, ở hướng dưới, ở hướng ngang. Các châu báu ấy là các loại

nào? Giới báu, định báu, tuệ báu, giải thoát báu, trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát báu, các tuệ phân tích báu, các giác chi báu. Tâu Đại vương, giới báu của đức Thế Tôn là cái nào? Giới của sự thu thúc theo Giới bổn (Pãtimokkha), giới của sự thu thúc ở các quyền, giới của sự trong sạch về nuôi mạng, giới liên quan đến các vật dụng, giới nhỏ, giới trung, giới lớn, giới của đạo, giới của quả. Tâu Đại vương, thế gian luôn cả chư thiên, cùng với Ma vương, Phạm thiên, và các dòng dõi Sa-môn9 Bà-la-môn đều ước muốn, mong cầu người đã được trang sức với châu báu của giới. Tâu Đại vương, được chưng diện với châu báu của giới, vị Tỳ-khiru chiếu sáng, chiếu chói lọi ở hướng chính, hướng phụ? hướng trên, hướng dưới, hướng ngang. Vị ấy vượt qua, ngự trên, nhấn chìm tất cả các châu ngọc ở trong khoảng giữa, tính từ phía dưới là địa ngục Vô Gián từ phía trên là cõi cao nhất, rồi đứng lại. Tâu Đại vương, các giới báu có hình thức như thế được trưng bày ở cửa tiệm châu báu của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "giới báu cua đức Thế Tôn.^, "Các giới có hình thức như the hiện diện ở cửa tiệm của đức Phật, Các ngươi hãy mua châu bảu ấy bang nghiệp [thỉệnỊ và hãy chưng dỉệny 11. Tâu Đại vương, định báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, định có tầm có tứ, định không tầm chỉ có tứ, đinh không tầm không tứ, định không tánh, đinh vô tướng, định vô nệuyện. Tâu Đại vương, đối với vị Tỳ-khun chưng diện định báu, các suy nghĩ vê [ngũ] dục, các suy nghĩ vê oán hận, các suy nghĩ về hãm hại, ngã mạn, phóng dật5 tà kiến, hoài nghi, các nền tảng của phiền não và nhiều loại suy nghĩ xấu xa5 tất cả chúng sau khi tiếp cận với định thì phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ lại, không đeo bám. Tâu Đại vương, giống như nước ở lá sen thì phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ lại, không đeo bám. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Vì tính chất trong sạch của cây sen. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với vị Tỳ-khưu chưng diện định báu, các suy nghĩ ve [ngu] dục, các suy nghĩ ve oan nạn, các suy nghĩ ve hãm hại, ngã mạn, phóng dật, tà kiến, hoài nghi, các nền tảng của phiền não và nhiều loại suy nghĩ xấu xa, tất cả chúng sau khi tiếp cận với định thì phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ lại, không đeo bám. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Vì tính chất trong sạch của định. Tâu Đại vương, cái này

được gọi là "định báu của đức Thế T6n." Tâu Đại vương, các định báu có hình thức như thế được trưng bày ở cửa tiêm chau bau cua đức The Ton. "Đôi với vi có tràng hoa là định bảu, các suy nghĩ xâu xa không sanh lên và tâm không bỉ tán loạn, các ngươi hãy chưng diện vật áy." 12. Tâu Đại vương, tuệ báu của đức Thế Tôn là cai nào? Tâu Đại vương, với tuệ nào vị Thánh đệ tử nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Cái nay là thiên”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Cái này là bất thiện55, nhận biết đúng theo thực thể rằng: uCái này là có tội, cái này là không có tội, cái này là nên thực hành, cái này là không nên thực hành, cái này là thấp kém, cái này là hảo hạng,

cái này là đen, cái này là trắng, cái này có sự lẫn lộn giữa đen và trắng”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đay là kh6", nhận biết đung theo thực thể rằng: "Đay là nhân sanh kh6", nhận biết đung theo thực thể rằng: “Dây là sự diệt tận kh6'\ nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ.,, Tâu Đại vương, cái này được gọi là "tuệ báu của đức Thế T6n." "Đoi với vỉ có tràng hoa là tuệ báu, sự hiện hữu không xoay chuyển lâu dài. Vị ấy mau chóng chạm đen bất tử và không thích thú ở sự hiện hữu." 13. Tâu Đại vương, giải thoát báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, "giải thoát báu" được gọi là phàm vị A-la-hán. Tâu Đại vương, vị Tỳ- khưu đã đạt đến phẩm vi A-la-hán được gọi là "chưng diện giải thoát báu.” Tâu Đại vương, giống như người đàn ông được trang điểm với đồ trang sức là xâu chuỗi ngọc trai, ngọc ma-ni, vàng, san hô, thân thể được thoa với dầu thơm của các cây tagara, tâlĩsa và trầm hương đỏ, được điểm tô với các loại hoa lim, hoa nguyệt que, hoa salaỊa, hoa cầy, hoa nhài vàng, hoa atimuttaka, hoa vòi voi, hoa sen, hoa nhài trâu, hoa nhài Ả-rập thì vượt trội, chiếu sáng, chói sáng, soi sáng, tỏa sáng, lóe sáng, rực sáng, phát sáng, ngự trị, nhan chìm những người còn lại băng các đô trang sức là vòng hoa, hương thơm và châu báu. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị đã đạt đến phẩm vi A-la-hán có lậu hoặc đã cạn kiệt, được chưng diện giải thoát báu, so với các Tỳ-khưu đã được giải thoát có liên quan điều này điều khác thì vượt trội, vượt lên, chiếu sáng, chói sáng, soi sáng, lóe sáng, rực sáng, phát sáng, ngự trị, nhân chìm với sự giải thoát [của bản thân]. Điêu ây có nguyên nhân là gì? Tâu Đại vương, vật chưng diện này là tối thắng trong số tất cả các vật chưng diện, tức là giải thoát báu. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "giải thoát báu của đức Thế T6n." "Người [làm công] trong nhà ngước nhìn người chủ đang mang tràng hoa có ngọc ma-nỉf còn the gian có cả chư thiên ngước nhìn tràng hoa có giải thoát báu." 14. Tâu Đại vương, trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, trí về việc quán xét lại được gọi là "trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát báu” của đức Thế Tôn, nhờ vào trí ấy vị Thánh đệ tử quán xét lại đạo, quả, Niết-bàn, các phiền não đã dứt bỏ và các phiền não còn sót lại. "Nhờ vào trí nào, các bậc Thảnh biết rõ trạng thải đã hoàn thành phận sựf hỡi những người con của đang Chiến Thắng, hãy tinh tan đe đạt được châu bảu trí tuệ ấyy 15. Tâu Đại vương, tuệ phân tích báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, là bốn tuệ phân tích là "tuệ phân tích về ý nghĩa, tuệ phân tích về pháp, tuệ phân tích về nỊÔn từ, tuệ phân tích về phép biện gii."Tâu Đại vương, được trang điểm với bon tuệ phân tích báu này, vị Tỳ-khưu đi đến mỗi một tập thể nào dầu là tập thể Sát-đe-lỵ, hay tập thể Bà-la-môn, hay

tập thể gia chủ, hay tập thể Sa-môn, đều đi đến với sự tự tin, không có trạng thái hổ thẹn, không nhút

nhát, không hãi sợ, không hốt hoảng, đi đến tập thể không bị nổi da gà. Tâu Đại vương, giong như người chiến sĩ, anh hùng của chiến trận, đã vũ trang năm loại vũ khí, không kinh sợ, lao vào chiên trận [nghĩ răng]: uNêu các quân địch ở xa, ta sẽ hạ gục bằng mũi tên, kế đó gàn hơn nữa thì ta sẽ đánh bằng cây lao, kế đó gần hơn nữa thì ta sẽ đánh bằng cây thương, với kẻ đang tiến đến gần thì ta sẽ chém làm hai bằng cây kiếm lưỡi cong, còn kẻ đã đến sát bên thân thì ta sẽ đâm thủng bằng cây dao." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị Tỳ-khưu được trang sức với bốn tuệ phân tích đi vào tập thể khônệ kinh sợ [nghĩ rằng]: uBất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích ý nghĩa, đoi với người ấy ta sẽ thuyết giảng về ý nghĩa bằng ý nghĩa, ta sẽ thuyết giảng về lý do bằng lý do, ta sẽ thuyêt giảng về nguyên nhân băng nguyên nhân, ta sẽ thuyêt giảng về phương pháp băng phương pháp, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ băng sự giải thích câu hỏi. Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích pháp, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về pháp bằng pháp, ta sẽ thuyết giảng vê bất tử bằng bất tử, ta sẽ thuyết giảng về không tạo tác bằng không tạo tác, ta sẽ thuyết giảng về Niết- bàn bằng Niết-bàn, ta sẽ thuyết giảng về không tánh bằng không tánh, ta sẽ thuyết giảng về vô tướng bằng vô tướng, ta sẽ thuyết giảng về vô nguyện bằng vô nguyện, ta sẽ thuyết giảng về bất động bằng bất động, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng sự giải thích câu hoi. Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích n^ôn từ, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về ngôn từ bằng ngôn từ, ta sẽ thuyet giảng về đoạn kệ đầu bằng đoạn kệ đầu, ta sẽ thuyết giảng về đoạn kệ kế tiếp bằng đoạn kệ kế tiếp, ta sẽ thuyết giảng về âm từ bằng âm từ, ta sẽ thuyết giảng về nối âm bằng nối âm, ta sẽ thuyết giảng về phụ âm bằng phụ âm? ta sẽ thuyết giảng về âm phụ thuộc bằng âm phụ thuộc, ta sẽ thuyết giảng về hình thức bằng hình thức, ta sẽ thuyết giảng về nguyên âm bàng nguyên âm, ta sẽ thuyết giảng về khái niệm bằng khái niệm, ta sẽ thuyết giảng về tên gọi bằng tên gọi, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân9 ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng sự giải thích câu hỏi. Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích phép biện giải, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về phép biện giải bằng phép biện giải, ta sẽ thuyết giảng về ví dụ bằng ví dụ, ta sẽ thuyết giảng về tướng trạng bằng tướng trạng, ta sẽ thuyết giảng về phẩm vị bằng phẩm vị, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng việc giải thích câu hỏi?5 Tâu Đại vương, cái này được gọi là "các tuệ phân tích báu của đức Thế Ton." "Sau khi mua các tuệ phân tích, nhờ vào trí vị nào có thể chạm đến, thì [vi ấy] không kinh sợ, không xao động, chói sảng thế gian luôn cả chư thiên' 16. Tâu Đại vương, giác chi báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, có bảy giác chi này là: "Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, cần giác chi, hỷ giác chi, tịnh giác chi, định giác chi, xả giác chi." Tâu Đại vương, được trang

điểm với bảy giác chi báu này, vi Tỳ-khưu chế ngự mọi sự tối tăm, soi sáng, tỏa sáng thế gian luôn cả chư thiên và làm sanh lên ánh sáng. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "giác chi báu của đức Thế T6n." "Thê gian luôn cả chư thiên đêu đứng dậy [chào] đôi với người có tràng hoa là giác chi bảu, Các ngươi hãy mua châu báu ấy bang nghiệp [thiện] và hãy chưng dỉệny 17. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm tổng hợp của đức Phật, Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, cửa tiệm tông hợp của đức Thê Tôn có lời dạy của đức Phật gồm chín thể loại, các Xá-lợi9 các vật dụng, các bảo tháp và hội chúng báu. Tâu Đại vương, do đức Thế Tôn ở cửa tiệm tổng hợp sự thành tựu về sanh chủng được trưng bày, sự thành tựu về của cải được trưng bày, sự thành tựu về tuổi thọ được trưng bày, sự thành tựu về không bệnh được trưng bày, sự thành tựu về sắc đẹp được trưng bày, sự thành tựu về tuệ được trưng bày, sự thành tựu về cõi người được trưng bày, sự thành tựu về cõi trời được trưng bày, sự thành tựu về Niết-bàn được trưng bày. Tại nơi ấy, những người nào ước muốn sự thành tựu này hay sự thành tựu nọ. những người ấy sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp [thiện] rồi mua lấy sự thành tựu đã được mong mỏi thê này thê nọ. Nhiêu người mua băng sự thọ trì giới, nhiều người mua bang việc hành trì trai giới, roi nhận được các sự thành tựu tùy theo từng phần tiền vốn là nghiệp [thiện] ít ỏi. Tâu Đại vương, giống như ở cửa tiệm của người chủ tiệm có các loại mè, đậu muggā, đậu māsā, những người ấy mua gạo, đậu muggā, đậu māsā, với sô lượng chút ít tùy theo từng phần tiền vôn ít ỏi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, ở cửa tiệm tông hợp của đức Thế Tôn, những người ấy nhận được các sự thành tựu tùy theo từng phần tiền vốn là nghiệp [thiện] ít ỏi. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm tổng hợp của đức Thế Ton?9 "Tuổi thọ, sự không bệnh, sắc đẹp, cõi trời, việc có được ^ỉa tộc cao sang và sự không tạo tác, sự bất tử là cỏ ở cửa hàng tong hợp, ở đang Chiến Thắng. Được nhận lây ít hay nhiêu tùy theo phân tiên vôn là nghiệp [thiện]. Này các Tỳ-khimf sau khỉ mua bang tiền von là đức tin, các ngươi hãy được thành tựu.” 18. Tâu Đại vương, ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn có những người như thế này sinh sống: Các vi chuyên vê Kinh, các vị chuyên vê Luật, các vi chuyên về Vi diệu pháp, các vị thuyết giảng về Pháp, các vị trì tụng Bổn sanh, các vi trì tụng Trường bộ. các vi trì tụng Trung bộ. các vị trì tụng Tương ưng, các vi trì tụng Tăng chi, các vị trì tụng Tiểu bộ. các vị đầy đủ giới, các vị đầy đủ đinh, các vị đầy đủ tuệ, các vị thích thú việc tu tập các giác chi, các vị hành minh sát, các vị gắn liền với mục đích của mình, các vị ngụ ở rừng, các vị ngụ ở gốc cây, các vị ngụ ở ngoài trời, các vị ngụ ở đống rơm, các vị ngu ở mộ địa, các vị [hành pháp] vê oai nghi ngôi [không năm], các vi đã tiên đên [đạo], các vị đã trú ở quả, các vị Hữu học đã đạt được quả vị, các vi Nhập lưu, các vị Nhất

lai, các vị Bất lai, các vị A-la-hán có ba minh, có sáu thắng trí, có thần thông, đã đạt đến sự toàn hảo về tuệ, thiện xảo về sự thiết lập niệm, chánh tinh tấn, nền tảng của thân thông, quyên, lực, giác chi, dạo, thiên, giải thoát, sác và vô sác, về việc thể nhập vào sự tịch tinh và an lạc. Thành phố giáo pháp đã là đông đúc, dày đặc, chen chúc, tràn ngập với các vị A-la-hán ấy, tợ như rừng sậy hay rừng mía đường, ở đây có: "Các vi có luyến ái đã lìaf có sân đã lìa, có si đã lìa, không còn lậu hoặc, có tham ải đã lìa, không còn chấp thủ, các vi ấy sống ở thành phố giáo pháp. Các vị ngụ ở rừng, duy trì pháp từ

khước, chứng thiền, có y thô xấu, thỏa thích sự cô độc, sáng suôi, các vi ầy sông ở thành phô giáo pháp. Các vỉ giữ oai nghi ngỏif ngụ chỗ được chỉ đinh, đứng và đi kinh hành, tất cả đều mangy may bằng vải quăng bỏ, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp. Các vỉ sử dụng bay, thanh tinh, có mảnh da thú là vật thứ tưt thích thủ việc [thọ thực] một chỗ ngồi, hiểu biết, các vi ấy sống ở thành phố giảo pháp. Các vi ít ham muốn, chỉn chắn, sáng suốt, [thọ] chút ít vật thực, không tham lamf tự biết đủ với việc có hay không có, các vi ấy song ở thành pho giảo pháp. Các vi chứng thiền, thích thú với thiền, sáng suốt, có tâm thanh tinh, được định tĩnh, có sự mong mỏi về cõi thiền Vô sở hữư, các vị ấy sống ở thành phổ giáo pháp. Các vi đã tiến đến [đạo], đã trủ ở quả, là các bậc Hữu học, đã đạt được quả v/, là những vỉ mong mỏi mục đích tối thượng, các vị ấy sổng ở thành phổ giảo pháp. Các vi Nhập lưu, không vết nho, các vi Nhất lai, các vi Bất lai và các vị A-la-hán, các vỉ ấy song ở thành pho giáo pháp. Các vỉ thiện xảo về sự thiết lập niệm, thích thủ việc tu tập các giác chi, các vi hành minh sát, có sự ghi nhớ về giáo pháp, các vỉ ấy sông ở thành phổ giảo pháp. Các vi thiện xảo về các nền tảng của thần thông, thích thú việc tu tập đinh, gắn bó với chánh tinh tấn, các vi ấy sống ở thành phổ giảo pháp. Các vi đã đạt đên sự toàn hảo vê các thăng trí, thích thú với hành xứ có tỉnh chát truyên thông, có sự di chuyên ở không trung, các vi ây sông ở thành phô giáo pháp. Các vi có mắt nhìn xuống, nói ndng chừng mực, có các giác quan được canh phòng, khẻo thu thúc, đã được huấn luyện tốt đẹp ở giáo pháp tối thượng, các vỉ ấy sổng ở thành phổ giáo pháp. r ỉ x Các vị có ba minh và sáu thăng trí, đã đi đên sự toàn hảo của thân thông, đã đạt được sự toàn hảo về tuệ, các vi ấy sổng ở thành phổ giáo pháp"' 19. Tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu nào có sự gìn giữ trí cao quý không đo lường được, không bị ràng buộc, có đức hạnh không thể so sánh, có danh vọng không so sánh được, có năng lực không so sánh được, có vinh quang

không so sánh được, là các vi tiêp tục chuyên vận bánh xe giáo pháp, đã đi đên sự toàn hảo về tuệ, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là ucác Tướng quân Chánh pháp99 ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào có thần thông, có các tuệ phân tích đã được chứng đạt, có các sự tự tín đã được đạt đến, có sự di chuyển ở không trung, khó sánh bằng, khó khuất phục, di chuyển không cần vật để bám víu, làm rúng động trái đất có biển và núi, có thể vuốt ve mặt trăng và mặt trời, thiện xảo về biến hóa, về sự chú nguyện và phát nguyện, đã đi đến sự toàn hảo về thần thông, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những vị quân su" ở thanh phồ giáo pháp của đưc Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào đã theo đuổi các pháp từ khước, ít ham muôn, tự biết đủ? chán ghét sự yêu cầu và sự tầm cầu sai trái, đi khất thực theo từng nhà, tợ như các con ong hút lấy hương hoa rồi đi vào khu rừng cô quạnh, không quan tâm đen thân the và mạng song, đã đạt được phẩm vị A-la-hán, đã được xem là tối thắng về đức hạnh của các pháp từ khước, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như the được gọi là "những vị quan tòa,5 ở thành phố giáo pháp cua đúc Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vi Tỳ"khưu nào thanh tịnh, không vết nhơ, không còn phiền não, thiện xảo về tử sanh, đã đi đến sự toàn hảo về thiên nhằn, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là

"những vị thắp sáng thành ph6" ở thành pho giáo pháp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào nghe nhiều, có Kinh điển được truyền thừa, có sự ghi nhớ về giáo pháp, có sự ghi nhớ về Luật, có sự ghi nhớ về các tiêu đề, thiện xảo về việc chia chẻ các âm là không gió hay có gió, dài hay ngắn, nặng hay nhẹ, có sự ghi nhớ ve các lời giáo huấn gom chín the loại, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những vi bảo vệ giao pháp" ở thành phố giao phắp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những VỊ Tỳ-khưu nào hiêu biêt vê Luật, thông thái về Luật, thiện xảo về phần mở đầu và phần đọc tụng, thiện xảo về sự phạm tội, sự không phạm tội, tội nặng có thể chữa trị hay không thể chữa trị, sự thoát tội, sự trình báo tội, sự khiển trách, sự sửa chữa, sự mời vào, sự đuổi ra, sự hòa giải, đã đi đên sự toàn hảo vê Luật, tâu Đại vương, những vi Tỳ-khưu như thê được gọi là "những vi thành thạo về nghi thức' ở thành phô giáo pháp của đức Thê Ton. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào được quàng vào tràng hoa gồm các bông hoa cao quý của sự giải thoát, đã đạt được bản thể cao quý, ưu tú, giá trị cao, đứng đầu, được yêu quý và mong mỏi của số đông người, tâu Đại vương, những vi Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người chủ tiệm hoa" ở thành phố giao pháp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào đã được thấu triệt sự lãnh hội về bốn sự thật, đã nhìn thấy sự thật, đã nhận thức được giáo pháp, đã vượt

qua các sự hoài nghi về bốn quả vị Sa-môn, đã đạt được an lạc của quả vị? và chia phần những quả vị ấy cùng với những vị khác cũng đang thực hành, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khiru như thế được gọi là “những người chủ tiệm trái cay” ở thanh phố giao pháp của đức Thế Tôn? Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào được thoa hương thơm tốt đẹp cao quý của giới, mang nhiều đức hạnh đủ các loại, làm tiêu tan mùi thối của phiền não và ô nhiễm, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như the được gọi là "những người chủ tiệm hương liêu” ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào yêu mên giáo pháp, có lời nói đáng yêu quý, có sự vui thích tột bực ở Thắng pháp, ở Thắng luật; những vi đi vào rừng, đi đến cội cây, đi đến ngôi nhà trống vắng, uống vào vị nếm cao quý của giáo pháp, được thấm nhuần hương vị cao quý của giáo pháp bằng thân, bằng khẩu và băng ý, có tài biện giải tuyệt vời, đã thực hành sự tâm cầu về pháp trong số các pháp, từ nơi này hoặc từ nơi kia; ở nơi nào có sự thuyết giảnệ vê ít ham muôn, thuyêt giảng vê sự tự hoan hỷ, thuyết giảng về sự tách ly, thuyêt giảng vê sự không két giao, thuyêt giảng vê việc khởi sự tinh tấn, thuyết giảng về giới, thuyêt giảng vê đinh, thuyêt ệiảng về tuệ, thuyết giảng về giải thoát, thuyêt giảnệ vê trí tuệ và nhận thức vê sự giải thoát, sau khi đi đến nơi này nơi khác và uông vào từng hương vị của cuộc thuyêt giảng, tâu Đại vương, những vi Tỵ-khưu như thế được gọi là "những vị nghiện uống, có sự khao khát” ở thành pho giáo pháp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào đầu đêm và cuối đêm gắn bó với sự rèn luyện về tỉnh thức, trải qua đêm ngày với việc ngồi, đứng và đi kinh hành, gắn bó với sự rèn luyện về việc phát triển [thiền], đang đeo đuổi mục đích của mình nham xua đuổi các phiền não, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người canh giữ thành ph6" ở thành phố giáo pháp của đức The Ton.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào bảo đọc, bảo đọc theo, giảng giải, lặp lại lời dạy của đức Phật gồm chín thể loại về ý nghĩa, về văn tự, về phương pháp, về lý do, về nguyên nhân và về ví dụ, tâu Đại vương, nhữnệ vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người chủ tiệm giáo pháp" ở thành phô giáo pháp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vi Tỳ-khiru nào là những người có của cải, có tài sản, với của cải là châu báu về giáo pháp, với của cải là sự học tập và lắng nghe về kinh điển, có sự thấu triệt về nguyên âm, phụ âm, và đặc điểm đã được diễn đạt, có sự hiểu biết rộng rãi, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người triệu phú về giáo pháp" ở thành phố giáo pháp _ 9 4- rril rr\ Á A của đức The Ton. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vi Tỳ-khưu nào có sự thấu triệt sự thuyết giảng tột bực9 đã quen thuộc với sự phân loại và mô tả đối tượng [của tâm], đã đạt đến sự toàn hảo về đức hạnh của việc học tập5 tâu Đại vương, những vị

Tỳ-khưu như thế được gọi là "nhũng nhà đạo đức nổi tiếng,, ở thành phố giáo pháp cua đức The Ton. Tâu Đại vương, thành phố giáo pháp của đức Thế Ton đã khéo được bố trí như vậy, khéo được xây dựng như vậy, khéo được sắp xếp như vậy, khéo được bồi đắp như vậy, khéo được xác đinh như vậy, khéo được bảo vệ như vậy, khéo được gìn giữ như vậy, khó bi chế ngự như vậy bởi những kẻ nghịch, những kẻ thù. Tâu Đại vương, với lý do này, với nguyên nhân này, với phương pháp này, với sự suy luận này, nên nhận biêt rằng: ^Có đức Thế Tôn ấy. "Cũng giống như sau khi nhìn thay thành pho khẻo được bo trí, làm thích ýf bang suy luận họ nhận biết sự vĩ đại của nhà kiến trúc. Y như thế ấy, sau khỉ nhìn thấy thành phổ giáo pháp cao quỷ của đấng Bảo Hộ Thế Gian, bằng suy luận họ biết rằng: 'Có đức Thế Tôn ấy.' Sau khi nhìn thây làn sóng ở biên cả, băng suy luận họ biêt răng theo như làn sóng này được nhìn thay thì biến cả sẽ là lớn lao. Tương tợ, đức Phật là bậc xua đi nỗi sầu muộn, không bỉ đánh bại ở mọi nơi, đã đạt đến sự cạn kiệt của tham ải, có sự thoát khỏi sự luân chuyển trong các cõi. Sau khi nhìn thấy làn sóng ở thế gian luôn cả chư thiên, theo như sự lan rộng của làn sóng giảo pháp, bằng suy luận có thể biết được đức Phật sẽ là hạng nhất. Sau khi nhìn thấy ngọn núi vươn cao, theo như cách nó được vươn cao, bang suy luận họ biết rang nó sẽ là núi Hy-mã-lạp. Tương tợ, sau khi nhìn thấy ngọn núi giáo pháp của đức Thế Tôn có trạng thái mát lạnh, không có mầm mổng tải sanh, vươn cao, không dao động, khẻo được thiết lập. Sau khi nhìn thây ngọn núi giảo pháp, băng suy luận có thê biêt được bậc Đại hùng ấy chỉnh là như thế, đức Phật sẽ là hạng nhất. Cũng giống như sau khi nhìn thấy bàn chân của con voi chúa, bằng suy luận mọi người biết được rằng: 'Con voi ấy là to lớn.' Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy dấu chân của đức Phật vĩ đại, bậc Có Sự Thông Suốt, bang suy luận họ biết rang vỉ ấy sẽ là tột bực. Sau khỉ nhìn thấy những con thủ nhỏ bi sợ hãi, bằng suy luận họ biết rằng: 'Những con thủ nhỏ này bi sợ hãi bởi âm thanh của con thú chúa.' Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy các ngoại đạo bỉ bối rổi, có tâm sợ hãi, bằng suy luận có thể biết được tiếng rổng của đấng Pháp Vương. Sau khỉ nhìn thấy trái đất đã được nệuộỉ lạnh, đạt được màu xanh, có nhiều nước, bằng suy luận họ biết rằng [trái đát] đã được nguội lạnh nhờ đảm mưa lớn. Y như thế ẩyf sau khỉ nhìn thấy người này được vui mừng, hớn hở bằng suy luận có thê biêt được [người áy]

đã được toại ỷ bởi cơn mưa giáo pháp.

MILINDAVẤNĐẠO 1081

Sau khỉ nhìn thấy bụi bặm bỉ kết dính, bùn lầy, mặt đất trở thành lầy lội ẩm thấp, bằng suy luận họ biết rằng có khối nước lớn đã đi đến. Y như thế ấy, sau khỉ nhìn thấy người này bỉ lấm lem bởi bụi bặm và bùn lầy, đã được đưa đến ở dòng sông giáo pháp, đã được chuyển đến ở biển cả giảo pháp. Sau khi nhìn thây quả đát này luôn cả chư thiên đi đên sự bát tử của giáo pháp, bằng suy luận có thể biết được có pháp uẩn vĩ đại đã đi đến. Sau khi ngửi mùi hương tôi thượng, băng suy luận họ biêt răng là theo như mùi hương này thôi đên thì sẽ có những cây đã được trô hoa. Y như thê ầy, mùi hương giới đức này thôi ở thê gian luôn cả chư thiên, bằng suy luận có thể biết được là có đức Phật vô thượng^ 20. Tâu Đại vương, có thể chỉ cho thấy năng lực của đức Phật bằng một trăm lý do, bằng một ngàn lý do, bằng một trăm nguyên nhân, bằng một ngàn nguyên nhân, bằng một trăm phương pháp, bằng một ngàn phương pháp, bằng một trăm ví dụ, bằng một ngàn ví dụ. Tâu Đại vương, giống như người làm tràng hoa khôn khéo, từ đống bông hoa nhiều loại, theo sự chỉ dạy của người thầy, bằng việc làm của cá nhân một người, có thể tạo thành một đống các kiểu tràng hoa nhiều màu sắc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn ấy có đức hạnh vô biên, có đức hạnh vô lượng, ví như đống bông hoa nhiều màu sắc. Giờ đây, ví như người làm tràng hoa, người kết bông hoa trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, cũng bằng đường lối của các vi thầy tiền bối, cũng bằng năng lực ở sự sáng suốt của tôi, tôi sẽ giải thích năng lực của đức Phật băng cách suy luận bằng nhiều lý lẽ không thể đếm được. Vậy thì trong trường hợp này9 Đại vương hãy khởi lên ước muốn về việc lắng nghe. 21. Thưa Ngài Nâgasena, thật là việc khó khăn để chỉ cho thấy năng lực của đức Phật bằng sự suy luận, bằng lý lẽ có hình thức như vầy đối với những người khác. Thưa Ngài Nâgasena, trẫm đã được thỏa mãn với việc giải thích câu hỏi một cách vô cùng đa dạng của Ngài. 6Câu hỏi [giảng bằng sự] suy luận59 là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ PHÁP TỪ KHƯỚC (Dhutañgapañho) “Dức vua nhìn các vi Tỳ-khưu sổng ở rừng đã được gắn bó với các hạnh từ khước, rồi nhìn lại những người tại gia đã trủ ở quả vi Bất lai. Sau khỉ quan sát cả hai hạng ấy, có nỗi nghi hoặc lớn đã khởi lên: 'Nếu người tại gia có thể giác ngộ giảo pháp thì pháp từ khước là không có kết quả. Vây ta nên hỏi vỉ thuyết giảng hạng nhất, được thông thạo về Tam tạng, có sự nghiền nát học thuyết của các diễn giả khác, vi ấy sẽ tiêu diệt nỗi nghi ngờ của ta.'" L Khi ấy, đức Vua Milinda đã đi đến gặp Đại đức Nâgasena, sau khi đến đã

1082 KINH TIỂU BÔ

đảnh lê Đại đức Nāgasena roi ngôi xuông một bên. Khi đã ngôi xuông một bên, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nāgasena điều này: Thưa Ngài Nāgasena, có người tại gia nào, sống ở nhà, trong khi sinh sống có sự thọ hưởng các dục, có việc năm chen chúc với vợ và con, trong khi hưởng thụ vải kãsi và trâm hương, trong khi đeo tràng hoa, vật thơm và vật thoa, trong khi ưng thuận vàng và bạc, buộc búi tóc có trang diêm ngọc ma-ni, ngọc trai và vàng, mà người ây đã chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tôi hậu, Niêt-

ban không? - Tâu Đại vương, không phải chỉ một trăm, không phải hai trăm, không phải ba bốn năm trăm, không phải một ngàn, không phải một trăm kotify5 không phải một ngàn hoti, không phải một trăm ngàn koỊÈ Tâu Đại vương, hãy bỏ qua sự lãnh hội của mười, của hai mươi, của một trăm, của một ngàn [người tại gia], tôi có thê cho Đại vương câu trả lời bằng phương thức nào? Chính Ngài hãy nói về điều ấy. -Tâu Đại vương, như thế thì tôi sẽ nói với Đại vương về một trăm, hay một ngàn, hay một trăm ngàn, hay một koti, hay một trăm kati, hay một ngàn kotỉ. hay một trăm ngàn koti. Bát cứ lời giảng nào vê Phật pháp ỆÔm chín thể loại được liên quan đên sự thực hành hạnh giảm thiêu và các yêu tô cao quý vê hạnh từ khước, tát cả các lời giảng ây sẽ tập trung lại ở đây. Tâu Đại vương, giông như nước đã được đô mưa ở các phân đát lõm xuống hoặc nhô lên, bằng phẳng hoặc gồ gha, đất liền hay không phải đất liền, sau khi rơi xuồng từng giọt ở khắp nơi roi từ đó tập trung lại ở đại dương biển cả. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, khi có người tiêp nhận thì bát cứ lời giảng nào vê Phật pháp ệồm chín thê loại được liên quan đên sự thực hành hạnh giảm thiểu và các yếu to cao quý về hạnh từ khước, tất cả các lời giảng ấy sẽ tập trung lại ở đây. Tâu Đại vương, việc giải nghĩa theo lý lẽ bằng kinh nghiệm và sự sáng suốt của tôi sẽ tập trung lại ở đây, nhờ vậy ý nghĩa ấy sẽ khéo được phân tích, được thêm thất, được đây đủ, được gom chung lại. Tâu Đại vương, giống như vị thầy ghi chép thiện xảo, đã được chỉ dẫn, trong khi ghi lại bài viêt thì hoàn thiện bài viêt với việc giải nghĩa theo lý lẽ bằng kinh nghiệm và sự sáng suôt của bản thân, như vậy bài viết ấy sẽ được hoàn thành, được đầy đủ, không thiếu sót. Tương tợ y như thế, việc giải nghĩa theo lý lẽ bằng kinh nghiệm và sự sáng suốt của tôi sẽ tập trung lại ở đây, nhờ vậy ý nghĩa ấy sẽ khéo được phân tích, được thêm that, được đầy đủ, được gom chung lại. 2. Tâu Đại vương, ở thành Sāvatthi, có khoảng năm koti (năm mươi triệu) Thánh đệ tử là các cận sự nam và cận sự nữ của đức Thế Tôn, [trong số đó] ba trăm nam mươi bảy ngàn người đã được thiết lập vào quả vị Bất lai, tất cả những vị ấy đêu là người tại gia, họ không phải bậc xuất gia.

15 Một koti là mười triệu. (ND)

Thêm nữa, ở ngay tại nơi ấy, vào lúc [thị hiện] song thông ở gốc cội cây gandamba, có hai mươi koti (hai trăm triệu) sinh mạng đã lãnh hội. Thêm nữa, vào lúc [thuyết giảng] Mahãrâhulovãda, Kinh Mahāmañgala, bài giảng về tâm bình lặng, Kỉnh Parãbhava. Kinh Purãbheda, Kỉnh Kalahavỉvâda. Kinh Cūlabyūha, Kinh Mahãbyũha, Kinh Tuvataka, Kình Sāriputta, đã có sự lãnh hội giáo pháp của chư thiên với số lượng vượt trội phương thức tính đếm. ở thành Rājagaha, ba trăm năm mươi ngàn Thánh đệ tử của đức Thế Tôn là các cận sự nam và cận sự nữ. Thêm nữa, ở ngay tại nơi ấy, vào lúc chế ngự con long tượng Dhanapâla có chín mươi koti (chín trăm triệu) sinh mạng đã lãnh hội; ở cuộc hội họp về mục đích tối hậu ở điện thờ Pāsānaka có mười bốn kotỉ (một trăm bốn mươi triệu) sinh mạng đã lãnh hội; thêm nữa ở hang động Indasâla có tám mươi koiỉ (tám trăm triệu) chư thiên đã lãnh hội; thêm nữa ở thành Bārānasī, Isipatana, nơi Vườn Nai, vào lúc thuyết giảng giáo pháp lần đầu tiên, có mười tám koti (một trăm tám mươi triệu) đại Phạm thiên và vô số chư thiên đã lãnh hội; thêm nữa ở

cõi trời Đạo-lợi9 tại tảng đá Pandukambala (ngai vàng của đức Trời Đế-thích) vào lúc thuyết giảng về Vi diệu pháp, có tám mươi koti (tám trăm triệu) chư thiên đã lãnh hội; vào lúc từ cõi trời trở lại trần gian tại cổng thành Sañkassa, vào lúc [thị hiện] thần thông mở ra cho thấy thế gian, có ba mươi kotỉ (ba trăm triệu) nhân loại và chư thiên được tịnh tín đã lanh hội. Thêm nữa, ở thành Kapilavatthu của dòng họ Sakyā, tại tu viện Nigrodha, lúc thuyết giảng về dòng dõi chư Phật và lúc thuyết giảng về Kỉnh Mahâsamaya, đã có sự lãnh hội giáo pháp của chư thiên với số lượng vượt trội phương thức tính đếm. Thêm nữa, ở cuộc gặp gỡ với người làm tràng hoa Sumanā, ở cuộc gặp gỡ với Garahadinna, ở cuộc gặp gỡ với nhà triệu phú Ānanda, ở cuộc gặp gỡ với đạo sĩ lõa thể Jambuka, ở cuộc gặp gỡ với thiên tử Manduka, ở cuộc gặp gỡ với thiên tử Mattakundali, ở cuộc gặp gỡ với Sulasã hoa khôi thành phố, ở cuộc gặp gỡ với Sirimā hoa khôi thành phố, ở cuộc gặp ệỡ với người con gái thợ dệt, ở cuộc gặp gỡ với Cūlasubhaddā, ở cuộc gặp gỡ vê việc xem xét chô hỏa táng của người Bà-la-môn xứ Sãketa, ở cuộc gặp gỡ tại Sunãparanta, ở cuộc gặp gỡ về câu hỏi của Thiên chủ Sakkā, ở cuộc gặp gỡ về [bài kinh] Tirokudda. ở cuộc gặp gỡ về Ratanasutta (Kỉnh Châu bảu), mỗi một lần đã có sự lãnh hội giáo pháp của tám mươi bốn ngàn sinh mạng. 3. Tâu Đại vương, trong thời gian mà đức Thế Tôn đã ngự ở thế gian, thì trong thời gian ấy, tại mỗi một nơi nào ở trong ba phạm vi thuộc mười sáu xứ sở lớn mà đức Thế Tôn đã trú ngụ, thì ở tại mỗi một nơi ấy hầu hết đều có hai, ba, bốn, năm trăm, một ngàn, một trăm ngàn chư thiên và nhân loại đã chứng ngộ sự an tịnh, mục đích toi hậu, Niết-bàn. Tâu Đại vương, những vị nào là chư thiên, những vi ấy cũng chính là người tại gia, họ không phải bậc xuất gia. Tâu Đại vương, những người này, và luôn cả nhiều trăm ngàn kotỉ (nhiều tỷ) chư thiên khác nữa đều là người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, đã chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn.

4. Thưa Ngài Nāgasena, nêu những người tại gia, sônệ ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niêt-bàn? thế thì các pháp từ khước phục vụ mục đích gì? Vì lý do ấy, các pháp từ khước là việc làm không thuộc vê bổn phận. Thưa Ngài Nāgasena, nếu các cơn bệnh được lắnẹ dịu không cần chú thuật và dược thảo, thì cần gì với việc làm yếu đuối cơ the bởi sự nôn mửa và xô ruột, v.v...? Nêu sự trân áp kẻ thù nghịch là băng các năm tay thì cần gì với gươm, giáo, tên, cung, nỏ? dùi cui, chày vồ? Nếu có được việc leo lên cây sau khi bám vào chạng cây, khúc cong, lỗ hổnậ, mầm gai, dây leo, cành cây, thì cần gì với việc tìm kiếm cái thang dài và chắc chắn? Nếu có sự điều hòa tứ đại với việc nằm ở nền đất thì càn gì với việc tầm cầu giường nằm to lớn khổng lồ rực rỡ, có sự xúc chạm thoải mái? Nếu mỗi một mình có khả năng vượt qua bãi sa mạc có sự nguy hiêm, có sự sợ hãi, không băng phưng, thì cần gì với đoàn xe to lớn khổng lo đã được chuẩn bị, đã được vũ trang? Nêu có khả năng vượt qua sông hồ bằng cánh tay thì cần gì với việc tìm kiếm cây cầu và thuyền bè vững chắc? Nêu có the làm ra thức ăn thức mặc bang vật sở hữu của bản thân thì cần gì với việc hầu hạ, việc nói lời thương mến, và việc lăng xăng chạy phía trước phía sau những kẻ khác? Nếu nước được lấy ở hồ thiên nhiên thì cần gì với việc đào giếng nước, ao, hồ? Thưa Ngài Nãgasena, tương tợ y như thế, nếu những người tại gia sống ở nhà, có sự thọ hưởng các

dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích toi hậu, Niết-bàn, thì can gì với việc thọ trì cao quý ve hạnh từ khước? 5. - Tâu Đại vương, hai mươi tám đức tính này của các pháp từ khước là các đức tính đúng theo bản thể; do những đức tính này, các pháp từ khước được chư Phật ước ao, mong mỏi. Hai mươi tám đức tính nào? Tâu Đại vương, ở đây pháp từ khước là sự nuôi mạng trong sạch, có quả an lạc, không có tội lỗi, không gây đau khổ cho người khác, không sợ hãi, không tự hành hạ minh, thuần túy liên quan đến sự tiến triển, không đưa đến hư hoại, không giả dối, là sự bảo vệ? sự ban cho điều đã được mong mỏi, sự huấn luyện cho tất cả chúng sanh, có sự thu thúc là lợi ích, là sự đúng đan, không bi lệ thuộc, được thoát ra khỏi, là sự diệt tận luyến ái, diệt tận sân, diệt tận si, dứt bỏ ngã mạn, cắt đứt suy nghĩ xấu xa, vượt khỏi sự nghi hoặc, tiêu diệt sự lười biếng, dứt bỏ sự không ưa thích, sự chịu đựng, không so sánh được, không đo lường được, đưa đến sự diệt tận tất cả khổ đau. Tâu Đại vương, hai mươi tám đức tính này của các pháp từ khước là các đức tính đúng theo bản thể; do những đức tính này, các pháp từ khước được chư Phật ước ao, mong mỏi. Tâu Đại vương, những người nào thực hiện đúng đắn các hạnh từ khước, những người ấy là những người đi đến hội họp với mười tám đức tính. Với mười tám đức tính nào? Cách cư xử của những vị ấy khéo được thanh tịnh, sự thực hành khéo được đầy đủ, thân khẩu khéo được hộ trì, sự hành xử của ý khéo được thanh tịnh, sự tinh tấn khéo được nắm giữ, sợ hãi được lắng xuống, tùy ngã kiến được xa lìa, sự căm hận được đình chi, tam từ được thiết lập, vật thực được nhận biết rõ rệt, được kính trọng đối với tất cả chúng sanh, biết vừa đủ

về vật thực, gắn liền với sự tỉnh thức, khônệ cần chỗ ngụ? nơi nào có sự thoải mái thì trú ngụ ở nơi ấy, có sự nhơm gớm ve điều ác, có sự thích thú nơi thanh vắng, thương xuyên không xao lãng. Tâu Đại vương, những người nào thực hiện đúng đan các hạnh từ khước, những người ấy là những người đi đến hội họp với mười tám đức tính. 6. Tâu Đại vương, mười hạng người này là xứng đáng với hạnh từ khước. Mười hạng nào? Là người có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi], có sự sáng suốt, không lường gạt, có khả năng đối với mục đích, không tham, ưa thích sự học tập, có sự thọ trì kiên cố, không có nhiều sự than phiền, có sự an tru tâm từ. Tâu Đại vương, mười hạng người này là xứng đáng với hạnh từ khước. 7. Tâu Đại vương, những người nào là người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục? chứng ngộ sự an tinh, mục ch tối hậu, Niết-bàn, tất cả những người ấy trong những kiếp sống trước đây đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành các công việc căn bản trong mười ba hạnh từ khước. Những người ấy, sau khi đã hoàn chỉnh cách cư xử và sự thực hành ở tại nơi ấy, giờ đây hôm nay trong khi còn là người tại gia vẫn chứng ngộ sự an tịnh, mục đích toi hậu, Niet-barr Tâu Đại vương, giống như người cung thủ thiện xảo, trước tiên hết bắt những người học trò noi gương tập luyện ở phòng huấn luyện về việc phân loại cây cung, việc nâng lên và nắm giữ cây cung, việc kìm chặt nắm tay, việc cong lại ngon tay, việc đặt đe ban chan, việc năm lay mũi ten, việc đặt vao, việc keo căng ra, việc giữ chặt, việc nhắm vào mục tiêu, việc buông ra, về việc xuyên thủng mục tiêu là hình nhân bằng cỏ, bãi phân thú vật, đống cỏ, đống rơm, đống đất sét, tấm ván, sau khi hoàn thành vê thuật băn cung trong sự hiện diện của đức vua thì được nhận lãnh ân huệ về ngựa thuần chủng, xe kéo, voi, ngựa chiến, tài

sản, thóc lúa, vàng khối, vàng ròng, tôi trai, tớ gái, vợ, làng mạc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, những người nào là người tại gia, sông ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tinh, mục đích tối hậu9 Niết- bàn, tất cả những người ấy trong những kiếp sống trước đây đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành các công việc căn bản trong mười ba hạnh từ khước. Những người ấy, sau khi đã hoàn chỉnh cách cư xử và sự thực hành ngay ở tại nơi ấy, giờ đây hôm nay trong khi còn là người tại gia vẫn chứng ngộ an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn. Tâu Đại vương, không có sự luyện tập trước đây về các hạnh từ khước thì không có được sự chứng ngộ phẩm vị A-la-hán chỉ trong một kiếp sống, hơn nữa với sự tinh tấn tột bực, với sự thực hành tột bực, với người thầy có hình thức như thế, với người bạn tốt lành thì có được sự chứng ngộ phẩm vi A-la-hán. 8. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thầy thuốc phẫu thuật sau khi đã làm hài lòng người thầy với tài sản hoặc bằng việc thực hành phận su, sau khi đã noi theo học tập công việc cầm cây dao, việc cắt, việc rạch, việc xuyên thủng, việc rút ra cây tên, việc rửa vết thương, việc làm khô, việc bôi thuốc,

việc áp dụng dầu thơm cho việc nôn mửa và việc xổ ruột, khi đã thực hành việc học tập ve các kiến thức, đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành tay nghe, thì đi thăm những người bệnh nhằm việc chữa trị. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là người tại gia sống ở nhà5 có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết- bàn, tất cả những người ấy trong những kiêp sông trước đây đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành các công việc căn bản trong mười ba hạnh từ khước. Những người ấy, sau khi đã hoàn chỉnh cách cư xử và sự thực hành ngay ở tại nơi ấy, giờ đây hôm nay trong khi còn là người tại gia vẫn chứng ngộ an tinh, mục đích tối hậu, Niết-bàn. Tâu Đại vương, không có sự lãnh hội giáo pháp đối với những người chưa được hoàn thiện về các hạnh từ khước. Tâu Đại vương, giống như không có sự rưới nước thì không có sự mọc lên của hạt giống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có sự lãnh hội giáo pháp đối với những người chưa được hoàn thiện về các hạnh từ khước. Tâu Đại vương, hoặc là giống như không có việc đi đến cảnh giới tốt đẹp đối với những người đã không làm các việc thiện, đã không làm các việc tốt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có sự lãnh hội giáo pháp đối với những người chưa được hoàn thiện về các hạnh từ khước. 9. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh thì hạnh từ khước ví như trái đất theo ý nghĩa nơi nâng đỡ. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tinh, hạnh từ khước ví như nước theo ý nghĩa rửa sạch tất cả bợn nhơ phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tinh, hạnh từ khước ví như ngọn lửa theo ý nghĩa thiêu đót tát cả cánh rừng phiên não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như gió theo ý nghĩa thổi đi tất cả bợn nhơ bụi bặm về phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tinh, hạnh từ khước ví như thuốc giải độc theo ý nghĩa làm lắng dịu tất cả tật bệnh về phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như thuốc bất tử theo ý nghĩa tiêu diệt tất cả chất độc phiền não. Tâu Đại vương, đôi với những người có ước muôn vê sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như thửa ruộng theo ý

nghĩa làm mọc lên tất cả mùa màng về Sa- môn hạnh. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như ngọc như ý theo ý nghĩa ban cho ân huệ về mọi sự thành tựu đã được mong mỏi? ước ao. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như chiếc thuyền theo ý nghĩa đi đến bờ bên kia của đại dương luân hồi.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như chốn nương nhờ cho người bị sợ hãi theo ý nghĩa việc làm an ủi cho những người sợ hãi sự già và sự chết. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người mẹ theo ý nghĩa người hỗ trợ cho những người bi áp bức bởi phiền não khổ đau. Tâu Đại vương, đôi với những người có ước muôn vê sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người cha theo ý nghĩa người sanh ra tất cả Sa-môn hạnh cho những người có ước muốn tăng trưởng thiện pháp. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người bạn theo ý nghĩa không lường gạt trong việc tầm cầu tất cả Sa-môn hạnh. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như loài sen theo ý nghĩa không bị lam lem bởi mọi phiền não ô nhiễm. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như bốn loại hương thơm cao quý theo ý nghĩa xua đuổi mùi thối của phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như núi chúa cao quý theo ý nghĩa không bi lay động bởi các ngọn gió của tám pháp thế gian. Tâu Đại vương, đôi với những người có ước muôn vê sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như không trung theo ý nghĩa bao la, tỏa ra5 rộng, lớn đối với việc bám víu ở mọi nơi đã được tách rời. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như dòng sông theo ý nghĩa chuyển tải các bợn nhơ phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người dẫn đường giỏi theo ý nghĩa thoát ra khỏi sa mạc của sự sanh và vùng rậm rạp của khu rừng phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người hướng dẫn đoàn xe vĩ đại theo ý nghĩa đạt đen thành phố Niết-bàn cao quý và ưu tú, không sợ hãi, an toàn và không còn tất cả các sự sợ hãi. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như tấm gương được chùi kỹ lưỡng không vết nhơ theo ý nghĩa nhìn thấy bản thể thật cua các hành. Tâu Đại vương, đôi với những người có ước muôn vê sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như tấm mộc che theo ý nghĩa ngăn chặn tất cả các cây gậy, mũi tên, gươm đao phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh

từ khước ví như chiếc lọng che theo ý nghĩa ngăn chặn cơn mưa phiền não và sức đốt nóng của ngọn lửa gồm ba loại. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như mặt trăng theo ý nghĩa được ước muốn, được mong cầu. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như mặt trời theo ý nghĩa tiêu diệt sự tăm tối của bóng tối si mê. Tâu Đại vương, đôi

với những người có ước muôn vê sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như biển cả theo ý nghĩa nâng cao các viên ngọc quý giá về đức hạnh Sa-môn và theo ý nghĩa không đo lường được, không thể tính toán, không thể ước lượng. 10. Tâu Đại vương, như vậy hạnh từ khước đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh là có nhiều sự giúp đỡ, xua đi mọi sự khó chịu và bực bội, xua đi sự không thích thú, xua đi nỗi sợ hãi, xua đi sự hiện hữu, xua đi sự cứng nhắc [của tâm], xua đi ô nhiễm, xua đi sầu muộn, xua đi khổ dàu, xua đi ái luyến, xua đi sân hận, xua đi si mê, xua đi ngã mạn, xua đi tà kiến, xua đi tất cả các pháp bất thiện, đem lại danh tiếng, đem lại lợi ích, đem lại an lạc, tạo sự thoải mái, tạo sự vui vẻ, tạo sự an toàn đối với các trói buộc, không có tội lỗi, có quả thành tựu dễ chịu và an lạc, là khối đức hạnh, là đống đức hạnh, có đức hạnh vô lường, vô lượng, cao quý, ưu tú, tối thắng. Tâu Đại vương, giông như loài người nhờ cậy vật thực vì muôn sự nâng đỡ, nhờ cậy thuốc men vì muốn sự lợi ích, nhờ cậy bạn bè vì muốn sự giúp đỡ, nhờ cậy chiếc thuyền vì muốn sự vượt qua, nhờ cậy mùi thơm của tràng hoa vì muốn mùi thơm tót, nhờ cậy chỗ ân náu đôi với sự sợ hãi vì muôn sự không còn sợ hãi, nhờ cậy trái đất vì muốn chỗ nâng đỡ, nhờ cậy người thầy vì muốn nghề nghiệp, nhờ cậy đức Vua vì muốn danh vọng, nhờ cậy ngọc báu ma-ni vì muốn sự ban cho điều ước muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các bậc Thánh nhờ cậy hạnh từ khước vì muốn sự ban phát tất cả đức hạnh của vị Sa-mon. 11. Tâu Đại vương, hoặc là giống như nước nhằm việc tăng trưởng của hạt giống, lửa nhằm việc thiêu đốt, thực phẩm nhằm mang lại sức mạnh, dây leo vì sự trói buộc, dao vì việc cắt đứt, nước uống nhằm việc xua đuổi cơn khát, của chôn giâu nhăm sự an tâm, chiêc thuyên nhăm việc đạt đên bờ, thuoc men nhăm làm lang dịu cơn bệnh, xe cộ nhằm việc đi lại được an lạc, chỗ ẩn náu đối với sự sợ hãi nhằm xua đi nỗi sợ hãi, đức Vua nhằm mục dh bảo vệ, tấm mộc che nhăm ngăn chặn roi vọt, đát cục, gậy gộc, mũi tên, gươm đao, thây giáo nhăm việc chỉ dạy, người mẹ nhằm việc nuôi dưỡng, tấm gương nhằm việc nhìn xem, đồ trang sức vì sắc đẹp, vải vóc nhằm việc che đậy, cái thang nhằm việc leo lên, cái cân nhăm loại bỏ, chú thuật đê đọc lâm nhâm, vũ khí nhăm ngăn chặn sự hăm dọa, ngọn đèn nhằm tiêu diệt bóng tối, gió nhằm dập tắt sự nóng nực, nghề nghiệp nhằm thành tựu sự sinh sống, thuốc giải độc nhằm bảo vệ mạng sống, hâm mỏ nhằm sản xuât châu ngọc, châu ngọc nhăm đê trang diêm, mệnh lệnh nhằm việc không vượt qua, uy quyền nhằm vận hành mệnh lệnh.

MILINDAVẤNĐẠO^ 1089

. r All r l' .

Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, hạnh từ khước nhăm việc tăng trưởng hạt giống Sa-môn, nhằm việc thiêu đốt bợn nhơ phiền não, nhằm mang lại năng lực của thần thông, nhằm buộc chặt sự thu thúc ở niệm, nhằm cắt đứt sự phân vân và nghi ngờ, nhằm xua đuổi sự khát khao về tham ái, nhằm tạo ra sự an tâm trong việc lãnh hội, nhằm thoát ra khỏi bốn dòng nước lũ, nhằm lắng dịu cơn bệnh phiền não, nhằm đạt được an lạc Niết-bàn, nhằm xua đi nỗi sợ hãi về sanh-già-bệnh-chêt-sâu-bi-khô-ưu-não, nhăm bảo vệ các đức hạnh của Sa-môn? nhằm ngăn chặn sự không ưa thh và các suy nghĩ xấu xa, nhằm chỉ dạy toàn thể mục đích của đời sống Sa-môn, nhằm nuôi dưỡng

tất cả các đức hạnh của đời sốiiệ Sa-môn, nhằm việc xem xét về chỉ tịnh, minh sát, đạo, quả và Niết- bàn, nham tạo ra vẻ đẹp lớn lao vĩ đại đã được tán dương, khen ngợi bởi toàn the the gian, nhằm đóng lại tất cả đọa xứ, nham leo lên đỉnh chóp núi đá của mục đích đời sốnệ Sa-môn, nhằm loại bỏ tâm cong, quẹo, sai trái, nhằm làm cho việc học tập tót đẹp về các pháp nên thân cận và không nên thân cận, nhằm hăm dọa kẻ thù là mũi tên phiên não, nhằm tiêu diệt bóng tối vô minh, nhằm dập tắt sự đốt nóng và sự nóng nực của ngọn lửa gồm ba loại, nhằm thành tựu sự chứng đạt sự an tịnh tinh vi và te nhi, nham bảo vệ đức hạnh của toàn bộ đời sống Sa-môn, nhằm sản xuất châu ngọc quý giá là các chi phần đưa đến giác ngộ, nhằm để trang điểm người hành giả, nhằm việc khônệ vượt qua sự an lạc của trạng thái an tịnh không tội lỗi, khôn khéo, te nhị, nham vận hành uy lực của Thánh pháp ở toàn bộ đời sống Sa-môn. Tâu Đại vương, như vậy mỗi một hạnh từ khước là nhằm đưa đến sự chứng đạt các đức hạnh này. Tâu Đại vương, như vậy "hạnh từ khước là không thể so sánh, không thể đo lường, không sánh bằng được, không vật tương đương, không vật đối chiếu, không vật trội hơn, là vô thượng, hàng đầu, đặc biệt, vượt trội, trải dài, bao la, tỏa ra, vươn rộng, quan trọng, nghiêm trọng, vĩ dại." 12. Tâu Đại vương, cá nhân nào có ước muôn xâu xa, bi thúc đây bởi ước muốn, gian xảo, tham lam, quan tâm đến bao tử, mong muốn lợi lộc, mong muốn danh vọng, mong muốn tiếng tăm, không thích hợp, không đạt yêu cầu, không thích đáng, không xứng đáng, không phù hợp mà thọ trì hạnh từ khước, kẻ ấy gánh chịu hai lần hình phạt, gánh chịu sự phá hại tất cả các đức hạnh, trong thời hiện tại nhận lấy sự khinh bỉ, khinh miệt, chê trách, chế nhạo, giễu cợt, sự không thọ hưởng chung, sự xua đuổi, sự tống khứ, sự đưa đẩy, sự trục xuất, thậm chí ở thời vị lai, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn koti [nhiều tỷ] năm, bị nung nấu quay tròn lẫn lộn với bọt nước ở bề mặt, ở hướng trên, ở hướng dưới, ở hướng ngang, trong quầng lưới lửa nóng bỏng, sôi sục, cháy nóng, cháy rực ở đại địa ngục Vô Gián rộng một trăm do-tuần, sau khi được thoát ra khỏi nơi ấy, thì có cơ thể và tứ chi gầy ốm, thô kệch, đen đủi, cái đầu bị sưng, phồng lên, có lỗ thủng với vô số muỗi bám, bi đói, bị khát, có hình thể dáng vóc không đồnệ đều, khủng khiếp, có lỗ tai bị tơi tả, có tròng con mắt mở ra nhắm lại, có cơ the bị thương tích, cơ the bị thoi rữa, toàn bộ thân the lúc nhúc giòi bọ, có ngọn lửa đang đốt cháy đang phát cháy ở bên trong, tợ như đang đốt cháy ở đầu ngọn gió,

không sự bảo vệ, không sự nương nhờ, đang than vãn tiếng khóc tỉ tê, nức nở, bi thương, sau khi trở thành hạng nga quỷ to lớn có hình dáng Sa-môn luôn bị dằn vặt bởi sự khao khát, đi lang thang ở trái đất, có giọng kêu gào thảm thiết. Tâu Đại vương, giống như người nào đó không thích hợp, không đạt yêu cầu, không thích đáng, không xứng đáng, không phù hợp, kém cỏi, có dòng dõi xấu xa mà phong vương với lễ đăng quang của dòng Sát-đế-lỵ? kẻ ấy nhận chịu việc bị chặt bàn tay, chặt bàn chân, chặt bàn tay và bàn chân, cắt tai, xẻo mũi, cắt tai và xẻo mũi, [nhúng vào] hũ giấm chua, cạo đầu bôi vôi, đốt lửa ở miệng, thiêu sống, đốt cháy ở bàn tay, lột da thành sợi, mặc y phục vỏ cây, kéo căng thân người ở trên đất, xiên da thịt bằng lưỡi câu, khoét thịt thành đồng tiền, chà xát với chất kiềm, quay tròn ở trên thập tự giá, ngồi ở ghế rơm, rưới bằng dầu sôi, cho những con chó gặm, đặt trên giáo nhọn, chặt đầu bằng gươm,

gánh chịu việc làm của nghiệp theo nhiều cách. Vì lý do gì? Kẻ không thích hợp, không đạt yêu cầu, không thích đáng, không xứng đáng, không phù hợp, kém cỏi, có dòng dõi xấu xa, đã đặt bản thân vào địa vị vương quyền to lớn, đã thủ tiêu ranh giới. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cá nhân nào có ước muốn xấu xa,.. (nt)... ở trái đất, có giọng kêu gào thảm thiết. 13. Tâu Đại vương, tuy nhiên cá nhân nào thích hợp, đạt yêu câu, thích đáng, xứng đáng, phù hợp, ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, không giao du, có sự nô lực tinh tân, có bản tánh cương quyết, không gian trá, không xảo quyệt, không quan tâm đến bao tử, không mong muốn lợi lộc, không mong muốn danh vọng, không mong muốn tiếng tăm, có đức tin, xuất gia vì đức tin, mong muôn thoát khỏi già chét [nghĩ răng]: "Ta sẽ hiêu được giáo pháp,9 roi thọ trì hạnh từ khước, vị ấy xứng đáng sự cúng dường gấp hai lần, đối với chư thiên và loài người là vị được yêu mến, được ưa thích, được ước muốn, được mong cầu, như là bông hoa của các loài hoa nhài trâu, nhài Ả-rập, v.v... đối với người đã được tắm đã được thoa dầu, như là thức ăn hảo hạng đối với người bị thèm ăn, như là nước uống mát sạch thơm tho đối với người bị khát, như là dược thảo cao quý đối với người bị nhiễm độc, như là cồ xe ngựa thuần chủng cao quý tối thượng đối với người mong muốn đi nhanh, như là ngọc quý ma-ni như ý đối với người có ước muốn về mục đích, như là chiếc lọng trắng trong sạch không bợn nhơ đối với người có ước muốn được phong vương, như là sự chứng đắc vô thượng của quả vị A-la-hán đối với người có ước muốn về giáo pháp. Đối với vị ấy, bốn sự thiết lập niệm nhờ vào sự tu tập đi đến tròn đủ; bốn chánh cần, bốn nên tảng của thân thông, năm quyên, năm lực, bảy chi phân đưa đên giác ngộ, Thánh đạo tám chi phần nhờ vào sự tu tập đi đến tròn đủ, chứng đắc chỉ tịnh và minh sát, hoàn thiện sự thực hành của sự chứng đắc; bốn quả báo của đời sống Sa-môn5 bốn tuệ phân tích, ba minh, sáu thắng trí và toàn bộ pháp Sa-môn, tất cả là thuộc về vị ấy. Vi ấy được phong vương với chiếc lọng trắng trong sạch không bợn nhơ của sự giải thoát. Tâu Đại vương, giông như đôi với vị vua dòng Sát-đê-lỵ, sanh ra ở nơi quý

phái, CÓ dòng dõi gia tộc, đã được phong vương với lễ đăng quang của dòng Sát-đê-lỵ thì có các thị dân, dân chúng, nhân công, binh lính thuộc vương quôc phục tùng, và ba mươi tám toán tùy tùng của đức vua, các kịch sĩ và vũ công, những người tiên đoán điềm lành, những người nói lời chúc tụng, các Sa-môn9 Bà-la-môn, tất cả các nhóm người ngoại đạo tìm đến; bất cứ việc gì ở trái đất như là ben tàu, ham mỏ châu báu, thành pho, trạm thuế, các người khác xứ, việc xử chặt, việc xử chém, việc chỉ thị dân chúng, vị vua ấy trở thành người chủ ở tất cả các nơi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cá nhân nào thích hợp, đạt yêu cầu,... (nt)... được phong vương với chiếc lọng trắng trong sạch không bợn nhơ của sự giải thoát. 14. Tâu Đại vương, đây là mười ba pháp từ khước, được làm trong sạch với các pháp này? [vị Tỳ-khưu] tiến vào đại dương Niết-bàn, tiêu khiển trò tiêu khiên của giáo pháp có nhiêu loại, roi tiên đên tám sự chứng đạt của sác giới và vô sắc giới, đạt được nhiều loại than thông, thiên nhĩ giới, nhận biết tâm của người khác, nhớ lại các kiếp sống quá khứ, thiên nhãn và sự diệt tận tất cả các lậu hoặc. Mười ba pháp nào? Pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, pháp của vị chỉ sử dụng ba y, pháp của vị chuyên đi khất thực, pháp của vị đi khất

thực tuần tự theo từng nhà, pháp của vị chỉ một chỗ ngồi [khi thọ thực], pháp của vị thọ thực trong bình bát, pháp của vi không ăn vật thực dâng sau, pháp của vị ngụ ở rừng, pháp của vị ngụ ở gốc cây, pháp của vị ở ngoài trời, pháp của vị ngụ ở mộ địa, pháp của vi ngụ chỗ ở theo chỉ định, pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi [không nằm]. Tâu Đại vương, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà [bây giờ] đạt được toàn bộ đời song Sa-môn; toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc về vị ấy. Tâu Đại vương, giống như người thuyền trưởng có tài sản, đã thực hiện tốt đẹp phần thuế ở bến tàu, thì tiến vào đại dương rồi đi đến các xứ Vañga9 Takkola, Chia, Sovīra, Surattha, Alasanda, Kolapatta, Suvannabhūmi, luôn cả bất cứ chỗ nào khác là nơi lai vãng của tàu bè. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà [bây giờ] đạt được toàn bộ đời sống Sa-môn; toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc vê vị ây. Tâu Đại vương, giống như người nông dân trước tiên dời đi các khuyết điểm của thửa ruộng như là cỏ? cành khô, đá sỏi, rồi cày xới, gieo hạt, đưa nước vào đúng đắn, bảo vệ, giữ gìn, rồi với việc giặt hái đập giũ mà trở thành người có nhiều thóc lúa, những người nào không có tài sản, khốn kho, nghèo khó, người lâm cảnh bất hạnh là thuộc ve người ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo,... (nt)... toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc về vị ấy.

1092 KINH TIỂU BÔ

Tâu Đại vương, hoặc là giống như vi Sát-đế-lỵ đã được làm lễ phong vươn ở đầu, đã được sanh ra ở nơi quý phái, có dòng dõi gia tộc, là người chúa tê trong việc xử chặt, xử chém, chỉ thi dân chúng, có sự thể hiện các quyền lực, là người chủ có hành động theo như ước muốn, và toàn bộ đại địa cầu là thuộc về vi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành XÍT, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà [bây giờ] trở thành vi chúa tể ở giáo pháp cao quý của đấng Chiên Thắng, có sự thê hiện các quyền lực, là người chủ có hành độiiệ theo như ước muốn; và toàn bộ các đức hạnh của đời song Sa-môn là thuộc ve vi ấy. 15. Tâu Đại vương, chẳng phải Trưởng lão Upasena, con trai của Vañganta, với sự thực hành đầy đủ các hạnh giảm thiểu và từ khước, sau khi khôriẸ chấp hành quy đinh của hội chúng ở Sāvatthi, đã cùng tập thể của mình đi đen gặp đấng Điều Ngự Trượng Phu đang thiền tinh, đã đê đầu đảnh lễ hai bàn chan của đức Thế Tôn, rồi đã ngồi xuống một bên. Và đức Thế Tôn sau khi nhìn thấy tập thể đã khéo được huấn luyện ấy thì mừng rỡ, phấn chấn, vui mừng, phấn khởi, sau khi trao đổi chuyện trò với tập thể, rồi với giọng nói của Phạm thiên không bi lẫn lộn, đã nói điều này: "Này Upasena, tập thê này quả là có niêm tin đôi với ngươi. Này Upasena, ngươi hướng dẫn tập thể thế nào?" Được đấng Toàn Tri, bậc Mười Lực, vi Trời Vượt Trội Các Vi Trời hỏi. Vi ấy bằng năng lực về đức hạnh của tự thân đúng theo sự thật, cũng đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, người nào đi đến và cầu xin con sự xuất gia, hoặc pháp nương nhờ, thì con nói với người ấy như

vầy: 'Này đạo hữu, ta là vi hành pháp ngụ ở rừng, hành pháp chuyên đi khất thực, hành pháp chỉ mặc y may bang vải bi quăng bỏ, hành pháp chỉ sử dụng ba y. Nếu ngươi cũng sẽ là vỉ hành pháp ngụ ở rừng, hành pháp chuyên đi khất thực, hành pháp chỉ mặc y may bang vải bỉ quăng bỏ, hành pháp chỉ sử dụng ba y, như thế thì ta sẽ cho ngươi xuất gia, sẽ ban cho pháp nương nhờ.' Thưa Ngài, nếu người ấy sau khi đã đồng ỷ với con, vui vẻ, hứng thú, như vậy thỉ con cho người ấy xuất gia, con ban cho pháp nương nhờ. Bạch Ngài, con hướng dẫn tập thể như thểy Tâu Đại vương, cũng như thế, người thọ trì đức hạnh cao quý của các pháp từ khước là vi chúa tể ở giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng, có sự thể hiện các quyền lực, là người chủ có hành động theo như ước muốn; toàn bộ các sự chứng đạt tịch tinh, an lạc là thuộc về vi ấy. Tâu Đại vương, giống như hoa sen có nguồn gốc, sanh trưởng, mọc lên trong sạch cho đến lúc trưởng thành là trơn láng, mềm mại, đáng ham thích, có mùi thơm tốt, được yêu mến, được mong cầu, được ca tụng, không bi lấm lem bởi nước và bùn, được tô điểm bởi những cánh hoa nhỏ, tua nhi, quả sen, được lai vãng bởi bầy ong, được phát triển ở nước mát lạnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành

thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà [bây giờ] các vị đệ tử của bậc Thánh được đầy đủ với ba mươi đức tính cao quý. Với ba mươi đức tính cao quý nào? Là có tâm từ trìu mến, mềm mỏng, dịu dàng; là có phiền não được tiêu diệt, được phá hủy, được tiêu hoại; là có sự ngã mạn và sự kiêu ngạo được phá hủy, được diệt trừ; là có đức tin không dao động, vững chãi, được củng cô, không có phân vân; là nhận được sự chứng đạt trọn vẹn, được thỏa mãn, được mừng rỡ? đáng ham thích, tịch tinh, an lạc; là được thấm nhuần bởi hương thơm cao quý, ưu tú, vô song, tinh khiết của giới; là đoi tượng yêu quý, ưa thích của chư thiên và nhân loại; được các bậc Lậu Tận, các Thánh nhân và các nhân vật cao quý mong mỏi; được đảnh lễ, cúng dường đối với chư thiên và nhân loại; được tán dương, ca ngợi, khen ngợi, ca tụng của những con người khôn ngoan, thông minh, sáng suốt; không bị lấm lem bởi thế gian ở đời này hay ở đời khác; có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi về chút ít tội lỗi ở thế gian; có sự hoàn thành mục đích cao quý về đạo và quả của những người có sự mong muốn các thành tựu lớn lao và cao quý; có phần về vật dụng lớn lao, hảo hạng đã được [thí chủ] thỉnh cầu; có sự nằm nghỉ ở nơi không nhà; có sự an tru quý cao ở trạng thái gắn bó với thiền; có nền móng của mạng lưới phiền não đã được tháo gỡ; sự che lấp về cảnh giới tái sanh đã được phá vỡ, đập bể, co rút lại, chặt đứt; có pháp bền vững; chỗ ngụ được phù hợp; có sự thọ hưởng không bị chê trách; được thoát khỏi cảnh giới tái sanh; đã vượt lên trên tất cả hoài nghi; đã gắn bó vào sự giải thoát; đã nhìn thấy giáo pháp; đã đi đến chốn nương nhờ vững chắc, không dao động đối với sự kinh sợ; có khuynh hướng ngủ ngầm đã được trừ tuyệt; đã đạt đến sự cạn kiệt tất cả lậu hoặc; có nhiều sự chứng đạt và an trú về sự tịch tịnh và sự an lạc; có đây đủ tát cả đức tính của vị Sa-môn. Vị ây được đây đủ với ba mươi đức tính cao quý này. Tâu Đại vương, chăng phải vi Trưởng lão Sāriputta là con người cao cả ở mười ngàn thê giới, trừ ra đang Thập Lực, bậc thây của thê gian? Ngay cả vị ây5 trong vô

lượng vô số kiếp sống, có thiện căn đã được tích lũy, có dòng dõi gia tộc Bà-la-môn, sau khi từ bỏ sự hứng thú ve dục lạc làm thích ý và tài sản quý giá nhiều trăm con số đếm, sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, sau khi đã rèn luyện thân, khẩu, ý với mười ba hạnh từ khước này, giờ đây hôm nay được hội đủ các đức hạnh vô biên, đã được sanh làm người tiếp tục chuyển vận bánh xe pháp của đức Thế Tôn Gotama. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến ở đoạn Dâu ân cao quý. pháp Một chỉ thuộc Tăng chỉ bộ răng: ĩ , "Này các Tỳ-khưu, Ta không nhìn thây một cá nhân nào khác là người tiêp tục chuyên vận một cách đúng đan bánh xe pháp vô thượng đã được chuyên vận bởi đức Như Lai như là Sāriputta. Này các Tỷ-khưu, Sāriputta tiếp tục chuyển vận một cách đúng đắn bánh xe pháp vô thượng đã được chuyển vận bởi đức Như Laỉy

1094 KINH TIÊU BÔ

Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Bất cứ lời dạy nào của đức Phật gồm chín thê loại, • các hành động nào vượt r trên Ị' thê gian, và cácL sự chứng đạt vĩ đại cao . • l <1 <• e

quý nào của các sự chứng đác ở thê gian; mọi điêu ây đêu đi đên sự hội tụ ở mười ba hạnh từ khước. wCâu hỏi về pháp từ khước55 là thứ nhỉ. Phẩm Suy luận được đầy đủ.

CÁC CÂU HỎI GIẢNG VÈ CÁC ví DỤ (OPAMMAKATHĀPAÑHĀ) .

CÁC TIÊU ĐÈ (MÃTIKÃ)

Thưa Ngài Nāgasena, hội đủ bao nhiêu tính chất thì vi Tỳ-khưu chứng ngộ phẩm vi A-la-hán?

Tâu Đại vương, ở đây với vị Tỳ-khưu có ước muốn chứng ngộ phẩm vi
A-la-hán thì:
Một tính chất của con vật có tiếng kêu ghê rợn nên được hành trì.
Năm tính chất của con gà trống nên được hành trì.
Một tính chất của con sóc nên được hành trì.
Một tính chất của con beo cái nên được hành trì.
Hai tính chất của con beo đực nên được hành trì.
Năm tính chất của con rùa nên được hành trì.
Một tính chất của cây tre nên được hành trì.
Một tính chất của cây cung nên được hành trì.
Hai tính chất của con quạ nên được hành trì.
Hai tính chất của con khỉ nên được hành trì.
Một tính chất của dây bầu nên được hành trì.
Ba tính chất của cây sen nên được hành trì.
Hai tính chất của hạt giống nên được hành trì.
Một tính chất của cây sālā xinh đẹp nên được hành trì.
Ba tính chất của chiếc thuyền nên được hành trì.
Hai tính chất của cái neo thuyền nên được hành trì.

Một tính chất của cột buồm nên được hành trì.
Ba tính chát của người thuyên trưởng nên được hành trì.
C e
Một tính chát của người làm công nên được hành trì.
Năm tính chát của biên cả nên đxrợc hành trì.
Năm tính chất của đất nên được hành trì.
1096 KINH TIÊU Bộ

Năm tính chất của nước nên được hành trì.
Năm tính chất của lửa nên được hành trì.
Năm tính chất của gió nên được hành trì.
Năm tính chất của núi nên được hành trì.
Năm tính chát của hư không nên được hành trì.
Năm tính chất của mặt trăng nên được hành trì.
Bảy tính chất của mặt trời nên được hành trì.
Ba tính chất của vị Sakkā nên được hành trì.
Bốn tính chất của vi Chuyển Luân nên được hành trì.
Một tính chất của loài mối nên được hành trì.
Hai tính chất của loài mèo nên được hành trì.
Một tính chất của loài chuột nên được hành trì.
Một tính chất của loài bò cạp nên được hành trì.
Một tính chất của loài chồn nên được hành trì.
Hai tính chất của loài chó rừng già nên được hành trì.
Ba tính chất của loài nai nên được hành trì.
Bốn tính chất của loài bò nên được hành trì.
Hai tính chất của loài heo nên được hành trì.
Năm tính chất của loài voi nên được hành trì.
Bảy tính chất của loài sư tử nên được hành trì.
Ba tính chất của loài ngỗng đỏ nên được hành trì.
Hai tính chất của loài sếu cái nên được hành trì.
Một tính chất của loài bồ câu nhà nên được hành trì.
Hai tính chất của loài chim cú nên được hành trì.
Một tính chát của loài chim gõ kiên nên được hành trì.
Hai tính chất của loài dơi nên được hành trì.
Một tính chất của loài đỉa nên được hành trì.
Ba tính chất của loài rắn nên được hành trì.
Một tính chất của loài trăn nên được hành trì.
Một tính chất của loài nhện đường nên được hành trì.
r y
Một tính chát của đứa bé đeo bâu vú nên được hành trì.

Một tính chất của loài rùa có đốm nên được hành trì.
Năm tính chất của khu rừng nên được hành trì.
Ba tính chất của cây cối nên được hành trì.
Năm tính chát của cơn mưa nên được hành trì.
MILINDAVẤNĐẠO^ 1097

Ba tính chất của ngọc ma-ni nên được hành trì. Bốn tính chất của người thợ săn nên được hành trì. Hai tính chất của người câu cá nên được hành trì. Hai tính chất của người thợ mộc nên được hành trì. Một tính chất của chum nước nên được hành trì. Hai tính chất của sắt đen nên được hành trì. Ba tính chất của cái lọng che nên được hành trì. Ba tính chất của thửa ruộng nên được hành trì. Hai tính chất của thuốc giải độc nên được hành trì. Ba tính chất của vật thực nên được hành trì. Bốn tính chất của người cung thủ nên được hành trì. Bốn tính chất của vi vua nên được hành trì. Hai tính chất của người gác cổng nên được hành trì. Một tính chất của cối đá xay được hành trì. Hai tính chát của cây đèn nên được hành trì. Hai tính chất của loài chim công nên được hành trì. Hai tính chất của loài ngựa nên được hành trì. Hai tính chất của kẻ say rượu nên được hành trì. Hai tính chất của cái ngưỡng cửa nên được hành trì. Một tính chất của cái cân nên được hành trì. Hai tính chất của thanh gươm nên được hành trì. Hai tính chất của loài cá nên được hành trì. Một tính chất của kẻ vay nợ nên được hành trì. Hai tính chất của người bị bệnh nên được hành trì. Hai tính chất của người bi chết nên được hành trì. Hai tính chất của con sông nên được hành trì. Một tính chất của loài bò mộng nên được hành trì. Hai tính chất của con đường nên được hành trì. Một tính chát của người thu thuê nên được hành trì. Ba tính chất của kẻ trộm cướp nên được hành trì. Một tính chất của loài chim diều hâu nên được hành trì. Một tính chất của loài chó nên được hành trì. Ba tính chát của người thây thuôc nên được hành trì. Hai tính chất của người nữ mang thai nên được hành trì. Một tính chất của loài sơn dương nên được hành trì.

1098 KINH TIỂU BÔ

Hai tính chất của loài chim giẻ nên được hành trì. Ba tính chất của loài bồ câu nên được hành trì. Hai tính chất của người một mắt nên được hành trì. Ba tính chất của người cày ruộng nên được hành trì. Một tính chát của loài chó rừng giông Jambuka nên được hành trì. Hai tính chất của cái sàng loại nhỏ nên được hành trì. Một tính chất của cái muỗng nên được hành trì. Ba tính chất của người thâu nợ nên được hành trì. Một tính chất của người nghiên cứu nên được hành trì. Hai tính chất của người đánh xe nên được hành trì. Hai tính chát của người cung cáp thức ăn nên được hành trì. Một tính chất của người thợ may nên được hành trì. Một tính chất của người lái thuyền nên được hành trì. Hai tính chất của loài ong nên được hành trì. Các Tiêu đề được đầy đủ.

MILINDAVẤN ĐẠO 1099

L PHẨM LỪA (GADRABHAVAGGƠ)

ỉ. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI LỪA (Gadrabhañgapañho) -Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 6MQt tính chất của con vật có tiếng kêu ghê rơn [loài lừa] nên

được hành tri", một tính chất nên được hành tn ấy la điều nao? Tâu Đại vương, giông như loài lừa năm ở bát cứ nơi đâu: ơ đỉnh đông rác, ở ngã tư đường, ở giao lộ, ở công làng, ở đông trâu và không năm nhiêu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập có thể nằm sau khi đã trải xuống mảnh da ở bất cứ nơi đâu: ở tấm trải bằng cỏ, ở tấm trải bằng la, ơ chiec giường nho băng cay go, ơ nen đát, không nen năm nhiêu. Tâu Đại vương, điêu này là một tính chát của con vật có tiêng kêu ghê rợn [loài lừa] nên được hành trì. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thê Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời, nói đến: "Này các Tỳ-khưuf giờ đây các đệ tử của Taf với gối kê đau là khúc go mục, sổng không xao lãng, cỏ nhiệt tâm trong việc nỗ lựcy Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:1 "Đôi với vị đang ngôi với thê kiêt-già, trời mưa còn chưa làm ướt đâu gói, vầy là quá đủ cho sự an trú thoải mái của vỉ Tỳ-khưu có bản tánh cương quyéty uCâu hỏi về tính chất của loài lira" là thứ nhất2

2. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHÁT CỦA LOÀI GÀ TRỐNG (Kukkatañgapañho) í. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "Nm tính chất của loài gà trống nên được hành tri"năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài gà trống đi nghỉ ngơi đúng lúc đúng thời. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên quét dọn sân của bảo tháp đúng lúc đúng thời, rồi nên cung cấp nước uống nước rửa, nên chăm sóc cơ thể, nên tắm rửa, nên đảnh lễ bảo tháp, nên đi đến thăm viếng các

Theragāthāpāli (Trưởng lão kê), TTPV, tập 31, trang 229, câu kệ 985.

Tỳ-khưu trưởng thượng, roi nên đi vào nơi trông văng đúng lúc đúng thời. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ nhát của loài gà trông nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài gà trống thức dậy đúng lúc đúng thời. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên thức dậy đúng lúc đúng thời, nên quét dọn sân của bảo tháp, rồi cung cấp nước uống nước rửa, nên chăm sóc cơ thể, nên đảnh lễ bảo tháp, rồi nên đi vào nơi trống vắng thêm lần nữa. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài gà trống nên được hành trì. 3 Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài gà trống sau khi bới đi bới lại mặt đất rồi nuốt miếng ăn vào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi quán xét đi quán xét lại rồi mới nên nuốt vật thực vào: "Không phải để chơi giỡn, không phải vì đam mê, không phải để tô điểm, không phải đe trang sức. mà chỉ nhằm để duy trì, để nuôi dưỡng thân thể này. để ngăn ngừa sự tôn hại, đê hô trợ sự thực hành Phạm hạnh [nghĩ răng]: Như vây ta tiêu diệt cảm thọ cũ và sẽ không làm sanh lên cảm thọ mới, và sự sông còn, sự không bị chê trách và sự cư trú thoải mái sẽ có đến ta." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài gà trống nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến: "í như thịt của người con trai ở nơi sa mạc, giống như dầu bôi trơn cho trục xe, tương tợ như thế, người đã ăn vào vật thực nhằm mục đích sống còn, không bi đam say'" 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài gà trốnệ dầu sáng mắt cũng bị mù mờ vào ban đêm. Tâu Đại vương, tương tơ y như

thế, vị hành giả thiết tha tu tập dầu không bị mù cũng nên là như mù, dầu ở trong rừng hay đang khi đi khất thực ở khu vực làng mạc nên là như mil, điếc, câm đối với các sắc, thinh, hương, vị, xúc và pháp quyến rũ, không nên nắm giữ hình tướng, không nên nắm giữ chi tiết. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của loài gà trống nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Mahā Kaccāyana nói đến:2 "Người có mắt nên là như kẻ mil, người có tai nên là như kẻ điếc, người có lưỡi nên là như kẻ câm, người có sức mạnh tợ như kẻ yểu đuổi, và khi có sự việc đã được sanh khởi, hãy nằm xuống ngủ như kẻ chếty 5. Tâu Đại vưcmg, còn có điều khác nữa, loài gà trống dầu đang bị tấn công bởi các cục đất, cây gậy, cây côn, cái vồ, cũng không lìa bỏ cái chuồng của mình. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập dầu đang làm công việc may y, đang làm công việc xây dựng công trình mới, đang thực hành phận sự và công việc, đang đọc tụng, đang bảo người khác đọc tụng, cũng không nên lìa bỏ việc tác ý đúng đường loi. Tâu Đại vương, bản thân điều này chính là ngôi nhà của hành giả, tức là sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ năm của loài gà trông nên được hành trì. Tâu2

2 Theragāthāpāli (Trưởng lão kệ), TTPV, tập 31, trang 143, câu kệ 501.

MILINDA VẤN ĐẠO noi

Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến: “Này các Tỳ-khuu, cái gì là hành xứ của vi Tỳ-khưu? Là lãnh vực tu tập có tỉnh chất truyền thống của bản thân, tức là bốn sự thiết lập niệmy Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "Giống như con voi đang ngủ, không giẫm đạp lên cải vòi của nó. Nó nhận thức được vật ăn được và vật không ăn được, [nhận thức được] hành vi và suy nghĩ của bản thân. Y như thế ấy, người con trai của đức Phật, dẫu là không bi xao lãng, không nên xem thường lời dạy của đang Chiến Thắng ve sự tác ỷ cao quỷ toi thượng^ 46Câu hỏi về tính chất của loài gà trống" ỉa thứ nhỉ.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SÓC (Kalandakañgapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: wMột tmh chất của loài sóc nên được hành tri* một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? Tâu Đại vương, giống như loài sóc, khi kẻ thù địch lao đến thì ve vẫy cái đuôi và làm cho lớn lên, rồi xua đuổi kẻ thù địch bằng cay côn chính là cái đuôi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, khi kẻ thù phiền não lao đến, thì nên ye vẫy cây côn là sự thiết lập niệm và làm cho nó lớn lên, rồi xua đuổi tất cả phiền não bằn^ chính cây côn là sự thiết lập niệm ấy. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài sóc nên được hành trì. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được Trưởng lão Cullapanthaka nói đến: "Khỉ nào các phiền não phá hoại đức hạnh của đời sống Sa-môn lao đến, chúng nên bi tiêu diệt một cách liên tục bang cây côn là sự thiết lập niệm y “Câu hỏi về tính chất của loài s6c” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BEO CÁI (Dīpiniyañgapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà N^ài nói là: 66Một tính chất của loài beo cái nên được hành trì55, một tính chát nên được hành trì ấy là diều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài beo cái

đậu thai chỉ có một lần, không tiếp tục đi đến với con đực nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, VỊ hành giả thiêt tha tu tập sau khi nhìn thấy sự tiếp nối trong tương lai, sự tái sanh, việc nằm ở bào thai, sự chết, sự tan rã? sự hoại diệt, sự tiêu tan, nỗi sợ về luân hồi, khổ cảnh, Sự không tương xứng, sự dăn vặt, nên thực hiện tác ý đúng đường lôi răng: "Ta sẽ không tiếp tục về việc sanh ra lần nữa." Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài beo cái nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, VỊ Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Kinh tập?

3 Suttanipãta (Kỉnh tập), Kinh Người chăn bò Dhaniya, câu kệ 29.

"Tợ như con bò mộng đã cắt đứt các sự trói buộc, tợ như con voi đã bứt lìa sợi dây rừng thoi tha, Ta sẽ không đi đến việc nằm ở bào thai lần nữa. "Này vị trời, vậy nếu ngài mong muốn, thì ngài hãy đổ mưa^ “Câu hỏi về tính chất của loài beo c” là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BEO Đực (Dīpikañgapañho) 1. - Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 6íHai tính chất của loài beo đực nên được hành tri”hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài beo đực ẩn núp nương vào lùm cỏ um tùm hoặc khu rừng um tùm hoặc đồi núi um tùm, rồi chộp lấy các con thú rừng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiêt tha tu tập nên tới lui nơi văng vẻ là cánh rừng rậm? gốc cây, sườn núi, thung lũng, hang núi, bãi tha ma, khu rừng thưa, đồng trống, đống rơm, nơi ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Tâu Đại vương, bởi vì trong khi tới lui nơi vắng vẻ, vị hành giả thiết tha tu tập chẳng bao lâu sau đạt được bản thê năng lực vê sáu thăng trí. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ nhát của loài beo đực nên được hành trì. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được các vi Trưởng lão kết tập giáo pháp nói đến: "Cũng giống như con beo đực ẩn núp rồi chộp lấy các con thú rừng. Y như thế ấy người con trai này của đức Phật, vỉ có sự tu tập đã được gắn bó, vị hành , /í 9 ... . minh sát, đi vào khu rừng roi năm lây quả vi tôi thượng^ 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài beo đực sau khi giết chết bất cứ con thú nào, nếu con thú rơi bị rơi xuống ở sườn bên trái thì nó không ăn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên thọ dụng vật thực đã được tạo ra do việc cho tre, hoặc do việc cho lá, hoặc do việc cho bông hoa, hoặc do việc cho trái cây, hoặc do việc nhường chỗ tắm, hoặc do , r e # c việc cho đát sét, hoặc do việc cho bột tăm, hoặc do việc cho tăm xỉa răng, hoặc do việc cho nước súc miệng, hoặc do việc nịnh hót, hoặc do việc tâng bốc, hoặc do việc chiều chuộng, hoặc do việc chuyển tin bằng đôi chân, hoặc do công việc thay thuốc, hoặc do công việc đay tớ, hoặc do việc đi theo sự sai bảo, hoặc do thức ăn đổi thức ăn, hoặc do phát sanh bởi quà cáp, hoặc nhờ vào khoa địa lý, hoặc nhờ vào khoa chiêm tinh, hoặc nhờ vào khoa bói tướng, hoặc bởi bất cứ sự nuôi mạng sai trái nào khác đã bị đức Phật quở trách, tợ như con beo đực không ăn con thú rơi bị rơi xuống ở sườn bên trái. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài beo đực nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "Mật ong và cháo được phát sanh do việc lan truyền của sự biểu hiện bằng lời nói, nếu ăn vào thi tôi có thể bỉ

chê trách về sự nuôi mạng của tôi.

MILINDAVẤN ĐẠO 1103

/ c 2 9 J 5 T X 7 A l Ji Thậm chỉ, nêu nội tạng của tôi rơi ra lòng thòng ở bên ngoài, dâu cho đang từ bỏ mạng sống, tôi vẫn không làm đổ vỡ sự nuôi mạng [chan chảnh]y 46Câu hỏi về tính chất của loài beo dực" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RÙA (Kummañgapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: “Nm tính chất của loài rùa nên được hành tri”, năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài rùa là loài sống ở nước, sắp xếp chỗ trú ngụ ở ngay trong nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên lan tỏa toàn the the gian với tâm ý bao la, vĩ đại, không đo lường được, không thù oán, không hãm hại, đồng hành với từ ái, có lòng thương tưởng đến sự lợi ích của tất cả các cá nhân có mạng sống và đang hiện hữu, rồi an trú. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài rùa nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rùa trong khi nổi lên ở trong nước thì ngước đầu lên nhìn xem, nếu nhìn thấy ai đó thì ngay tại nơi ấy lặn xuống và chìm sâu [nghĩ rằng] “Ch& để những kẻ ấy nhìn thấy ta lần nữ%" Tâu Đại vương, tương tợ y như thế? vị hành giả thiết tha tu tập, khi các phiền não xâm nhập thì nên lặn xuống hồ nước là cảnh giới [của đe mục thiền] và nên chìm sâu [nghĩ rằng]: "Chở để các phiền não nhìn thấy ta lần nữa.,, Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài rùa nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rùa sau khi đi ra khỏi nước thì sưởi ấm thân thể. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đưa tâm ý ra khỏi việc ngoi, đứng, nằm, đi kinh hành thì nên sưởi ấm tâm ý ở sự nỗ lực đúng đan. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài rùa nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, loài rùa sau khi đào đát thì sáp đặt chỗ ngụ ở nơi cô quạnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên dứt bỏ lợi lộc, tôn kính, tiếng tăm, nên đi sâu vào nơi trống vang, cô quạnh, khu rừng lớn, khu rừng thưa, sườn núi, thung lũng, hang núi, nơi ít âm thanh, ít tiêng ôn, được tách biệt, nên đi đên chô trú ngụ ở ngay tại nơi cô quạnh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của loài rùa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão upasena, con trai của Vanganta nói đen:4 "Vị Tỳ-khưu, vì nguyên nhân thiên tinh nên tới lui chô trú ngụ cô quạnh, ít tiếng ồnf được lai vãng bởi các thú dữ' 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rùa trong lúc đi lang thang, nếu nhìn thấy cái gì hoặc nghe được cái gì, thì thu giấu các chân và cái đầu là thứ năm ở trong cái vỏ của mình, không cử động, có trạng thái im lặng, giữ yên, trong khi hộ trì thân thể.

4 Theragãthãpãịi (Trưởng lão kệ), TTPV, tập 31, trang 161, câu kệ 577.

1104 KINH TIỂU BỒ

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, VỊ hành giả thiết tha tu tập ở tất cả các nơi, trong khi các sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp xâm nhập, thì không nên mở ra cánh cửa phòng hộ ở sáu căn, nên tập trung tâm trí, nên thực hành sự thu thúc, nên sông có niệm và có sự nhận biêt rõ trong khi hộ trì Sa-môn pháp. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ

năm của loài rùa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tương ưng bộ quý báu, bài Kinh Vỉ dụ con rùa: "Tg như cọn rùa đang thu lại các phân thân thê ở trong cái vỏ của mình, vi Tỳ-khim trong khỉ tập trung lại các sự suy nghĩ của tâm, không bị lệ thuộc, không quây roi kẻ khác, được hoàn toàn tịch tỉnh, không chửi măng bát cứ aiy ÍẾCâu hỏi về tính chất của loài rùa95 là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA CÂY TRE (Vamsañgapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: í6Một tính chất của cây tre nên được hành tri", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như cây tre nghiêng theo làn gió, không chạy theo hướng khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tuân theo giáo pháp của bậc Đạo sư gôm chín thê loại đã được đức Phật, Thê Tôn giảng dạy, nên duy trì các điêu cho phép và không bị chê bai, nên tầm cầu chỉ mỗi Sa-môn pháp. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của cây tre nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Râhula nói đến: "Sau khi luôn luôn tuân theo giáo pháp của đức Phật gôm chín thê loại, sau khỉ duy trì các điều cho phép và không bị chê bai, tôi đã vượt lên trên chốn đọa đàyy 6íCâu hỏi về tính chất của cây tre" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA CÂY CUNG (Capañgapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 66Một tính chất của cây cung nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như cây cung, được khéo chuốt, được đo đạc, uốn cong thật đồng đều cho đến đầu trên và đầu dưới, không cứng ngắc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên tùy thuận đến các vi trưởng lão, mới tu, hoặc trung niên tương tợ như nhau, không tỏ ra đối nghịch. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của cây cung nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Bổn sanh "VidhurapuỊHỊaka:'"

5 Bổn sanh uBậc Sáng Suốt Vidhura" (Vidhurajātakam), số 545, TTPV, tập 34. (ND)

" Vị sáng trí nên uôn cong tợ như cây cung, tợ như cây tre đang nghiêng theo, không nên hành xử điều nghịch lại, vi ấy có the tru ở cho ngụ của đức vua." 66Câu hỏi về tính chất của cây cung" l thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI QUẠ (Vāyasañgapañho) 1. - Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 66Jỉai tính chất của loài quạ nên được hành tri", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài quạ đi lang thang, dè dặt và e ngại, cẩn thận và đề phòng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên đi lại, dè dặt và e ngại, cẩn thận và đề phòng, với niệm được thiết lập, với các giác quan được thu thúc. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ nhát của loài quạ nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài quạ sau khi nhìn thấy bất cứ thức ăn nào thì chia sẻ với đồng loại rồi mới ăn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập, đối với các lợi lộc hợp pháp, được thọ nhận

hợp pháp, thậm chí phần đã được đặt vào bình bát, đối với các lợi lộc có hình thức như thế không nên là vị thọ dụng mà không san sẻ với các vi đồng Phạm hạnh có giới dức. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài quạ nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "Vào lúc ta có sự thực hành khổ hạnhf nếu họ đem lại cho ta phần đã đạt được theo khả năng, thì ta phân chia cho tát cả, sau đó mới thọ dụng phân d 6°Câu hỏi về tính chất của loài quạ59 là thứ chín.10

10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI KHỈ (Makkatagapañho) 1. - Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 66Hai tính chất của loài khỉ nên được hành trì9\ hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài khỉ, trong khi đi đến chỗ trú, thì đi đến chỗ trủ ở khoảng trống có hình thức như thế: Là ở thân cây to lớn vĩ đại, được tách biệt, có cành lá ở mọi nơi, là chốn nương nhờ cho kẻ bị sợ hãi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên sống nương tựa vào vị thây, người bạn tót lành, có hình thức như vây: Là vi có liêm si, khéo cư xử, có giới hạnh, có thiện pháp, nghe nhiều, vi duy trì giáo pháp, đáng mến, đáng kính, đáng trọng, vị tuyên thuyết, có sự nhẫn nại với lời nói, vị giáo giới, vi giải thích, vị chỉ dạy, vị thức tỉnh, vị khuyến khích, vị tạo niềm phấn khởi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài khỉ nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài khỉ đi đứng ngồi chỉ ở trên cây, nếu nó rơi vào giấc ngủ thì nó trải qua việc trú đêm ở ngay tại chỗ ấy. Tâu

Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên có khuynh hướng ở rừng, nên đứng, di, ngôi, năm và rơi vào giác ngủ chỉ ở trong rừng, nên kinh nghiệm vê sự thiêt lập niệm ở ngay tại chô ây. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ nhì của loài khỉ nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: y "Ngay cả trong khỉ đi kỉnh hành, trong khỉ đứng, hoặc với việc ngôi và việc nằm, vi Tỳ-khưu chiếu sảng ở khu rừng, chỉnh khu rừng ấy được ca ngợi." 66Câu hỏi về tính chất của loài khí" là thứ mười. Phẩm Lừa ỉa phẩm thứ nhất

Phần tóm lược "[Loài lừa] có tiếng kêu khủng khiếp, loài gà trống, loài sóc, loài beo cái, loài beo đực, loài rùa, cây tre, cây cung và loài quạ, rồi loài khi.”

n. PHẨM BIỂN CẢ (SAMUDDAVAGGƠ)

ỉ. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA DÂY BÀU (Lābulatañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 44Một tính chất của dây bầu nên được hành tri”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như dây bầu dùng những sợi tua đeo bám ở cọng cỏ, hoặc ở khúc cây, hoặc ở dây leo, rồi phát triển lên trên vật đó. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập, có ước muốn tiến triển ở phẩm vị A-la-hán, thì nên dùng ý đeo bám ở đối tượng [đề mục thiền], rồi tiến triển ở phẩm vi A-la-hán. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của dây bầu nên được

hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đên: "Giông như cái gọi là dây bâu đeo bám ở cọng cỏ, ở khúc cây, hoặc ở dây leo bằng những sợi tua, rồi từ đó phát triển lên trên. Y như thê âyt người con trai của đức Phật, có ước muôn vê quả vỉ A-la-hán, thì nên đeo bám ở đổi tượng [đề mục thiền], rồi tiến triển ở quả vỉ Vô hoc." “Câu hỏi về tính chất của dây bầu” là thứ nhất

2. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA CÂY SEN (Padumañgapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: wBa tính chất của cây sen nên được hành tri”, ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vuông, giống như cây sen được sanh ra ở nước, được phát triển ở nước, không bị lam lem bởi nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiêt tha tu tập không nên bi lâm lem trong mọi trường hợp ở gia đình, ở nhóm, về lợi lộc, về danh vọng, về sự tôn vinh, về sự nể vì? về các nhu cầu vật dụng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của cây sen nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa? cây sen vững vàng sau khi vươn lên khỏi nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiêt tha tu tập nên chế ngự tất cả [các pháp] thế gian, nên vươn lên? và nên vững vàng ở các pháp xuất thế gian. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của cây sen nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cây sen bị run rẩy, lay động vì gió dầu chỉ chút ít. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập

nên thực hành sự tự chế ngự, nên sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi ở các phiền não dâu chỉ chút ít. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ ba của cây sen nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời nổi đến: "Người có sự nhìn thay noi sợ hãi ở các tội loi nhỏ nhoi thọ trì và học tập ở các điều họcy “Câu hỏi về tính chất của cây sen” là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA HẠT GIỐNG (Bīfañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 6'Hai tính chất của hạt giống nên được hành tH”, hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như hạt giống dầu là ít ỏi, đã được gieo ở thửa ruộng tốt, trong khi trời ban cho cơn mưa đúng đắn, thì sẽ tạo ra được rất nhiều kết quả. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, giới đã được thực hành theo cách nào mà sẽ tạo ra được toàn bộ quả vị của Sa-môn, thì vị hành giả thiết tha tu tập nên thực hành đúng đắn theo cách như vậy. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của hạt giống nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hạt giống đã được trồng ở thưa ruộng khéo được làm sạch sẽ thì phát triển vô cùng nhanh chóng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập khéo nắm giữ được ý, làm cho ý được thanh tinh ở căn nhà trống vắng, rồi đặt ý vào thửa ruộng cao quý là sự thiết lập niệm, thì ý phát triển vô cùng nhanh chóng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của hạt giống nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Anuruddha nói đến: "Giông như hạt giông được thiêt lập ở thửa ruộng sạch sẽ, két quả của nó là doi dào, và còn làm cho người nông dân mừng rỡ. Y như thế ấy, tâm của vi hành giả đã được làm cho thanh tinh ở căn nhà trống văng thì phát triển vô cùng nhanh chóng ở thửa ruộng là sự thiêt lập niệmy wCâu hỏi về tính chất của hạt

giống59 là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA CÂY SẢLÃ XINH ĐẸP (Sālakalyānikañgapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: “MQt tính chất của cây sālā xỉnh đẹp nên được hành tri* một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giông như cây sãlã xinh đẹp tăng trưởng luôn cả ở bên trong trái đất đến hơn một trăm cánh tay. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị .' r • r •

hành giả thiêt tha tu tập nên làm cho tròn đủ bôn quả vị Sa-môn, bôn tuệ phân tích, sáu thăng trí, và toàn bộ pháp Sa-môn ở ngay tại ngôi nhà trông văng. Tâu

Đại vương, điều này là một tính chất của cây sālā xinh đẹp nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Rāhula nói đến: "Loài cây có tên sālā xinh đẹp, mọc ở trải đất, tăng trưởng luôn cả ở bên trong trải đất đen một trăm cảnh tay. r 2 -ai r Giông như vào lúc thời diêm đã đên, với sự trưởng thành cây ây vươn lên, tăng trưởng thậm chỉ một trăm cánh tay trong một ngày. Bạch đang Đại Hùng, tương tợy như thêf con tiên triền một cách tự nhiên ở ngôi nhà trông văng, tợ như cây sãĩã xinh đẹp tăng trưởng ở khoảng khôngy uCâu hỏi về tính chất của cây sãlã xinh đẹp59 là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CHIẾC THUYÊN (Nāvañgapañho) L Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 6íBa tính chất của chiếc thuyền nên được hành tri”, ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như chiếc thuyền giúp cho nhiều người vượt qua nhờ vào sự tập hợp đã được kết nối lại bằng nhiều loại cây gỗ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập sẽ vượt qua thế gian luôn cả chư thiên nhờ vào sự tập hợp đã được kết nối lại bằng nhiều hình thức giáo pháp như là cách cư XÍT, giới, đức hạnh, phận sự và công việc. Tâu Đại vương, điều này là tính chát thứ nhát của chiêc thuyên nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, chiếc thuyền chịu đựng lực đẩy gào thét của nhiều loại sóng, lực đẩy của dòng nước xoáy được lan rộng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên chiu đựng lực đẩy của nhiều loại sóng phiền não, lợi lộc, tôn vinh, danh vọng, danh tiếng, cúng dường, đảnh lễ, sự chê khen ở các gia tộc khác, và lực đẩy của nhiều loại sóng: Sướng, khổ, kính nể, khinh khi và sự sân hận. Tâu Đại vương, điều này là tính chát thứ nhì của chiêc thuyên nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, con co điêu khác nữa, chiêc thuyên di chuyên ở biên cả to lớn, khổng lồ, vô lượng, vô biên, không bờ bên kia, không bị xáo trộn, sâu thẳm, có tiếng ồn lớn lao vĩ đại, có sự chen chúc của các bầy cá là cá ông, cá voi, cá đao. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm cho tâm ý di chuyên ở sự lãnh hội và thâu triệt bôn chân lý vê ba luân, mười hai thể. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của chiếc thuyền nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tương ưng bộ quý báu, Tương ưng sự thật: "Này các Tỳ-khỉm, trong lúc suy tư, các người nên suy tư về: 'Đây là khổ: nên suy tư về: 'Đây là nguyên nhân của khổnên suy tư về: 'Đây là sự diệt khonên suy tư ve: 'Đây là sự

thực hành theo con đường đưa đen sự diệt khổ. ÍẾCâu hỏi về tính chất của chiếc thuyền59 là thứ năm.

1110 KINH TIỂU BÔ

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÁI NEO THUYÊN (Nāvālagganakañgapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: 66Hai tính chất của cái neo thuyền nên được hành tri”hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như cái neo thuyền giữ chặt, duy trì con thuyền ở nơi biển cả to lớn khổng lồ, trên mặt nước bị hỗn độn, bi khuấy động bởi những đợt dồn dập của nhiều làn sóng, không cho lôi đi theo hướng chính hướng phụ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên giữ chặt tâm ở sự xung đột lớn lao vĩ đại của các suy tư, ở sự dồn dập của những làn sóng luyến ái, sân hận, si mê, không cho lôi đi theo hướng chính hướng phụ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của cái neo thuyền nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa cái neo thuyền không nổi lên, nó chìm xuống thậm chí cả trăm cánh tay ở trong nước, nó giữ chặt con thuyền, duy trì ở vị trí. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập không nên nổi lên ở trên đỉnh của lợi lộc, ở trên đỉnh của danh vọng, ở các sự lợi lộc, danh vọng, tôn vinh, kính ne, đảnh lễ, cúng dường, trọng vọng, nên duy trì tâm chỉ ở mỗi việc làm cho cơ the được song còn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của cái neo thuyền nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "Giống như cái neo không nổi lêĩì ở biển mà chìm xuống, y như thế ấy, các ngươi chớ noi lên ở lợi lộc và tôn vinh mà hãy chìm xuốngy 6'Câu hỏi về tính chất của cái neo thuyền55 là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CỘT BUỒM (Kūpañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: ẾÍMột tính chất của cột buồm nên được hành t", một tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như cột buồm chịu đựng dây thừng, dây đai và cánh buồm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ, nên có sự thực hành việc nhận biết rõ trong khi đi tới trong khi đi lui, khi nhìn qua khi nhìn lại, khi co tay khi duỗi tay, trong việc mang y hai lớp, bình bát và y phục, khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm, ở hành động đại tiện tiểu tiện, khi đi, khi đứng, khi ngoi, khi ngủ, khi thức, khi nói, khi im lặng. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của cột buồm nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến: "Này các Tỳ-khưuf vị Tỳ-khưu nên sống có niệm, có sự nhận biết rõ; đây là lời dạy của chúng ta cho các ngươi." uCâu hỏi về tính chất của cột buồmw là thứ bảy.

MILINDA VẤN ĐẠO nil

8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THUYỀN TRƯỞNG (Niyāmakañgapañho) L Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: “Ba tính chất của người thuyền trưởng nên được hành trì99, ba tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như người thuyền trưởng, ngày đêm, thường xuyên, liên tục, không xao lãng, gắng sức, ra sức, điều khiển con tàu di chuyển. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả

thiết tha tu tập, trong khi kiểm soát tâm, nên kiểm soát tâm bằng sự tác ý đúng đường lối, ngày đêm, thường xuyên, liên tục, không xao lãng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người thuyền trưởng nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Pháp cú:6 "Các ngươi hãy thích thú trong sự không phóng dật, hãy phòng hộ tâm của mình, hãy đưa bản thân ra khỏi chốn kho đau, tợ như con voi bị vướng trong vũng bùn [co gang lê than ra khỏi bãi lầy]r 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa đối với người thuyền trưởng bất cứ việc gì ở biển cả là tốt hay là xấu, tất cả các điều ấy đều được biết đến. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên nhận biết thiện hay bất thiện, có tội lỗi hay không tội lỗi, hạ liệt hay cao quý, tối hay sáng hay có sự xen lẫn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của người thuyền trưởng nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa người thuyền trưởng đánh dấu ở bộ phận điều khiển [nói rằng]: "Chớ có người nào chạm đến bộ phận điều khiển.” Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm dấu ấn về sự thu thúc ở tam rằng: "Chớ suy tư về bất cứ suy tư nào ác và bất thiên.” Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của người thuyền trưởng nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tương ưng bộ cao quý: "Này các Tỷ-khưu, các ngươi chớ suy tư vê các điêu suy tư ác và bát thiện, như là sự suy tư về ái dục, sự suy tư về oán hận, sự suy tư về hãm hạiy ÍẾCâu hỏi về tính chất của người thuyền trưởng55 là thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG (Kammakārañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "M0t tính chất của người làm công nên được hành trì”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như người làm công suy nghĩ như vay: "Là người làm thuê, ta làm công việc ở chiếc thuyền này, nhờ vào chiếc thuyền này mà ta

6Dh. v. 327.

đạt được thức ăn và tiền công, ta không nên tạo ra sự xao lãng, chiếc thuyền này sẽ được chuyển vận nhờ vào ta có sự không xao lãng?5 Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên suy nghĩ như vây: "Trong khi quán sát vê thân tứ đại này, ta thường xuyên, liên tục không xao lãng, có niệm được thiết lập, có niệm, có sự nhận biết rõ, được đinh tĩnh, có tâm chuyên nhất, ta nên thực hiện sự không xao lãng [nghĩ rằng]: 'Ta sẽ được hoàn toàn tự do đối với các sự sanh-gibenh-chết-sầu-bi-kh6ưu-nO'" Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của người làm công nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đen: "Ngươi hãy quán sát về thân này, hãy biết toàn diện [về nó] lần nay, lần khác. Sau khi nhìn thấy bản thể thật ở thân, ngươi sẽ thực hiện việc cham dứt khổ đau." 66Câu hỏi về tính chất của người làm Cong59 là thứ chín.

10. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA BIỂN CẢ (Samuddañgapañho) ỉ. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: “Năm tính chất của biển cả nên được hành tri”, năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giông như biên cả không sông chung với xác chét. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên sống chung với luyến ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, gièm pha, thù oán, ganh tỵ, bon xẻn, gian trá, xảo quyệt, lừa đảo, không hài hòa, hạnh kiểm xấu và các bợn nhơ phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của biển cả nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, biển cả, trong khi cất giữ sự tích lũy nhiều loại châu báu là ngọc trai, ngọc mani, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, pha-lê, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo thì che đậy lại, không vung vãi ở bên ngoài. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, sau khi chứng đắc nhiều loại châu báu đức hạnh là dạo, quả, thiền, sự giải thoát, định và sự chứng đạt, minh sát và sáu thắng trí thì nên che giấu, không nên đưa ra bên ngoài. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của biển cả nên được hành trì/ 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, biên cả sông chung với các chúng sanh to lớn vĩ đại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành ẹiả thiết tha tu tập nên sống nương tựa vào vị đồng Phạm hạnh, là người bạn tốt lành, ít ham muốn, tự biết đủ? nói về pháp từ khước, có lối sống giảm thiểu, hội đủ tánh hạnh, có liêm sỉ, khéo cư xử, đáng kính, đáng trọng, vị tuyên thuyết, có sự nhẫn nại với lời nói, vị la rầy, có sự chê trách điều xấu, vị giáo giới, vi giáo hóa, vị giải thích, vị chỉ dạy, vị thức tỉnh, vi khuyến khích, vi tạo niềm phấn khởi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của biển cả nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, biển cả mặc dầu được làm đầy bởi trăm ngàn con sông như là Gañgā, Yāmunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī, v.v... chứa đựng nước nguồn và bởi các cơn mưa ở khônệ trung, cũng không tràn qua khỏi bờ của nó. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiết tha tu tập không nên thực hiện việc vi phạm các điều học một cách cố ý vì lý do lợi lộc, tôn vinh, danh tiếng, đảnh lễ, kính nê, cúng dường, thậm chí có nguyên nhân là mạng sống. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của biển cả nên được hành trì. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến: "Này Pahārāda, cũng giống như đại dương có pháp bền vững không tràn qua khỏi bờ, này Pahārāda, tương tợ y như the, điều học nào đã được Ta quy đinh cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu có nguyên nhân là mạng sống, cũng không vi phạm điều ấy'" 5. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, biên cả không bi tràn đây bởi tát cả các dòng sông Gañga, Yāmunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī và bởi các cơn mưa ở không trung. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên được thỏa mãn với việc đọc tụng, việc vân hỏi, việc nghe, việc xác đinh, việc nhận thức, việc đã được chuyên sâu về Luật và Vi diệu pháp, việc tranh luận về Kinh, sự quy đinh từ; sự liên kết từ, sự phân tích từ, và giáo pháp cao quý của đấng Chiên Thắng gồm chín thể loại. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của biển cả nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Bổn sanh "Suĩasoma: "Giống như ngọn lửa đang thiêu đốt cỏ và củi, hoặc là biển cả không được thỏa mãn với những dòng sông, này vỉ

vua hạng nhất, y theo như vậy những bậc sáng trí này, sau khỉ lăng nghe, không được thỏa mãn với điêu đã được khéo nóiy “Câu hỏi về tính chất của biển cả" là thứ mười. Phẩm Biển cả là phẩm thứ nhì.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY "Dây bầu, cây sen, hạt giống, cây sālā xinh đẹp, chiếc thuyền, cái neo thuyền, cột buồm, người thuyền trưởng là tương tợ, người làm công và biển cả9 phẩm [này] được gọi với tên ấy."

7 Bổn sanh t4Đại Sutasoma,9 (Mahāsutasomajātakam), số 537, TTPV, tập 33.

m. PHẨM ĐẤT (PATHAVIVĀGGO)

1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA ĐẤT (Pathavyañgapañho) 1. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 6íNăm tính chất của đất nên được hành trì, năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?95 -Tâu Đại vương, giống như đất là khi có kẻ đang vung vãi các vật được ưa thích hay không được ưa thích như là long não, gỗ tagara, gỗ tràm hương, nghệ, v.v... cũng như đang vung vãi mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ? nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu, phân, v.v... thì cũng y như thế ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập trong mọi trường hợp về các việc được ưa thích hay không được ưa thích như là về có lợi lộc và không có lợi lộc, về có danh tiếng và không có danh tiếng, về chê trách và khen ngợi, về an lạc và khổ đau thì cũng nên là y như thế ấy. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của đất nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đất lánh xa việc trang điểm, trang sức, và được bao phủ bang mùi hương của chính nó. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập nên lánh xa việc trang sức, nên bao phủ bang mùi hương giới hạnh của chính mình. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của đất nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đất không có khoảng trống, không có chỗ nứt, không có lỗ hổng, dày đặc, được trải rộng. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vi hành giả thiết tha tu tập nên có giới không có khoảng trong, không có mảnh bể, không có chỗ nứt, không có lỗ hổng, dày đặc, được trải rộng. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ ba của đát nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đất là không mệt nhọc trong khi nâng đỡ làng mạc, thị trấn, thành phố, xứ sở, cây cối, núi, sông, ao, hồ, thú rừng, chim, con người, đàn ông5 đàn bà, tập the. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập là không mệt nhọc trong những việc thuyết giảng giáo pháp, trong khi giáo giới, trong khi giáo hóa, trong khi giải thích, trong khi chỉ dạy, trong khi thức tỉnh, trong khi khuyến khích, trong khi tạo niềm phấn khởi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của đất nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đất được thoát ra khỏi sự nuông chiêu hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiêt tha tu tập nên sống với tâm ý tương tợ như trái đất, là được thoát ra khỏi sự nuông

chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của đất nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được nữ cư sĩ Cullasubhaddā nói đến trong

lúc công bố về pháp Sa-môn của mình: "Với tâm ỷ bi nổi giận, nếu một tay có lưỡi bủa thì cỏ thể chẻm; khi được vui thích, nếu một tay có vật thơm thì có thể bôi thoa. Không có sự ghét bỏ ở người ây, thì sự luyên ái ở người này không được biết đến, những tâm ấy tương tợ như đất, các pháp Sa-môn của tôi là tương tợ như thếy 6Câu hỏi về tính chất của đất" là thứ nhất

2. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC (Āpañgapañho) L Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: uNăm tính chất của nước nên được hành tii'1 năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như nước khéo được ổn định, không bị lay chuyển, không bi khuấy động, được hoàn toàn trong sạch từ bản thể. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên loại trừ sự gạt gẫm, tán phét, gợi ý, lừa bịp, nên khéo được ổn đinh, không bị lay chuyển, không bị khuấy động, được hoàn toàn trong sạch từ bản thể. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của nước nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước là được ổn định với bản thể mát lạnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên đầy đủ lòng nhẫn nại, từ ái và thương xót, có sự tầm cầu việc lợi ích, nên là người có lòng bi mẫn đối với tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của nước nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước làm vật không trong sạch trở thành trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập dầu là ở làng hay ở rừng, không nên có sự tranh tụng, không tạo cơ hội, trong mọi trường hợp, đối với thầy tế độ, đối với thầy dạy học, đối với các vị tương đương thầy dạy học. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của nước nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, nước được nhiêu người mong mỏi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là vi ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, có sự thiền tịnh, thường xuyên được tất cả thế gian mong mỏi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của nước nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước không đem lại sự bất lợi cho bất cứ người nào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên làm điều ác bằng thân, khẩu, ý, là nhân gây ra sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi, sự tham thiền bị bỏ bê, sự không thích thú đối với các người khác. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của nước

nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vị Trời nổi đến σBổn s/í"Kaa:"8 “Này Sakkā, vị chúa tể của tất cả chủng sinh, Ngài đã ban cho Ta đặc ân. Này Sakkā, mong rang việc đã làm bởi Ta bang tăm hoặc than không gây hại đến bất cứ người nào, vào bất cứ lúc nào. Này Sakkā cao quỷ, điều này là đặc ân^ “Câu hỏi về tính chất của nước" là thứ nhỉ.

3. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LỬA (Tejañgapañho) 1. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: “Nm tính chất của lửa nên được hành tri”, năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giông như lửa thiêu đót cỏ, củi, cành, lá. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với vị hành giả thiết tha tu tập, những phiền não nào ở bên trong hoặc bên ngoài, do sự tiếp nhận [của giác quan] ở đối tượng được ưa thích hay

không được ưa thích, tất cả các phiền não ấy nên được thiêu đốt bằng ngọn lửa trí tuệ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của lửa nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, lửa không có lòng trắc ẩn, không CÓ lòng thương xót. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiêt tha tu tập không nên thể hiện lòng thương xót hay trắc ẩn đối với tất cả các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của lửa nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, lửa hủy diệt sự mát lạnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm sanh lên ngọn lửa có sức nóng của sự tinh tấn rồi nên hủy diệt các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của lửa nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, lửa tạo ra sự nóng nực, và được thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên an trú với tâm ý tợ như lửa, được thoát ra khỏi Sự nuông chiêu hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ tư của lửa nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, lửa tiêu diệt bóng tôi, phô bày ánh sáng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi tiêu diệt bóng tối vô minh rồi nên phô bày ánh sáng của trí tuệ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của lửa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến trong khi giáo giới cho Râhula, người con trai của mình: “Này Rãhula, con hãy phát triến sự tu tập tương tợ lửa. Này Rãhuỉa, bởi vĩ đoi với người đang phát triển sự tu tập tương tợ lửa thì các pháp bất thiện chưa

8 Bổn sanh “An sĩ Kapha" (Kanhajātakam), số 440, TTPV, tập 32. (ND)

sanh khởi [sẽ] không sanh khởi, và các bất thiện pháp đã sanh khởi sẽ không chiếm cứ tâm và ton tạiy “Câu hỏi về tính chất của lửa59 là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA GIÓ (Vāyuñgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 6íNam tính chất của gió nên được hành trì59, năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như gió thổi vào bên trong cụm rừng đã khéo được trổ hoa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thích thú ở bên trong khu rừng các đối tượng [của đề mục thiền] đã được trổ bông hoa cao quý của sự giải thoát. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của gió nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, gió làm lay động các lùm cây cối mọc ở trái đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập đã đi vào bên trong khu rừng và trong khi đang suy xét về các pháp tạo tác thì nên làm lay động các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của gió nên được hành trì. 3 Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, gió đi lại ở không trung. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiêt tha tu tập nên khiên cho tâm ý hoạt động ở các pháp vượt trên thế gian. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của gió nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, gió thưởng thức mùi hương. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thưởng thức hương thơm về giới của bản thân. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của gió nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, gió là không chỗ ngụ,

không nhà ở. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên được giải thoát ở mọi nơi, không chỗ ngụ, không nhà ở, không thân thiết. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của gió nên được hành trì. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Kỉnh tập\ “Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triếty 6Câu hỏi về tính chất của gi6” là thứ tu*.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA NÚI (Pabbatañgapañho) ỉ. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: wNam tính chất của núi nên được hành tri”năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như núi không bi dao động, không thể bị lay độnệ, không có sự rúng động. Tâu Đại vương, txrơng tợ y như the, vị hành giả thiêt

tha tu tập về việc kính nể [hay] không kính nể, tôn vinh [hay] không tôn vinh, cung kính [hay] không cung kính, có danh tiếng [hay] không có danh tiếng, sự chê trách hay khen ngợi, an lạc hay khổ đau, được ưa thích hay không được ưa thích, trong mọi trường hợp, không nên luyến ái ở các vật gây luyến ái là các sắc, thinh, hương, vị? xúc, pháp, không nên sân ở các vật gây sân, không nên si mê ở các vật gây si mê, không bị lay động, không bi dao động, tợ như núi là không dao động. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ nhất của núi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:9 "Giong như tảng đá cứng rắn không lay chuyển bởi gió, tương tợ như thế các bậc trí không chao động giữa những sự chê khen, 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, núi là cứng rắn, không giao du với bất cứ cái gì. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên cứng cỏi, không nên giao du, không nên thực hiện việc giao tiếp với bất cứ ai. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của núi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời nổi đến:10 "Không gần gũi với cả hai hạng n^ười tại gia và hạng người xuất gia, không lai vãng các gia đình, ít ham muôn, ta gọi vị ây là Bà-la-mônу 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, hạt giông không phát triên ở núi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên để cho các phiền não phát triển ở tâm của mình. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của núi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Subhũti nói đến: “Khi nào tâm liên hệ đến ái luyến khởi lên ở tôi, sau khi tự bản thân quản xét, chỉ một mình tôi thuần hóa nó. Ngươi bi luyến ái ở các vật gây luyến ái, bi sân ở các vật gây san, bỉ si mê ở các vật gây si mê, ngươi hãy lìa khỏi khu rừng. Chỗ trú ngụ này dành cho các vi đạo sĩ khổ hạnh thanh tỉnh, không bi ô nhiễm, ngươi chớ làm ô uế sự thanh tịnh, ngươi hãy lìa khỏi khu rừng" 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, núi thì vươn lên cao. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên vươn lên cao nhờ vào trí tuệ. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ tư của núi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, VỊ Trời Vượt Trội Các Vi Trời nồi đến:11 "Vào lúc bậc sảng trí xua đi sự xao lãng bang sự không xao lãng, sau khỉ leo lên tòa lâu đài trí tuệ, không còn sầu muộn, nhìn xuống đám

người bi sầu

9 Dh. v. 81. ỈQDh. v. 404. 11 Dh. v. 28.

A 1 \ r , r r l \ Ấ muộn, tợ như người sảng suôt đứng ở ngọn núi nhìn xuồng những người ngu si đứng ở trên mặt đất." 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, núi không bị nhô lên không bị lõm xuống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên thể hiện sự hứng chí hay nản lòng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của núi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được nữ cư sĩ Cūlasubhaddā nói đến trong lúc công bố về pháp Sa-mon của mình: “Thể gian hứng chỉ vì lợi lộc, nản lòng vì không lợi lộc. Những vi đứng yên một chô dâu có lợi lộc hay không có lợi lộc, những vỉ như thê áy là những vỉ Sa-mon của t6i' “Câu hỏi về tính chất của nhi” là thứ năm.

6. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHÁT CỦA HƯ KHÔNG (Ākāsañgapañho) 1. - Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngai nói là: uNăm tính chất của hư không nên được hành năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như hư không là hoàn toàn không thể nắm được. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiêt tha tu tập nên là hoàn toàn không bị nắm được bởi các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của hư không nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hư không được các vị ẩn sĩ, đạo sĩ khổ hạnh, chúng sanh và các bầy chim thường lui tới. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên đê tâm thường lui tới ở các pháp tạo tác [nhận biết rằng]: “Là vô thường, khổ não, vô ngãL” Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của hư không nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, hư không sẽ gây ra sự run sợ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiêt tha tu tập nên làm cho tâm bị kinh động về sự tiếp nối tái sanh ở tát cả các cõi, không nên tạo ra sự khoái lạc. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ ba của hư không nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hư không là vô biên, vô lượng, không thể ước lượng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiết tha tu tập nên có giới hạnh vô biên, có trí tuệ vô lượng. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ tư của hư không nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hư không là không dính mắc, không bị bám víu, không bị dựa dẫm, không bị vướng bận. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là không dính mắc trong mọi trường hợp: về gia đình, đồ chúng, lợi lộc, chỗ ngụ, sự vướng bận, và tất cả các phiền não, nên là không bi bám víu, không bị dựa dẫm, không bị vướng bận. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ năm của hư không nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến trong khi giáo giới cho Râhula, người con trai của mình:

“Này Rāhulaf cũng giống như hư không không trụ lại ở bất cứ chỗ nào. Này Rãhula, tương tợy như thêf con hãy phát triên sự tu tập tương tợ hư không, Này Rãhula, bởi vì đổi với người đang phát triển sự tu tập tương tợ hư không, các xúc làm hài lòng, làm

thích ỷ đã được sanh đi sanh lại sẽ không chiếm cứ tâm và tồn tạiy “Câu hỏi về tính chất của hư không99 là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA MẶT TRĂNG (Candañgapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 64Năm tính chất của mặt trăng nên được hành tri”năm tính chất nên được hành trì ấy là các điểu nào? -Tâu Đại vương, giống như mặt trăng, trong khi mọc lên ở thượng huyền, phát triển thêm dần dần. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên phát triển thêm dần dần về tánh hạnh, giới đức, phận sự và pháp hành, về kinh điển và sự chứng đắc, về thiền tinh, về việc thiết lập niệm, về các quyên, vê trạng thái các giác quan được canh phòng, vê tính chát biêt vừa đủ trong vật thực, về việc gắn liền với sự tỉnh thức. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của mặt trăng nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, mặt trăng có sự nôi bật vĩ đại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiêt tha tu tập nên có sự nôi bật vĩ đại về ước muốn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của mặt trăng nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, mặt trăng di chuyên vào ban đêm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên ẩn dật. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của mặt trăng nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trăng có cung điện là biểu hiện. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có giới là biểu hiện. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của mặt trăng nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trăng mọc lên, [là vật] được yêu câu, được mong mỏi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiêt tha tu tập, đã được yêu cầu, đã được mong mỏi, nên đi đến các gia đình. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của mặt trăng nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tương ưng bộ quý báu: “Này các Tỳ-khưu, giống như mặt trăng các người hãy đi đến các gia đĩnh, hãy vô cùng dè dặt ve thân, hãy dè dặt ve tâm, luôn luôn là người mới ở các gia đình, không được thô tháoy í6Câu hỏi về tính chất của mặt trăng" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA MẶT TRỜI (Suriyañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà NgAi nói ỉa: 6íBảy tính chất của mạt trời nên được hành tii”bảy tính chát nên được hành trì ấy là các điếu nào? -Tâu Đại vương, giống như mặt trời khiến cho tất cả nước khô kiệt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm cho tất cả phiền não khô kiệt, không còn dư sót. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhát của mặt trời nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời tiêu diệt bóng đêm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tiêu diệt tất cả sự tối tăm của ái luyến, sự tối tăm của sân hận, sự tối tăm của si mê5 sự tối tăm của ngã mạn, sự tôi tăm của tà kiên, sự tôi tăm của phiên não, tát cả sự tôi tăm của các ác hạnh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của mặt trời nên được hành trì. 3 Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, mặt trời di chuyên một cách liên tục. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thực hiện sự tác ý đúng đường lối một cách liên tục. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba

của mặt trời nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời có vòng hoa ánh sáng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có vbng hoa là các đối tượng [của đề mục thiền]. Tâu Đại vương, điều này là tính chát thứ tư của mặt trời nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời di chuyển, trong khi sưởi ấm đám đông dân chúng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên sưởi ấm thế gian luôn cả chư thiên bằng tánh hạnh, giới đức, phận sự và pháp hành, bằng các thiền, các sự giải thoát, các tầng định, các sự chứng đạt, các quyền, các lực, các chi phần đưa đến giác ngộ, các sự thiết lập niệm, các chánh tinh tấn và các nền tảng của thần thông. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của mặt trời nên được hành trì. 6. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời di chuyển, bi lo sợ vì nỗi sợ hãi thần Râhu [hiện tượng nhật thực]. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên nhìn thấy các chúng sanh bi vướng víu vào các nết hạnh xấu xa, khổ cảnh, sự thành tựu của nghiệp không giống nhau và khó tránh né, đọa xứ vào mạng lưới phiền não, bị trói buộc vào sự chằng chịt của tà kiến, bị rơi vào đường lối sai trái, đang thực hành đạo lộ xấu xa, và nên làm cho tâm ý bị kinh động với nỗi kinh động và sợ hãi lớn lao. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ sáu của mặt trời nên được hành trì. 7. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, mặt trời giúp cho nhìn thây các sự việc tốt đẹp và xấu xa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên giúp cho nhìn thấy các quyền, các lực5 các chi phần đưa đen giác ngộ, các sự thiết lập niệm, các chánh tinh tấn, các nền tảng của thần thông, các pháp

thuộc thê gian và xuât thê gian. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ bảy của mặt trời nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Vañgasa nói đến: "Cũng giống như mặt trời, trong khỉ mọc lên, giúp cho nhìn thấy dảriẸ vóc của các loài sỉnh vật, sự trong sạch và luôn cả sự không trong sạch, sự tốt đẹp và luôn cả sự xấu xa. Tương tợ như thế, vi Tỳ-khiru có sự ghi nhớ về ^iáo pháp, giống như mặt trời dang mọc lên, giúp cho người bỉ vô minh che lâp nhìn thây con đường có nhiều lôiy “Câu hỏi về tính chất của mặt trời^ là thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA VỊ SAKKĀ (Sakkañgapañho) L-Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: í6Ba tính chất của vi Sakkā12 nên được hành tri'1 ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như vị Sakkā đạt được sự an lạc toàn diện. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thích thú với sự an lạc toàn diện của cuộc sống tách biệt. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhát của vị Sakkā nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vị Sakkā sau khi nhìn thấy chư thiên thì tiếp đón và tạo ra niềm vui [cho họ]. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tiếp đón cái tâm ý không trì trệ, không thụ đông, được an tịnh ở các thiện pháp, nên tạo ra niềm vui, nên khơi dậy, nên găng sức, nên nỗ lực. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ nhì của vị Sakkā nên được hành trì. 3 Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, sự bất mãn không sanh khởi ở vị Sakkā. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập ở căn

nhà trống vắng, không nên làm sanh khởi sự bất mãn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của vị Sakkā nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Subhũti nói đến: "Bạch đấng Đại Hùng, kể từ khỉ con đã được xuất gia trong giáo pháp của Ngài, con biêt chác chăn là không có ỷ nghĩ nào có liên hệ đên dục lạc đã được sanh khởi' í6Câu hỏi về tính chất của vi Sakkā" là thứ chín.

10. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA VỊ CHUYỂN LUÂN (Cakkavatyañgapañho) l. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 6íBốn tính chất của vi Chuyển Luân nên được hành tri"bốn tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

12 Sakka là tên của vị Thiên chủ, vị chúa của chư thiên, vị cai quản cõi trời Tāvatimsa. (ND)

-Tâu Đại vương, giông như vị Chuyên Luân thu phục người băng bôn việc thu phục. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thu phục, nên hỗ trợ, nên làm hài lòng tâm của bốn tập thể.13 Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của vị Chuyển Luân nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, bọn trộm cướp không nổi dậy ở trong lãnh địa của vị Chuyển Luân. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiêt tha tu tập không nên đê cho các ý nghĩ suy tâm vê ái dục, oán hận và hãm hại sanh khởi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của vị Chuyển Luân nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến: "Và người nào thích thủ trong sự yên tịnh của tư duy, tu tập về đề mục tử r thi, luôn luôn cỏ niệm, quả vây người ây sẽ thủ tiêu, người ây sẽ cát đứt sự trói buộc của Ma vươngy 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, vị Chuyên Luân ngày ngày di chuyển dọc theo đại địa cầu được bao bọc bởi biển cả, trong khi xem xét các việc thiện ác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập ngày ngày nên quán xét hành động của thân, hành động của khẩu và hành động của ý rằng: "C6 phải ngày trôi qua mà ta sẽ không có lỗi lầm do ba chỗ [thân, khẩu, y]?" Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của vị Chuyển Luân nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tăng chi bộ quý giá: "Bậc xuất gia nên thường xuyên quán xét răng: Ta đã như thê nào khi ngày và đêm trôi qua?" 4. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, vị Chuyên Luân có sự bảo vệ bên trong và bên ngoài khéo được bố trí. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiêt tha tu tập nên thiêt lập người gác công là niệm nhăm sự bảo vệ đối với các phiền não bên trong và bên ngoài. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của vị Chuyển Luân nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các VỊ Trời nói đến: "Này các Tỳ-khưuf có người gác công là niệm, vỉ Thánh đệ tử dứt bỏ bát thiện, phát triển thiện, dứt bỏ điều lầm lỗi, phát triển điều không lầm lỗi, gìn giữ bản thân trong s ạch y uCâu hỏi về tính chất của vị Chuyển Luân95 là thứ mười. Phẩm Đất là phẩm thứ ba.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY r "Đát, nước, lửa, gió, núi, hư không, mặt trăng, mặt trời, vị Sakkā và vị Chuyển Lu2n."

13 Bốn tập thể là tập thể Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cận sự nam và cận sự nữ. (ND)

IV PHẨM MÓI (UPACIKĀVAGGO)

1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI MÓI (Upacikañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 6íMột tính chất của loài mối nên được hành tri", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài mối sau khi thực hiện mái che ở phía trên và canh giữ bản thân, rồi di chuyển ở khu vực kiếm ăn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi thực hiện mái che là sự thu thúc về giới và canh giữ tâm ý9 rồi nên đi khất thực. Tâu Đại vương, với mái che là sự thu thúc vê giới, vị hành giả thiêt tha tu tập vượt qua tát cả sợ hãi. Tâu Đại vương, điêu này là một tính chát của loài môi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão upasena Vañgantaputta nói đến: "Vị hành giả, sau khỉ làm cho tâm có mái che là sự thu thúc về giới, không bỉ lam lem bởi the gian, và hoàn toàn thoát khỏi sự sợ hãi," "Câu hỏi về tính chất của loài m6i" là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI MÈO (Bilārañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của loài mèo nên được hành tri", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài mèo đi đến hang, đi đến hốc, đi đến ở bên trong tòa nhà dài và tìm kiếm chỉ mỗi loài chuột. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập đi đến làng, đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đên ngôi nhà trông, nên thường xuyên, liên tục, không xao lãng, tìm kiêm chỉ mỗi loại vật thực là niệm đặt ở thân. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài mèo nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài mèo tìm kiếm thức ăn chỉ ở khu vực lân cận. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên sông có sự quan sát trạng thái sanh và diệt ở chính năm thủ uân này: "Thế này là sắc, thế này là sự sanh lên của sắc? thế này là sự biến mất của sắc. Thế này là thọ, thế này là sự sanh lên của thọ, thế này là sự biến mất của thọ. Thế này là tưởng, thế này là sự sanh lên của tưởng, thế này là sự biến mất của tưởng. Thế này là các hành, thế này là sự sanh lên của các hành, thế này là sự biến mất của các hành. Thế này là thức, thế này là sự sanh lên của thức, thế này

là Sự biến mất của thức." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài mèo nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến: "[Sự giải thoát] là không xa nơi dây, vậy sẽ làm gì với cảnh giới tột cùng của hiện hữu? Theo cách diễn tả ở thời hiện tại, thì ngươi nên tìm hiểu thân the của mìnhy "Câu hỏi về tính chất của loài mèow là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHUỘT (Undūrañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "MQt tính chất của loài chuột nên được hành tri* một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài chuột, trong khi đi lại đó đây, di chuyển chỉ với mỗi ước muôn là vật thực. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập, trong khi đi lại đó đây, là chỉ với mỗi ước muốn

là sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài chuột nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão upasena Vañgantaputta nói đến: "Sau khỉ lấy giáo pháp làm chủ đạo, trong khi sống, vỉ hành minh sát sổng không biếng nhác, an tịnh, luôn luôn có niệmy uCâu hỏi về tính chất của loài chuột55 là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BÒ CẠP (Vicchikañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: íốMột tính chất của loài bò cạp nên được hành tri", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài bò cạp có cái đuôi là vũ khí, di chuyển sau khi đã nâng cái đuôi lên cao. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có trí tuệ là vũ khí, nên song sau khi đã nâng trí tuệ lên cao. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài bò cạp nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Ưpasena Vañgantaputta nói đến: "Sau khi cầm lấy thanh gươm trí tuệ, trong khi sổng, vị hành minh sát hoàn toàn giải thoát mọi sự sợ hãi, và vị ấy là khó khuất phục^ wCâu hỏi về tính chất của loài bò cạp59 là thứ tư.

5. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHỒN (Nakulañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 6íMột tính chất của loài chồn nên được hành tri", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giông như loài chôn, trong khi tiên đên gân con răn, thì nó phủ lên thân thể bằng một loại thuốc men rồi tiến đến gần để bắt con rắn.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành ệiầ thiêt tha tu tập nên bôi thoa tâm ý băng loại thuôc từ ái trong khi tiên đên gân thê gian có nhiêu sự giận dữ và va chạm, đã bị ngự tri bởi các cuộc cãi cọ, tranh luận, tranh cãi, chống đối. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của của loài chồn nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "J "Do đó, sự tu tập vê từ ái nên được thực hiện cho mình và cho luôn cả những người khác, nên tỏa khắp bang tám từ ải; điều này là lời dạy của chư Phậty "Câu hỏi về tính chất của loài chồn" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHÓ RỪNG GIÀ ựarasigâlaùgapaũho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của loài chó rừng già nên được hành tri", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài chó rừng già sau khi đạt được vật thực thì ăn vào cho đủ theo nhu cầu, không ghê tởm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đạt được vật thực thì thọ dụng chỉ vừa đủ cho việc duy trì cơ thể, không ghê tởm. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài chó rừng già nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Mahâkassapa nói đến:14 "Sau khi từ chỗ trủ ngụ đi xuổng, ta đã đi vào làng đe khất thực. Có người đàn ông bi cùi đang ăn, một cách nghiêm chỉnh ta đã đứng gần gã ấy. Người ây với bàn tay bị lở loét đã dâng vát cơm cho ta. Trong khi người ây 9 r , D A 9 X đê vát cơm vào, ngón tay của gã đã bi rụng xuổng

ở nơi ây, Và ta đã dựa vào chân của vách tường, rồi thọ dụng vắt cơm ấy, Ngay trong khi đang ăn, hoặc đã ăn xong, sự ghê tởm không có ở nơi tay 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài chó rừng già sau khi đạt được vật thực thì không xem xét: "Là tồi tàn hay hảo hạng." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đạt được vật thực thì không xem xét: uLà toi tàn, hay hảo hạng, là đay đủ5 hay không đầy dtr, nên hoan hỷ với vật đã nhận được. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài chó rưng già nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão upasena Vañgantaputta nói đến: “Nên hoan hỷ với vật dầu tồi tàn, không nên mong mỏi nhiều vỉ nếm khác. Đoi với vi bỉ thèm khát ở các vỉ nem, thì tâm không thích thú trong việc tham thiền. Vị tự biết đủ với bất cử vật này hay vật khác làm đầy đủ đời song Sa-mông 6'Câu hỏi về tính chất của loài chó rừng già" là thứ sáu.

14 TheragãthãpâỊi (Trưởng lão kệ), TTPV, tập 31, trang 243, các câu kệ 1059-61.

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NAI (Migañgapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: “Ba tính chất của loài nai nên được hành tri”, ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như loài nai ban ngày sống ở rừng, ban đêm ở khoảng không. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập ban ngày nên trú ở rừng, ban đêm ở khoảng không. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài nai nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở bài giảng về việc nổi da gà: “Này Sāriputta, Ta đây trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo vào thời điểm tuyết rơi, trong những đêm có trạng thải như the, ban đêm Ta trú ở khoảng không, ban ngày ở rừng rậm; vào thảng cuối của mùa nóng, ban ngày Ta trú ở khoảng không, ban đêm ở rừng rậmy 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài nai, khi cây thương hay mũi tên đang lao xuống thì tránh né, tẩu thoát, không đem thân lại gần. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập khi các phiền não đang giáng xuống thì nên tránh né. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài nai nên được hành trì. 3 Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, loài nai sau khi nhìn thây những con người thì tẩu thoát hướng này hoặc hướng khác [nghĩ rằng]: "Mong sao những người ấy chớ nhìn thấy ta." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiêt tha tu tập sau khi nhìn thây những kẻ thích thú với sự tụ hội, có thói quen xung đột, cãi cọ, tranh luận, tranh cãi, có giới tồi, biếng nhác, thì nên tẩu thoát hướng này hoặc hướng khác [nghĩ răng]: “Mong sao những người ây chớ nhìn thấy ta. Và mong sao ta chớ nhìn thấy hẹ)." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài nai nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vi Tướng quân Chánh pháp nói đen: "Vào bát cứ lúc nào và ở bát cứ nơi dâu, mong răng kẻ có ước muôn xâu xa, biếng nhác, có sự tỉnh tan kém cỏi, ít học hỏi, có hành vi sai trái, chớ đến gant0i.^]5 wCâu hỏi về tính chất của loài nap là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BÒ (Gorūpañgapañho) l. Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: wBốn tính chất của loài bò nên được hành tri”, bốn tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài bò không buông bỏ

chuồng của mình. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên buông bỏ thân của mình [nghĩ rằng]: "Thân này có pháp tự nhiên là vô thường, có sự kỳ

15 Apadãnapãḷi I (Thảnh nhân kỷ sự I), TTPV, tập 39, trang 55, câu kệ 364.

CỌ, xoa bóp, tan rã, phân tán, tiêu ho@i." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài bò nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài bò, đã nhận lãnh cái ách, vận chuyển cái ách một cách thoải mái hoặc khổ sở. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập đã nhận lãnh việc thực hành Phạm hạnh, nên thực hành Phạm hạnh một cách thoải mái hoặc khổ sở cho đến lúc chấm dứt mạng sống, đến điểm cuối cùng của hơi thở. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài bò nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài bò, trong khi khao khát, u6ng nước với sự ham muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, trong khi khao khát, nên tiếp nhận lời chỉ dạy của các vị thầy dạy học và thầy tế độ với sự ham muốn, với sự yêu quý, với sự tinh tín. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài bò nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài bò, trong khi bị người nào đó bắt vận chuyển vật gì, thì nó vận chuyển. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên cúi đau tiếp thu lời giáo huấn chỉ dạy của các vị Tỳ-khưu trưởng lão, mới tu, hoặc trung niên, thậm chí là của các người tại gia và các người cận sự. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ tư của loài bò nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: “Vị bảy tuổi tỉnh từ lúc sanh, đang được xuất gia vào ngày âyf nêu vỉ ây chỉ dạy tôif tôi [sẽ] tiếp nhận bằng đầu óc. Sau khi nhìn thây, tôi có thê thiêt lâp sự mong muôn sác bén và lòng yêu mên ở vỉ ây, Tôi có thê đặt vị ây ở vi thê thây dạy học một cách nghiêm chỉnh lan này lan khác"' 6'Câu hỏi về tính chất của loài b" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI HEO (Varāhañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 64Hai tính chất của loài heo nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, ệiống như loài heo, khi mùa nóng đã đến, khi bị đốt ri6ng bị nóng bỏng, thì đi đen gần chỗ có nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập khi tâm bị kích động, bi chao đảo, bị tán loạn, bi đốt nóng bởi sân hận thì nên tiến đến sự tu tập về từ ái mát lạnh, bất tử, hảo hạng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài heo nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài heo sau khi đi đến đầm nước lầy thì đào đất bằng cái mũi làm thành hố trũng rồi nằm ở hố trũng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên đặt thân vào ở tâm, [có tâm] đã đi vào bên trong đối tượng thì nên nằm xuống. Tâu Đại vương, điều

này là tính chất thứ nhì của loài heo nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Pindolabhāradvaj a nói đến: "Sau khi nhìn và xem xét bản thể ở

thân, vỉ hành minh sát, [có tâm] ở bên trong đối tượng, nằm xuổng môi một mình, không người thứ haiy “Câu hỏi về tính chất của loài heo” ỉa thứ chín.

10. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI VOI (Hatthiñgapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: 6iNam tính chất của loài voi nên được hành tri”năm tính chát nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như loài voi nghiền nát đất ngay trong khi đang di chuyển. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên nghiền nát tất cả phi^ì não ngay trong khi đang quán sát ve thân. Tâu Đại vuông, điều này là tính chất thứ nhất của loài voi nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài voi nhìn quay đi với cả toàn bộ thân hình, chỉ ngước nhìn thẳng, không nhìn soi mói hướng này hướng khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự nhìn quay đi với toàn bộ thân hình, không nên nhìn soi mói hướng này hướng khác, không nên ngước nhìn lên, không nên cúi nhìn xuống, nên có tầm nhìn khoảng cách bằng cái cày.16 Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ nhì của loài voi nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài voi có chỗ ngủ không cố định, sau khi đi đến chỗ kiếm ăn thì không đi đến tại khu vực ấy vì mục đích chỗ ngụ, nó không có chỗ trú ngụ được thiết lập dài hạn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có chỗ ngủ không cố định, nên đi khất thực với sự không lưu luyến. Nếu vị hành minh sát nhìn thấy chỗ ngụ vừa lòng, phù hợp ở khu vực thích y, là mái che, hoặc gốc cây, hoặc hang động, hoặc sườn núi, thì vi ấy nên đi đến chỗ trú ngụ ở ngay tai nơi ấy, không nên làm chỗ trú ngụ được thiết lập dài hạn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài voi nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài voi sau khi lặn xuống nước, sau khi lặn xuống hồ sen to lớn khổng lồ, được tràn đầy nước tinh khiết, không bợn nhơ, mát lạnh, được che phủ bởi các loài súng trăng, sen xanh, sen hông, sen trắng, rồi đùa giỡn trò chơi cao quý của loài voi Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, sau khi lặn xuống hồ sen to lớn là các sự thiêt lập niệm, được đây đủ nước cao quý là giáo pháp tinh khiêt, không bợn nhơ, trong sạch, không bị vẩn đục, được che phủ bởi bông hoa giải thoát, thì nên rũ xuông? nên rũ sạch các pháp tạo tác nhờ vào trí tuệ, nên đùa giỡn trò chơi cao quý của người hành giả thiết tha tu tập. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của loài voi nên được hành trì.

16 Nghĩa là nhìn phía trước trên mặt đất khoảng 2m. (ND)

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài voi dở bàn chân lên có niệm, đặt bàn chân xuống có niệm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên dở bàn chan lên có niệm có sự nhận biết rõ, đặt bàn chân xuống có niệm có sự nhận biết rõ, trong việc đi tới đi lui, trong việc co tay duỗi tay, nên có niệm có sự nhận biết rõ ở mọi nơi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của loài voi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến ở Tương ưng bộ cao quý:17 "Lành thay sự thu thúc thân! Lành thay sự thu thúc lời nói! Lành thay sự thu thúc ỷ! Lành thay sự thu thúc tất cả. Người có liêm si, đã phòng hộ tất cả, được gọi ỉa: Vị đã được bảo vệy 6'Câu hỏi về tính chất của loài voi” là thứ

mười. Phẩm Mối là phẩm thứ ba.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY "Loài mối, loài mèo, loài chuột, loài bò cạp, loài chồn, loài chó rừng già, loài nai, loài bò, loài heo và với loài voi là mười?5

17 Câu kệ này cũng được thấy ở Dh. v. 316.

V PHÀM SƯTỬ (SĨHAlớiGGƠ)

1. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI sư TỬ (Sīhañgapañho) ỉ. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 6íBảy tính chất của loài sư tử nên được hành tri"bảy tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống nhu loài sư tử là [con thú] màu vàng nhạt, trắng trẻo, không vết nhơ, trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có tâm màu vàng nhạt, trắng trẻo, không vết nhơ, trong sạch, nên xa lìa nỗi nghi hoặc. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài sư tử nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, loài sư tử có bôn chân, có sự đi lại hùng dũng. Tâu Đại vươnệ, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự thực hành vê bôn nên tảng của thân thông. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài sư tử nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử có bờm lông xinh đẹp, ưng ý. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên có bờm lông là giới, xinh đẹp, ưng ý. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ ba của loài sư tử nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử, dầu ở vào trường hợp chấm dứt mạng sống, cũng không hạ mình đối với bất cứ ai. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, dầu ở vào trường hợp chấm dứt các vật dụng về y phục vật thực chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh, cũng không nên hạ mình đối với bất cứ người nào. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của loài sư tử nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử có sự ăn vật thực theo tuần tự, [con mồi] rơi xuốnệ ở chỗ nào, thì nó ăn cho đủ theo nhu cầu ngay tại chỗ ấy, không chọn lựa phân thịt ngon nhất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên có vật thực theo tuần tự, không nên chọn lựa các gia đình, không nên đi đến các gia đình sau khi đã bỏ qua căn nhà trước đó, không nên chọn lựa thức ăn, vắt cơm được để xuốn^ ở chỗ nào thì nên thọ thực chỉ vừa đủ cho việc duy trì cơ thể ở ngay tại chỗ áy, không nên chọn lựa thức ăn cao sang. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của loài sư tử nên được hành trì.

6. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử có thói không ăn đồ ăn tích trữ, sau khi ăn ở khu vực kiếm ăn một lần thì không đi đến nơi ấy lần nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự không thọ dụng vật tích trữ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ sáu của loài sư tử nên được hành trì. 7. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử không lo âu do đã không đạt được thức ăn, còn khi đã đạt được thức ăn thì thọ dụng không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bi phạm tội. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập

không nên lo âu do đã không nhận được thức ăn, còn khi đã nhận được thức ăn thì nên thọ dụng không bị vướng mắc, không bi mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự thoát ly. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ bảy của loài sư tử nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tương ưng bộ cao quý trong khi tán dương Trưởng lão Mahâkassapa: “Này các Tỳ-khiruf vỉ Kassapa này tự biết đủ với đồ ăn khất thực loại này loại khác, là vị nói lời ca ngợi ve sự tự biết đủ với đo ăn khất thực loại này loại khác, không vì nguyên nhân đồ ăn khất thực mà phạm vào việc tầm cầu sai trải, không thích hợp, không lo âu do đã không nhận được thức ăn, và khi đã nhận được thức ăn thì thọ dụng khôn^ bi vướng mắc, không bi mê mẩn, không bỉ phạm tội, có sự nhìn thấy điêu bát lợi, có tuệ vê sự thoát lyy “Câu hỏi về tính chất của loài sư tủ*” là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NGÔNG Đỏ (Cakkavākañgapañho) 1. - Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: “Ba tính chất của loài ngỗng đỏ nên được hành tri”ba tính chất nên được hành trì ấy là các điêu nào? -Tâu Đại vương, giống như loài ngỗng đỏ cho đến lúc chấm dứt mạng sống không lìa bỏ bạn tình. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập cho đến lúc chấm dứt mạng sống không nên lìa bỏ sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài ngỗng đỏ nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài ngỗng đỏ có vật thực là rong rêu ở nước, và đạt được sự vừa lòng với điều ấy. Và nhờ vào sự vừa lòng ấy nó không suy giảm về sức lực và sắc đẹp. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thể hiện sự hài lòng với lợi lộc có được. Tâu Đại vương, được hài lòng với lợi lộc có được, vi hành giả thiết tha tu tập không suy giảm về giới, không suy giảm về định, không suy giảm về tuệ, không suy giảm về giải thoát, không suy giảm sự nhận thức về giải thoát, không suy giảm tất cả các thiện pháp. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài ngỗng đỏ nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, loài ngông đỏ không hãm hại các sinh mạng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập có gậy đã được bỏ xuống, có dao đã được bỏ xuống, cọ liêm sỉ, đã đạt được lòng trắc ẩn, có lòng thương tưởng đến sự lợi ích của tất cả các chủng loại có sinh mạng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài ngỗng đỏ nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Bổn sanh "Cakkav^ka:”i8 "Người nào không giêt hại, không bảo giêt hại, không thông tri, không bảo thống tri, do sự không hãm hại đổi với tất cả chúng sanh, người ấy không có oán thù với bất cứ cù." 6íCâu hỏi về tính chất của loài ngỗng d6” là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SẾU CÁI (Penāhikañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 6íHai tính chất của loài sếu cái nên được hành tri”hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài sếu cái không nuôi dưỡng các chim con vì sự ghen ghét với chồng của mình (sếu đực). Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên ghen ghét các phiền não đã

sanh lên ở tâm của mình, nên bỏ chúng vào cái hốc của sự thu thúc đúng đắn bằng sự thiết lập niệm, nên tu tập niệm đặt ở thân tại cánh cửa của ý (ý môn). Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài sếu cái nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sếu cái sau khi đi lại vào ban ngày ở khu vực kiếm ăn trong rừng, buổi chiều đi đến với bầy chim nhằm sự bảo vệ cho bản thân. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập nên lui tới nơi thanh vắng mỗi một mình nhằm sự giải thoát hoàn toàn khỏi các sự trói buộc, khi không còn thích thú nơi ấy thì nên trở về hội chúng nhằm hộ trì nỗi sợ hãi vì sự chê trách, và nên sống với sự bảo vệ của hội chúng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài sếu cái nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Phạm thiên Sahampati nói đến trong sự hiện diện của đúc Thế Tôn:18 19 "Nên lui tới các chô trủ ngụ xa văng. Nên thực hành việc thoát khỏi các sự trói buộc. Nêu không đạt được sự thích thú tại nơi ấy, thì nên sống ở hội chúng, bản thân được bảo vệ, có nỉệmy “Câu hỏi về tính chất của loài sếu cáiw là thứ ba.

18 Bổn sanh "Chim hồng hạc " (Cakkavākajātakain), số 434, TTP v, tập 32. (ND) 19 Theragāthāpāli (Trưởng lão kệ), TTP v, tập 31, trang 59, câu kệ 142, nhưng ghi là lời của Trưởng lão Mahācunda. (NỈ))

1134 KINH TIỂU BÔ

4. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI Bồ CÂU NHÀ (Gharakapotangapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 64Một tính chất của loài bồ câu nhà nên được hành trìw, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài bồ câu nhà, trong khi cư ngụ tại nhà của những người khác, không năm giữ đặc diêm của bát cứ đô đạc nào của họ? dửng dưng, sống có nhiều suy tưởng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập đi đến gia đình của người khác, không nên nắm giữ đặc điểm của những người nữ, hoặc của những người nam, hoặc [đặc điểm] ở giường, hoặc ở ghê, hoặc vê vải vóc, hoặc vê đô trang sức, hoặc vê vật tiêu khiên, hoặc vê vật sử dụng, hoặc vê nhiêu loại thức ăn ở gia đình ây, nên dửng dưng, nên thiêt lập sự suy tưởng của vi Sa-môn. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài bô câu nhà nên được hành trì. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thê Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Bổn sanh "Cūlanārada:,2° "Sau khỉ đi vào gia đình của người khác, nên ăn chừng mực^ nên dụng chừng mực về các thức uổng hoặc các thức ăn, không nên để tâm cảnh sắc" 46Câu hỏi về tính chất của loài bồ câu nhà” là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHIM cú (Ulūkañgapañho) ỉ. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: “Hai tính chất của loài chim củ nên được hành tri* hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài chim cú chống đối lại các con quạ, ban đêm đi đến bầy quạ, rồi còn giết chết nhiều con quạ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên the hiện sự chống đoi lại sự thiếu trí, nên ngôi xuống một mình ở nơi văng vẻ roi nên nghiên nát hoàn toàn sự thiêu trí, nên cắt đứt tận gốc rễ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài chim cú nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài chim cú là vô

cùng cô tịch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự ưa thích thiền tinh, được thích thú thiền tịnh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài chim cú nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tương ưng bô cao quý: "Này các Tỳ-khưuf ở đây vi Tỳ-khtm có sự ưa thích thiền tinh, được thích thủ thiên tinh, nhận biêt đủng theo thực thê răng: 'Đây là khônhận biêt đủng

20 Bản sanh "An sĩ Narada99 {Cullanāradajātakam). số 477, TTP v, tập 32. (ND)

theo thực thể rằng: 'Đây là nhân sanh khổnhận biết đúng theo thực thể rằng: * T T • r Ắ -I r 7 y

'Đáy tà SỊT diệt tận khônhận biêt đúng theo thực thê rang: 'Đây là sự thực hành đưa đen sự diệt tận kho y 66Câu hỏi về tính chất của loài chim cứ" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHIM GÕ KIẾN (Satapattañgapañho) Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: wMột tính chất của loài chim gõ kiến nên được hành tri* một tính chất nên được hành trì ấy là điều nao? -Tâu Đại vương, giống như loài chim gõ kiến kêu réo báo hiệu sự an toàn hoặc sợ hãi cho những kẻ khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập trong khi thuyết giảng giáo pháp cho những người khác nên chỉ cho thấy đọa xứ là sự sợ hãi, nên chỉ cho thấy Niết-bàn là sự an toàn. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài chim gổ kiến nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Pindolabhāradvāja nói đến: "ở địa ngục có sự sợ hãi và run sợ, ỞNỉết-bàn có sự an lạc bao la, vị hành giả nên chỉ cho thấy cả hai ỷ nghĩa nàyy 66Câu hỏi về tính chất của loài chim gõ kiến95 là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI DƠI {Vagagulyañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: í6Hai tính chất của loài doi nên được hành tri", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài dơi sau khi đi vào nhà, bay quanh, rồi đi ra, không chân chờ ở nơi ây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đi vào làng đe khất thực, nên đi theo tuần tự, khi đã nhận được phần thì rời khỏi thật nhanh chóng, không nên chần chờ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ nhát của loài dơi nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài dơi trong khi sống ở nhà của những người khác thì không làm việc phá hoại đến họ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đi đến những gia đình, không nên gây ra cho họ bất cứ điều gì hối tiếc do sự xin xỏ quá mức, hoặc do nhiều sự yêu cầu, hoặc do nhiều sự sai trái của thân, hoặc do trạng thái nói quá nhiều, hoặc do trạng thái của lạc và kho là tương đong, cũng không nên khiến họ bỏ bê công việc căn bản của họ, nên ước muốn chỉ mỗi sự tiến triển về mọi mặt. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài dơi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến ở Trường bộ quý báu, bài Kinh Lakkhana^x

21 D. III. 142, Kinh Tướng (Lakkhanasuttam), số 30.

Vì niêm tin, vì giới, vì sự nghe, vì sự thông minh, Vỉ sự xả thí, vì giáo pháp, vì các điều tốt đẹp, vì tài sản, vì lúa gạo và vì ruộng vườn đất đai, vì các con, vì những người vợ và vì các gia súc, vì các thân quyến, vì các bạn bè và vì các bà conf vĩ sức mạnh, vì sắc đẹp và vì sự an lạc ở cả hai trường hợp ước muốn: “Làm thê nào đê các kẻ khác không thoái hóa?" và còn mong mỏi vê sự thành tựu của mục đích. 6'Câu hỏi về tính chất của loài dơi” là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI ĐỈA (Jalūkañgapañho) -Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: “M0t tính chất của loài đỉa nền được hành tri”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài đỉa bám vào nơi nào thì bám chặt ngay tại nơi ấy rồi hút máu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên khiến cho đối tượng mà tâm bám vào được thiết lập một cách chắc chắn theo màu sắc, theo vị trí, theo phương hướng, theo khoảng cách, theo ranh giới, theo đặc điểm, theo dấu hiệu, rồi nhờ vào chính đối tượng ấy nên uống trọn vẹn vi chất của sự giải thoát. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài đỉa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Anuruddha nói đến: "Nên thiết lập ở đôi tượng băng tâm thanh tỉnh, nên uông vỉ chát trọn vẹn của sự giải thoát bang tăm ẩyy “Câu hỏi về tính chất của loài đỉa" ỉa thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RẮN (Sappañgapañho) L Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 66Ba tính chất của loài rắn nền được hành tri", ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giông như loài răn di chuyên băng ngực. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập nên cư xử bang tuệ. Tâu Đại vương, tâm của vị hành giả cư xử bằng tuệ di chuyển ở trong khuôn khổ, tránh xa hiện tướng sai trái, phát triển hiện tướng tốt đẹp. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài rắn nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa? loài rắn trong khi di chuyển thì di chuyển tránh xa loại dược thảo. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên hành xử, trong khi tránh xa ác hạnh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài răn nên được hành trì. 3 Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rắn sau khi nhìn thấy loài người thì bực bội, sầu muộn, suy nghĩ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi suy tàm về sự suy tầm xấu xa, sau khi làm sanh

khởi Sự không thích thú, nên bực bội, nên sầu muộn, nên suy nghĩ rằng: "Do ta bị xao lãng, mà ngày đã trôi qua. nó không thể đạt lại được nữa.^, Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài ran nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến ở Bổn sanh "Bhalltiya" về hai kinnara [loài có chim đầu người]:22 "Này người thợ săn, vào cái đêm chủng tôi đã song cách biệt, không như ỷ muốn, luôn tưởng nhớ nhau, r r r

cả một đêm áy, trong khi hôi tiêc, chủng tôi sầu muộn; đêm ẩy sẽ không có lần nữa." 6'Câu hỏi về tính chất của loài rắn55 là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI TRĂN (Ajagarañgapañho) Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: í6Một tính chất của loài trăn nên được hành tri", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài trăn có thân hình to lớn khổng lồ, thậm chí trong nhiều ngày có bao tử thiếu thon, hơn cả đáng thương, không đạt được vật thực làm đây bụng; mặc dâu không được đây đủ, nó tiêp tục sông dâu chỉ là duy trì cơ thể được tồn tại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với vị hành giả thiết tha tu tập bị ràng buộc với hạnh khất thực, bi đi đến với đồ ăn khất thực ở những người khác, là người trông đợi vật bố thí từ những người khác, đã từ bỏ việc tư mình đoạt lây, có vật thực làm đây bao tử là việc khó đạt được, thêm nữa người con trai gia đình danh giá có sự đeo đuổi mục đích nên ngưng không ăn bốn năm vắt cơm [sau cùng], và nên làm đầy chỗ trống còn lại [của bao tử] bằng nước. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài trăn nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vi Tướng quân Chánh pháp nói đến:23 Trong khi thọ dụng đồ ăn ướt và đồ ăn khô, không nên thỏa mãn một cách quả độ, Vị Tỳ-khicu du hành với bao tử thiếu thon, với vật thực chừng mực, có niệm. r r r Nên ngưng không ăn bôn, năm vát cơm [sau cùng] và nên uông nước. Vậy là đủ cho sự sống thoải mải đối với vỉ Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết." í6Câu hỏi về tính chất của loài trăn55 là thứ mười. Phẩm Sư tử là phẩm thứ năm.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY "Loài sư tử, loài ngỗng đỏ, loài sếu cái, loài bồ câu nhà, loài chim cú, loài chim gõ kiến, loài dơi, loài đỉa, loài rắn và loài trăn nữa, vì thế phẩm được đặt ten."

22 Bổn sanh "Vua Bhallātiya,, (Bhallātiyajātakam), số 504, TTP v, tập 33. (ND) 23 Theragāthāpāḷi (Trưởng lão kệ), TTPV, tập 31, trang 229, các câu kệ 982-83. (ND)

VI. PHẨM NHỆN (MAKKATAKAK4GGO)

ỉ. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NHỆN (Makkatakañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "MQt tính chất của loài nhện đường nên được hành tri"một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài nhện đường sau khi thực hiện tấm che bằng màng lưới nhện ở đường lộ, nếu ở tại nơi ấy có con sâu, hoặc con ruồi, hoặc con bọ rầy bị vướng vào mạng lưới, thì nó tóm lấy con vật ấy và ăn ngấu nghiến. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập sau khi thực hiện tấm che bằng màng lưới của sự thiết lập niệm ở sáu cánh cửa,24 nếu ở tại nơi ấy có những con ruồi phiền não bị bắt giữ thì nên bị tiêu diệt ngay tại chỗ ấy. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài nhện đường nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Anuruddha nói đen: "Nên kiểm soát tâm ở tại sáu cảnh cửa có sự thiết lập niệm cao quỷ tối thượng, nêu các phiên não bi vướng vào ở nơi ây, chúng nên bi tiêu diệt bởi vỉ hành minh sát." 6Câu hỏi về tính chất của loài nhện" là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA ĐỨA BÉ ĐEO BẦU vú (Thanassitadārakañgapañho) Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "MQt tính chất của đứa bé đeo bầu vú nên

được hành tri”một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như đứa bé đeo bầu vú bám vào nơi có sự lợi ích cho nó, khi có nhu cầu về sữa thì khóc lóc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên bám vào mục đích của mình, nên có trí tuệ của giáo pháp ở mọi trường hợp, ở việc đọc tụng, ở việc học hỏi, ở sự ra sức đúng đắn, ở việc tách ly, ở việc sống chung với vi thầy, ở việc thân cận với bạn tốt. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của đứa bé đeo bàu vú nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Trường bộ cao quý, bài Kinh Parinibbānā9.

24 Sáu cánh cửa: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. (ND)

"Này Ānanda, các ngươi hãy nỗ lực cho mục đích của mình, hãy gắn bó vào mục đích của mình, hãy sông không xao lãng, có nhiệt tâm, có bản tánh cương quyết về mục đích của mìnhy wCâu hỏi về tính chất của đứa bé đeo bầu vúw là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RÙA (Kummañgapañho) Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: uMột tính chất của loài rùa có đốm nên được hành tri”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài rùa có đốm di chuyển, tránh xa nước vì sợ nước, tuy nhiên do việc tránh xa nước ấy, vẫn không bị giảm thiểu về tuổi thọ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi ở việc xao lãng, nên có sự nhìn thấy nét đặc biệt của đức hạnh ở việc không xao lãng. Tuy nhiên, do trạng thái nhìn thấy nỗi sợ hãi ở việc xao lãng ấy, vẫn không bị suy giảm về bản thể Sa-m6n, vị ấy tiến đến gần chỗ kề cận Niết-bàn. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài rùa có đốm nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến ở Pháp c25 "Vị Tỳ-khưu thích thú trong việc không xao ldn& hoặc có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi ở việc xao lãng, không thể bi hư hỏng và ở ke cận chính Niết-bàny wCâu hỏi về tính chất của loài rùaw là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA KHU RỪNG (PavanaAgapaũho) ỉ. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngai nói là: 64Năm tính chất của khu rừng nên được hành trV\ năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như khu rừng che giấu người không trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên che đậy sự hư hỏng, sự lỗi lầm của những người khác, không nên bộc lộ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của khu rừng nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, khu rừng là trốnệ không về trường hợp nhiều người đông đúc. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập nên là trống không về luyến ái, sân hận, si mê? ngã mạn, mạng lưới tà kiến và tất cả các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của khu rừng nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, khu rừng là văng vẻ, không bị chen chúc người. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên tách biệt với các pháp ác, bất thiện, không cao thượng. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ ba của khu rừng nên được hành trì.

25 Dh. v. 32.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, khu rừng là yên tinh, trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là yên tịnh, trong sạch, nên là tịch tịnh, có ngã mạn đã được dứt bỏ, có sự đạo đức giả đã được dứt bỏ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của khu rừng nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, khu rừng là thân cận với những con người thánh thiện. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập nên thân cận với những con người thánh thiện. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của khu rừng nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tương ưng bộ cao quý: sổng với các bậc thảnh thiện, đã tách ly, có bản tánh cương quyết, có thiền chứng, với các bậc sảng trí thường xuyên ra sức tỉnh tẩny uCâu hỏi về tính chất của khu rừng" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA CÂY CỐI (Rukkhañgapañho) 1. - Thưa Ngài Năgasena, điều mà Ngài nói là: 6íBa tính chất của cây cối nên được hành tri", ba tính chất nên được hành trì ấy ỉa các điều nào? Tâu Đại vương, giống như cây cối có sự đơm hoa kết trái. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiết tha tu tập có sự đơm hoa là sự giải thoát và kết trái là bản thể Sa-môn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của cây cối nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cây cối cung cấp bóng che cho những người đã đi đen và đã tiến vào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tiếp đón với sự tiếp đón về vật chất hoặc là với sự tiếp đón về giáo pháp đối với những cá nhân đã đi đến và đã tiến vào. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của cây cối nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cây cối không làm sự phân biệt về bóng che. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên làm sự phân biệt đối với tất cả chúng sanh, nên thể hiện sự tu tập về từ ái thật sự bình đang đoi với những kẻ trộm cướp, những kẻ phá hoại, những kẻ đoi nghịch, cũng như đối với bản thân rằng: uLàm cách nào để các chúng sanh này có thể gìn giữ bản thân, không có thù oán, không có hãm hại, không có phiền phức, có sự an vui." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của cây côi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "Trong trường hợp kẻ phá hoại Devadatta, kẻ cướp có xâu chuỗi bằng ngón tay, con voi Dhanapãỉa và luôn cả [người con trai] Răhula, bậc Hiền trí là bình đang trong mọi trường hợp' "Câu hỏi về tính chất của cây cối^ là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CƠN MƯA (Meghañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: wNăm tính chất của cơn mưa nên được hành trì7 *9\ năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -* Tâu Đại vương, giống như cơn mưa làm lắng xuống bụi bặm đã sanh khởi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên làm lắng xuống bụi bặm phiền não đã sanh khởi. Tâu Đại vương, điều

này là tính chất thứ nhất của cơn mưa nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cơn mưa làm mát lạnh sức nóng của trái đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm mát lạnh thế gian luôn cả chư thiên bằng sự tu tập về từ ái. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của cơn mưa nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cơn mưa làm nảy mầm tất cả các loại hạt giống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên làm cho sanh khởi niềm tin của tất cả chúng sanh, nên gieo hạt giống niềm tin ấy ở ba sự thành tựu, ở sự thành tựu về cõi trời và loài người cho đến sự thành tựu về sự an lạc của chân lý tối thượng Niết-bàn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của cơn mưa nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cơn mưa phát khởi theo mùa bảo vệ các loài cỏ dại, cây cối, dây leo, bụi rậm, dược thảo, cổ thụ đang mọc ở bề mặt trái đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm sanh khởi sự tác ý, và với sự tác ý đúng đường lối ấy nên bảo vệ pháp Sa- môn. Tất cả các thiện pháp có gốc rễ ở sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của cơn mưa nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, cơn mưa trong khi đô mưa làm tràn đây các con sông, hô nước, đâm sen và các rãnh, các khe, các suôi, các hô, các giếng nước với những khối lượng nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên làm đổ xuống cơn mưa giáo pháp về kinh điển và pháp học, nên làm đay đủ tâm ý đoi với các ước muốn ve sự chứng đắc. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của cơn mưa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: “Sau khi nhìn thây chủng sanh có thê giác ngộ dâu ở cách trăm n^àn do- tuânf bậc Đại Hiền triết đi đen trong khoảnh khắc và giác ngộ người ấyy “Câu hỏi về tính chất của cơn mưa” là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẮT CỦA NGỌC MA-NI (Maniratanañgapañho) ỉ. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: “Năm tính chất của ngọc ma-ni nên được hành trì9\ năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

-Tâu Đại vương, giống như ngọc ma-ni là thuần túy trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiêt tha tu tập nên có sự nuôi mạng thuần túy trong sạch. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của ngọc ma-ni nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ngọc ma-ni không bị trộn lẫn với bát cứ vật gì. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiêt tha tu tập không nên bị trộn lẫn với các điều ác xấu, với các bạn bè ác xấu. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của ngọc ma-ni nên được hành trì. 3 Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ngọc ma-ni được xếp chung với các loại ngọc nguyên chát. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiêt tha tu tập nên sông chung với các bậc tri thức cao quý bậc nhát, nên sông chung với các vị đã đạt đạo, trú quả, có được quả Hữu học, với các ngọc ma-ni là các bậc Nhập lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán và các vị Sa-môn có ba minh, sáu thăng trí. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ ba của ngọc ma-ni nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến ở

Kỉnh tập:26 r "Là những người trong sạch, trong khi sông chung với những người trong sạch, hãy tỏ ra có sự kỉnh trọng lẫn nhau. Từ đóf có sự hợp nhất, chỉn chắn, các ĩ 9

ngươi sẽ thực hiện việc chăm dứt khô đau." uCâu hỏi về tính chất của ngọc ma-ni" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THỢ SĂN (Māgavikañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: ẾÍBốn tính chất của người thơ săn nên được hành tri"bốn tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như người thợ săn thì ít ngủ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên ít ngủ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người thợ săn nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người thợ săn thì trói buộc tâm chỉ ở các con thú. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên trói buộc tâm chỉ ở các đôi tượng [của đê mục thiên]. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ nhì của người thợ săn nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người thợ săn biết thời điểm của công việc. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vi hành giả thiêt tha nên biêt thời điểm của việc thiền tinh: "Giờ này là của thiền tịnh, giờ này là của việc xuất ly." Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ ba của người thợ săn nên được hành trì.

26 Suttanipãtapãịi (Kinh tập\ Cullavaggo (Tiếu phẩm), TTPV, tập 29, trang 88, câu kệ 285.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người thợ săn sau khi nhìn thấy con thú thì sanh khởi sự vui mừng rằng: "Ta sẽ đạt được con nay/9 Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha nên thích thú với các đối tượng [của đề mục thiền], nên sanh khởi sự vui mừng rằng: "Ta sẽ chứng đắc sự thành đạt hơn nữa.^, Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của người thợ săn nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Mogharāja nói đến: "Sau khi đạt được các đôi tượng [của đê mục thiên], vỉ Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết nên sanh khởi sự vui mừng hơn nữa rằng: 'Ta sẽ chứng đắc hơn nữa^ wCâu hỏi về tính chất của người thợ săn" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA NGƯỜI CÂU CÁ (Bālisikañgapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 6Hai tính chất của người câu cá nên được hành tri"hai tính chất nên được hành trì ấy là các điêu nào? -Tâu Đại vương, giống như người câu cá giật lên các con cá nhờ vào lưỡi câu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên giật lên các quả vị Sa-môn cao hơn nữa nhờ vào trí tuệ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người câu cá nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, người câu cá gây tôn thương vật nhỏ rồi đạt được lợi lớn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên buông bỏ số lượng tài vật thế gian nhỏ nhoi. Tâu Đại vương, sau khi buông bỏ số lượng tài vật thế gian nhỏ nhoi, vị hành giả thiết tha tu tập chứng đắc quả vi Sa-môn to lớn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của người câu cá nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Rãhula nói đến: "Sau khi từ bỏ vật chất the

gian, ngươi hãy đạt được không tánh, vô tướng, vô nguyện giải thoát, bon quả và sáu thắng trí' “Câu hỏi về tính chất của người câu cá55 là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THỢ Mộc (Tacchakañgapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: “Hai tính chất của người thợ mộc nên được hành tri”hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như người thợ mộc sau khi làm cho đúng đắn sợi chỉ đen rồi đẽo gọt khúc cây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm cho đúng đắn theo giáo pháp của đấng Chiến Thắng, nên đứng vững ở trái đất là giới, nên cầm lấy cái rìu trí tuệ bằng bàn tay đức tin, rồi

nên đẽo gọt các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người thợ mộc nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, người thợ mộc loại bỏ giác cây và chọn lấy lõi cây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tap nên loại bỏ các pháp có hình thức như là: Thường [kiến], đoạn [kiến], mạng song ấy thân thể ấy, mạng sống khác thân thể khác, cái ấy là tối thượng, cái khác là tối thượng, không làm không hình thành, không có sự tạo tác của con người, lối sống phi Phạm hạnh, sự hoại diệt của chúng sanh, sự tạo thành của chúng sanh mới, tính chất thường còn của các hành, người nào làm người ấy thọ hưởng, người khác làm người khác thọ hưởng, sự nhìn thấy quả của nghiệp và tà kiến ve quả của hành động; như vậy, sau khi loại bỏ các pháp có hình thức như thế ấy và luôn cả các đường lôi tranh cãi khác, nên chọn lây bản thể của các pháp tạo tác, là không tánh tuyệt đối, là không tánh tối cao không lực tác động, không bị chê trách. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của n^ười thợ mộc nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thê Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Kỉnh tập'}1 r 9

"Các ngươi hãy tông đi bụi bặm và hãy lùa bỏ rác rưởi, sau đó hãy đuôi đi những kẻ nói nhiều, những kẻ phi Sa-môn và những kẻ Sa-môn cao ngạo. Sau khi tống đi các ước muốn ác xấu, các thói quen và hành xứ xấu xaf là những người trong sạch, trong khi sổng chung với những người trong sạch, hãy tỏ ra có sự kỉnh trọng lan nhau' “Câu hỏi về tính chất của người thợ mộcw là thứ mười. Phẩm Nhện là phẩm thứ sáu.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY "Loài nhện, đứa bé, loài rùa, khu rừng và cây côi là thứ năm; cơn mưa, ngọc ma-ni, người thợ săn, người câu cá và thêm người thợ mQc."

27 Suttanỉpãtapâịi (Kinh tập), Cullavaggo (Tiểuphẩm)^ TTPV, tập 29, trang 89, các câu kệ 283-85.

vn. PHẨM CHUM NƯỚC (KUMBHAVAGGO)

1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CHUM Nước (Kumbhañgapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: uMột tính chất của chum nước nên được hành tri”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như chum nước đầy thì không làm thành tiếng vang. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết

tha tu tập sau khi đạt đến sự toàn hảo về kinh điển, về sự chứng đắc, về pháp học, về bản thể Sa- môn thì không nên làm thành tiếng vang, không nên thể hiện sự ngã mạn vì điều ấy, không nên phô bày sự kiêu ngạo, nên có sự ngã mạn được lắng xuống, nên có sự kiêu ngạo được lang xuống, nên thẳng than, không nói nhiều, không có sự khoe khoang. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của chum nước nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Kinh tập^ "Cái gì thiếu kem cải ấy làm thành tiếng vang, cải gì được đầy cải ấy thật yên tịnh. Kẻ ngu tương tợ cái chum rỗng, bậc sáng trí tợ như hồ nước đầy tràn r 6Câu hỏi về tính chất của chum nước59 là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA SẮT ĐEN (Kālāyasañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: uHai tính chất của sắt đen nên được hành tri", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như sắt đen hoạt động khi đã được tẩm nước đầy đủ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, tâm của vị hành giả thiêt tha tu tập hoạt động khi được găn chặt ở sự tác ý đúng đường lôi. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ nhất của sắt đen nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, săt đen một khi đã được tâm nước thì không loại bỏ nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, một khi niềm tin đã được sanh khởi rằng: "Bức Thế Tôn ấy là bậc Chánh Đẳng Giác cao cả, giáo pháp đã khéo được tuyên thuyết, hội chúng đã thực hành tốt dẹp", thì không nên để vuột mất lần nữa; một khi trí tuệ đã được sanh khởi răng: "Sác là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, các hành là vô thường, thức là vô thuơng", thì không nên để vuột mất lần nữa. Tâu

28 SuttanỉpãtapãỊi (Kinh tập), Cullavaggo (Tiểuphẩm), TTPV, tập 29, trang 227, câu kệ 724.

Đại vương, điêu này là tính chát thứ nhì của sát đen nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến: "Người đã được thanh tinh về sự nhận thức, vững chãi, biết được đặc điểm ở Thánh pháp, không bi lay chuyển về nhiều khía cạnh, và vỉ ấy có trạng thải đứng đầu so với tất cảy "Câu hỏi về tính chất của sắt dèn" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÁI LỌNG CHE (Chattañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài n6i là: "Ba tính chất của cái lọng che nên được hành trì"ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như cái lọng che di chuyển ở phía trên đầu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự di chuyển ở phía trên đầu của các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của cái lọng che nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cái lọng che là vật che chở cái đầu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có trạng thái che chở sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của cái lọng che nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cái lọng che ngăn cản gió, sức nóng và các cơn mưa từ

đám mây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, đối với các Sa-môn, Bà-la-môn phàm phu có tà kiến gồm nhiều loại, thì nên ngăn cản các làn gió suy nghĩ, sự đốt nóng của ngọn lửa gồm ba loại [tham, sân, si] và các cơn mưa phiền não của họ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của cái lọng che nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "Cũng giống như cái lọng che rộng lớn, không lỗ thủng, vững chãi, chắc chan che cản gió, sức nóng và những cơn mưa lớn từ trên trời. Y như thế ấy, người con trai của đức Phật, được trong sạch, cầm chiếc lọng che là giới, cản lại cơn mưa phiền não và ngọn lửa gồm ba loại có sự đốt nóngy uCâu hỏi về tính chất của cái lọng che" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA THỬA RUỘNG (Khettañgapañho) ỉ. - Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 6Ba tính chất của thửa ruộng nên được hành tri", ba tính chất nên được hành trì ấy ià các điều nào? Tâu Đại vương, giống như thửa ruộng có đầy đủ đường dẫn nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập nên có đay đủ đường lối về phận sự và công việc được hành xử tốt đẹp. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của thửa ruộng nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, thửa ruộng có đầy đủ bờ bao, và với bờ bao ấy bảo vệ nước và làm cho thóc lúa kết hạt. Tâu Đại vương, tươnệ tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có đầy đủ bờ bao về giới và sự ho thẹn tội lỗi, với bờ bao về giới và sự hổ thẹn tội loi ấy nên bảo vệ bản thể Sa- m6n, roi nên năm lây bôn quả vị Sa-môn. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ nhì của thửa ruộng nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, thửa ruộng có đầy đủ khả năng sản xuất, là nguồn sanh lên niềm vui cho người nông dân, hạt giống được gieo dầu ít mà đạt được nhiều, được gieo nhiều thì đạt được nhiều hơn. Tâu Đại vưcrng, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên có đầy đu khả năng sản xuất, có sự ban cho các quả báo lớn lao, nên là nguồn sanh lên niềm vui cho các thí chủ để rồi vật được bố thí ít trở thành nhiều vật được bố thí nhiều trở thành nhiều hơn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của thửa ruộng nên được hanh trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Ưpãli, vi rành rẽ ve Luật noi đen: "Nên giống như thửa ruộng có sự ban cho lớn lao về khả năng sản xuất, vị nào ban cho quả bảo lớn lao, vi ấy gọi là thửa ruộng cao quỷy "Câu hỏi về tính chất của thửa ruộng55 là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA THUỐC GIẢI Độc (Agadañgapañho) L - Thưa Ngài Nẫgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của thuốc giải độc nên được hành tri"hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như các con giòi khônệ tồn tại ở thuốc giải độc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiết tha tu tập không nên đê cho cácphi2n não tồn tại ở tâm. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của thuôc giải độc nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, thuôc giải độc ngăn chặn tát cả chất độc do đã bi cắn, bi chạm vào, bị ngộ độc, bi ăn vào, bi uống, bi nhai, bị nếm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên ngăn chặn tất cả chất độc luyến ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà

kiến. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của thuốc giải độc nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đen: "Với ước muốn nhìn thấy bản thể vày nghĩa của các pháp tạo tác, vi hành giả nên giong như thuốc giải độc trong việc tiêu trừ chất độc phiền não^ 6'Câu hỏi về tính chất của thuốc giải độc95 là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA VẬT THỰC (Bhojanañgapañho) ỉ. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: wBa tính chất của vật thực nên được hành trì9\ ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

Tâu Đại vương, giống như vật thực là sự nâng đỡ cho tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là sự nâng đỡ về đạo lộ cho tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của vật thực nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vật thực làm tăng trưởng sức mạnh của chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tăng trưởng sự phát triên của phước báu. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ nhì của vật thực nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, vật thực là được mong mỏi đôi với tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên được mong mỏi bởi tất cả thế gian. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của vật thực nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Mahāmoggallāna nói đến: "Nhờ vào sự thu thúc, nhờ vào sự kem chêf nhờ vào giới, nhờ vào sự thực hành, vi hành giả sẽ là được mong mỏi đối với tất cả thế gian." 66Câu hỏi về tính chất của vật thực95 là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI CUNG THỦ (Issāsañgapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 66Bốn tính chất của người cung thủ nên được hành tri", bốn tính chất nên được hành trì ấy là các điều nao? -Tâu Đại vương, giống như người cung thủ, trong khi bắn những mũi tên thì thiết lập vững chắc hai bàn chân ở trái đất, giữ đàu gối ngay thẳng, đặt bao tên ở that lưng, kìm cứng thân hình, nâng hai bàn tay lên ở chô tiêp xúc, kìm chặt năm tay, làm cho các ngón tay không có lô hông, nâng cô lên, khép lại măt và miệng, ngắm thẳng mục tiêu, làm sanh khởi niềm vui rằng: "Ta sẽ xuyên thủng.^, Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiêt tha tu tập nên thiêt lập hai bàn chân tinh tấn ở trái đất là giới, nên giữ sự kham nhẫn và khoan dung được ngay thẳng, nên đặt tâm ở sự phòng hộ? nên đưa bản thân vào sự thu thúc và sự kiềm chế, nên kìm chặt ước muốn và sự say đắm, nên làm cho tâm không có lỗ hổng ở sự tác ý đúng đường lối, nên nâng sự tinh tấn lên, nên khép lại sáu cánh cửa [giác quan], nên thiêt lập niệm, nên làm sanh khởi niêm vui răng: "Ta sẽ xuyên thủng tất cả phiền não bằng mũi tên trí tuệ." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người cung thủ nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, người cung thủ mang theo vật uôn thẳng để làm ngay thẳng cây tên bị cong, bi vẹo, bị quẹo. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên mang theo vật uốn thẳng là sự thiết lập niệm ở thân này để làm ngay thẳng cái tâm bị cong, bị vẹo, bi quẹo. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ nhì của người cung thủ nên được hành trì.

_ ỵ 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, người cung thủ chuyên chú ở mục tiêu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiêt tha tu tập nên chuyên chú ở thân này. Tâu Đại vương, vị hành giả thiết tha tu tập nên chuyên chú ở thân này như thế nào? Nên chuyên chú là vô thường, là cơn bệnh,... (nt)... là ghẻ, là mụt nhọt, là tai ương, là tật nguyền, là cái khác, là tiêu hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy hiểm, là thay đổi, là mảnh mai, là không bền, là không nơi nương tựa, là không nơi tru ẩn, là không nơi nương nhờ, là trạng thái không có nơi nương nhờ, là rông không, là trông không, là bát lợi, là không có lối, là gốc gác của tai ương, là kẻ giết hại, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác, là có bản chất sanh ra, là có bản chất già, là có bản chất bệnh, là có bản chất chết, là có bản chất sầu muộn, là có bản chất than vãn, là có bản chất thất vọng, là có bản chát phiên não. Tâu Đại vương, vị hành giả thiêt tha tu tập nên chuyên chú ở thân này như thế. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của người cung thủ nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, người thợ săn chuyên chú sáng chiêu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiêt tha tu tập nên chuyên chú ở đôi tượng [của đê mục thiên] sáng chiêu. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ tư của người thợ săn nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "Giông như người cung thủ chuyên chú sáng chiêu, trong khi không bê trê việc chuyên chủ, đạt được bữa ăn và tiên lương. Tương tợ y như thế, người con trai của đức Phật thực hành sự chuyên chú ở thân, trong khỉ không bê tre việc chuyên chú ở thân, chứng đắc phẩm vi A-la-hán^ 6Câu hỏi về tính chất của người cung thủ" là thứ bảy. Phẩm Chum nước là phẩm thứ bảy.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY , ỉ "Chum nước, sát đen, cái lọng che, thửa ruộng, thuôc giải độc, vật thực và người cung thủ, đã được các bậc hiểu biết nói đến." CÂU HỎI GIẢNG VÈ CÁC ví DỤ ĐƯỢC CHẤM DỨT.

ĐOẠN KÉT "Các câu hỏi của đức Vua Milinda được truyền đạt ở trong tập sách này gom có hai trăm sáu mươi hai câu hỏi, được chia thành hai mươi hai phẩm, thuộc về sáu chương, như vậy là đầy đủ. Tuy nhiên, còn có bốn mươi hai câu hỏi chưa được truyền đạt. Tổng cộng tất cả các câu hỏi đã được truyền đạt và chưa được truyền đạt là ba trăm lẻ bốn câu hỏi. Hết thảy tất cả được gọi tên là: 'Các câu hỏi của đức Vua Miỉinda? Vào lúc kết thúc các câu hỏi, các câu trả lời của đức Vua và vị Trưởng lão, đại địa cầu này, có phần đất rắn là tám mươi bốn trăm ngàn (tám triệu bốn trăm ngàn) do-tuần, được bao quanh bởi nước, đã rúng động theo sáu cách, các tia sét đã phóng ra, chư thiên đã đô xuông cơn mưa bông hoa thuộc cõi trời, Đại Phạm thiên đã thốt lời tán thán, ở giữa lòng đại dương đã có tiếng động lớn tợ như tiếng gầm của sấm ở đám mây đen. Như thế9 đức Vua Milinda ấy và đoàn hậu cung đã chắp tay cúi mình, đê đầu đảnh lễ. Đức Vua Milinda, có tâm mừng rỡ tột độ, đã trở thành người có sự hiểu biết về giáo pháp của đức Phật, không còn hoài nghi ở ba ngôi báu, thoát khỏi bụi rậm, không còn ương bướng, đã được tịnh tín tột độ ở các đức hạnh, ở sự xuất gia, ở sự khéo thực hành và bốn oai nghi của vị Trưởng lão, được tự tin, không còn mong câu, sự ngã mạn và kiêu ngạo đã được diệt trừ, tợ như răn chúa có răng nanh đã bị nhổ di, [đức Vua] đã

nói như vầy: 'Thưa Ngài Nâgasena, lành thay, lành thay! Các câu hỏi có liên quan đến đức Phật đã được Ngài trả lời. ở giáo pháp này của đức Phật, ngoại trừ Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, không có ai khác tương đương Ngài trong việc trả lời các câu hỏi. Thưa Ngài Nãgasena, xin Ngài chấp nhận trẫm là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.5 Từ đó, đức Vua cùng với các đội binh lính phục vụ cho Trưởng lão Nâgasena, cho xây dựng tu viện tên Milinda, sau đó dâng đến vị Trưởng lão, rồi hộ độ bốn món vật dụng đen Trưởng lão Nâgasena cùng với một trăm koíi [một tỷ] vị Tỳ- khưu là các bậc lậu tận. Thêm nữa, sau khi đã được tịnh tín đối với trí tuệ của vị Trưởng lão, sau khi đã trao lại vương quốc cho người con trai, đức Vua đã rời nhà xuất gia sống không nhà, đã làm tăng trưởng pháp minh sát và đã đạt được phẩm vị A-la-hán." Vì thế, đã được nói rằng: "Trí tuệ được ca tụng ở thế gian, việc thuyết giảng nhằm việc duy trì Chánh pháp, sau khi trừ diệt sự phân vân bang trí tuệ, các bậc sáng trí đạt được sự an tinh.

1152 KINH TIỂU Bộ

Trí tuệ đứng vững ở trên vai của người nào, ở người nào niệm không thiếu sót, người ấy chỉnh là bậc tối cao, vô thượng, nhận lãnh phần đặc biệt của sự củng dường. Chính vì thế, con người sáng trí, trong khỉ nhận thức về mục đích của bản thân, nên củng dường các bậc có trí tuệ, ví như cúng dường ngôi bảo tháp là nơi đáng được cúng dường"

"Vi Đại Trưởng lão tên Doni sống ở thành phổ Doni thuộc xứLankã đã viết lại [tập sách] đã được xếp đặt khéo léo theo như đã được nghe. Câu hỏi của đức Vua Milinda và câu trả lời của vi Nãgasena, bởi vì Miỉinda có trí tuệ lớn lao và vi Nãgasena vô cùng sáng trí \ r r Do việc làm phước thiện này, mong răng từ chôn này tôi đi đên cõi trời Đẩu-suất, và ở ngày vi lai tôi có thể gặp [đức Phật] Metteyya, và cỏ thể lẳng nghe giáo pháp toi thượng."

“MILINDA vAn ĐẠO95 Được CHẤM DỨT.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.